ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1833 /QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT- BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 969 /TTr-SNV ngày 15 tháng 4 năm 2020 về việc ban hành 03 Đề án tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông thuộc thành phố Hà Nội năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội năm 2020.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Đề án

1. Giao Sở Nội vụ tham mưu với UBND Thành phố thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội năm 2020; làm nhiệm vụ Thường trực Hội đồng, tham mưu tổ chức thực hiện Đề án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thanh tra Thành phố tham mưu với UBND Thành phố thành lập Ban Giám sát và chủ trì giám sát việc tổ chức thực hiện kỳ xét thăng hạng theo đúng quy định của pháp luật.

3. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND quận, huyện, thị xã tổ chức thẩm định hồ sơ và chịu trách nhiệm cử giáo viên có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng; phối hợp tổ chức thực hiện kỳ xét thăng hạng theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chánh Thanh tra Thành phố; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã; các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND TP;
- UBND TP: PCT TT Nguyễn Văn Sửu, PCT Ngô Văn Quý;
- VP UBND TP: CVP, PCVP-V.T.Anh; các phòng: NC, KGVX, TKBT;
- Lưu: VT, NC, SNV(9).

14324 - 11

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sửu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội năm 2020

(Kèm theo Quyết định số 1833 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

Phần I
CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015.

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010.

- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- Khoản 2 Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2016.

- Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12 /2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

- Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Công văn số 1655/BNV-CCVC ngày 31/3/2020 của Bộ Nội vụ về việc tổ chức nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Thông tư số 28/2017/TT- BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập.

- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự xét nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Các quy định của pháp luật hiện hành về chuẩn nghề nghiệp giáo viên; chuẩn hiệu trưởng các cơ sở giáo dục trung học phổ thông.

- Nghị Quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

- Quyết định số 4888/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã và Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Công văn số 6089/BGDĐT-CCVC ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi Bộ Nội vụ, Công văn số 4645/SGD&ĐT-GDTX-CN ngày 14/12/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

II. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Hiện nay, toàn Thành phố có tổng số 28.169 giáo viên mầm non và 25.091giáo viên tiểu học đang công tác trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND quận, huyện, thị xã và thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong những năm gần đây, thực hiện các quy định của pháp luật, Thành phố đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng các đề án về sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức cán bộ và cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và trình độ đào tạo của viên chức nhằm đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, phân công nhiệm vụ và quản lý viên chức theo vị trí việc làm đúng quy định. Đến nay, viên chức ngành giáo dục và đào tạo đã được chuyển xếp mã số và chức danh nghề nghiệp theo quy định mới.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập kèm theo Thông tư số

28/2017/TT- BGDĐT, trong đó hướng dẫn cụ thể việc tổ chức xét thăng hạng giáo viên từ hạng IV lên hạng III.

Việc xây dựng Đề án "Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội năm 2020" là cần thiết để góp phần nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ viên chức chuyên ngành giáo dục tại các cơ sở giáo dục của Thành phố, đáp ứng đúng yêu cầu công việc tại vị trí việc làm đang được phân công, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công về giáo dục bậc mầm non, tiểu học và thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên.

Phần II
MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

I. Mục tiêu của Đề án

Nhằm xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên đang làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học công lập thuộc Thành phố có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định được xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III, phù hợp với vị trí việc làm; qua đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học của Thành phố đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục Thủ đô trong giai đoạn hiện nay.

II. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi

Đề án này quy định việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III theo quy định của pháp luật đối với giáo viên mầm non, tiểu học các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc các sở (có cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học), UBND quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng

Viên chức chuyên ngành giáo dục, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (sau đây gọi chung là giáo viên), đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hạng IV theo quy định tại các Thông tư liên tịch số 20, số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học công lập, đang làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học công lập thuộc Thành phố, có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí việc làm phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III. Các chức danh nghề nghiệp hạng IV, cụ thể là:

- Giáo viên mầm non hạng IV, mã số V.07.02.06 (thăng hạng lên Giáo viên mầm non hạng III, mã số V.07.02.05);

- Giáo viên tiểu học hạng IV, mã số V.07.03.09 (thăng hạng lên Giáo viên tiểu học hạng III, mã số V.07.03.08).

Phần III
SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ NHU CẦU ĐĂNG KÝ DỰ THI THĂNG HẠNG

I. Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học thuộc các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội

1. Số lượng được giao và cơ cấu giáo viên theo chức danh nghề nghiệp

Tính đến ngày 28/02/2020, số lượng viên chức, công chức giữ chức danh nghề nghiệp:

- Giáo viên mầm non được giao trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND quận, huyện, thị xã và thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là 31.378 người.

- Giáo viên tiểu học được giao trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND quận, huyện, thị xã và thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là 26.869 người.

Theo quy định tại Quyết định số 4888/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã và Sở Giáo dục và Đào tạo, số lượng giáo viên mầm non, tiểu học nêu trên được xác định giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học hạng IV trở lên; viên chức trường Trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội được xác định giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III trở lên. Tuy nhiên, trong Quyết định Thành phố chưa xác định cơ cấu theo từng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên cụ thể

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành; căn cứ Khoản 2 Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2016; sau khi xem xét đề nghị của UBND quận, huyện, thị xã, Sở Giáo dục và Đào tạo và báo cáo của Sở Nội vụ, để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, UBND Thành phố thống nhất xác định cơ cấu viên chức theo các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học thuộc các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập của UBND quận, huyện, thị xã, Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2020 như sau:

* *Khối các đơn vị sự ngiệp giáo dục mầm non công lập thuộc Thành phố:* Tổng số viên chức, công chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non được giao là 31.378 người, cơ cấu viên chức giáo viên theo các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non trong năm 2020 gồm: 479 giáo viên mầm non hạng II; 20.507 giáo viên mầm non hạng III; 10.392 giáo viên mầm non hạng IV.

* *Khối các đơn vị sự ngiệp giáo dục tiểu học, phổ thông cơ sở công lập thuộc Thành phố:* Tổng số viên chức, công chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học được giao là 26.869 người; cơ cấu viên chức giáo viên theo các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học trong năm 2020 gồm: 6.489 giáo viên tiểu học hạng II; 14.352 giáo viên tiểu học hạng III; 6.028 giáo viên tiểu học hạng IV.

* *Khối sự nghiệp giáo dục khác thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:* trường Trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội:

- Có tổng số 03 viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, trước mắt xác định cơ cấu viên chức giáo viên theo các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non trong năm 2020 gồm: 01 giáo viên mầm non hạng II; 02 giáo viên mầm non hạng III.

- Có tổng số 02 viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học, trước mắt xác định cơ cấu viên chức giáo viên theo các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học trong năm 2020 gồm: 01 giáo viên tiểu học hạng II; 01 giáo viên tiểu học hạng III.

2. Số lượng, cơ cấu giáo viên hiện có theo chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học

2.1. Giáo viên mầm non

- Khối các cơ sở giáo dục mầm non công lập: Tổng số viên chức, công chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hiện có là 28.166 người, gồm: 175 giáo viên mầm non hạng II; 555 giáo viên mầm non hạng III; 27.376 giáo viên mầm non hạng IV.

- Khối sự nghiệp giáo dục khác thuộc Sở Giáo dục: Trường Trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội: Tổng số viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hiện có là 03 người, gồm: 01 giáo viên mầm non hạng III; 02 giáo viên mầm non hạng IV.

2.2. Giáo viên tiểu học

- *Khối các cơ sở giáo dục tiểu học, phổ thông cơ sở công lập:* Tổng số viên chức, công chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hiện có là 25.089 người, gồm: 4.332 giáo viên tiểu học hạng II; 6.996 giáo viên tiểu học hạng III; 13.643 giáo viên tiểu học hạng IV.

- Khối sự nghiệp giáo dục khác thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (trường Trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội): Tổng số viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hiện có là 02 người, gồm: 01 giáo viên tiểu học hạng III; 01 giáo viên tiểu học hạng IV.

II. Số lượng giáo viên mầm non, tiểu học hạng III còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm trong năm 2020

Căn cứ cơ cấu nhu cầu và thực trạng nêu trên, số lượng giáo viên mầm non, tiểu học hạng III còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm trong năm 2020 là 28.585 người, cụ thể:

1. Khối mầm non, tiểu học, phổ thông cơ sở công lập còn thiếu là 28.582 người

- Số lượng giáo viên mầm non hạng III còn thiếu là 20.099 người.

- Số lượng giáo viên tiểu học hạng III còn thiếu là 8.483 người.

2. Khối sự nghiệp giáo dục khác thuộc Sở Giáo dục (trường trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và trường bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội) xác định nhu cầu bố trí tổng số giáo viên tiểu học, mầm non hạng III còn thiếu là 03 người:

- Số lượng giáo viên mầm non hạng III còn thiếu là 02 người.

- Số lượng giáo viên tiểu học hạng III còn thiếu là 01 người.

Phần IV
TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG

I. Tiêu chuẩn, điều kiện

Giáo viên đăng ký dự xét thăng hạng khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Khi cơ sở giáo dục nơi viên chức giáo viên đang công tác có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học hạng III-hạng đăng ký dự xét thăng hạng và được Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện có văn bản cử tham dự kỳ thăng hạng.

2. Giáo viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 (ba) năm học liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ (các năm học: 2016- 2017, 2017-2018, 2018- 2019 và đến hết 17 giờ ngày 28 tháng 02 năm 2020); có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

3. Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo viên mầm non, tiểu học hạng III (tính đến 17 giờ 28/02/2020) quy định tại Điều 5 của Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV , Điều 5 của Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học công lập, trong đó có yêu cầu:

3.1. Tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học đối với giáo viên mầm non, tiểu học hạng IV dự xét thăng hạng lên hạng III, như sau:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 2 (A2) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT), hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B tương đương trình độ A2 (thực hiện theo Công văn số 6089/BGDĐT-CCVC ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi Bộ Nội vụ, Công văn số 4645/SGD&ĐT-GDTX-CN ngày 14/12/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học), hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với vị trí việc làm có yêu cầu tiếng dân tộc.

Giáo viên dạy ngoại ngữ phải có trình độ ngoại ngữ thứ hai đạt bậc 2 (A2) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ C, B1, B2, C1, C2; các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đã cấp, được công nhận và còn thời hạn sử dụng có giá trị thay thế trình độ bậc 2 quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

Bên cạnh đó, theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Công văn số 1655/BNV-CCVC ngày 31/3/2020: Giáo viên có các loại văn bằng sau đây thì đáp ứng đủ tiêu chuẩn, trình độ ngoại ngữ:

+ Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về ngoại ngữ;

+ Bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp thạc sĩ, tính từ ngày 15/4/2011 trở lại đây (theo quy định tại Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, trước khi bảo vệ luận văn phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3 trở lên theo khung Châu Âu);

+ Bằng tốt nghiệp tiến sĩ, tính từ ngày 22/6/2009 trở lại đây (theo quy định tại Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT trước khi bảo vệ luận án có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4 trở lên theo khung Châu Âu).

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT). Chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo quy định tại Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin). Đối với giáo viên đã được cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ trình độ sơ cấp nghề tin học ứng dụng, tin học văn phòng, tin học cơ sở.., mà thời gian, nội dung đào tạo, bồi dưỡng để cấp các chứng chỉ này tương đương với nội dung, thời gian bồi dưỡng để cấp chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A, B, C hoặc chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản thì được xác định đủ tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ tin học để được dự kỳ thăng hạng viên chức giáo viên năm 2020.

3.2. Tiêu chuẩn, điều kiện khác đối với Giáo viên mầm non hạng IV dự xét thăng hạng lên hạng III:

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non;

- Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non;

- Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;

- Tính đến thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ: Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non

hạng IV từ đủ 01 (một) năm trở lên; có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên trước thời điểm thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III.

* Tiêu chuẩn, điều kiện khác đối với giáo viên tiểu học hạng IV dự xét thăng hạng lên hạng III:

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục tiểu học;

- Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học;

- Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học;

- Thường xuyên vận dụng và có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

- Tính đến thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ: có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV từ đủ 01 (một) năm trở lên; có Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học hoặc cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên, thời điểm tốt nghiệp trước thời điểm thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III.

4. Trường hợp miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên

4.1. Giáo viên tính đến ngày 31/12/2020 (năm tổ chức xét thăng hạng), có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ thì được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp.

4.2. Trong trường hợp giáo viên thuộc tiểu mục 4.1 nêu trên có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

II. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

1. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của giáo viên

Hồ sơ đăng ký dự thăng hạng của giáo viên mầm non, tiểu học từ hạng IV lên hạng III, thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày

18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 12/2012/TT-BNV).

Hồ sơ được đựng trong túi bằng bìa cứng cỡ 25cm x 34cm, bên ngoài ghi rõ: Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng giáo viên mầm non (hoặc tiểu học) từ hạng IV lên hạng III năm 2020, họ và tên của người đăng ký dự xét, thống kê đầy đủ danh mục các giấy tờ có trong hồ sơ và số điện thoại cần liên hệ. Tài liệu trong hồ sơ sắp xếp theo đúng thứ tự sau đây, bao gồm:

1.1. Đơn đăng ký dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo mẫu).

1.2. Bản sơ yếu lý lịch của giáo viên có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý (theo mẫu sơ yếu lý lịch ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV).

1.3. Bản nhận xét, đánh giá giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm học liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ của Hiệu trưởng trường mầm non hoặc tiểu học công lập đối với giáo viên không giữ chức vụ quản lý hoặc của Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã, Giám đốc Sở đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (các năm học: 2016- 2017, 2017-2018, 2018- 2019 và đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2020, theo mẫu quy định).

1.4. Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III, tiểu học hạng III theo quy định, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực; (như đã liệt kê tại tiểu mục 3 mục I trên đây). Các loại văn bằng, chứng chỉ bằng tiếng nước ngoài phải được công chứng, dịch thuật sang Tiếng Việt.

Giấy xác nhận học bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam của cơ sở đào tạo đối với trường hợp tốt nghiệp đại học, sau đại học học bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam; Giấy xác nhận văn bằng được cấp bởi Trung tâm Công nhận văn bằng, Cục Quản lý chất lượng- Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường hợp tốt nghiệp đại học, sau đại học tại nước ngoài.

Các văn bằng, chứng chỉ, xác nhận khác chứng minh đủ điều kiện về trình độ ngoại ngữ, tin học và miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học (nếu có).

1.5. Bản sao: Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng hoặc quyết định tuyển dụng của cấp có thẩm quyền, hợp đồng làm việc đối với viên chức theo quy định của pháp luật; quyết định bổ nhiệm ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp hoặc các minh chứng khác để xác nhận thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên; thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên; quyết định tiếp nhận, điều động (nếu có); quyết định bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý (đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng); quyết định nâng bậc lương hiện hưởng;

1.6. Các loại văn bản, giấy tờ chứng minh thành tích trong quá trình công tác:

- Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc Quyết định hoặc Thông báo hoặc văn bản công nhận giáo viên mầm non dạy giỏi cấp trường trở lên (đối với giáo viên mầm non).

- Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc Quyết định hoặc Thông báo hoặc văn bản công nhận giáo viên tiểu học dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên (đối với giáo viên tiểu học).

1.7. Bản nhận xét và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III:

* Đối với giáo viên mầm non: Bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III:

- Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa tại các lớp bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp trường trở lên; hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

- Đề xuất các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ (khối) chuyên môn;

- Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học mầm non cấp trường trở lên;

- Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp trường trở lên; tham gia hướng dẫn, đánh giá thực tập sư phạm của sinh viên nếu có.

* Đối với giáo viên tiểu học: Bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III:

- Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên tiểu học hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới;

- Hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm hoặc hướng dẫn đồng nghiệp;

- Chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ, khối chuyên môn; viết sáng kiến kinh nghiệm; tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp cấp trường trở lên;

- Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên tiểu học từ cấp trường trở lên;

- Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách đội giỏi;

- Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh tiểu học từ cấp trường trở lên.

1.8. Biên bản và các minh chứng (nếu có) về các nội dung sau:

* Đối với giáo viên mầm non: Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau:

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non;

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non;

Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

* Đối với giáo viên tiểu học: Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau:

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục tiểu học;

- Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học;

- Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học;

- Thường xuyên vận dụng và có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên.

2. Trách nhiệm quản lý hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

2.1. Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (có cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, cơ sở bồi dưỡng chuyên ngành giáo dục trực thuộc) chịu trách nhiệm xét duyệt, thẩm định hồ sơ, cử giáo viên có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng theo quy định;

2.2. Giáo viên dự xét thăng hạng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự xét thăng hạng. Giáo viên sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp, kê khai không đúng sự thật để đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, khi bị phát hiện sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định và hủy kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

III. Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự xét thăng hạng

Trong thời gian xây dựng Đề án, đến ngày 28/02/2020, UBND các quận, huyện, thị xã, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có văn bản đăng ký nhu cầu chỉ tiêu

thăng hạng (số giáo viên hạng III còn thiếu theo yêu cầu vị trí việc làm, đã nêu tại mục II phần IV Đề án này), đồng thời xác định đủ tiêu chuẩn, điều kiện và cử *20.055* giáo viên mầm non, tiểu học hạng IV dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng IV lên hạng III, cụ thể như sau:

1. Khối mầm non, tiểu học, phổ thông cơ sở công lập có tổng số 20.053 giáo viên được cử dự thăng hạng, gồm:

- Có 13.983 giáo viên mầm non đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III.

- Có 6.070 giáo tiểu học đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng IV lên hạng III.

2. Khối sự nghiệp giáo dục khác thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (trường trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và Trường bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội) có 02 giáo viên mầm non đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

IV. Nội dung, hình thức xét thăng hạng, xác định người trúng tuyển

1. Nội dung, hình thức xét thăng hạng

Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mầm non, tiểu học từ giáo viên hạng IV lên giáo viên hạng III: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III của mỗi cấp học.

2. Cách tính điểm hồ sơ xét thăng hạng

2.1. Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

2.2. Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:

2.2.1. Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: 5,0 điểm;

2.2.2. Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;

2.2.3. Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm.

2.2.4. Quy định điểm chi tiết của từng tiêu chí tại phụ lục kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT và được nêu cụ thể tại phụ lục kèm theo Đề án này.

2.3. Điểm tăng thêm:

- Điểm tăng thêm được thực hiện đối với những trường hợp sau: Có trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định của hạng (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc tiểu mục 2.2.2 nêu trên); có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng; giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức), giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự

thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế và giáo viên có học sinh đoạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc tiểu mục 2.2.3 nêu trên);

- Điểm tăng thêm tính cho mỗi minh chứng của tiêu chuẩn, tiêu chí do Hội đồng xét thăng hạng quy định nhưng không vượt quá 5,0 điểm. Đối với những tiêu chuẩn, tiêu chí có nhiều minh chứng để tính điểm tăng thêm thì chỉ tính điểm tăng thêm cho minh chứng có giá trị cao nhất.

2.4. Đối với những trường hợp miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên quy định tại Điều 9 của Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT (đã nêu tại tiểu mục 4 phần I Đề án này) vẫn được tính điểm theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm.

3. Xác định người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả

3.1. Người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;

- Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT.

3.2. Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học được thông báo tới cá nhân, đơn vị tham dự kỳ xét chậm nhất sau 15 ngày làm việc, tính từ thời điểm hoàn thành kỳ xét thăng hạng.

3.3. Giáo viên không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2020 không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

V. Kinh phí, thời gian, địa điểm

1. Kinh phí

Kinh phí tổ chức thi thăng hạng thực hiện trích từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, UBND Thành phố đã giao cho Sở Nội vụ để tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Lệ phí dự xét được thu theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Nghị Quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

2. Thời gian tổ chức thực hiện

Bắt đầu từ tháng 4 năm 2020.

3. Địa điểm

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên có văn bản thông báo cụ thể về địa điểm tổ chức xét thăng hạng.

Phần V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Trách nhiệm của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng IV lên hạng III

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng IV lên hạng III năm 2020 có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 31 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các quy định pháp luật hiện hành:

1. Hội đồng xét thăng hạng do UBND Thành phố thành lập, dự kiến có 07 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Nội vụ; 01 Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là đại diện lãnh đạo Sở Nội vụ; 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo; 01 Ủy viên kiêm thư ký là Trưởng phòng Công chức, viên chức; 03 Ủy viên là công chức lãnh đạo thuộc Phòng Công chức, viên chức, Phòng Xây dựng chính quyền thuộc Sở Nội vụ, Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Hội đồng xét thăng hạng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

- Thông báo kế hoạch, nội quy, hình thức, nội dung, thời gian và địa điểm xét thăng hạng;

- Thông báo tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng;

- Tổ chức thu phí dự xét thăng hạng và sử dụng theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức thực hiện xét thăng hạng viên chức theo quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; Nội quy, quy chế xét thăng hạng ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 28/2017/TT- BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

- Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND Thành phố công nhận kết quả xét thăng hạng;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng theo quy định của pháp luật.

II. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố

1. Sở Nội vụ

Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng xét thăng hạng, có trách nhiệm:

- Tham mưu UBND Thành phố quyết định thành lập Hội đồng xét; đề nghị Hội đồng xét quyết định thành lập các ban giúp việc Hội đồng, thực hiện các công việc khác liên quan;

- Tiếp nhận, tổng hợp danh sách viên chức giáo viên đủ các tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng theo đề nghị của UBND quận, huyện, thị xã, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; trình UBND Thành phố phê duyệt danh sách giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện được các cơ quan, đơn vị cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên; kịp thời tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, trình Hội đồng xét thăng hạng, UBND Thành phố xem xét, xử lý, giải quyết đối với viên chức giáo viên không đủ các tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng trong quá trình tham mưu, tổ chức thực hiện Đề án;

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu, tổ chức kỳ xét thăng hạng theo quy định;

- Tham mưu, trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên;

- Thẩm định hồ sơ của giáo viên trúng tuyển kỳ xét thăng hạng, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hạng III, xếp lương đối với giáo viên trúng tuyển kỳ xét thăng hạng theo quy định;

- Báo cáo UBND Thành phố kết quả xét thăng hạng.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Cử công chức dự kiến tham gia Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo số lượng, thành phần quy định tại Đề án này, gửi Sở Nội vụ tổng hợp trình UBND Thành phố xem xét, quyết định.

- Thực hiện các nội dung như quy định tại tiểu mục 5 dưới đây.

3. Sở Tài chính

Bố trí kinh phí, hướng dẫn lập dự toán, quyết toán kinh phí phục vụ kỳ xét thăng hạng theo quy định.

4. Thanh tra Thành phố

Chủ trì trình UBND Thành phố quyết định thành lập Ban Giám sát và thực hiện giám sát kỳ xét thăng hạng đúng quy định.

5. UBND quận, huyện, thị xã

5.1. Căn cứ hướng dẫn của Hội đồng xét thăng hạng và của Sở Nội vụ:

- Chỉ đạo phòng Nội vụ chủ trì phối hợp phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục công lập phổ biến chi tiết Đề án, kế hoạch xét thăng hạng đến toàn thể giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý; chỉ đạo thực hiện đúng quy định việc tiếp

nhận, thu lệ phí đăng ký dự xét giúp Hội đồng, thẩm định hồ sơ, tổng hợp, lập danh sách giáo viên có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng;

- Căn cứ Quyết định của UBND Thành phố về việc phê duyệt Đề án và danh sách viên chức có đủ các kiện, tiêu chuẩn được cử dự xét thăng hạng, giúp Hội đồng xét thăng hạng thông báo các nội dung liên quan đến kỳ xét thăng hạng đến các đơn vị và viên chức có liên quan thuộc quyền quản lý;

- Chịu trách nhiệm về việc cử giáo viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn đi dự thăng hạng; tiếp tục rà soát, kiểm tra, thẩm định danh sách viên chức giáo viên có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đã được UBND cấp huyện lập danh sách cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên; trường hợp phát hiện viên chức không đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi, thì kịp thời báo cáo Hội đồng xét thăng hạng và UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét, xử lý, giải quyết theo quy định;

- Hoàn chỉnh, gửi hồ sơ của giáo viên trúng tuyển kỳ xét thăng hạng về Sở Nội vụ để được thẩm định và quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hạng III theo yêu cầu;

- Phối hợp Thường trực Hội đồng xét thăng hạng thực hiện các công việc khác liên quan;

- Lưu trữ hồ sơ theo quy định.

5.2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ của giáo viên đăng ký dự xét thăng hạng và báo cáo kết quả giải quyết về Sở Nội vụ để báo cáo UBND Thành phố (nếu có).

Trên đây là Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội năm 2020. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các sở, UBND quận, huyện, thị xã phản ánh về Sở Nội vụ (qua phòng Công chức, viên chức) để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, giải quyết./.

TỔNG CƠ CẤU, CHỈ TIÊU VÀ SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN ĐƯỢC CỬ DỰ THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II, TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020 CỦA TOÀN THÀNH PHỐ

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Vị trí việc làm	Đề xuất cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non năm 2020				Tổng số viên chức giáo viên (cả quản lý) hiện có	Số lượng viên chức theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hiện có trong biên chế				Cơ cấu trình độ đào tạo của giáo viên hiện có (thống kê theo trình độ cao nhất, ngành phù hợp)				Số viên chức giáo viên MN hạng II còn thiếu theo yêu cầu VTVL	Số viên chức giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng lên hạng II	Số viên chức giáo viên MN hạng III còn thiếu theo yêu cầu VTVL	Số viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng lên hạng III	Ghi chú
		Tổng số viên chức giáo viên (cả quản lý) được giao	Hạng II	Hạng III	Hạng IV		Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp, hạng khác (nếu có)	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
	Tổng số toàn TP	**31381**	**480**	**20509**	**10392**	**28169**	**175**	**556**	**27378**	**60**	**190**	**21671**	**3471**	**3869**	**305**	**148**	**20101**	**13985**	
I	Tổng số giáo viên thuộc ĐVSN mầm non công lập của toàn Thành phố	31378	479	20507	10392	28166	175	555	27376	60	188	21670	3471	3869	304	147	20099	13983	
II	Sự nghiệp GD khác thuộc Sở Giáo dục	3	1	2	0	3	0	1	2	0	2	1	0	0	1	1	2	2	
1	Trường Bồi dưỡng Cán bộ Giáo dục HN	2	1	1	0	2	0	1	1	0	1	1	0	0	1	1	1	1	
2	Trường Trung cấp SP Mẫu giáo - Nhà trẻ HN	1	0	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	1	1	

TỔNG CƠ CẤU, CHỈ TIÊU VÀ SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN ĐƯỢC CỬ DỰ THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II, TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020 CỦA TOÀN THÀNH PHỐ

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Vị trí việc làm	Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học năm 2020				Tổng số viên chức giáo viên (cả quản lý) hiện có	Số lượng viên chức theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hiện có trong biên chế				Cơ cấu trình độ đào tạo của giáo viên hiện có (thống kê theo trình độ cao nhất, ngành phù hợp)				Số viên chức giáo viên tiểu học hạng II còn thiếu theo yêu cầu VTVL	Số viên chức giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng lên hạng II	Số viên chức giáo viên tiểu học hạng III còn thiếu theo yêu cầu VTVL	Số viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng lên hạng III	Ghi chú
		Tổng số viên chức giáo viên (cả quản lý) được giao	Hạng II	Hạng III	Hạng IV		Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp, hạng khác (nếu có)	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
	Tổng số toàn TP	**26871**	**6490**	**14353**	**6028**	**25091**	**4332**	**6997**	**13644**	**117**	**438**	**15013**	**8822**	**814**	**2158**	**1116**	**8484**	**6070**	
I	Tổng số giáo viên thuộc ĐVSN tiểu học, phổ thông cơ sở công lập của toàn Thành phố	26869	6489	14352	6028	25089	4332	6996	13643	117	436	15013	8822	814	2157	1115	8483	6070	
II	Trường Bồi dưỡng Cán bộ Giáo dục HN thuộc Sở Giáo dục	2	1	1	0	2	0	1	1	0	2	0	0	0	1	1	1	0	

SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC CỦA TOÀN THÀNH PHỐ ĐƯỢC CỬ DỰ THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

STT	ĐƠN VỊ	Số lượng giáo viên mầm non	Số lượng giáo viên tiểu học
	Tổng số	**13985**	**6070**
1	Quận Ba Đình	150	163
2	Quận Hoàn Kiếm	253	98
3	Quận Đống Đa	224	192
4	Quận Hai Bà Trưng	232	156
5	Quận Cầu Giấy	384	191
6	Quận Tây Hồ	213	93
7	Quận Thanh Xuân	274	189
8	Quận Hoàng Mai	360	206
9	Quận Long Biên	538	342
10	Quận Hà Đông	557	256
11	Quận Bắc Từ Liêm	413	159
12	Nam Từ Liêm	236	97
13	Thị xã Sơn Tây	247	117
14	Huyện Gia Lâm	638	259
15	Huyện Đông Anh	928	302
16	Huyện Sóc Sơn	579	191
17	Huyện Thanh Trì	617	166
18	Huyện Ba Vì	751	429
19	Huyện Thạch Thất	532	235
20	Huyện Quốc Oai	525	168
21	Huyện Phúc Thọ	482	235
22	Huyện Đan Phượng	314	161
23	Hoài Đức	747	201
24	Huyện Chương Mỹ	579	268
25	Thanh Oai	319	158
26	Huyện Ứng Hòa	551	182
27	Huyện Mỹ Đức	535	200
28	Huyện Thường Tín	707	227
29	Huyện Phú Xuyên	591	201
30	Huyện Mê Linh	474	210
31	Sở Giáo dục và Đào tạo	35	18

Phụ lục

HƯỚNG DẪN MINH CHỨNG VÀ CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC CÔNG LẬP TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

I. Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học (từ hạng IV lên hạng III)

1. Nhiệm vụ (5,0 điểm)

Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III.

a) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên tiểu học hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới (1,5 điểm);

b) Hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm hoặc hướng dẫn đồng nghiệp (0,5 điểm);

c) Chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ, khối chuyên môn; viết sáng kiến kinh nghiệm; tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp cấp trường trở lên (1,5 điểm);

d) Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên tiểu học từ cấp trường trở lên (0,5 điểm);

đ) Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách đội giỏi (0,5 điểm);

e) Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh tiểu học từ cấp trường trở lên (0,5 điểm).

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học hoặc cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên (5 điểm);

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (5 điểm);

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ hai bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

b) Đề xuất các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ (khối) chuyên môn (2 điểm);

c) Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học mầm non cấp trường trở lên (0,5 điểm);

d) Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp trường trở lên; tham gia hướng dẫn, đánh giá thực tập sư phạm của sinh viên nếu có (0,5 điểm).

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên (5 điểm);

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (5 điểm);

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (5 điểm);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (5 điểm).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non (5 điểm);

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non (30 điểm);

Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ (20 điểm);

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên (15 điểm);

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng (trước đây là ngạch) hoặc các minh chứng khác để xác nhận của hiệu trưởng thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

Biểu mẫu 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND QUẬN BA ĐÌNH CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	Bùi Thị Thanh	Mai		04/08/1980	Giáo viên	TH Hoàng Diệu	01/01/2007	01/01/2007	31/03/2017	13 năm 2 tháng	3,46	V.07.03.09	Đại học	09/2006	x	Anh-C	x	x
2	Đặng Thị Hồng	Trang		14/05/1977	Giáo viên	TH Hoàng Diệu	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,46	V.07.03.09	Đại học	12/2004	x	Anh-C	x	x
3	Phạm Thị Thu	Hiền		10/05/1974	Giáo viên	TH Hoàng Diệu	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,46	V.07.03.09	Đại học	09/2005	x	Anh-C	x	x
4	Đỗ Thị	Nga		18/05/1981	Giáo viên	TH Hoàng Diệu	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.09	Đại học	06/2003	x	Anh-C	x	x
5	Đặng Ngọc	Tiến	22/10/1980		Giáo viên	TH Hoàng Diệu	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	06/2005	x	Anh-C	x	x
6	Nguyễn Thu	Trang		24/09/1981	Giáo viên	TH Hoàng Diệu	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.09	Đại học	09/2007	x	Anh-C	x	x
7	Nguyễn Thanh	Bình		29/11/1982	Giáo viên	TH Hoàng Diệu	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 4 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	06/2005	x	Anh-C	x	x
8	Phạm Thị	Hạnh		03/03/1980	Giáo viên	TH Hoàng Diệu	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3.26	V.07.03.09	Đại học	10/2008	x	Anh-C	x	x
9	Nguyễn Thị Thu	Hằng		15/11/1983	Giáo viên	TH Hoàng Diệu	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 4 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	06/2011	x	Anh-C	x	x
10	Lê Thị Sông	Thương		21/10/1979	Giáo viên	TH Hoàng Diệu	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 4 tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học	08/2008	x	Anh-C	x	x
11	Phan Thị Mai	Anh		16/06/1977	Giáo viên	TH Hoàng Diệu	01/11/2012	01/11/2012	31/03/2017	7 năm 4 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	09/2006	x	Anh-C	x	x
12	Nguyễn Thị Thanh	Huệ		22/05/1977	Giáo viên	TH Hoàng Diệu	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	03/2007	x	Anh-C	x	x
13	Nguyễn Thu	Trang		08/10/1985	Giáo viên	TH Hoàng Diệu	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng	08/2006	x	Anh-C	x	x
14	Hoàng Thị Thanh	Ngọc		06/03/1988	Giáo viên	TH Hoàng Diệu	01/12/2009	01/06/2010	31/03/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	05/2014	x	Anh-C	x	x
15	Mai Hồng	Anh		27/07/1993	Giáo viên	TH Hoàng Diệu	04/01/2016	01/7/2016	01/7/2016	3 năm 8 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2015	x	Anh-B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
16	Dương Thị Tú	Oanh		17/08/1972	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	Đại học	06/2007	x	ĐH	x	x
17	Đỗ Thị Hải	Yến		27/08/1973	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	10/2011	x	ĐH	x	x
18	Trương Thị Thu	Hằng		15/11/1976	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,66	V.07.03.09	Đại học	07/1999	x	Anh A2	x	x
19	Phạm Thi	Nga		03/04/1976	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/09/2008	01/08/2009	31/03/2017	10 năm 7 tháng	3,66	V.07.03.09	Đại học	12/2007	x	Anh B1	x	x
20	Đinh Thị	Hạnh		18/03/1976	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/11/1997	01/12/1998	31/03/2017	21 năm 3 tháng	3,86	V.07.03.09	Đại học	03/2008	x	Anh A2	x	x
21	Đinh Thị Minh	Huệ		04/04/1979	Giáo viên	TH Kim Đồng	15/10/2011	15/10/2011	31/03/2017	8 năm 5 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	11/2007	x	Anh A2	x	x
22	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt		20/07/1978	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/01/2007	01/01/2007	31/03/2017	12 năm 2 tháng	3,26	V.07.03.09	Đại học	07/2001	x	Anh A2	x	x
23	Hoàng Thị Thanh	Hương		08/01/1980	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	06/2011	x	Anh A2	x	x
24	Lê Phương	Huyền		09/11/1981	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	11/2007	x	Anh C	x	x
25	Trần Lan	Phương		13/11/1981	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/10/2014	01/10/2014	31/03/2017	5 năm 5 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học	02/2016	DH	Anh A2	x	x
26	Nguyễn Thị Thu	Hương		25/05/1980	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/01/2007	01/01/2007	31/03/2017	12 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	05/2015	x	Anh A2	x	x
27	Vũ Thị Hương	Giang		19/08/1982	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/07/2007	01/07/2007	31/03/2017	11 năm 8 tháng	3,26	V.07.03.09	Thạc sĩ	05/2011	x	Anh A2	x	x
28	Phạm Ngọc	Anh		20/01/1982	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	06/2011	x	Anh A2	x	x
29	Đặng Thị Ánh	Hồng		25/03/1983	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	Thạc sĩ	08/2015	x	Anh-B1	x	x
30	Chu Thị Diệu	Linh		01/12/1983	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	2,86	V.07.03.09	Thạc sĩ	04/2013	x	Anh C	x	x
31	Đặng Thu	Trang		18/03/1984	Giáo viên	TH Kim Đồng	15/10/2011	15/10/2011	31/03/2017	8 năm 5 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	01/2014	x	Anh A2	x	x
32	Đoàn Cẩm	Vân		18/11/1984	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/12/2013	01/12/2013	31/03/2017	6 năm 3 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học	10/2009	ĐH	Anh A2	x	x
33	Hoàng Thúy	An		06/03/1985	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	Thạc sĩ	03/2015	x	Anh-B1	x	x
34	Bùi Bích	Phượng		02/09/1984	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	Thạc sĩ	03/2015	x	Anh-B1	x	x
35	Nguyễn Thị	Châu		20/03/1985	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	05/2014	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
36	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		22/09/1986	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	08/2015	x	Anh A2	x	x
37	Nguyễn Lan	Ngọc		07/07/1988	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	05/2013	x	Anh A2	x	x
38	Bùi Thị	Hoài		01/11/1989	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/11/2012	01/11/2012	31/03/2017	7 năm 4 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học	05/2014	x	Anh-B	x	x
39	Vũ Huyền	My		03/08/1990	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/10/2014	01/06/2015	31/03/2017	4 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học	05/2015	x	Anh A2	x	x
40	Đinh Thị Bảo	Hiền		04/04/1992	Giáo viên	TH Kim Đồng	01/10/2014	01/04/2015	31/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2014	x	Anh A2	x	x
41	Trịnh Phương	Linh		26/10/1982	Phó Hiệu trưởng	TH Ngọc Khánh	01/08/2008	01/8/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	Thạc sĩ	04/2013	x	Anh C	x	x
42	Nguyễn Thị Minh	Châm		20/09/1980	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	01/01/2007	01/01/2007	31/03/2017	13 năm 2 tháng	3,46	V.07.03.09	Đại học	06/2007	x	Anh C	x	x
43	Chu Thị Kim	Dung		30/10/1980	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	11 năm 3 tháng	3,46	V.07.03.09	Đại học	06/2007	x	Anh C	x	x
44	Nguyễn Thùy	Dương		19/09/1988	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	05/2014	x	Anh C	x	x
45	Đinh Thị Mỹ	Hạnh		15/11/1978	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	4,46	V.07.03.09	Đại học	06/1999	x	Anh C	x	x
46	Nguyễn Thị Thu	Hiền		20/02/1981	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	26/11/2013	01/12/2013	31/03/2017	6 năm 3 tháng	2,46	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2002	x	Anh C	x	x
47	Phạm Thị Cẩm	Hồng		16/12/1977	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	01/01/2007	01/01/2007	31/03/2017	13 năm 2 tháng	3,66	V.07.03.09	Đại học	07/1999	x	Anh C	x	x
48	Lê Huy	Hùng	18/04/1982		Giáo viên	TH Ngọc Khánh	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	Đại học	02/2010	x	Anh C	x	x
49	Hoàng Thị	Huyền		08/12/1975	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	06/09/1996	06/03/1998	31/03/2017	22 năm	3,86	V.07.03.09	Đại học	06/2009	x	Anh C	x	x
50	Đặng Diệu	Linh		06/05/1972	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	Đại học	06/2007	x	Anh C	x	x
51	Nguyễn Thị Khánh	Ly		13/03/1991	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	01/10/2014	01/04/2015	31/03/2017	4 năm 11 tháng	2,06	V.07.03.09	Đại học	11/2016	x	Anh C	x	x
52	Võ Thúy	Ly		07/06/1992	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	04/01/2016	04/01/2016	04/01/2016	4 năm 2 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học	02/2016	x	Anh C	x	x
53	Ngô Thị	Mai		18/03/1989	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	26/11/2013	01/12/2013	31/03/2017	6 năm 3 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học	09/2011	x	Anh C	x	x
54	Đỗ Trà	My		26/12/1990	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	01/10/2014	01/4/2015	31/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học	06/2015	x	Anh C	x	x
55	Trần Kiều	My		07/02/1992	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	01/10/2014	01/10/2014	31/03/2017	5 năm 5 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học	06/2013	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
56	Hoàng Thị Thúy	Phương		03/04/1994	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	04/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 8 tháng	2,06	V.07.03.09	Đại học	07/2015	x	Anh C	x	x
57	Lương Thùy	Quỳnh		15/10/1987	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	01/12/2010	01/12/2010	20/04/2017	9 năm 3 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	12/2018	x	Anh C	x	x
58	Phạm Phương	Trí		08/02/1980	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	12/2016	x	Anh C	x	x
59	Lê Thị Hải	Yến		20/10/1982	Giáo viên	TH Ngọc Khánh	01/01/2008	01/01/2009	31/03/2017	11 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	Cao đẳng	07/2004	x	Anh C	x	x
60	Bùi Thị Ngọc	Lương		18/11/1977	Phó Hiệu trưởng	TH Thành Công A	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 07 tháng	3.06	V.07.03.09	Đại học	10/2011	x	Anh-B1	x	x
61	Lương Hồng	Mai		28/09/1978	Giáo viên	TH Thành Công A	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 03 tháng	3.26	V.07.03.09	Đại học	08/2008	x	Anh B	x	x
62	Lê Thị Hồng	An		20/04/1975	Giáo viên	TH Thành Công A	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 07 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	10/1999	x	Anh B	x	x
63	Trịnh Thị Thanh	Hằng		28/12/1971	Giáo viên	TH Thành Công A	01/01/2007	01/01/2007	31/03/2017	13 năm 02 tháng	3.46	V.07.03.09	Đại học	01/2009	x	Anh C	x	x
64	Nguyễn Ngọc	Anh		11/03/1982	Giáo viên	TH Thành Công A	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 07 tháng	3.06	V.07.03.09	Đại học	12/2007	x	Anh C	x	x
65	Nguyễn Thu	Trang		19/05/1981	Giáo viên	TH Thành Công A	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 03 tháng	3.26	V.07.03.09	Đại học	12/2007	x	Anh C	x	x
66	Từ Thị Bích	Ngọc		28/10/1984	Giáo viên	TH Thành Công A	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 03 tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học	06/2006	x	Anh C	x	x
67	Lê Thị Kim	Cúc		22/11/1976	Giáo viên	TH Thành Công A	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 07 tháng	3.66	V.07.03.09	Đại học	09/2006	x	Anh C	x	x
68	Nguyễn Khánh	Vân		01/09/1983	Giáo viên	TH Thành Công A	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 03 tháng	3.06	V.07.03.09	Đại học	06/2007	x	Anh-ĐH	x	x
69	Hồ Lan	Anh		12/03/1977	Giáo viên	TH Thành Công B	01/8/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,66	V.07.03.09	Đại học	07/1999	x	Anh Bậc 3	x	x
70	Nguyễn Linh	Chi		26/11/1981	Giáo viên	TH Thành Công B	01/8/2008	01/8/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	06/2005	x	Anh C	x	x
71	Bùi Thùy	Dung		20/07/1988	Giáo viên	TH Thành Công B	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	05/2014	x	Anh B1	x	x
72	Nguyễn Thị	Đào		12/10/1983	Giáo viên	TH Thành Công B	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	Thạc sĩ	04/2013	x	Pháp CĐ	x	x
73	Trần Thị Hương	Giang		07/01/1979	Giáo viên	TH Thành Công B	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	Thạc sĩ	04/2013	x	Anh C	x	x
74	Trần Thị Thu	Hà		15/05/1986	Giáo viên	TH Thành Công B	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	06/2011	x	Anh C	x	x
75	Nguyễn Thu	Hà		26/03/1986	Giáo viên	TH Thành Công B	01/08/2008	01/02/2009	31/03/2017	11 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2007	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
76	Quách Minh	Hằng		07/10/1977	Giáo viên	TH Thành Công B	01/01/2010	01/01/2010	31/03/2017	10 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học	07/2000	x	Anh - A2	x	x
77	Đoàn Thị	Hiếu		19/08/1978	Giáo viên	TH Thành Công B	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	07/2000	x	Anh - C	x	x
78	Đặng Xuân	Hoàn	27/05/1975		Giáo viên	TH Thành Công B	01/8/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,66	V.07.03.09	Đại học	12/2015	x	Anh - C	x	x
79	Nguyễn Thị Thu	Huyền		09/01/1976	Giáo viên	TH Thành Công B	15/10/2011	15/10/2011	31/03/2017	8 năm 5 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	06/1998	x	Anh - C	x	x
80	Phạm Văn	Kê	07/04/1984		Giáo viên	TH Thành Công B	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	07/2011	x	Anh - C	x	x
81	Trương Thị Bích	Liên		26/02/1978	Giáo viên	TH Thành Công B	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,46	V.07.03.09	Đại học	07/2003	x	Anh - C	x	x
82	Trần Hương Diễm	My		02/12/1994	Giáo viên	TH Thành Công B	04/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 8 tháng	2,06	V.07.03.09	Đại học	5/2018	x	Anh - B	x	x
83	Nguyễn Hồng	Ngọc		01/08/1989	Giáo viên	TH Thành Công B	1/11/2012	01/11/2012	31/03/2017	7 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	05/2014	x	Anh - C	x	x
84	Đặng Thúy	Quỳnh		04/11/1982	Giáo viên	TH Thành Công B	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	03/2009	x	Anh - C	x	x
85	Đào Thị Lan	Thanh		10/04/1987	Giáo viên	TH Thành Công B	15/10/2011	15/10/2011	31/03/2017	8 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	06/2010	x	Anh - Bậc 3	x	x
86	Đỗ Thị Phương	Thảo		14/12/1986	Giáo viên	TH Thành Công B	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	Thạc sĩ	04/2013	x	Anh - C	x	x
87	Nguyễn Diệu	Thúy.		05/12/1976	Giáo viên	TH Thành Công B	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	03/2009	x	Nga ĐH	x	x
88	Lê Thu	Trang		24/10/1977	Giáo viên	TH Thành Công B	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	3,66	V.07.03.09	Thạc sĩ	07/1999	x	Anh - A2	x	x
89	Đào Ngọc	Yến		14/07/1992	Giáo viên	TH Thành Công B	04/01/2016	01/01/2016	31/03/2017	4 năm 2 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học	05/2014	x	Anh - B	x	x
90	Phạm Quỳnh	Châu		24/01/1989	Giáo viên	TH Việt Nam - Cu Ba	01/12/2013	01/12/2013	31/03/2017	6 năm 3 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	08/2009	x	Anh C	x	x
91	Trần Thị Bạch	Diệp		25/12/1978	Giáo viên	TH Việt Nam - Cu Ba	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	07/2000	x	Anh-ĐH	x	x
92	Nguyễn Thị Thanh	Hoa		17/01/1984	Giáo viên	TH Việt Nam - Cu Ba	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	07/2004	x	Anh C	x	x
93	Nguyễn Thị Thúy	Hòa		22/08/1978	Giáo viên	TH Việt Nam - Cu Ba	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	10/1999	x	Anh C	x	x
94	Nguyễn Thanh	Nga		30/07/1979	Giáo viên	TH Việt Nam - Cu Ba	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	06/2001	x	Anh C	x	x
95	Nguyễn Ngọc	Quỳnh		07/07/1986	Giáo viên	TH Việt Nam - Cu Ba	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	07/2008	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đã tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
96	Đỗ Diệu	Thúy		20/05/1983	Giáo viên	TH Việt Nam - Cu Ba	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	Thạc sĩ	06/2005	x	Anh C	x	x
97	Đặng Anh	Thư		08/09/1984	Giáo viên	TH Việt Nam - Cu Ba	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	06/2005	x	Anh C	x	x
98	Trần Thị Kiều	Trang		11/12/1982	Giáo viên	TH Việt Nam - Cu Ba	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	08/2006	x	Anh C	x	x
99	Lê Hải	Yến		17/05/1988	Giáo viên	TH Việt Nam - Cu Ba	15/10/2011	15/10/2011	31/03/2017	8 năm 5 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	08/2009	x	Anh C	x	x
100	Lê Thị Tuyết	Nga		14/11/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Đại Yên	08/08/2008	01/02/2009	31/03/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng	08/2003	x	Anh B1	x	x
101	Lý Thị	Lan		02/02/1972	Giáo viên	TH Đại Yên	05/01/1994	05/01/1994	31/03/2017	26 năm 2 tháng	4.06 + VK 8%	V.07.03.09	Đại học	11/2012	x	Anh C	x	x
102	Nguyễn Thị Thanh	Hà		03/11/1980	Giáo viên	TH Đại Yên	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	3.26	V.07.03.09	Cao đẳng	10/2002	x	Anh B	x	x
103	Trần Thu	Trang		30/08/1986	Giáo viên	TH Đại Yên	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2007	x	Anh B	x	x
104	Bùi Hồng	Minh		09/02/1980	Giáo viên	TH Ba Đình	01/01/2007	01/07/2007	31/03/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	Đại học	06/2000	x	Anh C	x	x
105	Bùi Thương	Huyền		16/01/1976	Giáo viên	TH Ba Đình	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3.46	V.07.03.09	Đại học	06/1995	x	Anh C	x	x
106	Vũ Phương	Ly		22/04/1992	Giáo viên	TH Ba Đình	01/10/2014	01/10/2014	31/03/2017	5 năm 5 tháng	2.26	V.07.03.09	Đại học	06/2013	x	Anh C	x	x
107	Nguyễn Minh	Ngọc		04/10/1980	Giáo viên	TH Hoàng Hoa Thám	01/01/2007	01/01/2007	31/03/2017	13 năm 2 tháng	3,26	V.07.03.09	Đại học	10/2006	x	Anh -C	x	x
108	Đỗ Thị	Nguyệt		31/10/1981	Giáo viên	TH Hoàng Hoa Thám	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	04/2013	x	Anh -C	x	x
109	Đỗ Hải	Hà		01/10/1988	Giáo viên	TH Hoàng Hoa Thám	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	05/2013	x	Anh -C	x	x
110	Đỗ Thanh	Thủy		08/11/1979	Giáo viên	TH Hoàng Hoa Thám	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	Thạc sĩ	04/2013	x	Anh -C	x	x
111	Đinh Thị	Nga		18/08/1976	Giáo viên	TH Hoàng Hoa Thám	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	3,66	V.07.03.09	Đại học	07/1999	x	Anh -C	x	x
112	Nguyễn Thị	Nhàn		13/11/1975	Giáo viên	TH Hoàng Hoa Thám	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	3,26	V.07.03.09	Đại học	06/1997	x	Anh -C	x	x
113	Nguyễn Quỳnh	Hoa		04/01/1982	Giáo viên	TH Hoàng Hoa Thám	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	06/2011	x	Anh -C	x	x
114	Nguyễn Văn	Anh		12/05/1973	Giáo viên	TH Hoàng Hoa Thám	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,46	V.07.03.09	Đại học	09/2006	x	Anh-ĐH	x	x
115	Bùi Thị Mai	Ngân		01/12/1980	Giáo viên	TH Hoàng Hoa Thám	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	08/2008	x	Anh -C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
116	Hoàng Thu	Hà		08/11/1980	Giáo viên	TH Hoàng Hoa Thám	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	Đại học	10/2006	x	Anh -C	x	x
117	Nguyễn Thanh	Nhàn		07/04/1977	Giáo viên	TH Hoàng Hoa Thám	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	08/2001	x	Nga ĐH	x	x
118	Đỗ Đình	Thu	03/05/1986		Giáo viên	TH Hoàng Hoa Thám	01/11/2010	01/11/2010	31/3/2017	9 năm 4 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	08/2013	x	Anh -C	x	x
119	Vũ Thị	Hoa		21/06/1983	Giáo viên	TH Hoàng Hoa Thám	01/06/2010	01/06/2010	31/3/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng	11/2004	x	Anh -C	x	x
120	Hoàng Thị	Tiền		28/02/1988	Giáo viên	TH Hoàng Hoa Thám	01/12/2013	01/06/2014	31/03/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học	09/2010	ĐH	Anh -C	x	x
121	Phạm Ngọc	Tú	15/12/1986		Giáo viên	TH Hoàng Hoa Thám	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	Cao đẳng	08/2007	x	Anh -C	x	x
122	Nguyễn Thúy	Điệp		06/06/1980	Giáo viên	TH Nghĩa Dũng	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 03 tháng	3.06	V.07.03.09	Đại học	11/2009	x	Anh-C	x	x
123	Lê Thị Na	Sa		26/09/1984	Giáo viên	TH Nghĩa Dũng	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 03 tháng	2.86	V.07.03.09	Thạc sĩ	03/2019	x	Anh Bậc 3	x	x
124	Phạm Thu	Huyền		27/10/1987	Giáo viên	TH Nghĩa Dũng	01/11/2012	01/11/2012	31/03/2017	7 năm 4 tháng	2.46	V.07.03.09	Thạc sĩ	03/2019	x	Anh Bậc 4	x	x
125	Lê Thị Thu	Hương		16/03/1980	Giáo viên	TH Nghĩa Dũng	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 03 tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học	05/2018	x	Anh-C	x	x
126	Phạm Thị	Tú		04/10/1979	Giáo viên	TH Nghĩa Dũng	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 04 tháng	2.66	V.07.03.09	Đại học	06/2008	x	Anh A2	x	x
127	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai		10/06/1987	Giáo viên	TH Nghĩa Dũng	15/10/2011	15/10/2011	31/03/2017	8 năm 05 tháng	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	07/2010	x	Anh-C	x	x
128	Đỗ Thị	Nga		03/03/1979	Giáo viên	TH Ngọc Hà	01/12/2009	01/06/2010	31/03/2017	9 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	Đại học	07/2003	ĐH	Anh B	x	x
129	Trần Thị Bích	Ngọc		26/08/1987	Giáo viên	TH Ngọc Hà	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	09 năm 4 tháng	2.66	V.07.03.09	Đại học	07/2017	x	Anh B	x	x
130	Trần Huyền	Nhung		08/11/1978	Giáo viên	TH Ngọc Hà	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 07 tháng	3.46	V.07.03.09	Đại học	12/2007	x	Anh B	x	x
131	Bùi Thị Thu	Hậu		17/03/1982	Giáo viên	TH Ngọc Hà	01/11/2011	01/05/2012	31/03/2017	7 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	Đại học	08/2008	x	Anh B	x	x
132	Lê Thị Mai	Quỳnh		16/04/1979	Giáo viên	TH Ngọc Hà	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 03 tháng	3.66	V.07.03.09	Đại học	03/2009	x	Anh C	x	x
133	Phạm Mai	Anh		11/11/1981	Giáo viên	TH Nguyễn Tri Phương	01/01/2007	01/01/2007	31/03/2017	13 năm 2 tháng	3.46	V.07.03.09	Đại học	10/2006	x	Anh-ĐH	x	x
134	Nguyễn Thị Thu	Hằng		09/05/1974	Giáo viên	TH Nguyễn Tri Phương	01/01/2007	01/01/2007	31/03/2017	13 năm 2 tháng	3.46	V.07.03.09	Đại học	07/2009	x	Anh-C	x	x
135	Phạm Thị Ngọc	Huyền		14/11/1978	Giáo viên	TH Nguyễn Tri Phương	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	3.26	V.07.03.09	Đại học	06/1999	x	Anh-C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
136	Nguyễn Thị Thu	Hiền		17/10/1980	Giáo viên	TH Nguyễn Tri Phương	01/02/2009	01/02/2009	31/03/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học	07/2017	x	Anh-C	x	x
137	Lý Thu	Huyền		11/08/1982	Giáo viên	TH Nguyễn Tri Phương	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học	06/2006	x	Anh-C	x	x
138	Nguyễn Hồ	Lê		29/05/1976	Giáo viên	TH Nguyễn Tri Phương	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	3.66	V.07.03.09	Đại học	06/1997	x	Anh-C	x	x
139	Nguyễn Hoàng Khánh	Ly		06/10/1982	Giáo viên	TH Nguyễn Tri Phương	01/08/2008	01/02/2009	31/03/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học	01/2008	x	Nga ĐH	x	x
140	Phạm Thị	Luyến		16/08/1985	Giáo viên	TH Nguyễn Tri Phương	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng	07/2007	x	Anh-C	x	x
141	Mai Kiều	Ngân		22/11/1977	Giáo viên	TH Nguyễn Tri Phương	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 2 tháng	3.66	V.07.03.09	Đại học	07/2009	x	Anh-C	x	x
142	Phạm Thị Mai	Oanh		10/07/1977	Giáo viên	TH Nguyễn Tri Phương	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 5 tháng	3.66	V.07.03.09	Đại học	01/2006	x	Anh-C	x	CSTĐTP
143	Phạm Thị Nguyệt	Quế		06/03/1977	Giáo viên	TH Nguyễn Tri Phương	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 3 tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học	01/2009	x	Anh-C	x	x
144	Nguyễn Đình	Sơn	30/08/1989		Giáo viên	TH Nguyễn Tri Phương	01/10/2014	01/10/2014	31/03/2017	5 năm 4 tháng	2.46	V.07.03.09	Thạc sĩ	07/2011	x	Anh-B1	x	x
145	Nguyễn Thị Hà	Thu		28/11/1988	Giáo viên	TH Nguyễn Tri Phương	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 3 tháng	2.66	V.07.03.09	Đại học	08/2009	x	Anh-C	x	x
146	Phạm Hồng	Tuyết		18/11/1976	Giáo viên	TH Nguyễn Tri Phương	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học	06/1998	x	Anh-C	x	x
147	Quách Thị Phương	Thanh		12/04/1982	Giáo viên	TH Nguyễn Trung Trực	01/08/2008	01/08/2008	31/03/2017	11 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	Thạc sĩ	06/2006	x	Anh B1	x	x
148	Vũ Thị	Hà		24/10/1987	Giáo viên	TH Nguyễn Trung Trực	01/01/2013	01/01/2013	20/04/2017	7 năm 2 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học	07/2012	x	Anh-ĐH	x	x
149	Đỗ Thị Thanh	Huyền		22/05/1983	Giáo viên	TH Nguyễn Trung Trực	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	06/2006	x	Anh B1	x	x
150	Nguyễn Thu	Hương		02/01/1981	Giáo viên	TH Nguyễn Trung Trực	01/01/2007	01/11/2007	31/03/2017	12 năm 4 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	08/2003	x	Anh B	x	x
151	Nguyễn Thị Hải	Yến		16/03/1982	Giáo viên	TH Nguyễn Trung Trực	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	Cao đẳng	10/2018	x	Anh bậc 2	x	x
152	Nguyễn Thị	Thiện		18/04/1975	Giáo viên	TH Nguyễn Trung Trực	01/12/2009	01/12/2009	31/03/2017	10 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	06/2004	x	Anh-B	x	x
153	Trần Thị Tố	Loan		14/01/1990	Giáo viên	TH Nguyễn Bá Ngọc	15/10/2011	15/10/2011	31/03/2017	8 năm 5 tháng	2.66	V.07.03.09	Đại học	08/2010	x	Anh-C	x	x
154	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh		22/12/1984	Giáo viên	TH Nguyễn Bá Ngọc	01/12/2009	01/06/2010	31/03/2017	9 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2005	x	Anh- B	x	x
155	Nguyễn Thị Bích	Phượng		15/05/1988	Giáo viên	TH Nguyễn Bá Ngọc	01/10/2014	01/10/2014	31/03/2017	5 năm 5 tháng	2.26	V.07.03.09	Đại học	08/2010	x	Anh- B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
156	Nguyễn Thị Hồng	Thu		15/11/1991	Giáo viên	TH Nguyễn Bá Ngọc	01/12/2013	01/12/2013	31/03/2017	6 năm 3 tháng	2.46	V.07.03.09	Đại học	06/2012	x	Anh- B	x	x
157	Nguyễn Thuỳ	Dương		02/01/1995	Giáo viên	TH Nguyễn Bá Ngọc	04/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 8 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học	05/2018	x	Anh- B	x	x
158	Lưu Khánh	Ly		12/03/1991	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/12/2013	01/12/2013	31/03/2017	6 năm 3 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học	06/2012	x	Anh B	x	x
159	Phan Huyền	Thương		16/05/1988	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/12/2013	01/12/2013	31/03/2017	6 năm 3 tháng	2,46	V.07.03.09	Cao đẳng	07/2010	x	Anh B	x	x
160	Trương Thanh	Huyền		18/01/1992	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/12/2013	01/06/2014	31/03/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học	06/2012	x	Anh B	x	x
161	Nguyễn Thị Minh	Huệ		17/10/1981	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	9 năm 4 tháng	3,26	V.07.03.09	Đại học	06/2002	x	Anh B	x	x
162	Nguyễn Thị	Hà		27/05/1993	Giáo viên	TH Vạn Phúc	04/01/2016	01/02/2016	01/02/2016	4 năm 1 tháng	2,26	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2014	x	Anh B	x	x
163	Trần Thị	Hằng		12/11/1990	Giáo viên	TH Vạn Phúc	04/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4 năm 2 tháng	2,46	V.07.03.09	Cao đẳng	02/2012	x	Anh B	x	x

Danh sách này có 163 người.

Biểu mẫu 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND QUẬN HOÀN KIẾM CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Phùng Thị Kim	Chi		11/5/1973	GV Thể dục	TH T.Q.Toản	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	3,46	V.07.03.09	ĐH - TDTT	21/7/1994	x	B	x	x
2	Nguyễn Thị Thu	Hiền		20/02/1979	GV Thể dục	TH T.Q.Toản	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,06	V.07.03.09	CĐ - GDTC	22/6/2005	x	B	x	x
3	Bùi Thị Bích	Ngọc		04/02/1977	GV Âm nhạc	TH T.Q.Toản	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	3,06	V.07.03.09	CĐ - Âm nhạc	29/6/2005	x	B	x	x
4	Nguyễn Thu	Hà		23/11/1976	GV Văn hóa	TH T.Q.Toản	01/12/2006	01/6/2007	20/4/2017	12N9T	3,06	V.07.03.09	ĐH - GDTH	15/02/2002	x	C	x	x
5	Nguyễn Thị	Lan		08/4/1991	GV Văn hóa	TH T.Q.Toản	01/11/2013	01/5/2014	20/4/2017	5N10T	2,26	V.07.03.09	ĐH - GDTH	11/5/2018	x	B	x	x
6	Nguyễn Thị Phương	Anh		07/5/1974	TPCM - GV Văn hóa	TH T.Q.Toản	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - GDTH	11/3/2011	x	B	x	x
7	Lương Thị Ngọc	Linh		17/8/1983	GV Mỹ thuật	TH T.Q.Toản	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,26	V.07.03.09	CĐ - SP Mỹ thuật	02/11/2004	x	B	x	x
8	Nguyễn Mai	Anh		10/6/1986	GV Văn hóa	TH T.Q.Toản	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	3,06	V.07.03.09	ĐH - GDTH	23/6/2011	x	B	x	x
9	Trần Kim	Anh		03/8/1990	GV Văn hóa	TH Phúc Tân	01/12/2010	01/6/2011	20/4/2017	8N9T	2,66	V.07.03.09	ĐH - GDTH	12/12/2018	x	C	x	x
10	Trần Thị	Ngà		30/7/1983	GV Thể dục	TH Phúc Tân	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,26	V.07.03.09	CĐ - GDTC	02/7/2004	x	C	x	x
11	Lê Khánh	Phương		03/02/1985	GV Văn hóa	TH Phúc Tân	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	3,06	V.07.03.09	CĐ - SPGDTH	02/6/2017	x	C	x	x
12	Lê Thanh	Huyền		19/01/1993	GV Văn hóa	TH T.Vương	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N2T	2,26	V.07.03.09	CĐ - GDTH	11/6/2014	x	C	x	x
13	Lê Thị Kim	Liên		13/8/1977	GV Văn hóa	TH T.Vương	01/11/2012	01/11/2012	20/4/2017	7N4T	2,66	V.07.03.09	CĐ - Tiểu học	11/10/1999	x	C	x	x
14	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt		29/9/1977	GV Văn hóa	TH T.Vương	01/12/2010	01/12/2010	20/4/2017	9N3T	2,66	V.07.03.09	ĐH - GDTH	20/7/2000	x	C	x	x
15	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		01/5/1979	GV Văn hóa	TH T.Vương	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,66	V.07.03.09	ĐH - GDTH	23/6/2011	x	C	x	x
16	Nguyễn Bích	Thủy		23/7/1979	GV Văn hóa	TH T.Vương	01/01/2007	01/7/2007	20/4/2017	12N8T	3,06	V.07.03.09	ĐH - GDTH	23/6/2011	x	C	x	x
17	Lê Thủy	Trang		15/7/1982	GV Văn hóa	TH T.Vương	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,06	V.07.03.09	ĐH - GDTH	06/6/2007	x	C	x	x
18	Đỗ Thị Thu	Hiền		11/10/1981	TPCM - GV Văn hóa	TH T.Vương	01/01/2007	01/7/2007	20/4/2017	12N8T	3,06	V.07.03.09	ĐH - GDTH	06/6/2007	x	C	x	x
19	Nguyễn Thị Vân	Anh		19/4/1967	GV Văn hóa	TH V.T.Sáu	01/11/1993	01/11/1993	20/4/2017	26N4T	4,06 + VK 8%	V.07.03.09	ĐH - GDTH	14/01/2009	x	ĐH	x	x
20	Ta Thanh	Hằng		18/12/1972	GV Văn hóa	TH V.T.Sáu	01/11/1993	01/11/1993	20/4/2017	26N4T	4,06 + VK 8%	V.07.03.09	ĐH - GDTH	21/9/2005	x	B	x	x
21	Bùi Nguyệt	Trinh		14/12/1986	GV Văn hóa	TH V.T.Sáu	01/12/2010	01/12/2010	20/4/2017	9N3T	2,66	V.07.03.09	ĐH - GDTH	23/6/2011	x	B	x	x
22	Lê Thị Xuân	Thanh		07/4/1987	GV Văn hóa	TH V.T.Sáu	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - GDTH	25/3/2014	x	B1	x	x
23	Đỗ Thị Minh	Trang		01/9/1990	GV Văn hóa	TH V.T.Sáu	01/10/2011	01/4/2012	20/4/2017	7N11T	2,66	V.07.03.09	ĐH - GDTH	14/11/2014	x	B	x	x
24	Khổng Thị	Loan		13/02/1978	GV Văn hóa	TH V.T.Sáu	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,66	V.07.03.09	ĐH - GDTH	12/3/2007	x	B	x	x
25	Lê Thị	Hân		24/02/1989	GV Văn hóa	TH V.T.Sáu	27/8/2014	01/9/2014	20/4/2017	5N6T	2,26	V.07.03.09	ĐH - GDTH	04/7/2017	x	B	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đối tiên chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
26	Lê Kiều	Nga		18/10/1981	TPCM - GV Mỹ thuật	TH V.T.Sáu	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	3,06	V.07.03.09	ĐH - Mỹ thuật	10/8/2006	x	B	x	x
27	Phạm Lan	Hương		14/11/1985	GV Mỹ thuật	TH V.T.Sáu	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	3,06	V.07.03.09	ĐH - SP Mỹ thuật	13/7/2012	x	B	x	x
28	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		21/8/1981	TTCM - GV Âm nhạc	TH V.T.Sáu	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	CĐ - SP Âm nhạc	02/11/2004	x	B	x	x
29	Vũ Hoàng	Giang		06/12/1983	GV Thể dục	TH V.T.Sáu	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - GDTC	23/6/2008	x	B	x	x
30	Nguyễn Hương	Trang		24/12/1993	GV Văn hóa	TH V.T.Sáu	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N2T	2,26	V.07.03.09	ĐH - GDTH	04/7/2017	x	B	x	x
31	Bùi Thu	Huyền		15/7/1992	GV Văn hóa	TH V.T.Sáu	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N2T	2,26	V.07.03.09	ĐH - GDTH	04/7/2017	x	B	x	x
32	Trần Huyền	My		19/11/1994	GV Văn hóa	TH V.T.Sáu	01/01/2016	01/7/2016	01/01/2016	3N8T	2,06	V.07.03.09	ĐH - GDTH	11/5/2018	x	B	x	x
33	Phạm Thị	Duyên		06/8/1976	TTCM - GV Văn hóa	TH N.B.Ngọc	01/12/2010	01/12/2010	20/4/2017	9N3T	3,26	V.07.03.09	ĐH - GDTH	20/7/2000	x	A2	x	x
34	Nguyễn Thùy	Linh		25/02/1985	GV Văn hóa	TH N.B.Ngọc	01/12/2010	01/12/2010	20/4/2017	9N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - GDTH	31/12/2013	x	A2	x	x
35	Nguyễn Thị	Hòa		04/02/1981	TTCM - GV Văn hóa	TH N.B.Ngọc	27/8/2014	01/3/2015	20/4/2017	5N	2,26	V.07.03.09	ĐH - GDTH	10/7/2003	x	C	x	x
36	Đào Thị Thu	Quang		20/9/1972	GV Âm nhạc	TH N.B.Ngọc	01/01/2007	01/8/2007	20/4/2017	12N7T	3,06	V.07.03.09	ĐH - SP Âm nhạc	11/9/2008	x	B	x	x
37	Nguyễn Thị Thanh	Hương		28/3/1982	GV Tiếng anh	TH N.B.Ngọc	01/01/2016	01/7/2016	01/01/2016	3N8T	2,26	V.07.03.09	ĐH - Tiếng anh	24/6/2008	x	Pháp B	x	x
38	Nguyễn Thị Lan	Phương		26/9/1977	TTCM - GV Văn hóa	TH Hồng Hà	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,86	V.07.03.09	ĐH - GDTH	09/9/2005	x	Bậc 3	x	x
39	Trần Thị	Phương		09/02/1977	GV Văn hóa	TH Hồng Hà	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,86	V.07.03.09	CĐ - Tiểu học	12/6/1997	x	C	x	x
40	Lê Hoàng	Anh		08/11/1981	GV Văn hóa	TH Tràng An	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,46	V.07.03.09	ĐH - GDTH	23/5/2014	x	C	x	x
41	Đỗ Thị	Dung		10/10/1987	GV Âm nhạc	TH Tràng An	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - SP Âm nhạc	05/12/2010	x	B	x	x
42	Nguyễn Thúy	Hằng		17/8/1980	GV Văn hóa	TH Tràng An	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,26	V.07.03.09	ĐH - GDTH	06/6/2007	x	Nga CĐ	x	x
43	Nguyễn Thị Tuyết	Hạnh		06/7/1985	GV Văn hóa	TH Tràng An	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	3,06	V.07.03.09	ĐH - GDTH	23/6/2011	x	TĐ B1	x	x
44	Đỗ Thị Mai	Hương		29/01/1991	GV Mỹ thuật	TH Tràng An	27/8/2014	01/9/2014	20/4/2017	5N6T	2,26	V.07.03.09	ĐH - SP Mỹ thuật	26/6/2013	x	C	x	x
45	Nguyễn Lan	Hương		25/9/1985	GV Văn hóa	TH Tràng An	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - SPGDTH	12/6/2007	x	Pháp B1	x	x
46	Trương Thị Thùy	Linh		28/12/1982	GV Văn hóa	TH Tràng An	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	2,86	V.07.03.09	CĐ - Tiểu học	22/6/2005	x	C	x	x
47	Dương Ngọc	Sơn		29/7/1981	GV Thể dục	TH Tràng An	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - GDTC	04/12/2007	x	C	x	x
48	Thiều Thị	Thành		28/10/1978	GV Văn hóa	TH Tràng An	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - GDTH	20/7/2000	x	B	x	x
49	Tường Thị Bích	Thủy		30/12/1983	GV Âm nhạc	TH Tràng An	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - SP Âm nhạc	02/10/2006	x	B	x	x
50	Đào Thu	Thủy		22/11/1986	TTCM - GV Văn hóa	TH Tràng An	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - GDTH	23/6/2011	x	Bậc 3	x	x
51	Hoàng Thị	Vân		21/10/1986	GV Mỹ thuật	TH Tràng An	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - SP Mỹ thuật	05/12/2010	x	B	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
52	Đặng Thị Thanh	Hằng		04/7/1971	Giáo viên biệt phái	TH Trăng An	01/01/2007	01/01/2007	01/01/2007	13N2T	3,46	V.07.03.09	ĐH - SPGDTH	09/10/2006	x	Bậc 3	x	x
53	Mai Thế	Đô	11/10/1990		GV Văn hóa	TH Điện Biên	01/11/2012	01/11/2012	20/4/2017	7N4T	2,66	V.07.03.09	CĐ - GDTH	03/6/2013	x	C	x	x
54	Nguyễn Thị Phương	Dung		16/5/1980	GV Văn hóa	TH Q.Trung	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - GDTH	05/9/2006	x	B	x	x
55	Ninh Duy	Tuấn	25/12/1981		GV Thể dục	TH Q.Trung	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - SPGDTC	24/02/2004	x	B	x	x
56	Đặng Quỳnh	Anh		17/11/1994	Giáo viên biệt phái	TH Q.Trung	01/01/2016	01/7/2016	01/7/2016	3N8T	2,06	V.07.03.09	ĐH - GDTH	11/5/2018	x	B	x	x
57	Nguyễn Minh	Thu		04/9/1984	GV Văn hóa	TH Q.Trung	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - GDTH	23/6/2011	x	B	x	x
58	Trần Thị Bích	Liên		10/02/1977	GV Văn hóa	TH Q.Trung	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,66	V.07.03.09	ĐH - SPGDTH	18/3/2009	x	B	x	x
59	Nguyễn Thu	Hiền		28/11/1983	GV Văn hóa	TH Q.Trung	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	3,06	V.07.03.09	CĐ - GDTH	25/6/2007	x	B	x	x
60	Nguyễn Hà	Anh		19/9/1989	GV Văn hóa	TH T.Long	01/10/2011	01/4/2012	20/4/2017	7N11T	2,46	V.07.03.09	ĐH - GDTH	23/5/2014	x	ĐH	x	x
61	Lý Vân	Anh		19/10/1993	GV Văn hóa	TH T.Long	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N2T	2,26	V.07.03.09	ĐH - GDTH	16/11/2016	x	C	x	x
62	Vương Thị Ngọc	Anh		07/6/1978	GV Văn hóa	TH T.Long	01/01/2007	01/12/2007	20/4/2017	12N3T	3,06	V.07.03.09	ĐH - GDTH	20/7/2000	x	C	x	x
63	Dương Thu	Hằng		04/8/1983	GV Văn hóa	TH T.Long	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	3,06	V.07.03.09	ĐH - GDTH	23/6/2011	x	C	x	x
64	Phạm Thanh	Hoa		28/5/1993	GV Văn hóa	TH T.Long	01/7/2016	01/7/2016	01/01/2016	3N8T	2,06	V.07.03.09	ĐH - GDTH	20/5/2015	x	B2	x	x
65	Trần Thu	Hồng		04/11/1985	GV TPT	TH T.Long	01/8/2008	01/5/2009	20/4/2017	10N10T	2,86	V.07.03.09	ĐH - SP Âm nhạc	20/9/2010	x	C	x	x
66	Vũ Mai	Hương		04/4/1978	TTCM - GV Âm nhạc	TH T.Long	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	3,46	V.07.03.09	CĐ - SP Âm nhạc	18/9/2002	x	C	x	x
67	Nguyễn Phương	Lan		01/8/1978	GV Văn hóa	TH T.Long	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - GDTH	15/12/2006	x	C	x	x
68	Trần Thùy	Linh		23/8/1990	GV Văn hóa	TH T.Long	01/12/2009	01/11/2012	20/4/2017	7N4T	2,46	V.07.03.09	ĐH - GDTH	21/5/2014	x	Bậc 3	x	x
69	Nguyễn Kim	Loan		23/6/1986	GV Văn hóa	TH T.Long	01/11/2012	01/11/2012	20/4/2017	7N4T	2,66	V.07.03.09	ĐH - GDTH	23/6/2011	x	Bậc 3	x	x
70	Hoàng Thị Kim	Ngân		01/7/1977	GV Văn hóa	TH T.Long	01/10/2011	01/10/2011	20/4/2017	8N5T	3,06	V.07.03.09	ĐH - GDTH	04/12/2007	x	C	x	x
71	Phan Hồng	Ngọc		02/4/1990	GV Văn hóa	TH T.Long	01/11/2012	01/11/2012	20/4/2017	7N4T	2,66	V.07.03.09	ĐH - GDTH	23/5/2014	x	C	x	x
72	Nguyễn Thu	Trang		27/9/1990	GV Văn hóa	TH T.Long	01/11/2012	01/11/2012	20/4/2017	7N4T	2,46	V.07.03.09	ĐH - GDTH	23/5/2014	x	C	x	x
73	Nguyễn Lê Thủy	Quang		01/4/1985	GV Văn hóa	TH C.Dương	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - GDTH	26/4/2017	x	C	x	x
74	Phùng Thị	Thịnh		21/4/1989	GV Văn hóa	TH C.Dương	27/8/2014	01/9/2014	20/4/2017	5N6T	2,46	V.07.03.09	CĐ - GDTH	28/3/2012	x	B	x	x
75	Cao Thị	Mơ		5/5/1991	GV Văn hóa	TH C.Dương	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N2T	2,26	V.07.03.09	CĐ - GDTH	11/6/2014	x	B	x	x
76	Phạm Thị	Huế		04/9/1990	GV Văn hóa	TH C.Dương	27/8/2014	01/3/2015	20/4/2017	5N	2,26	V.07.03.09	ĐH - GDTH	25/10/2017	x	B	x	x
77	Trần Thị	Cúc		01/01/1977	GV Văn hóa	TH C.Dương	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - GDTH	15/7/1999	x	C	x	x
78	Ngô Thị	Hoài		23/7/1983	GV Thể dục	TH C.Dương	01/12/2010	01/12/2010	20/4/2017	9N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - GDTC	22/9/2008	x	C	x	x
79	Đặng Thị Phương	Lan		30/9/1971	TTCM - GV Văn hóa	TH C.Dương	01/12/2010	01/6/2011	20/4/2017	8N9T	2,66	V.07.03.09	CĐ - Tiểu học	01/7/2004	x	C	x	x
80	Nguyễn Thị	Giang		04/8/1990	GV Văn hóa	TH C.Dương	01/10/2011	01/4/2012	20/4/2017	7N11T	2,46	V.07.03.09	ĐH - GDTH	26/4/2017	x	C	x	x
81	Triệu Thị Thu	Giang		16/7/1987	GV Tin học	TH C.Dương	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N2T	2,26	V.07.03.09	ĐH - SP Tin học	08/9/2010	ĐH	C	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
82	Bùi Thị Thanh	Hà		04/3/1976	GV Mỹ thuật	TH C.Dương	01/12/2010	01/6/2011	20/4/2017	8N9T	2,86	V.07.03.09	ĐH - SP Mỹ thuật	12/7/2007	x	C	x	x
83	Mai Thanh	Huyền		18/12/1990	GV Văn hóa	TH C.Dương	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N2T	2,26	V.07.03.09	ĐH - GDTH	28/5/2015	x	C	x	x
84	Trần Bích	Liên		14/4/1993	GV Văn hóa	TH C.Dương	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N2T	2,26	V.07.03.09	CĐ - SPGDTH	28/5/2014	x	B	x	x
85	Lương Thị Kim	Ngân		08/5/1976	GV Tiếng anh	TH C.Dương	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - Tiếng anh	01/10/2002	x	Đức ĐH	x	x
86	Vũ Thị Hà	Thu		24/8/1993	GV Văn hóa	TH C.Dương	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N2T	2,06	V.07.03.09	CĐ - GDTH	11/6/2014	x	B	x	x
87	Ngô Thị Hòa	Thuận		30/8/1969	GV Văn hóa	TH C.Dương	01/01/2013	01/01/2013	20/4/2017	7N2T	3,06	V.07.03.09	ĐH - GDTH	26/4/2017	x	C	x	x
88	Nguyễn Thị Thu	Hương		12/01/1979	GV Văn hóa	TH C.Dương	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,46	V.07.03.09	ĐH - GDTH	12/5/2015	x	C	x	x
89	Nguyễn Hương	Giang		19/10/1983	TTCM - GV Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,26	V.07.03.09	ĐH - SPGDTH	23/6/2005	x	B	x	x
90	Nguyễn Hương	Thu		21/10/1980	GV Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/12/2006	01/12/2006	20/4/2017	13N3T	3,46	V.07.03.09	ĐH - GDTH	10/7/2002	x	TĐ B1	x	x
91	Đỗ Phương Ánh	Ngọc		14/11/1983	GV Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,26	V.07.03.09	CĐ - Tiểu học	29/11/2006	x	C	x	x
92	Vũ Thị Diệu	Hương		23/7/1982	TPCM - GV Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - GDTH	08/8/2008	x	C	x	x
93	Lê Kim	Chung		08/3/1980	GV Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,26	V.07.03.09	CĐ - Tiểu học	10/10/2002	x	C	x	x
94	Nguyễn Thùy	Linh		11/12/1981	GV Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,46	V.07.03.09	ĐH - GDTH	09/9/2005	x	B	x	x
95	Bùi Diễm	Hương		25/10/1980	TTCM - GV Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,66	V.07.03.09	ĐH - GDTH	09/9/2005	x	C	x	x
96	Trần Phương	Hạnh		02/01/1984	GV Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13N2T	3,26	V.07.03.09	CĐ - Tiểu học	22/6/2005	x	C	x	x
97	Bùi Phương	Lan		05/12/1967	GV Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH - GDTH	08/8/2008	x	B	x	x
98	Nguyễn Thị	Huế		09/8/1976	GV Tiếng anh	TH Nguyễn Du	01/12/2009	01/12/2009	20/4/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	CĐ - Anh văn	10/8/1997	x	Pháp C	x	x

Danh sách này có 98 người

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND QUẬN ĐỐNG ĐA CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Trần Hương	Giang		29/7/1993	GV VH	TH Bế Văn Đàn	01/01/2016	01/01/2016	01/7/2016	4N2T	2,06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	11/2016	X	C	X	X
2	Nguyễn Thu	Hà		019/1988	GV VH	TH Bế Văn Đàn	01/01/2016	01/01/2016	01/7/2016	4N2T	2,06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/2015	X	Bậc 3 (B1)	X	X
3	Đinh Thu	Hằng		25/5/1981	GV VH	TH Bế Văn Đàn	01/11/2012	01/11/2012	01/11/2012	9N4T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/2011	X	A2	X	X
4	Trịnh Thị Thu	Hương		25/11/1977	GV VH	TH Bế Văn Đàn	1.2.2009	1.2.2009	1.2.2017	11N1T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	11/2012	X	B1	X	X
5	Võ Thị	Huyền		20/9/1983	GV VH	TH Cát Linh	01/11/2011	01/5/2012	11/4/2017	7N10T	2.46	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/2007	X	A2	X	X
6	Phương Thị Ngọc	Bích		22/02/1981	GV VH	TH Cát Linh	01/01/2011	01/11/2011	11/4/2017	8N4T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	4/2012	X	A2	X	X
7	Đỗ Thị Kim	Hiệp		30/12/1979	GV VH	TH Cát Linh	01/01/2007	01/01/2007	11/4/2017	13N2T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/2000	X	C	X	X
8	Ngô Minh	Phương		11/5/1988	GV VH	TH Cát Linh	01/01/2010	01/7/2010	11/4/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	15/8/2009	X	C	X	X
9	Phạm Thị	Lan		25/3/1978	GV VH	TH Cát Linh	01/01/2010	01/7/2010	11/4/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	7/2000	X	C	X	X
10	Đặng Hồng	Vân		15/3/1987	GV VH	TH Cát Linh	01/01/2010	01/01/2010	11/4/2017	9N4T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	04/7/2008	X	A2	X	X
11	Nguyễn Phương	Thảo		24/12/1985	GV VH	TH Cát Linh	01/01/2011	01/07/2011	11/4/2017	8N8T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/2015	X	C	X	X
12	Nguyễn Thị	Diệp		29/10/1984	GV VH	TH Cát Linh	01/8/2008	01/02/2009	11/4/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	10/2018	Đại học	C	X	X
13	Lê Thị Thu	Thủy		27/5/1990	GV VH	TH Cát Linh	01/01/2011	01/7/2011	11/4/2017	8N8T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/2014	X	A2	X	X
14	Nguyễn Thị Bích	Thủy		15/01/1984	GV VH	TH Cát Linh	01/01/2016	01/07/2016	01/7/2016	3N8T	2.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/2015	X	Đại học	X	X
15	Nguyễn Thảo	Hiền		13/8/1992	GV VH	TH Cát Linh	01/10/2014	01/4/2015	11/4/2017	4N11T	2.26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/2019	X	B	X	X
16	Đỗ Thị Hồng	Duyên		18/10/1984	GV VH	TH Cát Linh	01/01/2010	01/7/2010	11/4/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	20/7/2006	X	B	X	X
17	Phan Thị Tuyết	Liên		01/4/1980	GV VH	TH Cát Linh	01/01/2010	01/7/2010	11/4/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/2014	X	B	X	X
18	Bùi Thị Kim	Huyền		28/7/1985	GV VH	TH Cát Linh	01/01/2010	01/7/2010	11/4/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	CĐSP GD Tiểu học	6/2007	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
19	Đặng Thị Phương	Dung		5/11/1980	GV VH	TH Cát Linh	01/01/2007	01/01/2007	11/4/2017	13N2T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	12/6/2002	X	B	X	X
20	Đỗ Thị Phương	Oanh		31/01/1985	Giáo viên thể dục	TH Cát Linh	01/01/2011	01/7/2011	11/4/2017	8N8T	2.66	V.07.03.09	Thạc sĩ KH GD (TDTT)	7/2010	X	B1	X	X
21	Dương Mỹ	Hạnh		25/4/1986	GV VH	TH Cát Linh	01/01/2010	01/7/2010	11/4/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	11/2012	X	C	X	X
22	Phạm Thị Diệp	Hằng		10/06/1981	GV VH	TH Khương Thượng	01/09/2008	01/09/2008	11/04/2017	11N6T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/2009	X	bậc 3 (B1)	X	X
23	Nguyễn Thu	Hằng		02/01/1987	GV VH	TH Khương Thượng	01/01/2010	01/11/2012	11/04/2017	7N4T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/2013	X	C	X	X
24	Hà Thị	Lệ		04/12/1985	GV VH	TH Khương Thượng	01/11/2011	01/05/2012	11/04/2017	7N10T	2.46	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	2009	X	bậc 3 (B1)	X	X
25	Phạm Thị Yến	Nga		14/08/1977	GV Tin học	TH Khương Thượng	01/08/2008	01/02/2009	11/04/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	ĐH tin học - CNTT + chứng chỉ SP	2000	ĐH	bậc 3 (B1)	X	X
26	Nguyễn Văn	Thiệm	09/08/1977		GV VH	TH Khương Thượng	01/01/2006	01/08/2008	11/04/2017	11N7T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học, ThS	ĐH- 2000; ThS 2013	X	B1	X	X
27	Nguyễn Thị Tố	Như		23/10/1981	GV VH	TH Khương Thượng	01/01/2007	01/01/2007	11/04/2017	13N2T	3.30	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/2007	X	C	X	X
28	Lê Thanh	Phương		17/11/1981	GV VH	TH Khương Thượng	01/11/2011	01/11/2011	11/04/2017	8N4T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	10/2006	X	B	X	X
29	Nguyễn Phương	Linh		19/09/1987	GV VH	TH Kim Liên	01/01/2010	01/01/2010	15/5/2017	10 N 2T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/2013	X	B	X	X
30	Phạm Thị Xuân	Lan		07/02/1978	GV VH	TH Kim Liên	01/01/2007	01/01/2007	11/4/2017	13N2T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	7/2000	X	ĐH	X	X
31	Nguyễn Thị Kim	Ngân		03/08/1978	GV VH	TH Kim Liên	01/01/2007	01/01/2007	11/4/2017	13N2T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	20/07/2000	X	Đại học	X	X
32	Ngô Thị Hồng	Phúc		04/02/1983	GV VH	TH Kim Liên	1/8/2008	1/2/2009	11/42017	11N1T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	15/5/2013	X	C	X	X
33	Nguyễn Lệ	Thi		14/10/1990	GV VH	TH Kim Liên	01/11/2011	01/5/2012	11/4/2017	7N10T	2.46	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/2014	X	A2	X	X
34	Đào Quỳnh	Hương		13/12/1985	GV VH	TH Kim Liên	01/8/2008	1/8/2008	11/4/2017	11N7T	3,06	V.07.03.09	Thạc sĩ Giáo dục tiểu học	20/4/2011	X	C	X	X
35	Nguyễn Thị	Huế		01/05/1075	GV VH	TH Kim Liên	01/ 01/ 2007	01/ 07/ 2007	11/04/2017	12N8T	3.06	V.07.03.09	Thạc sĩ	2008	X	C	X	X
36	Trần Thúy	Mai		17/04/1982	GV VH	TH Kim Liên	01/08/2008	01/08/2008	11/04/2017	11N7T	3,26	V.07.03.09	Thạc sĩ	01/2008	X	B1	X	X
37	Đỗ Hải	Yến		23/03/1983	GV VH	TH Kim Liên	01/08/2008	01/02/2009	11/04/2017	11N1T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	06/2011	X	A2	X	X
38	Nguyễn Thị	Hà		31/01/1987	GV Thể dục	TH Kim Liên	01/01/2016	01/01/2016	11/4/2017	4N2T	2.66	V.07.03.09	Thạc sĩ KH GD chuyên ngành GDTC	02/12/2014	X	A2	X	X
39	Nguyễn Văn	Anh		11/10/1979	GV VH	TH Kim Liên	01/01/2007	01/01/2007	11/4/2017	13N2T	3.46	V.07.03.09	ĐHSP- GD Tiểu học	9/2006	X	C	X	X
40	Phạm Thị	Loan		30/12/1980	GV VH	TH Kim Liên	01/01/2007	01/07/2007	11/04/2017	12N8T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	9/2006	X	C	X	X
41	Nguyễn Thu	Hòa		24/5/1981	GV VH	TH Kim Liên	1/1/2010	1/1/2010	11/4/2017	10N2T	3,46	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	1/7/2007	X	C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
42	Đàm Phương	Chi		01/01/1982	GV VH	TH Kim Liên	1/8/2008	01/8/2009	11/4/2017	10N5T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	12/2007	X	C	X	X
43	Nguyễn Thị Khánh	Ly		01/10/1981	GV VH	TH Kim Liên	01/8/2008	01/8/2008	11/4/2017	11N7T	3,26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/2007	X	C	X	X
44	Trịnh Thị Ngọc	Diệp		10/7/1977	GV VH	TH Kim Liên	01/08/2008	01/08/2008	01/07/2016	11N7T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	14/01/2009	X	C	X	X
45	Đoàn Minh	Tâm		25/11/1982	GV VH	TH Kim Liên	01/01/2013	01/01/2013	11/4/2017	7N2T	2.46	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	2013	X	C	X	X
46	Hoàng Thị Thanh	Hương		05/12/1982	GV VH	TH Kim Liên	1/8/2008	1/8/2008	11/4/2017	11N7T	3,26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/9/2006	X	C	X	X
47	Kiều Thị Hồng	Hạnh		6/11/1977	GV VH	TH Kim Liên	01/8/2008	01/02/2009	11/4/2017	11N7T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	7/1999	X	Đại học	X	X
48	Nguyễn Thị Huyền	Dung		14/06/1978	GV VH	TH Kim Liên	1/1/2010	1/1/2010	11/4/2017	10N2T	3,26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	7/2009	Trung cấp	Đại học	X	X
49	Giang Thị Thanh	Hương		07/01/1980	GV VH	TH Kim Liên	01/01/2007	01/01/2007	11/4/2017	13N2T	3,06	V.07.03.09	CĐSP GD Tiểu học	2000	X	C	X	X
50	Nguyễn Thị Thu	Cúc		28/9/1983	GV VH	TH Kim Liên	01/8/2008	01/8/2008	11/4/2017	11N7T	3,26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/11/2009	X	C	X	X
51	Hồ Bảo	Ngọc		20/10/1981	GV VH	TH Kim Liên	01/01/2007	01/01/2007	11/04/2017	13N2T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	12/2007	X	B	X	X
52	Trần Thị	Nga		23/5/1985	GV VH	TH Kim Liên	1/1/2016	1/7/2016	11/4/2017	4N2T	2,06	V.07.03.09	CĐSP GD Tiểu học	02/2017	X	B	X	X
53	Nguyễn Thùy	Linh		07/08/1987	GV VH	TH Kim Liên	01/01/2011	01/07/2011	11/4/2017	8N8T	2,66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	05/2013	X	C	X	X
54	Nguyễn Thị Phương	Hồng		13/7/1972	GV VH	TH Kim Liên	01/01/2007	01/01/2007	11/4/2017	13N2T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	2006	X	C	X	X
55	Nguyễn Hồng	Kiên		08/08/1977	GV VH	TH Kim Liên	1/8/2008	1/8/2008	11/4/2017	11N5T	3,26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	15/07/1999	X	B	X	X
56	Bùi Thị	Trung		14/05/1979	GV VH	TH Kim Liên	01/12/2009	01/12/2009	11/4/2017	10N4T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	12/2007	X	C	X	X
57	Vũ Thị	Thúy		27/09/1989	GV Thể dục	TH Kim Liên	01/10/2014	01/04/2015	11/4/2017	4N11T	2,26	V.07.03.09	ĐHSP TDTT	27/06/2012	X	B	X	X
58	Đỗ Thúy	Quỳnh		28/11/1992	GV Thể dục	TH Kim Liên	01/01/2016	01/07/2016	11/4/2017	3N8T	2,06	V.07.03.09	ĐH GDTC	6/2015	X	B	X	X
59	Đoàn Thị Thu	Yên		27/08/1980	GV tin học	TH Kim Liên	01/08/2008	01/08/2008	11/04/2017	11N5T	3,06	V.07.03.09	CĐSP Toán-Tin; ĐH Toán Tin ứng	08/2005	Đại học	C	X	X
60	Đinh Thị Thu	Hòa		14/05/1987	Giáo viên T.Anh	TH Kim Liên	01/01/2011	01/07/2011	11/04/2017	8N8T	2,66	V.07.03.09	ĐH Sp Tiếng Anh	6/2013	X	B2	X	X
61	Phạm Thị Thu	Hương		5/11/1986	GV VH	TH Kim Liên	1/1/2010	1/7/2010	1/7/2016	9N8T	2,66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	15/5/2013	X	C	X	X
62	Trần Thị Thanh	Hòa		19/7/1982	GV VH	TH Kim Liên	1/8/2008	01/8/2009	11/4/2017	12N5T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	6/2011	X	C	X	X
63	Hứa Thanh	Huyền		11/12/1976	GV VH	TH Kim Liên	1/8/2008	1/8/2008	11/4/2017	11N7T	3,66	V.07.03.09	ĐHSP Giáo dục TH	15/07/1999	X	C	X	X
64	Phạm Thị Thanh	Huyền		27/08/1972	GV VH	TH Kim Liên	01/01/2002	01/11/2011	01/11/2011	8N4T	3,46	V.07.03.09	Đại học	15/12/2006	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
65	Đỗ Quang	Long	18/12/1984		GV tin học	TH Kim Liên	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N2T	2,46	V.07.03.09	Đại học	22/6/2006	Đại học	B	X	X
66	Vũ Việt	Anh	19/10/1979		GV nhạc	TH Kim Liên	01/082008	1/02/2009	11/4/2017	11N1T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	4/2012	X	C	X	X
67	Lưu Quang	Linh	06/12/1981		GV Mĩ thuật	TH Kim Liên	01/08/2008	1/02/2009	11/4/2017	11N1T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	2009	X	C	X	X
68	Đào Minh	Toàn	30/04/1980		GV Thể dục	TH Kim Liên	01/082008	1/02/2009	11/4/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GDTC	7/2003	X	ĐH	X	X
69	Nguyễn Thanh	Giang		06/11/1981	Hiệu phó	TH Nam Thành Công	01/01/2007	01/01/2007	11/4/2017	13N2T	3.06	V.07.03.09	Thạc sĩ KHGD	4/2018	X	B1	X	X
70	Nguyễn Thị Mai	Anh		27/08/1986	GV VH	TH Nam Thành Công	01/01/ 2011	01/01/ 2011	01/01/ 2011	9N2T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP	6/2011	X	A2	X	X
71	Nguyễn Thị Hồng	Hòa		04/04/1981	GV VH	TH Nam Thành Công	01/08./2008	01/08./2008	11/4/2017	11N5T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	3/2009	X	A2	X	X
72	Triệu Thanh	Quang		18/07/1977	GV VH	TH Nam Thành Công	01/08/2008	01/08/2008	01/08/2008	11N7T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	4/2011	X	A2	X	X
73	Lê Thu	Ngà		17/10/1979	GV VH	TH Nam Thành Công	01/01/2011	01/01/2011	01/01/2011	9N2T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	8/2001	X	B	X	X
74	Lê Thị	HA		14/04/1982	GV VH	TH Nam Thành Công	01/08/ 2008	01/08/ 2008	01/08/ 2008	11N7T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	12/2007	X	B2	X	X
75	Vũ Thị	Tuyết		28/03/1988	GV VH	TH Nam Thành Công	01/01/2016	01/7/2016	01/7/2016	3N8T	2.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/2015	X	B2	X	X
76	Ngô Thị	Thế		07/01/1978	GV nhạc	TH Nam Thành Công	01/01/2010	01/01/2010	01/01/2010	10N2T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	9/2008	X	B	X	X
77	Bùi Thị Thanh	Huyền		28/11/1980	GV MT	TH Nam Thành Công	15/10/2011	15/10/2011	01/11/2011	10N11T	2.86	V.07.03.09	TCSP Mỹ thuật ĐHMTCN	12/2008	X	C	X	X
78	Nguyễn Thị Bảo	Hà		11/12/1983	GV VH	TH Phương Mai	01/01/2010	01/7/2010	11/04/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	Thạc sĩ GDTH	2010	X	B	X	X
79	Đinh Thị Hồng	Hạnh		28/7/1977	GV VH	TH Phương Mai	01/08/2008	01/08/2008	11/04/2017	11N7T	3.46	V.07.03.09	CĐSP TH	8/2001	X	B1	X	X
80	Vũ Thị Thúy	Hằng		10/01/1971	GV VH	TH Phương Mai	01/08/2008	01/08/2008	01/11/2017	11N7T	4.06	V.07.03.09	CĐSP TH	2001	X	C	X	X
81	Nguyễn Thanh	Hương		04/12/1981	GV VH	TH Phương Mai	01/01/2007	01/07/2007	11/04/2017	12N8T	3.06	V.07.03.09	Thạc sĩ GDTH	2010	X	B2	X	X
82	Vũ Thiên	Hương		16/11/1985	GV VH	TH Phương Mai	01/08/2008	01/02/2009	11/04/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP TH	2011	X	B	X	X
83	Nguyễn Thị Bích	Liên		23/6/1977	GV VH	TH Phương Mai	01/8/2008	01/8/2008	11/04/2017	11N7T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	7/1999	X	ĐH	X	X
84	Nguyễn Bùi Hải	Linh		25/10/1979	GV Âm nhạc	TH Phương Mai	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	9/2008	X	B	X	X
85	Vũ Thị	Luyến		01/02/1991	GV VH	TH Phương Mai	01/10/2014	01/10/2014	11/04/2017	5N6T	2.46	V.07.03.09	ĐHSP TH	5/2013	X	B1	X	X
86	Nguyễn Thị	Mơ		03/12/1977	GV VH	TH Phương Mai	01/01/2010	01/01/2010	11/04/2017	10N2T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP TH	3/2005	X	ĐH	X	X
87	Phạm Thị Hải	Yến		03/01/1976	GV VH	TH Phương Mai	01/01/2010	01/01/2010	11/04/2017	10N2T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	01/2009	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
88	Nguyễn Thị Hồng	Vân		10/01/1983	GV VH	Tiểu học Thái Thịnh	1/8/2008	1/2/2009	11/4/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/6/2007	X	B	X	X
89	Nguyễn Hằng	Minh		2/2/1978	GV Tin học	TH Thái Thịnh	1/8/2008	1/8/2008	11/4/2017	11N7T	2.86	V.07.03.09	ĐH Toán- Tin ứng dụng + chứng chỉ sư	29/12/2006	Đại học	C	X	X
90	Lê Thị	Thủy		7/10/1983	GV thể dục	TH Thái Thịnh	1/1/2010	1/7/2010	11/4/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Thể chất	30/10/2013	X	B	X	X
91	Vũ Thị Thanh	Thủy		31/12/1978	GV VH	TH Thái Thịnh	1/1/2007	1/1/2007	11/4/2017	13N2T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	23/6/2011	X	C	X	X
92	Hoàng Phương	Dung		10/7/1988	GV Âm nhạc	TH Thái Thịnh	01/01/2010	7/2010	11/4/2017	9N8T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	6/2009	X	B	X	X
93	Tô Thị Thanh	Thủy		13/12/1984	GV VH	TH Thái Thịnh	8/2008	2/2009	11/4/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	29/3/2017	X	C	X	X
94	Dương Thu	Hương		27/10/1980	GV VH	TH Thái Thịnh	1/8/2008	1/8/2008	11/4/2017	11N7T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	24/2/2004	X	B	X	X
95	Lê Thị Thanh	Hương		25/1/1986	GV VH	TH Thái Thịnh	1/8/2008	1/2/2009	11/4/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/2011	X	Cử nhân	X	X
96	Lê Thị Thúy	Hạnh		5/6/1977	GV VH	TH Thái Thịnh	1/8/2008	1/8/2008	11/4/2017	11N7T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	20/7/2000	X	C	X	X
97	Nguyễn Thị Thu	Vân		20/9/1980	GV Tiếng Anh	TH Thái Thịnh	1/8/2008	1/8/2008	11/4/2017	11N7T	3.06	V.07.03.09	ĐH	14/8/2003	X	A2	X	X
98	Nguyễn Thị	Hồng		9/6/1990	GV TPT	TH Thái Thịnh	10/2014	10/2014	11/4/2017	5N6T	2.06	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	13/7/2012	X	B	X	X
99	Bùi Lệ	Quyên		8/02/1984	GV VH	TH Thái Thịnh	01/8/2008	01/8/2008	11/4/2017	11N7T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	8/8/2008	X	B	X	X
100	Ngô Thị	Nhung		1/1/1985	GV VH	TH Thái Thịnh	31/8/2007	1/3/2008	11/4/2017	13N	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	16/7/2019	X	B	X	X
101	Hoàng Thị Hồng	Tâm		11/12/1982	GV VH	TH Thái Thịnh	01/11/2011	01/11/2011	11/4/2017	8N4T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP Giáo dục Tiểu học	5/9/2006	X	B	X	X
102	Bùi Thị Bích	Nguyệt		25/11/1976	GV VH	TH Thái Thịnh	1/8/2008	1/8/2008	11/4/2017	11N7T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP Giáo dục Tiểu học	5/11/2009	X	C	X	X
103	Nguyễn Thu	Thủy		29/1/1981	GV VH	TH Thái Thịnh	1/8/2008	1/8/2008	11/4/2017	11N7T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	22/12/2004	X	A2	X	X
104	Vũ Thị Cẩm	Tú		16/11/1983	GV VH	TH Thái Thịnh	1/8/2008	1/8/2008	11/4/2017	11N7T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/6/2007	X	C	X	X
105	Trần Hải	Oanh		16/8/1980	GV VH	TH Thái Thịnh	1/1/2007	1/1/2007	11/4/2017	13N2T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	9/9/2005	X	B	X	X
106	Đinh Linh	Chi		19/9/1989	GV VH	TH Thái Thịnh	1/10/2014	1/10/2014	11/4/2017	5N6T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	16/7/2019	X	B	X	X
107	Phan Hương	Giang		19/12/1983	GV VH	TH Trung Tự	01/8/2008	01/8/2008	11/4/2017	11N7T	3.06	V.07.03.09	Thạc sĩ GD	3/2010	X	A2	X	X
108	Lê Thị Vân	Anh		27/01/1983	GV VH	TH Trung Tự	01/01/2010	01/01/2010	11/4/2017	10N2T	2.86	V.07.03.09	Thạc sĩ GD	3/2015	X	B1	X	X
109	Bùi Thị Vĩ	Thu		01/10/1983	GV VH	TH Trung Tự	01/11/2012	01/12/2012	11/4/2017	7N3T	3.06	V.07.03.09	Thạc sĩ GD	3/2015	X	B1	X	X
110	Đặng Lan	Anh		05/01/1981	GV VH	TH Trung Tự	01/8/2008	01/8/2008	11/4/2017	11N7T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP	6/2006	X	C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
111	Nguyễn Thu	Thủy		16/9/1981	GV VH	TH Trung Tự	01/8/2008	01/8/2008	11/4/2017	11N7T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP	8/2008	X	A2	X	X
112	Đinh Thị Phương	Hạnh		28/11/1982	GV VH	TH Trung Tự	01/9/2008	01/9/2008	30/5/2017	11N4T	3.06	V.07.03.09	Thạc sĩ GD	8/2015	X	C	X	X
113	Nguyễn Thị Bích	Hà		10/02/1983	GV VH	TH Trung Tự	01/01/2007	01/01/2007	11/4/2007	13N2T	3.06	V.07.03.09	Thạc sĩ GD	4/2011	X	A2	X	X
114	Phạm Thị Thùy	Dương		22/11/1978	GV VH	TH Trung Tự	01/8/2008	01/8/2008	11/4/2017	11N7T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP	12/2004	X	B	X	X
115	Nguyễn Thị	Thảo		13/9/1980	GV VH	TH Trung Tự	01/01/2010	01/01/2010	11/4/2017	10N2T	3.06	V.07.03.09	Thạc sĩ GD	3/2015	X	B1	X	X
116	Nguyễn Phương	Dung		05/10/1982	GV VH	TH Trung Tự	01/01/2010	01/01/2010	11/4/2017	10N2T	3.06	V.07.03.09	Thạc sĩ GD	3/2015	X	B1	X	X
117	Nguyễn Thị Thu	Hường		23/5/1974	GV VH	TH Trung Tự	01/01/2007	01/01/2007	11/4/2017	13N2T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP	9/2005	X	B	X	X
118	Nguyễn Thị Kim	Anh		4/3/1973	GV VH	TH Trung Tự	01/8/2008	01/8/2008	11/4/2017	11N7T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP	6/2007	X	B	X	X
119	Trịnh Quốc	Hoàng	06/7/1982		GV VH	TH Trung Tự	01/8/2008	01/8/2008	11/4/2017	11N7T	2.86	V.07.03.09	Thạc sĩ GD	3/2015	X	B1	X	X
120	Cao Thị Thu	Hà		10/3/1980	GV VH	TH Trung Tự	01/8/2008	01/8/2008	11/4/2017	11N7T	3.06	V.07.03.09	Thạc sĩ GD	3/2015	X	B1	X	X
121	Nguyễn Phương	Hiền		25/12/1980	GV VH	Tiểu học Văn Chương	01/01/2010	01/01/2010	01/06/2016	10N2T	3,26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	9/2005	X	B	X	X
122	Trần Thị Hoàng	Oanh		22/12/1981	GV VH	Tiểu học Văn Chương	01/01/2011	01/01/2011	01/11/2016	10N2T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	7/2003	X	B	X	X
123	Phạm Thị Hồng	Sơn		15/9/1986	GV VH	Tiểu học Văn Chương	01/01/2010	01/01/2010	01/07/2016	10N2T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/2007	X	A2	X	X
124	Nguyễn Văn	Khánh		04/11/1977	GV VH	Tiểu học Văn Chương	01/01/2007	01/01/2007	11/04/2017	10N2T	3,26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/1998	X	B	X	X
125	Đặng Thị	Lụa		22/4/1989	GV VH	Tiểu học Văn Chương	01/11/2011	01/05/2012	11/4/2017	7N10T	2,46	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	1/2017	X	B	X	X
126	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		01/10/1989	GV VH	Tiểu học Văn Chương	01/01/2011	01/7/2011	11/4/2017	8N8T	2,66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	1/2012	X	B	X	X
127	Trần Hải	Yến		3/10/1987	GV VH	Tiểu học Văn Chương	01/01/2011	01/7/2011	11/4/2017	8N8T	2,66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/2013	X	B	X	X
128	Phạm Kiều	Oanh		14/7/1977	GV VH	Tiểu học Văn Chương	01/01/2010	01/01/2010	01/10/2016	10N2T	3,46	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	10/2011	X	B	X	X
129	Nguyễn Thị Thùy	Linh		3/9/1989	GV VH	Tiểu học Văn Chương	01/11/2012	01/11/2012	11/4/2017	7N4T	2,66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/2010	X	B1	X	X
130	Vũ Thị	Thinh		14/10/1988	GV VH	Tiểu học Văn Chương	01/01/2011	01/7/2011	11/4/2017	8N8T	2,66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/2010	X	B	X	X
131	Phạm Hồng	Vân		13/5/1988	GV VH	Tiểu học Văn Chương	01/01/2011	01/7/2011	11/4/2017	8N8T	2,66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/2010	X	B	X	X
132	Lê Thị Minh	Chung		28/2/1987	GV VH	Tiểu học Văn Chương	01/01/2010	01/01/2010	11/4/2017	10N2T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/2013	X	B	X	X
133	Nguyễn Thị	Hồng		17/7/1992	GV VH	Tiểu học Văn Chương	01/10/2014	01/4/2015	11/4/2017	4N11T	2,26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/2018	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
134	Phạm Thị Minh	Thảo		20/2/1974	G Mỹ thuật	Tiểu học Văn Chương	01/01/2007	01/01/2007	01/9/2016	13n2T	3,06	V.07.03.09	CĐSP Hội họa; Cử nhân nghề thuật	6/1994	X	B	X	X
135	Phạm Ngọc	Lan		26/3/1989	GV Tin học	Tiểu học Văn Chương	01/11/2011	01/5/2012	01/5/2016	7N10T	2,46	V.07.03.09	ĐHSP Tin học	7/2011	ĐH	B1	X	X
136	Phạm Thị Hiền	Lương		01/10/1980	Gv Thể dục	Tiểu học Văn Chương	01/01/2007	01/01/2007	01/9/2016	13N2T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GD Thể chất	6/2001	X	B	X	X
137	Đặng Thị Minh	Loan		03/08/1979	Gv Thể dục	TH Láng Thượng	01/01/2007	01/07/2007	11/4/2017	12N8T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Thể chất	11/2005	X	C	X	X
138	Huỳnh Mai	Hoa		08/03/1982	GVVH	TH Láng Thượng	01/08/2008	01/08/2008	11/4/2017	11N5T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	3/2009	X	A2	X	X
139	Nguyễn Thị	Vân		28/10/1986	GVVH	TH Láng Thượng	07/09/2007	01/03/2008	11/4/2017	12N	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/2012	X	B	X	X
140	Ngô Thị	Thuỷ		09/11/1992	GVVH	TH Láng Thượng	26/9/2014	01/10/2014	11/4/2017	5N6T	2.26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	02/2016	X	B	X	X
141	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh		21/12/1979	Giáo viên tin học	TH Lý Thường Kiệt	01/08/2008	01/02/2009	11/04/2017	11N1T	2,86	V.07.03.09	ĐHSPTin học	2/2010	ĐH	ĐH	X	X
142	Hoàng Thị	Hào		27/10/1976	GV VH	TH Lý Thường Kiệt	01/01/2007	01/07/2007	11/04/2017	12N8T	3,06	V.07.03.09	ĐHSPTH	6/1998	X	CC B	X	X
143	Nguyễn Thị	Hồng		21/01/1980	GV VH	TH Lý Thường Kiệt	01/01/2010	01/01/2010	11/04/2017	10N2T	3,06	V.07.03.09	CĐSP TH	6/2002	X	CC B	X	X
144	Nguyễn Thị Kim	Toàn		10/08/1977	GV VH	TH Lý Thường Kiệt	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	9N8T	2,66	V.07.03.09	CĐSP TH	10/2017	ĐH	CC A2	X	X
145	Phạm Thị	Yến		10/05/1976	GV VH	TH Lý Thường Kiệt	01/01/2007	01/7/2007	11/04/2017	12N8T	3,26	V.07.03.09	TH.S QLGD; ĐHSP GD Tiểu học	2/2005	X	CC C	X	X
146	Nguyễn Thị Minh	Hồng		5/3/1976	GV VH	TH Phương Liên	01/9/1996	26/02/1998	11/4/2017	22N1T	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	10/2005	X	C	X	X
147	Nguyễn Thị Thu	Hương		24/6/1979	GV VH	TH Phương Liên	01/8/2008	01/8/2008	11/4/2017	11N7T	3,26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	01/2015	X	B	X	X
148	Đỗ Thị	Lan		24/6/1979	GV VH	TH Phương Liên	01/7/2010	01/7/2010	11/4/2017	9 N 8 T	2,66	V.07.03.09	ĐH Tiếng Anh SP	12/2001	X	C- Pháp	X	X
149	Nguyễn Phương	Linh		26/12/1994	GV VH	TH Phương Liên	1/1/2016	1/7/2016	1/1/2016	3N8T	2,06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	5/2018	X	B	X	X
150	Nguyễn Thị Kim	Phương		30/7/1978	GV VH	TH Phương Liên	1/1/2010	1/7/2010	11/4/2017	10N2T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	7/2009	X	C	X	X
151	Trần Thu	Trang		10/8/1984	GV tin học	TH Phương Liên	1/1/2010	1/7/2010	11/4/2017	9N8T	2,66	V.07.03.09	CĐSP CNTT	8/2006	CĐ	C1	X	X
152	Đào Thị Ngọc	Hà		19/2/1982	GV VH	TH Quang Trung	01/1/2011	01/7/2011	11/4/2017	8N8T	3.26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	7/2004	X	B2	X	X
153	Bùi Thị	Hương		26/7/1988	GV VH	TH Quang Trung	1/10/2010	1/4/2011	11/4/2017	8N11T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	4/2015	X	B	X	X
154	Phạm Thị Thanh	Hương		29/11/1973	GV VH	TH Quang Trung	01/8/2008	01/2/2009	11/4/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	Đại học SP Tin	9/2008	Đại học	Đại học	X	X
155	Phạm Thị	Sen		08/5/1975	GV Tiếng Anh	TH Quang Trung	01/8/2008	01/2/2009	11/4/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng SP Anh	6/1997	X	Cao đẳng Anh, C tiếng Pháp	X	X
156	Đỗ Thị	Lý		25/1/1987	GV Thể dục	TH Quang Trung	01/1/2010	01/7/2010	11/4/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng SP thể dục	4/2009	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
157	Nguyễn Hoài	Thu		20/8/1984	GV Âm nhạc	TH Quang Trung	01/8/2008	01/2/2009	11/4/2017	11N1T	2,86	V.07.03.09	Đại học SP Âm nhạc	10/2007	X	B	X	X
158	Trần Thị Thu	Thủy		28/8/1975	GV Âm nhạc	TH Quang Trung	01/01/2010	01/7/2010	11/4/2017	9N8T	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng SP Âm nhạc	10/2001	X	B	X	X
159	Nguyễn Bá	Đức	12/10/1980		GV VH	TH Quang Trung	1/1/2010	1/1/2010	11/4/2017	9N2T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GDTiểuhọc	5/2014	X	Bậc 2 (A2)	X	X
160	Phạm Thu	Huệ		01/3/1976	GV VH	TH Quang Trung	01/01/2000	01/8/2008	11/4/2017	11N7T	3,66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	7/2004	X	B	X	X
161	Nguyễn Thị Thúy	Hằng		15/09/1983	Giáo viên thể dục	TH Thịnh Quang	01/08/2008	01/02/2009	11/04/2017	11N1T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP TDTT	06/2007	X	B	X	X
162	Phan Thị	Hòa		15/06/1976	GV VH	TH Thịnh Quang	15/08/2008	15/08/2008	11/04/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	06/1998	X	B2	X	X
163	Nguyễn Minh	Huệ		15/01/1982	GV VH	TH Thịnh Quang	01/01/2007	01/01/2007	11/04/2017	13 năm	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	06/2007	X	B1	X	X
164	Đào Hồng	Hạnh		28/12/1977	GV VH	TH Thịnh Quang	01/01/2010	01/01/2010	11/04/2017	10N2T	3,26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	07/1999	X	Bậc 3 (B1)	X	X
165	Nguyễn Thị Anh	Thơ		21/04/1976	GV VH	TH Thịnh Quang	01/08/2008	01/08/2008	11/04/2017	11N7T	3,26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	06/1998	X	B1	X	X
166	Nguyễn Thanh	Thủy		22/05/1984	GV VH	TH Thịnh Quang	01/08/2008	01/02/2009	11/04/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	10/2008	X	B2	X	X
167	Lê Thị Phương	Nhung		29/12/1986	Giáo viên Mỹ thuật	TH Thịnh Quang	01/08/2008	01/02/2009	11/04/2017	11n1T	2,86	V.07.03.09	CĐNT Hội họa + Chứng chỉ SP	08/2007	X	C	X	X
168	Vũ Thị Ngọc	Lan		10/8/1972	GV VH	TH Tô Vĩnh Diện	01/11/1992	01/5/1994	11/04/2017	25N11T	4.06 x 5%	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	11/2012	X	B	X	X
169	Tạ	Thị Tuyết Nga		30/09/1972	GV VH	TH Tô Vĩnh Diện	01/11/2012	01/11/2012	11/04/2017	7N8T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	3/2007	X	B	X	X
170	Cao Minh	Thủy		11/02/1978	GV VH	TH Tô Vĩnh Diện	01/1/2007	01/1/2007	11/04/2017	13N2T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	11/2009	X	ĐH	X	X
171	Nguyễn	Thị Hồng Liên		01/08/1978	GV Âm nhạc	TH Tô Vĩnh Diện	01/7/2007	01/7/2007	11/04/2017	12N8T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạch	10/2015	X	B1	X	X
172	Nguyễn Thị Quỳnh	Dung		08/10/1981	GV VH	TH Tô Vĩnh Diện	01/11/2007	01/11/2007	11/04/2017	12N4T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	9/2004	X	C	X	X
173	Vũ Thị Vân	Anh		08/01/1977	GV VH	TH Tô Vĩnh Diện	01/08/2008	01/02/2009	11/04/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	3/2009	X	A2	X	X
174	Lê Hải	Yến		25/02/1979	GV VH	TH Tô Vĩnh Diện	01/11/2012	01/11/2012	11/04/2017	7N4T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	6/2007	X	ĐH	X	X
175	Nguyễn Thị	Đài		16/08/1986	GV VH	TH Tô Vĩnh Diện	01/01/2016	01/01/2016	11/04/2017	4N2T	2,26	V.07.03.09	CĐSP GD Tiểu học	14/12/2011	X	B	X	X
176	Nguyễn Thị	Nhinh		28/11/1978	GV VH	TH La Thành	01/09/1998	01/03/1999	01/07/2016	21N	3.86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	08/2011	X	A2	X	X
177	Đỗ Thị Ngọc	Minh		17/06/1986	GV VH	TH La Thành	01/11/2011	01/05/2012	11/04/2017	7N10T	2,46	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	06/2008	X	B	X	X
178	Thẩm Thúy	Hòa		30/07/1987	GV Thể dục	TH La Thành	01/01/2010	01/01/2010	11/04/2017	10N2T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP TDTT	12/2010	X	B	X	X
179	Nguyễn Kim	Chi		30/09/1989	GV TPT	TH La Thành	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	4N11T	2.26	V.07.03.09	Đại học	03/2015	ĐHSP Tin học	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
180	Nguyễn Thị	Gấm		09/07/1990	GV VH	TH La Thành	01/11/2012	01/05/2013	11/04/2017	6N10T	2.46	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	03/2013	X	B	X	X
181	Lê Viết	Phương	13/02/1985		GV Tin học	TH La Thành	01/08/2008	01/02/2009	11/04/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	CĐSP CNTT	08/2007	Cao đẳng	C	X	X
182	Nguyễn Thị	Hường		17/10/1977	GV VH	TH La Thành	01/11/2012	01/05/2013	11/04/2017	6N10T	2.46	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	06/2000	X	C	X	X
183	Trương Thị	Thanh		25/01/1975	GV VH	TH La Thành	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	06/1997	X	B	X	X
184	Hà Thị Hồng	Phương		03/10/1977	GV VH	TH La Thành	01/08/2008	01/02/2009	11/04/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	06/1999	X	B	X	X
185	Hoàng Thị	Thơ		27/10/1978	GV VH	TH Tam Khương	01/01/2010	01/07/2010	11/04/ 2017	12N8T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	18/08/2000	X	B	X	X
186	Phạm Thị	Hồng		10/07/1977	GV VH	TH Tam Khương	01/08/2008	01/02/2009	01/10/2016	11N1T	2,86	V.07.03.09	CĐSP GD Tiểu học	01/08/1998	X	C	X	X
187	Nguyễn Thị	Yến		18/06/1976	GV-TT	TH Trung Phụng	1/1/2010	1/1/2010	11/4/2017	10N2T	3.06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	20/8/2002	X	Anh B	X	X
188	Đỗ Thị Diễm Hương			16/11/1981	GV VH	TH Trung Phụng	1/1/2011	1/7/2011	11/4/2017	8N8T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	21/2/2014	X	Anh B	X	X
189	Trần Thị Lụa			23/8/1971	GV VH	TH Trung Phụng	1/9/1992	1/9/1994	11/4/2017	25N7T	4.06+5%vk	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	12/3/2008	X	Anh B	X	X
190	Nguyễn Thị Diệu	Hương		14/2/1982	GV Thể dục	TH Trung Phụng	1/1/2007	1/7/2007	11/4/2017	12N8T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GDTC; ThS KHGD	12/2010 2/12/2014	X	Anh B1	X	X
191	Nguyễn Thị Việt	Hà		12/6/1981	GV VH	TH Trung Phụng	1/1/2010	1/7/2010	11/4/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	12/11/2012	X	Anh A2	X	X
192	Trịnh Thị Bích	Thủy		3/9/1976	GV VH	TH Trung Phụng	1/1/2010	1/1/2010	11/4/2017	10N2T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	1/7/2009	X	Anh B	X	X

Danh sách này gồm có: 192 người.

Biểu mẫu 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND QUẬN HAI BÀ TRƯNG CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTDCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	Nguyễn Thu	Huyền		24/11/1987	GV	TH Bạch Mai	01/12/2010	01/12/2010	30/5/2017	2 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	08/2010	x	B	x	x
2	Lê Thị Thu	Huyền		22/4/1979	GV	TH Bạch Mai	01/12/2010	01/12/2010	30/5/2017	2 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	09/2001	x	B	x	x
3	Vũ Cẩm	Hoa		18/7/1984	GV	TH Bạch Mai	01/9/2008	01/3/2009	01/3/2009	10 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2006	ĐH	A2	x	x
4	Phạm Thùy	Linh		06/8/1987	GV	TH Bạch Mai	01/12/2009	01/6/2010	30/5/2017	2 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	05/2013	x	B	x	x
5	Vũ Thị	Cúc		22/10/1984	GV	TH Bạch Mai	01/9/2008	01/3/2009	01/3/2009	10 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	06/2008	x	B	x	x
6	Lê Thị	Hằng		07/10/1982	GV	TH Bạch Mai	01/12/2010	01/12/2010	30/5/2017	2 năm 8 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	04/2012	x	B	x	x
7	Tạ Thị	Hà		01/5/1976	GV	TH Bạch Mai	01/12/2010	01/12/2010	30/5/2017	2 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	07/1999	x	C	x	x
8	Vũ Thị	Huế		01/04/1990	GV	TH Ngô Quyền	01/12/2013	01/12/2013	30 /05 /2017	6 năm 2 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học	30/11/2011	x	A2	x	x
9	Đỗ Hồng	Phúc		07/11/1984	GV	TH Đồng Tâm	01/12/2009	01/12/2009	30/05/2017	11	3,06	V.07.03.09	Thạc sĩ	22/06/2005	x	B1	x	x
10	Đặng Thu	Trang		04/05/1984	GVMT-TPT	TH Đồng Tâm	01/01/2007	01/07/2007	30/05/2017	13	3,06	V.07.03.09	CĐSPMT	15/09/2006	x	A2	x	x
11	Lê Thị Thanh	Thủy		01/081980	GV	TH Đồng Tâm	01/12/2009	01/12/2009	30/05/2017	11	3,06	V.07.03.09	ĐHSPTH	06/06/2014	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
12	Lê Cẩm	Vân		28/08/1992	GV	TH Đồng Tâm	27/12/2013	27/12/2013	30/05/2017	7	2,46	V.07.03.09	ĐHSPTH	02/10/2017	x	A2	x	x
13	Trần Thị Thanh	Nga		22/08/1979	GV	TH Đồng Tâm	01/08/2008	01/08/2008	30/05/2017	12	2,86	V.07.03.09	ĐHSPTH	16/01/2013	x	A2	x	x
14	Vương Ngọc	Yến		18/10/1981	GV	TH Đồng Tâm	01/04/2007	01/10/2007	30/05/2017	13	3,06	V.07.03.09	CĐTD	01/07/2003	x	A2	x	x
15	Nguyễn Thị Bích	Ngà		14/10/1981	GV	TH Đồng Tâm	01/09/2008	01/09/2008	30/05/2017	12	3,06	V.07.03.09	ĐHSPTH	10/10/2002	x	A2	x	x
16	Bùi Thị Hương	Lan		03/06/1979	GV	TH Đồng Tâm	28/12/2006	04/10/2007	30/05/2017	13	3,06	V.07.03.09	ĐHSPTH	12/06/2000	x	A2	x	x
17	Đinh Thị Thu	Phương		08/03/1981	GV	TH Đồng Tâm	01/12/2009	12/05/2010	30/05/2017	11	3,06	V.07.03.09	ĐHSPTH	06/08/2003	x	A2	x	x
18	Lê Văn	Phong	08/05/1985		GV	TH Đồng Tâm	01/12/2009	01/06/2010	30/05/2017	11	2,66	V.07.03.09	ĐHGDTC	03/03/2017	x	A2	x	x
19	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		13/01/1984	GV	TH Đồng Tâm	01/01/2007	01/07/2007	30/05/2017	13	3,06	V.07.03.09	ĐHSPTH	02/07/2004	x	A2	x	x
20	Trần Thị Vân	Nguyên		02/08/1975	GV	TH Đồng Tâm	28/12/2006	04/10/2007	30/05/2017	13	3,06	V.07.03.09	ĐHSPTH	14/06/1998	x	A2	x	x
21	Lê Thanh	Hòa		06/11/1986	GV	TH Lương Yên	1/12/09	01/6/10	30/05/17	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	7/2008	x	B	x	x
22	Trương Thị Hương	Xuân		15/03/1980	GV	TH Lương Yên	01/9/08	21/5/09	30/05/17	11 năm 6 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP Lý Tin	10/2002	CĐ	B	x	x
23	Trần Minh	Hương		28/09/1979	GV	TH Lương Yên	1/12/09	1/12/09	30/05/17	10 năm 2 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	11/2007	x	B	x	x
24	Nguyễn Thị	Thuỷ		06/08/1979	GV	TH Lương Yên	15/5/08	31/12/08	30/05/17	11 năm 10 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP GDTH	6/2000	x	B	x	x
25	Hoàng Thu	Hiền		08/02/1981	GV	TH Lương Yên	1/12/09	1/12/09	30/5/17	10 năm 2 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	6/2004	x	C	x	x
26	Nguyễn Thị Hải	Yến		21/07/1984	GV	TH Lương Yên	1/12/10	03/8/11	30/05/17	9 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	9/2006	x	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
27	Hà Đình	Viên	13/01/1988		GV	TH Lương Yên	1/12/10	01/6/11	30/05/17	9 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐSP GDTC	9/2009	x	B	x	x
28	Lương Thị	Duyên		27/3/1990	GV	TH Đồng Nhân	27/12/2013	10/12/2015	30/5/2017	02 năm 09 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐSP	12/2012	x	B	x	x
29	Hoàng Thị	Huệ		05/3/1976	GVTH-TTCM Khối 5	TH Đồng Nhân	01/9/2008	30/5/2017	30/5/2017	02 năm 09 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐHSP	8/2004	x	B1	x	x
30	Lê Thị Hạnh	Nguyên		21/5/1980	GV	TH Đồng Nhân	01/01/2007	30/5/2017	30/5/2017	02 năm 09 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP	6/2001	x	B	x	x
31	Thạch Thị Thu	Thủy		05/8/1975	GVTH-TTCM Khối 1	TH Đồng Nhân	01/01/2007	01/07/2007	30/5/2017	02 năm 09 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐHSP	12/2016	x	B1	x	x
32	Nguyễn Minh	Nguyệt		15/01/1991	GV	TH Trung Hiền	01/12/2013	01/06/2014	30/05/2017	5 năm 8 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ	20/06/2013	x	A2	x	x
33	Vũ Thị	Mơ		04/01/1990	GV	TH Trung Hiền	01/12/2013	01/12/2013	30/05/2017	6 năm 2 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	13/12/2011	x	A2	x	x
34	Phú Thị	Ngọc		24/12/1985	Giáo viên - TTCM	TH Quỳnh Mai	01/09/2008	01/03/2009	30/05/2017	11 năm	3.06	V.07.03.09	ĐHSP	22/06/2006	x	A2	x	x
35	Phạm Thị Minh	Hường		05/5/1974	Giáo viên - TTCM	TH Quỳnh Mai	01/12/2009	01/6/ 2010	30/5/ 2017	9 năm 9 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	15/6/1999	x	A2	x	x
36	Phạm Thị	Tâm		30/4/1974	GV	TH Quỳnh Mai	15/8/ 2008	15/8/ 2008	30/5/ 2017	11 năm 7 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH	11/10/1999	x	A2	x	x
37	Nguyễn Phương	Thanh		12/9/1983	GV	TH Quỳnh Mai	01/12/2010	01/12/2010	30/5/2017	9 năm 2 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	7/2004	x	Đại học	x	x
38	Nguyễn Thị Hải	Yến		02/05/1985	GV	TH Quỳnh Mai	15/11/ 2007	01/12/2009	30/05/ 2017	10 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học sư phạm	04/2017	x	A2	x	x
39	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		20/03/1988	GV	TH Quỳnh Mai	01/12/2009	01/6/ 2010	30/05/2017	9 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	Đại học sư phạm	15/08/2009	x	A2	x	x
40	Nguyễn Hữu	Nhật	15/8/ 1985		GV	TH Quỳnh Mai	01/9/ 2008	01/3/ 2009	30/05/2017	10 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học KHTN	10/2011	ĐH	A2	x	x
41	Phạm Thị	Tuyết		08/08/1975	PHT	TH Trưng Trắc	01/09/2008	01/09/2008	30/5/2017	23 năm 4 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	02/6/2005	x	B1	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
42	Nguyễn Thị Lan	Phương		22/06/1983	PHT	TH Trưng Trắc	01/12/2009	01/12/2009	30/5/2017	10 năm 2 tháng	3,06	V.07.03.09	ThS	23/02/2016	x	B2	x	x
43	Nguyễn Thị Thu	Hường		07/01/1981	GV	TH Trưng Trắc	01/12/2009	01/12/2009	30/5/2017	10 năm 2 tháng	2,46	V.07.03.09	ThS	09/02/2006	x	C	x	x
44	Nguyễn Thị Phương	Ngân		12/03/1985	GV	TH Trưng Trắc	01/12/2009	01/12/2009	30/5/2017	10 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	ThS	23/02/2016	x	B1	x	x
45	Lê Minh	Hiền		07/12/1982	GV	TH Trưng Trắc	01/01/2007	01/07/2007	30/5/2017	13 năm 01 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	18/03/2009	x	C	x	x
46	Nguyễn Thị Thu	Thủy		29/09/1978	GV	TH Trưng Trắc	01/01/2007	01/01/2007	30/5/2017	13 năm 01 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH	15/07/1999	x	C	x	x
47	Phạm Thúy	Nga		22/09/1991	GV	TH Trưng Trắc	31/10/2012	28/12/2012	15/5/2017	07 năm 04 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	29/8/2014	x	A2	x	x
48	Nguyễn Thu	Bằng		07/08/1984	GV	TH Đoàn Kết	01/09/2008	01/03/2009	30/05/2017	11	2,86	V.07.03.09	CĐ	22/06/2006	ĐH	B	x	x
49	Trần Thị	Hiền		10/07/1983	GV	TH Đoàn Kết	01/09/2008	01/03/2009	30/05/2017	11	2,86	V.07.03.09	CĐ	27/06/2006	x	B	x	x
50	Đàm Thị Bích	Ngọc		27/5/1977	GV	TH Minh Khai	9/2008		30/5/2017	10n4t	3,06	V.07.03.09	ĐH SPTH	8/2008	x	C	x	x
51	Mai Văn	Quảng	8/8/ 1973		GV	TH Minh Khai	1/2007	7/2007	30/5/2017	13n7t	3,06	V.07.03.09	ĐHSPNTT W	12/2010	x	B	x	x
52	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		15/11/1992	GV	TH Minh Khai	01/01/2016	7/2016	01/07/2016	4n7t	2,06	V.07.03.09	ĐH SPTH	10/2017	x	B	x	x
53	Hoàng Thị	Thúy		31/03/1983	GV-TPT	TH Minh Khai	01/12/2013	7/2014	30/5/2017	6n7t	2,26	V.07.03.09	ĐH SPTH	12/2016	x	B	x	x
54	Đinh Thị	Mỹ		05/08/1993	GV	TH Minh Khai	01/01/2016	7/2016	01/07/2016	3n 8t	2,06	V.07.03.09	CĐ SPTH	04/05/2016	x	B	x	x
55	Đỗ Bích	Thủy		10/12/1976	GV	TH Lê Ngọc Hân	01/09/ 1996	01/04/1998	30/05/2017	23 năm 6 tháng	4.06	V.07.03.09	Đại học	12/03/2007	x	C	x	x
56	Vũ Diễm	Phương		30/03/1982	Giáo viên - TTCM tổ 2	TH Lê Ngọc Hân	28/12/2006	04/10/2007	30/05/2017	12 năm 5 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐHSP	06/2006	x	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
57	Nguyễn Tú	Mai		26/03/1978	GV	TH Lê Ngọc Hân	28/12/ 006	04/10/ 2007	30/05/2017	12 năm 5 tháng	3.26	V.07.03.09	ĐHSP	12/06/2000	x	A2	x	x
58	Vũ Hồng	Minh		05/11/1979	GV	TH Lê Ngọc Hân	28/12/2006	01/07/2007	30/5/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	06/2001	x	B1	x	x
59	Trịnh Thu	Hằng		19/12/1989	GV	TH Lê Ngọc Hân	30/12/2011	30/12/2011	30/05/2017	7 năm 2 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	04/08/2010	x	C	x	x
60	Hoàng Thị Kim	Dung		24/07/1977	PHT	TH Lê Ngọc Hân	01/09/2008	01/09/2008	30/5/2017	11 năm 6 tháng	3.86	V.07.03.09	ĐH, Thạc sỹ	15/07/1999	x	B1	x	x
61	Bùi Thanh	Dung		11/11/1982	GV	TH Lê Ngọc Hân	06/09/2008	21/05/2009	30/05/2017	10 năm 9 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	2006	x	B1	x	x
62	Trần Anh	Thu		21/03/1984	GV	TH Lê Ngọc Hân	28/12/2006	04/10/2007	30/5/2017	12 năm 5 tháng	3.26	V.07.03.09	Thạc sỹ	4/2018	x	ĐH	x	x
63	Nguyễn Bùi Liên	Hương		02/10/1984	GV	TH Lê Ngọc Hân	28/12/2006	04/10/2007	30/05/2017	12 năm 5 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐHSP	2008	x	C	x	x
64	Hà Thị Trà	Hương		03/12/1982	GV	TH Lê Ngọc Hân	01/12/2009	01/06/2010	30/05/2017	9 năm 9 tháng	2.86	V.07.03.09	Thạc sỹ	06/2006	x	B1	x	x
65	Nguyễn Mạnh	Tuấn	22/12/1982		GV	TH Lê Ngọc Hân	28/12/2006	04/10/2007	30/05/2017	12 năm 5 tháng	3.46	V.07.03.09	ĐHSP	04/10/2007	x	B1	x	x
66	Phan Thị	Tâm		20/07/1982	GV	TH Lê Ngọc Hân	01/09/2008	01/03/2009	30/05/2017	9 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	22/06/2005	x	A2	x	x
67	Nguyễn Thị Hải	Yến		11/9/1970	GV	TH Bà Triệu	28/12/2006	4/10/2007	30/5/2017	2 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học chuyên ngành	5/2006	x	A2	x	x
68	Đào Văn	Tuấn	23/9/1975		GV Tin	TH Bà Triệu	1/9/2008	21/5/2009	30/5/2017	2 năm 9 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học Toán - tin	12/2006	ĐH	A2	x	x
69	Phạm Mai	Khanh		29/10/1983	GV	TH Bà Triệu	7/12/2006	28/12/2006	30/5/2017	2 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học chuyên ngành	6/2006	x	A2	x	x
70	Nguyễn Thị	Thời		14/4/1971	GV	TH Bà Triệu	15/4/2002		30/5/2017	2 năm 9 tháng	3,66	V.07.03.09	Đại học chuyên ngành	11/2007	x	A2	x	x
71	Trần Thị Hương	Thanh		7/1/1980	GV	TH Bà Triệu	15/5/2008	31/12/2008	30/5/2017	2 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học GDTH	6/2011	x	Cử nhân tiếng Anh	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
72	Lê Thị	Hương		20/7/1988	GV	TH Bà Triệu	01/11/2013	18/11/2013	20/4/2017	2 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học chuyên ngành	5/2011	x	A2	x	x
73	Lê Thị	Thắm		18/9/1990	GV	TH Bà Triệu	25/10/2012	24/10/2012	30/5/2017	2 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học chuyên ngành	5/2014	x	A2	x	x
74	Trần Thị Bích	Thủy		27/10/1981	GV	TH Bà Triệu	01/01/2007	01/7/2007	30/5/2017	2 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	Cao đẳng chuyên ngành	6/2005	x	A2	x	x
75	Trần Thị Mai	Trang		03/10/1984	GV	TH Bà Triệu	01/09/2008	01/03/2009	30/05/2017	2 năm 9 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học chuyên ngành	10/2018	ĐH	A2	x	x
76	Lê Thị	Hợi		16/7/1984	GV	TH Bà Triệu	01/08/2008	01/02/2009	30/05/2017	2 năm 9 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học chuyên ngành	8/2017	x	A2	x	x
77	Vũ Hà	Linh		20/5/1993	GV	TH Bà Triệu	04/09/2014	15/05/2017	30/05/2017	2 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	Cao đẳng chuyên ngành	5/2014	x	A2	x	x
78	Nguyễn Thanh	Huyền		18/11/1994	GV	TH Bà Triệu	01/01/2016	01/07/2016	30/05/2017	2 năm 9 tháng	2,06	V.07.03.09	Cao đẳng chuyên ngành	5/2016	x	A2	x	x
79	Đặng Thanh	Huyền		20/4/1988	GV	TH Bà Triệu	01/12/2010	30/12/2011	30/05/2017	2 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học chuyên ngành	8/2016	x	A2	x	x
80	Nguyễn Thị Bích	Huệ		23/10/1975	GV	TH Tây Sơn	01/2007	01/07/2007	30/05/2017	12 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	09/2005	x	A2	x	x
81	Lê Tố	Loan		13/02/1987	GV	TH Tây Sơn	12/2009	01/06/2010	30/05/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	05/2013	x	B	x	x
82	Lê Thị Lan	Hương		04/09/1982	GV	TH Tây Sơn	01/2007	01/07/2007	30/05/2017	12 năm 7 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	12/2007	x	B	x	x
83	Phạm Thị Xuân	Giang		24/02/1987	GV	TH Tây Sơn	09/2012	01/12/2013	30/05/2017	6 năm 2 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	06/2008	x	B	x	x
84	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa		21/09/1987	GV	TH Tây Sơn	12/2010	01/06/2011	30/05/2017	8 năm 8 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	05/2013	x	A2	x	x
85	Nguyễn Diệu	Hương		04/10/1991	GV	TH Tây Sơn	09/2012	01/12/2013	30/05/2017	6 năm 2 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	05/2015	x	B	x	x
86	Nguyễn Thị Lan	Anh		27/06/1977	GV	TH Tây Sơn	01/2007	01/07/2007	30/05/2017	12 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	08/2003	x	B2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
87	Nguyễn Thị	Huyền		07/04/0986	Giáo viên tiếng Anh	TH Tây Sơn	12/2010	01/06/2011	30/05/2017	8 năm 8 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP Tiếng Anh	05/2009	x	B2	x	x
88	Phạm Ngọc	Điệp		14/08/1982	Giáo viên tiếng Anh	TH Tây Sơn	12/2010	30/12/2011	30/05/2017	8 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP Tiếng Anh	05/2006	x	B2	x	x
89	Trần Văn	Thành	30/01/1989		GV	TH Tây Sơn	12/2013	01/06/2014	30/05/2017	5 năm 8 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP thể thao	06/2012	x	B	x	x
90	Phan Tú	Phương		24/08/1984	GV	TH Tây Sơn	6/2010	01/06/2010	30/05/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP thể thao	08/2009	x	C	x	x
91	Lê Thị Huyền	Trang		06/11/1982	GV	TH Tây Sơn	08/2007	15/08/2008	30/05/2017	10 năm 4 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	2007	x	C	x	x
92	Đỗ Tuyết	Nga		27/08/1991	GV	TH Tây Sơn	12/2013	01/06/2014	30/05/2017	6 năm 2 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	05/2013	x	ĐH	x	x
93	Nguyễn Thu	Hương		06/11/1985	GV	TH Tây Sơn	12/2008	01/12/2010	30/05/2017	9 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	06/2008	x	C	x	x
94	Lê Anh	Thư		13/12/1979	GV	TH Tây Sơn	09/2008	21/05/2009	30/05/2017	10 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	06/2000	x	A2	x	x
95	Phạm Thu	Trang		23/03/1983	GV	TH Tây Sơn	08/2008	15/02/2009	30/05/2017	11 năm	2,86	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	2007	x	A2	x	x
96	Phạm Mai	Hương		29/06/1990	GV	TH Tây Sơn	09/2012	01/12/2013	30/05/2017	5 năm 1 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	05/2012	x	C	x	x
97	Ngô Thị Thùy	Ninh		11/11/1988	GV	TH Tây Sơn	12/2013	01/06/2014	30/05/2017	4 năm 7 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP mỹ thuật	08/2012	x	B	x	x
98	Phạm Thanh	Hà		1/12/1983	GV	TH Tây Sơn	7/2007	1/7/2007	30/05/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	2007	x	B	x	x
99	Nguyễn Thị Mai	Hoa		14/06/1977	GV	TH Ngô Thì Nhậm	01/12/2010	01/12/2010	30/05/2017	9 năm 2 tháng	3,46	V.07.03.09	Đại học	12/2006	x	C	x	x
100	Nguyễn Thanh	Huyền		21/10/1980	GV	TH Ngô Thì Nhậm	01/01/2016	01/07/2016	04/04/2018	3 năm 7 tháng	2,06	V.07.03.09	Cao đẳng	10/2017	x	B	x	x
101	Nguyễn Thu	Hương		06/06/1988	GV	TH Ngô Thì Nhậm	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4 năm 2 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học	12/2016	x	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
102	Nguyễn Thùy	Dương		25/01/1988	GV	TH Ngô Thì Nhậm	1/12/2013	1/12/2013	30/5/2017	6 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	5/2013	x	C	x	x
103	Hà Thị Diễm	Hằng		19/1/1991	GV	TH Ngô Thì Nhậm	1/12/2013	1/6/2014	30//2017	5 năm 8 tháng	2,26	V.07.03.09	Cao đẳng	6/2013	x	B	x	x
104	Lâm Diệu	Linh		22/9/1981	GV	TH Ngô Thì Nhậm	1/1/2007	1/7/2007	30/5/2017	12 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	Đại học	12/2016	x	A2	x	x
105	Trịnh T Quỳnh	Trang		27/2/1981	GV	TH Ngô Thì Nhậm	1/12/2006	1/12/2006	30/5/2017	13 năm 2 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	6/2017	x	B	x	x
106	Trần Quỳnh	Anh		30/5/1992	GV	TH Ngô Thì Nhậm	1/12/2013	1/6/2014	30/5/2017	5 năm 8 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ	20/6/2013	x	B	x	x
107	Bùi Vân	Anh		13/9/1990	GV	TH Ngô Thì Nhậm	1/1/2011	1/5/2012	1/4/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học	3/2014	x	B	x	x
108	Phạm T Kim	Yến		26/10/1993	GV	TH Ngô Thì Nhậm	1/12/2013	1/6/2014	30/5/2017	5 năm 8 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học	12/2016	x	B	x	x
109	Ngô Trọng	Điệp	7/9/1988		GV	TH Ngô Thì Nhậm	1/12/2013	1/6/2014	30//2017	5 năm 8 tháng	2,26	V.07.03.09	Cao đẳng	9/2010	x	B	x	x
110	Ngô Minh	Đức	9/11/1977		GV	TH Ngô Thì Nhậm	1/9/2008	1/3/2009	30/5/2017	11 năm	2,86	V.07.03.09	Đại học	10/2011	ĐH	B	x	x
111	Kiều Thị	Vân		13/3/1989	GV	TH Ngô Thì Nhậm	1/12/2013	1/6/2014	30/5/2017	5 năm 8 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học	7/2017	x	B	x	x
112	Phan T Kim	Chi		26/91973	GV	TH Ngô Thì Nhậm	27/5/1998	31/5/2000	30/5/2017	19 năm 8 tháng	4,06	V.07.03.09	Đại học	4/2006	x	B	x	x
113	Trần Minh	Trang		18/11/1988	GVTH	TH Vĩnh Tuy	1/12/2010	01/06/2011	30/05/2017	3 năm	2,66	V.07.03.09	ĐH	11/2014	x	B	x	x
114	Nguyễn Thị Huyền	Trang		1/8/1990	GVTH	TH Vĩnh Tuy	01/12/2013	01/6/2014	30/05/2017	3 năm	2,46	V.07.03.09	ĐH	06/2012	x	B	x	x
115	Mai Thị Hồng	Vân		8/10/1973	GVMT	TH Vĩnh Tuy	28/12/2006	04/10/2007	30/05/2017	3 năm	3,26	V.07.03.09	ĐH	9/2008	x	B	x	x
116	Phùng Đình	Nam	13/8/1990		GVTD	TH Vĩnh Tuy	27/10/2013	27/10/2013	30/05/2017	3 năm	2,46	V.07.03.09	ĐH	12/2005	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
117	Vũ Thị Thanh	Hải		22/4/1980	GVAN	TH Vĩnh Tuy	28/12/2006	04/10/2007	30/05/2017	3 năm	3,26	V.07.03.09	ĐH	09/2008	x	C	x	x
118	Nguyễn Thị Trà	Ly		17/2/1981	TPT	TH Vĩnh Tuy	01/12/2013	01/03/2014	30/05/2017	3 năm	2,46	V.07.03.09	ĐH	07/2012	x	C	x	x
119	Nguyễn Thị	Tình		27/6/1989	GVTH	TH Vĩnh Tuy	01/12/2013	01/12/2013	30/05/2017	3 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH	08/2005	x	C	x	x
120	Nguyễn Thi	Hiền		29/10/1970	GVTH	TH Vĩnh Tuy	01/12/2009	01/06/2010	30/05/2017	3 năm	2,66	V.07.03.09	CĐ	11/1997	x	B	x	x
121	Dương Thị	Liên		10/09/1987	GVTH	TH Vĩnh Tuy	01/12/2009	01/06/2010	30/05/2017	3 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH	09/2009	x	B1	x	x
122	Đặng Thị Thanh	Huyền		23/03/1984	GVTH	TH Vĩnh Tuy	01/12/2009	01/6/2010	30/05/2017	3 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH	06/2005	x	B1	x	x
123	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		18/01/1987	GVTH	TH Vĩnh Tuy	31/12/2015	30/12/2016	30/12/2016	4 năm	2,46	V.07.03.09	ĐH	08/2015	x	B	x	x
124	Lê Thị	Duyên		24/10/1994	GVTH	TH Vĩnh Tuy	01/01/2016	01/7/2016	01/7/2016	4 năm	2,06	V.07.03.09	ĐH	12/2018	x	C	x	x
125	Nguyễn Thị	Huyền		14/05/1988	GVTH	TH Vĩnh Tuy	01/12/2013	01/02/2015	30/05/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	ĐH	06/2011	x	C	x	x
126	Nguyễn Phương	Anh		05/09/1982	TTCM	TH Tô Hoàng	01/01/2007	01/07/2007	30/5/2017	05 năm	3,06	V.07.03.09	Ths	09/2005	x	B1	x	x
127	Bùi Lan	Anh		22/01/1980	GV	TH Tô Hoàng	01/01/2007	01/07/2007	30/05/2017	2 năm 9 tháng	3.06	V.07.03.09	Đại học SPTH	10/2009	x	A2	x	x
128	Nguyễn Bích	Hường		19/06/1982	GV	TH Tô Hoàng	01/9/2008	01/9/2008	30/5/2017	11 năm 05 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học SPTH	26/3/2007	ĐH	A2	x	x
129	Nguyễn Thị	Hường		18/10/1989	GV	TH Tô Hoàng	01/12/2010	01/06/2011	30/5/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học SPTH	06/3/2013	x	A2	x	x
130	Nguyễn Thị Lan	Hương		24/10/1979	GV	TH Tô Hoàng	01/09/2008	01/9/2008	30/5/2017	11 năm 05 tháng	3.26	V.07.03.09	Đại học SPTH	14/01/2009	x	A2	x	x
131	Nuyễn Thị Thanh	Hương		22/12/1992	GV	TH Tô Hoàng	1/12/2013	1/6/2014	30/5/2017	5 năm 6 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học SPTH	20/10/2017	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
132	Khúc Văn	Linh		30/07/1982	GV	TH Tô Hoàng	02/11/2009	01/12/2009	30/5/2017	11 năm 2 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học SPTH	02/11/2009	x	A2	x	x
133	Vũ Thị Kim	Thoa		16/11/1978	GV	TH Tô Hoàng	01/12/2010	03/08/2011	30/05/2017	9 năm 4 tháng	3,26	V.07.03.09	Đại học SPTH	15/12/2006	x	A2	x	x
134	Nguyễn Thanh	Thủy		05/11/1981	GV	TH Tô Hoàng	01/01/2007	01/07/2007	30/05/2017	13 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học SPTH	8/2003	x	A2	x	x
135	Nguyễn Thị Thanh	Thủy		03/03/1972	GV	TH Tô Hoàng	01/01/2007	01/07/2007	30/5/2017	13 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học Mĩ thuật	25/11/1998	x	A2	x	x
136	Dương Thị Ngọc	Quyên		31/10/1984	GV	TH Tô Hoàng	01/01/2007	01/07/2007	30/5/2017	13 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học SPTH	05/11/2009	x	B	x	x
137	Phương Hà	Lan		21/12/1980	Phó HT	TH Lê Văn Tám	1/1/ 2007	1/1/ 2007	30/05/2017	2 năm 9 tháng	3,26	V.07.03.09	Th.sĩ	12/6/ 2002	x	B1	x	x
138	Phạm Kim	Hoàn		24/5/1982	GV	TH Lê Văn Tám	01/12/ 2009	01/12/ 2009	30/05/2017	2 năm 9 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học Sư phạm	18/03/2009	x	A2	x	x
139	Kim	Hoa		10/03/1973	GV	TH Lê Văn Tám	01/09/ 2008	01/09/ 2008	01/09/2017	2 năm 9 tháng	3,26	V.07.03.09	Đại học Sư phạm	06/06/2007	x	A2	x	x
140	Nguyễn Thị	Hoa		23/08/1976	GV	TH Lê Văn Tám	01/12/ 2010	03/08/ 2011	30/05/2017	2 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học Sư phạm	12/03/2007	x	A2	x	x
141	Nguyễn Phương	Loan		17/10/1979	GV	TH Lê Văn Tám	28/12/ 2006	04/10/ 2007	30/05/2017	2 năm 9 tháng	3,26	V.07.03.09	Cao đẳng Sư phạm	12/06/2000	x	A2	x	x
142	Trần Thị Thu	Vân		16/08/1977	GV	TH Lê Văn Tám	01/12/ 2010	01/12/ 2010	01/09/2017	2 năm 9 tháng	3,26	V.07.03.09	Đại học Sư phạm	04/12/2007	x	A2	x	x
143	Lê Thủy	Hường		29/09/1981	GV	TH Lê Văn Tám	01/01/ 2007	01/07/ 2007	30/05/2017	2 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học Sư phạm	23/06/2005	x	A2	x	x
144	Nguyễn Phương	Thúy		28/11/1988	GV	TH Lê Văn Tám	01/12/ 2010	01/06/ 2011	30/05/2017	2 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học Sư phạm	30/05/2014	x	A2	x	x
145	Vũ Thu	Trang		02/12/1983	GV	TH Lê Văn Tám	01/03/ 2011	03/08/ 2011	03/08/2011	2 năm 9 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học Sư phạm	06/06/2008	x	C	x	x
146	Phạm Thị Minh	Hằng		30/11/1988	GV	TH Lê Văn Tám	27/12/ 2013	24/10/ 2014	30/05/2017	2 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	16/6/ 2010	x	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTDCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CBSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
147	Nguyễn Thị	Lan		23/07/1979	TPT	TH Quỳnh Lôi	1/12/2010	01/06/2011	30/5/2017	8 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	Đại học	6/2012	x	B2	x	x
148	Nguyễn Thị Kim	Cúc		30/1/1977	GV	TH Quỳnh Lôi	1/12/2010	01/12/2010	30/5/2017	9 năm 3 tháng	2.66	V.07.03.09	Đại học Cđẳng	10/2002; 12/1999	x	CĐ.T.N GA	x	x
149	Dương Hương	Nhung		31/7/1993	GV	TH Quỳnh Lôi	1/1/2016	01/07/2016	1/7/2016	3 năm 8 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học	05/2015	x	A2	x	x
150	Đinh Hoài	Linh		29/10/1980	TTCM	TH Quỳnh Lôi	28/12/2006	01/01/2007	30/5/2017	13 năm 2 tháng	3.26	V.07.03.09	Thạc sĩ	06/2002	x	B1	x	x
151	Nguyễn Khánh	Thu		22/06/1982	GV	TH Quỳnh Lôi	01/06/2006	01/07/2007	30/5/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	Cử nhân	05/2004	x	B	x	x
152	Đỗ Thị Bích	Hằng		13/6/1989	GV	TH Quỳnh Lôi	1/12/2010	01/06/2011	30/5/2017	8 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	Cử nhân	02/2014	x	A2	x	x
153	Trần Thu	Hiền		5/6/1974	GV	TH Quỳnh Lôi	28/12/2006	4/10/2007	30/5/2017	12 năm 5 tháng	3.26	V.07.03.09	Cử nhân	2/2002	x	B	x	x
154	Nguyễn Minh	Trang		13/1/1992	GV	TH Quỳnh Lôi	18/12/2015	01/07/2016	1/7/2016	3 năm 8 tháng	2.26	V.07.03.09	Cử nhân	05/2014	x	A2	x	x
155	Trần Thị Bích	Liên		04/09/1977	GV	TH Quỳnh Lôi	1/12/2010	01/12/2010	30/5/2017	9 năm 3 tháng	2.66	V.07.03.09	Đại học C đẳng	04/2014; 06/1999	x	C	x	x
156	Trần Phương	Thảo		08/12/1988	GV	TH Ngô Quyền	01/12/2009	01/06/2010	30 /05/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	15/08/2009	x	A2	x	x

Danh sách này gồm 156 người.

Biểu mẫu 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND QUẬN CẦU GIẤY CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
1	Đỗ Thị	Hoa		22/03/1978	Phó Hiệu trưởng	TH An Hòa	01/01/2007	01/01/2007	20/04/2017	13 năm 0 tháng	3.26	V.07.03.09	ĐH	14/1/2009	x	B	x	x
2	Lê Hồng	Diệp		10/02/1986	Giáo viên	TH An Hòa	01/12/2009	01/06/2010	30/05/2017	9 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	30/5/2014	x	A2	x	x
3	Nho Thị Bích	Ngọc		29/09/1980	Khối trưởng	TH An Hòa	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm 0 tháng	3.26	V.07.03.09	ĐH	28/02/2012	x	B	x	x
4	Đinh Thị	Liên		15/09/1974	Giáo viên	TH An Hòa	15/08/1997	06/12/1999	01/07/2017	20 năm 6 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	04/4/2006	x	B	x	x
5	Đỗ Thị	Dung		20/10/1982	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/08/2008	01/02/2009	20/04/2017	11 năm 0 tháng	3.06	V.07.03.09	Thạc sĩ	03/2008	x	A2	x	x
6	Phương Thị Thu	Huyền		29/11/1992	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/10/2014	01/10/2014	20/04/2017	5 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	06/2013	x	B	x	x
7	Nguyễn Thu	Đoan		26/11/1977	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	15/5/2008	01/08/2008	20/04/2017	11 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	07/2000	x	C	x	x
8	Nguyễn Thị	Tuyết		20/10/1988	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/10/2011	01/04/2012	20/04/2017	7 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	05/2011	x	A2	x	x
9	Đỗ Thị Hồng	Hạnh		08/07/1980	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/01/2007	01/01/2009	20/04/2017	11 năm 0 tháng	3.46	V.07.03.09	ĐH	09/2006	x	B	x	x
10	Phùng Thị Hải	Yến		21/01/1975	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/08/2008	01/02/2009	20/04/2017	11 năm 0 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	09/2006	x	A2	x	x
11	Phạm Thị Hồng	Vân		02/10/1979	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	15/5/2008	01/08/2008	20/04/2017	11 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	09/2006	x	A2	x	x

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
12	Trần Thị	Hải		24/02/1979	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/10/2014	01/10/2014	20/04/2017	5 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	07/2006	ĐH	C	x	x
13	Công Hồng	Yến		01/05/1993	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 11 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH	05/2015	x	A2	x	x
14	Đỗ Thị	Hương		26/07/1980	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/01/2007	01/01/2009	20/04/2017	11 năm 0 tháng	3.46	V.07.03.09	ĐH	09/2006	x	A2	x	x
15	Nguyễn Thanh	Hà		8/10/1992	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/11/2013	01/05/2014	20/04/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	11/2006	x	A2	x	x
16	Ngô Thị Hoài	Thu		18/03/1986	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/01/2011	01/01/2011	20/04/2017	9 năm 0 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	06/2009	x	A2	x	x
17	Nguyễn Thị Kim	Thoa		16/05/1975	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/08/2008	01/08/2008	20/04/2017	11 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	06/1997	x	B	x	x
18	Vũ Thị Minh	Nguyệt		20/07/1978	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/08/2008	01/08/2008	20/04/2017	11 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	01/2004	x	Pháp B	x	x
19	Nguyễn Thị	Vinh		31/01/1981	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	30/10/2013	01/11/2013	20/04/2017	6 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	06/2020	x	B	x	x
20	Hồ Thị Thanh	Thủy		11/12/1976	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/01/2010	01/07/2010	20/04/2017	9 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	06/1998	x	B	x	x
21	Kim Thị	Hạnh		24/08/1972	KTCM Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/08/2008	01/08/2008	20/04/2017	11 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	02/2002	x	B	x	x
22	Lưu Thị Lan	Hương		05/09/1976	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/01/2007	01/01/2007	20/04/2017	13 năm 0 tháng	3.46	V.07.03.09	ĐH	06/1998	x	B	x	CSTĐTP
23	Lê Thị	Loan		20/09/1986	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/10/2011	01/04/2012	20/04/2017	7 năm 11 tháng	2.66	V.07.03.09	Thạc sĩ	04/2011	x	B	x	x
24	Ngô Thị Thu	Hằng		09/12/1985	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/01/2007	01/08/2007	20/04/2017	12 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	Thạc sĩ	06/2011	x	B	x	x
25	Nguyễn Kim	Tuyết		14/06/1988	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/10/2011	01/04/2012	20/04/2017	7 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	05/2011	x	A2	x	x
26	Chu Thị Thu	Hà		31/05/1986	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/01/2010	01/01/2010	20/04/2017	10 năm 0 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	11/06/2008	x	A2	x	x
27	Hà Thị Thanh	Vân		21/01/1978	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/01/2007	01/01/2007	30/05/2017	13 năm 0 tháng	3.46	V.07.03.09	ĐH	15/7/1999	x	A2	x	x

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
28	Đỗ Thanh	Thủy		17/06/1983	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/01/2007	01/01/2007	20/04/2017	13 năm 0 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	06/06/2007	x	B	x	x
29	Đinh Thị Thùy	Linh		15/01/1982	KPCM	TH Dịch Vọng A	01/08/2008	01/02/2009	20/04/2017	11 năm 0 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	22/06/2005	ĐH	C	x	x
30	Nguyễn Thị	Tháo		09/09/1980	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	01/01/2007	01/01/2007	20/04/2017	13 năm 0 tháng	3.46	V.07.03.09	ĐH	10/02/2014	x	B	x	x
31	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh		05/12/1989	Giáo viên	TH Dịch Vọng A	05/09/2010	01/03/2011	20/04/2017	9 năm 0 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	04/08/2010	x	B1	x	x
32	Nguyễn Thị Phương	Loan		02/03/1974	Giáo viên	TH Dịch Vọng B	01/01/2010	01/01/2010	20/04/2017	10 năm 0 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	15/12/2006	x	B	X	x
33	Nguyễn Khắc	Bằng	09/12/1979		Giáo viên	TH Dịch Vọng B	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 11 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH	18/07/2003	x	C	X	x
34	Hoàng Minh	Ngọc		03/07/1978	Giáo viên. TTCM	TH Dịch Vọng B	01/01/2010	01/01/2010	20/04/2017	10 năm 0 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	05/09/2006	x	B	X	x
35	Vũ Thị	Mai		10/06/1974	GV cơ bản	TH Dịch Vọng B	01/09/1994	01/03/1995	20/04/2017	25 năm 0 tháng	4.06, VK 6%	V.07.03.09	ĐH	29/3/2010	x	B	X	x
36	Ngô Thị Phương	Liên		18/07/1978	GV TTCM	TH Dịch Vọng B	01/01/2007	01/01/2007	20/04/2017	13 năm 0 tháng	3.26	V.07.03.09	ĐH	06/06/2007	x	B	X	x
37	Ngô Thị Lan	Anh		17/12/1979	Giáo viên	TH Dịch Vọng B	01/01/2010	01/01/2010	20/04/2017	10 năm 0 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	06/06/2007	x	B	X	x
38	Trịnh Thị Quỳnh	Anh		20/12/1977	Giáo viên	TH Dịch Vọng B	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13 năm 0 tháng	3.46	V.07.03.09	ĐH	15/7/1999	x	B	X	x
39	Nguyễn Phương	Thanh		22/08/1981	Giáo viên	TH Dịch Vọng B	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13 năm 0 tháng	3.26	V.07.03.09	ĐH	6/6/2007	x	C	X	x
40	Nguyễn Lệ Khánh	Châu		29/10/1980	GV TTCM	TH Dịch Vọng B	01/1/2007	01/1/2007	20/4/2017	13 năm 0 tháng	3.46	V.07.03.09	ĐH	09/9/2005	x	B	X	x
41	Nguyễn Hải	Trà		27/08/1982	Giáo viên	TH Dịch Vọng B	01/01/2007	01/12/2007	20/4/2017	12 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	5/12/2010	x	B1	X	x

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
42	Vũ Thị Mai	Khanh		10/01/1979	GV tiếng Anh	TH Dịch Vọng B	01/08/2008	01/08/2008	20/4/2017	11 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	14/1/2004	x	Pháp C	X	x
43	Phạm Văn	Phúc	07/08/1987		Giáo viên	TH Dịch Vọng B	1/11/2013	1/11/2013	20/4/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	6/6/2013	x	B	X	x
44	Trần Mai	Loan		25/12/1977	Giáo viên	TH Dịch Vọng B	01/8/2008	01/8/2008	20/4/2017	11 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	11/9/2008	ĐH	B	X	x
45	Ngô Phương	Huyền		04/12/1983	GV TTCM	TH Dịch Vọng B	01/1/2016	01/7/2016	01/7/2016	3 năm 11 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐH	18/9/2006	x	B	X	x
46	Kiều Thị Thu	Huyền		27/8/1988	Giáo viên	TH Dịch Vọng B	01/10/2011	01/4/2012	20/4/2017	7 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	13/7/2012	x	B	X	x
47	Chu Thị	Mai		22/10/1980	Giáo viên	TH Dịch Vọng B	01/8/2008	01/8/2008	20/4/2017	11 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	06/6/2017	x	B	X	x
48	Nguyễn Thị	Lý		28/6/1988	Giáo viên	TH Dịch Vọng B	01/11/2013	01/11/2013	20/4/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	23/5/2012	x	Pháp, C	X	x
49	Nguyễn Kiều	Giang		21/3/1978	GV T.A TTCM	TH Dịch Vọng B	01/1/2007	01/1/2007	20/4/2017	13 năm 0 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	06/3/1999	x	Pháp, B	X	x
50	Đinh Lan	Anh		04/12/1992	Giáo viên	TH Dịch Vọng B	01/1/2016	01/7/2016	01/7/2016	3 năm 11 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH	20/5/2015	x	B	X	x
51	Nguyễn Thị Xuân	Hạ		15/06/1981	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/08/2008	01/04/2009	20/04/2017	10 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	10/2002	x	B	x	x
52	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		02/07/1986	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/08/2008	01/08/2009	20/04/2017	10 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	11/2009	ĐH	C	x	x
53	Trần Thị	Mai		03/02/1992	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 11 tháng	2,06	V.07.03.09	ĐH	05/2018	x	B	x	x
54	Nguyễn Thùy	Linh		02/10/1992	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/07/2014	01/04/2015	20/04/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	06/2014	x	B	x	x
55	Nguyễn Thị Thanh	Hoa		30/10/1980	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/08/2008	01/08/2008	20/04/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	03/2007	x	B	x	x

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
56	Lưu Thị Thúy	Nga		04/01/1985	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/08/2008	01/02/2009	20/04/2017	11 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	09/2009	x	Pháp B	x	x
57	Nguyễn Thị	Dịu		24/11/1990	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/11/2013	01/05/2014	20/04/2017	5 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	06/2012	x	B	x	x
58	Nguyễn Hồng	Thanh		'19/06/1987	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/09/2011	01/11/2012	20/04/2017	7 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	06/2010	x	B	x	x
59	Hoàng Thị Hương	Giang		11/06/1980	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/02/2007	01/08/2007	20/04/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	06/2007	x	B	x	x
60	Đỗ Thị	Hiếu		08/07/1981	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/01/2007	01/12/2007	20/04/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	08/2008	x	C	x	x
61	Vũ Thị	Hòa		01/05/1982	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/02/2007	01/08/2007	20/04/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	09/2006	x	B	x	x
62	Nguyễn Thị Khánh	Ngân		24/03/1983	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/01/2007	01/07/2007	20/04/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	06/2007	x	B	x	x
63	Trần Thị	Thoa		03/09/1986	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/08/2008	01/02/2009	20/04/2017	11 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	03/2011	x	B	x	x
64	Lê Thị	Lan		04/04/1976	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/08/2008	01/08/2008	20/04/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	06/2007	x	B	x	x
65	Nguyễn Thị Thu	Giang		24/11/1978	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/12/2009	01/12/2009	20/04/2017	10 năm 11 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	05/2015	x	C	x	x
66	Phan Thị Thu	Hiền		17/10/1977	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/01/2007	01/11/2007	20/04/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	05/2015	x	C	x	x
67	Trần Thị Hải	Yến		18/06/1977	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/11/2010	01/11/2010	20/04/2017	9 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	07/2000	x	C	x	x
68	Đỗ Thúy	Hạnh		14/04/1976	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/08/2008	01/08/2008	20/04/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	05/2015	x	B	x	x
69	Nguyễn Văn	Quang	14/07/1984		Giáo viên	TH Mai Dịch	01/08/2008	01/08/2008	20/04/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/2010	x	B	x	x
70	Nguyễn Thị Hồng	Duyên		01/06/1985	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/01/2011	01/07/2011	20/04/2017	8 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	07/2014	x	B	x	x
71	Tô Thị Bích	Hạnh		13/12/1989	Giáo viên	TH Mai Dịch	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	08/2012	x	B	x	x

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
72	Trần Văn	Hà	12/01/1971		Hiệu trưởng	TH Nam Trung Yên	01/01/2007	01/01/2007	20/04/2017	13 năm 0 tháng	3,06	V.07.03.09	Thạc sĩ	11/2017	x	B1	x	x
73	Đặng Thị	Trà		13/08/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Nam Trung Yên	01/01/2007	01/01/2007	20/04/2017	13 năm 0 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	09/1997	x	B1	x	x
74	Trịnh Thị	Hằng		05/02/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Nam Trung Yên	01/1/2011	01/01/2011	20/04/2017	9 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	02/2002	x	Bậc 3	x	x
75	Trần Việt	Phương	18/08/1984		GV T.A TTCM	TH Nam Trung Yên	01/10/2011	01/04/2012	20/04/2017	7 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	06/2008	x	Pháp B	x	x
76	Nguyễn Thu	Hồng		2/17/1981	Giáo viên	TH Nam Trung Yên	01/08/2008	01/02/2009	20/04/2017	11 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	06/2005	x	B	x	x
77	Nguyễn Thị Kim	Loan		2/1/1979	Giáo viên TTCM	TH Nam Trung Yên	01/01/2010	01/01/2010	20/04/2017	10 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	07/2001	x	B	x	x
78	Lê Thị	Chung		11/2/1981	Giáo viên TPCM	TH Nam Trung Yên	01/11/2012	01/11/2012	20/04/2017	7 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	06/2002	TC	B	x	x
79	Đinh Thị Hương	Thảo		10/16/1979	Giáo viên	TH Nam Trung Yên	07/09/2007	23/06/2008	20/04/2017	#VALUE!	2,86	V.07.03.09	ĐH	07/2008	x	B	x	x
80	Khổng Thị	Mai		9/2/1985	Giáo viên	TH Nam Trung Yên	15/8/2008	15/02/2009	15/05/2017	#VALUE!	2,86	V.07.03.09	ĐH	06/2007	x	B	x	x
81	Lê Thị Thu	Lan		10/8/1975	Giáo viên	TH Nghĩa Đô	01/01/2010	01/01/2010	20/4/2017	10 năm 0 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	06/1997	x	A2	x	x
82	Ngô Thị Hồng	Lâm		21/12/1981	Giáo viên	TH Nghĩa Đô	01/01/2007	01/09/2007	20/4/2017	12 năm 11 tháng	3.26	V.07.03.09	ĐH	8/2008	x	A2	x	x

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
83	Vũ Thị Tuyết	Ngọc		25/3/1976	Giáo viên	TH Nghĩa Đô	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13 năm 0 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	2/2002	x	B	x	x
84	Trần Xuân	Huy		27/03/1976	Giáo viên	TH Nghĩa Đô	01/06/2004	01/12/2004	20/4/2017	15 năm 11 tháng	3.26	V.07.03.09	ĐH	11/2009	x	A2	x	x
85	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa		23/02/1986	Giáo viên	TH Nghĩa Đô	01/10/2011	01/4/2012	20/4/2017	7 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	5/2013	x	A2	x	x
86	Hà Thị Hoàng	Anh		02/4/1992	Giáo viên	TH Nghĩa Đô	01/11/2013	01/05/2014	20/4/2017	5 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	6/2013	x	A2	x	x
87	Cao Thi	Nga		25/5/1993	Giáo viên	TH Nghĩa Đô	01/01/2016	01/07/2016	20/4/2017	3 năm 11 tháng	2.06	V.07.03.09	CĐ	6/2014	x	A2	x	x
88	Ngô Thị Thúy	Yên		13/6/1976	Giáo viên	TH Nghĩa Đô	01/10/2014	01/10/2014	20/4/2017	5 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	7/1999	x	B	x	x
89	Nguyễn Thị Hương	Lan		03/04/1977	Giáo viên	TH Nghĩa Đô	01/01/2007	01/01/2009	20/4/2017	11 năm 0 tháng	3.46	V.07.03.09	ĐH	3/2005	x	A2	x	x
90	Đào Thị	Thành		03/7/1990	Giáo viên	TH Nghĩa Đô	01/11/2012	01/06/2013	20/4/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	12/2011	x	A2	x	x
91	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn		09/9/1983	GV Tin học	TH Nghĩa Đô	01/8/2008	01/02/2009	20/4/2017	11 năm 0 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	8/2014	ĐH	A2	x	x
92	Chu Thị Hồng	Linh		18/9/1984	GV Mĩ thuật	TH Nghĩa Đô	01/8/2008	01/02/2009	20/4/2017	11 năm 0 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	4/2012	x	A2	x	x
93	Trịnh Thị Thùy	Linh		27/9/1987	GV Mĩ thuật	TH Nghĩa Đô	01/09/2011	01/03/2012	20/4/2017	8 năm 0 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	7/2011	x	A2	x	x
94	Nguyễn Văn	Vui	05/02/1989		GV Thể dục	TH Nghĩa Đô	01/11/2013	01/11/2013	20/4/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐ	6/2012	x	A2	x	x
95	Nguyễn Việt	Phương	20/3/1988	—	GV Thể dục	TH Nghĩa Đô	01/10/2011	01/04/2012	20/4/2017	7 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐ	01/2011	x	A2	x	x
96	Trịnh Thị	Lan		30/3/1985	GV Tiếng Anh	TH Nghĩa Đô	01/8/2008	01/02/2009	20/4/2017	11 năm 0 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	6/2007	x	Pháp B	x	x
97	Trần Phương	Hảo		20/4/1982	Giáo viên	TH Nghĩa Đô	27/8/2008	01/02/2009	20/4/2017	11 năm 0 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐ	8/2006	x	A2	x	x
98	Hà Thị Thúy	Vân		19/12/1993	Giáo viên	TH Nghĩa Đô	01/01/2016	01/07/2016	20/4/2017	3 năm 11 tháng	2.06	V.07.03.09	CĐ	3/2015	x	A2	x	x

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CBSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
99	Nguyễn Phương	Thảo		24/12/1990	Giáo viên	TH Nghĩa Đô	01/11/2012	01/05/2013	20/4/2017	6 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	7/2011	x	A2	x	x
100	Ngô Thị Lan	Hương		16/9/1981	TPT	TH Nghĩa Đô	01/8/2008	01/02/2009	20/4/2017	11 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	8/2003	x	A2	x	x
101	Lê Thị Kim	Nhung		12/2/1985	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	01/8/2008	01/02/2009	20/4/2017	11 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	11/2009	ĐH	A2	x	x
102	Nguyễn Thị	Thúy		30/01/1992	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/10/2014	01/10/2015	20/4/2017	4 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	11/2013	x	C	x	x
103	Vũ Phương	Linh		22/7/1985	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	15/8/2008	15/8/2008	20/4/2017	#VALUE!	2,86	V.07.03.09	ThS	2/2016	x	ĐH	x	x
104	Nguyễn Thị Hằng	Nga		18/10/1987	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	01/11/2010	01/11/2010	20/4/2017	9 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	5/2014	x	Bậc 4	x	x
105	Kiều Thị	Thúy		12/10/1977	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	01/01/2013	01/01/2013	20/4/2017	7 năm 0 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH	7/1999	x	C	x	x
106	Nguyễn Kim	Chi		5/2/1983	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/1/2011	1/7/2011	20/4/2017	8 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	7/2009	ĐH	A2	x	x
107	Đặng Mai	Ngọc		21/02/1989	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	01/01/2011	01/01/2011	20/4/2017	9 năm 0 tháng	2,66	V.07.03.09	ThS	5/2014	x	B1	x	x
108	Trần Thị	Oanh		25/12/1979	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/8/2008	01/8/2008	20/4/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	6/2011	x	C	x	x
109	Nguyễn Thị Bích	Thúy		24/01/1979	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13 năm 0 tháng	3,26	V.07.03.09	CĐ	06/2000	x	B	x	x
110	Nguyễn Thị Phương	Liên		27/07/1988	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	5/9/2010	1/3/2011	20/4/2017	9 năm 0 tháng	2,66	V.07.03.09	ThS	7/2013	x	B1	x	x
111	Lê Thị	Lương		18/11/1975	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/11/2013	1/11/2013	20/4/2017	6 năm 11 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐH	6/1997	x	B1	x	x

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
112	Khổng Thị Ngọc	Ánh		21/09/1990	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/11/2012	1/5/2013	20/4/2017	6 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	5/2018	x	C	x	x
113	Trần Nguyệt	Minh		16/03/1978	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/1/2007	1/8/2007	20/4/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	2/2004	x	B	x	x
114	Vũ Thanh	Tuyền		23/06/1991	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/11/2013	1/5/2014	20/4/2017	5 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ThS	12/2017	x	B1	x	x
115	Nguyễn Xuân	Thanh		14/8/1987	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/1/2010	1/7/2010	20/4/2017	9 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ThS	1/2017	x	ĐH	x	x
116	Lộc Thu	Hoa		15/11/1984	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/8/2008	1/2/2009	20/4/2017	11 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	9/2012	x	B	x	x
117	Nguyễn Thị Phương	Oanh		17/05/1992	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/10/2014	1/4/2015	20/4/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	11/2016	x	C	x	x
118	Ngô Thị	Oanh		6/10/1987	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/1/2011	1/7/2011	20/4/2017	8 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	07/2008	x	A2	x	x
119	Nguyễn Giáng	Hương		16/1/1985	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/10/2014	1/10/2014	20/4/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	6/2011	x	B	x	x
120	Hoàng Ngọc	Bích		13/12/1992	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	01/5/2014	1/5/2014	20/4/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	2/2016	x	Bậc 3	x	x
121	Nguyễn Thị Hoàng	Vân		4/9/1983	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/1/2007	1/1/2007	20/4/2017	13 năm 0 tháng	3,26	V.07.03.09	ThS	06/2007	x	B1	x	x
122	Vũ Hà	Xuyên		28/9/1985	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/8/2008	1/8/2008	20/4/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ThS	3/2015	x	B1	x	x
123	Nguyễn Thị Bích	Thủy		25/5/1981	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/8/2008	1/8/2008	20/4/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	6/2011	x	C	x	x
124	Hoàng Thị	Hà		20/2/1985	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	01/10/2011	01/4/2012	20/4/2017	7 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	12/2016	x	B1	x	x

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
125	Bùi Thị	Biển		20/11/1990	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	01/5/2014	1/5/2014	20/4/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ThS	1/2018	x	Pháp B	x	x
126	Phùng Kim	Hoạch		27/6/1989	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/10/2014	1/10/2014	20/4/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	5/2014	x	C	x	x
127	Ngô Diệu	Hằng		28/3/1989	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	12/1/2010	1/6/2011	20/4/2017	8 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	5/2014	x	C	x	x
128	Phan Thị	Thu		28/4/1988	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/10/2014	1/4/2015	20/4/2017	4 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	5/2011	x	B	x	x
129	Hoàng Bích	Ngọc		27/6/1980	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/1/2007	1/8/2007	20/4/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	6/2005	x	C	x	x
130	Lê Bích	Nguyệt		20/04/1985	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/1/2007	1/8/2007	20/4/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ThS	3/2015	x	B1	x	BKTP
131	Ngô Thị Huyền	Trang		25/11/1992	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/1/2016	1/7/2016	1/7/2016	3 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ThS	5/2015	x	B1	x	x
132	Nguyễn Thu	Trang		12/12/1981	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	01/01/2007	01/8/2007	20/4/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	11/2004	x	B	x	x
133	Nguyễn Thị	Vui		6/5/1982	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	01/01/2011	29/02/2012	20/4/2017	#VALUE!	2,26	V.07.03.09	ĐH	09/2007	x	Pháp B	x	x
134	Nguyễn Thị Hồng	Hà		27/5/1992	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	1/1/2016	1/1/2016	1/1/2016	4 năm 0 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	4/2017	x	B	x	x
135	Nguyễn Thị Thu	Hà		16/9/1984	Giáo viên	TH Nghĩa Tân	01/02/2009	01/02/2009	20/4/2017	11 năm 0 tháng	3,06	V.07.03.09	ThS	5/2018	x	B1	x	x
136	Đặng Thị Lan	Hương		01/08/1979	GV - TPCM	TH Nguyễn Khả Trạc	01/08/2008	01/02/2009	20/04/2017	11 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	06/2000	CĐ	C	x	x
137	Đỗ Thị Thuý	Lan		09/07/1987	GV Thể dục	TH Nguyễn Khả Trạc	01/01/2010	01/01/2010	20/04/2017	10 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	12/2011	x	C	x	x

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
138	Đồng Thị	Ngọc		17/11/1976	Phó HT	TH Nguyễn Khả Trạc	01/01/2007	01/8/2007	20/4/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	06/1998	x	bậc 3	x	x
139	Đỗ Thị	Loan		12/7/1990	Giáo viên	TH Nguyễn Khả Trạc	01/11/2012	01/11/2012	01/05/2015	7 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐ	12/2011	x	C	x	x
140	Nguyễn Huy	Mạnh	05/04/1984		GV Thể dục	TH Nguyễn Khả Trạc	5/9/2010	01/03/2011	20/04/2017	9 năm 0 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐ	07/2008	x	C	x	x
141	Lại Vũ Ngân	Hà		16/5/1983	Tổng phụ trách-	TH Nguyễn Khả Trạc	01/9/2008	01/12/2009	20/4/2017	10 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	04/2017	x	B	x	x
142	Bế Thị Vân	Anh		17/02/1989	Giáo viên	TH Quan Hoa	01/10/2011	01/04/2012	20/4/2017	7 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	05/2014	x	Anh C	x	x
143	Nguyễn Lan	Anh		30/3/1985	Giáo viên	TH Quan Hoa	01/11/2012	01/11/2012	20/4/2017	7 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	03/2009	x	Anh C	x	x
144	Phạm Thị Diễm	Hằng		24/4/1982	Giáo viên	TH Quan Hoa	01/08/2008	01/06/2009	20/4/2017	10 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	02/2014	TC	Anh C	x	x
145	Nguyễn Thị	Hậu		27/02/1977	Giáo viên	TH Quan Hoa	01/01/2007	01/07/2007	20/4/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	07/1999	x	Anh C	x	x
146	Nguyễn Thị Phương	Hòa		09/4/1991	Giáo viên	TH Quan Hoa	01/11/2013	01/05/2014	20/4/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	05/2013	x	Anh C	x	x
147	Nguyễn Thị Thủy	Hồng		14/6/1975	Giáo viên	TH Quan Hoa	01/01/2007	01/01/2007	20/4/2017	13 năm 0 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH	07/1999	x	C	x	x
148	Nguyễn Thu	Hồng		13/03/1972	Giáo viên	TH Quan Hoa	01/8/2008	01/08/2008	20/4/2017	11 năm 11 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Bậc 3	x	x

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
149	Nguyễn Thanh	Huyền		03/08/1991	Giáo viên	TH Quan Hoa	1/10/2014	1/10/2014	20/4/ 2017	5 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	12/2018	x	Anh C	x	x
150	Phạm Mai	Hương		06/11 /1981	Giáo viên	TH Quan Hoa	01/01/2007	01/01/2007	20/4/ 2017	13 năm 0 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH	09/2005	x	C	x	x
151	Phan Thúy	Lâm		11/09/1987	GV Thể dục	TH Quan Hoa	1/1/ 2010	1/1/ 2010	20/4/ 2017	10 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	05/12/2010	x	Anh C	x	x
152	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai		14/ 01/ 1990	Giáo viên	TH Quan Hoa	01/11/2013	01/05/2014	20/4/ 2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	05/2013	x	Anh C	x	x
153	Lê Thị Diệu	Nga		27/08/1977	Giáo viên	TH Quan Hoa	01/8/2008	01/02/2009	20/4/ 2017	11 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	07/2000	x	Đào tạo ĐH bằng T. Pháp	x	x
154	Vũ Thị	Như		17/04 /1989	Giáo viên	TH Quan Hoa	01/11/2013	01/11/2013	20/4/ 2017	6 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	05/2011	x	Anh C	x	x
155	Chu Thanh	Thảo		08/11/1985	Giáo viên	TH Quan Hoa	01/10/2011	01/04/2012	20/4/ 2017	7 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	Thạc sĩ	04/2011	x	Anh C	x	x
156	Nguyễn Thị Thu	Trang		26/03/1987	Giáo viên	TH Quan Hoa	30/10/2013	01/11/2013	20/4/ 2017	6 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	06/2010	x	Anh C	x	x
157	Bùi Thị	Tình		29/3/ 1978	Giáo viên	TH Quan Hoa	01/11/2012	01/05/2013	20/4/ 2017	6 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	01/2009	x	Anh C	x	x
158	Đào Hồng	Anh		10/08/1993	Giáo viên	TH Trung Yên	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	07/2017	x	B	x	x
159	Đoàn Thị Minh	Châu		01/07/1986	Giáo viên	TH Trung Yên	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4 năm 0 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	12/2010	x	B	x	x
160	Nông Thị Thu	Chiêm		15/09/1992	Giáo viên	TH Trung Yên	01/10/2014	01/4/2015	20/04/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	06/2014	x	B	x	x

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
161	Lê Thu	Hồng		08/08/1989	Giáo viên	TH Trung Yên	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4 năm 0 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	05/2014	x	B	x	x
162	Bùi Thị	Hà		15/07/1982	Giáo viên	TH Trung Yên	01/10/2014	01/10/2014	20/04/2017	5 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	06/2014	x	C	x	x
163	Thái Thị Quỳnh	Hoa		09/04/1977	Giáo viên	TH Trung Yên	01/08/2008	01/02/2009	29/04/2017	11 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	07/1999	x	B	x	x
164	Nguyễn Thị Kim	Hường		28/05/1977	Giáo viên	TH Trung Yên	01/08/2008	01/08/2008	12/4/2017	11 năm 11 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	07/2004	x	Bậc 3	x	x
165	Nguyễn Phương	Linh		11/09/1993	Giáo viên	TH Trung Yên	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4 năm 0 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	11/2016	x	B	x	x
166	Phạm Thị	Mai		07/08/1991	Giáo viên	TH Trung Yên	01/10/2014	01/04/2015	20/04/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	05/2013	ĐH	B	x	x
167	Phùng Thị	Nhẫn		08/08/1989	Giáo viên	TH Trung Yên	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 11 tháng	2,06	V.07.03.09	ĐH	08/2014	x	B	x	x
168	Nguyễn Duy	Tài	14/06/1989		Giáo viên	TH Trung Yên	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	06/2013	x	B	x	x
169	Đoàn Thị	Thoa		29/08/1982	Tổ trưởng CM	TH Trung Yên	01/10/2014	01/10/2014	20/04/2017	5 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	12/2007	x	C	x	x
170	Đinh Thị	Thêu		21/06/1989	Giáo viên	TH Trung Yên	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4 năm 0 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	05/2014	x	B	x	x
171	Nguyễn Kim	Thư		27/07/1994	Giáo viên	TH Trung Yên	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	12/2018	x	B	x	x
172	Mai	Trang		24/08/1988	Tổ phó CM	TH Trung Yên	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4 năm 0 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	12/2016	x	B	x	x
173	Nguyễn Thị Kiều	Trang		04/02/1989	Tổ phó CM	TH Trung Yên	01/10/2014	01/04/2015	20/04/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	07/2012	x	C	x	x
174	Bùi Thị	Hạnh		02/11/1977	Giáo viên	TH Trung Hòa	01/09/1998	01/03/1999	01/03/1999	21 năm 0 tháng	3,86	V.07.03.09	CĐ	10/2010	x	B	x	x
175	Công Thị Thu	Giang		17/04/1987	Giáo viên	TH Trung Hòa	01/11/2011	01/05/2012	01/05/2012	7 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	05/2015	ĐH	C	x	x
176	Đỗ Thị Thanh	Tú		20/01/1990	Giáo viên	TH Trung Hòa	01/11/2013	01/05/2014	01/05/2014	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ	08/2010	x	C	x	x

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
177	Ngô Thị Hương	Giang		07/03/1981	Giáo viên	TH Trung Hòa	01/08/2008	01/02/2009	01/02/2009	11 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	06/2011	x	C	x	x
178	Nguyễn Thị Bích	Việt		20/03/1984	Giáo viên	TH Trung Hòa	01/11/2013	01/05/2014	01/05/2014	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ	06/2006	x	C	x	x
179	Nguyễn Thị	Bình		07/04/1977	Phó Hiệu trưởng	TH Trung Hòa	01/01/2007	01/07/2007	01/07/2007	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	09/2005	x	C	x	x
180	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		01/10/1983	Giáo viên	TH Trung Hòa	01/01/2007	01/08/2007	01/08/2007	12 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	06/2011	x	C	x	x
181	Phạm Thị Quỳnh	Hoa		03/02/1980	Giáo viên	TH Trung Hòa	01/08/2018	01/08/2008	01/08/2008	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	08/2007	x	B	x	x
182	Phan Thị Thanh	Huyền		05/10/1977	Giáo viên	TH Trung Hòa	01/08/2008	01/02/2009	01/02/2009	11 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	06/1999	x	Pháp B	x	x
183	Vũ Thị Hồng	Thúy		11/11/1972	Giáo viên	TH Trung Hòa	01/08/2008	01/08/2008	01/08/2008	11 năm 11 tháng	3,46	V.07.03.09	CĐ	06/2015	x	B	x	x
184	Nguyễn Thu	Phương		18/08/1986	Giáo viên	TH Trung Hòa	01/7/2011	01/11/2011	01/11/2011	8 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	5/2015	ĐH	C	x	x
185	Vũ Thị Ánh	Tuyết		28/5/1976	Phó Hiệu trưởng	TH Yên Hòa	01/9/1999	01/01/2007	01/9/2016	13 năm 0 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH	06/1998	x	B1	x	BKTP
186	Phạm Chu	Linh		08/ 10/ 1986	Tổ phó CM	TH Yên Hòa	01/08/2008	01/02/2009	20/04/2017	11 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	06/2011	x	C	x	x
187	Phạm Thị Kim	Nhung		14/4/1990	Giáo viên	TH Yên Hòa	01/11/2013	01/5/2014	20/4/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	05/2012	x	C	x	x
188	Nguyễn Thị	Ngân		11/01/1990	Giáo viên	TH Yên Hòa	01/01/2016	01/7/2016	01/7/2016	3 năm 11 tháng	2,06	V.07.03.09	CĐ	06/2012	CĐ	C	x	x

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
189	Trần Thanh	Thủy		12/4/1988	Giáo viên	TH Yên Hòa	01/11/2013	01/05/2014	20/4/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	06/2013	ĐH	A2	x	x
190	Nguyễn Thị Thanh	Diễm		10/4/1983	Giáo viên	TH Yên Hòa	01/08/2008	01/02/2009	20/04/2017	11 năm 0 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	08/2014	x	C	x	x
191	Trịnh Thị	Hải		20/5/1980	Giáo viên	TH Yên Hòa	1/5/2010	1/3/2011	1/3/2015	9 năm 0 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	09/2004	x	B	x	x

Danh sách này có 191 người.

Biểu mẫu 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND QUẬN TÂY HỒ CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	Phạm Hoàng	Phương		14/11/1983	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/01/2007	01/07/2007	01/03/2015	12 năm 5 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	08/08/2008	x	A2	x	x
2	Nguyễn Thị	Long		14/01/1977	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/02/2009	01/02/2009	18/07/2017	11 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH	16/07/1999	x	B2	x	x
3	Hoàng Thu	Trang		27/12/1988	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/01/2010	01/03/2011	01/03/2015	5 năm	2,66	V.07.03.09	ĐH	15/05/2013	x	B1	x	x
4	Nguyễn Thị	Thành		21/12/1980	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/01/2007	01/07/2007	18/07/2017	13 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	23/06/2011	x	B1	x	x
5	Phạm Thúy	Lan		20/04/1981	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/01/2007	01/07/2007	18/07/2017	13 năm		V.07.03.09	ĐH	01/06/2002	x	A2	x	x
6	Ngô Thanh	Hảo		07/10/1988	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/12/2009	01/05/2010	18/07/2017	10 năm	2.66	V.07.03.09	ĐH	01/08/2009	x	A2	x	x
7	Đặng Lan	Hương		17/03/1990	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/10/2011	01/4/2012	18/07/2017	8 năm	2.46	V.07.03.09	ĐH	2014	x	A2	x	x
8	Hoàng Thị Mai	Xuân		11/07/1979	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/08/2008	18/07/2008	18/07/2017	12 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	12/06/2002	x	A2	x	x
9	Nguyễn Thị Kim	Phượng		11/02/1981	Giáo viên	TH Chu Văn An	04/09/2008	24/04/2009	18/07/2017	11 năm	3,06	V.07.03.09	Thạc sỹ	06/2002	x	B1	x	x
10	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		28/09/1978	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/08/2008	03/12/2008	01/07/2017	4 năm 8 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH	12/10/2000	x	A2	x	x
11	Nguyễn Hà	Thu		29/11/1986	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/12/20010	01/12/2011	18/07/2017	2 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	06/2008	x	A2	x	x
12	Nguyễn Như	Nhung		18/09/1984	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/01/2007	01/07/2007	18/07/2017	13 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	01/06/2011	x	A2	x	x
13	Đào Thị Tuyết	Mai		30/10/1980	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/08/2008	01/08/2008	18/07/2017	12 năm	3,46	V.07.03.09	ĐH	01/10/2001	x	A2	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
14	Đỗ Thúy	Quỳnh		10/07/1984	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/01/2007	01/07/2007	01/07/2015	13 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	22/6/2005	x	A2	x	x
15	Nguyễn Thị Hồng	Phương		13/11/1981	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/01/2007	01/11/2007	18/07/2017	13 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	01/06/2002	x	C	x	x
16	Nguyễn Thị Ngọc	Thu		06/04/1987	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/12/2009	01/06/2010	18/07/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	15/05/2013	x	A2	x	x
17	Nguyễn Thị Hà	Linh		28/07/1986	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/12/2009	01/06/2010	18/07/2017	10 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	25/12/2011	x	C	x	x
18	Nguyễn Linh	Chi		13/05/1977	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/12/2009	01/12/2009	18/07/2017	11 năm	3,26	V.07.03.09	ĐH	18/09/2008	ĐH	A2	x	x
19	Dương Thanh	Lệ		22/12/1977	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/12/2009	01/06/2010	18/07/2017	11 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH	18/09/2008	ĐH	Cử nhân	x	x
20	Vũ Thị Thanh	Xuân		26/03/1974	Giáo viên	TH Chu Văn An	01/06/2000	04/10/2001	18/07/2017	19 năm	3,86	V.07.03.09	ĐH	01/01/2013	x	A2	x	x
21	Nguyễn Xuân	Ngọc	02/11/1980		Giáo viên	TH Chu Văn An	01/09/2004	01/03/2005	18/07/2017	15 năm	3,34	V.07.03.09	Thạ	8/2006	x	B1	x	x
22	Đàm Phương	Liên		14/07/1987	Giáo viên	TH An Dương	01/12/2009	01/06/2010	18/07/2017	9n 8t	2,86	V.07.03.09	CĐ	04/07/2008	x	A2	x	x
23	Nguyễn Thu	Phương		23/08/1992	Giáo viên	TH An Dương	01/10/2014	01/05/2015	18/07/2017	4n 9t	2,26	V.07.03.09	CĐ	11/06/2014	x	A2	x	x
24	Nguyễn Thị Thu	Hà		05/01/1991	Giáo viên	TH An Dương	01/12/2013	01/06/2014	18/07/2017	5n 8t	2,26	V.07.03.09	CĐ	14/12/2012	x	A2	x	x
25	Lương Minh	Nguyệt		30/11/1992	Giáo viên	TH An Dương	01/12/2013	01/06/2014	18/07/2017	5n 8t	2,26	V.07.03.09	CĐ	20/06/2013	x	A2	x	x
26	Phương Thanh	Anh		08/07/1975	Giáo viên	TH Nhật Tân	15/11/1994	03/08/1998	01/01/2015	22n6th	4.06	V.07.03.09	ĐH	09/10/2006	x	A2	x	x
27	Nguyễn Thị Hải	Yến		24/02/1978	Giáo viên	TH Nhật Tân	01/01/2007	01/07/2007	01/07/2015	13n7th	3.06	V.07.03.09	ĐH	15/07/199	x	A2	x	x
28	Vũ Hồng	Ly		16/04/1988	Giáo viên	TH Nhật Tân	01/12/2013	01/06/2014	01/07/2015	5n8th	2.26	V.07.03.09	ĐH	27/07/2012	x	A2	x	x
29	Trần Thị Quỳnh	Loan		24/02/1976	Giáo viên	TH Nhật Tân	01/08/2008	01/08/2008	01/03/2015	12n6th	3.06	V.07.03.09	ĐH	06/06/2007	ĐH	A2	x	x
30	Ngô Thu	Trà		16/12/1991	Giáo viên	TH Nhật Tân	01/10/2014	01/04/2015	01/04/2015	5n10th	2.26	V.07.03.09	ĐH	01/12/2016	x	A2	x	x
31	Đỗ Tường	Phượng		18/11/1989	Giáo viên	TH Nhật Tân	01/10/2011	01/10/2011	01/11/2016	9n4th	2.66	V.07.03.09	ĐH	28/05/2015	x	A2	x	x
32	Trần Minh	Yến		11/12/1978	Giáo viên	TH Nhật Tân	01/12/2009	01/12/2009	01/03/2016	11n2th	3.26	V.07.03.09	ĐH	01/07/2009	x	A2	x	x
33	Ngô Thị Ánh	Nguyệt		01/04/1989	Giáo viên	TH Nhật Tân	01/10/2011	01/04/2012	01/042016	8n10th	2.66	V.07.03.09	ĐH	05/07/2011	x	A2	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, t/K về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
34	Phạm Thị Thùy	Linh		01/09/1983	Giáo viên	TH Nhật Tân	01/08/2008	01/02/2009	01/03/2016	12n	3.06	V.07.03.09	ĐH	18/03/2009	x	A2	x	x
35	Bùi Thị Tuyết	Mai		10/01/1985	GV Âm nhạc	TH Nhật Tân	01/10/2014	01/10/2014	01/05/2015	6n4th	2.66	V.07.03.09	ĐH	20/11/2009	x	A2	x	x
36	Nguyễn Diệu	Chi		02/07/1980	GV Âm nhạc	TH Nhật Tân	01/01/2007	01/11/2007	01/11/2015	13n3th	3.06	V.07.03.09	CĐ	12/06/2002	x	A2	x	x
37	Phan Thị Mai	Hương		08/11/1983	GV Tiếng Anh	TH Nhật Tân	01/09/2010	01/09/2011	01/09/2015	9n5th	2.86	V.07.03.09	ĐH	12/10/2006	x	B1	x	x
38	Lê Thu	Thủy		26/04/1983	GV Thể dục	TH Nhật Tân	01/01/2007	01/07/2007	01/07/2015	13n5th	3.06	V.07.03.09	CĐ	02/07/2004	x	A2	x	x
39	Nguyễn Thị Thu	Hiền		23/10/1988	GV Thể dục	TH Nhật Tân	01/12/2013	01/06/2014	01/06/2016	6n8th	2.26	V.07.03.09	ĐH	20/05/2011	x	A2	x	x
40	Kiều Thị Thu	Hiền		08/03/1979	TPT	TH Nhật Tân	01/09/2007	01/12/2009	01/06/2015	11n2th	2.86	V.07.03.09	ĐH	01/07/2009	x	A2	x	x
41	Đặng Thị Vân	Anh		23/10/1978	Giáo viên	TH Quảng An	01/8/2008	01/8/2008	01/8/2008	11n6t	2,86	V.07.03.09	ĐH	23/6/2011	x	ĐH	x	x
42	Vũ Thị Bích	Ngọc		24/7/1973	Giáo viên	TH Quảng An	25/10/1993	25/5/1995	25/5/1995	24n9t	4,06 +7% VK	V.07.03.09	ĐH	22/9/2005	x	A2	x	x
43	Phạm Hoàng Diễm	Hằng		05/6/1977	Giáo viên	TH Quảng An	01/9/2004	01/3/2005	01/3/2005	14n11t	3,46	V.07.03.09	ĐH	19/6/2009	x	A2	x	x
44	Bùi Thị	Định		30/3/1973	Giáo viên	TH Quảng An	27/8/2014	01/9/2014	01/9/2014	6n7t	2,26	V.07.03.09	ĐH	12/8/2015	x	ĐH	x	x
45	Nguyễn Thị Kim	Dung		19/10/1973	Giáo viên	TH Quảng An	15/9/1992	15/4/1994	15/4/1994	25n10t	2,86	V.07.03.09	ĐH	14/1/2009	x	A2	x	x
46	Lê Thị Hải	Yến		20/8/1993	Giáo viên	TH Quảng An	01/10/2014	01/4/2015	01/4/2015	4n10t	2,26	V.07.03.09	ĐH	16/11/2016	x	A2	x	x
47	Nguyễn Trung	Hậu	20/12/1988		GVTD	TH Quảng An	01/12/2010	01/6/2011	01/6/2011	8 năm 8 th	2,66	V.07.03.09	ĐH TDTT	07/7/2010	x	A2	x	x
48	Nguyễn Thị Mỹ	Thanh		14/3/1985	GVAN	TH Quảng An	01/12/2010	01/6/2011	01/6/2011	8 năm 8 th	2,66	V.07.03.09	ĐHSP-AN	30/10/2007	x	A2	x	x
49	Đỗ Thanh	Hà		02/02/1982	Giáo viên	TH Tứ Liên	01/12/2009	01/06/2010	18/07/2017	9 năm 8 th	2.,86	V.07.03.09	ĐH	03/2009	x	A2	x	x
50	Phạm Thị Huyền	Trang		10/08/1981	Giáo viên	TH Tứ Liên	01/01/2007	01/07/2007	18/07/2017	12 năm 6th	3,06	V.07.03.09	ĐH	06/2007	x	C	x	x
51	Vũ Thị Minh	Phương		25/01/1980	Giáo viên	TH Tứ Liên	01/08/2008	01/02/2009	18/07/2017	11 năm	2.86	V.07.03.09	ĐH	12/2007	x	A2	x	x
52	Nguyễn Thị Bích	Liên		14/12/1981	Giáo viên	TH Tứ Liên	01/06/2010	01/12/2010	18/07/2017	9 năm 2 th	2.66	V.07.03.09	ĐH	06/2011	x	A2	x	x
53	Nguyễn Thị Thanh	Hằng		03/03/1984	Giáo viên	TH Tứ Liên	01/03/2011	01/03/2011	18/07/2017	8 năm 11 th	2,86	V.07.03.09	ĐH	12/2012	x	A2	x	x
54	Hoàng Bích	Thư		04/07/1979	Giáo viên	TH Tứ Liên	01/01/2007	01/07/2007	18/07/2017	12 năm 7th	2.86	V.07.03.09	ĐH	02/2016	x	A2	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
55	Nguyễn Thị	Huyền		12/10/1992	Giáo viên	TH Từ Liêm	01/12/2013	01/06/2014	18/07/2017	5 năm 8 th	2.26	V.07.03.09	ĐH	05/2014	x	A2	x	x
56	Nguyễn Thị	Hường		15/04/1984	Giáo viên	TH Từ Liêm	01/08/2008	01/08/2008	18/07/2017	11 năm 6 th	2.86	V.07.03.09	ĐH - SP nhạc	09/2010	x	C	x	x
57	Vũ Hà	Anh		06/11/1984	GV T.Anh	TH Xuân La	01/12/2010	01/06/2011	18/07/2017	9N2T	2,66	V.07.03.09	ĐH NN	31/01/2008	x	A2	x	x
58	Ngô Ngọc	Anh		13/09/1993	Giáo viên	TH Xuân La	01/10/2014	01/04/2015	18/07/2017	5N4T	2,26	V.07.03.09	CĐ	11/06/2014	x	CĐ	x	x
59	Lê Bích	Hạnh		25/05/1981	Giáo viên	TH Xuân La	01/01/2007	01/07/2007	18/07/2017	12N1T	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/07/2003	x	A2	x	x
60	Phạm Thị Phương	Thảo		30/12/1985	Giáo viên	TH Xuân La	01/08/2008	01/06/2009	18/07/2017	11N6T	2,86	V.07.03.09	CĐ	15/09/2006	x	A2	x	x
61	Lê Thị Ánh	Sáng		24/02/1976	Giáo viên	TH Xuân La	01/05/1997	01/11/1998	18/07/2017	22N9T	4,06	V.07.03.09	ĐH	15/12/2006	x	A2	x	x
62	Hoàng Văn	Sang	4/5/1982		GV Tin	TH Xuân La	01/12/2010	01/06/2011	18/07/2017	9N2T	2,66	V.07.03.09	ĐH CNTT	22/7/2009	ĐH	A2	x	x
63	Trần Thị	Sáng		17/12/1984	Giáo viên	TH Xuân La	01/12/2013	01/12/2013	18/07/2017	6N2T	2,46	V.07.03.09	ĐH	11/03/2011	x	A2	x	x
64	Phạm Hải	Yến		15/05/1987	Giáo viên	TH Xuân La	01/12/2013	01/12/2013	18/07/2017	6N2T	2,46	V.07.03.09	ĐH	30/05/2014	x	A2	x	x
65	Nguyễn Thị	Bình		15/07/1980	Giáo viên	TH Xuân La	01/08/2008	01/02/2009	18/07/2017	11N6T	3,06	V.07.03.09	CĐ	11/06/2007	x	A2	x	x
66	Nguyễn Thị Kim	Sinh		09/06/1981	Giáo viên	TH Xuân La	01/12/2009	01/12/2009	18/07/2017	10N2T	3,06	V.07.03.09	ĐH	14/01/2009	x	A2	x	x
67	Nguyễn Bích	Thuận		12/16/1988	Giáo viên	TH Xuân La	8/27/2014	9/22/2014	4/20/2017	5N6T	2,26	V.07.03.09	ĐH	5/28/2015	x	A2	x	x
68	Lê Thị Phương	Thủy		10/16/1983	Giáo viên	TH Xuân La	10/1/2014	4/1/2015	7/18/2017	5N4T	2,26	V.07.03.09	CĐ	10/13/2012	x	A2	x	x
69	Nguyễn Thị Hương	Giang		7/3/1989	Giáo viên	TH Xuân La	12/1/2013	12/11/2013	3/1/2015	6N2T	2,46	V.07.03.09	ĐH	10/25/2017	x	A2	x	x
70	Nguyễn Thị	Phương		14/04/1981	Giáo viên	TH Đông Thái	01/8/2008	01/02/2009	18/07/2017	9 N 11T	2,46	V.07.03.09	Thạc sĩ	28/03/2008	x	A2	x	x
71	Phạm Thị Thu	Hà		23/09/1980	Giáo viên	TH Đông Thái	01/8/2008	01/02/2009	18/07/2017	9 N	2,46	V.07.03.09	ĐH	07/11/2007	x	A2	x	x
72	Phạm Thị Mai	Hương		07/02/1980	Giáo viên	TH Đông Thái	01/08/2008	01/08/2008	18/07/2017	10N 5T	3,06	V.07.03.09	ĐH	05/11/2009	x	A2	x	x
73	Đỗ Thu	Điệp		18/02/1991	Giáo viên	TH Đông Thái	01/12/2013	01/12/2013	18/07/2017	5N	2,06	V.07.03.09	CĐ	13/06/2012	CĐ	A2	x	x
74	Nguyễn Thị	Hà		01/08/1987	Giáo viên	TH Đông Thái	01/06/2014	20/10/2014	18/07/2017	4N 3T	2,06	V.07.03.09	CĐ	12/03/2013	x	A2	x	x
75	Hoàng Thị Hải	Yến		20/12/1976	Giáo viên	TH Đông Thái	01/08/2008	01/08/2008	18/07/2017	10N 5T	3,06	V.07.03.09	CĐ	10/07/1999	x	A2	x	x
76	Lê Thanh	Hoa		20/09/1985	Giáo viên	TH Đông Thái	01/12/2010	01/06/2011	18/07/2017	7N 7T	2,46	V.07.03.09	ĐH	12/06/2007	x	A2	x	x
77	Nguyễn Thị Hồng	Yến		07/09/1971	Giáo viên	TH Đông Thái	30/08/1991	05/05/1993	18/07/2017	25N 8T	4,06 + 7%	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	A2	x	x
78	Lê Phương	Thảo		28/12/1991	Giáo viên	TH Đông Thái	01/10/2014	01/04/2015	18/07/2017	3N 9T	2,06	V.07.03.09	ĐH	02/08/2013	x	A2	x	x
79	Nguyễn Thị Lê	Thu		02/09/1975	Giáo viên	TH Đông Thái	15/03/2010	01/12/2010	20/04/2017	8N	2,66	V.07.03.09	CĐ	12/06/1997	x	C	x	x
80	Phan Thiên	Hương		18/08/1987	Giáo viên	TH Đông Thái	01/12/2009	01/12/2009	18/07/2017	9N	2,46	V.07.03.09	ĐH	30/05/2014	x	A2	x	x
81	Ngô Thị	Diệp		05/12/1979	Giáo viên	TH Đông Thái	01/08/2009	01/12/2009	18/07/2017	9N	3,26	V.07.03.09	ĐH	06/06/2007	x	A2	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
82	Nguyễn Thị Hoàng	Lê		09/10/1986	Giáo viên	TH Đông Thái	01/12/2009	01/12/2009	18/07/2017	9N	2,66	V.07.03.09	ĐH	15/05/2013	x	B1	x	x
83	Chu Ánh	Ngọc		06/12/1989	Giáo viên	TH Đông Thái	01/12/2013	01/12/2013	18/07/2017	5N	2,66	V.07.03.09	ĐH	04/07/1017	x	A2	x	x
84	Trần Thị Lan	Anh		31/12/1975	Giáo viên	TH Đông Thái	01/08/2008	01/08/2008	18/07/2017	10N 5T	3,26	V.07.03.09	ĐH	28/061996	x	A2	x	x
85	Trần Thị Bích	Ngọc		10/09/1986	Giáo viên	TH Đông Thái	01/10/2014	01/04/2015	18/07/2018	3N 9T	2.06	V.07.03.09	ĐH	23/05/2014	x	A2	x	x
86	Nguyễn Trung	Hiếu	08/08/1983		Giáo viên	TH Đông Thái	01/12/2010	01/06/2011	18/07/2017	7N 7T	2,46	V.07.03.09	ĐH	29/08/2013	x	A2	x	x
87	Trần Thị Thúy	Hằng		14/12/1978	PHT	TH Phú Thượng	01/01/2007	01/7/ 2007	18/7/ 2017	12N 7T	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2000	x	B1	x	x
88	Phạm Thị	Mai		24/8/1988	Giáo viên	TH Phú Thượng	01/12/2010	01/6/ 2011	18/7/ 2017	8N 8T	2,66	V.07.03.09	ĐH	28/6/2010	x	A2	x	x
89	Nguyễn Thanh	Hoa		18/12/ 1990	Giáo viên	TH Phú Thượng	01/10/ 2014	01/10/ 2014	18/7/ 2017	5N 4T	2,46	V.07.03.09	ĐH	23/5/2012	x	A2	x	x
90	Bùi Thị Thanh	Giang		22/10/1981	Giáo viên	TH Phú Thượng	01/8/ 2008	01/02/2009	18/7/ 2017	11N	2,86	V.07.03.09	ĐH	06/2002	x	A2	x	x
91	Hoàng Thị Thanh	Huyền		14/7/1990	Giáo viên	TH Phú Thượng	01/12/2013	01/6/ 2014	20/10/ 2014	5N 8T	2,26	V.07.03.09	ĐH	07/2011	x	A2	x	x
92	Lê Thị	Quyên		21/02/1982	Giáo viên	TH Phú Thượng	01/12/2009	01/6/ 2010	18/7/ 2017	9N 8T	2,66	V.07.03.09	ĐH	08/2003	x	A2	x	x
93	Trần Thị Vân	Nga		16/9/1984	Giáo viên	TH Phú Thượng	01/12/2013	01/06/2014	18/7/ 2017	5N 8T	2,26	V.07.03.09	ĐH	31/12/2018	x	A2	x	x

Danh sách này có 93 người

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND QUẬN THANH XUÂN CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
1	Hoàng Tôn Diệu	Linh		20/02/1983	Giáo viên văn hóa	TH Đặng Trần Côn	15/12/2010	15/06/2011	27/03/2017	9n 9t	2,66	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	03/2009	X	B	X	X
2	Nguyễn Thị Phương	Nam		23/09/1979	Giáo viên văn hóa	TH Đặng Trần Côn	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	10n 9t	2,66	V.07.03.09	Thạc sĩ GDTH	01/2017	X	B1	X	X
3	Nguyễn Thị Phương	Chung		16/09/1971	Giáo viên văn hóa	TH Đặng Trần Côn	16/02/1994	01/08/1995	27/03/2017	25N7T	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	08/2010	X	B	X	X
4	Từ Kim	Ngân		03/12/1975	Giáo viên Tiếng Anh	TH Đặng Trần Côn	01/08/2008	01/02/2009	27/03/2017	12N1T	2,86	V.07.03.09	ĐHNN T.Anh	03/1998	X	Pháp B	X	X
5	Nguyễn Thị Thu	Hà		14/07/1984	Giáo viên Tin học	TH Đặng Trần Côn	01/08/2008	01/02/2009	27/03/2017	12N1T	2,86	V.07.03.09	CĐ Tin học ứng dụng	09/2006	CĐ	B	X	X
6	Nguyễn Văn	Nhã	21/09/1978		Giáo viên Thể dục	TH Đặng Trần Côn	01/08/2008	01/02/2009	27/03/2017	12N1T	2,86	V.07.03.09	CĐSP GDTC	06/2002	X	B	X	X
7	Vũ Thanh	Thủy		2/3/1983	Giáo viên Thể dục	TH Thanh Xuân Nam	1/8/2008	1/2/2009	27/3/2017	11n 1t	2,86	V.07.03.09	ĐH GDTC	6/2007	X	C	X	X
8	Trần Thị Kim	Phượng		20/7/1979	Giáo viên văn hóa	TH Thanh Xuân Nam	1/1/2007	1/7/2007	27/3/2017	12 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học GDTH	01/2009	X	A2	X	X
9	Nguyễn Thị	Thủy		16/12/1979	Phó Hiệu trưởng	TH Hạ Đình	7/9/2007	1/3/2008	27/3/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	Đại học GDTH	11/2009	X	B1	X	X
10	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền		22/10/1978	Giáo viên Tiểu học	TH Hạ Đình	15/12/2010	15/12/2010	27/3/2017	9n 2t	2,66	V.07.03.09	Đại học GDTH	6/2011	X	B2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
11	Nguyễn Thị Nam	Hải		01/01/1976	GV văn hóa, KTCM	TH Hạ Đình	01/01/2007	01/01/2007	27/3/2017	12 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học GDTH	8/2007	X	A2	X	X
12	Nghiêm Thị Lan	Hương		06/02/1979	GV văn hóa, KTCM	TH Hạ Đình	1/11/2012	1/11/2012	27/3/2017	8 năm 1 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học GDTH	11/2012	X	A2	X	X
13	Vũ Thị Thanh	Xuân		18/10/1987	GV văn hóa, KTCM	TH Hạ Đình	15/12/2010	15/6/2011	27/3/2017	9n 2t	2,66	V.07.03.09	Đại học GDTH	3/2013	X	A2	X	X
14	Trần Thị	Luận		08/08/1991	GV Âm nhạc	TH Hạ Đình	24/12/2015	24/6/2016	27/3/2017	3 năm 8 tháng	2,06	V.07.03.09	Đại học SPAN	6/ 2013	X	B	X	X
15	Nguyễn Thị Thùy	Dương		19/12/1985	GV cơ bản	TH Hạ Đình	15/11/2011	15/5/2012	27/3/2017	7 năm 5 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học GDTH	6/2008	X	A2	X	X
16	Lê Thị Kim	Ngân		14/10/1975	GV văn hóa, KTCM	TH Hạ Đình	15/12/2010	15/12/2010	27/3/2017	9n 2t	2,66	V.07.03.09	Đại học GDTH	06/1997	X	A2	X	X
17	Trần Thị Thu	Quỳnh		06/08/1978	KTCN	TH Hạ Đình	01/08/2008	01/02/2009	27/3/2017	11n	2,86	V.07.03.09	Đại học GDTH	6/2001	X	C	X	X
18	Trần Thị	Phương		17/5/1977	GV văn hóa, KTCM	TH Hạ Đình	1/8/2008	1/8/2008	27/3/2017	11n 2t	3,46	V.07.03.09	Đại học GDTH	7/2004	X	B	X	X
19	Vũ Thị	Sinh		04/04/1982	GV cơ bản	TH Hạ Đình	15/11/2011	15/2/2012	27/3/2017	7 năm 5 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học GDTH	4/2014	Trung cấp	A2	X	X
20	Phan Thị Nữ	Hằng		18/12/1979	giáo viên dạy tin học	TH Hạ Đình	01/08/2008	01/02/2009	27/3/2017	11n 1t	2,86	V.07.03.09	CĐ Công nghệ thông	10/2003	CĐ	B	X	X
21	Lê Thị	Huyền		10/01/1989	GV Thể dục	TH Hạ Đình	01/10/2014	01/4/2015	27/3/2017	4n11t	2,26	V.07.03.09	ĐH GDTC	7/2012	X	B	X	X
22	Trần Thị	Vị		02/09/1981	Phó Hiệu trưởng	TH Kim Giang	01/08/2008	01/08/2008	27/03/2017	11n 2t	2,86	V.07.03.09	Đại học giáo dục tiểu học	11/2009	X	B1 (do học T.sĩ)	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
23	Nguyễn Thị Thanh	Thu		10/10/1986	Giáo viên văn hóa	TH Kim Giang	15/06/2010	15/06/2011	27/03/2017	8 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học giáo dục tiểu học	06/2012	X	A2	X	X
24	Nguyễn Thu	Quỳnh		07/08/1986	GV Âm nhạc	TH Kim Giang	01/08/2008	01/02/2009	27/03/2017	10n	2,86	V.07.03.09	Thạc sỹ Sư phạm Âm nhạc	01/2016	X	B1 (do học T.sĩ)	X	X
25	Lê Thị	Hằng		07/04/1978	Giáo viên Tiếng Anh	TH Kim Giang	01/08/2008	01/08/2008	27/03/2017	11n 6t	3,26	V.07.03.09	Đại học Tiếng Anh Sư phạm	11/2005	X	Pháp C	X	X
26	Nguyễn Văn	Công	20/01/1985		Giáo viên Thể dục	TH Kim Giang	01/11/2012	01/11/2012	27/03/2017	7 năm 3 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học sư phạm TDTT	8/2013	X	C	X	X
27	Trần Thị	Hoa		20/05/1987	Giáo viên văn hóa	TH Kim Giang	15/11/2011	19/6/20 12	27/03/2017	7 năm 8 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học giáo dục tiểu học	12/2013	X	A2	X	X
28	Kim Huyền	Diễm		12/04/1975	Giáo viên văn hóa	TH Kim Giang	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 7 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học giáo dục tiểu học	06/1997	X	A2	X	X
29	Trần Thị Thu	Phương		20/02/1990	Giáo viên văn hóa	TH Kim Giang	01/11/2013	11/05/2014	27/03/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	Thạc sỹ giáo dục tiểu học	01/2016	X	B1	X	X
30	Nguyễn Thị	Linh		05/11/1985	Giáo viên văn hóa	TH Kim Giang	01/11/2011	11/05/2013	27/03/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học giáo dục tiểu học	06/2008	X	A2	X	X
31	Nguyễn Thị	Thơ		22/12/1990	Giáo viên Tin học	TH Kim Giang	24/12/2015	24/06/2016	24/06/2016	3 năm 8 tháng	2,06	V.07.03.09	Đại học hệ thống thông tin	03/2015	ĐH	A2	X	X
32	Nguyễn Thị Kim	Anh		14/10/1992	Giáo viên văn hóa	TH Kim Giang	24/12/2015	24/06/2016	24/06/2016	3 năm 8 tháng	2,06	V.07.03.09	Cao đẳng sư phạm giáo dục	02/2017	X	A2	X	X
33	Lưu Thị Thanh	Phương		19/09/1974	Giáo viên văn hóa	TH Kim Giang	01/01/2007	01/01/2007	27/03/2017	14 năm 1 tháng	3,46	V.07.03.09	Đại học giáo dục tiểu học	3/2009	X	A2	X	X
34	Vũ Thị Minh	Hiền		05/9/1978	Giáo viên văn hóa	TH Kim Giang	24/12/2015	24/06/2016	24/06/2016	3 năm 8 tháng	2,06	V.07.03.09	Đại học giáo dục tiểu học	12/2012	X	A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
35	Trần Mai	Linh		30/09/1982	Phó Hiệu trưởng	TH Khương Đình	01/01/2007	01/01/2007	27/3/2017	13 năm 2 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	09/2006	X	B1	X	X
36	Nguyễn Thị Bích	Diệp		09/06/1981	Phó Hiệu trưởng	TH Khương Đình	01/01/2007	01/07/2007	27/3/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	03/2009	X	A2	X	X
37	Bùi Thị Thu	Duyên		04/02/1982	GV cơ bản	TH Khương Đình	01/11/2012	01/05/2013	27/3/2017	7 năm 5 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	08/2015	X	A2	X	X
38	Đào Thị Thanh	Tú		05/06/1977	GV cơ bản	TH Khương Đình	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	13 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	12/2007	X	C	X	X
39	Lê Thị Thu	Thủy		22/11/1990	GV cơ bản	TH Khương Đình	01/11/2012	01/5/2013	27/3/2017	7 năm 5 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	08/2014	X	B	X	X
40	Phạm Thị Thúy	Hoài		20/06/1983	GV cơ bản	TH Khương Đình	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	13 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	06/2006	X	A2	X	X
41	Vũ Hoàng Nhật	Ninh		19/08/1989	GV cơ bản	TH Khương Đình	15/11/2011	15/05/2012	27/3/2017	8 năm 4 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	08/2015	X	B	X	X
42	Lê Thị Hồng	Vân		01/10/1974	GV cơ bản	TH Khương Đình	01/08/2008	01/08/2008	27/03/2017	12 năm 8 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	10/2017	X	A2	X	X
43	Nguyễn Thị Thanh	Lương		27/02/1975	GV cơ bản	TH Khương Đình	01/01/2007	01/07/2007	27/3/2017	13 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	06/1997	X	A2	X	X
44	Đỗ Thị	Thúy		08/08/1991	GV cơ bản	TH Khương Đình	01/11/2012	01/09/2013	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ GDTH	05/2013	X	B	X	X
45	Phạm Thị Hà	Ly		09/01/1993	GV cơ bản	TH Khương Đình	15/9/2014	15/3/2015	21/4/2017	5 năm 2 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ GDTH	06/2014	X	C	X	X
46	Đỗ Ngọc	Thủy		16/08/1983	GV cơ bản	TH Khương Đình	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	12 năm 2 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	09/2006	X	B1	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
47	Vũ Thị Thảo	Giang		07/09/1982	GV cơ bản	TH Khương Đình	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	10n 6t	2,66	V.07.03.09	ĐH GDTH	12/2007	X	B	X	X
48	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh		26/12/1990	Giáo viên Tiếng Anh	TH Khương Đình	24/12/2015	01/02/2017	27/03/2017	3 năm 2 tháng	2,06	V.07.03.09	ĐH T.Anh	10/2012	X	ĐH Trung	X	X
49	Nguyễn Thị Hồng	Bảo		18/04/1983	GV Âm nhạc	TH Khương Đình	01/09/2010	01/03/2011	22/12/2016	9n 3t	2,66	V.07.03.09	ĐH SP ÂN	01/2015	X	A2	X	X
50	Nguyễn Thùy	Linh		07/01/1986	Giáo viên Tiếng Anh	TH Nguyễn Tuân	01/08/2008	01/02/2009	27/03/2017	11n 1t	2,86	V.07.03.09	Đại học tiếng Anh	6/2009	X	tiếng Pháp-C	X	X
51	Phan Trọng	Đức	08/10/1981		GV Thể dục	TH Nguyễn Tuân	1/12/2009	27/3/2017	1/6/2010	10n 4t	2,66	V.07.03.09	Đại học GDTC	2/2010	X	A2	X	X
52	Nguyễn Thu	Hà		17/01/1982	Hiệu trưởng	TH Nguyễn Tuân	01/01/2007	01/01/2007	27/03/2017	13 năm2 tháng	3,26	V.07.03.09	Thạc sỹ QLGD	3/2015	X	B1	X	X
53	Nguyễn Thị Thu	Hằng		06/03/1978	GV	TH Nguyễn Tuân	1/10/2011	1/04/2012	11/4/2017	8 năm 2 tháng	2,46	V.07.03.09	Cao đẳng GDTH	6/2013	X	B	X	X
54	Võ Thị	Hưng		07/09/2007	GV	TH Nguyễn Tuân	07/09/2007	7/3/2008	11/04/2017	12 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học GDTH	8/ 2016	X	A2	X	X
55	Đào Thu	Lê		2/12/1987	GV	TH Nguyễn Tuân	1/12/2009	1/6/2010	1/6/2010	10n 4t	2,66	V.07.03.09	Đại họcGDTH	4/2017	X	A2	X	X
56	Nguyễn Thị Ly	Na		16/10/1981	GV Âm nhạc	TH Nguyễn Tuân	1/8/2008	1/08/2008	27/03/2017	12 năm 6 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học SPAN	9/ 2008	X	B	X	X
57	Nguyễn Thị	Nguyệt		12/02/1976	GV	TH Nguyễn Tuân	1/8/2008	1/8/2008	31/3/2017	12 năm 6 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học GDTH	6/2011	X	CĐ	X	X
58	Phùng Thị	Nhị		17/07/1976	GV	TH Nguyễn Tuân	12/9/2007	14/03/2008	31/3/2017	13 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học GDTH	4/2012	X	A2	X	X
59	Trần Thị	Phương		18/3/1985	Phó Hiệu trưởng	TH Nguyễn Tuân	1/8/2008	1/2/2009	27/03/2017	11n 6t	2,86	V.07.03.09	Thạc sỹ GD học	4/2011	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
60	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh		16/02/1976	GV	TH Nguyễn Tuân	1/1/1999	1/1/2007	11/04/2007	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học GDTH	6/ 1998	X	C	X	X
61	Nguyễn Thị	Thảo		15/8/1988	GV	TH Nguyễn Tuân	1/11/2012	1/5/2013	27/03/2017	7 năm 3 tháng	2,46	V.07.03.09	Cao Đẳng GDTH	3/2010	X	B1	X	X
62	Nguyễn Ngọc	Lan		09/09/1985	GV	TH Nguyễn Tuân	1/8/2008	1/8/2008	27/03/2017	12 năm 6 tháng	2,86	V.07.03.09	Thạc sỹ GDTH	12/2018	X	B1	X	X
63	Cao Thị	Hường		02/09/1990	GV	TH Nguyễn Tuân	1/10/2014	1/4/2015	11/4/2017	5 năm 2 tháng	2,26	V.07.03.09	Thạc sỹ GDTH	01/2018	X	ĐH tiếng Phán	X	X
64	Nguyễn Thị Bích	Thủy		06/01/1977	Phó Hiệu trưởng	TH Khương Mai	1/1/2007	1/1/2007	27/3/2017	13năm 2 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	07/1999	X	B2	X	X
65	Nguyễn T Mỹ	Linh		03/11/1977	Giáo viên văn hóa	TH Khương Mai	01/01/2007	01/7/2007	27/3/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	12/2016	X	C	X	X
66	Lê Thị Minh	Ngọc		31/10/1977	Giáo viên văn hóa	TH Khương Mai	01/12/2009	01/06/2010	27/3/2017	9n 8t	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	7/1999	X	B	X	X
67	Đỗ Thị Thu	Hằng		11/3/1970	Giáo viên văn hóa	TH Khương Mai	14/12/2000	15/06/2001	27/3/2017	18 năm 8 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	12/2006	X	C	X	X
68	Nguyễn Thị Thúy	Hà		21/7/1991	Giáo viên văn hóa	TH Khương Mai	01/10/2014	01/04/2015	27/3/2017	4 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	7/2017	X	B	X	X
69	Nguyễn Thị Thùy	Vân		24/9/1993	Giáo viên văn hóa	TH Khương Mai	1/11/ 2013	01/05/2014	27/3/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	10/2017	X	B	X	X
70	Nguyễn Thị Ngọc	Hà		18/5/1974	Giáo viên văn hóa	TH Khương Mai	01/08/2008	01/8/2008	27/3/2017	12 năm 9 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	12/2016	X	C	X	X
71	Huy Nam	Phương		19/5/1984	Giáo viên văn hóa	TH Khương Mai	01/01/2007	01/07/2007	27/3/2017	12 năm 6 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	05/2015	X	C	X	X
72	Bùi Thị Hương	Sen		16/10/1976	Giáo viên văn hóa	TH Khương Mai	01/08/2008	01/8/2008	27/3/2017	11n 6t	3,26	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	12/2006	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
73	Vũ Thị	Thủy		22/12/1981	Giáo viên văn hóa	TH Khương Mai	01/8/2008	01/02/2009	27/3/2017	10n	2,86	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	10/2018	X	C	X	X
74	Lại Thị Hồng	Phúc		17/10/1989	Giáo viên văn hóa	TH Khương Mai	01/11/2013	01/9/2014	27/3/2017	5 năm 6tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	6/2011	X	ĐH Tiếng Anh	X	X
75	Đỗ Ngọc	Minh		25/5/1975	Giáo viên văn hóa	TH Khương Mai	01/01/2007	01/7/2007	27/3/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	10/2006	X	C	X	X
76	Nguyễn T Thanh	Tâm		06/7/1981	Giáo viên văn hóa	TH Khương Mai	01/9/2014	01/9/2014	27/3/2017	5n 5t	3,26	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	7/2003	X	C	X	X
77	Lê Hương	Giang		23/11/1981	Giáo viên văn hóa	TH Khương Mai	01/01/2007	01/01/2007	27/3/2017	14 năm	3,26	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	12/2007	X	ĐH Tiếng Anh	X	X
78	Nguyễn Thu	Hồng		17/11/1979	Giáo viên văn hóa	TH Khương Mai	01/8/2008	01/8/2008	27/3/2017	11n 6t	3,46	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	8/2008	X	B	X	X
79	Lê Thị Phương	Thanh		16/12/1988	GV Thể dục	TH Khương Mai	15/11/2011	15/5/2012	27/3/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH Giáo dục thể chất	7/2014	X	B	X	X
80	Thạch T Thanh	Bình		24/6/1982	GV Âm nhạc	TH Khương Mai	01/8/2008	01/02/2009	27/3/2017	11n	2,86	V.07.03.09	CĐSP Âm nhạc	6/2006	X	B	X	X
81	Lê Thị	Ngọc		24/7/1986	GV Mĩ thuật	TH Khương Mai	01/12/2009	01/06/2010	27/3/2017	9n 8t	2,66	V.07.03.09	CĐSP Mỹ thuật	6/2007	X	B	X	X
82	Vũ Thị Bích	Hồng		06/8/1976	Giáo viên Tiếng Anh	TH Khương Mai	01/8/2008	01/2/2009	27/3/2017	11n	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Tiếng Anh	10/2000	X	Pháp C	X	X
83	Tạ Minh	Đức	13/6/1985		GV Tin học	TH Khương Mai	01/8/2008	01/02/2009	27/3/2017	11n	2,86	V.07.03.09	CĐSP Tin học	6/2007	CĐ	C	X	X
84	Nguyễn Thị Hồng	Loan		22/2/1985	GV Tổng phụ trách	TH Khương Mai	06/9/2007	07/3/2008	27/3/2017	11n	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	9/2010	X	C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
85	Bùi Thị Lan	Hương		11/02/1978	Giáo viên Tiếng Anh	TH Nhân Chính	01/08/2008	01/05/2009	27/03/2017	10n 9t	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Tiếng Anh	09/2003	X	ĐH Tiếng Nga	X	X
86	Trần Thị Ngọc	Phương		18/12/1981	Giáo viên văn hóa	TH Nhân Chính	01/01/2007	01/01/2007	27/03/2017	13 năm 1 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐHGD TH	06/2007	X	C	X	X
87	Lê Trà	My		24/06/1986	Giáo viên văn hóa	TH Nhân Chính	15/11/2011	15/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHGD TH	05/2014	X	B	X	X
88	Nguyễn Thị Thu	Huyền		16/01/1982	Giáo viên văn hóa	TH Nhân Chính	01/10/2007	01/10/2007	27/03/2017	12 năm 4 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHGD TH	08/2008	X	B	X	X
89	Nguyễn Thúy	Hằng		24/04/1980	Giáo viên văn hóa	TH Nhân Chính	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐHGD TH	09/2006	X	C	X	X
90	Nguyễn Thị Giang	Thanh		23/10/1971	Giáo viên văn hóa	TH Nhân Chính	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHGD TH	01/2009	X	B	X	X
91	Nguyễn Tú	Uyên		24/10/1974	Giáo viên văn hóa	TH Nhân Chính	01/01/2007	01/01/2007	27/03/2017	13 năm 1 tháng	3,26	V.07.03.09	CĐSP TH	06/2000	X	B	X	X
92	Mai Thị Bích	Thủy		19/10/1982	Giáo viên văn hóa	TH Nhân Chính	01/01/2002	01/07/2002	30/06/2017	17 năm 7 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐHGD TH	08/2010	X	B1	X	X
93	Nguyễn Hồng	Việt	09/08/1978		Giáo viên văn hóa	TH Nhân Chính	01/09/2003	01/03/2004	27/03/2017	15 năm 11 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐHGD TH	01/2013	X	B	X	X
94	Trần Thị Vân	Kiều		06/09/1976	Giáo viên văn hóa	TH Nhân Chính	01/01/2007	01/01/2007	27/03/2017	13 năm 1 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐHGD TH	02/2002	X	B	X	X
95	Đinh Thu	Hà		19/05/1978	Giáo viên văn hóa	TH Nhân Chính	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHGD TH	07/2002	X	C	X	X
96	Bùi Thị	Hảo		09/08/1985	Giáo viên văn hóa	TH Nhân Chính	24/12/2015	24/06/2016	24/06/2016	3 năm 8 tháng	2,06	V.07.03.09	CĐSPGD TH	04/2018	X	ĐH Tiếng Anh	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVĐG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
97	Đặng Hải	Vân		08/03/1982	Giáo viên Tin học	TH Nhân Chính	01/08/2008	01/02/2009	27/03/2017	11n	2,86	V.07.03.09	CĐ Toán -Tin	07/2004	CĐ	B	X	X
98	Nguyễn Thùy	Linh		13/12/1984	GVVH	TH Phan Đình Giót	15/08/2008	15/08/2008	27/03/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	8/2008	X	B1	X	X
99	Đặng Thị	Vân		09/07/1982	GVVH	TH Phan Đình Giót	01/01/2007	01/01/2007	27/03/2017	13 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	10/2011	X	B	X	X
100	Trần Tiến	Thức	17/12/1990		GV Thể dục	TH Phan Đình Giót	01/10/2014	01/4/2015	27/03/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	ĐH GDTC	07/2013	X	C	X	X
101	Đào Liên	Hương		15/12/1984	GVVH	TH Phan Đình Giót	1/11/2010	01/11/2010	31/03/2017	10n	2,86	V.07.03.09	ĐH GDTH	5/2013	X	B2	X	X
102	Nguyễn Thị	Tuyết		12/10/1977	GVVH	TH Phan Đình Giót	14/12/2000	15/6/2001	27/03/2017	20 năm	3,86	V.07.03.09	ĐH GDTH	06/2009	X	B	X	X
103	Đặng Đức	Hạnh		03/02/1990	GVVH	TH Phan Đình Giót	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	6 năm	2,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	10/2017	X	A2	X	X
104	Quản Khánh	Linh		25/07/1983	GVVH	TH Phan Đình Giót	01/08/2008	01/02/2009	27/03/2017	11n	2,86	V.07.03.09	ĐH GDTH	11/2009	X	A2	X	X
105	Nguyễn Hải	Yến		18/06/1990	GVVH	TH Phan Đình Giót	15/11/2011	15/05/2012	27/03/2017	8 năm	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	5/2014	X	B1	X	X
106	Nguyễn Thu	Hà		16/04/1975	GV tiếng Anh	TH Phan Đình Giót	01/08/2008	01/02/2009	27/03/2017	11n	2,86	V.07.03.09	ĐH Tiếng Anh	12/1997	X	ĐH Tiếng Nga	X	X
107	Nguyễn Thị Thu	Hường		17/038/1977	GVVH	TH Phan Đình Giót	01/08/2008	01/08/2008	27/03/2017	12 năm	3,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	11/2009	X	C	X	X
108	Nguyễn Thị Trà	My		14/08/1980	GVVH	TH Phan Đình Giót	01/08/2008	01/02/2009	27/03/2017	11n	2,86	V.07.03.09	CĐ GDTH	06/2002	X	C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
109	Đỗ Huyền	Trang		26/08/1986	GVVH	TH Phan Đình Giót	01/10/2014	01/04/2015	27/03/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	CĐ GDTH	06/2014	X	B	X	X
110	Nguyễn Thị Thanh	Loan		19/05/1983	GVVH	TH Phan Đình Giót	01/01/2007	01/01/2007	27/03/2017	13 năm	3,06	V.07.03.09	CĐ GDTH	10/2011	X	B	X	X
111	Nguyễn Thị Hồng	Thắm		09/06/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Thanh Xuân Bắc	01/08/2008	01/02/2009	27/03/2017	10n	2,86	V.07.03.09	ĐH Tiếng Anh	01/2005	X	TA	X	X
112	Vũ Lan	Anh		23/09/1979	GV cơ bản	TH Thanh Xuân Bắc	01/01/2007	01/01/2007	11/04/2017	13 năm 01 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	12/2006	X	C	X	X
113	Đỗ Thị	Cúc		28/08/1973	GV cơ bản	TH Thanh Xuân Bắc	01/08/2008	01/08/2008	27/03/2017	11n 6t	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	09/2006	X	B	X	X
114	Nguyễn Thị	Hân		11/11/1992	GV cơ bản	TH Thanh Xuân Bắc	01/10/2014	01/04/2015	27/03/2017	4n 10t	2,26	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	02/2016	X	B	X	X
115	Nguyễn Thị	Hào		09/11/1974	GV cơ bản	TH Thanh Xuân Bắc	01/01/2011	01/01/2011	30/12/2015	9n 1t	2,66	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	06/2009	X	B	X	X
116	Đặng Thị	Hiền		08/10/1979	Giáo viên Tiếng Anh	TH Thanh Xuân Bắc	15/12/2010	15/06/2011	27/03/2017	8n 8t	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng Tiếng Anh	07/2002	X	Pháp C	X	X
117	Nguyễn Văn	Hùng	20/12/1987		GV Âm nhạc	TH Thanh Xuân Bắc	24/12/2015	24/06/2016	24/06/2016	3 n 8t	2,06	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	01/2013	X	B	X	X
118	Hoàng Diệu	Hương		06/12/1979	GV cơ bản	TH Thanh Xuân Bắc	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 07 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	07/2001	X	B	X	X
119	Đinh Thị Thanh	Hương		28/06/1972	GV Mĩ thuật	TH Thanh Xuân Bắc	14/12/2000	15/06/2001	27/03/2017	18 năm 08 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐHSP Mĩ thuật	09/2008	X	Đại học Tiếng Anh	X	X
120	Vũ Thị Thu	Huyền		11/12/1994	GV cơ bản	TH Thanh Xuân Bắc	24/12/2015	24/06/2016	24/06/2016	3 n 8t	2,06	V.07.03.09	CĐSP GDTH	06/2015	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
121	Trần Trung	Lâm	29/08/1989		GV TPT	TH Thanh Xuân Bắc	01/10/2014	01/04/2015	27/03/2017	4n 10t	2,26	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	07/2012	X	B	X	X
122	Nguyễn Thị	Loan		29/12/1990	GV cơ bản	TH Thanh Xuân Bắc	01/10/2014	01/04/2015	27/03/2017	3n 10t	2,26	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2017	X	B	X	X
123	Phạm Thị Kim	Nga		01/09/1980	GV cơ bản	TH Thanh Xuân Bắc	01/01/2007	01/01/2007	27/03/2017	13 năm 01 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	07/2002	X	B	X	X
124	Phạm Thị Kim	Oanh		21/12/1993	GV cơ bản	TH Thanh Xuân Bắc	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5n 9t	2,26	V.07.03.09	CĐSP GDTH	03/2015	X	A2	X	X
125	Nguyễn Hà	Thu		19/11/1990	GV cơ bản	TH Thanh Xuân Bắc	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5n 9t	2,26	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	05/2013	X	B	X	X
126	Lê Thị Bích	Hòa		16/09/1977	Phó hiệu trưởng	TH Nguyễn Trãi	01/01/2007	01/01/2007	27/03/2017	14 N 3T	3,26	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	12/2004	X	B 1	X	X
127	Đoàn Thị	Thủy		22/12/1975	GV cơ bản, tổ trưởng chuyên	TH Nguyễn Trãi	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12N 2T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	06/1998	X	C	X	X
128	Nguyễn Thị	Thoa		06/12/1983	GV cơ bản, tổ trưởng chuyên	TH Nguyễn Trãi	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12N 2T	3,06	V.07.03.09	ĐHGDTH	8/2008	X	B1	X	X
129	Nguyễn Kim	Anh		28/07/1980	GV cơ bản, tổ trưởng chuyên	TH Nguyễn Trãi	01/08/2008	01/08/2008	27/03/2017	11N 8T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	07/2003	X	C	X	X
130	Cấn Thị Lan	Anh		08/12/1980	GV cơ bản, tổ phó chuyên	TH Nguyễn Trãi	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9n 6t	2,66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	08/2008	X	C	X	X
131	Nguyễn Thị	Yến		2/11/1976	GV cơ bản, tổ phó chuyên	TH Nguyễn Trãi	01/01/2007	01/01/2007	27/03/2017	13N3T	3,06	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	06/1998	X	B	X	X
132	Nguyễn Thị Thủy	Trang		21/08/1983	GV Chuyên biệt, tổ phó	TH Nguyễn Trãi	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	11N	2,66	V.07.03.09	Đại học GDTC	06/2006	X	C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đã tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích (trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đã tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
133	Vũ Thị Kim	Thoa		20/03/1978	GV Cơ bản	TH Nguyễn Trãi	01/01/2007	01/11/2007	27/03/2017	12 N 3T	3,06	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	12/2007	X	B	X	X
134	Nguyễn Thị Thanh	Hoa		19/12/1981	GV Cơ bản	TH Nguyễn Trãi	01/08/2008	01/08/2008	27/03/2017	11n 6t	2,86	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	12/2007	X	C	X	X
135	Trần Lê	Huyền		11/09/1980	GV Cơ bản	TH Nguyễn Trãi	15/12/2010	15/12/2010	27/03/2017	9n 2t	2,66	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	09/2006	X	C	X	X
136	Phùng Thị Minh	Hà		01/07/1979	GV Cơ bản	TH Nguyễn Trãi	01/10/2007	01/04/2008	27/03/2017	12N 4T	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2001	X	C	X	X
137	Kiều Thị	Thanh		21/10/1990	GV Cơ bản	TH Nguyễn Trãi	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5N 5T	2,26	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	04/2017	X	B	X	X
138	Lê Thị Đoàn	Viên		18/06/1981	GV Cơ bản	TH Nguyễn Trãi	15/12/2010	15/06/2011	27/03/2017	9n	2,66	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	07/2003	X	C	X	X
139	Vũ Thị	Huê		09/06/1987	GV Cơ bản	TH Nguyễn Trãi	15/12/2010	15/06/2011	27/03/2017	8N 6T	2,66	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	05/2014	X	C	X	X
140	Nguyễn Thị Thúy	Liên		02/03/1981	GV Cơ bản	TH Nguyễn Trãi	01/08/2008	01/08/2008	27/03/2017	11N8T	2,86	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	09/2005	X	C	X	X
141	Lê Thanh	Huyền		16/05/1985	Gv cơ bản	TH Nguyễn Trãi	01/12/2009	01/12/2009	27/03/2017	11N	2,66	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	06/2011	X	C	X	X
142	Trần Thị Thu	Trang		09/09/1993	Gv cơ bản	TH Nguyễn Trãi	01/10/2014	01/04/2019	27/03/2017	5N 10T	2,26	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/2017	X	C	X	X
143	Đặng Thị Bích	Hoa		28/10/ 1980	Gv cơ bản	TH Nguyễn Trãi	01/08/2008	01/08/2008	27/03/2017	11N8T	2,86	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	06/2007	X	A2	X	X
144	Huỳnh Thị Ngọc	Hoa		25/05/1985	Gv cơ bản	TH Nguyễn Trãi	01/12/2009	01/06/2010	01/03/2016	9n 6t	2,66	V.07.03.09	ĐHGD Tiểu học	04/2014	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
145	Nguyễn Phương	Thảo		13/01/1992	Gv cơ bản	TH Nguyễn Trãi	01/04/2015	01/04/2019	27/03/2017	4N 4T	2,26	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	05/2018	X	A2	X	X
146	Nguyễn Thị Phương	Dung		17/01/1990	Gv cơ bản	TH Nguyễn Trãi	01/07/2014	01/01/2015	01/01/2015	4N1T	2,26	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	07/2011	X	C	X	X
147	Nguyễn Thị Thanh	An		26/02/1992	GV Chuyên biệt	TH Nguyễn Trãi	01/12/2009	01/06/2018	27/03/2017	11N	2,66	V.07.03.09	Đại học SP mỹ thuật	12/2011	X	C	X	X
148	Nguyễn Thị Thùy	Dương		14/01/1981	GV Chuyên biệt	TH Nguyễn Trãi	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	11N	2,66	V.07.03.09	Thạc sĩ SP âm nhạc	09/2016	X		X	X
149	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		08/09/1984	GV Chuyên biệt	TH Nguyễn Trãi	01/01/2011	01/07/2011	27/03/2017	8n 7t	2,66	V.07.03.09	Đại học GDTC	06/2009	X	C	X	X
150	Đặng Thị Thái	Hà		26/01/1982	GV Chuyên biệt	TH Nguyễn Trãi	01/08/2018	01/02/2009	27/03/2017	10n 2t	2,66	V.07.03.09	Đại học SP Tin	04/2012	Đại học	B	X	X
151	Phí Thị Thanh	Bình		27/11/1979	GV Chuyên biệt	TH Nguyễn Trãi	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5n 5t	2,26	V.07.03.09	Cao Đẳng Mỹ thuật Công	12/2008	X	C	X	X
152	Nguyễn Thị Thu	Hà		10/10/1987	GV Chuyên biệt	TH Nguyễn Trãi	15/12/2010	15/12/2010	27/03/2017	10n	2,66	V.07.03.09	Đại học Tiếng Anh	07/2010	X	Trung cấp	X	X
153	Nguyễn Thị Liễu	Hạnh		12/10/1977	GV Chuyên biệt	TH Nguyễn Trãi	01/12/2009	01/06/2010	31/03/2017	10n 2t	2,66	V.07.03.09	Tiếng Anh	10/2002	X	CĐ tiếng Nga	X	X
154	Bùi Thị Thu	Phương		19/11/1981	GV-TPT	TH Phương Liệt	01/08/2008	01/08/2008	27/3/2017	11 năm 8 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH- Sư phạm Tiểu học	6/2014	X	B	X	X
155	Phạm Thị	Khuyên		24/03/1989	Giáo viên	TH Phương Liệt	01/12/2009	01/03/2010	27/3/2017	10 năm	2,66	V.07.03.09	ĐH- Sư phạm Tiểu học	2/2019	X	B	X	X
156	Triệu Thị Phương	Hà		20/01/1980	Giáo viên	TH Phương Liệt	01/08/2008	01/08/2008	27/3/2017	11 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH- Sư phạm Tiểu học	8/2007	X	C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
157	Đỗ Thị Kim	Thoa		13/10/1979	Giáo viên	TH Phương Liệt	01/12/2009	01/06/2010	27/3/2017	9 năm 10 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ -Sư phạm Thể dục	6/2001	X	B	X	X
158	Nguyễn Thị	Hằng		22/06/1976	Giáo viên	TH Phương Liệt	01/11/2013	01/05/2014	27/3/2017	5 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH - Sư phạm tiểu học	6/1997	X	ĐH-Anh	X	X
159	Nguyễn Thị Linh	Giang		01/02/1984	Giáo viên	TH Phương Liệt	01/08/2008	01/08/2008	27/3/2017	11 năm 8 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH - Thiết kế đồ họa	9/2010	X	B	X	X
160	Nguyễn Khánh	Ly		08/10/2985	Giáo viên	TH Phương Liệt	01/01/2007	01/01/2007	27/3/2017	13 năm 3 tháng	3,46	V.07.03.09	CĐ - Sư phạm tiểu học	6/2000	X	C	X	X
161	Đỗ Thị Thu	Ngân		20/10/1991	Giáo viên	TH Phương Liệt	01/11/2012	01/11/2012	27/3/2017	7 năm 4 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH - Sư phạm tiểu học	5/2015	X	B	X	X
162	Nguyễn Công Thị Minh	Anh		14/01/1980	Giáo viên	TH Phương Liệt	01/01/2007	01/01/2007	27/3/2017	13 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ -sư phạm tiểu học	10/2001	X	C	X	X
163	Phạm Thị Quỳnh	Hoa		27/03/1981	Phó Hiệu trưởng	TH Thanh Xuân Trung	01/01/2007	01/01/2007	27/3/2017	13 năm 2 tháng	3,26	V.07.03.09	Đại học SPGDTH	03/2009	X	C	X	X
164	Trần Thanh	Nga		04/08/1986	Phó Hiệu trưởng	TH Thanh Xuân Trung	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9n 9t	2,66	V.07.03.09	Đại học GDTH	04/2017	CĐ	B2	X	X
165	Nguyễn Tuyết	Hạnh		15/05/1980	Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9n 9t	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng GDTH	10/2002	X	B	X	X
166	Vũ Thúy	Hồng		06/02/1989	Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	01/12/2010	01/6/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng GDTH	08/2010	X	C	X	X
167	Nguyễn Thị Thanh	Hương		13/12/1982	Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	22/10/2012	31/12/2013	12/04/2017	7 năm 4 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học GDTH	08/2008	X	A2	X	X
168	Mai Thị Thu	Ngọc		01/11/1991	Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	25/09/2014	01/04/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học GDTH	06/2013	X	A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đã tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đã tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
169	Trần Hoàng	Linh		10/11/1988	Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	15/12/2010	15/6/2011	27/03/2017	8 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học GDTH	04/2017	X	C	X	X
170	Nguyễn Thị Chúc	Quỳnh		11/12/1979	Tổ phó	TH Thanh Xuân Trung	22/10/1993	23/10/1994	27/03/2017	25 năm 4 tháng	4,06	V.07.03.09	Đại học GDTH	06/2012	X	ĐH Tiếng Anh	X	X
171	Ngô Thị Kim	Luyện		20/10/1986	Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	15/12/2010	15/6/2011	27/3/2017	8 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng	8/2018	X	B	X	X
172	Nguyễn Thị	Huyền		03/03/1989	Tổ phó	TH Thanh Xuân Trung	15/11/2011	15/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học GDTH	5/2011	X	B	X	X
173	Nguyễn Thu	Ngân		23/12/1989	Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	15/12/2010	15/06/2011	27/03/2017	8 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học GDTH	05/2014	X	C	X	X
174	Nguyễn Thị Bích	Hồng		06/06/1990	Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	01/11/2012	01/05/2013	27/03/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học GDTH	04/2017	X	C	X	X
175	Hoàng Kim	Chi		17/11/1991	Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	01/11/2012	01/05/2013	27/03/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	Cao đẳng GDTH	06/2017	X	C	X	X
176	Phạm Thị Hệ	Ngân		02/10/1987	Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	15/11/2011	15/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học GDTH	04/2017	X	B	X	X
177	Nguyễn Thị Thanh	Việt		22/10/1988	Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	6 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học GDTH	04/2017	X	B	X	X
178	Nguyễn Thị Hồng	Trang		19/02/1992	Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	6 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học GDTH	11/2016	X	B	X	X
179	Nguyễn Thị Thu	Hằng		24/4/1980	Tổ trưởng	TH Thanh Xuân Trung	15/12/2010	15/12/2010	27/3/2017	9n 2t	3,06	V.07.03.09	Đại học GDTH	08/2008	X	A2	X	X
180	Nguyễn Thị Lan	Phương		08/06/1982	Tổ phó	TH Thanh Xuân Trung	01/08/2008	23/03/2009	27/3/2017	11n 1t	2,86	V.07.03.09	Đại học GDTH	11/2009	X	A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
181	Nguyễn Thị Liên	Hương		11/09/1986	GV	TH Thanh Xuân Trung	01/12/2009	01/06/2010	27/3/2017	9n 9t	2,66	V.07.03.09	Đại học GDTH	07/2009	X	A2	X	X
182	Nguyễn Thái	Ngọc		10/11/1989	GV	TH Thanh Xuân Trung	01/10/2014	01/04/2015	27/3/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học GDTH	04/2017	X	A2	X	X
183	Phạm Hồng	Anh		30/11/1985	Tổ trưởng	TH Thanh Xuân Trung	1/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9n 9t	2,66	V.07.03.09	Đại học Tiếng Anh	06/2009	X	Hoa C	X	X
184	Dương Thị Thúy	Ngọc		14/02/1980	Giáo viên Tiếng Anh	TH Thanh Xuân Trung	1/12/2009	19/8/2010	27/3/2017	9n 6t	2,66	V.07.03.09	Đại học Tiếng Anh	01/2005	X	Pháp C	X	X
185	Vũ Thị Lan	Hương		09/03/1978	Tổ phó	TH Thanh Xuân Trung	25/12/2015	24/6/2016	24/6/2016	3 năm 8 tháng	2,06	V.07.03.09	Cao đẳng Tin	05/2001	CĐ	B	X	X
186	Hoàng Thị	Hiền		13/11/1984	Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	01/12/2009	01/06/2010	27/3/ 2017	9n 9t	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng SP mĩ thuật	7/2008	X	B	X	X
187	Nguyễn Thị	Hương		28/12/1989	Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	1/1/2013	1/5/2014	27/3/ 2017	5 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học GDTC	7/2012	X	C	X	X
188	Nguyễn Trung	Quảng	19/12/1986		Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	1/1/2012	1/5/2013	27/3/ 2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học GDTC	7/2012	X	C	X	X
189	Đào Thị Khánh	Ly		13/07/1984	Giáo viên	TH Thanh Xuân Trung	1/7/2008	1/1/2009	27/3/2017	11n 2t	2,86	V.07.03.09	Cao đẳng Sư phạm Âm nhạc	09/2010	X	C	X	X

Danh sách này gồm có: 189 người.

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND QUẬN HOÀNG MAI CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
1	Nguyễn Thị	Liên		01/04/1978	GV văn hóa	TH Chu Văn An	1/1/2007	01/07/2007	15/5/2017	13N	3.06	V.07.03.09	ĐHGDTH	29/8/2014	X	Anh A2	X	X
2	Nguyễn Thanh	Hương		04/04/1979	GV văn hóa	TH Chu Văn An	01/09/2008	01/09/2008	30/5/2017	12N	3.26	V.07.03.09	ĐHGDTH	14/8/2007	X	Anh C	X	X
3	Đặng Thị Hồng	Nhung		30/08/1985	GV thể dục	TH Chu Văn An	31/08/2007	01/03/2008	27/3/2017	12N	3.06	V.07.03.09	ĐHGD thể chất	1/6/2015	X	Anh C	X	X
4	Dương Hồng	Hạnh		17/01/1983	GV Anh	TH Chu Văn An	14/08/2008	15/02/2009	15/5/2017	11N	2.86	V.07.03.09	ĐH Anh	21/6/2005	X	Trung C	X	X
5	Nguyễn Thị Thanh	Hà		15/08/1982	GV Nhạc	TH Chu Văn An	01/01/2011	01/07/2011	15/5/2017	9N, 9T	2.66	V.07.03.09	CĐSP Nhạc	22/6/2006	X	Anh B	X	X
6	Nguyễn Duy	Kiên	10/04/1971		GV Anh	TH Chu Văn An	01/01/2010	01/07/2010	11/4/2017	10N, 2T	2.66	V.07.03.09	ĐH Anh	20/9/2000	X	Pháp C	X	X
7	Trương Thị Hải	Yến		07/02/1977	GV văn hóa	TH Chu Văn An	01/01/2010	01/01/2010	15/5/2017	10N, 2T	2.86	V.07.03.09	ĐHGDTH	3/2005	X	Anh bậc 2	X	X
8	Trần Như	Thanh		06/08/1987	GV văn hóa	TH Chu Văn An	01/04/2014	1/3/2015	19/08/2015	5N, 10T	2.26	V.07.03.09	ĐHGDTH	2/10/2017	TC	Anh B	X	X
9	Nguyễn Thùy	Linh		19/02/1994	GV văn hóa	TH Chu Văn An	01/01/2016	1/7/2016	1/7/2016	3N, 7 T	2.06	V.07.03.09	CĐGDTH	9/6/2015	X	Anh B	X	X
10	Trần Tuyết	Anh		13/04/1990	GV văn hóa	TH Chu Văn An	01/09/2014	20/3/2015	15/05/2017	5 N	2.26	V.07.03.09	CĐGDTH	6/2/2017	X	Anh bậc 2	X	X
11	Trần Thị	Huyền		21/11/1986	GV văn hóa	TH Chu Văn An	01/01/2010	01/01/2010	15/05/2017	10N, 2T	2.86	V.07.03.09	ĐHGDTH	25/3/2014	X	Anh bậc 2	X	X
12	Nguyễn Thị Hải	Yến		19/08/1976	GV văn hóa	TH Chu Văn An	01/01/2007	01/07/2007	15/05/2017	12N	3.06	V.07.03.09	ĐHGDTH	15/12/2006	X	Anh C	X	X
13	Trịnh Mai	Chi		29/4/1977	Phó Hiệu trưởng	TH Đại Kim	1/1/2007	1/1/2007	15/5/2017	12 năm 9 tháng	3.46	V.07.03.09	ĐH GDTH	21/9/2005	X	Anh C	X	X
14	Nguyễn Thị Minh	Thủy		21/11/1981	Giáo viên Tin học	TH Đại Từ	1/8/2008	1/02/2009	08/06/2018	11 năm	2.86	V.07.03.09	ĐH Tin học	29/6/2009	ĐH	Anh C	X	X

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
15	Đỗ Phương Thảo	Thảo		18/03/1983	Giáo viên văn hóa	TH Đại Từ	1/1/2007	01/07/2007	15/07/2017	12N7T	3,06	V07.03.09	ĐH GDTH	23/4/2012	X	Anh A2	X	X
16	Lê Thị	Tuyết		01/08/1978	Giáo viên văn hóa	TH Đại Từ	01/01/2007	01/07/2007	15/07/2017	12N7t	3,06	V07.03.09	ĐH GDTH	23/4/2012	X	Tiếng Anh B	X	X
17	Vũ Thị	Ngân		05/05/1988	Giáo viên Tin học	TH Đại Từ	01/11/2011	01/05/2012	15/05/2017	7N10T	2,46	V07.03.09	Đại học Tin học	08/07/2010	ĐH	Tiếng Anh C	X	X
18	Bùi Thị	Nguyệt		28/09/1981	Giáo viên văn hóa	TH Đại Từ	15/8/2008	15/08/2008	15/05/2017	11N7T	3,26	V07.03.09	ĐH GDTH	14/01/2009	X	Anh A2	X	X
19	Đỗ Thị Thanh	Nga		28/11/1981	Giáo viên Nhạc	TH Đại Từ	15/8/2008	15/8/2008	15/05/2017	11N7T	3,26	V07.03.09	Đại học SP Nhạc	11/9/2008	X	Anh A2	X	X
20	Nguyễn Thị Thanh	Nga		22/07/1989	Giáo viên văn hóa	TH Đại Từ	1/1/2011	01/03/2011	15/05/2017	9N	2,66	V07.03.09	ĐH GDTH	2/10/2017	X	Anh A2	X	X
21	Lê Thị	Minh		13/8/1985	Giáo viên văn hóa	TH Đại Từ	1/8/2008	1/8/2008	08/06/2018	11N7T	2,86	V07.03.09	ĐH GDTH	19/06/2009	X	Anh B	X	X
22	Chử Thị Hồng	Hạnh		04/05/1979	Phó Hiệu trưởng	TH Đền Lừ	01/01/2007	01/07/2007	15/05/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GDTH	20/07/2001	X	Anh B1	X	X
23	Phùng Thị Hoài	Phương		07/02/1986	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/01/2011	01/01/2011	31/12/2015	9 năm1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GDTH	28/02/2012	X	Anh B	X	X
24	Nguyễn Thị	Quyên		20/01/1978	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/12/2009	01/12/2009	15/05/2017	11 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH GDTH	18/08/2008	X	Anh A2	X	X
25	Trần Thị Lê	Trang		12/11/1982	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	15/08/2008	15/02/2009	15/05/2017	11 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH GDTH	11/03/2011	X	Anh A2	X	X
26	Nguyễn Thu	Hà		18/05/1984	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/01/2007	01/07/2007	15/05/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GDTH	06/06/2014	X	Anh A2	X	X
27	Phạm Thị Thanh	Huyền		05/11/1985	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	04/09/2014	01/03/2015	15/05/2017	4 năm 11 tháng	2.2 6	V.07.03.09	ĐH GDTH	23/08/2017	X	ĐH Anh	X	X
28	Nguyễn Quỳnh	Trang		22/04/1985	Giáo viên Mỹ thuật	TH Đền Lừ	01/04/2014	01/10 / 2014	15/05/2017	5 năm 4 tháng	2.26	V. 07.03.09	Đại học Mỹ thuật	25/08/2009	X	Anh A2	X	X
29	Trương Hồng	Hạnh		06/05/1982	Giáo viên Âm nhạc	TH Đền Lừ	01/01/2007	01/01/2007	15/05/2017	12 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐHSPm nhạc	26/03/2009	X	Anh B	X	X
30	Đào Thị	Thảo		26/05/1988	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/11/2012	01/11/2012	15/05/2017	7 năm 3 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GDTH	10/10/2014	X	Anh B	X	X
31	Duy Thị Khánh	Hường		14/10/1981	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/01/2007	01/01/2007	15/05/2017	13 năm	3,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	01/07/2009	X	Anh A2	X	X
32	Ngô Thị	Lan		27/07/1985	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/01/2011	01/01/2011	31/12/2015	9 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH GDTH	23/06/2011	X	Anh A2	X	X

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
33	Đặng Thị Hồng	Thắm		26/03/1990	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/01/2011	1/1/2011	31/12/2015	9 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH GDTH	02/04/2014	X	Anh B	X	X
34	Lê Thị Kiều	Anh		31/08/1993	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	04/09/2014	01/03/2015	15/05/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ GDTH	11/06/2014	X	Anh A2	X	X
35	Đoàn Thị Thu	Hằng		11/07/1991	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	1/4/2014	1/10/2014	15/05/2017	5 năm 4 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	16/05/2013	X	Anh A2	X	X
36	Vũ Thùy	Trang		20/10/1989	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/01/2010	01/03/2010	15/05/2017	9 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH GDTH	12/11/2012	X	Anh A2	X	X
37	Nguyễn Duy Chính	Cương	10/06/1988		Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/01/2011	1/11/2011	31/12/2015	9 năm - 1tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH GDTH	06/06/2014	X	Anh A2	X	X
38	Đinh Thị	Loan		01/04/1988	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/11/2011	01/11/2011	15/05/2017	8 năm - 3 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	16/08/2010	X	Anh A2	X	X
39	Nguyễn Thị Kim	Chung		06/02/1980	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/01/2007	01/01/2007	15/05/2017	13 năm 1 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	06/06/2007	X	Anh C	X	X
40	Lê Thị Thanh	Tâm		31/03/1991	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/04/2014	1/10/2014	15/05/2017	5 năm 9 tháng	2.26	V.07.03.09	CĐ GDTH	03/05/2013	X	Anh A2	X	X
41	Phạm Thị Nga	Hường		27/12/1973	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	15/08/2008	15/08/2008	15/05/2017	11 năm 6 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	19/06/2009	X	Anh A2	X	X
42	Vũ Diệu	Linh		06/10/1994	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/01/2016	1/7/2016	01/07/2016	3 năm - 7 tháng	2,06	V.07.03.09	CĐ GDTH	24/06/2016	X	Anh A2	X	X
43	Trần Diệu	Linh		20/04/1994	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/01/2016	1/7/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2,06	V.07.03.09	CĐ GDTH	18/06/2015	X	Anh B	X	X
44	Hoàng Thị Thu	Hoàn		30/11/1989	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/11/2011	01/05/2012	15/05/2017	7 năm 9 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐ GDTH	01/07/2011	X	Anh A2	X	X
45	Đỗ Văn	Sơn	12/02/1984		Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/01/2011	1/3/2011	15/05/2017	9 năm 1 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH GDTH	10/10/2014	X	Anh A2	X	X
46	Chu Hồng	Hoa		06/09/1979	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	15/08/2008	15/08/2008	15/05/2017	11 năm 6 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	06/06/2007	X	Anh A2	X	X
47	Lê Thúy	Dung		23/02/1991	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	04/09/2014	04/09/2014	15/05/2017	5 năm 5 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	01/12/2006	X	Anh A2	X	X
48	Hoàng Kim	Liên		01/02/1978	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/01/2011	1/1/2011	31/12/2015	9 năm 1 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH GDTH	14/01/2009	X	Anh A2	X	X
49	Nguyễn Thị Hồng	Ngân		16/11/1981	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ	01/01/2007	01/07/2007	15/5/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	06/06/2007	X	Anh A2	X	X
50	Trịnh Thị	Tâm		10/10/1974	Giáo viên văn hóa	TH Đền Lừ		1/12/2010	20/4/2017	9 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GDTH	14/6/1998	X	Anh A2	X	X

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
51	Bùi Thị Diệu	Hương		25/11/1989	GV văn hóa	TH Định công	01/04/2014	1/4/2014	15/05/2017	6N9T	2,46	V.07.03.09	Đại học GDTH	16/11/2016	X	Anh Bậc 2	X	X
52	Nguyễn Hương	Giang		22/12/92	GV văn hóa	TH Định công	01/11/2012	01/05/2013	15/05/2017	6N7T	2.46	V.07.03.09	Đại học GDTH	25/10/2017	X	Anh A2	X	X
53	Trịnh Thị Hải	Yến		09/10/79	GV văn hóa	TH Định công	01/01/2010	01/07/2010	15/05/2017	9N5T	2.66	V.07.03.09	Đại học GDTH	29/08/2014	X	Anh A2	X	X
54	Ngô Thị	Hình		11/05/71	GV văn hóa	TH Định công	01/01/2010	01/01/2010	15/05/2017	10N	2,86	V.07.03.09	Đại học GDTH	23/04/2012	X	Anh C	X	X
55	Đinh Thị Hương	Giang		29/12/84	GV Họa	TH Định công	01/01/2010	01/07/2010	15/05/2017	9N5T	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng SPMT	10/07/2008	X	Anh C	X	X
56	Dương Cẩm	Tú		07/05/90	GV văn hóa	TH Định công	01/11/2011	01/05/2012	15/05/2017	7N7T	2,46	V.07.03.09	Thạc sĩ GDTH	18/03/2015	X	Anh A2	X	X
57	Dương Minh	Hường		22/09/82	GV văn hóa	TH Định công	01/01/2007	01/07/2007	15/05/2017	12N5T	3.06	V.07.03.09	Đại học GDTH	23/06/2005	X	Anh B	X	X
58	Vũ Thị Bích	Hồng		27/03/81	GV văn hóa	TH Định công	01/01/2007	01/07/2007	15/05/2017	12N5T	3.06	V.07.03.09	Đại học GDTH	19/06/2009	X	Anh A2	X	X
59	Nguyễn Thị	Tươi		13/02/76	GV văn hóa	TH Định công	01/01/2007	01/07/2007	15/05/2017	12N5T	3.06	V.07.03.09	Đại học GDTH	9/10/2006	X	Anh A2	X	X
60	Nguyễn Thị Thu	Hà		07/09/74	GV văn hóa	TH Định công	01/01/2011	01/01/2011	30/12/2015	9N	2,86	V.07.03.09	Đại học GDTH	19/06/2009	X	Anh C	X	X
61	Nguyễn Thị	Thương		17/10/89	GV văn hóa	TH Định công	01/11/2011	01/05/2012	15/05/2017	7N7T	2,46	V.07.03.09	Đại học GDTH	31/12/2013	X	Anh C	X	X
62	Nguyễn Thị Hồng	Chính		08/02/89	GV văn hóa	TH Định công	01/11/2011	01/05/2012	15/05/2017	7N7T	2,46	V.07.03.09	Cao đẳng GDTH	4/08/2010	X	Anh C	X	X
63	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		21/05/89	GV văn hóa	TH Định công	01/11/2012	01/05/2013	15/05/2017	6N7T	2.46	V.07.03.09	Đại học GDTH	16/11/2016	X	Anh C	X	X
64	Nguyễn Thị Thanh	Bình		21/12/75	GV văn hóa	TH Định công	01/01/2010	01/03/2010	15/05/2017	9N9T	2.86	V.07.03.09	Đại học GDTH	23/04/2012	X	Anh C	X	X
65	Trần Thị Thu	Lan		02/10/86	GV văn hóa	TH Định công	01/01/2011	01/01/2011	30/12/2015	9N	2,86	V.07.03.09	Đại học GDTH	23/06/2011	X	Anh A2	X	X
66	Nguyễn Thúy	Hiền		17/05/88	GV văn hóa	TH Định công	01/11/2012	01/11/2012	15/05/2017	7N1T	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng GDTH	15/04/2011	X	Anh C	X	X
67	Phùng Thị Thanh	Hoa		29/11/83	GV Nhạc	TH Định công	10/01/2007	10/07/2007	15/05/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	Đại học SP âm nhạc	26/03/2009	X	Anh A2	X	X
68	Nguyễn Kiều	Linh		08/12/85	GV Tin	TH Định công	01/01/2010	01/01/2010	15/05/2017	10N	2,86	V.07.03.09	Đại học SP Tin học	22/02/2011	ĐH	Anh A2	X	X

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
69	Phạm Thị Ánh	Hồng		26/04/93	GV văn hóa	TH Định công	01/04/2014	01/10/2014	15/05/2017	5N2T	2,26	V.07.03.09	Cao đẳng GDTH	02/10/2017	X	Anh C	X	X
70	Nguyễn Thị Thu	Hằng		26/02/80	GV văn hóa	TH Định công	15/08/2008	15/08/2008	15/05/2017	11N4T	3,26	V.07.03.09	Đại học GDTH	15/12/2006	X	Anh A2	X	X
71	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết		27/08/74	GV văn hóa	TH Định công	11/09/1993	01/04/1995	15/05/2017	24NBT	4,06+5%PCT NVK	V.07.03.09	Cao đẳng GDTH	12/12/2007	X	Anh C	X	X
72	Trần Thị Thủy	Thương		25/11/87	GV văn hóa	TH Định công	08/01/2016	08/01/2016	08/01/2016	4N	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng GDTH	13/10/2017	X	Anh A2	X	X
73	Lê Thị	Thắm		10/05/87	GV nhạc	TH Định công	01/01/2011	01/07/2011	15/05/2017	8N5th	2.66	V.07.03.09	ĐHSP âm nhạc	28/01/2019	X	Anh C	X	X
74	Nguyễn Trà	My		30/01/92	GV văn hóa	TH Định công	01/01/16	01/07/16	01/07/16	3N5th	2.06	V.07.03.09	ĐH GDTH	16/11/16	X	Anh A2	X	X
75	Trần Ngọc	Phương		06/09/93	GV văn hóa	TH Định công	01/01/16	01/07/16	01/07/16	3N5th	2.06	V.07.03.09	CĐ GDTH	18/06/15	X	Anh Bậc 2	X	X
76	Nguyễn Khánh	Linh		22/11/95	GV văn hóa	TH Định công	01/01/16	01/07/16	01/07/16	3N5th	2.06	V.07.03.09	CĐ GDTH	23/06/17	X	Anh A2	X	X
77	Phạm Thị Thanh	Thủy		16/05/80	GV văn hóa	TH Định công	01/01/16	01/07/16	01/07/16	3N5th	2.06	V.07.03.09	CĐ GDTH	23/06/17	X	Anh C	X	X
78	Trần Thị Thanh	Nga		05/08/86	GV văn hóa	TH Định công	01/01/16	01/01/16	01/01/86	4N	2.26	V.07.03.09	ĐH GDTH	02/10/17	X	Anh A2	X	X
79	Bùi Nguyệt	Thu		27/05/1978	Phó Hiệu trưởng	TH Giếp Bát	01/01/2007	01/01/2007	15/5/2017	10 năm 1 tháng	3.26	V.07.03.09	ĐH GDTH	19/06/2009	X	tương đương B1 cấp cho Học viên cao	X	X
80	Tạ Khắc	Hoàn	30/12/1979		Giáo viên thể dục	TH Giếp Bát	1/1/2007	01/07/2007	01/03/2015	12 năm 5 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GDTC	4/12/2007	X	Anh B1	X	X
81	Lê Thị	Huế		09/05/1980	Giáo viên văn hóa	TH Giếp Bát	01/01/2007	01/01/2007	15/5/2017	13 năm 1 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GDTH	09/09/2005	X	Anh C	X	X
82	Nguyễn Hải	Yến		07/11/1986	Giáo viên văn hóa	TH Giếp Bát	01/01/2010	01/07/2010	15/5/2017	9 năm 5 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GDTH	24/01/2011	X	Anh A2	X	X
83	Phan Phương	Thúy		17/12/1982	Giáo viên Nhạc	TH Giếp Bát	15/08/2008	15/08/2008	31/7/2017	11 năm 6 tháng	3.26	V.07.03.09	CĐSP Nhạc	02/07/2004	X	ĐH Anh	X	X
84	Nguyễn Thanh	Mai		04/06/1983	Giáo viên văn hóa	TH Giếp Bát	01/01/2010	01/01/2010	15/5/2017	10 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GDTH	15/5/2013	X	Anh A2	X	X
85	Nguyễn Thị Quý	Học		21/08/1973	Giáo viên văn hóa	TH Giếp Bát	01/06/1994	01/06/1994	15/05/2017	25 năm 8 tháng	4.06	V.07.03.09	ĐH GDTH	11/9/2008	X	Anh C	X	X
86	Nguyễn Thị	Mỹ		09/12/1983	Giáo viên Tin	TH Giếp Bát	1/1/2008	1/8/2008	12/4/2017	11 năm	2.86	V.07.03.09	ĐHSP Tin	10/04/2012	ĐH	ĐH Anh	X	X

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
87	Phạm Thị	Vinh		30/07/1972	Giáo viên	TH Giáp Bát	01/01/2007	01/07/2007	01/07/2015	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	26/08/2003	X	Anh C	X	X
88	Vũ Thị Bích	Thảo		10/10/1980	Giáo viên	TH Giáp Bát	15/08/2008	15/08/2008	01/12/2017	11 năm 6 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	10/10/2007	X	Anh A2	X	X
89	Đặng Ngọc	Anh		01/04/1981	Giáo viên	TH Giáp Bát	15/8//2008	15/8/2008	15/5/2017	11 năm 6 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	8/8/2008	X	Anh A2	X	X
90	Trịnh Thị Thùy	Trang		16/09/1983	Giáo viên	TH Giáp Bát	1/9/2007	1/3/2008	15/5/2017	11 năm 12 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH GDTH	5/11/2009	X	Anh A2	X	X
91	Lê Thị Thu	Phượng		26/9/1977	Giáo viên	TH Giáp Bát	01/01/2007	01/01/2007	15/5/2017	13 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	11/3/2011	X	Anh A2	X	X
92	Nguyễn Thị	Sinh		19/02/1987	GV văn hóa	TH Hoàng Liệt	01/11/2011	01/5/2012	15/5/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	01/8/2011	X	Anh A2	X	X
93	Đỗ Thị	Ngôi		28/07/1976	GV văn hóa	TH Hoàng Liệt	01/12/2006	01/06/2007	15/05/2017	12 năm 8 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	15/07/1999	X	Anh C	X	X
94	Bùi Thúy	Huệ		10/04/1991	GV Anh	TH Hoàng Liệt	4/9/2014	04/9/2014	15/5/2017	5 năm 5 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP Anh	24/6/2013	X	Pháp B1	X	X
95	Nguyễn Thị Minh	Hương		16/10/1978	GV văn hóa	TH Hoàng Liệt	1/1/2007	1/7/2007	15/5/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	14/1/2009	X	Anh B	X	X
96	Nguyễn Thị Thúy	Hường		08/07/1977	Hiệu trưởng	TH Lĩnh Nam	14/12/2000	1/7/2001	15/5/2017	18N7T	3,66	V.07.03.09	ThS QL giáo dục	01/2013	X	Anh B1	X	X
97	Lê Thị Quỳnh	Hương		08/12/1987	Giáo viên	TH Lĩnh Nam	01/11/2012	01/05/2013	15/05/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	10/2017	X	Anh A2	X	X
98	Đỗ Thúy	Hằng		10/08/1982	Giáo viên	TH Lĩnh Nam	01/01/2007	01/01/2007	15/05/2017	13 năm 1 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	12/2007	X	Anh bậc 2	X	X
99	Thạch Thị Thu	Nga		05/07/1982	Giáo viên	TH Lĩnh Nam	01/01/2007	01/01/2007	15/05/2017	13 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	06/2009	X	Anh bậc 2	X	X
100	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		08/03/1984	Giáo viên	TH Lĩnh Nam	15/8/2008	15/8/2008	15/05/2017	11 năm 6 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	08/2008	X	Anh A2	X	X
101	Vũ Thị	Hường		31/08/1980	Giáo viên	TH Lĩnh Nam	1/1/2011	1/1/2011	15/5/2017	11 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	08/2014	X	Anh bậc 2	X	X
102	Vương Đoàn Ngọc	Thắng		14/07/1987	Giáo viên	TH Lĩnh Nam	01/01/2010	01/07/2010	15/05/2017	9 năm 7 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH GDTH	5/2013	X	Anh bậc 2	X	X
103	Đỗ Lệ	Thu		21/04/1985	Giáo viên	TH Lĩnh Nam	01/01/2010	01/01/2010	15/05/2017	10 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	ThS Kinh giáo dục	03/2017	X	Anh B1	X	X
104	Khuất Thị	Thanh		02/03/1990	Giáo viên	TH Lĩnh Nam	01/11/2011	01/05/2012	15/05/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V07.03.09	CĐ giáo dục thể chất	07/2011	X	Anh Bậc 2	X	X

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
105	Bùi Thị Kiều	Oanh		08/08/1983	GV Mĩ Thuật	TH Mai Động	01/01/2010	01/07/2010	15/5/2017	9 năm 7 tháng	2.66	V.07.03.09	Cao Đẳng SP Mĩ thuật	20/06/2008	X	Anh C	X	X
106	Nguyễn Thị Kim	Thoa		30/10/1979	GV Mĩ Thuật	TH Mai Động	15/08/2008	15/02/2009	15/5/2017	11 năm	2.86	V.07.03.09	Đại học SP Mĩ thuật	12/6/2007	X	Anh theo khung B1 thuộc chương trình đào tạo	X	X
107	Nguyễn Vân	Anh		21/10/1990	GV văn hóa	TH Mai Động	01/11/2012	01/05/2013	15/5/2017	6 năm 9 tháng	2.46	V.07.03.09	Đại học GDTH	16/11/2016	X	Anh A2	X	X
108	Trần Thị	Thanh		31/03/1977	GV văn hóa	TH Mai Động	15/8/2008	15/8/2008	15/5/2017	11 năm 6 tháng	3.26	V.07.03.09	Đại học GDTH	06/6/2007	X	Anh A2	X	X
109	Khuất Thị Kim	Giang		21/05/1979	GV văn hóa	TH Mai Động	15/8/2008	15/8/2008	15/5/2017	11 năm 6 tháng	3.26	V.07.03.09	Đại học GDTH	06/6/2007	X	Anh A2	X	X
110	Phan Ngọc	Thảo		29/10/1985	GV văn hóa	TH Mai Động	01/01/2007	01/7/2007	15/5/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.09	Đại học GDTH	23/6/2011	X	Anh B2	X	X
111	Tạ Thị Thanh	Thủy		14/08/1983	GV văn hóa	TH Mai Động	01/01/2010	01/01/2010	15/5/2017	10 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học GDTH	28/10/2011	X	Anh A2	X	X
112	Trần Thu	Trang		15/04/1979	GV văn hóa	TH Mai Động	01/01/2007	01/01/2007	15/5/2017	13 năm 1 tháng	3.26	V.07.03.09	Đại học GDTH	29/8/2014	X	Anh A2	X	X
113	Bùi Thu	Hương		23/10/1988	GV văn hóa	TH Mai Động	1/1/2016	1/1/2016	1/1/2016	4 năm 1 tháng	2.46	V.07.03.09	Đại học GDTH	30/5/2014	X	Anh A2	X	X
114	Lê Cẩm	Tú		06/07/1991	GV văn hóa	TH Mai Động	01/11/2011	01/05/2012	15/5/2017	7 năm 9 tháng	2.46	V.07.03.09	Đại học GDTH	12/8/2015	X	Anh B1	X	X
115	Nguyễn Thị Thu	Phương		24/05/1983	GV văn hóa	TH Mai Động	15/8/2008	15/8/2008	15/5/2017	11 năm 6 tháng	3.06	V.07.03.09	Đại học GDTH	06/6/2007	X	Anh A2	X	X
116	Nguyễn Thị Tuyết	Nga		19/9/1988	GV văn hóa	TH Mai Động	01/01/2016	1/7/2016	1/7/2016	4 năm 1 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học GDTH	20/10/2017	X	Anh A2	X	X
117	Hà Hồng	Vân		14/10/1993	GV văn hóa	TH Mai Động	04/09/2014	01/03/2015	15/5/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	Đại học GDTH	02/10/2017	X	Anh A2	X	X
118	Vũ Thị Thu	Hà		01/09/1994	GV văn hóa	TH Mai Động	04/9/2014	01/03/2015	15/5/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	Đại học GDTH	02/10/2017	X	Anh A2	X	X
119	Phạm Hồng	Hạnh		09/07/1992	GV văn hóa	TH Mai Động	04/9/2014	01/03/2015	15/5/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	Đại học GDTH	02/10/2017	X	Anh A2	X	X
120	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh		28/8/1987	GV văn hóa	TH Mai Động	1/1/2011	1/1/2011	15/5/2017	5 năm 10 tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học GDTH	20/10/2017	Cao đẳng	Anh A2	X	X
121	Lê Thu	Quỳnh		02/11/1977	GV văn hóa	TH Mai Động	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4 năm 1 tháng	2.66	V.07.03.09	Cao Đẳng GDTH	20/6/2013	X	Đại học	X	X
122	Trương Thị Hải	Yến		05/11/1993	GV văn hóa	TH Mai Động	04/9/2014	01/3/2015	15/5/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	Đại học GDTH	16/11/2016	X	Anh A2	X	X

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
123	Lê Thị	Thu		18/10/1981	GV T. Anh	TH Mai Động	01/01/2010	01/7/2010	15/5/2017	9 năm 7 tháng	2.66	V.07.03.09	Đại học SP Anh	22/11/2004	X	Trung C	X	X
124	Giang Thị Thu	Lan		19/11/1982	GV Tin	TH Mai Động	01/01/2010	01/07/2010	15/5/2017	9 năm 7 tháng	2.86	V.07.03.09	Cao Đẳng Toán Tin	02/7/2004	Cao đẳng	Anh A2	X	X
125	Lê Văn	Long	09/09/1983		GV Thể dục	TH Mai Động	01/01/2010	01/07/2010	15/5/2017	9 năm 7 tháng	2.66	V.07.03.09	Đại học GDTC	07/10/2008	X	Anh A2	X	X
126	Nguyễn Hướng	Giang		21/11/1985	GV Âm nhạc	TH Mai Động	15/08/2008	15/08/2008	15/5/2017	11 năm 6 tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học SP Âm nhạc	24/4/2012	X	Anh C	X	X
127	Bùi Thúy	Quỳnh		13/03/1990	Giáo viên văn hóa	TH Tân Định	01/11/2011	01/05/2012	15/05/2017	7 năm 9 tháng	2,66	V07.03.09	ĐH GDTH	21/5/2014	X	Anh A2	X	X
128	Phạm Thị Thanh	Hương		28/08/1976	Giáo viên văn hóa	TH Tân Định	01/11/2012	01/11/2012	15/5/2017	7 năm 3 tháng	3,06	V07.03.09	ĐH GDTH	19/6/2009	X	Anh B	X	X
129	Tạ Thị Hồng	Vân		19/11/1989	Giáo viên Mỹ thuật	TH Tân Định	01/11/2012	01/05/2013	15/5/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	29/8/2013	X	Anh A2	X	X
130	Nguyễn Thị Thuý	Nga		17/03/1989	Giáo viên văn hóa	TH Tân Mai	01/01/2011	1/7/2011	15/05/2017	8 năm 7 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học GDTH	30/5/2014	X	Anh C	X	X
131	Trần Thị	Hiền		02/06/0980	Giáo viên Tin học	TH Tân Mai	1/1/2010	01/01/2010	15/5/2017	11 năm 6 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học CNTT	5/3/2015	Đại học	Anh C	X	X
132	Nguyễn Thị	Mai		12/4/1975	Giáo viên văn hóa	TH Tân Mai	1/1/2007	01/01/2007	15/5/2017	15 năm 6 tháng	3.26	V.07.03.09	Đại học GDTH	24/02/2004	X	Anh A2	X	X
133	Lê Thị	Hậu		16/05/1982	Giáo viên văn hóa	TH Tân Mai	1/1/2007	01/07/2007	15/05/2017	12 năm 10 tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học GDTH	04/12/2007	X	Anh B1	X	X
134	Nguyễn Thị Vân	Khánh		24/11/1975	Giáo viên văn hóa	TH Tân Mai	01/01/2010	01/07/2010	15/5/2017	10 năm 01 tháng	2.66	V.07.03.09	Đại học GDTH	08/08/2008	X	Anh A2	X	X
135	Dương Mỹ	Linh		09/10/1993	Giáo viên văn hóa	TH Tân Mai	01/9/2014	1/3/2015	15/5/2017	5 năm 6 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học GDTH	01/12/2016	X	Anh B	X	X
136	Trần Thị Minh	Phương		30/12/1987	Giáo viên văn hóa	TH Tân Mai	01/04/2014	01/04/2014	15/5/2017	5 năm 10 tháng	2.26	V.07.03.09	Đại học GDTH	06/06/2014	X	Anh B	X	X
137	Lương Huyền	Trang		12/12/1986	Giáo viên văn hóa	TH Tân Mai	1/1/2010	01/01/2010	15/5/2017	10 năm 10 tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học GDTH	25/03/2014	X	Anh B	X	X
138	Nguyễn Hải	Yến		26/10/1991	Giáo viên văn hóa	TH Tân Mai	01/11/2011	01/5/2012	01/5/2016	7 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	Đại học GDTH	12/08/2015	X	Anh B	X	X
139	Lê Hồng	Vân	20/12/1974		Giáo viên Thể dục	TH Tân Mai	01/01/2007	01/01/2007	15/5/2017	13 năm 01 tháng	3.26	V.07.03.09	Đại học Thể dục thể thao	16/16/1997	X	Anh tương đươngB1 cho học viên cao	X	X
140	Lưu Thị Thu	Diệp		29/8/1981	Giáo viên văn hóa	TH Tân Mai	1/1/2010	01/01/2010	15/5/2017	16 năm 1 tháng	3.26	V.07.03.09	Đại học GDTH	09/09/2005	X	Anh B	X	X

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
141	Nguyễn Thị Bích	Diệp		18/4/1981	Giáo viên văn hóa	TH Tân Mai	01/01/2007	1/7/2017	15/5/2017	13 năm 01 tháng	3.06	V.07.03.09	Đại học GDTH	27/06/2003	X	Anh B	X	X
142	Trần Thị Thu	Trang		20/6/1986	Giáo viên văn hóa	TH Tân Mai	1/11/2012	1/5/2013	15/5/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học GDTH	24/6/2008	X	Anh B	X	X
143	Nguyễn Thị Ngọc	Chinh		20/09/1982	GV Tin học	TH Thanh Trì	15/08/2008	01/02/2009	15/05/2017	11 năm 7 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Tin	22/2/2011	ĐH	Anh A2	X	X
144	Hoàng Thanh	Hoa		04/12/1988	GV cơ bản	TH Thanh Trì	01/01/2011	01/11/2011	30/11/2015	8 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH GDTH	1/12/2016	X	Anh A2	X	X
145	Nguyễn Thị Phương	Liên		10/05/1980	Phó HT	TH Thanh Trì	15/08/2008	15/08/2008	15/05/2017	11 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	4/12/2007	X	Anh B1	X	X
146	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung		29/11/1988	GV cơ bản	TH Thanh Trì	01/01/2010	1/7/2010	15/05/2017	9 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH GDTH	1/5/2013	X	Anh A2	X	X
147	Phạm Thị	Ngân		28/01/1974	GV cơ bản	TH Thanh Trì	01/01/2010	01/01/2010	15/05/2017	9 năm 2 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	19/6/2009	X	Anh A2	X	X
148	Nguyễn Thị	Thao		14/11/1988	GV cơ bản	TH Thanh Trì	01/01/2011	01/07/2011	15/05/2017	8 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ GDTH	18/07/2018	X	Anh B	X	X
149	Vũ Thị	Vui		29/01/1989	GV cơ bản	TH Thanh Trì	01/11/2012	01/05/2013	15/05/2017	7 năm 4 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	12/2016	X	Anh A2	X	X
150	Nguyễn Thị Hoàng	Yến		15/10/1990	GV cơ bản	TH Thanh Trì	01/11/2011	01/05/2012	15/05/2017	8 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSGDTH	23/5/2014	X	Anh B1	X	X
151	Lê Thị Tường	Vi		10/08/1973	Phó Hiệu trưởng	TH Thịnh Liệt	15/8/2008	15/08/2008	15/05/2017	11 năm 5 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GDTH	6/12/2004	X	Anh bậc 3	X	X
152	Trần Thị Ánh	Tuyết		12/11/1977	Phó Hiệu trưởng	TH Thịnh Liệt	01/01/2007	01/01/2007	15/05/2017	13 năm 1 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GDTH	22/12/2004	X	Anh C	X	X
153	Bùi Thị Thúy	Nga		07/01/1975	Giáo viên văn hóa	TH Thịnh Liệt	01/01/2007	01/01/2007	15/05/2017	13 năm 1 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GDTH	04/12/2007	X	Anh C	X	X
154	Nguyễn Thị Minh	Hằng		17/03/1980	Giáo viên văn hóa	TH Thịnh Liệt	01/01/2007	01/07/2007	15/05/2017	13 năm 1 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GDTH	05/09/2006	X	Anh C	X	X
155	Đặng Thanh	Hà		02/02/1980	Giáo viên văn hóa	TH Thịnh Liệt	15/08/2008	15/02/2009	15/05/2017	10 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GDTH	10/07/2003	X	Anh C	X	X
156	Bùi Phương	Thảo		02/11/1985	Giáo viên văn hóa	TH Thịnh Liệt	15/8/2008	15/02/2009	15/05/2017	10 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GDTH	02/10/2017	ĐH	Anh C	X	X
157	Nguyễn Thúy	Dương		04/08/1987	Giáo viên văn hóa	TH Thịnh Liệt	01/04/2014	01/04/2014	15/05/2017	5 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GDTH	16/06/2010	X	Anh B	X	X
158	Trần Thị	Phương		19/12/1990	Giáo viên văn hóa	TH Thịnh Liệt	01/04/2014	01/04/2015	15/05/2017	5 năm 10 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GDTH	20/10/2017	X	Anh C	X	X

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
159	Nguyễn Thị	Thủy		19/11/1985	Giáo viên văn hóa	TH Thịnh Liệt	01/01/2007	01/07/2007	15/05/2017	13 năm 1 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GDTH	23/06/2011	X	Anh B	X	X
160	Nguyễn Thị	Quý		22/10/1979	Giáo viên văn hóa	TH Thịnh Liệt	01/11/2011	01/11/2011	15/05/2017	8 năm 3 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GDTH	20/07/2001	X	Anh B1	X	X
161	Phạm Thị	Ngát		01/11/1979	Giáo viên văn hóa	TH Thịnh Liệt	01/01/2007	01/07/2007	15/05/2017	12 năm 7 tháng	3.26	V.07.03.09	Thạc sĩ Giáo dục học	25/02/2005	X	Anh B	X	X
162	Lê Quang	Vịnh	16/06/1981		Giáo viên Thể dục	TH Thịnh Liệt	15/8/2008	15/08/2008	15/05/2017	11 năm 6 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH Sư phạm GDTT	7/6/2007	X	Anh C	X	X
163	Nguyễn Hồng	Thanh		29/09/ 1978	GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	01/01/ 2010	01/01/ 2010	15/5/2017	10N 2T	3.26	V.07.03.09	ĐH- GDTH	22/09/2005	X	Anh A2	X	X
164	Nguyễn Phương	Thảo		06/11/ 1989	GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	01/04/ 2014	01/04/ 2014	15/5/2017	5N 11T	2.46	V.07.03.09	ĐH- GDTH	27/07/2012	X	Anh A2	X	X
165	Nguyễn Thị Hoài	Linh		21/02/ 1989	Giáo viên âm nhạc	TH Vĩnh Hưng	01/11/ 2012	01/05/ 2013	15/5/2017	6N 10T	2.46	V.07.03.09	ĐH-SPAN	06/10/2015	X	Anh B	X	X
166	Nguyễn Thu	Hòa		21/07/ 1978	GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	01/01/ 2010	01/01/ 2010	15/5/2017	10N 2T	3.06	V.07.03.09	ĐH- GDTH	20/07/2000	X	Anh A2	X	X
167	Nguyễn Thị Bích	Thủy		25/05/ 1978	GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	15/08/ 2008	15/08/ 2008	15/05 2017	11N 7T	3,26	V.07.03.09	ĐH- GDTH	16/03/2005	X	Anh A2	X	X
168	Nguyễn Thu	Hương		12/08/ 1990	GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	01/04/ 2014	1/10/2014	15/05/ 2017	5N 5T	2,46	V.07.03.09	ĐH- GDTH	02/10/2017	X	Anh A2	X	X
169	Trương Thúy	Dung		19/05/ 1989	GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	01/11/ 2011	01/11/ 2011	15/05/ 2017	8N 4T	2.66	V.07.03.09	ĐH- GDTH	06/06/2014	X	Anh B	X	X
170	Nguyễn Thị Thúy	Dương		07/11/ 1983	GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	01/11/ 2011	01/11/ 2011	15/05/ 2017	8N 4T	2,66	V.07.03.09	ĐH- GDTH	27/06/2005	X	Anh A2	X	X
171	Nguyễn Đặng	Thành	08/02/1980		GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	15/08/ 2008	15/08/ 2008	15/07/ 2017	11N 7T	3.06	V.07.03.09	CĐ-SPTH	12/06/2002	X	Anh B	X	X
172	Lê Thúy	Bích		07/10/ 1975	GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	01/01/ 2011	1/1/2011	30/12/2015	8N 8T	3.26	V.07.03.09	ĐH- GDTH	06/06/2014	X	Anh A2	X	X
173	Nguyễn Thị Len	Chi		15/07/ 1991	GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	1/4/2014	1/10/2014	15/05/ 2017	5N 11T	2.26	V.07.03.09	ĐH-SPTH	12/12/2018	X	Anh A2	X	X
174	Phạm Thị	Hạnh		06/08/ 1978	Phó hiệu trưởng	TH Vĩnh Hưng	01/01/ 2007	01/01/ 2007	15/05/ 2017	13N 2T	3.06	V.07.03.09	ĐH- GDTH	05/09/2006	X	Anh C	X	X
175	Nguyễn Quỳnh	Giang		10/09/ 1982	Giáo viên tin học	TH Vĩnh Hưng	15/08/ 2008	15/02/ 2009	15/05/ 2017	11N 1T	2.86	V.07.03.09	ĐH CNTT	22/6/2005	ĐH	Anh C	X	X
176	Đỗ Thị Thúy	Hoàn		23/03/ 1981	Giáo viên mỹ thuật	TH Vĩnh Hưng	01/01/ 2007	01/01/ 2007	15/05/ 2017	13N 2T	3.26	V.07.03.09	ĐH-SPMT	26/03/2009	X	Anh A2	X	X

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
177	Lê Kim	Dung		12/11/ 1980	GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	15/08/ 2008	15/08/ 2008	15/05/ 2017	11N 7T	3.26	V.07.03.09	ĐH- GDTH	06/06/2007	X	Anh B	X	X
178	Nguyễn Thu	Hà		08/01/ 1978	GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	01/01/ 2007	01/01/ 2007	15/05/ 2017	13N 2T	3.46	V.07.03.09	ĐH- GDTH	19/06/2009	X	Anh A2	X	X
179	Nguyễn Thị Phương	Chi		08/02/ 1981	GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	01/01/ 2010	01/01 / 2010	15/05/ 2017	10N 2T	3.06	V.07.03.09	ĐH- GDTH	09/09/2005	X	Anh A2	X	X
180	Nguyễn Thị Xuân	Mai		12/02/ 1978	GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	01/01/ 2007	01/07/ 2007	15/05/ 2017	12N 8T	3.06	V.07.03.09	ĐH- GDTH	04/12/2007	X	Anh A2	X	X
181	Nguyễn Thị Thu	Trang		09/02/ 1989	GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	01/11/ 2011	01/05/ 2012	15/05/ 2017	7 N 10T	2.46	V.07.03.09	ĐH- GDTH	20/05/2011	X	Anh A2	X	X
182	Trần Thị Thu	Hiền		07/04/ 1978	Giáo viên Tiếng Anh	TH Vĩnh Hưng	15/08/ 2008	15/02/ 2009	15/5/2017	11N 1T	2.86	V.07.03.09	ĐH-SPTA	09/01/2009	X	PhápB1	X	X
183	Nguyễn Thị Lan	Anh		11/09/ 1990	Giáo viên Mĩ thuật	TH Vĩnh Hưng	01/01/ 2016	01/07/ 2016	01/07/ 2016	3N 8T	2.06	V.07.03.09	ĐH-SPMT	23/12/2013	X	Anh A2	X	X
184	Đào Thị Thủy	Nga		06/06/ 1975	GV văn hóa	TH Vĩnh Hưng	15/08/ 2008	15/08/2008	15/05/ 2017	11N 7T	3.06	V.07.03.09	ĐH- GDTH	06/06/2007	X	Anh A2	X	X
185	Nguyễn Thị	Mai		05/05/1976	Giáo viên văn hóa	TH Yên Sở	01/01/2007	1/1/2007	15/05/2017	15 năm 10 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	15/7/1999	X	ĐH Pháp	X	X
186	Đỗ Thị	Trang		09/05/1978	Giáo viên văn hóa	TH Yên Sở	01/01/2007	01/01/2007	15/05/2017	13 năm 01 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	20/7/2000	X	Anh C	X	X
187	Bùi Thị Thu	Hồng		30/05/1980	Giáo viên văn hóa	TH Yên Sở	01/11/2011	01/05/2012	15/05/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	12/8/2015	X	Anh C	X	X
188	Lê Thị Thanh	Hà		05/05/1979	Giáo viên văn hóa	TH Yên Sở	01/01/2007	01/01/2007	15/05/2017	13 năm 01 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	19/6/2009	X	Anh C	X	X
189	Đỗ Kiều	Trang		30/05/1993	Giáo viên văn hóa	TH Yên Sở	04/09/2014	01/03/2015	15/5/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	11/6/2014	X	Anh B	X	X
190	Dương Thu	Trang		22/11/1991	Giáo viên văn hóa	TH Yên Sở	01/11/2011	01/05/2012	15/05/2017	7 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH GDTH	6/6/2014	X	Anh C	X	X
191	Nguyễn Thu	Hằng		14/08/1991	Giáo viên văn hóa	TH Yên Sở	01/04/2014	01/10/2014	15/05/2017	5 năm 4 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	1/12/2016	X	Anh C	X	X
192	Cao Thị Thanh	Thủy		05/10/1991	Giáo viên văn hóa	TH Yên Sở	01/11/2011	01/05/2012	15/05/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	12/8/2015	X	Anh C	X	X
193	Nguyễn Thị	Lâm		23/12/1986	Giáo viên văn hóa	TH Yên Sở	01/01/2011	01/07/2011	15/05/2017	8 năm 7 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH GDTH	12/8/2015	X	Anh C	X	X
194	Phạm Thị	Hằng		18/06/1979	Giáo viên Tiếng Anh	TH Yên Sở	01/01/2011	01/10/2011	15/05/2017	8 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP Anh	3/2/2005	X	ĐH Nga	X	X

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào lượng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ lượng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
195	Cao Thị Lệ	Thủy		16/01/1982	Giáo viên văn hóa	TH Yên Sở	01/01/2007	01/07/2007	15/05/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	8/8/2008	X	Anh C	X	X
196	Nguyễn Văn	Lâm	20/12/1987		Giáo viên Nhạc	TH Yên Sở	01/01/2011	01/01/2011	30/12/2015	9 năm 1 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP nhạc	27/4/2012	X	Anh C	X	X
197	Nguyễn Thị	Chà		04/02/1991	Giáo viên văn hóa	TH Yên Sở	01/11/2012	01/03/2013	15/05/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	05/2015	X	Anh C	X	X
198	Chử Văn	Đức	06/07/1986		GV Tin học	TH Yên Sở	04/09/2014	01/03/2015	15/5/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH Tin học	17/11/2010	ĐH	Anh B	X	X
199	Nguyễn Thị Lan	Thủy		24/11/1976	Giáo viên văn hóa	TH Thúy Lĩnh	15/08/2008	15/8/2008	15/05/2017	11N6T	3,26	V07.03.09	ĐH GDTH	07/2000	X	Anh A2	X	X
200	Nguyễn Thị Diệu	Thúy		13/06/1978	Giáo viên văn hóa	TH Thúy Lĩnh	15/08/2008	15/8/2008	15/05/2017	11N6T	3,06	V07.03.09	ĐH GDTH	07/2000	X	Anh A2	X	X
201	Mai Tiến	Bình	06/06/1985		Giáo viên Tin	TH Thúy Lĩnh	04/09/2014	03/2015	15/05/2017	5N	2,26	V07.03.09	CĐ SP Tin	07/2008	Cao đẳng	Anh B	X	X
202	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		16/10/1980	Giáo viên văn hóa	TH Thúy Lĩnh	04/09/2014	03/2015	15/05/2017	5N	2,26	V07.03.09	ĐH GDTH	10/2017	X	Anh C	X	X
203	Hoàng Thị	Điệp		23/02/1982	Phó Hiệu trưởng	TH Thúy Lĩnh	01/01/2007	07/2007	15/05/2017	12N7T	3,06	V07.03.09	ĐH GDTH	08/2014	X	Anh A2	X	X
204	Cao Thị Bích	Thúy		04/11/1982	GV văn hóa	TH Trần Phú	01/01/2011	01/01/2011	30/12/2015	9 năm 1 tháng		V.07.03.09	ĐH GDTH	19/6/2009	X	Anh A2	X	X
205	Nguyễn Thu	Hằng		30/10/1987	GV văn hóa	TH Trần Phú	01/01/2010	01/01/2010	15/5/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHGDTH	25/3/2014	X	Anh A2	X	X
206	Đỗ Thị Mai	Hương		03/07/1990	GV văn hóa	TH Trần Phú	01/11/2011	01/5/2012	01/5/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHGDTH	28/5/2015	X	Anh B	X	X

Danh sách này gồm có: 206 người.

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND QUẬN LONG BIÊN CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*22*
1	Phan Thị Thanh	Bình		19/7/1972	Phó hiệu trưởng	TH Thạch Bàn A	9/1991	3/1993	3/2017	27 năm	4.06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	11/2007	x	Anh B	x	x
2	Trần Mai Diệu	Anh		19/5/1971	Giáo viên Văn hóa - Tổ trưởng CM	TH Thạch Bàn A	01/2010	7/2010	3/2017	10 năm 2 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	11/2007	x	Anh A2	x	x
3	Trần Kim	Phụng		16/02/1978	Giáo viên Văn hóa	TH Thạch Bàn A	01/2010	7/2010	3/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	01/2018	x	Anh A2	x	x
4	Bùi Thị Mai	Hiên		03/02/1977	Giáo viên Văn hóa - Tổ trưởng CM	TH Thạch Bàn A	07/2008	01/2009	3/2017	11 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	11/2009	x	Anh A2	x	x
5	Nguyễn Thị	Hường		23/6/1987	Giáo viên Văn hóa	TH Thạch Bàn A	11/2013	5/2014	3/2017	5 năm 11 tháng	2.26	V.07.03.09	CĐSP Sư phạm tiểu học	8/2012	x	Anh A2	x	x
6	Nguyễn Thị	Lụa		14/10/1979	Giáo viên Văn hóa - Tổ trưởng CM	TH Thạch Bàn A	9/2000	4/2001	3/2017	16 năm 11 tháng	3.86	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	4/2011	x	Anh A2	x	x
7	Nguyễn Thị Khánh	Linh		07/4/1979	Giáo viên Văn hóa - Tổ trưởng CM	TH Thạch Bàn A	01/2010	7/2010	3/2017	9 năm 8 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	6/2002	x	Anh A2	x	x
8	Lê Minh	Nguyệt		31/12/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Thạch Bàn A	10/2012	04/2013	3/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/2016	x	Anh B	x	x
9	Hà Thị Yến	Hoa		17/02/1990	Giáo viên Tin học	TH Thạch Bàn A	01/2016	01/2017	1/2017	3 năm 2 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐH Tin	3/2015	Đại học	Anh C	x	x
10	Nguyễn Thị Phương	Dung		20/3/1985	Giáo viên Mỹ thuật	TH Thạch Bàn A	01/2016	7/2016	9/2016	3 năm 8 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	12/2011	x	Anh C	x	x
11	Dương Huyền	Trang		05/01/1990	Giáo viên âm nhạc	TH Thạch Bàn A	8/2013	02/2014	03/2017	6 năm 1 tháng	2.46	V.07.03.09	Cao đẳng Âm nhạc	7/2011	x	Anh A2	x	x
12	Nguyễn Văn	Linh		10/12/1987	Giáo viên thể dục	TH Thạch Bàn A	12/2010	6/2011	3/2017	8 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Thể chất	4/2017	x	Anh B	x	x
13	Lê Thị	Huệ		10/10/1981	Giáo viên Tin học	PTCS Hy Vọng	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	5 năm 6 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH tin học	9/2007	Đại học	Anh B1	x	x
14	Nguyễn Thế	Phúc	26/11/1984		Giáo viên Mỹ thuật	PTCS Hy Vọng	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	10 năm 8 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐHSP mỹ thuật	07/2012	x	Anh B1	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
15	Bùi Bích	Phượng		06/12/1978	Giáo viên văn hóa	PTCS Hy Vọng	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	13 năm 8tháng	3.06	V.07.03.09	ĐHSP	07/2007	x	Anh B1	x	x
16	Phan Thị Thanh	Hòa		08/03/1979	Tổ trưởng CM	TH Ái Mộ B	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	09 năm 07 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	08/2008	x	Anh B1	x	x
17	Nguyễn Thị Hương	Giang		24/11/1977	Tổ phó CM	TH Ái Mộ B	01/11/2013	01/11/2013	27/03/2017	06 năm 04 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	07/2009	x	Anh C	x	x
18	Vũ Thị Thúy	Hòa		18/10/1977	Giáo viên văn hóa	TH Ái Mộ B	10/11/2009	01/06/2010	01/06/2018	09 năm 08 tháng	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng GD tiểu học	06/2000	x	Anh A2	x	x
19	Nguyễn Thị	Thủy		11/12/1980	Giáo viên văn hóa	TH Ái Mộ B	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 07 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	07/2003	x	Anh C	x	x
20	Nguyễn Thị Thu	Huyền		12/08/1990	Giáo viên văn hóa	TH Ái Mộ B	12/10/2011	12/04/2012	27/03/2017	07 năm 11 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	01/2018	x	Anh A2	x	x
21	Dương Thị Thu	Hiền		26/05/1993	Giáo viên văn hóa	TH Ái Mộ B	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	5 năm 6 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	08/2017	x	Anh B	x	x
22	Hoàng Thái	Hậu		18/06/1991	Tổ phó CM	TH Ái Mộ B	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	6 năm 4 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	10/2016	x	Anh B	x	x
23	Phan Thị Thanh	Hoa		21/10/198	Giáo viên văn hóa	TH Ái Mộ B	25/02/2011	01/11/2011	27/03/2017	09 năm 07 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	03/2015	x	Anh A2	x	x
24	Nguyễn Thị Thanh	Thủy		04/03/1981	Giáo viên thể dục	TH Ái Mộ B	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 08 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD thể chất	07/2002	x	Anh C	x	x
25	Phùng Thị Hồng	Nhung		11/08/1983	Giáo viên - Tổng Phụ trách	TH Ái Mộ B	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 08 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐHSP âm nhạc	06/2011	x	Anh C	x	x
26	Đào Thị Minh	Hạnh		02/10/1978	Tổ trưởng CM	TH Ái Mộ B	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 08 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	02/2002	x	Anh B	x	x
27	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		31/03/1979	Tổ phó CM	TH Ái Mộ B	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 07 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	07/2001	x	Anh B	x	x
28	Cao Thị Bích	Đào		11/12/1982	Giáo viên văn hóa	TH Ái Mộ B	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 07 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	06/2006	x	Anh B	x	x
29	Nguyễn Thị Thúy	Vân		11/10/1977	Giáo viên văn hóa	TH Ái Mộ B	01/07/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 07 tháng	3.06	V.03.07.09	ĐH GD tiểu học	07/2004	x	Anh A2	x	x
30	Bùi Thị	Gấm		19/02/1979	Giáo viên văn hóa	TH Ái Mộ B	01/09/1998	01/03/1999	27/03/2017	21 năm 11 tháng	3.86	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	10/2007	x	Anh B	x	x
31	Đinh Thị Trà	My		30/08/1968	Giáo viên thể dục	TH Ái Mộ B	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 02 tháng	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng GD thể chất	06/1987	x	Anh Thạc sỹ	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
32	Hà Văn	Anh		19/9/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	1/9/2014	1/3/2015	27/3/2017	4 năm 11 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2016	x	Anh B1	x	x
33	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		15/10/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	07/2013	x	Anh B	x	x
34	Nguyễn Thị Kiều	Chinh		30/10/1985	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	1/12/2010	1/6/2011	27/3/2017	7 năm 6 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	8/2015	Trung cấp	Anh B1	x	x
35	Nguyễn Phương	Điệp		20/02/1986	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/12/2009	01/06/2010	27/3/2017	9 năm 8 tháng	2.86	V.07.03.09	Cao Đẳng GD tiểu học	06/2007	x	Anh C	x	x
36	Trần Thị Thu	Hà		26/01/1979	Tổ phó CM, Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/01/2007	01/07/2007	27/3/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	06/2007	x	Anh C	x	x
37	Trịnh Thị Thanh	Hà		23/12/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/01/2016	12/01/2017	27/3/2017	3 năm 1 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	12/2018	x	Anh C	x	x
38	Nguyễn Phương	Hằng		18/2/1986	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	1/7/2008	1/1/2009	27/3/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	8/2015	x	Anh B1	x	x
39	Trần Lệ	Hằng		7/10/1987	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	1/9/2014	1/3/2015	27/3/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	7/2009	x	Anh C	x	x
40	Hoàng Thị Thu	Hiền		18/1/1981	Phó Hiệu trưởng	TH Gia Thụy	01/7/2008	01/01/2009	27/3/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	10/2016	x	Anh B1	x	x
41	Hoàng Thị Thu	Hiền		07/07/1976	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/7/2008	01/01/2009	27/3/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2009	x	Anh C	x	x
42	Nguyễn Thị Thu	Hiền		21/6/1981	Tổ trưởng CM GV Tiếng anh	TH Gia Thụy	01/7/2008	01/01/2009	27/3/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH ngoại ngữ	5/2005	x	Anh ĐH Pháp B1	x	x
43	Phạm Thị	Huế		10/07/1985	Giáo viên Mỹ thuật	TH Gia Thụy	01/12/2010	01/06/2011	27/3/2017	8 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐHSP mỹ thuật	07/2019	x	Anh A2	x	x
44	Trần Thị Thu	Hương		28/11/1984	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/01/2016	01/07/2016	27/3/2017	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	05/2008	x	Anh C	x	x
45	Vũ Lan	Hương		29/03/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/09/2014	01/03/2015	27/3/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	03/2017	x	Anh B1	x	x
46	Phạm Thị	Khanh		02/10/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/10/2011	01/04/2012	27/3/2017	7 năm 10 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	05/2014	x	Anh C	x	x
47	Trần Thị Tuyết	Lan		05/02/1980	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/07/2008	01/01/2009	27/3/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	12/2015	x	Anh B	x	x
48	Lê Thanh	Loan		10/02/1980	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/01/2007	01/07/2007	27/3/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	12/2004	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
49	Nguyễn Phương	Linh		05/10/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/10/2012	01/04/2013	27/3/2017	7 năm 4 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	05/2015	x	Anh B1	x	x
50	Nguyễn Thị	Ly		13/9/1987	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/12/2010	01/6/2011	27/3/2017	8 năm 8 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	4/2014	x	Anh B1	x	x
51	Phạm Thị Ngọc	Ninh		22/04/1982	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/12/2009	01/06/2010	27/3/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	04/2013	x	Anh A2	x	x
52	Đỗ Thị Phương	Thảo		18/12/1982	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/01/2010	01/7/2010	27/3/2017	9 năm 7 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	9/2006	x	Anh C	x	x
53	Nguyễn Hoàng	Thuấn	3/11/1988		Giáo viên Thể dục	TH Gia Thụy	01/12/2010	01/06/2011	27/3/2017	8 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD Thể chất	07/2014	x	Anh C	x	x
54	Dương Nghiên	Thường		13/5/1980	Giáo viên Mỹ thuật	TH Gia Thụy	01/01/2007	01/7/2007	5/5/2017	12 năm 7 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐHSP mỹ thuật	10/2010	x	Anh A2	x	x
55	Nguyễn Thị Thanh	Thủy		27/10/1980	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/01/2007	01/07/2007	27/3/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	04/2013	x	Cao đẳng	x	x
56	Ngô Thị Mai	Trang		13/01/1982	Tổ phó CM, Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	28/12/2006	01/07/2007	27/3/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	09/2008	x	Anh B1	x	x
57	Đỗ Lan	Trang		14/5/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/11/2012	01/5/2013	27/3/2017	6 năm 9 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2016	x	Anh B1	x	x
58	Đỗ Thị Huyền	Trang		20/12/1983	Giáo viên âm nhạc	TH Gia Thụy	01/12/2010	01/06/2011	27/3/2017	8 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐHSP âm nhạc	9/2010	x	Anh B	x	x
59	Nguyễn Thu	Trang		9/9/1985	Tổ trưởng CM, Giáo viên Tin học	TH Gia Thụy	01/07/2008	01/01/2009	27/3/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng CNTT	9/2007	Cao đẳng	Anh C	x	x
60	Phạm Thị	Tuyến		20/10/1984	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/10/2008	01/12/2009	27/3/2017	10 năm2 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	5/2014	x	Anh C	x	x
61	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết		01/08/1985	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thụy	01/12/2010	01/06/2011	27/3/2017	8 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	10/2016	x	Anh B	x	x
62	Nguyễn Thu	Hồng		10/09/1983	Giáo viên Văn hóa	TH Ái Mộ A	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	Thạc sỹ GD Tiểu học	10/2010	x	Anh B1	x	x
63	Hoàng Thị Mai	Quỳnh		15/9/1982	Giáo viên Văn hóa	TH Đức Giang	1/7/2008	1/1/2009	27/03/2017	11 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2009	x	Anh A2	X	x
64	Phạm Thị	Phượng		08/03/1976	Giáo viên Văn hóa	TH Đức Giang	1/7/2008	1/1/2009	27/03/2017	11 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2009	x	Anh A2	X	x
65	Ngô Thị Thanh	Nữ		15/01/1982	Giáo viên Văn hóa	TH Đức Giang	1/1/2007	1/7/2007	27/03/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	5/2018	x	Anh C	X	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
66	Nguyễn Thị Thu	Trang		27/07/1982	Giáo viên Văn hóa	TH Đức Giang	1/1/2007	1/7/2007	27/03/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	12/2007	x	Anh A2	X	x
67	Nguyễn Thị Cẩm	Lệ		15/11/1977	Tổ phó CM; Giáo viên văn hóa	TH Đức Giang	1/1/2007	1/7/2007	27/03/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2009	x	Anh C	X	x
68	Nguyễn Thị Kim	Nhung		11/03/1979	Giáo viên Văn hóa	TH Đức Giang	1/7/2008	1/1/2009	27/03/2017	11 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	7/2000	x	Anh C	X	x
69	Nguyễn Thị Hải	Yến		17/08/1988	Tổ phó CM; Giáo viên văn hóa	TH Đức Giang	1/1/2010	1/7/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	5/2018	x	Anh B1	X	x
70	Hoàng Văn	Hiển	21/05/1984		Giáo viên Thể dục	TH Đức Giang	1/1/2010	1/7/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH thể dục thể thao	6/2009	x	Anh B	X	x
71	Nguyễn Thị Tú	Oanh		26/09/1982	Giáo viên Văn hóa	TH Đức Giang	1/7/2008	1/1/2009	27/03/2017	11 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	6/2004	x	Anh A2	X	x
72	Nguyễn Thị	Thảo		01/11/1986	Phó hiệu trưởng	TH Đức Giang	1/12/2010	1/6/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	5/2013	x	Anh A2	X	x
73	Ngô Thúy	Hằng		21/01/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Đức Giang	1/9/2014	1/3/2015	27/03/2017	5 năm	2.66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	12/2018	x	Anh B	X	x
74	Hoàng Văn	Anh		06/3/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Phúc Đồng	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	05 năm	2.26	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	5/2013	x	Anh C	x	x
75	Trịnh Thị	Hạnh		06/3/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Phúc Đồng	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	05 năm	2,26	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	6/2014	x	Anh C	x	x
76	Phạm Thị Thúy	Hạnh		10/8/1988	Giáo viên Văn hóa	TH Phúc Đồng	01/10/2012	01/04/2013	27/03/2017	06 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	5/2014	x	Anh C	x	x
77	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng		12/11/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Phúc Đồng	01/01/2016	01/07/2016	27/03/2017	03 năm 08 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2015	x	Anh C	x	x
78	Hoàng Diệu Thu	Hằng		12/11/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Phúc Đồng	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	05 năm 09 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	01/2018	x	Anh C	x	x
79	Phạm Thị Quỳnh	Hoa		16/4/1981	Giáo viên Văn hóa	TH Phúc Đồng	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năn 02 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2009	x	Anh C	x	x
80	Nguyễn Thị Thanh	Loan		17/5/1981	Tổ trưởng CM	TH Phúc Đồng	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	09 năm 08 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	6/2004	x	Anh C	x	x
81	Đào Thị Minh	Thu		11/9/1978	Tổ trưởng CM	TH Phúc Đồng	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 04 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH su pham my thuật	7/2019	x	Anh C	x	x
82	Nguyễn Thị Lệ	Thủy		08/4/1985	Giáo viên Văn hóa	TH Phúc Đồng	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 02 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	6/2011	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
83	Vũ Thị	Tuyền		06/10/1988	Giáo viên Văn hóa	TH Phúc Đồng	01/09/2014	01/03/2014	27/03/2017	06 năm	2.26	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	8/2011	x	Anh C	x	x
84	Bùi Phương	Nhung		24/06/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Phúc Lợi	01/09/2014	01/3/2015	27/3/2017	5 năm 5 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	05/2011	x	Anh A2	X	x
85	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		02/01/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Phúc Lợi	01/9/2014	01/3/2015	27/3/2017	5 năm 5 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	01/2018	x	Anh A2	X	x
86	Lê Thị Thu	Nga		12/12/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Phúc Lợi	01/9/2014	01/3/2015	27/3/2017	5 năm 5 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	08/2017	x	Anh A2	X	x
87	Nguyễn Hải	Yến		20/4/1991	Giáo viên Tin học	TH Phúc Lợi	01/9/2014	01/3/2015	27/3/2017	5 năm 5 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH Tin học	06/2014	Đại học	Anh trình độ C	X	x
88	Lê Thị Đoan	Trang		26/2/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Phúc Lợi	12/10/2011	01/5/2012	27/3/2017	8 năm 4 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	05/2014	x	Anh A2	X	x
89	Vi Thị Thanh	Huệ		03/12/1983	Giáo viên Tổng phụ trách	TH Phúc Lợi	01/01/2010	01/7/2010	27/3/2017	10 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP Âm Nhạc	06/2005	x	Anh trình độ B	X	x
90	Chu Thị	Đông		30/10/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Phúc Lợi	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	4 năm 1 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	03/2015	x	Anh A2	x	x
91	Nguyễn Hà	Nhung		10/10/1980	Giáo viên Mỹ thuật	TH Phúc Lợi	01/07/2008	01/01/2009	27/3/2017	11 năm 7 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP Mỹ thuật	10/2001	x	Anh A2	x	x
92	Nguyễn Trà	My		17/10/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Lý Thường Kiệt	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	6 năm 3 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	02/2016	x	Anh A2	x	x
93	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		17/11/1984	Giáo viên Văn hóa	TH Lý Thường Kiệt	23/12/2009	01/07/2010	01/07/2018	10 năm 2 năm	2,66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	03/2014	x	Anh C	x	x
94	Trần Thị Lan	Phương		13/10/1985	Giáo viên Văn hóa	TH Lý Thường Kiệt	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	8 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	07/2013	x	Anh A2	x	x
95	Hà Minh	Nguyệt		06/12/1986	Giáo viên Văn hóa	TH Lý Thường Kiệt	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	5 năm 6 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	06/2011	x	Anh A2	x	x
96	Lê Kim	Oanh		13/11/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Lý Thường Kiệt	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2007	x	Anh A2	x	x
97	Lê Thúy	Hằng		04/10/1982	Giáo viên Văn hóa	TH Lý Thường Kiệt	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2015	x	Anh C	x	x
98	Khuất Thị Kim	Oanh		17/09/1989	Giáo viên mỹ thuật	TH Lý Thường Kiệt	01/01/2016	01/07/2016	27/03/2017	4 năm 2 tháng	2,06	V.07.03.09	ĐHSP mỹ thuật	07/2012	x	Anh B	x	x
99	Đinh Thị Lệ	Quyên		31/03/1979	Giáo viên Tiếng Anh	TH Lý Thường Kiệt	01/07/1998	01/01/2009	27/03/2017	21 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Ngoại ngữ	08/2012	x	Anh B2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đã tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đã tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
100	Đặng Vũ	Hiệp	02/02/1984		Giáo viên Thể dục	TH Lý Thường Kiệt	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	5 năm 5 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH TDTT	06/2008	x	Anh B	x	x
101	Nguyễn Thị	Lý		26/11/1979	Giáo viên Văn hóa	TH Giang Biên	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	06/2000	x	Anh C	x	x
102	Lê Thị	Hậu		21/05/1985	Giáo viên Văn hóa	TH Giang Biên	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH Tin học	02/2011	Đại học	Anh A2	x	x
103	Nguyễn Thị Thu	Hiền		04/04/1979	TTCM	TH Giang Biên	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Ngoại ngữ	01/2003	x	Anh B2	x	x
104	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		16/07/1976	TTCM	TH Giang Biên	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	09/2005	x	Anh C	x	x
105	Vũ Thị Diệu	Huyền		20/10/1983	TTCM	TH Giang Biên	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	07/2004	x	Anh A2	x	x
106	Nguyễn Thị Vân	Anh		05/09/1991	TPCM	TH Giang Biên	01/10/2012	01/04/2013	27/03/2017	7 năm 5 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	05/2015	x	Anh B1	x	x
107	Trần Thị Thanh	Hương		26/07/1980	TTCM	TH Giang Biên	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	13 năm 2 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2009	x	Anh B1	x	x
108	Vũ Kim	Dung		01/02/1983	Giáo viên Văn hóa	TH Giang Biên	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	13 năm 2 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP Âm Nhạc	06/2005	x	Anh B	x	x
109	Hà Thị Hải	Yến		21/05/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Giang Biên	01/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	8 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	06/2015	x	Anh C	x	x
110	Phan Thị	Nga		12/01/1982	Giáo viên Văn hóa	TH Giang Biên	01/11/2013	01/09/2014	27/03/2017	6 năm 4 tháng	2,26	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	06/2012	x	Anh A2	x	x
111	Nguyễn Thị	Thúy		27/04/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Giang Biên	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	6 năm 4 tháng	2,46	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	05/2013	x	Anh B	x	x
112	Nguyễn Bích Huyền	Trang		21/08/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Giang Biên	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	6 năm 4 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	02/2016	x	Anh B	x	x
113	Lê Thị	Út		26/06/1983	Giáo viên Văn hóa	TH Giang Biên	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	6 năm 4 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	01/2018	x	Anh B1	x	x
114	Nguyễn Thị	Thảo		28/05/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Giang Biên	01/10/2012	01/04/2013	27/03/2017	7 năm 5 tháng	2,46	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	01/2011	x	Anh B	x	x
115	Trần Thị Phương	Dung		08/4/1981	Phó hiệu trưởng	TH Long Biên	01/7/2008	01/01/2009	27/3/2017	11 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GD tiểu học	9/2006	x	Anh B1	x	x
116	Nguyễn Thị Thùy	Nhung		16/3/1984	Giáo viên Văn hóa	TH Long Biên	01/7/2008	01/12/2008	27/3/2017	12 năm 3 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GD tiểu học	7/2007	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
117	Vương Minh	Huyền		12/11/1989	Tổ phó CM	TH Long Biên	01/10/2012	01/4/2013	27/3/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP GD tiểu học	12/2016	x	Anh A2	x	x
118	Ma Thị	Được		06/10/1986	Giáo viên Văn hóa	TH Long Biên	01/10/2012	01/8/2013	27/3/2017	6 năm 5 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐSP GD tiểu học	7/2010	x	Anh A2	x	x
119	Bùi Thúy	Hà		01/4/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Long Biên	01/4/1991	01/3/2015	27/3/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	CĐSP GD tiểu học	5/2013	x	Anh A2	x	x
120	Lương Thị Bích	Ngọc		29/6/1991	Tổ trưởng CM	TH Long Biên	01/10/2012	01/4/2013	27/3/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP GD tiểu học	5/2015	x	Anh A2	x	x
121	Phạm Thị	Ngân		30/3/1990	Tổ phó CM	TH Long Biên	01/9/2014	01/3/2015	27/3/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	ĐHSP GD tiểu học	02/2014	x	Anh B	x	x
122	Đinh Thúy	Hà		05/01/1991	Tổ phó CM	TH Long Biên	01/9/2014	01/3/2015	27/3/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	ĐHSP GD tiểu học	7/2017	x	Anh A2	x	x
123	Nguyễn Văn	Tuấn	28/02/1979		Tổ phó CM	TH Long Biên	01/7/2008	01/01/2009	27/3/2017	11 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GD tiểu học	11/2009	x	Anh C	x	x
124	Ngô Thị	Hiền		12/7/1987	Giáo viên Tổng phụ trách	TH Long Biên	01/9/2014	01/5/2015	27/3/2017	4 năm 10 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐHSP thể dục thể thao	7/2012	x	Anh A2	x	x
125	Nguyễn Văn	Anh		15/02/1984	Tổ phó CM	TH Long Biên	01/12/2010	01/6/2011	27/3/2017	8 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐHSP âm nhạc	9/2008	x	Anh A2	x	x
126	Nguyễn Thị Tuyết	Chinh		22/10/1981	Giáo viên thể dục	TH Long Biên	01/12/2010	01/6/2011	27/3/2017	8 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐSP GD thể chất	6/2006	x	Anh B	x	x
127	Đỗ Văn	Chi	20/8/1985		Giáo viên mỹ thuật	TH Long Biên	01/10/2012	01/4/2013	27/3/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP Mĩ thuật	7/2014	x	Anh C	x	x
128	Ngô Thị	Phương		30/8/1982	Giáo viên Mĩ thuật	TH Long Biên	01/01/2007	01/7/2007	27/3/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐHSP Mĩ thuật	4/2012	x	Anh A2	x	x
129	Lê Thị	Hương		19/7/1986	Tổ trưởng CM	TH Thanh Am	01/01/2010	01/7/2010	27/3/2017	10 năm 2 tháng	2.86	V07.03.09	ĐH GD Tiểu học	5/2013	x	Anh B	x	x
130	Nguyễn Thu	Phương		28/8/1988	Giáo viên Văn hóa	TH Thanh Am	01/12/2010	01/06/2011	27/3/2017	9 năm 2 tháng	2.66	V07.03.09	ĐH GD Tiểu học	5/2014	x	Anh C	x	x
131	Nguyễn Khánh	Hòa		20/07/1973	Tổ trưởng CM	TH Thanh Am	01/01/2010	01/7/2010	27/3/2017	10 năm 2 tháng	2.86	V07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	10/1998	x	Anh B	x	x
132	Nguyễn Thanh	Thủy		02/02/1989	Tổ trưởng CM	TH Thanh Am	01/09/2014	01/03/2015	27/3/2017	5 năm 7 tháng	2.26	V07.03.09	ĐH GD Tiểu học	10/2016	x	Anh C	x	x
133	Hoàng Thị Quỳnh	Nga		17/6/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Thanh Am	01/09/2014	01/03/2015	27/3/2017	5 năm 7 tháng	2.26	V07.03.09	ĐH GD Tiểu học	2/2016	x	Anh B1	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch bậc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đã tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
134	Tạ Thị Hồng	Nhung		28/9/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Thanh Am	01/09/2014	01/03/2015	27/3/2017	5 năm 7 tháng	2.26	V07.03.09	ĐH GD Tiểu học	05/2018	x	Anh B	x	x
135	Nguyễn Thị	Hải		14/3/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Thanh Am	01/09/2014	01/03/2015	27/3/2017	5 năm 7 tháng	2.26	V07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	5/2014	x	Anh C	x	x
136	Lê Thị	Yến		09/08/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Thanh Am	01/01/2016	01/01/2017	01/07/2016	4 năm 2 tháng	2.06	V07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	6/2013	x	Anh A2	x	x
137	Nguyễn Thị Minh	Ngà		26/5/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Thanh Am	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	4 năm 2 tháng	2.06	V07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	05/2013	x	Anh B1	x	x
138	Nguyễn Hồng	Nhung		09/04/1994	Tổ trưởng CM	TH Thanh Am	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	4 năm 2 tháng	2.26	V07.03.09	ĐH GD Tiểu học	12/2017	x	Anh B	x	x
139	Lê Thị Thu	Hồng		30/09/1988	Giáo viên Văn hóa	TH Thanh Am	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	4 năm 2 tháng	2.06	V07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	6/2017	x	Anh B1	x	x
140	Lê Thị Phương	Thúy		02/04/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Thanh Am	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	4 năm 2 tháng	2.06	V07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	2/2016	x	Anh B1	x	x
141	Lê Thị	Thu		13/04/1983	Giáo viên Tiếng Anh - TTCM	TH Thanh Am	01/10/2012	01/04/2013	27/3/2017	7 năm 8 tháng	2.46	V07.03.09	ĐH GD Tiểu học	9/2004	x	pháp B	x	x
142	Lương Thị Trà	Giang		02/01/1989	Giáo viên Âm nhạc	TH Thanh Am	01/10/2012	01/04/2013	27/3/2017	7 năm 8 tháng	2.46	V07.03.09	CĐSP âm nhạc	5/2010	x	Anh C	x	x
143	Nguyễn Thị Thu	Vân		09//01/1988	Giáo viên Thể dục - Tổ phó tổ chuyên	TH Thanh Am	01/10/2012	01/04/2013	27/3/2017	7 năm 8 tháng	2.46	V07.03.09	ĐH GD Thể chất	5/2012	x	Anh B	x	x
144	Nguyễn Thị	Hằng		16/9/1988	Giáo viên TPT	TH Thanh Am	01/10/2012	01/07/2013	27/3/2017	7 năm 8 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	12/2012	x	Anh A2	x	x
145	Nguyễn Quỳnh	Anh		19/3/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Cự Khối	1/11/2013	1/5/2014	27/3/2017	5 năm 5 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	01/2018	x	Anh A2	x	x
146	Nguyễn Thị Phương	Anh		15/01/1987	Giáo viên Mĩ Thuật	TH Cự Khối	01/07/2008	01/01/2009	27/3/2017	11 năm 02 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP Mỹ Thuật	8/2007	x	Anh A2	x	x
147	Lưu Thị Nguyệt	Anh		16/9/1981	Giáo viên Âm nhạc	TH Cự Khối	01/01/2007	01/07/2007	27/3/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.09	CĐSP Âm Nhạc	7/2004	x	Anh A2	x	x
148	Nguyễn Thị	Bình		26/9/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Cự Khối	01/9/2014	01/03/2015	27/3/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	05/2018	x	Anh A2	x	x
149	Nguyễn Thị	Hà		12/02/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Cự Khối	01/01/2016	01/07/2016	27/9/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.02.09	CĐSP Tiểu Học	6/2014	x	Anh A2	x	x
150	Trịnh Hồng	Hạnh		01/01/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Cự Khối	01/01/2016	01/07/2016	27/9/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.02.09	CĐSP Tiểu Học	3/2015	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
151	Hoàng Thị Bích	Liên		13/9/1978	Hiệu trưởng	TH Cự Khối	01/01/2007	01/07/2007	27/3/2017	12 năm 7 tháng	3.46	V.07.03.09	Thạc sỹ GD tiểu học	02/2005	x	Anh B1	x	x
152	Dương Thị Minh	Lợi		8/5/1994	Giáo viên Văn hóa	TH Cự Khối	01/01/2016	01/07/2016	27/9/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.02.09	CĐSP Tiểu Học	05/2016	x	Anh A2	x	x
153	Nguyễn Thị Khánh	Ly		12/11/1984	Giáo viên Văn hóa	TH Cự Khối	01/01/2010	01/07/2010	27/3/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	8/2008	x	Anh A2	x	x
154	Nguyễn Thị	Loan		21/8/1976	Giáo viên Văn hóa	TH Cự Khối	01/01/2016	01/07/2016	11/5/2016	3 năm 7 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	03/2015	Đại học	Anh A2	x	x
155	Mai Thị Thanh	Nga		25/5/1987	Giáo viên Văn hóa	TH Cự Khối	01/01/2010	01/07/2010	27/3/2017	9 năm 7 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	6/2009	x	Anh A2	x	x
156	Nguyễn Thị	Nga		29/10/1984	Giáo viên Tin Học	TH Cự Khối	01/07/2008	01/01/2009	27/3/2017	11 năm 02 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐHSP Tin	4/2012	Đại học	Anh A2	x	x
157	Ngô Thị Thu	Nguyệt		17/05/1982	Giáo viên Văn hóa - Tổ trưởng CM	TH Cự Khối	01/07/2008	01/01/2009	27/3/2017	11 năm 02 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	11/2009	x	Anh A2	x	x
158	Nguyễn Thị Anh	Thơ		03/12/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Cự Khối	01/9/2014	01/03/2015	27/3/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	05/2018	x	Anh A2	x	x
159	Nguyễn Thị Bích	Thuận		09/2/1977	Giáo viên Tiếng Anh	TH Cự Khối	01/01/2010	01/7/2010	27/3/2017	9 năm 7 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH SP ngoại ngữ	03/2003	x	Anh B1 Nga Đại học	x	x
160	Lê Thị	Thúy		12/10/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Cự Khối	01/9/2014	01/03/2015	27/3/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	CĐSP GD tiểu học	6/2014	x	Anh A2	x	x
161	Nguyễn Thị Thanh	Thúy		02/09/1984	Giáo viên Văn hóa	TH Cự Khối	15/08/2008	14/02/2009	27/3/2017	11 năm 02 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	12/2018	x	Anh A2	x	x
162	Chu Thị	Vân		05/10/1980	Giáo viên Văn hóa	TH Cự Khối	01/01/2010	01/07/2010	27/3/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	11/2007	x	Anh A2	x	x
163	Đặng Thị	Hạnh		31/01/1977	Phó Hiệu trưởng	TH Đô Thị Việt Hưng	03/01/1997	28/12/1999	27/03/2017	20 năm 2 tháng	4.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	07/2017	x	Anh B1	x	x
164	Ngô Thị Thu	Ánh		19/10/1981	Phó Hiệu trưởng	TH Đô Thị Việt Hưng	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	9 năm 7 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2019	x	Anh B1	x	x
165	Nguyễn Thị Thu	Hảo		09/09/1988	Giáo viên TPT	TH Đô Thị Việt Hưng	12/10/2011	26/09/2012	27/03/2017	7 năm 5 tháng	4.66	V.07.03.09	CĐSP mỹ thuật - công tác đội	07/2010	x	Anh A2	x	x
166	Lê Thị Cẩm	Anh		27/04/1985	Giáo viên Văn hóa	TH Đô Thị Việt Hưng	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	05/2013	x	Anh A2	x	x
167	Lê Thúy	Loan		17/12/1980	Giáo viên Văn hóa	TH Đô Thị Việt Hưng	01/12/2009	01/12/2009	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	03/2011	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
168	Hoàng Mỹ	Hồng		27/04/1982	Giáo viên Văn hóa	TH Đô Thị Việt Hưng	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	10 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2009	x	Anh A2	x	x
169	Đào Thị Kim	Anh		06/06/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Đô Thị Việt Hưng	10/01/2012	04/01/2013	27/03/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	06/2012	x	Anh A2	x	x
170	Cao Thị	Phượng		11/11/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Đô Thị Việt Hưng	06/02/2012	06/02/2012	27/03/2017	7 năm 11 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	02/2014	x	Anh A2	x	x
171	Nguyễn Thị Thu	Hường		07/02/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Đô Thị Việt Hưng	01/01/2016	01/07/2016	27/03/2017	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	05/2013	x	Anh A2	x	x
172	Lưu Thị Ánh	Sao		15/08/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Đô Thị Việt Hưng	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	01/2018	x	Anh A2	x	x
173	Lương Y	Phượng		06/11/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Đô Thị Việt Hưng	01/01/2016	01/07/2016	27/03/2017	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	03/2015	x	Anh A2	x	x
174	Trương Thị	Nhàn		30/09/1979	Giáo viên mỹ thuật	TH Đô Thị Việt Hưng	10/01/2007	10/07/2007	27/03/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐHSP mĩ thuật	07/2012	x	Anh A2	x	x
175	Phạm Huyền	Trang		08/02/1994	Giáo viên mỹ thuật	TH Đô Thị Việt Hưng	01/01/2016	01/07/2016	27/03/2017	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	CĐSP mĩ thuật	06/2015	x	Anh A2	x	x
176	Khúc Thị Ngọc	Diệp		28/10/1991	Giáo viên Âm nhạc	TH Đô Thị Việt Hưng	01/01/2016	01/07/2016	27/03/2017	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	CĐSP âm nhạc	06/2012	Đại học	Anh A2	x	x
177	Thiều Thị Vân	Thư		16/10/1985	Giáo viên Văn hóa	TH Thượng Thanh	12/10/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 10 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	08/2010	x	Anh C	x	x
178	Nguyễn Thị Thu	Phương		05/02/1980	Giáo viên Văn hóa - tổ phó CM	TH Thượng Thanh	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	10/2001	x	Anh C	x	x
179	Hoàng Thị	Điểm		04/04/1980	Giáo viên Văn hóa, tổ trưởng CM	TH Thượng Thanh	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	10/2001	x	Anh C	x	x
180	Nguyễn Doãn	Điệp	17/03/1981		Giáo viên thể dục	TH Thượng Thanh	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	CĐSP Thể dục TW 1	08/2002	x	Anh C	x	x
181	Lê Thị Thanh	Huyền		07/03/1981	Giáo viên Văn hóa, tổ phó CM	TH Thượng Thanh	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	06/2002	x	Anh C	x	x
182	Vũ Thị Kim	Dung		24/05/1983	Giáo viên Văn hóa	TH Thượng Thanh	01/12/2010	01/06/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	06/2006	x	Anh C	x	x
183	Lưu Thị Thu	Hà		22/07/1981	Phó Hiệu trưởng	TH Thượng Thanh	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 8 tháng	2.86	V.07.03.09	Thạc sỹ Quản lý GD	08/2003	x	Anh B1	x	x
184	Nguyễn Thị Minh	Thùy		18/01/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Thượng Thanh	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	10/2017	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
185	Hoàng Thị Ngọc	Oanh		09/10/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Thượng Thanh	01/10/2012	01/04/2013	27/03/2017	7 năm 5 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	06/2012	x	Anh C	x	x
186	Nguyễn Thị Hương	Lanh		13/04/1982	Giáo viên thể dục	TH Thượng Thanh	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH Thể dục Thể thao	06/2005	x	Anh C	x	x
187	Nguyễn Thị	Mai		01/10/1979	Giáo viên Văn hóa	TH Thượng Thanh	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 8 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	10/2002	x	Anh C	x	x
188	Vũ Thị	Tuyết		20/09/1973	Giáo viên Văn hóa	TH Thượng Thanh		01/04/1995	27/03/2017	24 năm 11 tháng	VK5 %	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	03/2010	x	Anh C	x	x
189	Nguyễn Ánh	Hải		08/12/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Thạch Bàn B	01/11/2012	01/05/2013	05/05/2017	6 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/2016	x	Anh B	x	x
190	Vũ Thị Thanh	Hiếu		01/10/1983	Giáo viên Tổng phụ trách	TH Thạch Bàn B	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2018	3 năm 8 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	01/2009	x	Anh B2	x	x
191	Nguyễn Thị	Hoa		25/05/1994	Giáo viên Văn hóa	TH Thạch Bàn B	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2018	3 năm 8 tháng	2.06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	05/2016	x	Anh C	x	x
192	Mai Thanh	Hòa		13/06/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Thạch Bàn B	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	01/2018	x	Anh C	x	x
193	Khúc Thu	Hồng		03/10/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Thạch Bàn B	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 10 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	01/2018	x	Anh C	x	x
194	Trần Thúy	Hồng		13/10/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Thạch Bàn B	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 10 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	01/2018	x	Anh C	x	x
195	Trần Thị	Hồng		02/09/1986	Giáo viên Văn hóa	TH Thạch Bàn B	01/12/2010	01/06/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	08/2008	x	Anh C	x	x
196	Nguyễn Thị	Hương		28/08/1991	Giáo viên Thể dục	TH Thạch Bàn B	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2018	3 năm 8 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐHSP Thể dục Thể thao	06/2014	x	Anh C	x	x
197	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		18/05/1988	Giáo viên Âm nhạc	TH Thạch Bàn B	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 10 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐHSP Nghệ thuật Trung ương khoa Âm	06/2012	x	Anh C	x	x
198	Tôn Thị Diệu	Thúy		28/03/1979	Giáo viên mỹ thuật	TH Thạch Bàn B	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH Sư phạm khoa Mỹ thuật	04/2012	x	Anh C	x	x
199	Nguyễn Thị Mai	Thúy		24/06/1993	Giáo viên Âm nhạc	TH Thạch Bàn B	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2018	3 năm 8 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐHSP Nghệ thuật Trung ương khoa Âm	06/2015	x	Anh C	x	x
200	Phạm Thị	Tiện		23/09/1978	Giáo viên Tin học	TH Thạch Bàn B	01/01/2010	01/07/2010	01/07/2018	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng CNTT	06/2008	Cao đẳng	Anh C	x	x
201	Nguyễn Thị	Trang		28/08/1987	Giáo viên Văn hóa	TH Thạch Bàn B	01/01/2010	30/09/2011	27/03/2017	8 năm 5 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2009	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
202	Trần Thị Thu	Trang		20/03/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Thạch Bàn B	01/10/2014	01/04/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2.26	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	06/2014	x	Anh B	x	x
203	Nguyễn Thị	Thuý		06/10/1978	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	15/05/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	07/2000	x	Anh A2	x	x
204	Đào Thị	Nhung		27/03/1982	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	15/05/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 10 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	08/2008	x	Anh A2	x	x
205	Dương Thị	Dung		14/08/1987	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	05/2018	x	Anh A2	x	x
206	Nguyễn Lê	Mạnh	17/06/1983		Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	15/05/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH CNTT	03/2013	Đại học	Anh C	x	x
207	Đinh Thị Bích	Huệ		05/08/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 8 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	06/2015	x	Anh C	x	x
208	Ngô Thị Anh	Thư		27/08/1983	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	2 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	06/2007	x	Anh C	x	x
209	Phan Kim	Hoa		18/11/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	2 năm 12 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	01/2018	x	Anh C	x	x
210	Lê Thu	Hà		22/09/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2017	3 năm 8 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	05/2015	x	Anh B1	x	x
211	Lê Thị	Hậu		08/06/1979	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	15/05/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 2 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐHSP Ngoại ngữ	11/2004	x	Đại học	x	x
212	Nguyễn Thị	Cúc		19/01/1988	Tổ phó CM	TH Ngọc Lâm	01/12/2010	01/06/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	06/2010	x	Anh A2	x	x
213	Đỗ Thị Kiều	Hoa		10/04/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	06/2012	x	Anh A2	x	x
214	Nguyễn Thị Thúy	Hằng		04/11/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	4 năm 12 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	09/2017	x	Anh A2	x	x
215	Lê Thị Thu	Hà		04/12/1980	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	01/01/2007	01/09/2007	27/03/2017	12 năm 6 tháng	3.06	V.07.03.09	CĐSP âm nhạc	08/2003	x	Anh A2	x	x
216	Đào Thị Thúy	Ngân		12/04/1977	Tổ phó CM	TH Ngọc Lâm	01/07/2007	18/10/2007	27/03/2017	12 năm 5 tháng	3.26	V.07.03.09	CĐSP âm nhạc	10/2000	x	Anh B1	x	x
217	Lương Thị Thanh	Mai		25/12/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	01/2018	x	Anh A2	x	x
218	Vũ Thị	Hồng		28/03/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 10 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	01/2018	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
219	Lê Thị Bích	Hải		20/01/1984	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	15/05/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	09/2010	x	Anh A2	x	x
220	Phạm Thị	Vĩ		13/01/1978	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	10/2006	x	Anh C	x	x
221	Đặng Thị Thủy	Ninh		12/10/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Lâm	01/01/2017	01/01/2017	01/01/ 2017	3 năm 2 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	05/2014	x	Anh A2	x	x
222	Lưu Thị Chính	Phương		28/7/1980	Phó Hiệu trưởng	TH Đoàn Kết	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	11/2007	x	Anh B	x	x
223	Nguyễn Văn	Anh		18/12/1989	Tổ trưởng CM	TH Đoàn Kết	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	6 năm 3 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH thể dục thể thao	07/2011	x	Anh A2	x	x
224	Hoàng Ngọc	Ánh		9/10/1987	Tổ phó chuyên môn	TH Đoàn Kết	12/10/2011	01/05/2012	27/03/2017	8 năm 4 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP âm nhạc	08/2013	x	Anh A2	x	x
225	Lê Thị	Ngà		21/11/1974	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	02/12/1995	01/03/1998	27/03/2017	24 năm 3 tháng	3.86	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	05/2005	x	Anh A2	x	x
226	Nguyễn Thị Ánh	Hồng		26/7/1982	Tổ trưởng CM	TH Đoàn Kết	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	10/2016	x	Anh A2	x	x
227	Hoàng Lệ	Giang		17/7/1991	Tổ trưởng CM	TH Đoàn Kết	01/01/2016	01/07/2016	27/09/2016	4 năm 2 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	05/2018	x	Anh B	x	x
228	Đinh Thị Thu	Hiền		10/10/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	01/9/2014	01/03/2015	27/03/2017	5 năm 6 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	06/2014	x	Anh B	x	x
229	Khúc Hải	Yến		26/02/1978	Tổ phó CM	TH Đoàn Kết	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13 năm 2 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	11/2009	x	Anh A2	x	x
230	Vũ Thị Hoa	Mơ		16/12/1982	Phó Hiệu trưởng	THĐT Sài Đồng	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 2 tháng	2.86	V07.03.09	ĐH GD tiểu học	09/2006	x	Anh B	x	x
231	Nguyễn Huyền	Trang		09/12/1990	Tổ phó CM	THĐT Sài Đồng	01/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 2 tháng	2.46	V07.03.09	ĐH GD tiểu học	10/2016	x	Anh B	x	x
232	Nguyễn Thị	Hằng		03/03/1980	Giáo viên Văn hóa	THĐT Sài Đồng	01/07/2008	01/03/2009	27/03/2017	10 năm 11 tháng	2.86	V07.03.09	ĐH GD tiểu học	06/2002	x	Anh B	x	x
233	Lê Thị Thu	Nết		10/05/1987	Tổ phó CM	THĐT Sài Đồng	01/01/2009	01/07/2009	27/03/2017	10 năm 7 tháng	2.86	V07.03.09	ĐH GD tiểu học	03/2014	x	Anh B	x	x
234	Thẩm Thị Lan	Hương		29/07/1980	Giáo viên Thể dục	THĐT Sài Đồng	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V07.03.09	Cao đẳng GD Thể chất	07/2006	x	Anh B	x	x
235	Nguyễn Thị Thanh	Vân		22/01/1984	Tổ trưởng CM	THĐT Sài Đồng	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	9 năm 7 tháng	2.66	V07.03.09	Thạc sỹ GD tiểu học	04/2010	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
236	Nguyễn Thị Thanh	Hòa		15/12/1976	Giáo viên Văn hóa	THĐT Sài Đồng	01/12/2009	01/05/2010	27/03/2017	9 năm 9 tháng	2.86	V07.03.09	ĐH GD tiểu học	05/2014	x	Anh B	x	x
237	Nguyễn Thị	Quyên		20/10/1980	Giáo viên Văn hóa	THĐT Sài Đồng	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V07.03.09	ĐH GD tiểu học	10/2016	x	Anh B	x	x
238	Đào Văn	Trang		22/05/1980	Giáo viên Tiếng Anh	THĐT Sài Đồng	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	10 năm 1 tháng	2.86	V07.03.09	ĐH Ngôn ngữ Anh	08/2016	x	Pháp C	x	x
239	Lê Ngọc	Anh		05/03/1987	Giáo viên Âm nhạc	THĐT Sài Đồng	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	10/2010	x	Anh B	x	x
240	Nguyễn Thị	Nga		26/08/1980	Giáo viên Văn hóa	THĐT Sài Đồng	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2.86	V07.03.09	ĐH GD tiểu học	05/2013	x	Anh B1	x	x
241	Trần Phương	Oanh		10/09/1987	Giáo viên Tổng phụ trách	THĐT Sài Đồng	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	9 năm 7 tháng	2.66	V07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	12/2010	x	Anh B	x	x
242	Phùng Thị	Thủy		04/9/1984	Giáo viên Tin học	TH Việt Hưng	01/7/2008	01/1/2009	27/3/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V07.03.09	ĐH Toán Tin ứng dụng	10/2011	Đại học	Anh B	x	x
243	Nguyễn Phương	Thu		07/9/1990	Giáo viên Tổng phụ trách	TH Việt Hưng	01/01/2016	01/07/2016	27/3/2017	3 năm 7 tháng	2.06	V07.03.09	ĐHSP Tin	3/2015	Đại học	Anh A2	x	x
244	Nguyễn Thị	Thức		19/9/1976	Phó hiệu trưởng	TH Việt Hưng	01/10/2011	01/10/2011	27/3/2017	8 năm 4 tháng	2.66	V07.03.09	ĐHSP GD tiểu học	7/1999	x	Anh B	x	x
245	Chu Thị	Chinh		28/3/1973	Giáo viên Văn hóa	TH Việt Hưng	07/12/1992	15/9/1994	27/3/2017	25 năm 5 tháng	4.06	V07.03.09	ĐHSP GD tiểu học	5/2013	x	Anh B	x	x
246	Lê Thị Phương	Mai		07/6/1979	Tổ trưởng CM	TH Việt Hưng	01/1/2007	01/7/2007	27/3/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V07.03.09	ĐHSP GD tiểu học	01/2009	x	Anh B	x	x
247	Dương Thị Thanh	Thủy		14/12/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Việt Hưng	01/9/2014	01/3/2015	27/3/2017	4 năm 11 tháng	2.26	V07.03.09	CĐSP GD tiểu học	6/2013	x	Anh B	x	x
248	Nguyễn Thị	Phượng		21/3/1975	Giáo viên Âm nhạc	TH Việt Hưng	05/9/1999	05/9/1999	27/3/2017	20 năm 5 tháng	3.86	V07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	11/2010	x	Anh B	x	x
249	Nguyễn Thị Phương	Hạnh		10/12/1988	Giáo viên Âm nhạc	TH Việt Hưng	01/01/2010	01/7/2010	27/3/2017	9 năm 7 tháng	2.66	V07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	7/2012	x	Anh B	x	x
250	Nguyễn Văn	Chương	14/02/1994		Giáo viên Văn hóa	TH Việt Hưng	01/01/2016	01/07/2016	27/3/2017	3 năm 7 tháng	2.06	V07.03.09	CĐSP GD tiểu học	6/2015	x	Anh B	x	x
251	Lý Thị Bích	Liên		16/6/1978	Tổ phó CM	TH Việt Hưng	01/01/2010	01/7/2010	27/3/2017	9 năm 7 tháng	2.66	V07.03.09	ĐHSP GD tiểu học	3/2005	x	B	x	x
252	Lê Thị Thu	Hà		19/5/1981	Tổ trưởng CM	TH Việt Hưng	28/12/2006	18/10/2007	27/3/2017	12 năm 4 tháng	3.06	V07.03.09	CĐSP Mĩ thuật	8/2003	x	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
253	Nguyễn Văn	Thắng	20/9/1980		Giáo viên Thể dục	TH Việt Hưng	28/12/2006	18/10/2007	27/3/2017	12 năm 4 tháng	3.03	V07.03.09	ĐH Thể dục - Thể thao	6/2010	x	Anh B	x	x
254	Lý Thị Thanh	Thúy		04/05/1977	Tổ phó CM	TH Việt Hưng	01/7/2008	01/01/2009	27/3/2017	11 năm 2 tháng	2.86	V07.03.09	CĐSP Tiếng Anh	6/1999	x	Anh CĐ; Pháp B1	x	x
255	Lê Thị Ngọc	Anh		25/3/1993	Tổ phó CM	TH Việt Hưng	28/8/2014	22/5/2015	27/3/2017	4 năm 11 tháng	2.26	V07.03.09	CĐSP GD tiểu học	02/2020	x	Anh B	x	x
256	Nguyễn Thanh	Loan		01/04/1978	Giáo viên văn hóa	TH Gia Quất	01/12/ 2010	01/06/ 2011	27/03/ 2017	8 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.0 9	ĐH GD tiểu học	10/2017	x	Anh B1	x	x
257	Nguyễn Thị Hoài	Linh		08/12/1989	Tổ trưởng CM	TH Gia Quất	12/10/ 2011	01/05/ 2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.0 9	ĐH GD tiểu học	05/2011	x	Anh B1	x	x
258	Phạm Thị Hoài	Thu		26/07/1990	Giáo viên văn hóa	TH Gia Quất	01/10/ 2012	01/04/ 2013	27/03/2017	6 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.0 9	ĐH GD tiểu học	11/2016	x	Anh B1	x	x
259	Nguyễn Hoa	Lý		07/05/1989	Giáo viên văn hóa	TH Gia Quất	12/10/2011	01/05/ 2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2.46	V.07.03.0 9	ĐH GD tiểu học	06/2014	x	Anh B1	x	x
260	Đỗ Phương	Thảo		14/09/1992	Giáo viên văn hóa	TH Gia Quất	01/09/ 2014	01/03/ 2015	27/03/2017	5 năm	2.26	V.07.03.0 9	ĐH GD tiểu học	02/2016	x	Anh B1	x	x
261	Nguyễn Mai	Vân		27/03/1984	Tổ trưởng CM	TH Gia Quất	12/10/ 2011	01/05/ 2012	27/03/ 2017	7 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.0 9	ĐH GD tiểu học	06/2005	x	Anh B1	x	x
262	Hà Tuấn	Ngọc	10/12/1983		Giáo viên Tin học	TH Gia Quất	01/07/ 2008	01/01/ 2009	27/03/2017	11 năm 01 tháng	2.86	V.07.03.0 9	ĐH CNTT	11/2006	Đại học	Anh B1	x	x
263	Đinh Thị Thanh	Trà		02/09/1982	Tổ trưởng CM	TH Gia Quất	01/07/ 2008	01/01/ 2009	27/03/2017	11 năm 01 tháng	2.86	V.07.03.0 9	ĐHSP âm nhạc	06/2003	x	Anh B1	x	x
264	Trần Thị Thùy	Linh		19/04/1982	Giáo viên văn hóa	TH Gia Quất	01/07/ 2008	01/01/ 2009	27/03/2017	11 năm 01 tháng	2.86	V.07.03.0 9	ĐH GD tiểu học	07/2004	x	Anh A2	x	x
265	Đỗ Thị Thanh	Nhàn		23/07/1978	Phó Hiệu trưởng	TH Vũ Xuân Thiều	01/01/2007	12/08/2007	27/03/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.0 9	ĐH GD Tiểu học	05/2013	x	Anh B1	x	x
266	Hoàng Hạnh	Ngân		20/04/1991	TTCM - Giáo viên Văn hóa	TH Vũ Xuân Thiều	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	5 năm 0 tháng	2.26	V.07.03.0 9	ĐH GD Tiểu học	11/2016	x	Anh A2	x	x
267	Lê Hạnh	Nguyên		26/07/1982	TTCM - Giáo viên Văn hóa	TH Vũ Xuân Thiều	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 02 tháng	2.86	V.07.03.0 9	ĐH GD Tiểu học	06/2011	x	Anh B1	x	x
268	Trần Thị Bích	Diệp		09/10/1981	TTCM - Giáo viên Văn hóa	TH Vũ Xuân Thiều	12/10/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 10 tháng	2.66	V.07.03.0 9	ĐH GD Tiểu học	01/2018	x	Anh B1	x	x
269	Nguyễn Thị	Thuỷ		05/09/1977	TTCM - Giáo viên Thể dục	TH Vũ Xuân Thiều	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 02 tháng	2.86	V.07.03.0 9	CĐSP GD Thể chất	06/2001	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đã tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
270	Nguyễn Ngọc	Thư		03/02/1983	TPCM - Giáo viên Văn hóa	TH Vũ Xuân Thiều	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 02 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2009	x	Anh B	x	x
271	Đinh Thị Anh	Đào		16/02/1978	TPCM - Giáo viên Văn hóa	TH Vũ Xuân Thiều	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 02 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2009	x	Anh B1	x	x
272	Nguyễn Thị	Thuỷ		25/06/1977	TPCM - Giáo viên Tiếng Anh	TH Vũ Xuân Thiều	01/08/2008	01/02/2009	27/03/2017	11 năm 01 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP Tiếng Anh	04/2001	x	Anh B2, Pháp C	x	x
273	Hoàng Hải	Yến		15/04/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Vũ Xuân Thiều	01/12/2010	01/06/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	08/2012	x	Anh B1	x	x
274	Đoàn Thu	Liễu		04/07/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Vũ Xuân Thiều	12/10/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 10 tháng	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	07/2011	x	Anh A2	x	x
275	Nguyễn Thị	Đức		03/04/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Vũ Xuân Thiều	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	5 năm 0 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	04/2018	x	Anh A2	x	x
276	Nguyễn Mai	Liên		12/02/1981	Giáo viên Văn hóa	TH Vũ Xuân Thiều	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 02 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	09/2005	x	Anh B1	x	x
277	Dương Thị Thanh	Hà		05/09/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Vũ Xuân Thiều	01/11/2013	01/05/2014	05/05/2017	5 năm 10 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	01/2018	x	Anh A2	x	x
278	Bùi Thị Minh	Tuyết		08/09/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Vũ Xuân Thiều	12/10/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	12/2015	x	Anh A2	x	x
279	Dương Thị	Khuê		20/04/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Vũ Xuân Thiều	01/01/2016	01/07/2016	27/03/2017	3 năm 8 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	05/2013	x	Anh B1	x	x
280	Đinh Thị Minh	Thanh		14/05/1984	Giáo viên Văn hóa	TH Vũ Xuân Thiều	01/11/2012	01/05/2013	27/03/2017	6 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2015	x	Anh A2	x	x
281	Nguyễn Phong	Phú	23/08/1981		Giáo viên Thể dục	TH Vũ Xuân Thiều	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 02 tháng	3.06	V.07.03.09	CĐSP GD thể chất	08/2003	x	Anh C	x	x
282	Đoàn Thị Thanh	Phong		25/12/1978	Giáo viên Mĩ thuật	TH Vũ Xuân Thiều	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 02 tháng	3.06	V.07.03.09	CĐSP Mĩ thuật	06/2005	x	Anh B1	x	x
283	Phan Thị Mỹ	Hạnh		08/11/1986	Giáo viên Tin học	TH Vũ Xuân Thiều	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 02 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐHSP Tin học	04/2012	Đại học	Anh B1	x	x
284	Lê Thu	Phương		03/12/1988	Giáo viên Âm nhạc	TH Vũ Xuân Thiều	12/10/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	07/2018	x	Anh B1	x	x
285	Nguyễn Thị Minh	Phượng		21/05/1978	Giáo viên Tổng phụ trách	TH Vũ Xuân Thiều	01/10/2010	01/07/2010	27/03/2017	8 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH Ngoại ngữ	07/2001	x	Anh B2	x	x
286	Vũ Thị	Nghĩa		15/06/1979	Tổ phó CM - Giáo viên văn hóa	TH Sài Đồng	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐHSP -GD tiểu học	10/2016	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
287	Trần Thanh	Mai		17/12/1991	Giáo viên văn hóa	TH Sài Đồng	01/10/2011	01/04/2012	05/05/2017	7 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP -GD tiểu học	10/2016	x	Anh A2	x	x
288	Đào Thị	Thúy		28/12/1984	Giáo viên văn hóa	TH Sài Đồng	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐHSP -GD tiểu học	5/2018	x	Anh A2	x	x
289	Nguyễn Vũ Hải	Linh		20/02/1983	Tổ phó CM-Giáo viên Tin học	TH Sài Đồng	01/07/2008	01/05/2009	27/03/2017	10 năm 9 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH Công nghệ Thông tin	7/2008	Đại học	Anh B1	x	x
290	Lương Ngọc	Oanh		13/08/1979	Giáo viên Tiếng Anh	TH Sài Đồng	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH Ngoại ngữ Anh	1/2007	x	IELTS 6.5, CĐ Trung	x	x
291	Đinh Thị Thúy	Hà		24/04/1982	Giáo viên Mỹ thuật	TH Sài Đồng	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	7/2019	x	Anh A2	x	x
292	Nguyễn Thị Bích	Phượng		28/05/1990	Giáo viên văn hóa	TH Sài Đồng	12/10/2011	01/09/2012	27/03/2017	7 năm 5 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP -GD tiểu học	6/2014	x	Anh A2	x	x
293	Vũ Xuân	Hương		26/05/1979	Giáo viên văn hóa	TH Sài Đồng	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP-GD tiểu học	6/2000	x	Anh A2	x	x
294	Nguyễn Thị Thùy	Ninh		15/11/1980	Giáo viên văn hóa	TH Sài Đồng	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP-GD tiểu học	6/2001	x	Anh B	x	x
295	Trần Thị	Luyến		17/08/1980	Giáo viên văn hóa	TH Sài Đồng	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	9 năm 7 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐHSP -GD tiểu học	11/2009	x	Anh B	x	x
296	Dương Hải	Oanh		06/11/1972	Tổ trưởng CM-Giáo viên văn hóa	TH Sài Đồng	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	11 năm 1 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐHSP -GD tiểu học	7/2000	x	Anh B1	x	x
297	Lã Hà	Trang		23/3/1994	Giáo viên văn hóa	TH Sài Đồng	1/1/2016	1/7/2016	27/9/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐHSP -GD tiểu học	5/2018	x	Anh B	x	x
298	Nguyễn Thị	Hiền		26/10/1980	Giáo viên Văn hóa	TH Bồ Đề	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	2 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐHSP -GD tiểu học	11/2009	x	Anh C	x	x
299	Khổng Thị Kim	Dung		26/12/1988	Tổ trưởng CM	TH Bồ Đề	04/09/1995	01/01/2016	01/01/2016	4 năm 1 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP -GD tiểu học	02/2014	x	Anh B1	x	x
300	Trần Lệ	Hằng		10/02/1984	Tổ phó CM	TH Bồ Đề	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	2 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐHSP -GD tiểu học	11/2005	x	Anh C	x	x
301	Đỗ Thị	Hiền		15/06/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Bồ Đề	01/09/2004	01/03/2015	27/03/2017	2 năm 11 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐHSP -GD tiểu học	02/2016	x	Anh C	x	x
302	Thái Hồ Vũ Hồng	Trâm		16/02/1983	Giáo viên âm nhạc	TH Bồ Đề	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	2 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP -Nhạc sử	6/2014	x	Anh B	x	x
303	Nguyễn Thanh	Tùng	11/08/1983		Giáo viên tin học	TH Bồ Đề	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	2 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	CĐSP -Toán Tin	6/2005	Cao đẳng	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
304	Nguyễn Thị Thu	Nga		28/11/1977	Giáo viên Tiếng Anh	TH Bồ Đề	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	2 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐHSP -Tiếng anh	11/2009	x	Anh B2 pháp C	x	x
305	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		11/07/1994	Giáo viên Văn hóa	TH Ngô Gia Tự	01/01/2016	01/07/2016	27/03/2017	4 năm 1 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	07/2019	x	Anh B1	x	x
306	Nguyễn Thị Thu	Hà		13/12/1976	Giáo viên Văn hóa	TH Ngô Gia Tự	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	13 năm 1 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	11/2007	x	Anh B1	x	x
307	Hoàng Thị Bích	Hạnh		24/03/1981	Giáo viên Văn hóa	TH Ngô Gia Tự	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	13 năm 1 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	04/2013	x	Anh A2	x	x
308	Ngô Thị Thu	Hiền		13/04/1979	Giáo viên Văn hóa	TH Ngô Gia Tự	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 7 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	7/2009	x	Anh Đại học	x	x
309	Nguyễn Thị Khánh	Huyền		06/10/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Ngô Gia Tự	01/01/2016	01/07/2016	27/03/2017	4 năm 1 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	12/2019	x	Anh A2	x	x
310	Ngô Thị Hoàng	Lan		24/03/1982	Giáo viên Văn hóa	TH Ngô Gia Tự	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 7 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	06/2004	x	Anh B1	x	x
311	Kiều Hồng	Minh		22/08/1980	Tổ trưởng CM - Giáo viên Văn hóa	TH Ngô Gia Tự	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 7 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	09/2006	x	Anh B1	x	x
312	Nguyễn Quỳnh	Nga		18/04/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Ngô Gia Tự	01/01/2016	01/07/2016	27/03/2017	4 năm 1 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	12/2019	x	Anh B1	x	x
313	Nguyễn Thảo	Phương		01/07/1994	Giáo viên Văn hóa	TH Ngô Gia Tự	01/01/2016	01/07/2016	27/03/2017	4 năm 1 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐH GD tiểu học	05/2018	x	Anh A2	x	x
314	Ngô Thị Bích	Thủy		30/08/1971	Giáo viên Âm nhạc	TH Ngô Gia Tự	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	13 năm 1 tháng	3.06	V.07.03.09	CĐSP âm nhạc	10/2000	x	Anh B1	x	x
315	Nguyễn Thị	Tuyết		03/08/1979	Giáo viên Văn hóa	TH Ngô Gia Tự	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 7 tháng	2.86	V.7.03.09	ĐH GD tiểu học	05/2009	x	Anh A2	x	x
316	Dương Minh	Xuyến		01/12/1994	Giáo viên tổng phụ trách	TH Ngô Gia Tự	01/01/2016	01/07/2016	27/03/2017	4 năm 1 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng GD tiểu học	06/2015	x	Anh B1	x	x
317	Nguyễn Thị Thu	Giang		25/07/1984	Tổ phó CM - Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Thụy	01/01/2007	01/7/2007	27/3/2017	14 năm 1 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	5/2019	x	Anh A2	x	x
318	Nguyễn Thúy	Ngà		20/11/1987	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Thụy	01/11/2013	01/05/2014	27/3/2017	6 năm 9 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	1/2018	x	Anh A2	x	x
319	Trần Thị Huyền	Anh		6/5/1992	Tổ phó CM - Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Thụy	01/10/2012	01/4/2013	27/3/2017	7 năm 4 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	10/2016	x	Anh A2	x	x
320	Lê Thị	Nhung		23/01/1987	Giáo viên Tin học	TH Ngọc Thụy	01/10/2012	01/04/2013	27/3/2017	7 năm 4 tháng	2.46	V.07.03.09	Cao đẳng Tin học ứng dụng	9/2009	Cao đẳng	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
321	Lê Bích	Ngọc		13/12/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Thụy	01/10/2012	01/4/2013	27/3/2017	7 năm 4 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	12/2016	x	Anh A2	x	x
322	Công Thị Hải	Yến		10/04/1986	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Thụy	01/01/2010	01/7/2010	27/3/2017	10 năm 2 tháng	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	7/2008	x	Anh A2	x	x
323	Phạm Thị Tuyết	Nhung		21/07/1981	Tổ trưởng CM - Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Thụy	01/01/2007	01/7/2007	27/3/2017	14 năm 1 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	05/2006	x	Anh A2	x	x
324	Phạm Thị	Xuân		05/11/1982	Giáo viên Thể dục	TH Ngọc Thụy	01/7/2008	01/01/2009	27/3/2017	13 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH Thể dục thể thao	06/2005	x	Anh A2	x	x
325	Nguyễn Thị Diệu	Thúy		13/03/1981	Giáo viên Mĩ thuật	TH Ngọc Thụy	01/01/2010	01/7/2010	27/3/2017	9 năm 7 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH Mỹ thuật	9/2006	x	Anh A2	x	x
326	Lê Thùy	Dung		02/06/1994	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Thụy	01/01/2016	01/7/2016	27/3/2017	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	6/2015	x	Anh A2	x	x
327	Đào Thuỳ	Trang		14/10/1994	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Thụy	01/01/2016	01/7/2016	27/3/2017	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	6/2015	x	Anh A2	x	x
328	Lê Huyền	Trang		08/06/1992	Tổ phó CM-Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Thụy	01/09/2014	01/3/2015	27/3/2017	5 năm 5 tháng	2.26	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	6/2013	x	Anh A2	x	x
329	Nguyễn Thị Thanh	Hoà		05/04/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Thụy	01/12/2010	01/06/2011	27/3/2017	8 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	8/2010	x	Anh A2	x	x
330	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ		01/04/1989	Tổ phó CM - Giáo viên Âm nhạc	TH Ngọc Thụy	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	4/2015	x	Anh A2	x	x
331	Nguyễn Thị Thanh	Vân		14/3/1988	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Thụy	01/01/2017	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng GD Tiểu học	4/2015	x	Đại học	x	x
332	Đỗ Đình	Huynh	10/01/1985		Giáo viên Tổng phụ trách	TH Ngọc Thụy	01/7/2008	01/01/2009	27/3/2017	13 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH Mỹ thuật	6/2007	x	Anh A2	x	x
333	Hoàng	Yến		03/09/1979	Tổ phó CM-Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Thụy	01/07/2008	1/1/2009	27/3/2017	13 năm 1 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	7/2003	x	Anh C	x	x
334	Nguyễn Thị Khánh	Chi		05/09/1982	Hiệu phó	TH Gia Thượng	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2009	x	Anh C	x	x
335	Nguyễn Thị Phương	Lan		01/02/1981	Tổ trưởng CM	TH Gia Thượng	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 02 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2015	x	Anh C	x	x
336	Phạm Thị Minh	Huyền		28/08/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thượng	01/10/2014	01/04/2015	20/04/2017	04 năm 10 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	11/2016	x	Anh B	x	x
337	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		09/09/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thượng	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	05 năm 09 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	10/2016	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ - nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đã tiên chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
338	Tống Thị Bích	Hồng		01/11/1980	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thượng	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	09 năm 07 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	9/2017	x	Anh C	x	x
339	Trần Thị	An		11/11/1987	TPCM - GV tin học	TH Gia Thượng	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	02 năm 12 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH CNTT	6/2011	Đại học	Anh A2	x	x
340	Đào Văn	Thành	06/05/1984		TTCM - GV thể dục	TH Gia Thượng	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 07 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH GD thể chất	2/2010	x	Anh B	x	x
341	Vương Thị Hồng	Điệp		10/04/1979	Giáo viên âm nhạc	TH Gia Thượng	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 02 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP âm nhạc	10/2002	x	Anh C	x	x
342	Lã Thị Mai	Phương		20/02/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Gia Thượng	01/10/2012	01/04/2013	01/04/2013	07 năm	2.46	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	5/2015	x	Anh C	x	x

Danh sách này gồm có: 342 người.

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND QUẬN HÀ ĐÔNG CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức hưởng hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	Nguyễn Minh	Đức	23/05/1983		Giáo viên Âm nhạc	TH An Hưng	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH SP Âm nhạc	27/03/2013	x	Anh A2	x	x
2	Nguyễn Thị Mị	Nương		20/06/1984	Giáo viên Văn hóa	TH An Hưng	01/09/2009	01/09/2011	27/03/2017	8 năm 5 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH giáo dục Tiểu học	14/05/2013	x	Anh C	x	x
3	Đinh Thị Tuyết	Dung		01/05/1978	Giáo viên Văn hóa	TH An Hưng	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ SP Tiểu học	01/12/1999	x	Anh A2	x	x
4	Vũ Thị	Hường		15/03/1985	Giáo viên Tin học	TH An Hưng	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	9 năm 7 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ SP tin học	20/07/2007	Cao đẳng	Anh A2	x	x
5	Đặng Thị	Chinh		12/04/1982	Giáo viên Văn hóa	TH An Hưng	07/09/2007	06/03/2008	11/04/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	01/06/2012	x	Anh A2	x	x
6	Hoàng Thu	Hường		25/08/1980	Giáo viên Mỹ thuật	TH An Hưng	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP Mỹ thuật	11/06/2001	x	Anh C	x	x
7	Bùi Thị Phương	Hòa		12/06/1983	Giáo viên Văn hóa	TH An Hưng	12/09/2007	14/03/2008	28/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH giáo dục Tiểu học	23/04/2012	x	Anh C	x	x
8	Nguyễn Thị Phượng	Hòa		19/04/1986	Giáo viên Mỹ thuật	TH An Hưng	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐSP Họa - Nhạc	20/07/2007	x	Anh C	x	x
9	Cao Thị	Hoàng		21/11/1972	Giáo viên Văn hóa	TH An Hưng	01/09/1993	01/03/1995	27/03/2017	24 năm 11 tháng	4,06 VK 5%	V.07.03.09	Đại học sư phạm Tiểu học	04/04/2006	x	Anh B	x	x
10	Nguyễn Thị Thanh	Thủy		21/6/1986	Giáo viên Tin học	TH Biên Giang	01/11/2013	01/5/2014	27/3/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH Tin học trắc địa	02/07/2009	Đại học	Anh C	x	x
11	Lê Minh	Ngọc		19/02/1981	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Giáo dục Tiểu học	30/09/2011	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
12	Nguyễn Thị	Bẩy		22/02/1980	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm 11 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	28/02/2012	x	Anh A2	x	x
13	Mai Thị Thanh	Huyền		24/10/1981	Giáo viên Tiếng Anh	TH Đoàn Kết	01/11/2010	01/05/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH Tiếng Anh	14/01/2009	x	Pháp B	x	x
14	Phùng Thị	Hiền		08/10/1978	Giáo viên Tiếng Anh	TH Đoàn Kết	01/01/2010	01/01/2010	27/03/2017	10 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP Ngoại ngữ; ĐHSP Ngoại ngữ	16/06/2004	x	Pháp B	x	x
15	Nguyễn Thị Thu	Hà		28/08/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH SP GD Tiểu học	20/8/2002	x	Anh C	x	x
16	Chu Thị Thu	Hà		24/03/1978	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	01/11/2011	01/05/2012	12/04/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐSP Giáo dục Tiểu học	27/06/2009	x	Anh C	x	x
17	Nguyễn Thị Thúy	Hảo		20/12/1974	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	31/08/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	10/06/2004	x	Anh C	x	x
18	Lê Thu	Trang		31/05/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	01/12/2010	01/06/2011	27/03/2017	8 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	04/08/2010	x	Anh C	x	x
19	Phạm Thị	Hằng		29/10/1973	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	01/11/1996	01/03/1999	27/03/2017	20 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	27/08/2010	x	Anh C	x	x
20	Nguyễn Thị	Thư		25/02/1976	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm 8 tháng	3,26	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	15/02/2005	x	Anh B	x	x
21	Vũ Thị Hương	Giang		31/10/1973	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	01/12/2010	01/12/2010	27/03/2017	9 năm 2 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐHSP Giáo dục Tiểu học	17/10/2006	x	Anh B	x	x
22	Nguyễn Thanh	Hòa		14/05/1987	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	01/09/2014	01/09/2015	27/03/2017	4 năm 5 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục tiểu học	05/2010	x	Nga C	x	x
23	Đàm Thị Thanh	Bình		16/10/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	20/07/2000	x	Anh C	x	x
24	Nguyễn Thị Hồng	Luyến		04/04/1982	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH Giáo dục Tiểu học	28/06/2007	x	Anh C	x	x
25	Nguyễn Thị Thu	Thủy		12/03/1987	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	04/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	Thạc sĩ Giáo dục Tiểu học	20/04/2011	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
26	Phùng Thị Ngọc	Bích		14/09/1987	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	TH Đoàn Kết	01/11/2010	01/05/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH SP Mỹ thuật	10/06/2009	x	Anh B	x	x
27	Lê Mỹ	Trang		11/08/1979	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	20/07/2001	x	Anh B	x	x
28	Đặng Thu	Lan		15/12/1988	Giáo viên Tin học	TH Đoàn Kết	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	9 năm 7 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH Tin học	13/8/2009	Đại học	Anh B	x	x
29	Phạm Thị Thu	Phương		20/06/1983	Giáo viên Âm nhạc	TH Đoàn Kết	15/02/2003	01/8/2003	11/4/2017	16 năm 6 tháng	3,46	V.07.03.09	CĐSP Tuyên Quang,ĐH SP HN	12/01/2003	x	Anh C	x	x
30	Lê Thị	Huyền		12/07/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/10/2005	x	Anh A2	x	x
31	Nguyễn Thị Thanh	Thủy		31/10/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Đoàn Kết	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	11/2004	x	Anh A2	x	x
32	Lê Thanh	Hào		10/8/1987	Giáo viên Tin học	TH Đoàn Kết	01/01/2010	01/07/2010	11/4/2017	9 năm 7 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH Tin học	28/7/2008	Đại học	Anh A2	x	x
33	Nguyễn Văn	Cảnh	10/07/1990		Giáo viên Thể dục	TH Đoàn Kết	01/11/2013	01/5/2014	27/3/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục thể chất	29/07/2014	x	Anh C	x	x
34	Trần Thị	Vân		10/4/1982	Giáo viên Thể dục	TH Đoàn Kết	01/11/2011	01/11/2011	11/04/2017	8 năm 3 tháng	3,06	V.07,03,09	CĐSP ngành toán thể dục	01/7/2003	x	Anh C	x	x
35	Nguyễn Thị	Chiên		12/10/1978	Giáo viên Văn hóa	TH Đồng Mai I	07/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Giáodục tiểu học	22/10/2003	x	Anh A2	x	x
36	Đoàn Thị	Hương		11/03/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Đồng Mai I	01/11/2013	01/05/2014	27/3/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐSP Giáodục tiểu học	20/7/2011	x	Anh C	x	x
37	Nguyễn Trọng	Sự	15/01/1990		Giáo viên Văn hóa	TH Đồng Mai I	01/9/2014	01/9/2014	27/3/2017	5 năm 5 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP Giáodục tiểu học	24/7/2015	x	Anh A2	x	x
38	Nguyễn Thị	Thủy		23/10/1988	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	TH Đồng Mai I	01/11/2011	01/5/2012	12/04/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP Nhạc họa	25/12/2011	x	Anh B	x	x
39	Nguyễn Thị Phương	Thảo		07/2/1973	Giáo viên Tiếng Anh	TH Đồng Mai I	15/12/2009	15/12/2009	27/3/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Tiếng Anh	21/8/2001	x	Pháp C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiệu hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
40	Lê Nhật	Ánh		11/12/1994	Giáo viên Văn hóa	TH Đồng Mai II	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	20/10/2017	x	Anh B	x	x
41	Trần Thị	Hường		17/10/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Đồng Mai II	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	16/11/2016	x	Anh A2	x	x
42	Đỗ Lệ	Huyền		29/07/1982	Giáo viên Văn hóa	TH Đồng Mai II	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	26/02/2016	x	Anh A2	x	x
43	Lưu Thị Thùy	Liêm		01/06/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Đồng Mai II	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	16/11/2016	x	Anh A2	x	x
44	Ngô Thị	Luyến		19/10/1981	Giáo viên Tiếng Anh	TH Đồng Mai II	15/12/2009	15/12/2009	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH Tiếng Anh	12/07/2004	x	Trung B	x	x
45	Phạm Văn	Tuấn	08/06/1979		Phó Hiệu trưởng	TH Đồng Mai II	15/12/2009	15/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH Công nghệ thông tin	03/12/2009	Đại học	Anh A2	x	x
46	Dương Thị	Ngọ		27/08/1978	Giáo viên Tin học	TH Dương Nội A	15/12/2009	15/6/2010	27/3/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐSP Toán Tin; ĐH SP Toán học	30/08/2000	Cao đẳng	Anh B	x	x
47	Nguyễn Thị	Châm		15/08/1976	Giáo viên Thể dục	TH Dương Nội A	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ SP Giáo dục thể chất	11/12/2000	x	Anh B	x	x
48	Nguyễn Thị	Huyền		11/12/1976	Giáo viên Tiếng Anh	TH Dương Nội A	15/12/2009	15/12/2009	27/3/2017	10 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ sư phạm Tiếng Anh	14/12/1998	x	Pháp C	x	x
49	Phạm Thị	Vân Anh		10/02/1974	Giáo viên Tiếng Anh	TH Dương Nội B	15/12/2009	15/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐ SP Tiếng anh	07/1996	x	Pháp C	x	x
50	Lương Lệ	Liên		10/12/1971	Giáo viên Âm nhạc	TH Dương Nội B	13/10/2006	14/04/2007	27/03/2017	12 năm 10 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH SP Âm nhạc	09/2010	x	Anh C	x	x
51	Hoàng Thị Thu	Trang		08/11/1981	Phó Hiệu trưởng	TH Kiến Hưng	01/09/2007	01/02/2008	27/03/2017	12 năm 0 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	29/3/ 2010	x	Anh B	x	x
52	Nguyễn Thị Thu	Hương		20/09/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Kiến Hưng	01/09/2007	01/3/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	05/11 /2009	x	Anh B	x	x
53	Nguyễn Thị Thanh	Thủy		03/02/1978	Giáo viên Văn hóa	TH Kiến Hưng	19/6/ 1998	01/01/1999	27/03/2017	21 năm 1 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH GD Tiểu học	28/11/ 2012	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
54	Lê Thị	Huệ		12/12/1974	Giáo viên Văn hóa	TH Kiến Hưng	22/11/2002	02/06/2003	27/03/2017	16 năm 8 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH SP GD TH	17/10/ 2006	x	Anh B	x	x
55	Đinh Hoàng	Linh		09/05/1981	Giáo viên Tin học	TH Kiến Hưng	10/10/2012	10/4/2013	27/03/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ Toán Tin	20/8/ 2002	Cao đẳng	Anh C	x	x
56	Phạn Văn	Tùng	04/01/1986		Giáo viên Thể dục	TH Kiến Hưng	04/11/2011	01/5/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP Thể dục thể thao	16/06/2009	x	Anh C	x	x
57	Trần Thị	Thành		11/12/1978	Giáo viên Văn hóa	TH Kiến Hưng	01/12/2009	01/6/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ SP TH	02/4/ 2001	x	Anh B	x	x
58	Lê Thị Kim	Thanh		28/9/1968	Giáo viên Tiếng Anh	TH Kiến Hưng	15/12/2009	15/12/2009	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH SP Tiếng Anh	26/10 /1994	x	ĐH Nga	x	x
59	Vương Thị Minh	Thủy		27/07/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Kiến Hưng	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH SP TH	16/11/2016	x	Anh B	x	x
60	Phan Thị Thu	Thủy		12/7/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Kiến Hưng	01/10/2007	01/4/2008	11/04/2017	11 năm 10 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH SP TH	20/7/2000	x	Anh C	x	x
61	Dương Thị	Thơm		30/06/1981	Giáo viên Văn hóa	TH Kim Đồng	01/09/2007	01/03/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	19/10/2007	x	Anh A2	x	x
62	Lê Thị	Ngọc		16/06/1984	Giáo viên Tin học	TH Kim Đồng	15/12/2009	15/06/2010	27/3/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH Công nghệ thông tin	24/05/2011	Đại học	Anh B	x	x
63	Bùi Thu	Hương		17/04/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Kim Đồng	01/09/2014	01/09/2015	27/3/2017	4 năm 5 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐHSP GD Tiểu học	18/06/2014	x	Anh B	x	x
64	Nguyễn Thị	Hảo		08/10/1994	Giáo viên Văn hóa	TH Kim Đồng	01/09/2014	01/03/2015	27/3/2017	4 năm 11 tháng	2.26	V.07.03.09	CĐSP GD Tiểu học	13/11/2017	x	Anh B	x	x
65	Ngô Đình	Văn	27/08/1990		Giáo viên Thể dục	TH Kim Đồng	04/11/2011	01/05/2012	27/3/2017	7 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐHSP GD Thể chất	01/06/2015	x	Anh A2	x	x
66	Nguyễn Thị Thu	Hà		04/02/1984	Giáo viên Tin học	TH Lê Hồng Phong	15/12/2009	15/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học tin học	09/2009	Đại học	Anh A2	x	x
67	Ngô Thị	Hoài		23/02/1974	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Hồng Phong	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học GD Tiểu học	10/2003	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTDCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
68	Nho Thị	Hà		02/11/1975	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Hồng Phong	05/10/1995	11/05/1997	27/03/2017	22 năm 9 tháng	4,06	V.07.03.09	Đại học GD Tiểu học	11/2009	x	Anh A2	x	x
69	Đinh Thị Hồng	Sim		18/08/1978	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Hồng Phong	26/08/1998	01/03/1999	27/03/2017	20 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	Đại học GD Tiểu học	10/2006	x	Anh A2	x	x
70	Hoàng Thị	Hiền		18/06/1974	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Hồng Phong	01/10/1993	01/04/1995	27/03/2017	24 năm 10 tháng	4,06; vk 7%	V.07.03.09	Đại học GD Tiểu học	11/2009	x	Anh A2	x	x
71	Lý Thị	Dung		20/08/1988	Giáo viên Thể dục	TH Lê Hồng Phong	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học GD thể chất	01/06/2015	x	Anh A2	x	x
72	Đào Thị	Quỳnh		05/02/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	15/10/2012	15/10/2012	11/04/2017	7 năm 4 tháng	3.26	V.07.03.09	CĐ sư phạm. tiểu học	02/01/ 2003	x	Anh B	x	x
73	Đặng Thị Minh	Huệ		24/12/1981	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH SPGD tiểu học	10/10/ 2006	x	Anh B	x	x
74	Nguyễn Thị	Nga		22/11/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	15/10/2012	15/04/2013	27/03/2017	6 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐ GD Tiểu học	03/07/ 2012	x	Anh B	x	x
75	Nguyễn Thị Hải	Anh		23/03/1980	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	01/12/2013	01/12/2013	27/03/2017	6 năm 2 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH gd tiểu học	14/01/ 2009	x	Anh B	x	x
76	Nguyễn Thị Diệu	Luyên		05/01/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	01/10/2014	11/04/2015	11/04/2017	4 năm 10 tháng	2.26	V.07.03.09	CĐGD tiểu học	31/03/ 2015	x	Anh B	x	x
77	Nguyễn Thị Kim	Huệ		12/07/1979	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	01/11/2010	01/05/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐ sư phạm tiểu học	30/08/ 2000	x	Anh B	x	x
78	Nguyễn Thị Minh	Hằng		07/01/1987	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 9 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐHGD tiểu học	02/10/ 2017	x	Anh B	x	x
79	Nguyễn Thị Lan	Anh		27/07/1981	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	01/10/2007	11/04/2008	11/04/2017	11 năm 10 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH gd tiểu học	17/10/ 2006	x	Anh A2	x	x
80	Ngô Thị	Bình		29/11/1979	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ sư phạm tiểu học	30/08/ 2001	x	Anh B	x	x
81	Lê Thị	Thúy		05/12/1985	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	18/10/2012	18/04/2013	27/03/2017	6 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐ sư phạm gd tiểu học	28/07/ 2008	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức hưởng hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
82	Nguyễn Thị Hải	Vân		12/10/1984	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH gd tiểu học	21/04/ 2011	x	Anh B	x	x
83	Nguyễn Thị	Hằng		27/12/1980	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	07/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3.26	V.07.03.09	ĐH gd tiểu học	24/07/ 2015	x	Anh B	x	x
84	Trịnh Thị	Lan		20/08/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	01/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH Tiểu học	24/07/ 2017	x	Anh A2	x	x
85	Nguyễn Quỳnh	Hoa		04/07/1984	Giáo viên Tin học	TH Lê Lợi	15/12/2009	15/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ CNTT	05/02/ 2007	Cao đẳng	Anh B	x	x
86	Nguyễn Thị	Minh		10/03/1981	Giáo viên Thể dục	TH Lê Lợi	04/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ GD Thể chất	20/08/ 2002	x	Anh B	x	x
87	Ngô Thị	Thúy		24/02/1988	Giáo viên Âm nhạc	TH Lê Lợi	01/10/2014	01/10/2014	27/03/2017	5 năm 4 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐ sư phạm Âm Nhạc	31/07/ 2009	x	Anh B	x	x
88	Nguyễn Thị Hương	Giang		03/09/1985	Giáo viên Tiếng Anh	TH Lê Lợi	01/12/2009	08/06/2010	11/04/2017	9 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH sư phạm Ngoại ngữ	28/07/ 2007	x	Trung B	x	x
89	Nhữ Thị Ngọc	Anh		22/10/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	01/12/2013	01/06/2014	30/05/2017	5 năm 8 tháng	2.26	V.07.03.09	CĐ GD tiểu học	22/08/ 2018	x	Anh A2	x	x
90	Vũ Thị Thanh	Hòa		10/10/1988	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	01/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH SPGD tiểu học	16/08/ 2010	x	Anh B	x	x
91	Đặng Thị Phương	Anh		26/10/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Lợi	04/10/2011	04/04/2012	11/04/2017	7 năm 10 tháng	3.34	V.07.03.09	ĐH gd tiểu học	26/08/ 2016	x	Anh A2	x	x
92	Đào Thị Thanh	Hồng		17/09/1982	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Qúy Đôn	04/11/2011	01/05/2012	27/3/2017	7 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	24/07/2015	x	Anh A2	x	x
93	Nguyễn Thị	Hương		05/10/1975	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Qúy Đôn	01/09/2006	01/03/2007	27/03/2017	12 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	27/01/2014	x	Anh B	x	x
94	Ngô Thị Ngọc	Dung		08/12/1979	Giáo viên Âm nhạc	TH Lê Qúy Đôn	29/08/2003	01/04/2004	14/8/2017	15 năm 10 tháng	3,26	V.07.03.09	CĐ Sư phạm âm nhạc	06/09/2010	x	Anh A2	x	x
95	Nguyễn Thị	Thơm		08/09/1976	Giáo viên Văn hóa	TH Lê Trọng Tấn	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ SP Tiểu học	20/10/2000	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
96	Phan Thanh	Hoa		24/02/1983	Giáo viên Mỹ thuật	TH Lê Trọng Tấn	06/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH SP Mỹ thuật	08/08/2012	x	Anh A2 (TOEI	x	x
97	Phạm Văn	Giáp	30/04/1974		Giáo viên Văn hóa	TH Lê Trọng Tấn	01/09/2004	01/09/2004	27/03/2017	15 năm 5 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	12/11/2012	x	Anh B	x	x
98	Lê Văn	Mẫn	27/05/1986		Giáo viên Thể dục	TH Lê Trọng Tấn	04/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục thể chất	01/06/2015	x	Anh A2	x	x
99	Vũ Văn	Bằng	19/11/1984		Giáo viên Văn hóa	TH Mậu Lương	18/10/2012	18/4/2013	27/3/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	02/2017	x	Anh A2	x	x
100	Mai Thị	Chi		13/7/1988	Giáo viên Văn hóa	TH Mậu Lương	01/11/2013	1/5/2014	27/3/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	29/8/2014	x	Anh C	x	x
101	Nguyễn Thị	Chúc		05/11/1976	Giáo viên Văn hóa	TH Mậu Lương	07/9/2007	01/3/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ SP Tiểu học	01/12/1999	x	Anh C	x	x
102	Đỗ Thị Thu	Hiền		15/01/1975	Giáo viên Âm nhạc	TH Mậu Lương	13/10/2006	1/4/2007	27/3/2017	12 năm 10 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH SP Âm Nhạc	08/08/2012	x	Anh B	x	x
103	Hoàng Thị	Lam		17/2/1974	Giáo viên Văn hóa	TH Mậu Lương	01/09/1995	01/09/1996	27/3/2017	23 năm 5 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	16/10/2008	x	Anh B	x	x
104	Trần Thị	Lụa		03/10/1980	Giáo viên Văn hóa	TH Mậu Lương	10/09/2007	10/03/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	01/06/2012	x	Anh B	x	x
105	Đoàn Thị	Nghĩa		02/09/1985	Giáo viên Văn hóa	TH Mậu Lương	01/12/2008	01/12/2009	27/3/2017	10 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	10/04/2013	x	Anh A2	x	x
106	Ngô Thị	Thủy		05/03/1982	Phó Hiệu trưởng	TH Mậu Lương	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	10/2010	x	Anh C	x	x
107	Nguyễn Thị Thu	Thủy		31/10/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Mậu Lương	10/9/2007	10/3/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	24/07/2015	x	Anh B	x	x
108	Dương Thị Thu	Trang		06/11/1987	Giáo viên Văn hóa	TH Mậu Lương	01/11/2013	01/5/2014	05/5/2017	5 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	20/10/2016	x	Anh B	x	x
109	Nguyễn Thị Thu	Hiền		09/08/1976	Giáo viên Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH SP giáo dục Tiểu học	09/09/2005	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
110	Lê Thị	Lan		01/08/1980	Giáo viên Tin học	TH Nguyễn Du	15/12/2009	15/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH Toán tin, CĐ SP toán tin	15/04/2011	Đại học	Anh B	x	x
111	Lê Thị Vân	Hồng		25/04/1978	Giáo viên Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/12/2009	01/12/2009	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học giáo dục Tiểu học	05/11/2009	x	Anh B	x	x
112	Nguyễn Thị	Phượng		21/07/1981	Giáo viên Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học giáo dục Tiểu học	02/04/2014	x	Anh B	x	x
113	Đặng Thị Quỳnh	Như		27/11/1981	Giáo viên Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/01/2007	01/01/2007	11/04/2017	13 năm 1 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học SP giáo dục Tiểu học	01/07/2009	x	Anh C	x	x
114	Nguyễn Thu	Thảo		11/12/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học SP Giáo dục Tiểu học	10/02/2014	x	ĐH Pháp	x	x
115	Đặng Thị	Hiền		22/12/1984	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	TH Nguyễn Du	01/11/2010	01/05/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHNN, CĐ sư phạm tiếng anh	26/01/2010	x	Trung C	x	x
116	Lê Thị	Hồng		02/08/1978	Giáo viên Thể dục	TH Nguyễn Du	04/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ giáo dục thể chất	22/08/2017	x	Anh C	x	x
117	Đặng Thị	Liên		31/10/1979	Giáo viên Tiếng Anh	TH Nguyễn Du	01/12/2010	01/12/2010	27/03/2017	9 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ sư phạm Tiếng anh	30/08/2000	x	Trung B	x	x
118	Lê Thị Kim	Oanh		29/08/1987	Giáo viên Thể dục	TH Nguyễn Du	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH giáo dục thể chất	26/02/2014	x	Anh C	x	x
119	Lương Thị Huyền	Trang		28/09/1988	Giáo viên Âm nhạc	TH Nguyễn Du	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH sư phạm âm nhạc	28/01/2019	x	Anh B	x	x
120	Nguyễn Thị	Thương		27/07/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH Giáo dục Tiểu học	20/07/2012	x	Anh A2	x	x
121	Vũ Hải	Phương		10/08/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH giáo dục Tiểu học	24/07/2017	x	Anh B	x	x
122	Đỗ Thị	Huyền		01/09/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/12/2013	01/12/2014	27/03/2017	5 năm 2 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐSP giáo dục Tiểu học	21/01/2011	x	Anh C	x	x
123	Vũ Phương	Thảo		12/03/1986	Giáo viên Mỹ thuật	TH Nguyễn Du	01/02/2010	01/08/2010	27/03/2017	9 năm 6 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH sư phạm Mỹ Thuật	28/07/2011	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
124	Nguyễn Thị Thu	Bình		30/10/1981	Giáo viên Văn hóa	TH Nguyễn Du	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,26	V.07.03.09	CĐ sư phạm Tiểu học	10/08/2004	x	Anh A2	x	x
125	Nguyễn Thị	Minh		07/09/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Nguyễn Du	01/11/2013	01/11/2014	27/03/2017	5 năm 3 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ sư phạm giáo dục Tiểu học	11/03/2015	x	Anh C	x	x
126	Vũ Thị	Thủy		31/12/1973	Giáo viên Tiếng Anh	TH Nguyễn Du	15/12/2009	15/12/2009	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐSP Tiếng Anh	06/12/1997	x	Pháp B	x	x
127	Phạm Tiến	Phong		03/11/1983	Giáo viên Tin học	TH Nguyễn Trãi	15/12/2009	15/6/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2.86	V07.03.09	ĐH -Công nghệ thông tin	14/7/2008	Đại học	Anh A2	x	CSTĐ cấp quận năm học 2015-2016
128	Nguyễn Diệu	Linh		10/10/1984	Giáo viên Văn hóa	TH Nguyễn Trãi	01/9/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2.86	V07.03.09	CĐ-Sư phạm tiểu học	20/7/2006	x	Anh C	x	x
129	Mai Thị	Chiên		11/04/1985	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	TH Nguyễn Trãi	01/11/2010	01/05/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2.66	V07.03.09	ĐH sư phạm âm nhạc	26/8/2016	x	Anh A2	x	CSTĐ cấp quận năm học 2017-2018
130	Đỗ Thị Thu	Thủy		12/03/1988	Giáo viên Văn hóa	TH Nguyễn Trãi	01/10/2011	01/04/2012	27/03/2017	7 năm 10 tháng	2.46	V07.03.09	ĐH-Giáo dục tiểu học	28/06/2010	x	Anh B1	x	CSTĐ cấp quận năm học 2017-2018
131	Nguyễn Thị	Hương		12/06/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Nguyễn Trãi	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 9 tháng	2.26	V07.03.09	ĐH-Giáo dục tiểu học	20/10/2017	x	Anh B	x	CSTĐ cấp quận năm học 2015-2016
132	Nguyễn Thị	Huyền		02/09/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Nguyễn Trãi	04/10/2011	04/04/2012	27/03/2017	7 năm 10 tháng	2.46	V07.03.09	Cao Đẳng-Giáo dục tiểu học	03/06/2013	x	Anh B	x	x
133	Trương Thị Hoàng	Anh		26/06/1978	Giáo viên Tiếng Anh	TH Phú La	01/12/2009	01/12/2009	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH Tiếng Anh	27/09/2005	x	Pháp C	x	x
134	Tô Thị Tuấn	Anh		23/10/1974	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	15/03/1997	15/02/1999	27/03/2017	21 năm 0 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	01/6/2012	x	Anh B	x	x
135	Nguyễn Thị	Dung		24/05/1979	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	15/10/2012	15/10/2012	27/03/2017	7 năm 4 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	29/08/2014	x	Anh B	x	x
136	Nguyễn Thị	Dung		20/04/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	15/12/2010	15/06/2011	27/03/2017	8 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH GDTH	12/08/2015	x	Anh C	x	x
137	Nguyễn Thị Thúy	Hà		21/08/1980	Giáo viên Tiếng Anh	TH Phú La	15/12/2009	15/12/2009	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH Tiếng Anh	09/05/2005	x	Pháp B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
138	Nguyễn Thị	Hà		02/09/1987	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	04/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	05/08/2010	x	Anh A2	x	x
139	Nguyễn Thị	Hạnh		08/03/1975	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	01/11/2011	01/11/2011	27/03/2017	8 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐTH	20/08/2002	x	Anh B	x	x
140	Nguyễn Thị	Huệ		10/12/1986	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	04/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	24/07/2015	x	Anh B	x	x
141	Phạm Thiên	Hương		09/03/1985	Giáo viên Mỹ thuật	TH Phú La	04/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH SP Mỹ thuật	05/12/2010	x	Anh C	x	x
142	Nguyễn Ngọc	Huyền		07/03/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	04/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	24/07/2015	x	Anh A2	x	x
143	Phạm Thị	Huyền		10/09/1985	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	01/01/2010	01/07/2010	27/03/2017	9 năm 7 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH SP GDTH	12/06/2007	x	Anh A2	x	x
144	Lê Thị Thu	Huyền		19/03/1989	Giáo viên Tin học	TH Phú La	04/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐSP Toán tin	04/08/2010	Cao đẳng	Anh B	x	x
145	Nguyễn Thị	Long		21/03/1986	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	04/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ SPTH	04/08/2010	x	Anh A2	x	x
146	Đỗ Thúy	Mai		12/12/1992	Giáo viên Mỹ thuật	TH Phú La	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	18/06/2014	x	Anh A2	x	x
147	Lê Thị Tuyết	Mai		28/11/1985	Giáo viên Mỹ thuật	TH Phú La	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ Thuật	13/07/2012	x	Anh B	x	x
148	Nguyễn Thị	Ngà		18/09/1971	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	01/11/1993	19/01/1995	11/04/2017	25 năm 1 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/10/2005	x	Anh B	x	x
149	Lại Thị	Nhâm		19/02/1972	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	01/09/1995	01/09/1996	21/04/2017	23 năm 5 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	15/04/2011	x	Anh B	x	x
150	Đặng Thị	Nhung		21/07/1988	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	04/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	16/06/2010	x	Anh A2	x	x
151	Lê Thị	Nhung		18/06/1986	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	TH Phú La	18/10/2012	18/04/2013	27/03/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH âm nhạc	02/10/2017	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
152	Nghiêm Thị	Phượng		15/04/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	04/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	02/10/2017	x	Anh A2	x	x
153	Đinh Thị	Sơn		31/12/1980	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/05/2007	x	Anh A2	x	x
154	Bạch Thị	Thìn		06/02/1976	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐSP; ĐHSP GDTH	01/06/2012	x	Anh B	x	x
155	Lê Thu	Thủy		29/11/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	15/03/2000	01/12/2000	27/03/2017	19 năm 2 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH GDTH	12/09/2011	x	Anh B	x	x
156	Vũ Văn	Tiến	21/03/1991		Giáo viên Thể dục	TH Phú La	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	4 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP Thể dục thể thao	23/05/2014	x	Anh B	x	x
157	Dương Thị Thu	Trà		16/04/1985	Giáo viên Tiếng Anh	TH Phú La	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH Tiếng Anh	28/07/2008	x	Pháp C	x	x
158	Nguyễn Thị	Tứ		27/09/1975	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	22/10/2003	x	Anh B	x	x
159	Nguyễn Thị	Tuyến		27/10/1987	Giáo viên Văn hóa	TH Phú La	04/11/2011	01/09/2012	27/03/2017	7 năm 5 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	02/10/2017	x	Anh B	x	x
160	Đặng Văn	Thịnh	03/06/1989		Phó Hiệu trưởng	TH Phú Lãm	01/01/2011	01/07/2011	27/3/2017	8 năm 7 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	14/04/2015	x	Anh A2	x	x
161	Đỗ Thị	Xuân		11/04/1979	Giáo viên Tiếng Anh	TH Phú Lãm	15/12/2009	15/12/2009	27/3/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH Tiếng Anh	25/11/2002	x	Pháp C	x	x
162	Nguyễn Thị Minh	Hải		14/07/1981	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lãm	10/09/2007	10/03/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ SP Tiểu học	20/08/2002	x	Anh C	x	x
163	Lê Thị	Thược		10/02/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lãm	01/09/2007	01/03/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	3,46	V.07.03.09	CĐ SP Tiểu học	01/02/1999	x	Anh C	x	x
164	Nguyễn Thu	Hà		04/04/1976	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lãm	10/09/2007	10/03/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ SP Tiểu học	02/01/2003	x	Anh B	x	x
165	Hoàng Văn	Thủy	19/08/1986		Giáo viên Âm nhạc	TH Phú Lãm	01/12/2009	01/06/2010	27/3/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH SP Âm nhạc	13/07/2012	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ điều chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
166	Trang Thanh	Loan		29/09/1974	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lãm	01/11/2013	01/11/2013	27/3/2017	6 năm 3 tháng	3,46	V.07.03.09	CĐ SP Tiểu học	01/02/1999	x	Anh C	x	x
167	Lê Thành	Tâm		04/08/1975	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lãm	29/12/2000	01/07/2001	27/3/2017	18 năm 7 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	10/10/2005	x	Anh C	x	x
168	Vũ Thị Thu	Hương		22/09/1978	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lãm	01/10/2007	01/04/2008	27/3/2017	11 năm 10 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH SP Giáo dục Tiểu học	10/06/2014	x	Anh C	x	x
169	Vũ Thị	Hương		25/09/1985	Giáo viên Tin học	TH Phú Lãm	15/12/2009	15/06/2010	27/3/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH CNTT; Ths Khoa học máy tính	08/2014	Thạc sĩ	Anh B	x	x
170	Nguyễn Thị	Nhâm		23/7/1982	Giáo viên Tiếng Anh	TH Phú Lương I	15/12/2009	15/6/2010	27/3/2017	9 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ SP Tiếng Anh	20/7/2007	x	Pháp C	x	x
171	Nguyễn Thị	Oanh		10/7/1979	Giáo viên Thể dục	TH Phú Lương I	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ SP GDTC	20/8/2002	x	Anh A2	x	x
172	Kiều Thị	Yến		05/02/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lương I	01/11/2013	01/5/2014	27/3/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH SPTiểu học	24/07/2015	x	Anh B	x	x
173	Phan Thanh	Thủy		01/7/1981	Giáo viên Tin học	TH Phú Lương I	15/12/2009	15/6/2010	27/3/2017	9 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH CNTT	19/5/2003	Đại học	Anh A2	x	x
174	Ngô Thị	Thanh		05/03/1988	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lương I	01/11/2013	01/5/2014	27/3/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ SPTiểu học	03/7/2012	x	Anh B	x	x
175	Đỗ Tuấn	An	27/10/1981		Giáo viên Tin học	TH Phú Lương II	15/12/2009	15/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V07.03.09	ĐH Tin học	21/11/2017	Đại học	Anh B1	x	x
176	Nguyễn Thị	Duyên		13/12/1984	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lương II	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V07.03.09	ĐHSPTH	01/06/2012	x	Anh C	x	x
177	Lê Thị	Hạnh		25/01/1978	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lương II	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 9 tháng	2,46	V07.03.09	CĐSPTH	20/02/2002	x	Anh B	x	x
178	Nguyễn Thị	Huyền		01/10/1981	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lương II	10/092007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V07.03.09	ĐHSPTH	21/04/2011	x	Anh C	x	x
179	Nguyễn Thị	Nhung		22/02/1974	Giáo viên Thể dục	TH Phú Lương II	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V07.03.09	CĐSPTH	10/09/1998	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
180	Đinh Thị	Thanh		09/02/1981	Giáo viên Tiếng Anh	TH Phú Lương II	15/12/2009	15/12/2009	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2.66	V07.03.09	CĐSPTH	20/08/2002	x	Pháp C	x	x
181	Nguyễn Thị	Toàn		07/11/1968	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lương II	01/09/1988	01/04/1993	27/03/2017	26 năm 10 tháng	4.06	V07.03.09	CĐSPTH	15/02/2005	x	Anh C	x	x
182	Lê Thị	Phẩm		14/06/1973	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lương II	12/08/1995	25/03/1997	27/03/2017	22 năm 11 tháng	4.06	V07.03.09	ĐHGDTH	05/11/2009	x	Anh C	x	x
183	Nghiêm Thị	Nga		10/10/1979	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lương II	01/10/2007	01/04/2008	27/03/2017	11 năm 10 tháng	3,06	V07.03.09	CĐSPTH	20/08/2002	x	Anh C	x	x
184	Nguyễn Thị	Mừng		14/03/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lương II	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V07.03.09	ĐHSPTH	19/06/2015	x	Anh B	x	x
185	Nguyễn Thị Thu	Trà		13/08/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lương II	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V07.03.09	ĐHSPTH	04/07/2017	TC	Anh B	x	x
186	Nguyễn Thị	Xuyến		15/12/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Phú Lương II	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V07.03.09	ĐHGDTH	24/12/2012	x	Anh C	x	x
187	Nguyễn Thị Hải	Yến		25/10/1980	Giáo viên Tiếng Anh	TH Phú Lương II	01/07/2008	01/01/2009	27/03/2017	11 năm 1 tháng	2.66	V07.03.09	ĐH tiếng Anh	17/08/2011	x	Pháp C	x	x
188	Nguyễn Thị	Diễn		01/5/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Trần Đăng Ninh	01/10/2007	01/4/2008	27/3/2017	11 năm 10 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	1/12/1999	x	Anh C	x	x
189	Nguyễn Thị	Hoa		18/7/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Trần Đăng Ninh	01/11/2012	01/5/2013	21/4/2017	6 năm 9 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	19/6/2015	x	Anh A2	x	x
190	Nguyễn Thị Hải	Yến		23/10/1976	Giáo viên Tiếng Anh	TH Trần Đăng Ninh	15/12/2009	15/6/2010	27/3/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP Ngoại ngữ	14/10/2002	x	Pháp B	x	x
191	Nguyễn Thị	Viên		14/11/1987	Giáo viên Tin học	TH Trần Đăng Ninh	15/12/2009	15/6/2010	27/3/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH Tin học	24/05/2011	Đại học	Anh A2	x	x
192	Lê Thị Thu	Thủy		09/7/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Trần Đăng Ninh	01/11/2013	01/05/2014	05/5/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	13/4/2018	x	Anh B	x	x
193	Nguyễn Thị Thu	Trang		16/3/1988	Giáo viên Tin học	TH Trần Phú	15/12/2009	15/6/2010	27/3/2017	9 năm 8 tháng	2,86	V07.03.09	CĐ tin học	13/08/2009	Cao đẳng	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
194	Nguyễn Thị Minh	Hạnh		21/3/1983	Giáo viên Văn hóa	TH Trần Phú	01/4/2008	01/10/2008	27/3/2017	11 năm 4 tháng	3,06	V07.03.09	ĐH Giáo dục tiểu học	29/03/2010	x	Anh A2	x	x
195	Nguyễn Thanh	Huyền		08/7/1980	Giáo viên Văn hóa	TH Trần Phú	10/9/2007	10/3/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	3,26	V07.03.09	ĐH Giáo dục tiểu học	28/02/2012	x	Anh B	x	x
196	Nguyễn Thị	Xuân		10/12/1987	Giáo viên Văn hóa	TH Trần Phú	18/10/2012	18/4/2013	27/3/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V07.03.09	CĐSP giáo dục tiểu học	26/03/2010	x	Anh B	x	x
197	Đỗ Thị Minh	Phương		18/7/1983	Giáo viên Văn hóa	TH Trần Phú	01/9/2007	01/3/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V07.03.09	ĐH Giáo dục tiểu học	05/11/2009	x	Anh B	x	x
198	Nguyễn Thị	Loan		24/5/1976	Giáo viên Văn hóa	TH Trần Phú	10/9/2007	10/3/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	3,26	V07.03.09	ĐH Giáo dục tiểu học	21/04/2011	x	Anh B	x	x
199	Vũ Hoàng	Ngọc		16/7/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Trần Phú	15/10/2012	15/10/2012	11/4/2017	7 năm 4 tháng	2,46	V07.03.09	ĐH Giáo dục tiểu học	01/02/2016	x	Anh A2	x	x
200	Ngô Thị Thanh	Nhàn		08/9/1974	Giáo viên Văn hóa	TH Trần Phú	01/9/2007	01/3/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V07.03.09	CĐ ngành tiểu học	01/12/1999	x	Anh B	x	x
201	Trần Thị	Loan		24/01/1974	Giáo viên Văn hóa	TH Trần Phú	01/9/2007	01/3/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V07.03.09	ĐH Giáo dục tiểu học	10/07/2002	x	Anh A2	x	x
202	Đào Thị	Mai		12/11/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Trần Phú	01/10/2010	01/04/2011	27/3/2017	8 năm 10 tháng	2,66	V07.03.09	ĐH Giáo dục tiểu học	17/01/2017	x	Anh C	x	x
203	Dương Quang	Huy	03/04/1976		Giáo viên Tiếng Anh	TH Trần Phú	01/12/2009	01/12/2009	27/3/2017	10 năm 2 tháng	3,06	V07.03.09	ĐH ngành Tiếng anh	16/08/2001	x	Pháp C	x	x
204	Nguyễn Thị Vân	Anh		25/12/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Trần Phú	18/10/2012	18/4/2013	27/3/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V07.03.09	ĐH Giáo dục tiểu học	24/07/2015	x	Anh C	x	x
205	Đoàn Thị	Nga		23/11/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Trần Phú	01/11/2013	01/5/2014	21/04/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V07.03.09	ĐH Giáo dục tiểu học	12/12/2018	x	Anh A2	x	x
206	Vũ Thị Hằng			25/12/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Trần Quốc Toản	01/11/2013	01/05/2014	27/3/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH SPTH	20/10/2016	x	Anh B	x	x
207	Nguyễn Minh	Huệ		05/8/1970	Giáo viên Văn hóa	TH Vạn Phúc	10/9/1990	1/10/1992	27/03/2017	27 năm 4 tháng	4.06	V.07.03.09	ĐHSPGDTH	2004	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
208	Nguyễn Thị Bích	Thảo		31/5/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Vạn Phúc	29/12/2000	01/07/2001	27/03/2017	18 năm 7 tháng	3.66	V.07.03.09	ĐHSPGDTH	2007	x	Anh B	x	x
209	Nguyễn Hồng	Búp		15/11/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Vạn Phúc	01/10/2007	1/4/2008	27/03/2017	11 năm 10 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐHGDTH	2010	x	Anh B	x	x
210	Nguyễn Thị Phương	Dung		17/10/1981	Giáo viên Thể dục	TH Vạn Phúc	4/11/2011	1/5/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐGD Thể chất	2007	x	Anh B	x	x
211	Ngô Thị Hiếu	Thiện		25/10/1982	Giáo viên Tin học	TH Vạn Phúc	15/12/2009	15/6/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH kỹ sư công nghệ thông tin	2012	Đại học	Anh B	x	x
212	Đặng Thị Thùy	Vân		25/11/1977	Giáo viên Âm nhạc	TH Vạn Phúc	14/10/1999	20/4/2000	27/3/2017	19 năm 10 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	14/02/2008	x	Anh B	x	x
213	Đỗ Lan	Hương		26/12/1976	Giáo viên Tiếng Anh	TH Vạn Phúc	15/12/2009	15/12/2009	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH Tiếng Anh	02/2008	x	Pháp B	x	x
214	Nguyễn Minh	Thái	21/2/1985		Giáo viên Tổng phụ trách Đội	TH Vạn Phúc	1/10/2010	1/5/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	12/2010	x	Anh B	x	x
215	Lê Hồng	Sĩ	12/8/1974		Phó Hiệu trưởng	TH Vạn Phúc	7/9/2007	1/3/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3.46	V.07.03.09	ĐHSPGDTH	07/2015	x	Anh C	x	x
216	Đặng Thị	Lan		23/05/1983	Giáo viên Mỹ thuật	TH Văn Khê	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V07.03.09	ĐH SP Mĩ thuật	5/12/2010	x	Anh C	x	x
217	Đôn Thị	Xuân		02/04/1983	Giáo viên Mỹ thuật	TH Văn Khê	06/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ SP Mĩ thuật	27/6/2006	x	Anh C	x	x
218	Nguyễn Thị Anh	Đào		19/02/1975	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Khê	01/09/1994	01/03/1996	27/03/2017	23 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH SP Tiểu học	10/5/2007	x	Anh C	x	x
219	Nguyễn Thị	Chang		10/02/1989	Giáo viên Tin học	TH Văn Khê	10/10/2012	10/04/2013	27/03/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học Công nghệ Thông tin	20/7/2012	x	Anh C	x	x
220	Nguyễn Thị Ngọc	Lan		22/05/1975	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Khê	06/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học Sư phạm Tiểu học	1/6/2012	x	Anh C	x	x
221	Trần Thị	Thu		06/09/1973	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Khê	01/09/1994	01/09/1995	27/03/2017	24 năm 5 tháng	4,06	V.07.03.09	Cao đẳng Sư phạm Tiểu học	7/5/2009	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
222	Đồng Thị Thu	Hiền		23/07/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Khê	01/10/2014	01/10/2014	11/04/2017	5 năm 4 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học Sư phạm Tiểu học	17/10/2006	x	Anh C	x	x
223	Nguyễn Thị	Hiền		16/06/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Khê	03/10/2014	03/04/2015	27/03/2017	4 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	Cao đẳng Sư phạm Tiểu học	20/7/2011	x	Anh C	x	x
224	Phùng Thị	Hương		10/01/1991	Giáo viên Âm nhạc	TH Văn Khê	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH SP Âm Nhạc	26/06/2013	x	Anh C	x	x
225	Dư Thị Ngọc	Anh		14/12/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Yên	01/11/2013	1/05/2014	27/03/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	Cao đẳng giáo dục tiểu học	20/06/2013	x	Anh A2	x	x
226	Hoàng Thị Thanh	Giang		01/09/1978	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Yên	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học giáo dục tiểu học	10/10/2005	x	Anh B	x	x
227	Vân Thị	Hà		30/09/1978	Giáo viên Tiếng Anh	TH Văn Yên	15/12/2009	15/12/2009	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học tiếng anh	25/11/2002	x	Pháp C	x	x
228	Tạ Thị Thu	Hà		27/01/1980	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Yên	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	Cao đẳng tiểu học	20/08/2002	x	Anh B	x	x
229	Phạm Thị Thu	Hương		04/10/1978	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Yên	01/11/2012	01/11/2012	27/03/2017	7 năm 3 tháng	3,26	V.07.03.09	Đại học sư phạm giáo dục tiểu học	09/05/2005	x	Anh B	x	x
230	Phan Thị Thanh	Huyền		01/10/1986	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Yên	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học sư phạm giáo dục tiểu học	20/06/2011	x	Anh B	x	x
231	Lê Thị Thu	Hằng		11/01/1985	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Yên	01/10/2007	01/04/2008	27/03/2017	11 năm 10 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học sư phạm giáo dục tiểu học	25/06/2007	x	Anh B	x	x
232	Dương Thúy	Hồng		10/11/1981	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Yên	10/09/2014	10/09/2014	27/03/2017	5 năm 5 tháng	2,26	V.07.03.09	Cao đẳng sư phạm giáo dục tiểu học	11/03/2015	x	Anh B	x	x
233	Lê Thị	Hương		25/08/1975	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Yên	01/09/1996	03/1998	27/03/2017	21 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	Đại học sư phạm giáo dục tiểu học	09/05/2005	x	Anh C	x	x
234	Nguyễn Thị	Huyên		03/12/1984	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Yên	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học giáo dục tiểu học	03/12/2012	x	Anh C	x	x
235	Bùi Thị	Liên		22/04/1979	Giáo viên Thể dục	TH Văn Yên	01/01/2011	01/01/2011	27/03/2017	9 năm 1 tháng	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng giáo dục thể chất	20/08/2002	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
236	Nguyễn Thị Sao	Mai		29/06/1989	Giáo viên Mỹ thuật	TH Văn Yên	18/10/2012	18/04/2013	27/03/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học sư phạm mỹ thuật	28/1/2019	x	Anh B	x	x
237	Chu Thị Kim	Ngân		10/12/1989	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Yên	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	Cao đẳng giáo dục tiểu học	03/7/2012	x	Anh B	x	x
238	Nguyễn Thị	Oanh		23/09/1976	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Yên	01/09/2007	01/2/2008	27/03/2017	12 năm 0 tháng	3,46	V.07.03.09	Cao đẳng SP tiểu học	10/11/1997	x	Anh B	x	x
239	Trần Thị	Vân		09/07/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Yên	01/09/2008	01/12/2009	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học giáo dục tiểu học	15/12/2006	x	Anh B	x	x
240	Phạm Thị Thu	Thủy		25/06/1984	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Yên	01/01/2007	01/07/2007	27/03/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học giáo dục tiểu học	20/10/2016	x	Anh B	x	x
241	Dương Thị Kim	Yến		23/08/1976	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Yên	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	Cao đẳng tiểu học	10/11/1997	x	Anh B	x	x
242	Trần Mạnh	Tú	29/10/1969		Giáo viên Âm nhạc	TH Văn Yên	01/01/2005	01/07/2005	27/03/2017	14 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	Đại học sư phạm âm nhạc	21/04/2011	x	Anh B	x	x
243	Đỗ Thị Phương	Mai		10/10/1986	Giáo viên Mỹ thuật	TH Văn Yên	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học sư phạm mỹ thuật	13/7/2012	x	Anh B	x	x
244	Kiều Thị	Dung		29/7/1992	Giáo viên Văn hóa	TH Văn Yên	01/112012	01/05/2013	11/4/2017	6 năm 9 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP	24/07/2015	x	Anh B	x	x
245	Đinh Thị	Trâm		07/03/1994	Giáo viên Văn hóa	TH Yên Nghĩa	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP Giáo dục Tiểu học	02/10/2017	x	Anh A2	x	x
246	Nguyễn Thị	Thuyết		07/07/1985	Giáo viên Văn hóa	TH Yên Nghĩa	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP Giáo dục Tiểu học	25/10/2017	x	Anh A2	x	x
247	Nguyễn Thị	Hiền		23/07/1993	Giáo viên Văn hóa	TH Yên Nghĩa	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐSP Giáo dục Tiểu học	11/03/2015	x	Anh A2	x	x
248	Đoàn Thị	Hương		10/01/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Yên Nghĩa	01/09/2014	01/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP Giáo dục Tiểu học	26/08/2016	x	Anh A2	x	x
249	Khuất Thúy	Liễu		08/10/1991	Giáo viên Văn hóa	TH Yên Nghĩa	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐSP Giáo dục Tiểu học	25/06/2012	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
250	Hoàng Thị	Lan		30/05/1976	Giáo viên Văn hóa	TH Yết Kiêu	06/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH SP Mỹ thuật	13/07/2012	x	Anh C	x	x
251	Chu Thị	Thắm		26/12/1978	Giáo viên Văn hóa	TH Yết Kiêu	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ SP Hà Tây	30/08/2001	x	Anh C	x	x
252	Ngô Thanh	Mai		16/03/1984	Giáo viên Văn hóa	TH Yết Kiêu	15/12/2009	15/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ SP Tin học; ĐH Khoa học máy tính	20/07/2006	Đại học	Anh B	x	x
253	Nguyễn Thị Thu	Huyền		13/11/1980	Giáo viên Tiếng Anh	TH Yết Kiêu	15/12/2009	15/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ SP Tiếng Anh; ĐH Tiếng Anh	30/08/2001	x	Pháp C	x	x
254	Hoàng Minh	Chiến		07/11/1988	Giáo viên Văn hóa	TH Yết Kiêu	01/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	7 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH SP GD Tiểu học; Thạc sĩ KHGD	20/06/2011	x	Anh B1	x	x
255	Mai Thị Thu	Hương		28/10/1983	Giáo viên Văn hóa	TH Yết Kiêu	15/10/2012	15/04/2013	11/04/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ SP Tiểu học	20/07/2006	x	Anh B	x	x
256	Đặng Thị Thanh	Thúy		08/09/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Yết Kiêu	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ SP Hà Tây; ĐH SP Giáo dục Tiểu học;	01/12/1999	x	Anh C	x	x

Danh sách này gồm có: 256 người.

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND QUẬN BẮC TỪ LIÊM CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
1	Trần Ngọc	Chính	26/6/1977		Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2A	01/8/2008	01/8/2008	21/4/2017	11 năm 07 tháng	3,46	V07.03.09	ĐH	12/2007	X	C	X	X
2	Bùi Thị	Dịu		15/7/1979	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2A	01/10/2012	01/10/2012	21/4/2017	07 năm 05 tháng	2,66	V07.03.09	ĐH	05/9/2001	X	B (Pháp)	X	X
3	Nguyễn Thùy	Dương		06/12/1991	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2A	15/9/2014	15/3/2015	21/4/2017	5 năm	2,26	V07.03.09	ĐH	5/2015	X	A2	X	X
4	Đoàn Thị Bích	Đào		23/6/1971	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2A	01/8/2008	01/8/2008	21/4/2017	11 năm 07 tháng	3,66	V07.03.09	ĐH	18/3/2009	X	C	X	X
5	Nguyễn Thị Tuyết	Hằng		21/9/1981	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2A	01/12/2009	01/6/2010	21/4/2017	09 năm 08 tháng	2,66	V07.03.09	CĐ	04/4/2006	B, CĐ	C	X	X
6	Nguyễn Thị	Hồng		08/9/1992	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2A	15/9/2014	15/3/2015	21/4/2017	5 năm	2,26	V07.03.09	ĐH, CĐ	8/2019, 6/2013	X	C	X	X
7	Hoàng Thị	Hòa		28/01/1983	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2A	01/8/2008	01/02/2009	21/4/2017	11 năm 01 tháng	2.86	V07.03.09	ĐH	6/2011	X	B1	X	X
8	Chu Thị Thu	Hiền		11/3/1977	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2A	01/12/2009	01/12/2009	21/4/2017	10 năm 03 tháng	3,46	V07.03.09	ĐH	12/2007	X	C	X	X
9	Nguyễn Thị Thu	Huyền		03/10/1973	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2A	01/12/2009	01/12/2009	21/4/2017	10 năm 03 tháng	3,46	V07.03.09	ĐH	11/2007	X	B2	X	X
10	Nguyễn Thị Bích	Mai		02/01/1977	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2A	31/8/1996	10/3/1998	21/4/2017	11 năm 11 tháng	4,06	V07.03.09	ĐH	11/2015	X	B	X	X
11	Phạm Thị Kim	Lân		22/10/1977	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2A	01/12/2009	01/12/2009	21/4/2017	10 năm 03 tháng	3,46	V07.03.09	ĐH	7/2000	X	C	X	X
12	Nguyễn Thị Mai	Loan		25/9/1977	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2A	01/8/2008	01/02/2009	21/4/2017	11 năm 01 tháng	2,86	V07.03.09	CĐ	6/1999	X	C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
13	Lê Thị Minh	Nguyệt		17/01/1981	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2A	02/12/2009	01/6/2010	21/4/2017	09 năm 08 tháng	2,66	GV	ĐH	02/2016	X	B	X	X
14	Ngô Thị	Phượng		25/6/1974	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2A	01/10/1996	01/10/1996	21/4/2017	23 năm 04 tháng	4,06	V07.03.09	ĐH	4/1996	X	B (Pháp)	X	X
15	Vũ Thị	Khuyên		28/11/1967	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	01/09/1990	01/09/1991	21/4/2017	29 năm 5 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐHSP	3/2008	X	B	X	X
16	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết		02/07/1981	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	01/09/2007	01/03/2008	21/4/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	10/2006	X	B	X	X
17	Bùi Thị Kim	Chung		02/01/1982	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	01/08/2008	01/02/2009	21/4/2017	11 năm 01 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	9/2005	X	B	X	X
18	Nguyễn Thị	Thanh		09/01/1979	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	01/08/2008	01/02/2009	21/4/2017	11 năm 01 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	8/2016	X	A2	X	X
19	Hoàng Thị	Thanh		14/07/1973	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	01/12/2009	01/06/2010	21/4/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	8/2014	X	B	X	X
20	Lê Thị Thanh	Dung		07/10/1986	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	01/12/2009	01/06/2010	21/4/2017	9 năm 9 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	3/2014	X	B	X	X
21	Đặng Thị Kim	Hoa		08/09/1987	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	01/12/2009	01/06/2010	21/4/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	5//2015	ĐH	B	X	X
22	Nguyễn Huy	Giao	02/10/1981		Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	01/01/2007	01/7/2007	21/4/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ThS, ĐHSP	5/2016, 6/2013	X	B1	X	X
23	Phan Thị Thanh	Đức		16/01/1981	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	01/11/2010	01/11/2010	21/4/2017	9 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHKHTN	8/2005	ĐH	B	X	X
24	Nguyễn Thị	Hằng		02/07/1980	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	01/10/2012	01/04/2013	21/4/2017	6 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP	9/2006	X	B	X	X
25	Nguyễn Thị Kim	Tuyến		09/09/1987	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	01/12/2009	01/06/2010	21/4/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	5/2013	X	B	X	X
26	Nguyễn Thị	Hân		23/11/1989	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	15/09/2014	15/03/2015	21/4/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	ĐHSP	5/2012	X	B	X	X
27	Trần Thị	Thương		10/05/1980	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	15/09/2014	15/03/2015	21/4/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	ĐHSP	6/2012	X	B1	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức hưởng hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đã tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đã tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
28	Nguyễn Văn	Nam	23/09/1985		Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	15/09/2014	15/03/2015	21/4/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	ThS GDTH	7/2012	X	B	X	X
29	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		12/05/1985	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	15/09/2014	15/03/2015	21/4/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	ĐHSP	2/2014	X	ĐH	X	X
30	Nguyễn Thị	Mai		18/07/1987	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	15/09/2014	15/03/2015	21/4/2017	5 năm	2.06	V.07.03.09	ĐHSP	6/2010	X	B	X	X
31	Nguyễn Thị Hà	Phương		03/03/1989	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	15/09/2014	15/03/2015	21/4/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	ĐHSP	2/2014	X	B	X	X
32	Nguyễn Thị	Thúy		03/11/1991	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	15/09/2014	15/03/2015	21/4/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	ĐHSP	6/2013	X	B	X	X
33	Nguyễn Thị	Tươi		11/05/1993	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	15/09/2014	15/03/2015	21/4/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	CĐSP	6/2014	X	B	X	X
34	Nguyễn Thị	Trang		16/08/1988	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	01/01/2016	01/07/2016	21/4/2017	3 năm 8 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐHSP	11/2016	X	B	X	X
35	Hoàng Thu	Hương		07/06/1993	Giáo viên	TH Cổ Nhuế 2B	01/01/2016	01/07/2016	21/4/2017	3 năm 8 tháng	2.06	V.07.03.09	CĐSP	5/2016	X	B	X	X
36	Nguyễn Thị	Thảo		26/4/1975	Phó HT	TH Đông Ngạc A	1/12/2009	1/12/2009	21/4/2017	10 năm 3 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐHSP	12/2006	X	CĐ, B1	X	X
37	Hồ Thị	Hường		22/10/1976	Phó HT	TH Đông Ngạc A	1/4/1999	1/10/1999	21/4/2017	20 năm 5 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐHSP	8/2012	X	C Pháp	X	X
38	Đỗ Thị	Nhung		08/11/1979	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/1/2016	1/1/2016	1/1/2016	4 năm 2 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐSP	02/2017	X	ĐH	X	X
39	Trịnh Ngọc	Anh		13/08/1993	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	15/9/2014	15/3/2015	21/4/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	ĐHSP	5/2018	X	C	X	X
40	Nguyễn Thị Thanh	Bình		01/04/1981	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/12/2009	1/6/2010	21/4/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	6/2011	X	B	X	X
41	Nguyễn Thị	Bích		14/3/1982	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/8/2008	1/2/2009	21/4/2017	11 năm 1 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	7/2009	X	B	X	X
42	Nguyễn Thị Hoàng	Ánh		02/04/1994	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/1/2016	1/7/2016	1/7/2016	3 năm 7 tháng	2,06	V.07.03.09	ĐHSP	02/2019	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm/ số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
43	Lê Thị Thu	Hằng		28/4/1979	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/11/2010	1/11/2011	21/4/2017	8 năm 4 tháng	3,46	V.07.03.09	CĐSP	6/2001	X	TOFFITP	X	X
44	Phạm Tâm	Bình		14/6/1981	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/10/2012	1/4/2013	21/4/2017	6 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐSP	10/2002	X	B1	X	X
45	Nguyễn Thị	Thu		1/9/1992	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	15/9/2014	15/3/2015	21/4/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	ĐHSP	2/2019	X	C	X	X
46	Phạm Lê	Linh	15/6/1986		Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/10/2012	1/4/2013	21/4/2017	6 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP	2/6/2011	X	B1	X	X
47	Nguyễn Thị Thanh	Hoa		20/4/1988	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/11/2011	1/5/2012	21/4/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP	11/2016	X	B	X	X
48	Hoàng Thị	Vân		22/8/1987	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/11/2011	1/5/2012	21/4/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP	5/2015	X	C	X	X
49	Nguyễn Thị	Thương		16/1/1990	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	15/9/2014	15/9/2014	21/4/2017	5 năm 6 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP	5/2015	X	C	X	X
50	Nguyễn Thị Thu	Trang		12/8/1977	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/8/2008	1/2/2009	21/4/2017	11 năm 1 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	7/2000	X	CCC	X	X
51	Lê Thị	Hiệp		9/9/1989	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/11/2010	1/5/2011	21/4/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	8/2015	X	A2	X	X
52	Phạm Thị Ánh	Nguyệt		26/7/1987	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/12/2009	1/6/2010	21/4/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	9/6/2009	X	C	X	X
53	Lý Phú	Xuân		19/2/1977	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/1/2016	1/7/2016	1/7/2016	3 năm 7 tháng	2,06	V.07.03.09	ĐHSP	12/2004	X	TOFFLTP	X	X
54	Nguyễn Thị Huyền	Châu		22/7/1979	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/12/2009	1/6/2010	21/4/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	7/2001	X	TOFFLTP	X	X
55	Vương Thị	Thìn		1/2/1976	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/11/2010	1/5/2011	21/4/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	5/2015	X	TOFFLTP	X	X
56	Đỗ Thị Thúy	Dương		8/8/1979	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/7/2007	1/7/2007	21/4/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	5/9/2006	X	TOFFLTP	X	X
57	Nguyễn Thị Thu	Hòa		26/4/1988	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/11/2011	1/11/2011	21/4/2017	8 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	5/2015	X	C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*22*
58	Ngô Thị	Quý		26/9/1984	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/12/2009	1/6/2010	21/4/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐSP	6/2005	CĐ tin	B1	X	X
59	Văn Thị Thanh	Huyền		2/10/1984	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/1/2007	1/7/2007	21/4/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP	6/2005	X	B	X	X
60	Vũ Thị Kim	Ngân		26/8/1978	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/1/2007	1/7/2007	21/4/2017	12 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP	12/2001	X	B	X	X
61	Nguyễn Kim	Oanh		25/6/1980	Giáo viên	TH Đông Ngạc A	1/8/2008	1/2/2009	21/4/2017	11 năm 1 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐSP	6/8/2003	X	B	X	X
62	Nguyễn Thị Phương	Thảo		25/06/1980	Giáo viên	TH Đông Ngạc B	01/01/2007	01/01/2007	21/04/2017	13 năm 2 tháng	3,06	V07.03.09	ĐH	09/2005	X	A2	X	X
63	Nguyễn Thị	Hà		05/12/1977	Giáo viên	TH Đông Ngạc B	31/08/2007	01/03/2008	21/04/2017	12 năm	2,86	V07.03.09	ĐH	07/1999	X	A2	X	X
64	Trần Thị Bích	Ngân		14/02/1979	Giáo viên	TH Đông Ngạc B	01/01/2007	01/01/2007	21/04/2017	13 năm 2 tháng	3,06	V07.03.09	CĐ	08/2003	X	A2	X	X
65	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		21/06/1980	Giáo viên	TH Đông Ngạc B	01/01/2007	01/01/2007	21/04/2017	13 năm 2 tháng	3,06	V07.03.09	ĐH	10/2007	X	A2	X	X
66	Phạm Thanh	Hải		29/03/1980	Giáo viên	TH Đông Ngạc B	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11 năm 1 tháng	2,86	V07.03.09	CĐ	10/2001	X	A2	X	X
67	Nguyễn Thị	Thảo		28/1/1981	Giáo viên	TH Đông Ngạc B	01/11/2010	01/05/2011	21/04/2017	8 năm 10 tháng	2,66	V07.03.09	ĐH	11/2009	X	A2	X	X
68	Nguyễn Thị	Hà		21/5/1983	Giáo viên	TH Đông Ngạc B	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V07.03.09	ĐH	06/2004	X	A2	X	X
69	Ngô Thị Thu	Giang		30/06/1991	Giáo viên	TH Đông Ngạc B	15/09/2014	15/09/2014	21/04/2017	5 năm 6 tháng	2,46	V07.03.09	ĐH	02/2016	X	A2	X	X
70	Vũ Thị Mai	Phương		31/08/1974	Giáo viên	TH Đông Ngạc B	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11 năm 7 tháng	3,46	V07.03.09	ĐH	05/2013	X	A2	X	X
71	Lê Thị Hải	Vân		21/08/1985	Phó HT	TH Minh Khai A	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11 năm 01 tháng	2,86	V.07.03.09	Thạc sĩ	04/2011	X	C	X	X
72	Vương Thị	Thanh		19/07/1977	Giáo viên	TH Minh Khai A	01/12/2009	01/12/2009	21/04/2017	10 năm 03 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH	12/2006	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
73	Nguyễn Văn	Phúc	01/12/1984		Giáo viên giáo dục thể chất	TH Minh Khai A	01/11/2010	01/5/2011	21/04/2017	8 năm 09 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	12/2011	X	A2	X	X
74	Lê Thị	Hồng		26/04/1977	Giáo viên	TH Minh Khai A	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11 năm 7 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐH	05/2001	X	B	X	X
75	Dương Thị	Thêu		30/09/1981	Giáo viên	TH Minh Khai A	01/11/2010	01/05/2011	21/04/2017	8 năm 10 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	05/2007	X	B	X	X
76	Lê Thị	Thái		05/05/1980	Hiệu trưởng	TH Hồ Tùng Mậu	01/1/2007	01/1/2007	21/4/2017	13 năm 2 tháng	3,06	V.07.03.09	Thạc sĩ	01/2016	X	B1	X	X
77	Nguyễn Thị Hoài	Thu		29/03/1978	Giáo viên	TH Hồ Tùng Mậu	01/12/2009	01/12/2009	21/4/2017	10 năm 03 tháng	3.46	V.07.03.09	Đại học	08/2008	X	C	X	X
78	Phạm Thị Hồng	Hạnh		23/02/1982	Giáo viên	TH Hồ Tùng Mậu	01/01/2007	01/01/2007	21/4/2017	13 năm 2 tháng	3.06	V.07.03.09	CĐ, Đại học	6/2005, 05/2019	X	B	X	X
79	Vũ Như	Quỳnh		07/9/1979	Giáo viên	TH Hồ Tùng Mậu	01/08/2008	01/08/2008	21/4/2017	11 năm 7 tháng	3.46	V.07.03.09	Đại học	11/2009	X	B	X	X
80	Đặng Thị Diệu	Linh		12/11/1985	Giáo viên	TH Hồ Tùng Mậu	15/09/2014	15/3/2015	15/3/2015	5 năm	2.26	V.07.03.09	Đại học	06/2008	X	B	X	X
81	Đào Thị Hoài	Thu		12/09/1986	Giáo viên	TH Hồ Tùng Mậu	01/10/2012	01/04/2013	21/4/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	Đại học	06/2008	X	B	X	X
82	Lê Thị Thanh	Thúy		24/01/1986	Giáo viên	TH Hồ Tùng Mậu	01/07/2008	01/01/2009	21/4/2017	11 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	04/2012	ĐH	B	X	X
83	Vũ Văn	Hiền	29/06/1974		Giáo viên	TH Hồ Tùng Mậu	01/11/2000	05/10/2001	21/4/2017	18 năm 5 tháng	3,86	V.07.03.09	Đại học	3/2011	X	C	X	X
84	Nguyễn Thị	Thanh		03/11/ 1982	Giáo viên	TH Liên Mạc	01/12/2009	01/6/2010	21/4/2017	09 năm 08 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	11/2009	ĐH	B1	X	X
85	Nguyễn Quý	Dương	02/07/1988		Giáo viên	TH Liên Mạc	01/11/2010	01/5/2011	21/04/2017	8 năm 10 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	06/2013	X	C	X	X
86	Nguyễn Thị	Liên		31/8/1977	Giáo viên	TH Phúc Diễn	01/08/2008	01/08/2008	21/4/2017	11 năm 7 tháng	3.46	V07.03.09	ĐHSP	02/2014	X	A2	X	X
87	Nguyễn Thị Thanh	Hương		06/11/1970	Giáo viên	TH Phúc Diễn	16/9/1990	16/3/1991	21/4/2017	28 năm 10 tháng	4,06	V07.03.09	CĐSP	01/2008	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
88	Nguyễn Thanh	Hằng		17/02/1993	Giáo viên	TH Phúc Diễn	15/9/2014	15/03/2015	21/4/2017	5 năm	2.26	V07.03.09	ĐHSP	10/2017	X	A2	X	X
89	Trần Phương	Anh		01/11/1991	Giáo viên	TH Phúc Diễn	15/9/2014	15/03/2015	21/4/2017	5 năm	2.26	V07.03.09	ĐHSP	02/2016	X	B	X	X
90	Phạm Thị	Linh		24/5/1988	Giáo viên	TH Phúc Diễn	1/11/2011	1/5/2012	21/4/2017	7 năm 10 tháng	2.46	V07.03.09	ĐHSP	05/2011	X	B	X	X
91	Vương Thị Thúy	Nhung		15/12/1976	Giáo viên	TH Phúc Diễn	01/08/2008	01/08/2008	21/4/2017	11 năm 7 tháng	3.46	V07.03.09	ĐHSPNN	01/2001	X	ĐH	X	X
92	Nguyễn Thị	Ngà		23/11/1978	Giáo viên	TH Phúc Diễn	01/08/2008	01/08/2008	01/8/2008	11 năm 7 tháng	3.26	V07.03.09	ĐHSP	7/2006	X	C	X	X
93	Phạm Thị	Nhàn		19/11/1987	Giáo viên	TH Phúc Diễn	1/11/2010	1/5/2011	1/5/2011	8 năm 9 tháng	2.46	V07.03.09	ĐHSP	12/2013	X	C	X	X
94	Nguyễn Thị	Liên		14/4/1989	Giáo viên	TH Phúc Diễn	1/8/2012	1/04/2013	21/4/2017	7 năm 10 tháng	2.26	V07.03.09	ĐHTDTTHN	06/2013	X	A2	X	X
95	Lê Thị	Thuỷ		28/4/1980	Giáo viên	TH Phúc Diễn	01/8/2008	01/8/2008	21/4/2017	11 năm 07 tháng	2.86	V07.03.09	ĐHSP	9/2018	X	B	X	X
96	Hoàng Thị Kim	Dung		29/7/1990	Giáo viên	TH Phúc Diễn	9/15/2014	15/03/2015	21/4/2017	5 năm	2.26	V07.03.09	ĐHSPTD	7/2012	X	C	X	X
97	Nguyễn Thị	Nhung		12/1/1982	Giáo viên	TH Phúc Diễn	9/15/2014	15/03/2015	21/4/2017	5 năm	2.26	V07.03.09	ĐHSPAN	7/2015	X	B	X	X
98	Nguyễn Thị	Huế		20/01/1977	Giáo viên	TH Tây Tựu A	01/03/2002	01/08/2008	21/4/2017	11 năm 7 tháng	3.46	V07.03.09	ĐH	01/2006	X	B	X	X
99	Lê Thị	Gấm		23/05/1975	Giáo viên	TH Tây Tựu A	01/01/2007	01/07/2007	21/4/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V07.03.09	ĐH	04/1997	X	B	X	X
100	Vũ Thị	Thiết		13/10/1988	Giáo viên	TH Tây Tựu A	01/11/2011	01/5/2012	21/4/2017	7 năm 10 tháng	2.46	V07.03.09	ĐH	5/2015	X	B	X	X
101	Nguyễn Thị ngân	Anh		02/01/1992	Giáo viên	TH Tây Tựu A	01/10/2012	01/04/2013	21/4/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V07.03.09	ĐH	05/2015	X	B	X	X
102	Lương Thị	Liên		10/07/1990	Giáo viên	TH Tây Tựu A	01/01/2011	01/07/2011	21/4/2017	8 năm 8 tháng	2.66	V07.03.09	ĐH	10/2017	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
103	Nguyễn Thị Thúy	Hằng		09/3/1981	Giáo viên	TH Tây Tựu A	01/08/2008	01/02/2009	21/4/2017	11 năm 01 tháng	2.86	V07.03.09	CĐ	08/2003	X	B	X	X
104	Nguyễn Tiến	Đạt	25/3/1994		Giáo viên	TH Tây Tựu A	01/06/2016	01/07/2016	21/4/2017	3 năm 8 tháng	2.06	V07.03.09	CĐ	6/2017	X	B	X	X
105	Hoàng Thị	Bình		05/2/1991	Giáo viên	TH Tây Tựu A	15/09/2014	15/3/2015	21/4/2017	5 năm	2.26	V07.03.09	ĐH	7/2017	X	B	X	X
106	Hoàng Thị	Liên		07/10/1989	Giáo viên	TH Tây Tựu A	01/10/2012	01/04/2013	21/4/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V07.03.09	ĐH	02/2012	X	A2 (Trung)	X	X
107	Nguyễn Thị	Phương		27/2/1991	Giáo viên	TH Tây Tựu A	15/09/2014	15/3/2015	21/4/2017	5 năm	2.26	V07.03.09	ĐH	04/2015	X	B	X	X
108	Nguyễn Thị	Hiền		15/10/1990	Giáo viên TD	TH Tây Tựu B	01/10/2012	01/4/2013	21/04/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V07.03.09	ĐH GDTC	12/2014	X	B	X	X
109	Vũ Thị Tuyết	Minh		30/01/1983	Giáo viên Tin	TH Tây Tựu B	01/10/2012	01/4/2013	21/04/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V07.03.09	ĐH khoa học máy tính	11/2010	ĐH	B	X	X
110	Kim Thị Thanh	Tâm		02/5/1988	Giáo viên	TH Tây Tựu B	15/9/2014	15/3/2015	21/04/2017	5 năm	2.26	V07.03.09	CĐSP	02/2017	X	A2	X	X
111	Đặng Thị	Hằng		26/04/88	Giáo viên	TH Tây Tựu B	01/11/2010	01/05/2011	21/04/2017	8 năm 10 tháng	2.66	V07.03.09	ĐHSP	08/2015	X	B	X	X
112	Trần Thị Hồng	Nga		16/6/1990	GV TA	TH Tây Tựu B	01/10/2012	01/4/2013	21/04/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V07.03.09	CĐSP TA	4/2012	X	B2	X	X
113	Nguyễn Thị Kim	Cúc		04/4/1985	GV mỹ thuật	TH Tây Tựu B	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11 năm 01 tháng	2.86	V07.03.09	CĐSP	09/2007	X	B	X	X
114	Nguyễn Thị	Anh		20/11/1992	Giáo viên	TH Tây Tựu B	15/09/2014	15/03/2015	21/04/2017	5 năm	2.26	V07.03.09	CĐSP	06/2013	X	B	X	X
115	Bùi Thị	Huyền		16/10/1993	Giáo viên	TH Tây Tựu B	15/09/2014	15/09/2014	21/04/2017	5 năm 6 tháng	2.46	V07.03.09	CĐSP	3/2015	X	B	X	X
116	Hoàng Thị	Lan		05/7/1972	Giáo viên	TH Tây Tựu B	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	12 năm 3 tháng	3.66	V07.03.09	CĐSP	08/2003	X	B	X	X
117	Nguyễn Thị	Hoa		18/11/1989	Giáo viên	TH Tây Tựu B	01/10/2012	01/05/2012	21/04/2017	7 năm 9 tháng	2.46	V07.03.09	ĐHSP	02/2019	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTDG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
118	Đoàn Thị	Hà		02/01/1981	Giáo viên	TH Thượng Cát	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	11/2009	X	B	X	X
119	Nguyễn Thị Thu	Trang		18/ 01/1990	Giáo viên	TH Thượng Cát	01/10/2012	01/04/2013	21/04/2017	6 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	05/2015	X	B	X	X
120	Trần Thị	Tình		12/01/1983	Giáo viên	TH Thượng Cát	31/08/2007	01/03/2008	21/04/2017	12 năm	2.86	V.07.03.09	ĐH	06/2007	X	B	X	X
121	Nguyễn Thúy	Hằng		28/03/1991	Giáo viên	TH Thượng Cát	01/11/2011	01/05/2012	01/01/2016	7 năm 9 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH	08/2015	X	B	X	X
122	Nguyễn Thị Thúy	Hường		03/12/1980	Giáo viên	TH Thượng Cát	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	05/2015	X	B	X	X
123	Lê Thị	Hạnh		18/08/1984	Giáo viên	TH Thượng Cát	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	03/2009	X	B	X	X
124	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		19/01/1986	Giáo viên	TH Thượng Cát	01/8/2008	01/2/2009	21/04/2017	11 năm 1 tháng	2,86	V.07.03.09	DH	03/2011	X	C	X	X
125	Nguyễn Thu	Thúy		30/03/1989	Giáo viên	TH Thượng Cát	01/01/2011	01/05/2012	21/04/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	06/2012	X	B	X	X
126	Vũ Thị	Nhung		07/04/1983	Giáo viên	TH Thượng Cát	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11 năm 1 tháng	2,86	V.03.07.09	ĐH	03/2009	X	B	X	X
127	Lương Thị	Liên		28/101978	Giáo viên	TH Thượng Cát	01/08/2008	01/08/2008	01/10/2017	11 năm 7 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH	07/2000	X	B	X	X
128	Lò Thị	Huyền		26/10/1990	Giáo viên	TH Thượng Cát	01/102010	01/03/2011	21/04/2017	9 năm	2.66	V.07.03.09	ĐH	06/2018	X	B	X	X
129	Vũ Thị Ngọc	Hải		27/4/1983	Giáo viên	TH Thượng Cát	29/12/2009	1/6/2010	21/04/2017	9 năm 9 tháng	2,46	V.03.07.09	ĐH	06/2011	X	A2	X	X
130	Vũ Thị Kim	Thúy		22/12/1979	Giáo viên	TH Thượng Cát	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11 năm 1 tháng	2,86	V.03.07.09	ĐH	03/2009	X	B	X	X
131	Ngô Thị	Minh		25/01/1980	Giáo viên	TH Thượng Cát	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	12/2010	X	B	X	X
132	Nguyễn Thị	Quy		14/07/1978	Giáo viên	TH Thượng Cát	01/11/2010	01/10/2012	21/04/2017	7 năm 5 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐ	11/2004	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
133	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết		02/12/1978	Giáo viên	TH Thượng Cát	1/12/2009	1/6/2010	21/04/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	06/2008	ĐH	B	X	X
134	Đỗ Minh	Trang		23/06/1981	P.Hiệu trưởng	TH Thụy Phương	01/01/ 2007	01/07/ 2007	21/04/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	Th.sĩ	03/ 2009	X	B1	X	X
135	Phan Công	Dũng	06/01/1980		GV Âm nhạc	TH Thụy Phương	01/08/ 2008	01/02/2009	21/04/2017	11 năm 01 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	03/ 2009	X	B	X	X
136	Nguyễn Thị Phương	Lan		05/05/1986	GV Thể dục	TH Thụy Phương	01/11/ 2010	01/05/2011	21/04/2017	8 năm 10 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐ	07/ 2008	X	A2	X	X
137	Lê Thị	Hoa		01/03/1993	Giáo viên	TH Thụy Phương	15/07/2013	15/09/2014	21/04/2017	5 năm 6 tháng	2.26	V.07.03.09	CĐ	03/ 2015	X	C	X	X
138	Cao Thị Bích	Diệu		20/11/1992	Giáo viên	TH Thụy Phương	15/09/2014	15/02/2015	21/04/2017	5 năm 1 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH	02/ 2016	X	B1	X	X
139	Nguyễn Thị Nguyệt	Thu		15/08/1988	Giáo viên	TH Thụy Phương	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7 năm 11 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐ	02/ 2011	X	C	X	X
140	Đỗ Thị	Thủy		05/08/1987	Giáo viên	TH Thụy Phương	01/01/2016	01/07/2016	01/01/ 2016	3 năm 8 tháng	2.06	V.07.03.09	CĐ	06/ 2013	X	B	X	X
141	Vương Thủy	Kiều		20/07/1985	Giáo viên	TH Thụy Phương	15/09/2014	13/05/2015	21/04/2017	6 năm 7 tháng	2.26	V.07.03.09	CĐ, ĐH	12/2018, 3/2019	X	A2	X	X
142	Nguyễn Thị	Ngà		09/03/1981	Giáo viên	TH Xuân Đỉnh	02/10/2008	24/12/2009	21/04/2017	10 năm 2 tháng	2.66	V.07.03.09	Đại học	8/2008	X	B	X	X
143	Đặng Thị Thu	Vân		08/04/1992	Giáo viên	TH Xuân Đỉnh	16/09/2014	15/10/2014	21/04/2017	5 năm 4 tháng	2.26	V.07.03.09	Đại học	8/2017	X	A2	X	X
144	Nguyễn Thị Thanh	Xim		24/11/1973	Giáo viên	TH Xuân Đỉnh	01/8/2008	01/2/2009	21/04/2017	11 năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	6/2011	X	Cao đẳng	X	X
145	Ngô Thị Thanh	Huyền		22/12/1993	Giáo viên	TH Xuân Đỉnh	01/01/2016	01/01/2016	01/07/2016	4 năm 2 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học	05/06/2015	X	C	X	X
146	Đỗ Thị Thanh	Minh		09/06/1979	Giáo viên	TH Xuân Đỉnh	01/11/2010	01/05/2011	21/04/2017	8 năm 10 tháng	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	10/2001	X	A2	X	X
147	Nguyễn Thị Thu	Hằng		07/12/1978	TTCP - Giáo viên	TH Xuân Đỉnh	01/11/2010	01/05/2011	21/04/2017	8 năm 10 tháng	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	07/2002	X	Bậc 3	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
148	Đỗ Thị Thu	Huyền		23/07/1978	TTCP - Giáo viên	TH Xuân Đỉnh	05/09/2010	01/03/2011	21/04/2017	9 năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	07/2000	X	A2	X	X
149	Ngô Thị	Nhung		23/01/1988	Giáo viên	TH Xuân Đỉnh	30/12/2015	01/01/2016	01/01/2016	4 năm 2 tháng	2.26	V.07.03.09	Đại học	8/2016	X	A2	X	X
150	Phạm Thanh	Hải	26/03/1991		Giáo viên	TH Xuân Đỉnh	01/01/2016	01/01/2016	01/07/2016	4 năm 2 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học	05/2014	X	B	X	X
151	Lê Thị Hương	Lan		05/08/1982	Giáo viên	TH Xuân Đỉnh	15/09/2014	15/03/2015	21/04/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	Đại học	12/2011	X	A2	X	X
152	Ngô Bích	Liên		09/9/1982	Giáo viên	TH Đức Thắng	11/1/2010	01/05/2011	21/04/2017	8 năm 10 tháng	2,66	V.07.0.09	Đại học	7/2010	X	A2	X	X
153	Phạm Thị	Hà		04/11/1984	Phó Hiệu trưởng	TH Phú Diễn	01/8/2008	01/02/2009	21/4/2017	11 năm 01 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	6/2001	X	B	X	X
154	Lê Khánh	Dung		23/6/1980	Giáo viên	TH Phú Diễn	01/11/2010	01/5/2011	21/4/2017	8 năm 09 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	07/2003	X	B	X	X
155	Trịnh Thu	Huyền		23/11/1986	Giáo viên	TH Phú Diễn	01/12/2009	01/06/2010	21/4/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	5/2013	X	B	X	X
156	Nguyễn Minh	Thúy		11/11/1992	Giáo viên	TH Phú Diễn	15/7/2013	01/01/2016	21/4/2017	4 năm 2 tháng	2,26	V.07.03.09	Đại học	02/2016	X	B	X	X
157	Nguyễn Bích	Ngọc		17/12/1988	Giáo viên	TH Phú Diễn	01/10/2012	01/4/2013	21/4/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học	05/2015	X	B	X	X
158	Phí Mai	Hương		02/02/1980	Giáo viên	TH Phú Diễn	01/8/2008	01/2/2009	21/4/2017	11 năm 1 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	03/2014	X	B	X	X
159	Bùi Thị	Nụ		12/8/1986	Giáo viên	TH Phú Diễn	16/9/2014	15/10/2014	21/4/2017	5 năm 4 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học	02/2019	X	B	X	X

Danh sách này gồm có: 159 người.

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND QUẬN NAM TỪ LIÊM CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
1	Nguyễn Thị Thu	Hương		31/07/1979	GVTH	TH Đại Mỗ	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11 năm 01tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học	10/2004	x	Đại học	x	x
2	Nguyễn Thị Ngọc	Dung		08/10/1976	GVTH	TH Đại Mỗ	01/12/2009	01/06/2010	12/04/2017	09 năm 09tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học	07/1999	x	A2	x	x
3	Nguyễn Thị	Thuận		08/01/1981	GVTH	TH Đại Mỗ	01/12/2009	01/06/2010	12/04/2017	09 năm 09tháng	2.66	V.07.03.09	Đại học	12/2016	x	B	x	x
4	Lê Ngọc	Như		13/03/1990	GVTH	TH Đại Mỗ	01/11/2011	01/05/2012	12/04/2017	07 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	Đại học	06/2014	x	B	x	x
5	Đặng Thị Hồng	Hà		24/10/1978	GVTH	TH Đại Mỗ	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11 năm 01tháng	2.86	V.07.03.09	Đại học	10/1999	x	B	x	x
6	Lã Thị	Lý		19/09/1977	GVTH	TH Đại Mỗ	01/11/2001	01/08/2008	12/04/2017	11 năm 07tháng	3.66	V.07.03.09	Đại học	07/1999	x	B	x	x
7	Trần Thị	Dung		03/01/1977	GVTH	TH Đại Mỗ	01/8/2008	01/08/2008	12/04/2017	11 năm 07tháng	3.46	V.07.03.09	Đại học	11/2009	x	B	x	x
8	Phạm Ngọc	Quỳnh		23/06/1976	Phó hiệu trưởng	TH Phú Đô	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	13N2T	3.06	V07.03.09	ĐHSP	12/2007	x	B	x	x
9	Nguyễn Thị	Nhung		07/12/1980	Giáo viên TH	TH Phú Đô	01/12/2009	01/06/2010	12/04/2017	9N9T	2.66	V07.03.09	ĐHSP	9/2005	x	Anh B	x	x
10	Phạm Thị Thanh	Tâm		20/3/1988	Giáo viên TH	TH Phú Đô	01/12/2011	01/10/2012	12/04/2017	8N3T	2.46	V07.03.09	CĐSP	8/2009	x	A2	x	x
11	Đặng Thị	Phượng		05/02/1978	Giáo viên	TH Mễ Trì	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11 năm 6 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP - GDTH	3/2007	x	B1	x	x
12	Lê Thị	Bích		21/02/1984	Giáo viên	TH Mễ Trì	01/11/2011	01/05/2012	12/04/2017	8 năm 4 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP - GDTH	8/2015	x	Anh B	x	x
13	Nguyễn Hải	Đăng	21/07/1979		Phó HT	TH Mỹ Đình 1	01/12/2009	01/06/2010	12/04/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP	8/2014	x	TA A2	x	x
14	Bùi Thị Bích	Thảo		02/7/1980	GV	TH Mỹ Đình 1	01/8/2008	01/08/2008	12/4/2017	11N6T	3.46	V.07.03.09	ĐHSP	9/2005	x	TA A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
15	Lưu Hồng	Anh		30/4/1992	GV	TH Mỹ Đình 1	01/10/2014	01/10/2014	12/4/2017	5N4T	2.46	V.07.03.09	ĐHSP	4/2007	x	TA A2	x	x
16	Nguyễn Thị Thu	Trang		26/6/1984	GV	TH Mỹ Đình 1	01/12/2009	01/6/2010	12/4/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP	02/2011	Đại học	ĐH	x	x
17	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		02/8/1987	GV	TH Mỹ Đình 1	01/12/2009	01/6/2010	12/4/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	CĐSP	7/2008	x	ĐH	x	x
18	Trịn Thị Thanh	Hiền		08/10/1984	GV	TH Mỹ Đình 1	01/10/2012	01/04/2013	12/04/2017	6N10T	2.46	V.07.03.09	ĐHSP	9/2007	x	TA A2	x	x
19	Trung Thị Thu	Hà		15/09/1986	GV	TH Mỹ Đình 1	01/10/2012	01/04/2013	12/4/2017	6N10T	2.46	V.07.03.09	ĐHSP	12/2010	x	TA A2	x	x
20	Lê Thị	Thảo		22/07/1987	GV	TH Mỹ Đình 1	01/01/2016	01/07/2016	01/7/2016	3N5T	2.06	V.07.03.09	ĐHSP	02/2019	x	TA A2	x	x
21	Bùi Kim	Dung		07/02/1992	GV	TH Mỹ Đình 1	01/10/2014	01/04/2015	12/4/2017	4N10T	2.26	V.07.03.09	CĐSP	5/2014	x	TA A2	x	x
22	Lê Hoài	Giang		20/04/1992	GV	TH Mỹ Đình 1	01/10/2014	01/04/2015	12/4/2017	4N10T	2.26	V.07.03.09	ĐHSP	5/2019	x	TA A2	x	x
23	Vũ Thị Tuyết	Nhung		20/01/1979	Giáo viên	TH Lý Nam Đế	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11N4T	3.46	V.07.03.09	ĐH	8/2008	x	TA A2	x	x
24	Nghiêm Thị Nguyệt	Nga		06/01/1981	Giáo viên	TH Lý Nam Đế	01/12/2009	01/06/2010	12/04/2017	9N6T	2.66	V.07.03.09	ĐH	9/2006	x	TA A2	x	x
25	Trần Huy	Tuấn	29/08/1989		Giáo viên	TH Lý Nam Đế	01/10/2012	01/04/2013	12/04/2017	6N8T	2.46	V.07.03.09	CĐ	7/2010	CĐ	TA B	x	x
26	Nguyễn Thanh	Huyền		30/06/1991	Giáo viên	TH Lý Nam Đế	10/09/2014	10/03/2015	17/04/2017	4N9T	2.26	V.07.03.09	ĐH	12/2016	x	TA B	x	x
27	Nguyễn Lan	Hương		20/06/1989	Giáo viên	TH Lý Nam Đế	01/11/2010	01/05/2011	12/04/2017	8N7T	2.66	V.07.03.09	ĐH	10/2014	x	TA A2	x	x
28	Vũ Thị Ngọc	Thúy		19/06/1977	Giáo viên	TH Lý Nam Đế	01/04/2008	01/10/2008	12/04/2017	11N2T	3.46	V.07.03.09	ĐH	6/2004	x	TA A2	x	x
29	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa		24/01/1992	Giáo viên	TH Lý Nam Đế	01/10/2014	01/10/2014	12/04/2017	5N2T	2.46	V.07.03.09	ĐH	11/2016	x	TA B	x	x
30	Đào Thị	Kim		24/08/1972	Giáo viên	TH Tây Mỗ	01/09/2007	01/032/2008	12/04/2017	11n11t	2.86	V.07.03.09	CĐSP	10/2000	x	B	x	x
31	Kiều Hoài	Phương		10/07/1972	Giáo viên	TH Tây Mỗ	05/09/1991	15/05/1993	12/04/2017	26n9t	4.06+ VK8%	V.07.03.09	ĐHSP	10/2005	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
32	Chu Thị	Tài		03/01/1982	Giáo viên	TH Tây Mỗ	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n	2.86	V.07.03.09	CĐSP	10/2002	x	A2	x	x
33	Nguyễn Thị Thu	Huyền		03/10/1979	Giáo viên	TH Tây Mỗ	01/12/2009	01/06/2010	12/04/2017	9n8t	2.86	V.07.03.09	ĐHSP	01/2009	x	A2	x	x
34	Phạm Thị	Ngát		18/03/1987	Giáo viên	TH Tây Mỗ	01/10/2012	01/04/2013	12/04/2017	6N-10T	2.46	V.07.03.09	CĐSP	07/2009	x	A2	x	x
35	Nguyễn Thị	Đông		19/02/1993	Giáo viên	TH Tây Mỗ	01/10/2014	01/04/2015	12/04/2017	4N-10T	2.26	V.07.03.09	CĐSP	05/2014	x	A2	x	x
36	Vũ Thị Hồng	Hạnh		05/08/1987	Giáo viên	TH Tây Mỗ	01/10/2012	01/04/2013	12/04/2017	6N-10T	2.46	V.07.03.09	ĐHSP	07/2011	x	A2	x	x
37	Nguyễn Thị Thúy	Hương		18/11/1980	Giáo viên	TH Tây Mỗ	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12N-7T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP	09/2008	x	A2	x	x
38	Nguyễn Thị Anh	Đào		26/04/1990	Giáo viên	TH Tây Mỗ	01/10/2014	01/03/2016	12/04/2017	3N-9T	2.26	V.07.03.09	ĐHSP	06/2014	x	A2	x	x
39	Đỗ Thị Bích	Liên		15/4/1977	GV	TH Nguyễn Quý Đức	01/9/2007	01/02/2008	12/4/2017	11n11t	2,86	V.07.03.09	Đại học	10/2003	x	A2	x	x
40	Nguyễn Thị	Thủy		11/5/1988	GV	TH Nguyễn Quý Đức	01/11/2011	01/5/2012	12/4/2017	7n9t	2,46	V.07.03.09	Đại học	6/2014	x	A2	x	x
41	Nguyễn Thị Hồng	Vân		27/8/1989	GV	TH Nguyễn Quý Đức	01/10/2012	01/4/2013	12/4/2017	6n10t	2,46	V.07.03.09	Đại học	12/2013	x	A2	x	x
42	Nguyễn Thùy	Dương		22/11/1994	GV	TH Nguyễn Quý Đức	01/02/2016	01/8/2016	01/8/2016	3n6t	2,06	V.07.03.09	Cao đẳng	02/2017	x	A2	x	x
43	Ngô Thị Bích	Đào		26/5/1979	GV	TH Nguyễn Quý Đức	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n6t	3,46	V.07.03.09	Cao đẳng	8/2000	x	A2	x	x
44	Nguyễn Thị Thùy	Dương		27/4/1985	GV	TH Nguyễn Quý Đức	01/12/2009	01/6/2010	12/4/2017	9n8t	2,66	V.07.03.09	Đại học	3/2009	Cử nhân	Cử nhân	x	x
45	Ngô Thị	Ninh		07/7/1974	GV	TH Nguyễn Quý Đức	01/8/2008	01/02/2009	12/4/2017	11n1t	2,86	V.07.03.09	Đại học	10/2003	x	B2	x	x
46	Nguyễn Thị	Chang		14/3/1990	GV	TH Nguyễn Quý Đức	01/02/2016	01/8/2016	01/8/2016	3n6t	2,06	V.07.03.09	Đại học	7/2012	x	A2	x	x
47	Nguyễn Thị	Lan		06/03/1976	Phó HT	TH Mỹ Đình 2	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12N8T	3.06	V.07.03.09	Đại học	6/1998	x	B1,A2	x	x
48	Hoàng Thị Tuyết	Mai		04/02/1979	GV	TH Mỹ Đình 2	01/01/2007	01/08/2007	12/04/2017	12N7T	3.06	V.07.03.09	Đại học	12/2007	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
49	Trần Thị Xuân	Phương		05/03/1980	GV	TH Mỹ Đình 2	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	Đại học	7/2017	x	A2	x	x
50	Nguyễn Thu	Trang		15/11/1984	GV	TH Mỹ Đình 2	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng	9/2006	x	A2	x	x
51	Nguyễn Thị Huyền	Lương		03/08/1982	GV	TH Mỹ Đình 2	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	Đại học	4/2012	x	A2	x	x
52	Hoàng Thị Bích	Thủy		01/10/1980	GV	TH Mỹ Đình 2	01/12/2009	01/06/2010	12/04/2017	9N9T	2.66	V.07.03.09	Đại học	7/2017	x	A2	x	x
53	Đặng Thị Hồng	Thi		20/08/1992	GV	TH Mỹ Đình 2	01/10/2014	01/04/2015	12/04/2017	4N11T	2.26	V.07.03.09	Đại học	8/2017	x	A2	x	x
54	Nguyễn Khánh	Linh		19/05/1994	GV	TH Mỹ Đình 2	01/02/2016	01/08/2016	01/09/2016	3N7T	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng	7/2015	x	A2	x	x
55	Trần Thị Khánh	Huyền		01/11/1994	GV	TH Mỹ Đình 2	01/02/2016	01/08/2016	01/09/2016	3N7T	2.06	V.07.03.09	Đại học	5/2018	x	A2	x	x
56	Nguyễn Thị Vân	Anh		27/06/1983	Giáo viên	TH Nam Từ Liêm	01/8/2008	01/02/2009	12/04/2017	2n10t	2.86	V07.03.10	ĐH	07/2007	x	A2	x	x
57	Phí Thị	Hằng		08/07/1983	Giáo viên	TH Nam Từ Liêm	01/11/2010	01/05/2011	12/04/2017	2n10t	2.66	V07.03.09	ĐH	08/2015	x	B	x	x
58	Nguyễn Thanh	Huyền		16/06/1993	Giáo viên	TH Nam Từ Liêm	01/10/2014	01/04/2015	12/04/2017	2n10t	2.26	V07.03.09	ĐH	11/2016	x	B	x	x
59	Vương Thị Thu	Huyền		25/01/1982	Giáo viên	TH Nam Từ Liêm	01/12/2009	01/06/2010	12/04/2017	2n10t	2.86	V07.03.09	ĐH	09/2008	ĐH	B	x	x
60	Lê Thu	Huyền		01/02/1989	Giáo viên	TH Nam Từ Liêm	01/11/2010	01/05/2011	12/04/2017	2n10t	2.66	V07.03.09	ĐH	06/2010	x	Bậc 4	x	x
61	Bùi Thị	Hương		24/12/1991	Giáo viên	TH Nam Từ Liêm	01/10/2014	01/04/2015	12/04/2017	2n10t	2.26	V07.03.09	Th.S	12/2017	x	B1	x	x
62	Hồ Thị Ánh	Ngọc		22/09/1976	Giáo viên	TH Nam Từ Liêm	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	2n10t	3.46	V07.03.09	ĐH	12/2007	x	B	x	x
63	Phan Thị	Nhạn		16/09/1991	Giáo viên	TH Nam Từ Liêm	01/10/2014	01/04/2015	12/04/2017	2n10t	2.26	V07.03.09	ĐH	05/2015	x	B	x	x
64	Hoàng Thị	Mai		12/12/1988	Giáo viên	TH Nam Từ Liêm	01/10/2014	01/04/2015	12/04/2017	2n10t	2.26	V07.03.09	Th.S	01/2016	x	Pháp B1	x	x
65	Hoàng Thị Phương	Thảo		17/12/1990	Giáo viên	TH Nam Từ Liêm	01/10/2014	01/04/2015	12/04/2017	2n10t	2.26	V07.03.09	ĐH	06/2013	x	B	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
66	Đặng Thị	Thắng		08/06/1980	Giáo viên	TH Nam Từ Liêm	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	2n10t	3.06	V07.03.09	ĐH	09/2005	x	A2	x	x
67	Bùi Thị	An		10/05/1985	GV	TH Cầu Diễn	01/10/2012	01/4/2013	12/4/2017	6N10T	2.46	V.07.03.09	ĐHSP-TH	6/2007	x	TA B1	x	x
68	Phạn Lan	Duyên		11/10/1977	GV	TH Cầu Diễn	01/4/1999	01/10/1999	12/4/2017	20N4T	4.06	V.07.03.09	CĐSP-TA	6/1998	x	TT B	x	x
69	Nguyễn Thị Hương	Giang		01/06/1978	GV	TH Cầu Diễn	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11N6T	3.46	V.07.03.09	ĐHSP-TH	9/2005	x	TA A2	x	x
70	Nguyễn Thị	Hoàn		24/01/1977	GV	TH Cầu Diễn	15/10/1997	02/12/1998	12/4/2017	21N2T	3.86	V.07.03.09	CĐSP-ÂN	6/2011	x	TA B	x	x
71	Nguyễn Thị Thu	Hương		05/12/1983	GV	TH Cầu Diễn	01/8/2008	01/02/2009	12/4/2017	11N	2.86	V.07.03.09	ĐHSP-TH	11/2009	x	TA B	x	x
72	Nguyễn Thị	Nhạc		14/10/1982	GV	TH Cầu Diễn	01/01/2007	01/7/2007	12/4/2017	12N7T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP-MT	4/2012	x	TA B	x	x
73	Trần Thị	Phương		16/11/1991	GV	TH Cầu Diễn	01/10/2014	01/10/2014	12/4/2017	5N4T	2.26	V.07.03.09	ĐHSP-TH	02/2016	x	TA B	x	x
74	Lê Thị	Thúy		09/11/1980	TPT	TH Cầu Diễn	01/01/2007	01/7/2007	12/4/2017	12N7T	3.06	V.07.03.09	CĐSP-GDTC	6/2001	x	TA B	x	x
75	Nguyễn Thu	Trang		18/11/1992	GV	TH Cầu Diễn	01/10/2014	01/10/2014	12/4/2017	5N4T	2.26	V.07.03.09	ĐHSP-TH	11/2016	x	TA A2	x	x
76	Trần Thị Thanh	Tú		23/06/1979	GV	TH Cầu Diễn	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11N6T	2.86	V.07.03.09	ĐHNN	6/2003	x	TT B	x	x
77	Nguyễn Thị	Soi		20/10/1991	GV	TH Cầu Diễn	01/10/2014	01/10/2015	12/4/2017	4N4T	2.26	V.07.03.09	ĐHSP-TH	6/2013	x	TT B	x	x
78	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		10/4/1973	GV	TH Cầu Diễn	01/01/1994	01/01/1994	12/4/2017	26N1T	4.06+ 7%VK	V.07.03.09	ĐHSP-TH	12/2006	x	TT B	x	x
79	Nguyễn Xuân	Vinh	26/02/1980		GV	TH Cầu Diễn	01/12/2009	01/6/2010	12/4/2017	9N8T	2.86	V.07.03.09	ĐH-CNTT	8/2008	Đại học	TA C	x	x
80	Giang Thanh	Thuỷ		30/11/1976	Hiệu trưởng	TH Trung Văn	01/01/2007	01/7/2007	12/4/2017	13N2T	4.06	V.07.03.09	ĐHSP	15/12/2006	x	ĐH	x	x
81	Hà Hồng	Thắm		25/12/1987	Giáo viên	TH Trung Văn	01/10/2012	01/04/2013	12/4/2017	6N11T	2.46	V.07.03.09	ĐHSP	13/7/2012	x	B	x	x
82	Lý Việt	Nga		23/8/1977	Giáo viên	TH Trung Văn	01/8/2008	01/02/2009	12/4/2017	11N1T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP	05/9/2006	x	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
83	Nguyễn Nhật	Lệ		01/4/1991	Giáo viên	TH Trung Văn	01/01/2016	01/01/2016	12/4/2017	4N2T	2.26	V.07.03.09	ĐHSP	28/5/2015	x	C	x	x
84	Phạm Thị	Lan		23/01/1975	Giáo viên	TH Trung Văn	01/11/2010	01/05/2011	12/4/2017	8N10T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP	15/02/2002	x	C	x	x
85	Lê Thị Hoài	Thương		11/9/1982	Phó Hiệu trưởng	TH Trung Văn	01/11/2011	01/5/2012	21/4/2017	7N9T	2.46	V.07.03.09	ĐHSP	25/8/2015	x	A2	x	x
86	Nguyễn Khắc	Hợp	28/09/1982		Phó HT	TH Xuân Phương	01/12/2009	01/06/2010	12/04/2017	9N8T	2,66	V.07.03.09	ĐHSPTH	7/2017	x	TA A2	x	x
87	Lê Thị Ngọc	Lan		01/10/1990	GV	TH Xuân Phương	01/10/2014	01/04/2015	12/04/2017	4N10T	2.26	V.07.03.09	ĐHSPTH	5/2015	x	TA A2	x	x
88	Vương Thị Hồng	Lệ		14/06/1992	GV	TH Xuân Phương	01/10/2014	01/10/2015	12/04/2017	4N4T	2.26	V.07.03.09	ĐHSPTH	26/02/2016	x	TA Bậc 3	x	x
89	Đặng Lan	Phương		15/03/1978	GV	TH Xuân Phương	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11N6T	3.46	V.07.03.09	ĐHSPTH	09/09/2005	x	TAB1	x	x
90	Lê Thị Thanh	Huyền		20/09/1986	Giáo viên Tin học	TH Nguyễn Du	01/12/2009	01/06/2010	12/04/2017	2N10T	2.86	V07.03.09	ĐH	11/2009	Đại học	A2	x	x
91	Hà Thị	Hợi		17/10/1983	Giáo viên cơ bản	TH Nguyễn Du	15/09/2014	15/03/2015	27/03/2017	2N11T	2,26	V07.03.09	ĐH	10/2018	x	Cử nhân	x	x
92	Nguyễn Thị Lê	Phương		23/04/1981	Giáo viên cơ bản	TH Nguyễn Du	01/12/2010	01/06/2011	12/04/2017	2N 10T	2.66	V07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	Tiếng Anh C	x	x
93	Nguyễn Thị	Nhung		22/02/1991	Giáo viên cơ bản	TH Nguyễn Du	01/10/2014	01/04/2015	12/04/2017	2N 10T	2,26	V07.03.09	ĐH	7/2017	x	Tiếng Anh B	x	x
94	Cáp Thị	Dung		18/01/1987	Giáo viên cơ bản	TH Nguyễn Du	01/10/2011	01/04/2012	12/04/2017	2N 10T	2,46	V07.03.09	ĐH	4/2014	x	Tiếng Anh C	x	x
95	Ngô Thị Bích	Thủy		11/01/1986	GV	TH Phương Canh	1/8/2008	1/2/2009	12/4/2017	11n1t	2,86	V.07.03.09	ĐH	16/11/2016	x	B	x	x
96	Nguyễn Minh	Hường		03/02/1992	GV	TH Phương Canh	01/10/2014	1/4/2015	12/4/2017	4n11t	2,26	V.07.03.09	ĐH	5/2014	x	B	x	x
97	Nguyễn Thị Lệ	Hằng		09/02/1978	GV	TH Phương Canh	01/01/2007	01/7/2007	21/4/2017	12n11t	3,06	V.07.03.09	ĐH	6/11/2016	x	B	x	x

Danh sách này gồm có: 97 người.

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND THỊ XÃ SƠN TÂYCÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*22*
1	Nguyễn Thị	Thảo		16/02/1984	Giáo viên	TH Lê Lợi	01/09/2007	01/3/2008	17/5/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	CĐ ngành SP Họa - Nhạc	20/7/2006	X	Tiếng Anh C	X	X
2	Nguyễn Thị Lan	Phương		04/06/1976	Giáo viên	TH Lê Lợi	01/09/2007	01/3/2008	27/03/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	CĐ ngành Giáo dục Tiểu học	10/09/1998	X	Tiếng Anh C	X	X
3	Hoàng Thị Hoa	Bắc		03/09/1974	Giáo viên	TH Lê Lợi	25/09/1997	02/12/1998	17/05/2017	21 năm 3 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh A2	X	X
4	Đào Ngọc	Bích		22/11/1984	Giáo viên	TH Lê Lợi	01/09/2007	01/03/2008	17/05/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH SP MĨ thuật	04/10/2011	X	Tiếng Anh C	X	X
5	Nguyễn Thị	Thảo		23/12/1984	Giáo viên	TH Lê Lợi	12/09/2007	14/03/2008	17/05/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	21/04/2011	X	Tiếng Anh C	X	X
6	Phan Thị Thúy	An		09/05/1982	Giáo viên	TH Lê Lợi	01/09/2007	01/3/2008	17/05/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	28/02/2012	X	Tiếng Anh A2	X	X
7	Phan Thị Tuyết	Chinh		28/11/1973	Giáo viên	TH Lê Lợi	01/01/1994	01/07/1995	17/05/2017	24 năm 8 tháng	4,06 VK 6%	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	5/11/2009	X	Cử nhân	X	X
8	Phùng Thị	Thúy		14/05/1986	Giáo viên	TH Lê Lợi	31/08/2007	01/03/2008	17/05/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	28/02/2012	X	Tiếng Anh B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
9	Nguyễn Thị Vân	Yến		08/02/1975	Giáo viên	TH Lê Lợi	01/9/1996	26/02/1998	17/05/2017	22 năm 8 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh A2	X	X
10	Lâm Thu	Huyền		05/12/1984	Giáo viên	TH Lê Lợi	03/10/2006	01/4/2007	17/05/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	08/8/2012	X	Tiếng Anh C	X	X
11	Nguyễn Thị Mỹ	Giang		19/10/1994	Giáo viên	TH Lê Lợi	1/09/2014	1/03/2015	21/4/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	19/02/2019	X	Tiếng Anh B	X	X
12	Hà Văn	Nghĩa	03/04/1983		Giáo viên	TH Cổ Đông	01/12/2009	01/06/2010	17/05/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH ngành Tin học	25/04/2006	ĐH	Tiếng Anh - A2	X	X
13	Nguyễn Thị Bích	Hòa		01/04/1976	Giáo viên	TH Cổ Đông	01/12/2009	01/12/2009	17/05/2017	13 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành ngôn ngữ Anh	12/08/2016	X	Tiếng Pháp B	X	X
14	Lê Thị Kim	Tuyến		29/11/1992	Giáo viên	TH Cổ Đông	01/10/2014	01/04/2015	11/04/ 2017	4 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH ngành GDTC	30/06/2014	X	Tiếng Anh B	X	X
15	Đặng Thị	Duyên		28/9/1984	Giáo viên	TH Cổ Đông	01/9/2007	01/3/2008	17/05/2017	13 năm 5 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	21/4/2011	X	Tiếng Anh C	X	X
16	Nguyễn Thị Thanh	Sơn		05/04/1977	Giáo viên	TH Cổ Đông	01/9/2007	01/3/2008	17/05/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	CĐ Tiểu học	01/02/1999	X	Tiếng Anh C	X	X
17	Nguyễn Thị Xuân	Mai		14/02/1973	Giáo viên	TH Cổ Đông	31/01/1994	30/5/1995	17/05/2017	24 năm 9 tháng	4,06 VK6%	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	4/2006	X	Tiếng Anh C	X	X
18	Lâm Thị	Lý		05/05/1973	Giáo viên	TH Cổ Đông	01/9/1996	01/3/1998	17/05/2017	22 năm	4,06	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	21/4/2011	X	Tiếng Anh C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
19	Nguyễn Thị	Hiền		29/01/1982	Giáo viên	TH Cổ Đông	03/10/2006	01/4/2007	17/05/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP Mĩ thuật	11/3/2011	X	Tiếng Anh C	X	X
20	Nguyễn Ngọc	Hoa		03/9/1982	Giáo viên	TH Cổ Đông	01/9/2007	01/3/2008	17/05/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	28/02/2012	X	Tiếng Anh C	X	X
21	Lê Thị Ngọc	Tình		02/4/1988	Giáo viên	TH Cổ Đông	01/09/2009	01/4/2010	17/05/2017	9 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	03/1/2015	X	Tiếng Anh C	X	X
22	Phạm Thị Thúy	Nga		29/10/1976	Phó Hiệu trưởng	TH Phú Thịnh	01/8/2009	29/01/2013	17/05/2017	10 năm 1 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	22/10/2003	X	Tiếng Anh A2	X	X
23	Lê Diệu	Hương		9/11/1983	Giáo viên	TH Phú Thịnh	1/12/2010	1/6/2011	17/05/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH ngành SP Âm nhạc	8/8/2012	X	Tiếng Anh C	X	X
24	Đinh Thị	Hằng		02/11/1979	Giáo viên	TH Phú Thịnh	17/9/2014	01/10/2014	17/05/2017	5 năm 5 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ ngành Giáo dục thể chất	23/6/2000	X	Tiếng Anh C	X	X
25	Vũ Thị	Hằng		14/08/1978	Giáo viên	TH Phú Thịnh	20/11/2009	20/5/2010	17/05/2017	9 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP ngành Tiếng Anh	2000	X	Tiếng Pháp Tin học C	X	X
26	Vũ Thị Thu	Hiền		15/9/1989	Giáo viên	TH Phú Thịnh	01/11/2011	01/05/2012	17/05/2017	7 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	21/12/2015	X	Tiếng Anh C	X	X
27	Đào Thị	Lộc		08/11/1988	Giáo viên	TH Phú Thịnh	01/11/2012	01/05/2013	17/05/2017	6 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐ ngành Giáo dục Tiểu học	24/02/2011	X	Tiếng Anh B	X	X
28	Trần Thị Ánh	Tuyết		19/04/1989	Giáo viên	TH Phú Thịnh	01/11/2012	01/05/2013	17/05/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ ngành SP Toán Tin	28/7/2010	CĐ	Tiếng Anh C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Năm	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
29	Nguyễn Thị Bích	Thảo		09/09/1977	Giáo viên	TH Phú Thịnh	12/9/2007	14/3/2008	17/05/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	CĐSP ngành Tiểu học	01/02/1999	X	Tiếng Anh C	X	X
30	Nguyễn Thị Trinh	Trinh		19/02/1994	Giáo viên	TH Phú Thịnh	01/10/2014	01/04/2015	28/3/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	20/10/2017	X	Tiếng Anh B	X	X
31	Trần Diệu	Thúy		08/04/1975	Giáo viên	TH Phú Thịnh	01/8/2009	01/02/2010	19/10/2018	10 năm 1 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục Tiểu học	22/10/2003	X	Tiếng Anh C	X	X
32	Bùi Mạnh	Tới	27/12/1978		Phó Hiệu trưởng	TH Xuân Sơn	01/09/2007	01/03/2008	17/05/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	28/02/2012	X	Tiếng Anh B	X	X
33	Kiều Thị	Hiền		05/08/1977	Giáo viên	TH Xuân Sơn	01/9/1998	01/03/1999	17/05/2017	21 năm 2 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	21/12/2015	X	Tiếng Anh B	X	X
34	Lê Thị	Hoa		14/11/1978	Giáo viên	TH Xuân Sơn	01/09/2007	01/03/2008	17/05/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	04/07/2001	X	Tiếng Anh B	X	X
35	Vũ Thị Như	Trang		17/12/1980	Giáo viên	TH Xuân Sơn	01/09/2007	01/03/2008	17/05/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	29/03/2010	X	Tiếng Anh B	X	X
36	Nguyễn Thị Thu	Phương		08/08/1977	Giáo viên	TH Xuân Sơn	01/09/2007	01/03/2008	17/05/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	17/10/2006	X	Tiếng Anh B	X	X
37	Trần Thị Phương	Anh		19/10/1974	Giáo viên	TH Viên Sơn	22/12/1993	16/5/ 1995	17/5/ 2017	24 năm 9 tháng	4,06 + VK 6%	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	21/12/ 2015	X	Chứng chỉ C	X	X
38	Phùng Thị Ánh	Hồng		20/11/1977	Giáo viên	TH Viên Sơn	01/09/2007	01/3/ 2008	17/5/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	CĐ ngành Tiểu học	30/8/2000	X	Tiếng Anh C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
39	Hà Thị Cẩm	Ngân		01/02/1973	Phó Hiệu trưởng	TH Viên Sơn	30/11/1993	30/5/ 1995	17/5/2017	24 năm 9 tháng	4,06 + VK 6%	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục tiểu học	10/10/ 2005	X	Tiếng Anh C	X	X
40	Nguyễn Thị	Nhường		29/01/1980	Giáo viên	TH Sơn Lộc	01/09/2007	01/03/2008	17/05/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh C	X	X
41	Vũ Thị	Sâm		13/6/1990	Giáo viên	TH Sơn Lộc	01/11/2012	01/05/2013	17/05/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ ngành Giáo dục tiểu học	30/12/2011	X	Tiếng Anh C	X	X
42	Nguyễn Thị Thu	Huyền		27/08/1978	Giáo viên	TH Sơn Lộc	12/09/2007	14/03/2008	17/05/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục tiểu học	23/4/2012	X	Tiếng Anh B	X	X
43	Đinh Thị Vân	Huyền		08/05/1977	Giáo viên	TH Sơn Lộc	01/12/2009	01/06/2010	17/05/2017	9 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP Toán	10/10/2005	CĐ Toán tin	Tiếng Anh B	X	X
44	Kiều Hương	Quỳnh		21/09/1986	Giáo viên	TH Sơn Lộc	01/10/2006	01/04/2007	17/05/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP Âm nhạc	8/8/2012	X	Tiếng Anh C	X	X
45	Nguyễn Thị	Châm		04/09/1975	Giáo viên	TH Sơn Lộc	02/12/1995	04/05/1996	17/05/2017	23 năm 10 tháng	4,06 VK 5%	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh B	X	X
46	Dương Thị Quỳnh	Như		07/06/1979	Giáo viên	TH Sơn Lộc	01/12/2009	01/01/2010	17/05/2017	10 năm 2 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ ngành Giáo dục tiểu học	30/8/2001	X	Tiếng Anh C	X	X
47	Nguyễn Thị	Loan		20/08/1988	Giáo viên	TH Sơn Lộc	01/10/2011	01/04/2012	05/05/2017	7 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐSP Hà Tây ngành GD tiểu học	4/8/2010	X	Tiếng Anh B	X	X
48	Nguyễn Thị Bạch	Diệp		20/10/1976	Giáo viên	TH Sơn Đông	01/09/2007	01/03/2008	17/5/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục Tiểu học	17/11/2004	X	Tiếng Anh A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
49	Phạm Thị Minh	Huệ		14/03/1969	Giáo viên	TH Sơn Đông	21/10/1992	21/4/1994	17/5/2017	25 năm10 tháng	4,06 + VK7%	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục Tiểu học	17/10/2006	X	Tiếng Anh B	X	X
50	Nguyễn Thị	Hương		01/02/1991	Giáo viên	TH Sơn Đông	01/11/2013	01/05/2014	27/3/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	16/11/2016	X	Tiếng Anh B	X	X
51	Nguyễn Khánh	Hòa		20/4/1979	Giáo viên	TH Sơn Đông	10/9/2004	01/09/2005	17/5/2017	14 năm 6 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH ngành SP tin học	20/4/2012	ĐH	Tiếng Anh B	X	X
52	Nguyễn Thị	Huyền		06/11/1988	Giáo viên	TH Sơn Đông	01/12/2010	01/06/2011	17/5/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ ngành SP Tiểu học	4/8/2010	X	Tiếng Anh B	X	X
53	Trần Thị Thu	Hương		26/10/1978	Giáo viên	TH Sơn Đông	12/9/2007	14/ 03/2008	17/5/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	20/7/2000	X	Tiếng Anh B	X	X
54	Nguyễn Thị	Lưu		16/3/1972	Giáo viên	TH Sơn Đông	15/12/1994	08/5/1996	17/5/2017	23 năm 9 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục Tiểu học	2004	X	Tiếng Anh B	X	X
55	Dương Thị Mai	Quyên		17/10/1968	Giáo viên	TH Sơn Đông	15/8/1997	02/12/1998	17/5/2017	21 năm 3 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục Tiểu học	4/4/2006	X	Tiếng Anh B	X	X
56	Nguyễn Thị	Hằng		28/12/1989	Giáo viên	TH Sơn Đông	4/10/2011	04/4/2012	27/3/2017	7 năm 10 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ ngành Giáo dục Tiểu học	20/7/2011	X	Tiếng Anh B	X	X
57	Vũ Thị Thanh	Tâm		18/8/1977	Giáo viên	TH Sơn Đông	15/9/2014	15/3/2015	17/5/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	19/2/2019	X	Cử nhân Tiếng Anh	X	X
58	Cấn Thị Hồng	Thảo		09/01/1984	Giáo viên	TH Sơn Đông	01/09/2007	01/03/2008	17/5/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH ngành SP âm nhạc	08/08/2012	X	Tiếng Anh B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
59	Nguyễn Thị	Mùi		02/9/1976	Giáo viên	TH Sơn Đông	01/11/2013	01/5/2014	17/5/2017	5 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH chuyên ngành Tiếng Anh	10/01/2005	X	Tiếng Pháp Tin học C	X	X
60	Nguyễn Thị Thùy	Dương		09/01/1982	Giáo viên	TH Sơn Đông	01/09/2007	01/02/2008	17/5/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	CĐ ngành Giáo dục Tiểu học	1/7/2003	X	Tiếng Anh B	X	X
61	Nguyễn Thị Minh	Thu		11/04/1982	Giáo viên	TH Sơn Đông	1/9/2007	01/06/2008	17/5/2017	11năm 9tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục Tiểu học	17/10/2006	X	Tiếng Anh B	X	X
62	Lê Thị Hải	Yến		26/10/1975	Giáo viên	TH Sơn Đông	29/12/2000	1/8/2001	17/5/2017	18 năm 7 tháng	3,66	V.07.03.09	CĐ ngành SP Tiểu học	3/6/2006	X	Tiếng Anh B	X	X
63	Trịnh Thị	Lan		17/4/1975	Giáo viên	TH Sơn Đông	9/1/1996	2/24/1998	17/5/2017	21 năm 7 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục Tiểu học	04/04/2006	X	Tiếng Anh B	X	X
64	Nguyễn Thị	Mơ		24/05/1990	Giáo viên	TH Sơn Đông	25/1/2016	25/10/2016	25/10/2016	4 năm 1 tháng	2,06	V.07.03.09	CĐ ngành Tiểu học	06/2/2017	X	CĐ ngành SP Tiếng Anh	X	X
65	Đỗ Phương	Chi		04/08/1985	Giáo viên	TH Trần Phú	12/9/2007	14/03/2008	17/5/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	23/4/2012	X	Tiếng Anh C	X	X
66	Nguyễn Thị Hồng	Dung		23/03/1984	Giáo viên	TH Trần Phú	04/09/2007	01/03/2008	17/5/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	28/02/2012	X	Tiếng Anh C	X	X
67	Lê Thị Chà	Dung		02/04/1976	Giáo viên	TH Trần Phú	01/09/2007	01/03/2008	17/5/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	CĐ ngành Tiểu học	30/08/2007	X	Tiếng Anh C	X	X
68	Đỗ Đức	Mạnh	19/12/1986		Giáo viên	TH Trung Sơn Trầm	10/10/2011	10/4/2012	17/5/2017	7 năm 10 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP ngành Giáo dục Thể chất	14/07/2011	X	Tiếng Anh B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
69	Chu Thị Thu	Hà		27/7/1974	Giáo viên	TH Trung Sơn Trầm	01/9/1996	26/2/1998	17/5/2017	22 năm	4,06	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh C	X	X
70	Vũ Thị Thu	Hoài		28/10/1976	Giáo viên	TH Trung Sơn Trầm	01/9/1996	01/02/1998	17/5/2017	22 năm	3,86	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	03/6/2008	X	Tiếng Anh B	X	X
71	Hồ Thị	Yên		12/01/1976	Giáo viên	TH Trung Sơn Trầm	01/7/1996	01/3/1998	17/5/2017	22 năm	3,86	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	05/11/2009	X	Tiếng Anh B	X	X
72	Đoàn Thị Chung	Thủy		13/01/1977	Giáo viên	TH Trung Sơn Trầm	25/9/1997	02/12/1998	17/5/2017	21 năm 2 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh B	X	X
73	Lê Thị Phương	Viên		02/12/1979	Giáo viên	TH Trung Sơn Trầm	01/9/2007	01/3/2008	17/5/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành Giáo dục Tiểu học	21/04/2011	X	Tiếng Anh B	X	X
74	Khuất Thị Kim	Huệ		22/10/1983	Giáo viên	TH Trung Sơn Trầm	03/10/2006	01/4/2007	17/5/2017	12 năm 10 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH SP Mỹ thuật	08/08/2012	X	Tiếng Anh C	X	X
75	Trần Diệu	Linh		14/04/1994	Giáo viên	TH Quang Trung	01/10/2014	01/04/2015	17/05/2017	4 năm 10 tháng	2,06	V070309	ĐH ngành Giáo dục tiểu học	20/10/2017	X	Tiếng Anh B	X	X
76	Trần Thị Thanh	Huyền		22/06/1975	Giáo viên	TH Quang Trung	01/12/2009	01/01/2010	17/05/2017	10 năm 2 tháng	3,06	V070309	ĐH ngành Tiếng Anh	10/04/2000	X	Cử nhân	X	X
77	Khuất Thị	Oanh		20/09/1989	Giáo viên	TH Quang Trung	01/11/2013	01/05/2014	17/05/2017	5 năm 10 tháng	2,46	V070309	ĐHSP ngành SP Âm nhạc	23/05/2012	X	Tiếng Anh C	X	X
78	Nguyễn Thị	Giang		04/05/1973	Giáo viên	TH Quang Trung	24/08/1996	24/02/1998	17/05/2017	22 năm	4,06	V070309	ĐH ngành SP Giáo dục tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh trình độ B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
79	Nguyễn Thị Anh	Đào		02/12/1973	Giáo viên	TH Quang Trung	01/09/1993	01/01/1994	17/05/2017	26 năm 2 tháng	4,06 VK 6%	V070309	ĐH nghành SP Giáo dục Tiểu học	10/10/2005	X	Cư nhân	X	X
80	Nguyễn Xuân	Lan		01/01/1966	Giáo viên	TH Đường Lâm	15/08/1988	01/12/1990	17/05/2017	29 năm 3 tháng	4,06+ 11%	V.07.03.09	ĐHSP ngành Giáo dục Tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh B	X	X
81	Đỗ Thị Phương	Loan		01/10/1969	Giáo viên	TH Đường Lâm	01/11/1992	15/11/1993	17/05/2017	26 năm 3 tháng	4,06 + 8%	V.07.03.09	ĐHSP ngành Giáo dục Tiểu học	4/4/2006	X	Tiếng Anh B	X	X
82	Nguyễn Thị Kim	Toàn		22/2/1969	Giáo viên	TH Đường Lâm	15/9/1989	01/3/1992	17/05/2017	28 năm	4,06+8%	V.07.03.09	ĐHSP ngành Giáo dục Tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh B	X	X
83	Tạ Thị Hồng	Vân		16/11/1970	Giáo viên	TH Đường Lâm	01/09/1990	01/03/1992	17/05/2017	28 năm	4,06+10%	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh B	X	X
84	Phùng Thị Kim	Quý		08/05/1971	Giáo viên	TH Đường Lâm	05/09/1991	01/4/1993	17/05/2017	26 năm 2 tháng	4,06+8%	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh B	X	X
85	Tạ Thị Thu	Tuyết		25/12/1973	Giáo viên	TH Đường Lâm	13/02/1993	01/08/1994	17/05/2017	25 năm 7 tháng	4,06+7%	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh trình độ B	X	X
86	Lê Thị Xuân	Hương		19/07/1973	Giáo viên	TH Đường Lâm	01/06/1994	01/01/1996	17/05/2017	24 năm 2 tháng	4,06+ 6%	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục Tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh B	X	X
87	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		04/11/1974	Giáo viên	TH Đường Lâm	01/01/1994	7/1995	17/05/2017	24 năm 8 tháng	4,06 + 6%	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh C	X	X
88	Phan Thị Ngọc	Hoa		17/12/1975	Giáo viên	TH Đường Lâm	25/09/1997	2/12/1998	17/05/2017	21 năm 3 tháng	3,86	V.07.03.09	Đhngành SP Giáo dục Tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
89	Phan Thị Lan	Hương		28/04/1975	Giáo viên	TH Đường Lâm	02/12/1995	01/06/1996	17/05/2017	23 năm 9 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục tiểu học	10/10/2005	X	Tiếng Anh B	X	X
90	Đoàn Thị Ngọc	Ánh		01/09/1975	Giáo viên	TH Đường Lâm	01/09/1996	01/03/1998	17/05/2017	22 năm	3,86	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục tiểu học	7/5/2009	X	Tiếng Anh B	X	X
91	Nguyễn Thị	Xuyến		18/09/1976	Giáo viên	TH Đường Lâm	12/09/2007	14/03/2008	17/05/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	CĐSP ngành Tiểu học	10/11/1997	X	Tiếng Anh B	X	X
92	Nguyễn Thị	Thanh		23/03/1982	Gióa viên	TH Đường Lâm	10/12/2010	01/06/2011	17/05/2017	8 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP ngành SP Âm nhạc	21/04/2011	X	Tiếng Anh B	X	X
93	Kiều Thị	Chung		05/08/1983	Giáo viên	TH Đường Lâm	12/09/2007	14/03/2008	17/05/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục tiểu học	21/4/2011	X	Tiếng Anh B	X	X
94	Đặng Thị Hải	Âu		22/02/1984	Giáo viên	TH Đường Lâm	01/12/2009	01/06/2010	17/05/2017	9năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHCN TPHCM ngành Khoa học máy tính	15/10/2008	ĐH	Tiếng Anh B	X	X
95	Nguyễn Thị	Linh		17/8/1984	Giáo viên Âm nhạc	TH Đường Lâm	01/11/2011	20/4/2012	17/05/2017	8 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH ngành SP Âm nhạc	28/01/2019	X	Tiếng Anh B	X	X
96	Vũ Thị Chung	Thủy		02/01/1984	Giáo viên	TH Đường Lâm	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 8 tháng	2,06	V.07.03.09	ĐHCN TT Thái Nguyên ngành CNTT	3/5/2013	ĐH	Tiếng Anh B	X	X
97	Chu Thị Thanh	Hoa		28/08/1987	Giáo viên	TH Đường Lâm	01/12/2009	01/06/2010	17/05/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ ngành SP Mĩ Thuật	15/8/2009	X	Tiếng Anh B	X	X
98	Hà Thị Thanh	Huyền		22/04/1992	Giáo viên	TH Đường Lâm	01/09/2014	01/03/2015	17/05/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	CĐSP ngành Giáo dục Tiểu học	28/5/2014	X	Tiếng Anh C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
99	Phùng Thị Kim	Ngân		13/08/1975	Giáo viên	TH Trung Hưng	14/11/1994	04/05/1996	17/05/2017	23 năm 9 tháng	4,06 VK 5%	V.07.03.09	ĐH ngành SP Tiểu học	04/04/2006	X	Tiếng Anh B	X	X
100	Phùng Thị Thu	Hương		26/05/1976	Giáo viên	TH Trung Hưng	12/09/2007	14/03/2008	17/05/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP Tiểu học	17/04/2004	X	Tiếng Anh tình độ B	X	X
101	Phùng Thị Phương	Liên		10/02/1979	Giáo viên	TH Trung Hưng	01/12/2009	01/9/2010	17/05/2017	9 năm 6 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP ngành Toán tin	30/08/2000	CĐ	Tiếng Anh B	X	X
102	Đỗ Thị Minh	Huệ		03/04/1984	Giáo viên	TH Trung Hưng	03/10/2006	23/5/2007	17/05/2017	12 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP Mĩ thuật	11/03/2011	X	Tiếng Anh B	X	X
103	Vũ Kim	Dung		01/07/1981	Giáo viên	TH Trung Hưng	15/07/2002	01/02/2003	17/05/2017	17 năm 1 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH ngành SP Âm nhạc	05/12/2010	X	Tiếng Anh B	X	X
104	Trần Nam	Trung	13/06/1988		Giáo viên	TH Trung Hưng	01/12/2009	01/06/2010	17/05/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSPTDTT ngành Giáo dục thể chất	01/06/2015	X	Tiếng Anh B	X	X
105	Đinh Thị Bích	Hồng		9/4/1969	Giáo viên	TH Kim Sơn	06/9/1990	01/3/1992	17/5/2017	28 năm	4,06 VK 9%	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục Tiểu học	10/10/ 2005	X	Tiếng Anh B	X	X
106	Trương Thị Hồng	Vân		6/11/1976	Giáo viên	TH Kim Sơn	24/9/1997	02/12/1998	17/5/2017	21 năm 3 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục Tiểu học	10/10/ 2005	X	Tiếng Anh B	X	X
107	Nguyễn Thị	Hoa		9/28/1976	Giáo viên	TH Kim Sơn	15/8/1997	02/12/1998	17/5/2017	21 năm 3 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH ngành SP Giáo dục Tiểu học	10/10/ 2005	X	Tiếng Anh B	X	X
108	Phạm Thị Thanh	Nhàn		5/21/1980	Giáo viên	TH Kim Sơn	12/9/2007	14/3/2008	17/5/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐHSP ngành Giáo dục Tiểu học	05/11/2009	X	Tiếng Anh B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
109	Kiều Mai	Thảo		10/13/1982	Giáo viên	TH Kim Sơn	01/9/2007	01/07/2008	28/3/2017	11 năm 8 tháng	3,26	V.07.03.09	CĐSP ngành Tiểu học	15/8/2004	X	Tiếng Anh C	X	X
110	Tô Thị Hồng	Quyên		2/5/1992	Giáo viên	TH Kim Sơn	10/01/2016	10/01/2016	10/01/2016	4 năm 2 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ ngành Giáo dục Tiểu học	28/6/2013	X	Tiếng Anh C	X	X
111	Lưu Thị	Quyền		16/08/1988	Giáo viên	Tiểu học Thanh Mỹ	1/11/2012	1/5/2013	17/5/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V07.03.09	ĐHSP ngành giáo dục thể chất	2/6/2011	X	Tiếng Anh A2	X	X
112	Nguyễn Thị	Thủy		18/11/1979	Giáo viên	Tiểu học Thanh Mỹ	12/09/2007	14/03/2008	17/5/2017	12 năm	3,06	V07.03.09	CĐSP ngành Tiểu học	30/08/2001	X	Tiếng Anh C	X	X
113	Đặng Thị Hồng	Thủy		21/9/1976	Giáo viên	Tiểu học Thanh Mỹ	4/9/2007	1/3/2008	17/5/2017	12 năm	3,06	V07.03.09	ĐHSP ngành Tiểu học	28/02/2012	X	Tiếng Anh C	X	X
114	Trương Thị	Nhung		08/11/1991	Giáo viên	Tiểu học Thanh Mỹ	01/11/2012	01/5/2013	17/5/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V07.03.09	CĐSP ngành SP toán tin	16/7/2012	CĐ ngành Tin học	Tiếng Anh C	X	X
115	Đỗ Thị Tuyết	Lan		28/08/1979	Giáo viên	TH Xuân Khanh	01/12/2009	01/06/2010	17/05/2017	9 năm 9 tháng	3,06	V07.03.09	CĐSP ngành Toán tin	20/08/2002	CĐ	Tiếng Anh C	X	X
116	Hà Thị Lan	Anh		29/06/1983	Giáo viên	TH Xuân Khanh	12/9/ 2007	14/03/2008	17/05/2017	12 năm	3,06	V07.03.09	CĐSP ngành giáo dục Tiểu học	15/07/2005	X	Tiếng Anh C	X	X
117	Bùi Thị	Yến		11/08/1986	Giáo viên	TH Xuân Khanh	01/12/2009	01/06/2010	17/05/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V07.03.09	ĐHSP ngành giáo dục Tiểu học	21/12/2015	X	Tiếng Anh C	X	X

Danh sách này gồm có:117 người.

Biểu mẫu 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND HUYỆN GIA LÂM CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Nguyễn Thị Thu	Hằng		29/12/1990	GV Tổng phụ trách	TH Bát Tràng	01/9/2014	01/03/2015	05/05/2017	6N 1TH	2.26	V.07.03.09	CĐSP Tiếng anh	07/2012	x	Đức C	x	x
2	Trần Thúy	Hà		12/09/1989	TTCM/ GV cơ bản	TH Bát Tràng	01/12/2010	01/06/2011	05/05/2017	10N 1TH	2.66	V.07.03.09	ĐHSP	12/2015	x	Anh B	x	x
3	Nguyễn Thị Tuyết	Mai		17/06/1979	TTCM/ GV cơ bản	TH Bát Tràng	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	ĐHSP	11/2009	x	Anh A2	x	x
4	Nguyễn Thị Thu	Hiền		06.11.1983	TTCM/ GV cơ bản	TH Bát Tràng	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐHSP	08/2008	x	Anh A2	x	x
5	Nguyễn Thị Thu	Thủy		19/02/1980	TTCM/ GV Tiếng anh	TH Bát Tràng	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐHSP	06/2007	x	Tiếng Đức C	x	x
6	Đỗ Thị	Hồng		24/07/1989	Giáo viên cơ bản	TH Bát Tràng	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2017	4N 1TH	2.06	V.07.03.09	ĐHSP	05/2015	x	Tiếng anh A2	x	x
7	Trương Thủy	Thành		28/08/1980	Giáo viên thể dục	TH Bát Tràng	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	ĐHSP	08/2003	x	Tiếng anh C	x	x
8	Lã Thu	Trang		23/03/1994	Giáo viên cơ bản	TH Bát Tràng	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	4N 1TH	2.06	V.07.03.09	ĐHSP	05/2018	x	Tiếng anh B	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
9	Nguyễn Thị Mai	Hương		04/09/1990	Giáo viên tin học	TH Bát Tràng	01/09/2014	01/03/2015	05/05/2017	6N 1TH	2.26	V.07.03.09	ĐHSP	03/2015	ĐH	Tiếng anh B	x	x
10	Nguyễn Ngọc	Thủy		25/05/1984	Giáo viên âm nhạc	TH Bát Tràng	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2.66	V.07.03.09	ĐHSP	12/2018	x	Tiếng anh B	x	x
11	Phùng Hải	Yến		22/08/1994	Giáo viên cơ bản	TH Bát Tràng	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	4N 1TH	2.06	V.07.03.09	CĐSP	06/2015	x	Tiếng anh A2	x	x
12	Nguyễn Thị	Xuân		01/01/1983	Giáo viên cơ bản	TH Bát Tràng	01/11/2012	01/05/2013	05/05/2017	8N 1TH	2.46	V.07.03.09	CĐSP	03/2010	x	Tiếng anh C	x	x
13	Nguyễn Thị Thu	Hồng		08/03/1981	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	11.2009	x	B	x	x
14	Bùi Thị	Thu		10/09/1980	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	8.2015	x	A2	x	x
15	Nguyễn Thị Hải	Anh		10/02/1977	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	11.2009	x	A2	x	x
16	Lê Thị	Ngọc		17/07/1986	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2.66	V.07.03.09	ĐH	05.2013	x	B	x	x
17	Phạm Thị Kiều	Trang		15/04/1991	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/10/2011	01/04/2012	05/05/2017	9N 1TH	2.46	V.07.03.09	ĐH	10.2016	x	B	x	x
18	Nguyễn Thị Vân	Anh		03/04/1980	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	11.2009	x	B	x	x
19	Thạch Bảo	Trâm		09/05/1993	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/09/2014	01/03/2015	05/05/2017	6N 1TH	2,26	V.07.03.09	ĐH	08.2017	x	B	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
20	Phùng Thị Bích	Liên		15/08/1989	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/12/2010	01/06/2011	05/05/2017	10N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	12.2015	x	B	x	x
21	Nguyễn Thị Hồng	Vân		22/05/1982	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	09.2006	x	B	x	x
22	Trần Thị Mai	Hồng		26/02/1982	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	06.2005	x	B	x	x
23	Nguyễn Thị Hồng	Vân		08/09/1977	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/07/2007	01/01/2008	05/05/2017	13N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	12.2015	x	B	x	x
24	Mai Thị	Ngoan		20/08/1978	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	02.2005	x	C	x	x
25	Trần Thị Thu	Thủy		10/11/1975	PHT	TH Cao Bá Quát	01/09/1994	01/03/1996	05/05/2017	26N 1TH	4.06	V.07.03.09	ĐH	11.2007	x	C	x	x
26	Phạm Thị	Lượng		24/02/1991	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/11/2012	01/5/2013	05/05/2017	8N 1TH	2.46	V.07.03.09	ĐH	11.2015	x	c	x	x
27	Nguyễn Thị	Lan		01/01/1989	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/11/2012	01/05/2013	05/05/2017	8N 1TH	2.46	V.07.03.09	ĐH	8.2015	x	A2	x	x
28	Nguyễn Thị	Kỷ		32781	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/09/2014	01/09/2015	05/05/2017	6N 1TH	2,26	V.07.03.09	ĐH	7,2012	x	B	x	x
29	Trần Xuân	Lập	23/7/1978		Giáo viên	TH Cao Bá Quát	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	4,2014	x	B	x	x
30	Nguyễn Thị	Lệ		15/8/1993	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	1/11/2013	01/5/2014	05/05/2017	7N 1TH	2,26	V.07.03.09	ĐH	1,2018	x	B	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
31	Dương Thị Phương	Loan		7/6/1992	Giáo viên	TH Cao Bá Quát	1/11/2012	1/05/2013	05/05/2017	8N 1TH	2,46	V.07.03.09	ĐH	11,2015	x	B	x	x
32	Lê Đào	Thanh		16/04/1985	GV Tin học	TH Cổ Bi	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	03/2010	ĐH	Anh C	x	x
33	Nguyễn Thị	Thơm		07/10/1982	GV Ngoại ngữ	TH Cổ Bi	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	12/2007	x	Anh B2, Trung B	x	x
34	Trần Thị	Kiều		20/05/1986	GV Thể dục	TH Cổ Bi	01/12/2010	01/06/2011	05/05/2017	10N 1TH	2.66	V.07.03.09	ĐH	08/2017	x	Anh C	x	x
35	Đoàn Thị Thu	Hương		24/08/1974	GV Mỹ thuật	TH Cổ Bi	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh C	x	x
36	Phạm Thị Ngọc	Lan		05/11/1985	Giáo viên	TH Dương Hà	1/12/2009	1/6/2010	1/6/2016	11N 1TH	2.66	V.07.03.09	ĐH	6/08	x	C	x	x
37	Nguyễn Thị	Bích		12/1/1978	Giáo viên	TH Dương Hà	1/1/2007	1/7/2007	1/7/2015	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	CĐ	10/99	x	B	x	x
38	Nguyễn Thị	Phương		07/08/1990	Giáo viên	TH Dương Hà	1/11/2012	11/10/2013	1/10/2015	8N 1TH	2.46	V.07.03.09	CĐ	7/11	x	B	x	x
39	Nguyễn Thị Thuỷ	Hằng		09/04/1992	Giáo viên	TH Dương Hà	1/1/2016	1/7/2016	1/7/2016	4N 1TH	2.06	V.07.03.09	CĐ	6/14	x	A2	x	x
40	Nguyễn Thị Thu	Hằng		31/08/1994	Giáo viên	TH Dương Hà	1/1/2016	1/7/2016	1/7/2016	4N 1TH	2.06	V.07.03.09	ĐH	05/2008	x	B	x	x
41	Phạm Thị	Phượng		21/11/1977	Giáo viên	TH Dương Quang	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	Đại học	11/2009	x	C	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đã tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
42	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		27/01/1989	Giáo viên	TH Dương Quang	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	Đại học	07/2009	x	B	x	x
43	Nguyễn Thị Mai	Anh		26/03/1993	Giáo viên	TH Dương Quang	01/09/2014	01/03/2015	05/05/2017	6N 1TH	2,26	V.07.03.09	Đại học	11/2016	x	B	x	x
44	Đào Lệ	Thu		27/02/1979	Giáo viên	TH Dương Quang	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	Đại học	11/2009	x	C	x	x
45	Nguyễn Thị Thùy	Anh		15/01/1983	Tổ trưởng chuyên môn	TH Dương Quang	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	Đại học	07/2009	x	B	x	x
46	Nguyễn Hồng	Duyên		11/02/1994	Giáo viên	TH Dương Quang	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	4N 1TH	2,06	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2015	x	C	x	x
47	Đào Thị	Lý		17/12/1977	Tổ trưởng chuyên môn	TH Dương Quang	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	Đại học	06/2007	x	B	x	x
48	Dương Thị	Nhung		08/06/1981	Giáo viên	TH Dương Xá	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	12/06/2002	x	B	x	x
49	Phạm Thị	Hạnh		29/03/1977	Giáo viên	TH Dương Xá	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	26/04/2001	x	ĐH	x	x
50	Nguyễn Thị Thu	Hiền		06/01/1977	Giáo viên	TH Dương Xá	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	CĐ	22/08/1999	x	B	x	x
51	Nguyễn Thị	Phương		20/04/1982	Giáo viên	TH Dương Xá	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	06/08/2003	x	B	x	x
52	Nguyễn Thị	Đông		21/11/1988	Giáo viên	TH Dương Xá	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	15/05/2013	x	B	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
53	Trần Thị Hồng	Hải		30/10/1980	Giáo viên - TTCM	TH Dương Xá	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	CĐ	08/10/2001	x	B	x	x
54	Bùi Thị Hải	Yến		23/12/1993	Giáo viên	TH Dương Xá	01/09/2014	01/03/2015	05/05/2017	6N 1TH	2,26	V.07.03.09	CĐ	11/06/2014	x	B	x	x
55	Nguyễn Thị Hoàng	Anh		12/12/1979	Giáo viên	TH Dương Xá	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	12/06/2000	x	B	x	x
56	Nguyễn Thị	Hồng		30/04/1992	Giáo viên	TH Dương Xá	01/11/2013	01/05/2014	01/05/2016	7N 1TH	2,46	V.07.03.09	CĐ	20/06/2013	x	B	x	x
57	Nguyễn Thị Ngân	Hà		23/06/1978	Giáo viên	TH Dương Xá	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	12/10/2000	x	B	x	x
58	Nguyễn Thị	Hạnh		07/10/1979	Giáo viên	TH Dương Xá	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	CĐ	08/10/2001	x	B	x	x
59	Nguyễn Thị	Vân		31/01/1978	Giáo viên	TH Dương Xá	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	CĐ	08/06/1998	x	B	x	x
60	Vũ Thị	Dự		18/10/1984	Giáo viên	TH Dương Xá	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	CĐ	22/06/2005	x	B	x	x
61	Nguyễn Ngọc Hoài	Phương		31/08/1982	TPT-Giáo viên	TH Dương Xá	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	CĐ	02/07/2004	x	B	x	x
62	Hoàng Bảo	Chung	19/12/1983		Giáo viên	TH Dương Xá	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	CĐ	22/06/2005	x	B	x	x
63	Nguyễn Tiến	Mạnh	22/07/1982	31/01/1982	Giáo viên	TH Dương Xá	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	06/08/2003	x	B	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
64	Hoàng Thị	Huế		07/11/1984	Giáo viên	TH Dương Xá	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	CĐ	22/06/2005	CĐ	B	x	x
65	Nguyễn Thị	Huế		19/11/1973	Giáo viên	TH Dương Xá	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	30/12/1996	x	Cao đẳng	x	x
66	Dương Thị	Hồng		07/09/1981	Phó Hiệu trưởng	TH Dương Xá	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	Đại học	21/06/2004	x	B	x	x
67	Đỗ Thị Hồng	Chúc		10/04/1983	GVVH	TH Đa Tốn	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	12/05/2015	CĐ	Anh C, A2	x	x
68	Trần Thị Ngọc	Diệp		30/09/1993	GVVH	TH Đa Tốn	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	4N 1TH	2,06	V.07.03.09	ĐH	29/12/2017	x	Anh B	x	x
69	Nguyễn Thị	Hà		26/4/1975	GVTD	TH Đa Tốn	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	26/04/1999	x	Anh C	x	x
70	Đỗ Thị Thuý	Hiền		28/04/1980	GVVH	TH Đa Tốn	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	07/11/2007	x	Anh C	x	x
71	Dương Thị	Hoa		20/03/1979	GVVH	TH Đa Tốn	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	05/11/2009	x	Anh C	x	x
72	Nguyễn Thị Thanh	Hoa		22/3/1978	GVVH-TTCM	TH Đa Tốn	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	20/07/2000	x	Anh C	x	x
73	Đào Thu	Hồng		28/09/1986	GVVH	TH Đa Tốn	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	18/07/2018	CĐ	Anh C	x	x
74	Nguyễn Thị Kim	Huệ		28/05/1989	GVVH	TH Đa Tốn	01/12/2010	01/06/2011	05/05/2017	10N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	30/05/2014	x	Anh A2, C	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
75	Đỗ Thị Thanh	Huyền		27/12/1987	GVMT	TH Đa Tốn	01/10/2011	01/04/2012	05/05/2017	9N 1TH	2,46	V.07.03.09	ĐH	28/01/2019	x	Anh A2, C	x	x
76	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		24/03/1974	GVVH	TH Đa Tốn	21/09/1994	05/03/1996	05/05/2017	#VALUE!	4,06	V.07.03.09	ĐH	05/11/2009	x	Anh C	x	x
77	Nguyễn Thị Thu	Huyền		01/11/1980	GVVH	TH Đa Tốn	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	05/11/2009	x	Anh C	x	x
78	Đỗ Thị	Hương		25/01/1977	GVVH	TH Đa Tốn	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	20/10/2016	x	Anh C	x	x
79	Đào Thị Thu	Hường		07/11/1978	GVVH- TTCM	TH Đa Tốn	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	05/11/2009	x	Anh C	x	x
80	Nguyễn Thị	Hượng		28/06/1977	GVVH	TH Đa Tốn	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	08/10/2001	x	Anh C	x	x
81	Lê Thị Tuyết	Mai		22/12/1985	GVVH- TTCM	TH Đa Tốn	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	23/06/2011	x	Anh C	x	x
82	Nguyễn Thị	Năm		01/11/1980	GVVH	TH Đa Tốn	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	CĐ	08/10/2001	x	Anh C	x	x
83	Đỗ Hồng	Nhung		02/06/1979	GVVH	TH Đa Tốn	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	12/06/2000	x	Anh C	x	x
84	Nguyễn Thị Kim	Oanh		05/03/1980	GVVH- TTCM	TH Đa Tốn	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	05/11/2009	x	Anh C	x	x
85	Nguyễn Thanh	Tâm		06/5/1987	GVVH	TH Đa Tốn	01/12/2010	01/06/2011	05/05/2017	10N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	20/10/2016	x	Anh C	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
86	Ngô Thị	Tiến		25/01/1977	GVVH	TH Đa Tốn	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	12/03/2007	x	Anh C	x	x
87	Bùi Thị	Thảo		05/07/1991	GVVH	TH Đa Tốn	01/09/2014	01/03/2015	05/05/2017	6N 1TH	2,26	V.07.03.09	CĐ	20/06/2013	x	Anh B	x	x
88	Trần Thị Kim	Thoa		22/08/1984	GVVH	TH Đa Tốn	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	26/03/2009	x	Anh A2	x	x
89	Nguyễn Thị	Hạnh		21/12/1979	PHT	TH Đặng Xá	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	07/2001	x	B	x	x
90	Nguyễn Thị	Hương		17/12/1986	Giáo viên	TH Đặng Xá	01/01/2015	01/07/2016	05/05/2017	5N 1TH	2,66	V.07.03.09	CĐ	06/2007	CĐ	B	x	x
91	Nguyễn Thị Thanh	Tú		12/02/1981	Giáo viên	TH Đặng Xá	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	CĐ	08/2003	x	B	x	x
92	Dương Thị Thu	Huyền		01/01/1985	Giáo viên	TH Đặng Xá	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	CĐ	05/2008	x	B	x	x
93	Bùi Thanh	Hảo		26/05/1987	Giáo viên	TH Đặng Xá	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	05/2013	x	B	x	x
94	Trần Thị Hải	Yến		27/19/1979	Giáo viên	TH Đặng Xá	01/08/2008	01/06/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	6/2001	x	B	x	x
95	Nguyễn Thị	Lượng		02/07/1993	Giáo viên	TH Đặng Xá	01/11/2013	01/05/2014	05/05/2017	7N 1TH	2,26	V.07.03.09	ĐH	01/2018	x	B	x	x
96	Nguyễn Thị	Hạnh		31/10/1981	Phó HT	TH Đồng Dư	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	ĐH	7/2003	x	A2	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
97	Lê Thị	Huyền		04/04/1984	GV-TT	TH Đông Dư	01/12/2009		05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	CĐ	7/2007	x	C	x	x
98	Nguyễn Thị Thu	Hiền		01/04/1983	GV	TH Đông Dư	01/12/2009	01/10/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	7/2008	ĐH	A2	x	x
99	Nguyễn Thị Diệu	Linh		23/12/1991	GV	TH Đông Dư	29/10/2013	22/07/2014	05/05/2017	#VALUE!	2,46	V.07.03.09	ĐH	8/2015	x	A2	x	x
100	Nguyễn Thanh	Hiền		11/09/1981	Phó Hiệu trưởng	TH Đinh Xuyên	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	Đại học	05/09/2006	x	A2	x	x
101	Nguyễn Thị	Lương		26/10/1979	GV cơ bản	TH Đinh Xuyên	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	Đại học	05/11/2009	x	B	x	x
102	Lâm Thị	Hoài		20/09/1989	GV cơ bản	TH Đinh Xuyên	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,86	V.07.03.09	Đại học	17/12/2012	x	A2	x	x
103	Doãn Thị	Hằng		18/10/1987	GV cơ bản	TH Đinh Xuyên	01/11/2013	01/05/2014	05/05/2017	7N 1TH	2,46	V.07.03.09	Đại học	29/09/2017	x	A2	x	x
104	Chu Thị	Khiên		29/05/1989	GV cơ bản	TH Kiều Kỵ	01/12/2010	01/06/2011	05/05/2017	10N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	A2	x	x
105	Nguyễn Thị	Nhâm		01/08/1980	TTCM,GV cơ bản	Kiều Kỵ	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	06/2007	x	A2	x	x
106	Nguyễn Tuyết	Nhung		11/10/1986	GV cơ bản	Kiều Kỵ	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/2011	x	A2	x	x
107	Cù Thị Khánh	Phương		21/11/1985	TTCM,GV cơ bản	Kiều Kỵ	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/2009	x	A2	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
108	Đinh Thị Ánh	Sao		12/09/1977	TTCM,GV cơ bản	Kiều Kỵ	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	07/2000	x	A2	x	x
109	Lê Thị	Tường		10/06/1981	PHT	Kiều Kỵ	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	11/2009	x	A2	x	x
110	Nguyễn Thị	Xuyến		15/02/1986	GV cơ bản	Kiều Kỵ	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	01/2011	x	A2	x	x
111	Lê Ngọc	Tuyền	12/11/1988		Giáo viên Tin học	Kiều Kỵ	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	4N 1TH	2,06	V.07.03.09	ĐH	06/2013	ĐH	A2	x	x
112	Lê Thị	Nhanh		01/08/1986	GV cơ bản	Kiều Kỵ	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	06/2009	x	A2	x	x
113	Vũ Thị	Vân		25/5/1983	PHT	Kiều Kỵ	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	06/2007	x	C	x	x
114	Nguyễn Trung	Dũng	22/2/1978		PHT	TH Kim Lan	1/1/2007	1/7/2007	5/5/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/2009	x	A2	x	x
115	Trương Thị Vân	Anh		26/9/1987	GV	TH Kim Lan	1/10/2011	1/4/2012	5/5/2017	9N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	8/2015	x	A2	x	x
116	Đỗ Thị Hải	Lý		22/2/1989	GV	TH Kim Lan	1/12/2010	1/6/2011	5/5/2017	10N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	8/2014	x	A2	x	x
117	Đào Thị	Phương		30/5/1989	GV	TH Kim Lan	1/10/2011	1/4/2012	5/5/2017	9N 1TH	2,46	V.07.03.09	ĐH	5/2014	x	A2	x	x
118	Vũ Thị Thanh	Nhàn		27/08/1979	PHT - CTCĐ	TH Kim Sơn	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	C	x	BKB

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
119	Đỗ Thị Phương	Thảo		23/10/1980	GVCB	TH Kim Sơn	01/7/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	12/2005	x	B	x	x
120	Nguyễn Thị Lan	Hương		09/07/1878	TTCM tổ 1	TH Kim Sơn	01/7/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	7/2000	x	B	x	x
121	Nguyễn Thị Thu	Hiền		20/4/1989	GVCB	TH Kim Sơn	01/10/2011	1/4/2012	05/05/2017	9N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	5/2014	x	A2	x	x
122	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		14/2/1981	GVCB	TH Kim Sơn	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	6/2012	x	A2	x	x
123	Phan Hương	Giang		02/02/1983	TTCM tổ BM	TH Kim Sơn	01/7/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	6/2005	x	A2	x	x
124	Quách Thị	Thư		15/9/1982	GV Mỹ thuật	TH Kim Sơn	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	3/2009	x	A2	x	x
125	Phạm Thị	Thủy		30/06/1984	GV Tin học	TH Kim Sơn	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	4/2012	ĐH	B	x	x
126	Nguyễn Thị	Lộc		18/05/1988	GV Thể dục	TH Kim Sơn	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	8/2009	x	A2	x	x
127	Lê Thị Nga	Huyền		31/3/1987	GVTA	TH Kim Sơn	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	6/2010	x	C	x	x
128	Phùng Thị	Thu		23/9/1985	GVCB	TH Kim Sơn	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	3/2014	x	C	x	x
129	Trần Thị	Hải		09/3/1985	GVVH	Trường TH Lê Chi	01/07/2008	01/04/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	17/12/2012	x	B	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ điều chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
130	Nguyễn Thị	Hương		12/10/1976	GVVH	Trường TH Lệ Chi	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	10/08/2001	x	B	x	x
131	Nguyễn Thị Cẩm	Lai		11/06/1990	GVVH	Trường TH Lệ Chi	01/10/2011	01/04/2012	05/05/2017	9N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	23/05/2014	x	B	x	x
132	Nguyễn Thị	Hiền		15/08/1974	GVVH	Trường TH Lệ Chi	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	20/08/2002	x	A2	x	x
133	Vũ Thị	Thảo		20/12/1984	GVVH	Trường TH Lệ Chi	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	09/10/2018	x	B	x	x
134	Vũ Thị	Mưa		23/02/1977	GVVH	Trường TH Lệ Chi	01/07/2008	01/03/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	22/12/2000	x	ĐH tiếng Trung	x	x
135	Nguyễn Văn	Toàn	15/08/1990		GVVH	Trường TH Lệ Chi	01/11/2013	01/05/2014	05/05/2017	7N 1TH	2,26	V.07.03.09	ĐH	31/12/2015	x	B	x	x
136	Nguyễn Thị	Hiền		01/01/1988	GVVH	Trường TH Lệ Chi	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	15/05/2013	x	B	x	x
137	Trần Thị Minh	Hiền		4/12/1972	Hiệu trưởng	TH Lê Ngọc Hân	1/3/1992	3/1994	1/8/2017	28N 1TH	4.06	V.07.03.09	ĐHSP	2009	x	A2	x	x
138	Nguyễn Bá	Sang	20/3/1997		GVTD	TH Lê Ngọc Hân	1/7/2008	1/1/2009	5/5/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐHTDTT	2007	x	C	x	x
139	Lý Thị	Thơ		6/11/1988	GVCB	TH Lê Ngọc Hân	1/12/2010	1/6/2011	1/12/2010	10N 1TH	2.66	V.07.03.09	ĐHSP	2014	x	A2	x	x
140	Nguyễn thị	Hoài Anh		30/10/1984	TPT	TH Lê Ngọc Hân	1/1/2007	1/7/2007	1/7/2007	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	CĐSP nhạc họa TW	2006	x	B	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
141	Bùi Thị	Thúy		19/9/1989	GVCB	TH Lê Ngọc Hân	1/11/2013	1/5/2014	1/5/2016	7N 1TH	2.26	V.07.03.09	ĐHSP	2015	x	B	x	x
142	Đàm Thị Thu	Hằng		24/10/1988	GVCB	TH Lê Ngọc Hân	1/11/2012	1/5/2013	1/5/2013	8N 1TH	2.46	V.07.03.09	ĐHSP	2016	x	C	x	x
143	Nguyễn thị	Nhung		24/1/1988	GVCB	TH Lê Ngọc Hân	1/12/2010	1/6/2011	1/5/2017	10N 1TH	2.66	V.07.03.09	CĐSP	2010	x	C	x	x
144	Hồ Thị Minh	Hiền		29322	GVMT	TH Lê Ngọc Hân	01/01/2007	1/07/2007	01/7/2015	13N 1TH	3.08	V.07.03.09	CĐSP	2003	x	B	x	x
145	Nguyễn Thu	Loan		05/6/1983	Giáo viên cơ bản	TH Ninh Hiệp	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	ĐH	09/2008	x	C	x	x
146	Lê Thị Thùy	Linh		15/9/1990	Giáo viên cơ bản	TH Ninh Hiệp	01/10/2014	01/04/2015	05/05/2017	6N 1TH	2.26	V.07.03.09	ĐH	06/2015	x	A2	x	x
147	Lê Thị Nguyệt	Ánh		06/10/1977	Giáo viên cơ bản	TH Ninh Hiệp	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	07/2000	x	B	x	x
148	Đào Lê	Khanh		29/9/1990	Bí thư chi đoàn - Giáo viên Mỹ thuật	TH Ninh Hiệp	01/11/2012	01/05/2013	05/05/2017	8N 1TH	2.46	V.07.03.09	ĐH	10/2015	x	C	x	x
149	Nguyễn Thị	Thoa		13/10/1988	Giáo viên Thể dục	TH Ninh Hiệp	01/11/2012	01/05/2013	05/05/2017	8N 1TH	2.46	V.07.03.09	ĐH	06/2012	x	C	x	x
150	Bùi Đắc	Kiên	18/8/1980		Tổ trưởng CM - GV Thể dục	TH Ninh Hiệp	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	09/2013	x	B	x	x
151	Nguyễn Thị Diệu	Thúy		22/02/1989	Giáo viên cơ bản	TH Ninh Hiệp	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	12/2012	x	C	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
152	Lâm Thị	Hà		03/05/1990	Giáo viên cơ bản	TH Ninh Hiệp	01/10/2011	01/04/2012	05/05/2017	9N 1TH	2.66	V.07.03.09	ĐH	10/2016	x	C	x	x
153	Đỗ Thị Hoàng	Mai		02/07/1979	Giáo viên	TH Nông Nghiệp	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	ĐH	03/2009	x	A2	x	x
154	Nguyễn Thị	Huyền		25/12/1974	Giáo viên	TH Nông Nghiệp	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	CĐ	06/2000	x	A2	x	x
155	Lưu Thị	Thủy		16/12/1974	Giáo viên	TH Nông Nghiệp	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	06/1997	x	A2	x	x
156	Nguyễn Thị	Mùi		23/03/1980	Tổ trưởng CM	TH Nông Nghiệp	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	ĐH	11/2007	x	A2	x	x
157	Nguyễn Thanh	Chương	05/06/1975		Giáo viên	TH Nông Nghiệp	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	07/2015	x	Trung B	x	x
158	Nguyễn Thị	Hiền		26/11/1982	GV TH	TH Phù Đổng	01/12/2010	01/06/2011	05/05/2017	10N 1TH	2.66	V.07.03.09	CĐ	10/2004	x	B	x	x
159	Phạm Thùy	Linh		09/4/1990	GV TH	TH Phù Đổng	01/01/2016	01/07/2016	05/05/2017	4N 1TH	2.06	V.07.03.09	Đại học	8/2012	x	B	x	x
160	Nguyễn Thị Thu	Hường		20/10/1983	GV TH	TH Phù Đổng	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	12/2012	x	B	x	x
161	Nguyễn Thị Tuyết	Mai		05/3/1985	GV TH	TH Phù Đổng	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	CĐ	6/2006	CĐ	A2	x	x
162	Nguyễn Thị	Hạnh		07/4/1991	GV TH	TH Phù Đổng	01/12/2012	01/05/2013	05/05/2017	8N 1TH	2.46	V.07.03.09	ĐH	7/2012	x	B	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ điều kiện, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
163	Trần Thị	Vượng		18/8/1977	GV TH	TH Phú Đồng	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	7/2004	x	B	x	x
164	Vũ Thị Thu	Thúy		27/12/1978	GV TH	TH Phú Đồng	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	12/2012	x	B	x	x
165	Nguyễn Thị	Thảo		18/02/1992	GV TH	TH Phú Đồng	01/11/2013	01/05/2014	05/05/2017	7N 1TH	2,26	V.07.03.09	ĐH	9/2017	x	C	x	x
166	Thạch Thị Huyền	Trang		10/11/1992	GV TH	TH Phú Đồng	01/11/2013	01/05/2014	05/05/2017	7N 1TH	2,26	V.07.03.09	ĐH	12/2016	CĐ	C	x	x
167	Nguyễn Thị	Hương		03/10/1987	Giáo viên	TH Phú Thị	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	11/2016	ĐH	C	x	x
168	Nguyễn Thị	Đan		20/09/1983	Giáo viên	TH Phú Thị	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	08/2003	x	B	x	BKTP
169	Ngô Thị	Nga		10/5/1980	Giáo viên - TTCM	TH Quang Trung	01/7/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	08/2003	x	B	x	x
170	Nguyễn Thị Thu	Hằng		30/11/1975	Giáo viên - TTCM	TH Quang Trung	01/9/1994	01/9/1994	05/5/2017	26N 1TH	4,06	V.07.03.09	ĐH	8/2010	x	A2	x	x
171	Nguyễn Thị Lan	Phương		18/10/1974	Giáo viên - TTCM	TH Quang Trung	01/7/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	12/2012	x	B	x	x
172	Đào Thúy	Hằng		26/11/1988	Giáo viên	TH Quang Trung	01/10/2011	01/04/2012	05/05/2017	9N 1TH	2,46	V.07.03.09	ĐH	06/2010	x	B	x	x
173	Đoàn Thị Thanh	Hoài		08/05/1988	Giáo viên	TH Quang Trung	01/11/2012	01/5/2013	05/05/2017	8N 1TH	2,46	V.07.03.09	CĐ	07/2012	x	A2	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
174	Nguyễn Thu	Phương		20/8/1984	Giáo viên	TH Quang Trung	01/01/2007	01/7/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	03/2009	x	B	x	x
175	Ngô Thúy	Ngọc		17/06/1975	Giáo viên	TH Quang Trung	01/01/1997	01/01/1997	05/05/2017	23N 1TH	4,06	V.07.03.09	ĐH	11/2007	x	A2	x	x
176	Lê Thị Ánh	Minh		05/6/1983	Phó HT	Tiền Phong	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,26	V.07.03.09	ĐH	07/1999	x	B	x	x
177	Vũ Thị Hồng	Anh		29/7/1987	Giáo viên	Tiền Phong	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	06/2009	x	B	x	x
178	Đào Hải	Cương	02/10/1984		Giáo viên	Tiền Phong	01/7/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/2009	ĐH	A2	x	x
179	Nguyễn Thu	Hà		17/7/1988	Giáo viên	Tiền Phong	01/11/2012	01/05/2013	05/05/2017	8N 1TH	2,46	V.07.03.09	ĐH	07/2010	x	C	x	x
180	Đào Thị Thu	Huyền		24/01/1978	Giáo viên-TTCM	Tiền Phong	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	07/2000	x	A2	x	x
181	Đỗ Thị Thu	Huyền		17/05/1979	Giáo viên	Tiền Phong	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	CĐ	10/2001	x	C	x	x
182	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		06/07/1983	Giáo viên	Tiền Phong	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	CĐ	06/2005	x	A2	x	x
183	Phạm Hồng	Mai		06/12/1988	Giáo viên	Tiền Phong	01/10/2011	01/04/2012	05/05/2017	9N 1TH	2,46	V.07.03.09	ĐH	04/2010	x	A2	x	x
184	Lê Thị Ánh	Ngọc		30/09/1988	Giáo viên	Tiền Phong	01/09/2014	01/03/2015	05/05/2017	6N 1TH	2,26	V.07.03.09	CĐ	01/2011	x	A2	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
185	Đặng Thị Thanh	Nhàn		23/05/1977	Giáo viên	Tiền Phong	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	04/2014	x	A2	x	x
186	Đặng Thị Bích	Quyên		15/12/1990	Giáo viên	Tiền Phong	01/10/2011	01/04/2012	05/05/2017	9N 1TH	2,46	V.07.03.09	ĐH	10/2016	x	A2	x	x
187	Nguyễn Thị	Soan		12/04/1977	Giáo viên	Tiền Phong	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/2009	x	C	x	x
188	Vũ Thị	Thủy		02/08/1977	Giáo viên	Tiền Phong	01/09/1998	01/03/1999	05/05/2017	22N 1TH	3,86	V.07.03.09	ĐH	09/2008	x	C	x	BKTWWĐ
189	Nguyễn Thị	Thúy		28/01/1982	Giáo viên	Tiền Phong	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	04/2013	x	A2	x	x
190	Nguyễn Bích	Tường		21/04/1969	Giáo viên	Tiền Phong	01/09/1992	01/03/1994	05/05/2017	28N 1TH	4,06 VK 6%	V.07.03.09	ĐH	11/2007	x	A2	x	x
191	Nguyễn Thị	Phương		01/07/1989	Giáo viên	Tiền Phong	01/12/2010	01/06/2011	05/05/2017	10N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	04/2014	x	A2	x	x
192	Lê Quỳnh	Mai		17/06/1993	Giáo viên	Tiền Phong	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	4N 1TH	2,06	V.07.03.09	ĐH	05/2015	x	A2	x	x
193	Vũ Thu	Huyền		02/08/1988	Giáo viên	TT Trâu Quỳ	01/11/2013	01/05/2014	5/5/2017	7N 1TH	2,26	V.07.03.09	ĐH	12/2012	x	C	x	x
194	Phạm Thị Thu	Huyền		18/11/1979	Giáo viên	TT Trâu Quỳ	01/12/2009	01/06/2010	5/5/2017	11N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	4/2006	x	ĐH	x	x
195	Nguyễn Thị Minh	Phương		23/04/1991	Giáo viên	TT Trâu Quỳ	01/11/2013	01/05/2014	5/5/2017	7N 1TH	2,46	V.07.03.09	ĐH	5/2013	x	A2	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
196	Đinh Mai	Trang		19/09/1987	Giáo viên	TT Trâu Quỳ	01/10/2011	1/4/2012	5/5/2017	9N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	8/2015	x	A2	x	BKTP
197	Vũ Thị Tú	Uyên		12/07/1977	Giáo viên	TT Trâu Quỳ	01/01/2007	1/7/2007	5/5/2017	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	ĐH	10/2013	x	A2	x	x
198	Nguyễn Thị Tú	Uyên		15/03/1992	Giáo viên	TT Trâu Quỳ	01/11/2013	1/5/2014	5/5/2017	7N 1TH	2.26	V.07.03.09	ĐH	8/2015	x	A2	x	x
199	Trần Thị Ngọc	Huyền		26/1/1993	Giáo viên	TT Trâu Quỳ	01/09/2014	1/3/2015	5/5/2017	6N 1TH	2,26	V.07.03.09	CĐ	6/2014	x	A2	x	x
200	Nguyễn Thị	Hữu		29/09/1981	Giáo viên	TT Trâu Quỳ	01/12/2009	1/9/2010	5/5/2017	11N 1TH	2.66	V.07.03.09	CĐ	9/2005	CĐ	A2	x	x
201	Nguyễn Thị Sao	Mai		10/04/1992	Giáo viên	TT Trâu Quỳ	01/09/2014	1/3/2015	5/5/2017	6N 1TH	2,26	V.07.03.09	CĐ	6/2013	x	A2	x	x
202	Nguyễn Thị Thu	Trang		27/09/1993	Giáo viên	TT Trâu Quỳ	01/09/2014	1/3/2015	5/5/2017	6N 1TH	2,26	V.07.03.09	CĐ	6/2014	x	B	x	x
203	Nguyễn Thị Phương	Lan		10/07/1994	Giáo viên	TT Trâu Quỳ	01/01/2016	01/07/2016	01/7/2016	4N 1TH	2,06	V.07.03.09	CĐ	6/2015	x	A2	x	x
204	Ngô Thị Bích	Ngọc		09/02/1985	Giáo viên	TT Trâu Quỳ	01/11/2013	01/05/2014	05/5/2017	7N 1TH	2,26	V.07.03.09	ĐH	01/2018	x	C	x	x
205	Nguyễn Thị	Khương	24/09/1977		Giáo viên	THTT Yên Viên	01/01/2007	01/07/2007	01/05/2017	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	ĐH	11/2007	x	B	x	x
206	Nguyễn Thị	Hạnh		19/01/1980	Giáo viên	THTT Yên Viên	01/12/2009	01/06/2010	01/05/2017	11N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	12/2012	x	B	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
207	Trần Thị Thanh	Nga		16/10/1976	Giáo viên	THTT Yên Viên	01/01/2007	01/07/2007	01/05/2017	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	ĐH	7/2009	x	B	x	x
208	Nguyễn T Hồng	Thắm		17/04/1978	Giáo viên	THTT Yên Viên	01/01/2007	01/07/2007	01/05/2017	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	ĐH	11/2009	x	B	x	x
209	Nguyễn Thu	Dung		16/10/1987	Giáo viên	THTT Yên Viên	01/01/2011	01/06/2011	01/05/2017	9N 1TH	2.66	V.07.03.09	ĐH	6/2010	x	B	x	x
210	Lê T Minh	Phương		02/07/1981	Giáo viên	THTT Yên Viên	01/07/2008	01/01/2009	01/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	12/2012	x	B	x	x
211	Lê Thị	Hòa		06/09/1977	Giáo viên	THTT Yên Viên	01/01/2001	01/07/2001	01/05/2017	19N 1TH	3.86	V.07.03.09	ĐH	4/2007	x	B	x	x
212	Nguyễn T Thu	Hằng		29/10/1978	Giáo viên	THTT Yên Viên	01/01/2007	01/07/2007	01/05/2017	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	ĐH	7/2009	x	C	x	x
213	Ngô T Kim	Thu		07/10/1981	Giáo viên	THTT Yên Viên	01/01/2007	01/07/2007	01/05/2017	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	ĐH	6/2004	x	B	x	x
214	Nguyễn Thị	Ngần		03/10/1987	Giáo viên	THTT Yên Viên	01/12/2009	01/06/2010	01/05/2017	11N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	6/2009	x	B	x	x
215	Nguyễn T Hoài	Phương		17/03/1983	Giáo viên	THTT Yên Viên	01/07/2008	01/01/2009	01/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	11/2009	ĐH	B	x	x
216	Hoàng T Thu	Hà		24/05/1979	Giáo viên	THTT Yên Viên	01/01/2007	01/07/2007	01/05/2017	13N 1TH	306	V.07.03.09	ĐH	6/2002	x	B	x	x
217	Lê Thúy	Hường		24/03/1990	Giáo viên	THTT Yên Viên	01/11/2012	01/05/2013	01/05/2017	8N 1TH	2.46	V.07.03.09	ĐH	6/2011	x	C	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
218	Ngô T Thúy	Vân		09/06/1984	Giáo viên	THTT Yên Viên	01/07/2008	01/01/2009	01/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	6/2011	x	B	x	x
219	Nguyễn Thị	Lan		21/01/1978	Giáo viên	THTT Yên Viên	01/01/2007	01/07/2007	01/05/2017	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	ĐH	7/2000	x	B	x	x
220	Trần Quang	Thái	15/05/1982		Giáo viên	THTT Yên Viên	01/07/2008	01/01/2009	01/05/2017	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	12/2007	x	A2	x	x
221	Nguyễn Thị	Vân		06/04/1980	Giáo viên	THTT Yên Viên	01/07/2009	01/01/2010	01/05/2018	11N 1TH	2.86	V.07.03.09	ĐH	7/2009	x	B	x	x
222	Lê Nguyên	Đạo	15/06/1988		Hiệu phó	TH Trung Mầu	01/12/2010	30/11/2010	05/05/2017	10N 1TH	2,66	V.07.03.09	CĐ	30/7/2009	x	C	x	x
223	Nguyễn Thị	Tư		14/6/1975	Tổ trưởng CM-GV	TH Trung Mầu	10/7/2008	15/5/2008	05/05/2018	11N 4TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	11/10/1999	x	B	x	x
224	Nguyễn Thị	Mai		01/10/1986	PHT	TH Trung Thành	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	12/2012	x	C	x	x
225	Bùi Thị Kim	Nhung		28/01/1978	Giáo viên	TH Trung Thành	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	11/2009	x	C	x	x
226	Nguyễn Thị	Hoa		10/12/1988	GV.TTCM	TH Trung Thành	01/12/2010	01/06/2011	05/05/2017	10N 1TH	2,46	V.07.03.09	ĐH	08/2012	x	C	x	x
227	Vũ Hoàng	Hà		10/09/1988	Giáo viên	TH Trung Thành	01/11/2013	01/05/2004	05/05/2017	7N 1TH	2,26	V.07.03.09	ĐH	06/2012	x	C	x	x
228	Hoàng Thị	Lương		05/11/1988	Giáo viên	TH Trung Thành	01/09/2014	01/03/2015	05/05/2017	6N 1TH	2,06	V.07.03.09	ĐH	10/2016	x	C	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
229	Kiều Thị Thu	Huyền		24/10/1989	Giáo viên	TH Trung Thành	01/10/2011	01/04/2012	05/05/2017	9N 1TH	2,46	V.07.03.09	ĐH	05/2015	x	C	x	x
230	Trần Thị Hải	Yến		13/11/1990	Giáo viên	TH Trung Thành	01/12/2010	01/06/2011	05/05/2017	10N 1TH	2,46	V.07.03.09	ĐH	07/2014	x	C	x	x
231	Đào Thị	Luyến		10/5/1981	Giáo viên	TH Văn Đức	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/2007	x	C	x	x
232	Lưu Thị Thu	Hằng		20/7/1978	GV.TTCM	TH Văn Đức	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	CĐ	08/2003	x	C	x	x
233	Phạm Thị	Bình		25/04/1977	Giáo viên	TH Văn Đức	01/7/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	10/2000	x	C	x	x
234	Chử Thị	Ngọc		28/6/1982	Giáo viên	TH Văn Đức	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	11/2009	x	C	x	x
235	Nguyễn Thị Thu	Hà		29/9/1988	GV.TTCM	TH Văn Đức	01/12/2010	01/6/2011	05/05/2017	10N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	08/2016	x	C	x	x
236	Nguyễn Thị	Hằng		15/9/1988	GV- CTCĐ	TH Văn Đức	01/12/2010	01/6/2011	05/05/2017	10N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	11/2012	x	C	x	x
237	Nguyễn Toàn	Thắng	14/7/1989		GVTD	TH Văn Đức	01/12/2010	01/6/2011	05/05/2017	10N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	06/2013	x	C	x	x
238	Lê Thị Kim	Hoa		17/10/1984	Giáo viên	TH Văn Đức	01/11/2012	01/5/2013	05/05/2017	8N 1TH	2,46	V.07.03.09	ĐH	07/2010	x	C	x	x
239	Bùi Thị Tuyết	Nhung		29/10/1987	GVTA	TH Văn Đức	01/9/2014	01/3/2015	05/05/2017	6N 1TH	2,26	V.07.03.09	THs	10/2011 và 03/2016	x	Trung C	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
240	Hoàng Thị	Hường		22/07/1978	Giáo viên	TH Yên Thường	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	07/2004	x	A2	x	x
241	Nguyễn Minh	Giang		25/05/1982	Giáo viên	TH Yên Thường	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	07/2009	x	A2	x	x
242	Trần Thị	Lệ		08/11/1977	Giáo viên	TH Yên Thường	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	ĐH	07/2000	x	C	x	x
243	Phi Thị Hồng	Nhung		04/12/1980	Giáo viên	TH Yên Thường	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	06/2000	x	B	x	x
244	Trần Thị	Quyết		30/12/1983	Giáo viên	TH Yên Thường	01/12/2009	01/06/2010	05/05/2017	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	ĐH	08/2008	x	B	x	x
245	Hoàng Thị	Lượng		19/12/1982	Giáo viên	TH Yên Thường	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	CĐ	05/2008	CĐ	B	x	x
246	Nguyễn Thị Thu	Hà		10/12/1972	Giáo viên	TH Yên Thường	01/09/1992	01/09/1994	05/05/2017	28N 1TH	4,06	V.07.03.09	ĐH	11/2007	x	A2	x	x
247	Trương Thị	Lợi		18/02/1977	Giáo viên	TH Yên Thường	01/01/2007	01/07/2007	05/05/2017	13N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	07/2004	x	B	x	x
248	Vũ Thị Thu	Huyền		30/09/1992	Giáo viên	TH Yên Thường	01/11/2012	01/05/2013	05/05/2017	8N 1TH	2,26	V.07.03.09	ĐH	11/2015	x	B	x	x
249	Nguyễn Thị Minh	Hằng		15/03/1978	Giáo viên	TH Yên Thường	01/07/2008	01/01/2009	05/05/2017	12N 1TH	2,86	V.07.03.09	ĐH	04/2010	x	B2	x	x
250	Đoàn Thị	Hảo		31/01/1993	Giáo viên	TH Yên Thường	01/11/2013	01/05/2014	05/05/2017	7N 1TH	2,06	V.07.03.09	ĐH	12/2016	x	A2	x	x

TT	Họ và	Tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
251	Nguyễn Thị Hồng	Hoa		28/04/1988	Giáo viên	TH Yên Thường	01/11/2013	01/05/2014	05/05/2017	7N 1TH	2,26	V.07.03.09	ĐH	12/2016	x	B	x	x
252	Nguyễn Thị Lộ	Hằng		24/11/1978	Giáo viên	TH Yên Thường	01/12/2010	01/06/2011	05/05/2017	10N 1TH	2,66	V.07.03.09	CĐ	10/1999	x	B	x	x
253	Trần Bích	Ngọc		15/12/1992	Giáo viên	TH Yên Thường	01/11/2013	01/05/2014	05/05/2017	7N 1TH	2,46	V.07.03.09	CĐ	06/2013	x	B1	x	x
254	Tân Thị Kim	Oanh		28/07/1978	GVTA	TH Yên Viên	01/12/2009	01/6/2010	01/6/2010	11N 1TH	2.86	V.07.03.09	Cử nhân ĐH	12/8/2003	x	TRUNG C	x	x
255	Đỗ Thị	Vân		19/10/1978	GVCB	TH Yên Viên	01/01/2007	01/7/2007	01/7/2007	13N 1TH	3.06	V.07.03.09	Cử nhân ĐH	08/7/2009	x	B	x	x
256	Đỗ Thị	Liên		09/07/1974	GVCB	TH Yên Viên	01/12/2009	01/6/2010	01/6/2010	11N 1TH	2,66	V.07.03.09	Cử nhân ĐH	02/04/2014	x	B	x	x
257	Tống Thị Ngọc	Loan		10/09/1984	GVCB	TH Yên Viên	01/7/2008	01/1/2009	01/01/2009	12N 1TH	2.86	V.07.03.09	Cử nhân ĐH	23/6/2011	x	B	x	x
258	Bùi Thị Thuý	Hường		19/10/1994	GVCB	TH Yên Viên	01/01/2016	01/7/2016	01/7/2016	4N 1TH	2.06	V.07.03.09	Cử nhân ĐH	11/5/2018	x	B	x	x
259	Nguyễn Thị Hồng	Thắm		04/01/1978	GVÂN	TH Yên Viên	01/01/2007	01/07/2007	01/07/2007	13N 1TH	3,06	V.07.03.09	CĐ	2000	x	B	x	x

Danh sách này có 259 người

Biểu mẫu 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND HUYỆN ĐÔNG ANH CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (sốNăm sốTháng, kể cảThời gian giữNgạch hoặc hạngTương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	Phạm Thúy	Huyền		*04/6/1982*	HT	TH Bắc Hồng	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N6T	3.26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	05/9/2006	x	B	x	x
2	Nguyễn Thị Thu	Trang		29/01/1982	GV	TH Bắc Hồng	1/8/2008	1/8/2008	21/04/2017	11N6T	3.46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	18/9/2008	x	C	x	x
3	Tạ Thị	Hồng		10/8/1982	GV	TH Bắc Hồng	1/12/2009	01/6/2010	21/04/2017	9N8T	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	10/10/2007	x	C	x	x
4	Ngô Thị Kim	Lý		22/6/1980	GV	TH Bắc Hồng	1/8/2008	1/2/2009	21/4/2017	11N	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	14/8/2007	x	B	x	x
5	Nguyễn Thị Lan	Minh		16/8/1980	GV	TH Bắc Hồng	1/12/2009	1/6/2010	21/04/2017	9N8T	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	18/9/2008	x	B	x	x
6	Hoàng Thị Thu	Hương		28/10/1979	GV	TH Bắc Hồng	1/1/2007	1/1/2007	21/04/2017	13N1T	3,06	V.07.03.09	CĐ-Âm nhạc	24/9/2001	x	C	x	x
7	Đỗ Thị Phương	Thúy		17/11/1984	GV	TH Bắc Hồng	1/8/2008	1/8/2008	21/04/2017	11N6T	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/7/2009	x	C	x	x
8	Phạm Văn	Biển	02/10/1973		GV	TH Bắc Hồng	15/10/2004	1/5/2005	21/04/2017	15N9T	3,06	V.07.03.09	ĐH-SP Mỹ thuật	22/3/2016	x	C	x	x
9	Nguyễn Cát	Tường	01/8/1982		GV	TH Bắc Hồng	1/8/2008	1/2/2009	21/04/2017	11N	2,66	V.07.03.09	CĐ-CNTT	22/11/2008	CĐ	A2	x	x
10	Nguyễn Thị	Hằng		04/12/1976	GV	TH Bắc Hồng	1/8/2008	1/2/2009	21/04/2017	11N	2,86	V.07.03.09	ĐH-Tiếng anh-SP	09/11/2001	x	Pháp C	x	x
11	Trần Thị Hồng	Doan		21/4/1980	GV	TH Bắc Hồng	1/12/2009	1/6/2010	21/04/2017	9N8T	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	18/9/2008	x	C	x	x
12	Lê Thị	Yến		12/9/1988	GV	TH Bắc Hồng	1/12/2010	1/6/2011	21/04/2017	8N8T	2,66	V.07.03.09	CĐ-SPTH	04/8/2010	x	C	x	x
13	Nguyễn Thị	Diễn		29/10/1983	GV	TH Đông Hội	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N	2.86	V.07.03.09	ĐH-GD Thể chất	9/2008	x	C	x	x
14	Chử Hồng	Hà	31/07/1984		GV	TH Đông Hội	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N	2.86	V.07.03.09	ĐH-GD Thể chất	6/2010	x	B	x	x
15	Nguyễn Thị	Hạnh		24/09/1982	GV	TH Đông Hội	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N6T	3.46	V.07.03.09	ĐH-SP Âm nhạc	9/2010	x	B1	x	x
16	Lê Thị Thúy	Lâm		30/05/1977	GV	TH Đông Hội	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9N8T	2.86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	12/2016	x	A2	x	x
17	Hoàng Thị	Lan		16/04/1982	GV	TH Đông Hội	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N	2.86	V.07.03.09	CĐ-Mỹ thuật	6/2006	x	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (sốNăm sốTháng, kể cả Thời gian giữNgạch hoặc hạngTương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
18	Nguyễn Thị Phương	Mai		30/07/1986	GV	TH Đông Hội	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9N8T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH-ĐH CNTT	5/2015	ĐH	A2	x	x
19	Vương Thị Minh	Quyên		04/04/1979	GV	TH Đông Hội	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N6T	3,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	7/2000	x	A2	x	x
20	Chử Thị Thanh	Tâm		15/06/1977	GV	TH Đông Hội	01/01/2010	01/07/2010	21/04/2017	9N7T	2,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	4/2014	x	A2	x	x
21	Phạm Thị Tân	Trang		10/06/1981	PHT	TH Đông Hội	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	12N7T	3,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	5/2006	x	A2	x	x
22	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết		27/10/1979	GV	TH Đông Hội	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N	2.86	V.07.03.09	ĐH-Tiếng anh	4/2010	x	Pháp C	x	x
23	Vương Thị	Tuyết		03/12/1977	GV	TH Đông Hội	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9N8T	2.86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	12/2016	x	A2	x	x
24	Nguyễn Thị Thanh	Hương		12/09/1989	GV	TH Đông Hội	01/11/2011	01/05/2012	21/04/2017	7N9T	2,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	12/2017	x	B	x	x
25	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		16/12/1986	GV	TH Đông Hội	01/11/2011	01/05/2012	21/04/2017	7N9T	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	6/2009	x	B	x	x
26	Đỗ Thị Minh	Thùy		2/8/1981	PHT	TH Văn Nội	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N6T	3,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	09/05/2006	x	A2	x	x
27	Nguyễn Thị Kim	Tuyến		17/01/1977	GV	TH Văn Nội	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N6T	3,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	15/07/1999	x	B1	x	x
28	Vương Thị Bích	Ngọc		31/05/1980	GV	TH Văn Nội	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N6T	3,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	27/08/2010	x	A2	x	x
29	Lê Thị	Hường		14/07/1977	GV	TH Văn Nội	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N6T	3,46	V.07.03.09	ĐH- GD Tiểu học	18/9/2008	x	B	x	x
30	Đặng Thị Lan	Anh		23/07/1979	GV	TH Văn Nội	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N6T	3,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/04/2013	x	C	x	x
31	Nguyễn Hồng	Nhung		2/11/1992	GV	TH Văn Nội	15/09/2014	15/03/2015	21/04/2017	4N11T	2,26	V.07.03.09	CĐ-SPGD TH	13/05/2014	x	B1	x	x
32	Nguyễn Thị	Hạnh		21/06/1980	GV	TH Văn Nội	01/12/2010	01/06/2011	21/4/2017	8N8T	2,66	V.07.03.09	CĐ-TH	11/06/2001	x	B	x	x
33	Dương Thị	Sử		20/12/1977	GV	TH Văn Nội	01/08/2008	01/08/2008	21/4/2017	11N6T	3,46	V.07.03.09	CĐ-Âm nhạc	08/10//2001	x	C	x	x
34	Ngô Kim	Huệ		26/08/1994	GV	TH Văn Nội	1/1/2006	01/07/2006	01/07/2006	3N8T	2,26	V.07.03.09	CĐ-TH	18/05/2015	x	B	x	x
35	Ngô Đức	Chính	20/12/1978		GV	TH Đại Mạch	01/01/2007	01/07/2006	21/04/2017	12N6T	3,06	V.07.03.09	CĐ- Hội họa	20/6/2000	x	A2	x	x
36	Bùi Thị	Minh		11/3/1980	GV	TH Đại Mạch	01/12/2010	01/06/2011	21/04/2017	9N7T	2,86	V.07.03.09	CĐ-TH	10/2002	x	A2	x	x
37	Vương Phương	Lâm		21/8/1980	GV	TH Đại Mạch	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N0T	2,86	V.07.03.09	ĐH-Tiếng Anh	22/11/2004	TC	Pháp C	x	x
38	Vương Xuân	Phong	1/3/1981		GV	TH Đại Mạch	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	12N6T	3,06	V.07.03.09	CĐ-GD Thể chất	12/6/2002	x	B	x	x
39	Nguyễn Thị	Thanh		6/10/1986	GV	TH Đại Mạch	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N0T	3,06	V.07.03.09	CĐ-SP Âm nhạc	20/8/2007	x	A2	x	x
40	Lê Thị Hoài	Thu		19/6/1979	GV	TH Đại Mạch	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	12N6T	3,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	20/7/2001	x	A2	x	x
41	Nguyễn Hữu	Vui	17/11/1980		GV	TH Đại Mạch	01/12/2010	01/06/2011	21/04/2017	8N9T	2,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	5/2006	x	A2	x	x
42	Lưu Thị Thu	Huyền		7/5/1986	GV	TH Đại Mạch	01/12/2010	01/06/2011	21/04/2017	8N9T	2,66	V.07.03.09	CĐ-SP Âm nhạc	20/8/2007	x	B	x	x
43	Lê Thị Hải	Yến		22/07/1982	GV	TH Đại Mạch	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N0T	2,86	V.07.03.09	ĐH-GD Thể chất	19/5/2011	x	B	x	x
44	TrầnThị Thu	Hà		14/3/1978	Tổ phó	Chuyên biệt Bình Minh	10/1/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N 6T	3,46	V.07.03.09	Cao đẳng	6/1999	x	A2	X	x
45	TrầnThị Thúy	Hà		22/01/1980	CTCĐ	Chuyên biệt Bình Minh	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N 6T	3,46	V.07.03.09	Đại học	7/2009	x	A2	X	x
46	Ngô Thị	Hiếu		30/07/1977	Tổ trưởng	Chuyên biệt Bình Minh	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N 6T	3,46	V.07.03.09	Đại học	7/1999	x	A2	X	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (sốNăm sốTháng, kể cảThời gian giữNgạch hoặc hạngTương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
47	Ngô Thị Minh	Hường		16/12/1978	TBTTND - GV	Chuyên biệt Bình Minh	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N 6T	3,26	V.07.03.09	Đại học	7/2004	x	A2	X	x
48	Trương Thị	Nga		01/01/1978	Tổ phó	Chuyên biệt Bình Minh	01/12/2010	01/06/2011	21/04/2017	8N 8T	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng	10/2000	x	A2	X	x
49	Hoàng Thị	Xuân		2/5/1979	Giáo viên - TPT	Chuyên biệt Bình Minh	01/12/2010	01/06/2011	21/04/2017	8N 8T	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng	6/2000	x	A2	X	x
50	Nguyễn Đức Vân	Anh		22/09/1990	GV	TH Văn Hà	01/11/2012	01/05/2013	21/04/2017	6N10T	2,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	6/2012	x	B	x	x
51	Đào Thị Ngọc	Bích		2/1/1984	GV	TH Văn Hà	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N1T	2,66	V.07.03.09	ĐH- SP âm nhạc	20/9/2010	x	B	x	x
52	Nguyễn Kim	Chi		11/5/1974	GV	TH Văn Hà	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N7T	4,06	V.07.03.09	CĐ-CĐTH	6/1997	x	B	x	x
53	Nguyễn Thị	Cương		8/8/1979	GV	TH Văn Hà	01/12/2009	01/06/2011	21/04/2017	9N9T	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	18/9/2008	x	B	x	x
54	Nguyễn Thị	Hồng		21/07/1979	GV	TH Văn Hà	01/12/2009	01/12/2009	21/04/2017	10N2T	3,46	V.07.03.09	CĐ-TH	6/2000	x	B	x	x
55	Ngô Thanh	Huyền		18/06/1980	GV	TH Văn Hà	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N7T	3,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	5/2006	x	B	x	x
56	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		25/06/1980	GV	TH Văn Hà	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N7T	3,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	9/2005	x	B	x	x
57	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		31/12/1992	GV	TH Văn Hà	01/11/2013	01/05/2014	21/04/2017	5N10T	2,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	12/2016	x	B	x	x
58	Dương Thị Thu	Hương		21/12/1984	GV	TH Văn Hà	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N1T	3,06	V.07.03.09	ĐH-Tin học	22/02/2011	ĐH	B	x	x
59	Nguyễn Thị Tuyết	Lê		23/05/1979	GV	TH Văn Hà	01/11/2012	01/05/2013	21/04/2017	6N10T	2,46	V.07.03.09	CĐ-TH	12/6/2000	x	B	x	x
60	Nguyễn Thị	Nga		10/6/1989	GV	TH Văn Hà	01/11/2011	01/05/2012	21/04/2017	7N10T	2,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	12/2016	x	B	x	x
61	Đỗ Thị Ngọc	Phượng		3/11/1994	GV	TH Văn Hà	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5N	2,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	9/2017	x	B	x	x
62	Ngô Thị	Quyên		21/10/1993	GV	TH Văn Hà	01/11/2013	01/05/2014	21/04/2017	5N10T	2,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	3/6/2015	x	B	x	x
63	Đỗ Thanh	Thủy		10/7/1980	GV	TH Văn Hà	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	12N8T	3,06	V.07.03.09	ĐH - Mỹ thuật	10/8/2016	x	B	x	x
64	Nguyễn Thị Bích	Thủy		13/03/1974	GV	TH Văn Hà	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N7T	3,86	V.07.03.09	CĐ-CĐTH	12/6/1997	x	B	x	x
65	Nguyễn Thị	Tình		1/4/1979	GV	TH Văn Hà	01/11/2011	01/05/2012	21/04/2017	7N10T	2,46	V.07.03.09	CĐ-TH	8/10/2001	x	B	x	x
66	Nguyễn Thị	Tuyến		11/1/1993	GV	TH Văn Hà	15/09/2014	15/03/2015	21/04/2017	5N	2,26	V.07.03.09	CĐ-SP Âm nhạc	11/6/2014	x	B	x	x
67	Phạm Hằng	Vi		7/1/1977	GV	TH Văn Hà	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N1T	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	27/05/2014	x	B	x	x
68	Bùi Thị Hoa	Xuân		12/2/1994	GV	TH Văn Hà	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5N	2,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	29/09/2007	x	B	x	x
69	Đặng Mai	Trang		22/10/1979	GV	TH Ngô Tất Tố	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	13N,1T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	7/2009	x	A2	x	x
70	Ta Tuấn	Anh	14/02/1981		GV	TH Ngô Tất Tố	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N6T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	5/2006	x	B	x	x
71	Chử Mai	Nhi		10/6/1976	GV	TH Ngô Tất Tố	01/12/2009	01/12/2009	21/04/2017	10N3T	3,46	V.07.03.09	ĐHSP	9/2008	x	C	x	x
72	Nguyễn Thị	Thắm		1/10/1977	GV	TH Ngô Tất Tố	01/12/2009	01/05/2011	21/04/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	4/2014	x	C	x	x
73	Nguyễn Thị Minh	Chính		22/08/1979	GV	TH Ngô Tất Tố	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	13N,1T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	11/2015	x	C	x	x
74	Chử Thị Vân	Anh		17/11/1977	GV	TH Ngô Tất Tố	01/12/2009	01/05/2011	21/04/2017	10N3T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	3/2005	x	C	x	x
75	Nguyễn Thị Hoài	Thanh		15/02/1978	GV	TH Ngô Tất Tố	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N6T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	4/2013	x	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (sốNăm sốTháng, kể cảThời gian giữNgạch hoặc hạngTương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
76	Nguyễn Thanh	Hương		31/05/1976	GV	TH Ngô Tất Tố	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N6T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	8/2008	x	A2	x	x
77	Nguyễn Thị	Hạnh		17/05/1974	GV NN	TH Ngô Tất Tố	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N6T	2,86	V.07.03.09	ĐHNN	4/1996	x	Pháp - C	x	x
78	Trương Thị Hồng	Hạnh		27/02/1978	GV	TH Ngô Tất Tố	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	13N,1T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	9/2008	x	B	x	x
79	Nguyễn Thị Kim	Thu		22/11/1979	GV	TH Ngô Tất Tố	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	13N,1T	3,06	V.07.03.09	CĐSP	6/2001	x	B	x	x
80	Tô Thị Hồng	Xoa		08/05/1980	Giáo viên	TH Liên Hà	01/11/2011	01/05/2012	21/04/2017	7N9T	2.46	V.07.03.09	CĐ	2001	x	C	x	x
81	Phan Thị	Hoan		19/09/1979	Giáo viên	TH Liên Hà	01/11/2011	01/05/2012	21/04/2017	7N9T	2.66	V.07.03.09	CĐ	2003	x	C	x	x
82	Trần Thế	Bảo	10/01/1981		Giáo viên	TH Liên Hà	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N	2.86	V.07.03.09	CĐ	06/2005	x	C	x	x
83	Nguyễn Thị Lệ	Thủy		30/06/1980	Giáo viên	TH Liên Hà	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	12N7T	3.06	V.07.03.09	CĐ	10/2002	x	C	x	x
84	Phạm Thúy	Hằng		09/08/1981	Giáo viên	TH Liên Hà	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	12N7T	3.06	V.07.03.09	CĐ	2003	x	C	x	x
85	Nguyễn Thị	Chân		14/08/1981	Giáo viên - NN	TH Liên Hà	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N	2.86	V.07.03.09	ĐH	2004	x	B2	x	x
86	Hoàng Thu	Hường		6/10/1987	Giáo viên	TH Liên Hà	1/1/2006	01/07/2006	01/07/2006	3N7T	2,06	V.07.03.09	ĐH	02/2017	ĐH	C	x	x
87	Dương Thị	Thu		6/2/1993	Giáo viên	TH Liên Hà	01/09/2014	01/03/2015	01/03/2015	4N11T	2,26	V.07.03.09	ĐH	2017	x	C	x	x
88	Phạm Thị	Thu		30/10/1993	Giáo viên	TH Liên Hà	1/1/2006	01/07/2006	21/04/2017	3N7T	2,06	V.07.03.09	CĐ	2017	x	C	x	x
89	Trần Thị	Oanh		19/02/1986	GVTH	TH Việt Hùng	01/11/2013	01/05/2014	21/04/2017	6N 3T	2,26	V.07.03.09	CĐSP - TH	28/07/2010	x	C	x	x
90	Nguyễn Thị Mai	Anh		18/11/1981	GVTA	TH Việt Hùng	1/8/2008	1/2/2009	21/04/2017	11N 7T	2.86	V.07.03.09	CĐNN	15/07/2002	x	B2	x	x
91	Ngô Thị	Hương		01/07/1076	GVTH	TH Việt Hùng	1/8/2008	1/2/2009	21/04/2017	11N 7T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP- TH	27/05/2014	x	A2	x	x
92	Nguyễn Văn	Hiền	16/01/1981		GVTD	TH Việt Hùng	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	10N 2T	3.46	V.07.03.09	ĐHSP-GDTC	2/2010	x	C	x	x
93	Lê Thị Hồng	Nhung		13/07/1982	GVAN	TH Việt Hùng	1/8/2008	1/2/2009	21/04/2017	11N 7T	2.86	V.07.03.09	CĐSP- AN	22/06/2005	x	C	x	x
94	Nguyễn Hồng	Tuyến		21/11/1978	GVAN	TH Việt Hùng	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N 7T	3.46	V.07.03.09	CĐSP- AN	09/11/2005	x	C	x	x
95	Công Thị Quỳnh	Trang		25/05/1990	GVTH	TH Việt Hùng	01/11/2011	01/05/2012	21/04/2017	8N 3T	2.46	V.07.03.09	ĐHSP- TH	20/10/2017	x	A2	x	x
96	Đinh Thị Thu	Hảo		06/08/1986	GV Tin học	TH Việt Hùng	1/8/2008	1/2/2009	21/04/2017	11N 7T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP Tin học	20/4/2012	ĐH	B	x	x
97	Trần Thị	Hạnh		22/07/1979	GVTH	TH Việt Hùng	1/8/2008	1/2/2009	21/04/2017	11N 7T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP- TH	09/05/2006	x	A2	x	x
98	Phạm Thị	Toan		28/01/1968	GV Tin học	TH Việt Hùng	1/8/2008	1/2/2009	21/04/2017	11N 7T	2.86	V.07.03.09	CĐ Bách Khoa - Tin học	23/11/1998	CĐ	B	x	x
99	Bùi Minh	Tuấn	15/02/1974		GV MT	TH Việt Hùng	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	13N 1T	3.06	V.07.03.09	ĐHSP- MT	10/08/2006	x	C	x	x
100	Nguyễn Thị	Tú		16/03/1979	GVTH	TH Việt Hùng	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	10N 2T	2.86	V.07.03.09	CĐSP- TH	12/10/2000	x	C	x	x
101	Nguyễn Thị Minh	Phương		12/07/1985	GVTD	TH Việt Hùng	1/8/2008	1/2/2009	21/04/2017	11N 7T	2.86	V.07.03.09	ĐHSP-GDTC	03/02/2010	x	C	x	x
102	Ngô Thị	Vân		24/01/1978	GVTH	TH Việt Hùng	1/12/2010	1/12/2010	21/04/2017	10N	2.86	V.07.03.09	ĐHSP- TH	08/04/2013	x	C	x	x
103	Bùi Thị	Thủy		4/1/1978	TPCM-GV	TH Cổ Loa	01/12/2009	1/6/2010	40184	10N9T	2,86	V.07.03.09	Đại học	7/2009	x	TA A2	x	x
104	Nguyễn Thị	Hồng		4/7/1977	GV	TH Cổ Loa	01/11/2011	1/5/2012	40913	7N10T	2,46	V.07.03.09	Đại học	16/11/2015	x	TA A2	x	x
105	Nguyễn Bích	Hường		21/09/1976	TTCM-GV	TH Cổ Loa	1/9/2003	1/8/2008	39455	11N7T	3,46	V.07.03.09	Đại học	12/2016	x	TA A2	x	x
106	Đào Phương	Thủy		28/09/1989	GV	TH Cổ Loa	01/11/2011	1/5/2012	21/04/2017	7N10	2,66	V.07.03.09	Đại học	12/2016	x	TA A2	x	x
107	Trương Thị	Thảo		3/2/1980	GV	TH Cổ Loa	1/8/2008	1/2/2009	21/04/2017	11N1T	2,86	V.07.03.09	Đại học	4/2013	x	TA A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (sốNăm sốTháng, kể cả Thời gian giữNgạch hoặc hạngTương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
108	Đỗ Thị Băng	Trinh		31/12/1979	GV	TH Cổ Loa	1/8/2008	1/2/2009	21/04/2017	11N1T	2,86	V.07.03.09	Cao đẳng	6/2001	x	TA A2	x	x
109	Đỗ Thị Kim	Cúc		24/10/1991	GV	TH Cổ Loa	01/11/2011	1/5/2012	21/04/2017	8N4T	2,46	V.07.03.09	Đại học	12/2016	x	TA A2	x	x
110	Nguyễn Thị	Quyên		27/09/1977	TPCM-GV	TH Cổ Loa	1/8/2008	1/8/2008	21/04/2017	11N7T	3,46	V.07.03.09	Đại học	5/2006	x	TA A2	x	x
111	Lê Thị Bích	Hoàn		8/11/1974	GV	TH Cổ Loa	1/12/2010	01/06/2011	21/04/2017	9N5T	2,66	V.07.03.09	Đại học	9/2005	x	TA A2	x	x
112	Nguyễn Thị Hồng	Lĩnh		6/10/1978	GV	TH Cổ Loa	1/11/2003	31/12/2008	21/04/2017	11N7T	3,46	V.07.03.09	Cao đẳng	7/2004	x	TA A2	x	x
113	Nguyễn Thị	Thủy		24/04/1978	GV	TH Cổ Loa	1/8/2008	1/2/2009	21/04/2017	11n1T	2,86	V.07.03.09	Đại học	4/2013	x	TA A2	x	x
114	Phan Thị Thanh	Nhàn		19/10/1982	TPCM-GV	TH Cổ Loa	21/07/2008	1/8/2008	21/04/2017	11N7T	2,86	V.07.03.09	Đại học	18/09/2008	x	C	x	x
115	Cao Thị	Huyền		17/03/1980	GV	TH Cổ Loa	1/12/2009	1/6/2010	21/04/2017	10N9T	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng	10/2001	x	TA A2	x	x
116	Nguyễn Thị	Hạnh		12/8/1978	GV	TH Cổ Loa	1/12/2009	1/6/2010	21/04/2017	10N9T	2,66	V.07.03.09	Đại học	7/2009	x	TA A2	x	x
117	Nguyễn Thị	Hương		24/12/1991	GV	TH Cổ Loa	15/09/2014	15/03/2015	21/04/2017	5N	2,26	V.07.03.09	Cao đẳng	20/06/2013	x	B1	x	x
118	Hoàng Thị Kim	Quý		8/8/1978	GV	TH Cổ Loa	1/9/2003	1/7/2007	21/04/2017	12N8T	3,06	V.07.03.09	Đại học	8/2008	x	TA A2	x	x
119	Nguyễn Hữu	Cường	8/11/1980		GV	TH Cổ Loa	1/9/2003	1/7/2007	21/04/2017	12N8T	3,06	V.07.03.09	Đại học	2/2010	x	B	x	x
120	Nguyễn Thị Kim	Ngọc		21/02/1981	GV	TH Cổ Loa	21/07/2008	31/12/2008	21/04/2017	11N3T	3,46	V.07.03.09	Cao đẳng	6/2002	x	TA A2	x	x
121	Hoàng Thị Thu	Phương		30/10/1984	GV	TH Cổ Loa	1/8/2008	1/2/2009	21/04/2017	11N1T	2,66	V.07.03.09	Đại học	21/08/2008	ĐH	C	x	x
122	Nguyễn Thị	Quý		13/07/1985	GV	TH Cổ Loa	1/12/2009	1/6/2010	21/04/2017	10N9T	2,66	V.07.03.09	Đại học	19/05/2011	x	C	x	x
123	Nguyễn Thị Phương	Uyên		19/09/1976	GV	TH Cổ Loa	1/8/2008	1/2/2009	21/04/2017	11N1T	2,86	V.07.03.09	Đại học	27/08/2010	x	TA A2	x	x
124	Nguyễn Hương	Loan		2/5/1987	GV	TH Cổ Loa	1/12/2009	1/6/2010	40184	10N9T	2,86	V.07.03.09	Cao đẳng	7/2008	x	C	x	x
125	Phan Thị	Nhung		4/11/1977	GV	TH Võng La	1/8/2008	1/8/2008	21/4/2017	11N6T	3,66	V.07.03.09	CĐ-Âm nhạc	6/2001	x	B	x	x
126	Lê Thị	Lan		25/11/1980	GV	TH Võng La	1/8/2008	1/2/2009	21/4/2017	11N	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	18/9/2008	x	A2	x	x
127	Lưu Quang	Trung	1/3/1978		GV	TH Võng La	1/8/2008	1/8/2008	21/4/2017	11N6T	3,66	V.07.03.09	ĐH-Mỹ thuật	8/2006	x	A2	x	x
128	Nguyễn Hải	Nam	24/07/1984		GV	TH Võng La	1/8/2008	1/2/2009	21/4/2017	11N	2,86	V.07.03.09	CĐ-GD Thể chất	22/6/2005	x	B	x	x
129	Trần Thị Thu	Hương		10/8/1977	GV	TH Võng La	1/12/2009	1/12/2009	21/4/2017	10N2T	3,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	20/7/2000	x	A2	x	x
130	Nguyễn Thị Trà	My		1/8/1987	GV	TH Võng La	15/09/2014	15/03/2015	21/4/2017	4N11T	2,26	V.07.03.09	CĐ-SPGDTH	26/3/2010	x	A2	x	x
131	Lê Thị	Tươi		27/01/1992	GV	TH Võng La	15/09/2014	15/03/2015	21/4/2017	4N11T	2,26	V.07.03.09	CĐ-GDTH	6/2014	x	A2	x	x
132	Trần Thị Thu	Hằng		31/10/1984		TH Lê Hữu Tựu	01/01/2007	1/7/2007	21/04/2017	12N7T	3,06	V.07.03.09	CĐSP	15/9/2006	x	C	x	x
133	Tô Hòa	Thanh		25/01/1978		TH Lê Hữu Tựu	01/01/2007	1/7/2007	21/04/2017	12N7T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	15/7/1999	x	B	x	x
134	Nguyễn Thị	Nội		15/8/1979		TH Lê Hữu Tựu	01/01/2007	1/7/2007	21/04/2017	12N7T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	18/9/2008	x	B	x	x
135	Chu Thị	Yến		1/7/1978		TH Lê Hữu Tựu	01/01/2007	1/7/2007	21/04/2017	12N7T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	5/2006	x	C	x	x
136	Nguyễn Thị	Thanh		16/08/1983		TH Lê Hữu Tựu	1/8/2008	1/2/2009	21/04/2017	11N1T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	22/06/2005	ĐH	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (sốNăm sốTháng, kể cảThời gian giữNgạch hoặc hạngTương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
137	Nguyễn Thu	Hiền		5/5/1984		TH Lê Hữu Tựu	01/01/2007	1/7/2007	21/04/2017	12N7T	3,06	V.07.03.09	CĐSP	22/06/2005	x	C	x	x
138	Lê Thị	Xuân		30/10/1980	PHT	TH Kim Nỗ	1/12/2010	01/06/2011	21/4/2017	8N10T	2,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	7/2009	x	A2	x	x
139	Nguyễn Thị Thanh	Thủy		11/04/1977	GV	TH Kim Nỗ	1/12/2009	1/12/2009	21/4/2017	10N4T	3,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	5/2006	x	A2	x	x
140	Nguyễn Trọng	Thuận	14/03/1982		GV	TH Kim Nỗ	1/8/2008	1/2/2009	21/4/2017	11N1T	2,86	V.07.03.09	CĐ-CNTT	15/03/2008	CĐ	C	x	x
141	Nguyễn Xuân	An	07/09/1984		GV	TH Kim Nỗ	1/8/2008	1/2/2009	21/4/2017	11N1T	2,86	V.07.03.09	ĐH-GD Thể chất	22/09/2008	x	B	x	x
142	Lê Thị	Thêm		15/01/1989	GV	TH Kim Nỗ	1/11/2011	1/5/2012	21/4/2017	7N11T	2,46	V.07.03.09	CĐ-SP GDTH	2/2017	x	A2	x	x
143	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		08/09/1993	GV	TH Kim Nỗ	15/09/2014	15/03/2015	21/4/2017	5N1T	2,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	16/11/2016	x	A2	x	x
144	Lê Thùy	Trang		24/12/1986	GV	TH Kim Nỗ	1/1/2016	1/7/2016	21/4/2017	3N8T	2,06	V.07.03.09	CĐ-GDTH	24/06/2016	x	A2	x	x
145	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		20/11/1991	GV	TH Kim Nỗ	1/11/2013	1/5/2014	21/4/2017	5N11T	2,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	28/5/2015	x	A2	x	x
146	Dương Thị	Phượng		21/10/1976	GV	TH Kim Nỗ	1/8/2008	1/8/2008	21/4/2017	11N6T	3,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	20/07/2000	x	A2	x	x
147	Chử Thị	Thuyên		23/10/1984	GV	TH Kim Nỗ	1/12/2010	01/06/2011	21/4/2017	8N10T	2,66	V.07.03.09	CĐ-SP GDTH	16/2/2012	x	B	x	x
148	Nguyễn Thị Hồng	Huế		29/8/1979	GV	TH Kim Nỗ	10/1/2010	10/7/2007	21/4/2017	12N9T	3,06	V.07.03.09	ĐH-Mỹ thuật	8/2006	x	B	x	x
149	Nguyễn Phương	Thảo		29/04/1993	GV	TH Kim Nỗ	15/09/2014	15/03/2015	21/4/2017	5N1T	2,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	5/2018	x	A2	x	x
150	Trương Thu	Hương		05/09/1991	GV	TH Kim Nỗ	15/09/2014	15/03/2015	21/4/2017	5N1T	2,06	V.07.03.09	CĐ-GDTH	16/07/ 2012	x	A2	x	x
151	Trần Thị Thu	Huyền		01/02/1979	GV	TH Kim Nỗ	1/8/2008	1/8/2008	21/4/2017	11N8T	3,66	V.07.03.09	CĐ- Hội họa	24/09/ 2001	x	C	x	x
152	Nguyễn Hữu	Dũng	01/1/1978		GV	TH Xuân Canh	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N	2,86	V.07.03.09	ĐH	8/2006	x	A2	x	x
153	Lê Thị	Hằng		15/02/1989	GV	TH Xuân Canh	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7N10T	2,66	V.07.03.09	ĐH	6/2013	x	A2	x	x
154	Phan Thị Kim	Hương		20/10/1984	GV	TH Xuân Canh	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	12N7T	3,06	V.07.03.09	CĐ	12/2005	x	A2	x	x
155	Nguyễn Thị Diệu	Hường		16/11/1980	GV	TH Xuân Canh	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N	2,86	V.07.03.09	CĐ	14/05/2007	CĐ	A2	x	x
156	Nguyễn Thị	Yến		9/6/1976	GV	TH Xuân Canh	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11N6T	3,46	V.07.03.09	ĐH	3/2007	x	A2	x	x
157	Phạm Thị Hải	Hà		1/1/1985	GV	TH Xuân Canh	01/11/2012	01/09/2013	21/04/2017	6N5T	2,46	V.07.03.09	ĐH	8/2008	x	C	x	x
158	Nguyễn Thị	Hường		11/1/1980	GV	TH Xuân Canh	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	12N7T	3,06	V.07.03.09	CĐ	6/2001	x	A2	x	x
159	Đoàn Thị Kim	Chuyên		09/7/1980	GV -TTCM	TH Tô Thị Hiền	01/12/2009	01/6/2010	21/4/2017	10N2T	2,86	V.07.03.09	ĐH	9/5/2006	x	C	x	x
160	Nguyễn Thị	Toan		10/06/1980	GV - TTCM	TH Tô Thị Hiền	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	10N2T	2,86	V.07.03.09	CĐ	12/6/2002	x	C	x	x
161	Nguyễn Thị Thúy	Vân		26/02/1983	GV -TPT	TH Tô Thị Hiền	01/12/2009	01/6/2010	21/04/2017	10N2T	2,86	V.07.03.09	ĐH	5/2005	x	C	x	x
162	Đỗ Thị Minh	Phương		12/02/1985	Giáo viên	TH Tô Thị Hiền	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11N6T	2,86	V.07.03.09	CĐ	7/2007	CĐ	C	x	x
163	Nguyễn Thị Minh	Thư		01/10/1976	GV	TH Thụy Lâm	01/8/2008	01/8/2008	21/4/2017	11n 07th	3,66	V.07.03.09	CĐ-Giáo dục thể chất	12/10/2000	x	C	x	x
164	Nguyễn Thị	Hải		08/01/1984	GV	TH Thụy Lâm	01/01/2007	01/7/2007	21/4/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	ĐH-Giáo dục thể chất	16/1/2012	x	C	x	x
165	Nguyễn Thị Thu	Hằng		21/8/1977	GV	TH Thụy Lâm	01/12/2009	01/6/2010	21/4/2017	09n 09th	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	27/5/2014	x	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (sốNăm sốTháng, kể cả Thời gian giữNgạch hoặc hạngTương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
166	Dương Thị Thanh	Nhường		17/2/1984	GV	TH Thụy Lâm	01/8/2008	01/2/2009	21/4/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-SP Tin học	20/4/2012	ĐH	C	x	x
167	Kim Thị	Nhiệm		07/01/1978	TTCM-GV	TH Thụy Lâm	01/12/2009	01/12/2009	21/4/2017	10n 03th	3,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	06/12/2004	x	C	x	x
168	Đào Thị Vân	Anh		22/12/1986	GV	TH Thụy Lâm	01/12/2009	01/6/2010	21/4/2017	09n 09th	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	27/5/2014	x	B	x	x
169	Hoàng Vũ	Tuấn	10/12/1976		GV	TH Thụy Lâm	01/8/2008	01/8/2008	21/4/2017	11n 07th	3,46	V.07.03.09	ĐH-SP Âm nhạc	20/4/2012	x	C	x	x
170	Quách Thị	Thúy		08/09/1975	GV	TH Uy Nỗ	1/12/2009	1/6/2010	21/4/2017	09n 09th	2.86	V.07.03.09	ĐH-Tiếng Anh	4/8/1999	x	Pháp C	x	x
171	Nguyễn Thị	Quang		28/2/1984	GV	TH Uy Nỗ	1/8/2008	1/2/2009	21/4/2017	11n 01th	2.86	V.07.03.09	CĐ-Âm nhạc	22/6/2006	x	C	x	x
172	Nguyễn Thị	Thúy		14/7/1981	GV	TH Uy Nỗ	1/8/2008	1/2/2009	21/4/2017	11n 01th	2.86	V.07.03.09	ĐH-SP TDTT	17/9/2013	x	B	x	x
173	Ngô Thị Minh	Phương		30/8/1983	GV	TH Uy Nỗ	1/8/2008	1/8/2008	21/4/2017	11n 07th	3.26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	18/9/2008	x	B	x	x
174	Nguyễn Thu	My		4/9/1989	GV	TH Uy Nỗ	1/11/2013	1/5/2014	21/4/2017	05n 10th	2.46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	12/12/2018	x	A2	x	x
175	Lê Hồng	Vân		20/02/1983	GV	TH Uy Nỗ	1/1/2007	1/7/2007	21/4/2017	12n 08th	3.06	V.07.03.09	ThS-QLGD; ĐH-GDTH	12/6/2015 08/8/2008	x	B1	x	x
176	Đồng Thị	Hòa		14/4/1977	GV	TH Uy Nỗ	1/11/2012	1/5/2013	21/4/2017	06n 10th	2.46	V.07.03.09	CĐ-CĐ Tiểu học	9/6/1998	x	B	x	x
177	Trương Thị Ngọc	Lan		23/2/1978	PHT	TH Uy Nỗ	01/8/2006	01/8/2008	21/4/2017	11n 07th	3.06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	8/4/2013	x	C	x	x
178	Trần Thị Thu	Hiền		16/12/1981	GV	TH Uy Nỗ	01/01/2007	01/7/2007	21/4/2017	12n 08th	3.06	V.07.03.09	ĐH-Mĩ thuật	10/8/2006	x	B	x	x
179	Hứu Thị Như	Quỳnh		10/8/1991	GV	TH Uy Nỗ	1/11/2013	1/5/2014	21/4/2017	05n 10th	2.46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	16/11/2016	x	A2	x	x
180	Dương Thị	Quý		22/3/1983	GV	TH Uy Nỗ	01/12/2009	1/10/2010	21/4/2017	09n 05th	2.66	V.07.03.09	CĐ-CNTT	29/11/2006	CĐ	ĐH	x	x
181	Trần Thị	Sinh		01/01/1987	GV	TH Uy Nỗ	01/12/2010	1/6/2011	21/4/2017	08n 09th	2.66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	26/6/2009	x	B	x	x
182	Nguyễn Thúy	Lan		22/10/1978	GV	TH Uy Nỗ	1/8/2008	1/2/2009	21/4/2017	11n 01th	2.86	V.07.03.09	CĐ- Tin học	28/8/2002	CĐ	A2	x	x
183	Đào Mỹ Lệ	Hằng		15/12/1981	GV	TH Thị Trấn ĐA	01/01/2007	01/7/2007	21/4/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	09/09/2005	x	C	x	x
184	Lê Thị	Hạnh		27/10/1980	GV	TH Thị Trấn ĐA	01/12/2009	01/6/2010	21/4/2017	09n 09th	2,86	V.07.03.09	ThS-QLGD; ĐH-GDTH	12/6/ 2015; 09/05/ 2006	x	B1	x	x
185	Nguyễn Thị	Hương		13/12/1981	GV	TH Thị Trấn ĐA	01/8/2008	01/02/2009	21/4/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	05/9/2006	x	C	x	x
186	Hoàng Thị Thuỷ	Chêm		09/12/1982	GV	TH Thị Trấn ĐA	01/8/2008	01/02/2009	21/4/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	18/09/ 2008	x	C	x	x
187	Đỗ Thị Kim	Thanh		02/10/1981	GV	TH Thị Trấn ĐA	01/12/2009	01/6/2010	21/4/2017	09n 09th	2,86	V.07.03.09	Kỹ sư-CNTT	16/12/ 2013	ĐH	C	x	x
188	Lê Tuấn	Nam	11/7/1978		GV	TH Thị Trấn ĐA	01/8/2008	01/8/2008	21/04/ 2017	11n 07th	3,66	V.07.03.09	CĐ-GD Thể chất	12/10/2000	x	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (sốNăm sốTháng, kể cảThời gian giữNgạch hoặc hạngTương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
189	Nguyễn Thị Thu	Hằng		13/11/1983	PHT	TH Xuân Nộn	01/01/2007	01/7/2007	21/04/2017	12n 07th	3,06	V.07.03.09	Thạc sĩ: Quản lý giáo dục; ĐH: GDTH	12/6/2015 18/09/2008	x	B1	x	x
190	Nguyễn Thị	Duyên		16/06/1988	GV	TH Xuân Nộn	01/12/2010	01/6/2011	21/04/2017	08n 08th	2,66	V.07.03.09	Đại học-SP Âm nhạc	29/08/2013	x	A2	x	x
191	Vương Thu	Hà		02/7/1993	GV	TH Xuân Nộn	01/11/2013	01/5/2014	21/04/2017	05n 09th	2,46	V.07.03.09	Đại học-GDTH	01/12/2016	x	C	x	x
192	Nguyễn Thị	Hoàn		02/9/1993	GV	TH Xuân Nộn	15/09/2014	15/03/2015	21/04/2017	04n 11th	2,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	16/11/2016	x	C	x	x
193	Đỗ Thị	Mai		22/10/1992	GV	TH Xuân Nộn	15/09/2014	15/03/2015	21/04/2017	04n 11th	2,26	V.07.03.09	CĐ-GDTH	20/06/2013	x	C	x	x
194	Đỗ Thị Mai	Anh		23/7/1993	GV	TH Xuân Nộn	01/01/2016	01/07/2016	21/04/2017	03n 07th	2,06	V.07.03.09	CĐ-GDTH	31/03/2015	x	A2	x	x
195	Ngô Thị Tuyết	Dung		05/7/1979	GV	TH Xuân Nộn	01/8/2008	01/8/2008	21/04/2017	16n 03th	3,26	V.07.03.09	ĐH-TH	12/10/2000	x	B	x	x
196	Phạm Thu	Huyền		08/11/1977	GVTH	TH Dục Tú	01/01/2007	01/7/2007	21/04/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	27/08/2010	x	ĐH-TASP	x	x
197	Nguyễn Thị	Huế		12/9/1987	GVTH	TH Dục Tú	01/11/2011	01/5/2012	21/04/2017	07n 10th	2,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	29/03/2019	x	A2	x	x
198	Đỗ Thị Kim	Thúy		17/04/1975	TTCM - GVTH	TH Dục Tú	01/8/2008	01/8/2008	21/04/2017	11n 07th	4,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/4/2013	x	B	x	x
199	Nguyễn Thanh	Thúy		06/01/1978	GVTH	TH Dục Tú	01/8/2008	01/8/2008	21/04/2017	11n 07th	3,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/4/2013	x	B	x	x
200	Phạm Thị Thu	Huyền		20/01/1987	GVTin	TH Dục Tú	01/12/2009	01/6/2010	21/04/2017	09n 09th	2,86	V.07.03.09	ĐH-Khoa học máy tính	03/11/2010	ĐH	A2	x	x
201	Đỗ Thị	Lan		26/12/1992	GVTH	TH Dục Tú	01/11/2013	01/5/2014	21/04/2017	05n 10th	2,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	20/10/2017	x	C	x	x
202	Đặng Thị	Hảo		28/05/1983	GVTD	TH Dục Tú	01/8/2008	01/02/2009	21/04/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-Giáo dục thể chất	18/08/2006	x	C	x	x
203	Nguyễn Thị	Hồng		11/7/1978	TTCM	TH Hải Bối	01/8/2008	01/8/2008	21/04/2017	11n 07th	3,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	24/2/2004	x	A2	x	x
204	Nguyễn Thị Mai	Phương		17/4/1981	GV	TH Hải Bối	01/01/2007	01/7/2007	21/04/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	CĐ-GD Thể chất	06/8/2003	x	A2	x	x
205	Nguyễn Thị	Lan		15/8/1975	GV	TH Hải Bối	01/12/2009	01/6/2010	21/04/2017	09n 09th	2,66	V.07.03.09	CĐ-CĐ SPTH	10/8/2001	x	B	x	x
206	Hoàng Thị	Hạt		21/2/1985	GV	TH Hải Bối	01/12/2009	01/6/2010	21/04/2017	09n 09th	2,66	V.07.03.09	CĐ-SP Mỹ thuật	06/10/2008	x	A2	x	x
207	Nguyễn Thị Hải	Yến		08/11/1977	GV	TH Hải Bối	29/11/2000	01/6/2001	21/04/2017	18n 09th	3,86	V.07.03.09	ĐH-SP Mỹ thuật	27/7/2009	x	C	x	x
208	Nguyễn Thị	Hương		12/6/1978	GV	TH Hải Bối	01/8/2008	01/02/2009	21/04/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	06/12/2004	x	A2	x	x
209	Hoàng Thị Vân	Anh		18/11/1986	GV	TH Hải Bối	01/12/2009	01/6/2010	21/04/2017	09n 09th	2,66	V.07.03.09	ĐH-CNTT	30/6/2011	ĐH	B	x	x
210	Nguyễn Thị Bích	Loan		15/10/1977	GV- NN	TH Hải Bối	01/8/2008	01/02/2009	21/04/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-Tiếng Anh	01/10/2002	x	ĐH-Tiếng Nga	x	x
211	Nguyễn Thị	Vân		19/3/1987	GV	TH Hải Bối	01/01/2010	01/07/2010	21/04/2017	09n 08th	2,86	V.07.03.09	ĐH-CNTT	16/12/2013	ĐH	C	x	x
212	Nguyễn Thùy	Dung		29/10/1994	GV	TH Hải Bối	01/01/2016	01/01/2016	01/7/2016	04n 02th	2,06	V.07.03.09	CĐ-GDTH	24/5/2016	x	A2	x	x
213	Hoàng Thị	Hảo		26/9/1984	GV	TH Hải Bối	01/01/2016	01/01/2016	01/7/2016	04n 02th	2,06	V.07.03.09	CĐ-GDTH	17/11/2016	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (sốNăm sốTháng, kể cảThời gian giữNgạch hoặc hạngTương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
214	Hoàng Thị	Sáu		03/02/1985	GV	TH Hải Bối	01/01/2016	01/01/2016	01/7/2016	04n 02th	2,06	V.07.03.09	CĐ-SPGDTH	06/02/2017	x	A2	x	x
215	Trương Thị Kim	Chung		20/11/1978	GV	TH Vĩnh Ngọc	15/08/1998	01/3/1999	21/4/2017	21n 0th	3,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	28/10/2011	x	A2	x	x
216	Hoàng Thị	Hoài		20/12/1973	GV	TH Vĩnh Ngọc	01/8/2008	01/8/2008	21/4/2017	11n 07th	3,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	15/06/1997	x	A2	x	x
217	Lê Thu	Huyền		29/7/1979	GV	TH Vĩnh Ngọc	01/01/2007	01/7/2007	21/4/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	CĐ-Mỹ thuật	11/6/2001	x	C	x	x
218	Nguyễn Thúy	Hồng		16/02/1979	GV	TH Vĩnh Ngọc	01/8/2008	01/02/2009	21/4/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	04/7/2001	x	A2	x	x
219	Đặng Phương	Ngọc		25/3/1978	GV	TH Vĩnh Ngọc	01/8/2008	01/8/2008	21/4/2017	11n 07th	3,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/04/2013	x	A2	x	x
220	Nguyễn Thị	Phương		24/5/1979	GV	TH Vĩnh Ngọc	01/01/2007	01/7/2007	21/4/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	CĐ-TH	12/10/2000	x	A2	x	x
221	Trần Hồng	Thúy		10/11/1980	GV	TH Vĩnh Ngọc	01/01/2007	01/7/2007	21/4/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	ĐH-SP thể dục thể thao	17/09/2013	x	A2	x	x
222	Nguyễn Thị Thanh	Vi		21/7/1977	GV	TH Vĩnh Ngọc	01/8/2008	01/02/2009	21/4/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH- SP Tin học	20/04/2012	ĐH	A2	x	x
223	Trịnh Xuân	Loan		20/5/1980	GV	TH Vĩnh Ngọc	01/01/2007	01/7/2007	21/4/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	CĐ-SP Âm nhạc	02/11/2004	x	A2	x	x
224	Đàm Thị Thu	Điệp		10/12/1977	GVNN	TH Vĩnh Ngọc	01/12/2009	01/6/2010	21/4/2017	09n 09th	2,86	V.07.03.09	CĐSP-Anh văn	15/06/1999	x	Pháp C	x	x
225	Phạm Thị	Nhung		25/8/1980	GV-TTCM	TH Kim Chung	01/8/2008	01/8/2008	21/4/2017	11n 07th	3,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	15/12/2006	x	B	x	x
226	Nguyễn Thị Thùy	Dương		22/6/1981	GV-TTCM	TH Kim Chung	01/01/2007	01/7/2007	21/4/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	CĐ-TH	06/8/2003	x	A2	x	x
227	Đinh Thị Hương	Giang		04/4/1979	GV-TTCM	TH Kim Chung	01/8/2008	01/8/2008	21/4/2017	11n 07th	3,46	V.07.03.09	CĐ-TH	08/10/2001	x	A2	x	x
228	Lê Thị	Hương		18/9/1991	GV	TH Kim Chung	01/11/2013	01/5/2014	21/4/2017	05n 10th	2,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	16/11/2016	x	A2	x	x
229	Trần Thị Thu	Thủy		25/3/1993	GV	TH Kim Chung	01/11/2013	01/5/2014	21/4/2017	05n 10th	2,26	V.07.03.09	CĐ-SP GDTH	15/9/2015	x	A2	x	x
230	Vương Thị	Chi		24/7/1987	GV	TH Kim Chung	01/11/2012	01/5/2013	21/4/2017	06n 10th	2,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	28/5/2015	x	A2	x	x
231	Nguyễn Thị	Giang		23/10/1988	GV	TH Kim Chung	01/11/2012	01/5/2013	21/4/2017	06n 10th	2,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	12/12/2018	x	A2	x	x
232	Đặng Thị	Hiền		27/2/1989	GV	TH Kim Chung	01/11/2013	01/01/2015	21/4/2017	05n 02th	2,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	20/10/2017	x	C	x	x
233	Trần Thị Lan	Anh		03/8/1988	GV	TH Kim Chung	01/12/2010	01/6/2011	21/4/2017	08n 09th	2,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	15/5/2013	x	A2	x	x
234	Trần Thị	Trang		13/4/1991	GV	TH Kim Chung	01/11/2012	01/5/2013	21/4/2017	06n 10th	2,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	12/12/2018	x	A2	x	x
235	Phạm Thị	Huế		22/10/1992	GV	TH Kim Chung	01/11/2013	01/5/2014	21/4/2017	05n 10th	2,26	V.07.03.09	CĐ-GDTH	28/6/2013	x	A2	x	x
236	Ngô Thị Ngọc	Bích		04/9/1983	GV	TH Kim Chung	01/8/2008	01/02/2009	21/4/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-SP Mỹ thuật	26/3/2009	x	B	x	x
237	Nguyễn Minh	Tuấn	02/10/1978		GV	TH Kim Chung	01/01/2007	01/7/2007	21/4/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	CĐ-SP Mỹ thuật	20/12/2001	x	C	x	x
238	Nguyễn Thị	Thơ		28/4/1981	GV, TPCM	TH Kim Chung	01/12/2009	01/6/2010	21/4/2017	09n 09th	2,86	V.07.03.09	CĐ-TH	12/6/2002	x	C	x	x
239	Dương Thị	Lan		01/11/1980	GV	TH Kim Chung	01/8/2008	01/8/2008	21/4/2017	11n 07th	3,46	V.07.03.09	CĐ-TH	10/10/2002	x	A2	x	x
240	Nguyễn Thị Thanh	Hương		20/7/1972	GV, TPCM	TH Kim Chung	01/9/2002	01/9/2002	21/4/2017	17n 06th	4,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/12/2014	x	A2	x	x
241	Nguyễn Thị	Châm		06/10/1977	GV	TH Kim Chung	01/8/2008	01/8/2008	21/4/2017	11n 07th	3,86	V.07.03.09	ĐH-SP Tiếng anh	20/8/2012	x	Pháp - B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (sốNăm sốTháng, kể cảThời gian giữNgạch hoặc hạngTương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
242	Phạm Tố	Loan		18/7/1982	GV	TH Kim Chung	01/8/2008	01/02/2009	21/4/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	CĐ-Tin học ứng dụng	15/7/2011	CĐ	A2	x	x
243	Vũ Thị Hồng	Tươi		13/5/1976	TTCM	TH Tiên Dương	01/8/2008	01/8/2008	21/4/2017	11n 07th	3,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/4/2013	x	A2	x	x
244	Trịnh Thị	Hương		02/02/1975	TTCM	TH Tiên Dương	01/8/2008	01/02/2009	21/4/2017	11n 01th	3,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/4/2013	x	C	x	x
245	Trần Thị Hương	Thảo		31/08/1982	GV	TH Tiên Dương	01/01/2007	01/7/2007	21/4/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	ĐH- SP Âm nhạc	20/09/2010	x	C	x	x
246	Đỗ Thị Phong	Lan		01/5/1977	GV	TH Tiên Dương	01/12/2009	01/6/2010	21/04/2017	09n 09th	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/8/2008	x	C	x	x
247	Nguyễn Thị Hồng	Quyên		18/02/1977	GV	TH Tiên Dương	01/12/2009	01/6/2010	21/04/2017	09n 09th	2,86	V.07.03.09	CĐ-TH	01/7/2004	x	C	x	x
248	Dương Thị	Hồng		24/11/1984	GV	TH Tiên Dương	01/8/2008	01/02/2009	21/04/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	Kỹ sư-CNTT	14/07/2008	ĐH	A2	x	x
249	Hoàng Thị Thúy	Nga		10/12/1975	GV- NN	TH Tiên Dương	01/8/2008	01/02/2009	21/4/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-Tiếng Anh-SP	28/08/2001	x	Pháp C	x	x
250	Đỗ Thị Lan	Hương		16/08/1979	GV	TH Tiên Dương	01/01/2007	01/7/2007	21/4/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	CĐ-Giáo dục thể chất	11/6/2001	x	C	x	x
251	Nguyễn Thị Hồng	Phúc		25/07/1981	GV	TH Tiên Dương	01/01/2007	01/7/2007	21/4/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	ĐH-Giáo dục thể chất	19/05/2011.	x	C	x	BKTP
252	Đinh Thị Bích	Thủy		03/4/1978	GV	TH Tiên Dương	01/01/2007	01/7/2007	21/4/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/4/2013	x	C	x	BKTP
253	Trần Thị Thanh	Nga		23/04/1980	GV	TH Tiên Dương	01/8/2008	01/8/2008	21/4/2017	11n 07th	3,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/4/2013	x	C	x	x
254	Đỗ Phương	Lê		22/06/1981	PHT	TH Liên Hà A	01/01/2007	01/7/2007	21/04/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	09/5/2006	x	Anh Bậc 3	x	x
255	Nguyễn Thị Thu	Hằng		05/02/1981	GV	TH Liên Hà A	01/8/2008	01/02/2009	21/04/2017	11n 01th	3,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	18/9/2008	x	A2	x	BKTP
256	Nguyễn Thị	Mơ		16/081990	GV	TH Liên Hà A	15/09/2014	15/09/2015	15/09/2015	04n 06th	2,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	16/11/2015	x	B1	x	x
257	Nguyễn Thị Hương	Tuyến		17/06/1980	PHT	TH Thị Trấn A	01/8/2008	01/02/2009	21/4/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/7/2009	x	Anh bậc 3	x	BKTP
258	Nguyễn Hải	Lý		03/11/1983	GV	TH Thị Trấn A	01/8/2008	01/02/2009	21/4/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/4/2013	x	A2	x	x
259	Dương Thị Tuyết	Nhung		20/02/1976	GV	TH Thị Trấn A	01/9/1999	01/3/2000	21/4/2017	19n 12th	3,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	27/8/2010	x	A2	x	x
260	Nguyễn Thị	Thêu		03/12/1990	GV	TH Thị Trấn A	01/11/2012	01/5/2013	21/4/2017	06n 10th	2,46	V.07.03.09	CĐ-GDTH	13/6/2012	x	A2	x	x
261	Nguyễn Thị	Khánh		03/9/1981	GV	TH Thị Trấn A	01/12/2010	01/6/2011	21/4/2017	08n 09th	2,66	V.07.03.09	CĐ-GDTH	09/5/2006	x	A2	x	x
262	Nguyễn Thị	Huệ		08/8/1979	GV	TH Thị Trấn A	01/12/2010	01/12/2010	21/4/2017	09n 03th	3,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	09/5/2006	x	A2	x	x
263	Nguyễn Thị Thanh	Long		27/5/1978	GV	TH Thị Trấn A	01/12/2009	01/12/2009	21/4/2017	10n 03th	3,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	01/7/2004	x	A2	x	x
264	Lê Thị Hồng	Nhung		05/3/1974	GV	TH Thị Trấn A	20/8/1994	01/4/1996	21/4/2017	23n 11th	4,06	V.07.03.09	ĐH-SP Mỹ thuật	27/7/2009	x	C	x	x
265	Nguyễn Thị Kim	Loan		16/10/1984	GV	TH Thị Trấn A	01/8/2008	01/02/2009	21/4/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	CĐ-CNTT	29/11/2006	CĐ	A2	x	x
266	Nguyễn Thị	Chư		27/7/1978	GV	TH Thị Trấn A	01/8/2008	01/02/2009	21/4/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/4/2013	x	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (sốNăm sốTháng, kể cảThời gian giữNgạch hoặc hạngTương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
267	Nguyễn Thị Vân	Anh		26/07/1980	GV	TH Nam Hồng	01/8/2008	01/02/2009	21/04/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	CĐ-Giáo dục thể chất	12/6/2002	x	C	x	x
268	Hà Thị	Ban		26/08/1979	GV	TH Nam Hồng	01/12/2010	01/6/2011	21/04/2017	08n 09th	2,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	09/5/2006	x	A2	x	x
269	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		09/3/1993	GV	TH Nam Hồng	01/11/2013	01/5/2014	21/04/2017	05n 10th	2,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	20/10/2017	x	A2	x	x
270	Trần Thị	Chính		12/8/1980	GV	TH Nam Hồng	01/01/2007	01/7/2007	21/04/2017	12n 08th	3,26	V.07.03.09	CĐ-Mỹ thuật	30/05/2001	x	A2	x	x
271	Phan Thị	Giang		24/09/1985	GV	TH Nam Hồng	01/8/2008	01/02/2009	21/04/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-SP Âm nhạc	20/09/2010	x	A2	x	x
272	Lê Thị Lý	Hải		16/12/1979	GV-NN	TH Nam Hồng	01/8/2008	01/2/2009	21/04/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	CĐ-Anh văn	12/10/2000	x	Pháp C	X	x
273	Chu Thị	Hạnh		29/09/1976	GV	TH Nam Hồng	01/8/2008	01/8/2008	21/04/2017	11n 07th	3,66	V.07.03.09	CĐ-TH	26/08/2003	x	A2	X	x
274	Hà Thị Thu	Hiền		30/09/1978	GV	TH Nam Hồng	01/8/2008	01/8/2008	21/04/2017	11n 07th	3,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	09/5/2006	x	A2	x	x
275	Phạm Thị	Hồng		01/01/1982	GV	TH Nam Hồng	01/8/2008	01/02/2009	21/04/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	09/5/2006	x	C	x	x
276	Phan Thị	Hường		15/06/1986	GV	TH Nam Hồng	01/12/2010	01/6/2011	21/04/2017	08n 09th	2,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/4/2013	x	A2	x	x
277	Đào Thị	Lan		28/09/1985	GV	TH Nam Hồng	01/12/2009	01/6/2010	21/04/2017	09n 09th	2,66	V.07.03.09	ĐH-Tin học ứng dụng	21/5/2009	ĐH	A2	x	x
278	Ngô Thị Minh	Liên		23/09/1982	GV	TH Nam Hồng	01/12/2009	01/6/2010	21/04/2017	09n 09th	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	18/09/2008	x	A2	x	x
279	Ngô Thị	Loan		07/8/1975	GV	TH Nam Hồng	01/8/2008	01/02/2009	21/04/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	27/05/2014	x	B	x	x
280	Đinh Thị	Quỳnh		25/09/1993	GV-NN	TH Nam Hồng	01/01/2016	01/01/2016	01/7/2016	04n 02th	2,06	V.07.03.09	CĐ-SP Tiếng Anh	11/6/2014	x	Pháp C	x	x
281	Nguyễn Thị Thu	Thủy		06/7/1982	GV	TH Nam Hồng	01/8/2008	01/02/2009	21/04/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	09/5/2006	x	A2	x	x
282	Phạm Thị Thu	Trang		04/02/1993	GV	TH Nam Hồng	15/09/2014	15/03/2015	21/04/2017	05n 0th	2,26	V.07.03.09	CĐ-GDTH	28/05/2014	x	A2	x	x
283	Trần Thị Mỹ	Trâm		16/07/1977	GV	TH Nam Hồng	01/8/2008	01/02/2009	21/04/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	CĐ-TH	22/06/2002	x	A2	x	x
284	Trịnh Thị Hồng	Gấm		16/01/1977	GV	TH Tâm Xá	01/12/2010	01/6/2011	21/04/2017	08n 09th	2,66	V.07.03.09	CĐ-CĐTH	11/10/1999	x	A2	x	x
285	Nguyễn Thu	Hồng		22/11/1979	GV	TH Tâm Xá	01/8/2008	01/8/2008	21/04/2017	11n 07th	3,46	V.07.03.09	ĐH - GDTH	04/7/2001	x	A2	x	x
286	Ngô Thị Thu	Hồng		29/10/1982	GV	TH Tâm Xá	01/01/2016	01/01/2016	01/7/2016	04n 02th	2,06	V.07.03.09	ĐH - GDTH	29/09/2017	x	C	x	x
287	Lê Thị	Hà		21/11/1993	GV	TH Tâm Xá	15/09/2014	15/03/2015	21/04/2017	04n 12th	2,26	V.07.03.09	ĐH - GDTH	23/08/2017	x	B	x	x
288	Lê Thị	Hằng		25/03/1993	GV	TH Tâm Xá	01/11/2013	01/5/2014	21/04/2017	05n 10th	2,26	V.07.03.09	ĐH - GDTH	29/09/2017	x	B	x	x
289	Lê Thị Ngọc	Lan		07/12/1981	GV	TH Tâm Xá	01/01/2007	01/11/2007	21/04/2017	12n 04th	3,06	V.07.03.09	ĐH-GD Thể chất	19/05/2011	x	C	x	x
290	Hoàng Thị Ngọc	Lan		10/01/1983	GV	TH Tâm Xá	01/01/2007	01/7/2007	21/04/2017	12n 08th	2,86	V.07.03.09	CĐ-Âm nhạc	02/7/2004	x	C	x	x
291	Phạm Thị	Thủy		30/04/1984	GV	TH Tâm Xá	01/8/2008	01/02/2009	21/04/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	CĐ-CNTT	22/11/2008	CĐ	A2	x	x
292	Phan Thị	Hằng		02/01/1982	GV	TH Thụy Lâm A	01/8/2008	01/2/2009	21/04/2017	11n 01th	2,86	V.07.03.09	CĐ-CNTT	08/12/2009	CĐ	C	x	x
293	Đặng Thị	Phương		14/02/1987	GV	TH Thụy Lâm A	01/11/2011	01/5/2012	21/04/2017	07n 10th	2,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	26/06/2009	x	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (sốNăm sốTháng, kể cảThời gian giữNgạch hoặc hạngTương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đã tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
294	Lưu Thị Kim	Anh		12/8/1977	GV	TH Thụy Lâm A	01/12/1999	01/6/2000	21/04/2017	19n 09th	4,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	15/12/2006	x	B	x	x
295	Nguyễn Thị	Oanh		06/02/1982	GV	TH Thụy Lâm A	01/01/2007	01/7/2007	21/04/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	CĐ-GD Thể chất	22/06/2005	x	B	x	x
296	Lê Thị	Hiền		16/10/1990	GV	TH Thụy Lâm A	01/11/2012	01/5/2013	21/04/2017	06n 10th	2,46	V.07.03.09	CĐ-SPGD Thể chất	01/7/2011	x	B	x	x
297	Ngô Thị	Ánh		10/10/1990	GV	TH Thụy Lâm A	01/01/2016	01/01/2016	01/7/2016	04n 02th	2,06	V.07.03.09	CĐ-SPGDTH	06/02/2017	CĐ	A2	x	x
298	Lê Thị Thanh	Huyền		21/12/1981	GV	TH Thụy Lâm A	01/8/2008	01/8/2008	21/04/2017	11n 07th	3,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	09/5/2006	x	B	x	x
299	Ngô Thị Thu	Hương		23/07/1991	GV	TH Thụy Lâm A	15/09/2014	15/03/2015	21/04/2017	05n 0th	2,26	V.07.03.09	CĐ-GDTH	03/5/2013	x	B	x	x
300	Nguyễn Văn	Ánh	15/08/1978		GV	TH Thụy Lâm A	01/01/2007	01/7/2007	21/04/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	CĐ-Âm nhạc	24/09/2001	x	B	x	x
301	Nguyễn Thị	Tiền		02/10/1981	GV	TH Kim Chung	01/01/2016	01/01/2016	01/7/2016	04n 02th	2,06	V.07.03.09	CĐ- GDTH	06/02/2017	x	A2	x	x
302	Nguyễn Quang	Tuấn	04/12/1975		GV	TH Thị Trấn ĐA	01/01/2007	01/7/2007	21/04/2017	12n 08th	3,06	V.07.03.09	ĐH-SP GD Thể chất	11/07/2001	x	C	x	x

Danh sách này có 302 người.

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND HUYỆN SÓC SƠN CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*22*
1	Nguyễn Thành	Long	24/10/1976		GV văn hóa	TH Bắc Sơn A	01/10/2011	01/10/2011	21/04/2017	8năm	3.86	V.07.03.09	Đại học	22/09/2005	X	Anh-B	X	X
2	Cát Thị	Thủy		02/02/1980	GV văn hóa	TH Bắc Sơn A	01/10/2011	01/10/2011	21/04/2017	8năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	08/10/2001	X	Anh-B	X	X
3	Đỗ Thị Thùy	Chi		07/08/1979	GV văn hóa	TH Nam Sơn	01/10/2011	01/4/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	12/10/2000	X	Anh-C	X	X
4	Nguyễn Văn	Hiệp	11/08/1977		GV mỹ thuật	TH Nam Sơn	10/01/2007	10/7/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Cao đẳng	02/01/2002	X	Anh-A2	X	X
5	Nguyễn Minh	Lưu		20/11/1984	GV mỹ thuật	TH Nam Sơn	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	16/10/2012	X	Anh-A2	X	X
6	Vi Văn	Tuấn	28/05/1986		GV văn hóa	TH Nam Sơn	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	10/01/2011	X	Anh-A2	X	X
7	Nguyễn Thị	Tươi		08/10/1987	GV tin học	TH Nam Sơn	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	09/03/2015	Đại học	Anh-A2	X	X
8	Nguyễn Quốc	Hùng	15/10/1981		GV thể dục	TH Nam Sơn	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng	06/08/2003	X	Anh-B	X	X
9	Phù Thị Ngọc	Huê		26/06/1991	GV âm nhạc	TH Nam Sơn	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng	20/06/2013	X	Anh-B	X	X
10	Nguyễn Ngọc	Tiến	23/01/1976		GV văn hóa	TH Nam Sơn	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	14/06/1998	X	Anh-A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
11	Nguyễn Thị	Yến		20/10/1989	GV văn hóa	TH Nam Sơn	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng	01/07/2011	X	Anh-A2	X	X
12	Nguyễn Thị Thúy	Huệ		10/01/1981	GV âm nhạc	TH Hồng Kỳ	10/01/2007	10/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Cao đẳng	11/06/2001	X	Anh-A2	X	X
13	Phạm Thị	Lệ		08/06/1985	GV văn hóa	TH Hồng Kỳ	01/10//2011	01/10//2011	21/04/2017	8năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	10/12/2007	X	Anh-C	X	X
14	Nguyễn Thị	Lan		26/04/1991	GV thể dục	TH Hồng Kỳ	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Đại học	31/12/2015	X	Anh-A2	X	X
15	Nguyễn Như	Ngọc		05/12/1993	GV văn hóa	TH Trung Gĩa B	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Đại học	02/10/2017	X	Anh-A2	X	X
16	Phạm Thị Hương	Giang		17/10/1990	GV thể dục	TH Trung Gĩa B	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.46	V.07.03.09	Cao đẳng	01/07/2011	X	Anh-A2	X	X
17	Nguyễn Thị	Thảo		05/05/1993	GV văn hóa	TH Trung Gĩa B	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học	06/2015	X	Anh-B1	X	X
18	Khuất Thị Hồng	Hạnh		01/10/1978	GV âm nhạc	TH Tân Hưng	10/01/2007	10/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Cao đẳng	02/01/2002	X	Anh-B	X	X
19	Nguyễn Thị	Hải		03/02/1976	GV văn hóa	TH Tân Hưng	01/10/2011	01/10/2011	21/04/2017	8năm	4.06+5%	V.07.03.09	Đại học	01/12/2005	X	Anh-A2	X	X
20	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		17/04/1981	GV văn hóa	TH Tân Hưng	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	06/08/2003	X	Anh-A2	X	X
21	Vũ Thị	Nhẫn		07/04/1989	GV văn hóa	TH Tân Hưng	10/09/2009	10/03/2010	06/06/2016	10năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	08/2014	X	Anh-B	X	X
22	Nguyễn Thị	Tân		01/01/1994	GV văn hóa	TH Tân Hưng	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học	12/2008	X	Anh-A2	X	X
23	Trần Thị	Vịnh		04/11/1988	GV thể dục	TH Tân Minh A	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	06/06/2013	X	Anh-A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
24	Nguyễn Thị Hồng	Minh		12/04/1983	GV âm nhạc	TH Tân Minh A	10/01/2007	10/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Cao đẳng	06/08/2003	X	Anh-A2	X	X
25	Nguyễn Thị Thu	Luyến		24/08/1976	GV văn hóa	TH Tân Minh A	10/09/1996	10/09/1996	21/04/2017	23năm	3.86	V.07.03.09	Đại học	10/2007	X	Anh-A2	X	X
26	Nguyễn Thị Mai	Nga		18/06/1988	GV tin học	TH Tân Minh A	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học	07/2010	Đại học	Anh-A2	X	X
27	Đỗ Thị Thanh	Huyền		02/06/1980	GV văn hóa	TH Phù Linh	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Đại học	10/10/2007	X	Anh-C	X	X
28	Hà Thị Thu	Thủy		01/05/1979	GV văn hóa	TH Phù Linh	01/10/2011	01/10/2011	21/04/2017	8năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	12/12/2000	X	Anh-B	X	X
29	Trịnh Thu	Thủy		20/01/1993	GV văn hóa	TH Phù Linh	01/12/2013	01/06/2014	21/04/2017	5năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	02/10/2017	X	Anh-B	X	X
30	Phạm Thị Hiền	Thu		07/11/1982	GV văn hóa	TH Phù Linh	01/10/2011	01/10/2011	21/04/2017	8năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	28/02/2012	X	Anh-A2	X	X
31	Nguyễn Hoài	Thu		28/07/1980	GV văn hóa	TH Phù Linh	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.46	V.07.03.09	Cao đẳng	11/06/2001	X	Anh-B	X	X
32	Đào Hải	Dũng	22/11/1979		GV thể dục	TH Thị Trấn Sóc Sơn	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	22/09/2008	X	Anh-B	X	X
33	Đỗ Bích	Diệp		15/12/1980	GV văn hóa	TH Thị Trấn Sóc Sơn	01/11/2012	01/05/2013	21/04/2017	6năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	18/09/2008	X	Anh-C	X	X
34	Dương Thị	Thái		26/04/1970	GV văn hóa	TH Thị Trấn Sóc Sơn	15/11/1989	15/11/1989	21/04/2017	30năm	4.06 + 8%	V.07.03.09	Đại học	15/12/2006	X	Anh-C	X	X
35	Đào Thị	Sen		05/08/1978	GV văn hóa	TH Thị Trấn Sóc Sơn	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng	11/10/1999	X	Anh-B	X	X
36	Trịnh Thị	Hạnh		06/06/1978	GV văn hóa	TH Thị Trấn Sóc Sơn	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	06/12/2004	X	Anh-B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
37	Vũ Thị	Hoa		02/09/1982	GV văn hóa	TH Thị Trấn Sóc Sơn	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	25/06/2004	X	Anh-B	X	X
38	Nguyễn Văn	Hồng	16/01/1984		GV tin học	TH Thị Trấn Sóc Sơn	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	01/11/2016	Đại học	Anh-C	X	X
39	Nguyễn Thị	Hường		04/03/1979	GV âm nhạc	TH Tiên Dược A	10/01/2007	10/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Đại học	20/09/2010	X	Anh-A2	X	X
40	Phạm Thị Thu	Hiền		01/04/1978	GV mỹ thuật	TH Tiên Dược A	01/08/2008	01/08/2008	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng	02/01/2002	X	Anh-B	X	X
41	Nguyễn Xuân	Việt	05/01/1983		GV mỹ thuật	TH Tiên Dược A	10/01/2007	10/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Cao đẳng	22/06/2005	X	Anh-B	X	X
42	Nguyễn Thảo	Hiền		09/12/1983	GV mỹ thuật	TH Tiên Dược A	10/01/2007	10/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Đại học	26/03/2009	X	Anh-A2	X	X
43	Nguyễn Văn	Chung	11/11/1979		GV thể dục	TH Tiên Dược A	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng	18/10/2001	X	Anh-A2	X	X
44	Nguyễn Văn	Tích	29/11/1977		GV thể dục	TH Tiên Dược A	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng	11/06/2001	X	Anh-B	X	X
45	Nguyễn Anh	Sinh	23/09/1980		GV thể dục	TH Tiên Dược A	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	01/06/2001	X	Anh-B	X	X
46	Lưu Thị Hồng	Nghĩa		14/03/1979	GV văn hóa	TH Tiên Dược A	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	08/10/2001	X	Anh-A2	X	X
47	Ngô Thị	Lư		18/08/1993	GV văn hóa	TH Tiên Dược A	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Cao đẳng	28/05/2014	X	Anh-A2	X	X
48	Trịnh Thị	Nga		15/04/1986	GV tiếng anh	TH Tiên Dược A	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	21/09/2009	X	Tiếng pháp C	X	X
49	Lê Thị Dược	Lương		24/08/1980	GV văn hóa	TH Tiên Dược B	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Đại học	28/02/2012	X	Anh-C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
50	Hoàng Thị	Vân		10/10/1975	GV văn hóa	TH Tiên Dược B	01/12/1999	01/06/2000	21/04/2017	19năm	3.86	V.07.03.09	Đại học	01/2007	X	Anh-A2	X	X
51	Hồ Thị	Định		10/03/1982	GV tin học	TH Tiên Dược B	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	25/07/2012	Đại học	Anh-B	X	X
52	Nguyễn Thị	Ngân		28/08/1993	GV văn hóa	TH Tiên Dược B	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Cao đẳng	28/05/2014	X	Anh-A2	X	X
53	Lê Thị Hồng	Thơm		20/01/1989	GV mỹ thuật	TH Tiên Dược B	01/09/2014	01/09/2014	21/04/2017	5năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	13/07/2012	X	Anh-B	X	X
54	Nguyễn Thị	Lan		27/02/1978	GV văn hóa	TH Tiên Dược B	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	02/10/2017	X	Anh-B	X	X
55	Nguyễn Thị	Hải		10/10/1989	GV thể dục	TH Tiên Dược B	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	08/2014	X	Anh-B	X	X
56	Nguyễn Thị	Thơm		02/05/1977	GV văn hóa	TH Đức Hòa	01/12/1999	01/06/2000	21/04/2017	19năm	4.06	V.07.03.09	Đại học	13/04/2007	X	Anh-A2	X	X
57	Đỗ Thị	Thường		28/03/1980	Phó Hiệu trưởng	TH Việt Long	01/10/2011	01/10/2011	21/04/2017	8năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	11/06/2001	X	Anh-B	X	X
58	Đỗ Thùy	Linh		18/11/1992	GV văn hóa	TH Việt Long	01/9/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Đại học	02/10/2017	X	Anh-A2	X	X
59	Vũ Thị Thu	Trang		29/12/1980	GV văn hóa	TH Việt Long	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	10/07/2003	X	Anh-B	X	X
60	Nguyễn Thị	Hằng		15/08/1986	GV thể dục	TH Việt Long	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	07/07/2010	X	Anh-A2	X	X
61	Nguyễn Thị Kim	Thi		15/02/1976	GV văn hóa	TH Việt Long	01/10/2011	01/10/2011	21/04/2017	8năm	3.86	V.07.03.09	Đại học	21/09/2005	X	Anh-A2	X	X
62	Nguyễn Thái	Sử	19/09/1969		GV văn hóa	TH Kim Lũ	01/04/1993	01/04/1993	21/04/2017	26năm	4.06 + 9%	V.07.03.09	Đại học	4/2007	X	Anh-A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
63	Ngô Quang	Liêm	17/01/1983		GV mỹ thuật	TH Kim Lũ	10/01/2007	10/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2005	X	Anh-B	X	X
64	Nguyễn Thị Minh	Hà		24/10/1975	GV âm nhạc	TH Kim Lũ	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng	01/2002	X	Anh-Cao đẳng	X	X
65	Trần Thị	Thanh		10/05/1977	GV văn hóa	TH Kim Lũ	01/12/1999	01/06/2000	21/04/2017	19năm	3.86	V.07.03.09	Đại học	12/2006	X	Anh-B	X	X
66	Nguyễn Thị	Thu		15/09/1993	GV văn hóa	TH Kim Lũ	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Cao đẳng	5/2014	X	Anh-B	X	X
67	Đặng Thị Thu	Hà		29/11/1979	GV âm nhạc	TH Kim Lũ	10/01/2007	10/7/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Cao đẳng	8/2003	X	Anh-B	X	X
68	Trịnh Thị Hồng	Nhung		11/02/1985	GV văn hóa	TH Kim Lũ	01/11/2012	01/05/2013	21/04/2017	6năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	10/2017	X	Anh-A2	X	X
69	Lê Xô	Việt	16/07/1988		GV thể dục	TH Kim Lũ	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	6/2010	X	Anh-A2	X	X
70	Lê Văn	Thỏa	02/09/1970		GV văn hóa	TH Kim Lũ	01/04/1998	01/04/1998	21/04/2017	21năm	4.06	V.07.03.09	Đại học	12/2006	X	Anh-A2	X	X
71	Nguyễn Đăng	Trường	25/12/1970		GV văn hóa	TH Kim Lũ	01/04/1997	01/04/1997	21/04/2017	22năm	4.06	V.07.03.09	Đại học	12/2006	X	Anh-A2	X	X
72	Phạm Thị Ngọc	Bích		25/08/1992	GV văn hóa	TH Kim Lũ	01/11/2012	01/05/2013	21/04/2017	6năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	10/2017	X	Anh-A2	X	X
73	Nguyễn Văn	Sĩ	20/11/1971		GV văn hóa	TH Kim Lũ	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	4.06	V.07.03.09	Đại học	12/2006	X	Anh-A2	X	X
74	Lê Thị Huyền	Trang		06/04/1990	GV văn hóa	TH Kim Lũ	01/11/2012	01/05/2013	21/04/2017	6năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	5/2014	X	Anh-A2	X	X
75	Nguyễn Thị	Sơn		19/07/1992	GV văn hóa	TH Kim Lũ	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Đại học	02/10/2017	X	Anh-B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
76	Nguyễn Thị	Thanh		09/09/1992	GV thể dục	TH Kim Lũ	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Đại học	06/2014	X	Anh-C	X	X
77	Lê Thị Minh	Tâm		18/07/1984	GV tin học	TH Đông Xuân	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	22/11/2008	Cao đẳng	Anh-B	X	X
78	Bùi Thị	Thủy		11/11/1986	GV văn hóa	TH Đông Xuân	01/04/2009	01/04/2009	21/04/2017	10năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	11/03/2011	X	Anh-B	X	X
79	Lê Thị	Phúc		16/05/1978	GV văn hóa	TH Đông Xuân	01/10/2011	01/10/2011	21/04/2017	8năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	12/06/2000	X	Anh-C	X	X
80	Vũ Thị Kim	Tuyến		26/12/1978	GV văn hóa	TH Đông Xuân	01/07/2008	01/01/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	10/10/2007	X	Anh-C	X	X
81	Trần Thị Thúy	Hậu		21/03/1981	GV thể dục	TH Phù Lỗ A	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	3.06	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2002	X	Anh-A2	X	X
82	Hà Thị Thu	Hoài		17/09/1979	GV văn hóa	TH Phù Lỗ A	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	07/2001	X	Anh-A2	X	X
83	Đoàn Thị Thanh	Tâm		05/12/1981	GV văn hóa	TH Phù Lỗ A	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	05/2006	X	Anh-A2	X	X
84	Nguyễn Thị	Thúy		08/02/1977	GV văn hóa	TH Phù Lỗ A	01/04/1998	01/04/1998	21/04/2017	21năm	4.06	V.07.03.09	Đại học	10/2006	X	Anh-A2	X	X
85	Phạm Thị Thanh	Huệ		22/05/1983	GV văn hóa	TH Phù Lỗ A	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	09/2008	X	Anh-A2	X	X
86	Vũ Thị Bích	Hòa		18/07/1982	GV âm nhạc	TH Phù Lỗ A	10/01/2007	10/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Đại học	03/2009	X	Anh-A2	X	X
87	Ngô Thị Thanh	Phượng		01/11/1984	GV văn hóa	TH Phù Lỗ A	01/10/2011	01/10/2011	21/04/2017	8năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	07/2009	X	Anh-A2	X	X
88	Nguyễn Thị	Dậu		10/08/1981	GV văn hóa	TH Phù Lỗ A	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	08/2003	X	Anh-A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đã tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
89	Nguyễn Thị Minh	Diệp		21/08/1974	GV văn hóa	TH Phù Lỗ B	01/04/1998	01/04/1998	21/04/2017	21năm	4.06	V.07.03.09	Đại học	13/04/2007	X	Anh-B	X	X
90	Lê Thị Tuyết	Thanh		27/08/1977	GV văn hóa	TH Phù Lỗ B	01/12/1999	01/06/2000	21/04/2017	19năm	3.86	V.07.03.09	Đại học	15/12/2006	X	Anh-B	X	X
91	Nguyễn Văn	Phú	13/07/1984		GV thể dục	TH Phù Lỗ B	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	03/02/2010	X	Anh-B	X	X
92	Lê Thị	Dậu		03/04/1980	GV văn hóa	TH Phú Minh	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	12/3/2007	X	Anh-A2	X	X
93	Nguyễn Thu	Hằng		28/10/1980	GV văn hóa	TH Phú Minh	01/12/2010	01/06/2011	21/04/2017	8năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	8/10/2001	X	Anh-C	X	X
94	Lưu Thị Thu	Hà		17/03/1986	GV tin học	TH Phú Minh	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	4/9/2009	Đại học	Anh-A2	X	X
95	Nguyễn Thị	Nhung		30/11/1987	GV thể dục	TH Phú Minh	01/12/2009	01/10/2010	21/04/2017	9năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	19/5/2011	X	Anh-A2	X	X
96	Nguyễn Thị Vân	Thanh		18/11/1978	Phó Hiệu trưởng	TH Phú Minh	10/01/2007	10/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Đại học	14/08/2007	X	Anh-A2	X	X
97	Đào Thị Hải	Yến		05/09/1978	GV văn hóa	TH Phú Minh	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	12/03/2007	X	Anh-A2	X	X
98	Phạm Thị Kim	Thanh		26/04/1977	GV văn hóa	TH Phú Minh	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	12/03/2007	X	Anh-B	X	X
99	Ngô Thị.	Thu		24/08/1982	GV âm nhạc	TH Phú Minh	01/08//2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	20/09/2010	X	Anh-A2	X	X
100	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		29/05/1982	GV văn hóa	TH Phú Minh	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng	06/8/2003	X	Anh-A2	X	X
101	Nguyễn Thu	Hà		11/07/1977	GV văn hóa	TH Phú Minh	01/12/2009	01/12/2009	21/04/2017	10năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	09/2005	X	Anh-C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
102	Nguyễn Thị Phương	Huyền		10/01/1982	GV tin học	TH Phú Minh	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	10/05/2006	Đại học	Anh-A2	X	X
103	Nguyễn Thị	Huệ		02/02/1987	GV văn hóa	TH Phú Minh	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Cao đẳng	08/04/2010	X	Anh-A2	X	X
104	Nguyễn Thị Thu	Hiền		07/07/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Phú Cường	01/03/1994	01/03/1994	21/04/2017	26năm	4.06 + 8%	V.07.03.09	Đại học	3/2007	X	Anh-B	X	X
105	Tạ Thị	Lụa		08/08/1967	GV văn hóa	TH Phú Cường	04/09/1991	04/09/1991	21/04/2017	28năm	4.06 +10%	V.07.03.09	Đại học	4/2007	X	Anh-B	X	X
106	Nguyễn Thị Ánh	Minh		30/08/1972	GV văn hóa	TH Phú Cường	01/09/1991	01/09/1991	21/04/2017	28năm	4.06+ 9%	V.07.03.09	Đại học	15/12/2006	X	Anh-B	X	X
107	Nguyễn Thị Hải	Yến		23/05/1977	GV văn hóa	TH Phú Cường	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	12/2004	X	Anh-B	X	X
108	Tạ Thùy	Trang		02/11/1986	GV văn hóa	TH Phú Cường	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	02/2016	X	Anh-B	X	X
109	Nguyễn Thị	Thúy		15/08/1967	GV văn hóa	TH Phú Cường	01/09/1986	01/09/1986	21/04/2017	33năm	4.06+ 11%	V.07.03.09	Cao đẳng	11/2006	X	Anh-B	X	X
110	Nguyễn Thúy	Hạnh		05/02/1982	GV văn hóa	TH Phú Cường	02/11/2009	01/05/2010	21/04/2017	9năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	17/01/2014	X	Anh-B	X	X
111	Trần Thị Thu	Hương		12/09/1982	GV văn hóa	TH Phú Cường	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	2/2016	X	Anh-B	X	X
112	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		03/02/1985	GV văn hóa	TH Phú Cường	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	2/2016	X	Anh-B	X	X
113	Hoàng Thị Kim	Liên		27/03/1982	GV thể dục	TH Phú Cường	01/10/2011	01/10/2011	21/04/2017	8năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	07/2010	X	Anh-B	X	X
114	Nguyễn Thị	Chinh		09/02/1986	GV thể dục	TH Phú Cường	01/10/2011	01/10/2011	21/04/2017	8năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	07/2010	X	Anh-B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
115	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		15/03/1989	GV mỹ thuật	TH Phú Cường	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Đại học	13/7/2012	X	Anh-B	X	X
116	Phùng Thị Lan	Anh		06/08/1983	GV văn hóa	TH Thanh Xuân A	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Đại học	27/6/2005	X	Anh-A2	X	X
117	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		12/09/1979	GV văn hóa	TH Thanh Xuân A	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	3.26	V.07.03.09	Cao đẳng	11/6/2001	X	Anh-A2	X	X
118	Nguyễn Thị	Nhung		21/11/1983	GV văn hóa	TH Thanh Xuân A	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	8/8/2006	X	Anh-A2	X	X
119	Tạ Thị	Nhung		11/03/1991	GV văn hóa	TH Thanh Xuân A	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.46	V.07.03.09	Cao đẳng	11/6/2014	X	Anh-B	X	X
120	Bùi Thị	Nên		18/01/1987	GV văn hóa	TH Thanh Xuân A	01/11/2012	01/05/2013	21/04/2017	6năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	28/10/2011	X	Anh-B1	X	X
121	Phạm Thị	Hương		29/03/1988	GV thể dục	TH Thanh Xuân A	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	20/6/2011	X	Anh-B	X	X
122	Nguyễn Thị Mai	Hương		06/02/1983	GV tin học	TH Thanh Xuân A	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	17/7/2015	Đại học	Anh-B	X	X
123	Tạ Thị Minh	Nhâm		25/08/1979	GV văn hóa	TH Tân Dân A	10/12/2010	01/06/2011	21/04/2017	8năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	10/2017	X	Anh-B	X	X
124	Nguyễn Quốc	Tuấn	19/05/1984		GV thể dục	TH Tân Dân A	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	03/02/2010	X	Anh-B	X	X
125	Phùng Quốc	Huy	25/10/1992		GV thể dục	TH Tân Dân A	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2013	X	Anh-B	X	X
126	Đỗ Đức	Viễn	22/02/1980		GV mỹ thuật	TH Tân Dân A	10/01/2007	10/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Cao đẳng	06/08/2003	X	Anh-B	X	X
127	Nguyễn Thị Thu	Giang		19/12/1991	GV văn hóa	TH Tân Dân A	01/11/2013	01/05/2014	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Đại học	21/06/2013	X	Anh-A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
128	Đỗ Thu	Hà		27/11/1994	GV mỹ thuật	TH Tân Dân A	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học	07/2015	X	Anh-B	X	X
129	Trần Thị	Điểm		07/08/1992	GV văn hóa	TH Tân Dân A	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học	07/2013	X	Anh-B	X	X
130	Chu Thị Thanh	Nga		28/05/1993	GV văn hóa	TH Tân Dân A	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng	05/2016	X	Anh-A2	X	X
131	Dương Thị	Hiền		28/04/1991	GV tin học	TH Tân Dân A	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học	08/2013	Đại học	Anh-A2	X	X
132	Nguyễn Hồng	Hạnh		02/07/1990	GV văn hóa	TH Tân Dân B	01/11/2012	01/05/2013	21/04/2017	6năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	12/2015	X	Anh-A2	X	X
133	Chu Thị	Tươi		27/07/1982	GV thể dục	TH Tân Dân B	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	05/2011	X	Anh-B	X	X
134	Dương Thị	Hợi		03/04/1983	GV mỹ thuật	TH Tân Dân B	10/01/2007	10/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Cao đẳng	07/2004	X	Anh-B	X	X
135	Bùi Thị	Hường		29/11/1979	GV tin học	TH Tân Dân B	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	09/2009	Đại học	Anh-A2	X	X
136	Nguyễn Thị	Phú		20/04/1993	GV tiếng anh	TH Tân Dân B	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học	05/2015	X	Tiếng pháp C	X	X
137	Vũ Thị	Thảo		22/01/1989	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/10/2011	01/4/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	23/05/2014	X	Anh-A2	X	X
138	Nguyễn Thị	Nga		21/09/1977	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	14/01/2009	X	Anh-B	X	X
139	Tạ Thị	Hạnh		01/11/1997	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/12/1999	01/06/2000	21/04/2017	19năm	4.06	V.07.03.09	Đại học	07/11/2007	X	Anh-A2	X	X
140	Nguyễn Thị	Nhung		29/10/1974	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/04/1996	01/04/1996	21/04/2017	23năm	4.06+ 5%	V.07.03.09	Đại học	15/12/2006	X	Anh-A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
141	Trần Thị	Lệ		05/10/1986	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	02/10/2017	X	Anh-B	X	X
142	Tạ Thị	Hoa		20/04/1991	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	02/10/2017	X	Anh-B	X	X
143	Đặng Thị	Hường		22/06/1986	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	02/10/2017	X	Anh-B	X	X
144	Phùng Như	Ngọc		22/07/1983	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	02/10/2017	X	Anh-B	X	X
145	Nguyễn Thị	Hường		23/01/1985	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Cao đẳng	11/03/2015	X	Anh-B	X	X
146	Nguyễn Thị	Thủy		15/05/1992	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Cao đẳng	31/03/2015	X	Anh-B	X	X
147	Nguyễn Thị	Thuận		20/07/1988	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/11/2012	01/05/2013	21/04/2017	6năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	02/10/2017	Trung cấp	Anh-B	X	X
148	Dương Thị	Thu		21/05/1994	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Đại học	20/10/2017	X	Anh-A2	X	X
149	Lê Thị	Cúc		17/08/1988	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/11/2012	01/05/2013	21/04/2017	6năm	2.46	V.07.03.09	Cao đẳng	20/07/2011	X	Anh-B	X	X
150	Nguyễn Thị	Thêu		11/06/1979	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	10/2000	X	Anh-B	X	X
151	Phan Thị	Lam		20/08/1991	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/11/2012	01/05/2013	21/04/2017	6năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	02/10/2017	X	Anh-B	X	X
152	Nguyễn Văn	Duẩn	25/07/1976		GV thể dục	TH Minh Phú	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Cao đẳng	06/08/2003	X	Anh-B	X	X
153	Hà Thị	Liên		10/12/1994	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng	05/2016	X	Anh-B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ điều chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
154	Nguyễn Thị Thu	Hiền		05/05/1994	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng	07/2015	X	Anh-A2	X	X
155	Hà Thị	Nhung		10/12/1994	GV văn hóa	TH Minh Phú	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học	10/2017	X	Anh-A2	X	X
156	Phùng Thị Lan	Anh		11/04/1981	GV văn hóa	TH Minh Trí	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	10/2007	X	Anh-C	X	X
157	Ngô Thị Phương	Chi		27/09/1986	GV âm nhạc	TH Minh Trí	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	9/2010	X	Anh-B	X	X
158	Đỗ Thị	Đàm		19/05/1983	GV văn hóa	TH Minh Trí	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.66	V.07.03.09	Đại học	1/2015	X	Anh-A2	X	X
159	Trần Thị	Hạnh		30/05/1990	GV văn hóa	TH Minh Trí	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Đại học	1/2016	X	Anh-C	X	X
160	Ngô Thị	Hoàn		15/02/1985	GV tin học	TH Minh Trí	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	3/2012	Đại học	Anh-B	X	X
161	Dương Thị	Huệ		04/07/1986	GV văn hóa	TH Minh Trí	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Cao đẳng	3/2015	X	Anh-C	X	X
162	Đỗ Thị	Ngân		02/01/1990	GV văn hóa	TH Minh Trí	01/11/2012	01/05/2013	21/04/2017	6năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	7/2017	X	Anh-A2	X	X
163	Nguyễn Thị	Hòa		28/07/1993	GV văn hóa	TH Minh Trí	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học	06/2015	X	Anh-C	X	X
164	Nguyễn Thị	Giang		26/10/1987	GV văn hóa	TH Minh Trí	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2016	Đại học	Anh-C	X	X
165	Nguyễn Thị Lan	Hương		30/07/1991	GV văn hóa	TH Minh Trí	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học	06/2014	X	Anh-B1	X	X
166	Vũ Thị	Hằng		20/05/1989	GV âm nhạc	TH Minh Trí	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng	07/2011	X	Anh-A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CBSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
167	Đỗ Thị Thanh	Nga		08/11/1994	GV văn hóa	TH Minh Trí	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2015	X	Anh-C	X	X
168	Đoàn Thùy	Dung		17/05/1983	GV mỹ thuật	TH Hiền Ninh	01/08/2008	01/02/2009	21/04/2017	11năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	12/06/2007	X	Anh-B	X	X
169	Phạm Ngọc	Ánh		04/08/1983	GV âm nhạc	TH Hiền Ninh	10/01/2007	10/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Đại học	20/09/2010	X	Anh-A2	X	X
170	Trần Thị	Thu		20/02/1988	GV văn hóa	TH Hiền Ninh	01/11/2012	01/05/2013	21/04/2017	6năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	02/10/2017	X	Anh-A2	X	X
171	Phan Thị	Dung		14/08/1990	GV văn hóa	TH Hiền Ninh	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	21/12/2015	X	Anh-A2	X	X
172	Phạm Thị Mai	Linh		20/07/1991	GV văn hóa	TH Hiền Ninh	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	2.46	V.07.03.09	Đại học	02/10/2017	X	Anh-A2	X	X
173	Nguyễn Thị	Hương		27/09/1981	GV văn hóa	TH Hiền Ninh	01/01/2007	01/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Đại học	05/11/2009	X	Anh-A2	X	X
174	Nguyễn Văn	Hiệp	02/05/1984		GV thể dục	TH Hiền Ninh	01/10/2011	01/04/2012	21/04/2017	7năm	2.46	V.07.03.09	Cao đẳng	06/10/2008	X	Anh-B	X	X
175	Lưu Huyền	Trang		23/08/1991	GV văn hóa	TH Hiền Ninh	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Đại học	25/10/2017	X	Anh-A2	X	X
176	Vũ Thị	Thắm		17/08/1993	GV văn hóa	TH Hiền Ninh	01/09/2014	01/03/2015	21/04/2017	5năm	2.26	V.07.03.09	Đại học	10/2017	X	Anh-A2	X	X
177	Nguyễn Thị Hải	Quế		25/04/1980	GV mỹ thuật	TH Quang Tiến	10/01/2007	10/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Cao đẳng	10/2002	X	Anh-A2	X	X
178	Trịnh Thị Minh	Thư		30/10/1971	GV văn hóa	TH Quang Tiến	01/04/1992	01/04/1992	21/04/2017	27năm	4.06 + 10%	V.07.03.09	Đại học	12/2006	X	Anh-B	X	X
179	Lương Thị Hồng	Duyên		28/05/1995	GV văn hóa	TH Quang Tiến	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2017	X	Anh-B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
180	Nguyễn Thị	Phượng		25/06/1991	GV văn hóa	TH Quang Tiến	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Đại học	06/2013	X	Anh-B	X	X
181	Trần Thị Hồng	Diên		14/07/1983	GV tin học	TH Mai Đình A	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	20/04/2012	Đại học	Anh-A2	X	X
182	Phạm Thị Thu	Nhung		08/11/1981	GV mỹ thuật	TH Mai Đình A	10/01/2007	10/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Đại học	26/03/2009	X	Anh-B	X	X
183	Nguyễn Thị	Hiền		08/05/1984	GV tin học	TH Mai Đình B	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	22/06/2006	Cao đẳng	Anh-A2	X	X
184	Bùi Thị Hằng	Nga		10/11/1980	GV văn hóa	TH Mai Đình B	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	08/07/2009	X	Anh-B	X	X
185	Phan Thị Thúy	Thanh		10/01/1978	GV văn hóa	TH Mai Đình B	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	3.86	V.07.03.09	Đại học	03/02/2004	X	Anh-B	X	X
186	Nguyễn Thị	Hồng		01/09/1982	GV âm nhạc	TH Hương Đình	10/01/2007	10/07/2007	21/04/2017	12năm	3.06	V.07.03.09	Cao đẳng	07/2004	X	Anh-B	X	X
187	Nguyễn Thị	Thúy		01/09/1984	GV tin học	TH Hương Đình	01/12/2009	01/06/2010	21/04/2017	9năm	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	08/2007	Cao đẳng	Anh-A2	X	X
188	Nguyễn Cao	Ni	02/11/1978		GV văn hóa	TH Hương Đình	01/11/2012	01/11/2012	21/04/2017	7năm	3.26	V.07.03.09	Đại học	11/2009	X	Anh-A2	X	X
189	Trần Thị Kim	Oanh		13/06/1979	GV văn hóa	TH Hương Đình	01/01/2010	01/07/2010	21/04/2017	9năm	2.86	V.07.03.09	Đại học	28/02/2012	X	Anh-B2	X	X
190	Dương Thị	Nhị		28/03/1974	GV văn hóa	TH Hương Đình	01/04/1996	01/04/1996	21/04/2017	23năm	4.06+ 5%	V.07.03.09	Đại học	12/2006	X	Anh-B	X	X
191	Trịnh Bá	Dương	17/08/1990		GV thể dục	TH Hương Đình	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2.06	V.07.03.09	Cao đẳng	06/2014	X	Anh-B	X	X

Danh sách này gồm có: 191 người.

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND HUYỆN THANH TRÌ CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Đặng Thị	Phương		20/05/1975	Giáo viên	TH Yên Mỹ	01/08/2008	01/02/2009	12/4/2017	11 năm	2,86	V.03.07.09	ĐHSP	29/8/2014	x	Anh A2	x	x
2	Nguyễn Thanh	Ngân		15/02/1993	Giáo viên	TH Yên Mỹ	01/09/2014	01/03/2015	12/4/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.03.07.09	ĐHSP	02/10/2017	x	Anh A2	x	x
3	Bùi Thị Thùy	Dung		05/10/1991	Giáo viên	TH Ngũ Hiệp	01/11/2012	01/05/2013	12/4/2017	7 năm	2,46	V.07.03.09	ĐHSP	02/10/2017	x	Anh A2	X	x
4	Lê Nguyễn Lệ	Giang		09/04/1981	Giáo viên	TH Ngũ Hiệp	01/8/2008	01/8/2008	12/04/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	23/4/2012	x	Anh A2	X	x
5	Nguyễn Thị	Huệ		24/01/1980	Giáo viên	TH Ngũ Hiệp	01/8/2008	01/8/2008	12/04/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	10/12/2011	x	Anh B	X	x
6	Nguyễn Thị	Huyền		03/12/1991	Giáo viên	TH Ngũ Hiệp	01/11/2012	01/11/2012	12/4/2017	8 năm	2,46	V.07.03.09	ĐHSP	29/8/2014	x	Anh A2	X	x
7	Lê Thu	Hương		09/12/1989	Giáo viên	TH Ngũ Hiệp	01/01/2011	01/7/2011	12/04/2017	9 năm	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	02/4/2014	x	Anh A2	X	x
8	Lê Thị Ngọc	Liên		14/04/1982	Giáo viên	TH Ngũ Hiệp	01/12/2009	01/12/2009	12/4/2017	11 năm	2,86	V.07.03.09	Cử nhân CNTT	28/4/2008	x	Anh B1	X	x
9	Nguyễn Chí	Mai		17/12/1979	Giáo viên	TH Ngũ Hiệp	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	13 năm	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	09/10/2006	x	Anh A2	X	x
10	Thái Thanh	Ngân		19/5/1993	Giáo viên	TH Ngũ Hiệp	01/9/2014	01/03/2015	12/4/2017	5 năm	2,26	V.07.03.09	ĐHSP	02/10/2017	x	Anh A2	X	x
11	Trần Phương	Nhâm		15/7/1982	Giáo viên	TH Ngũ Hiệp	01/8/2008	01/02/2009	12/04/2017	11 năm	2,86	V.07.03. 09	ĐHSP	18/9/2008	x	Anh B	X	x
12	Trần Thị Phương	Dung		15/9/1977	Giáo viên	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3,26	V.07.03.09	ĐHSP	29/11/2002	x	Pháp C	x	x
13	Trần Thị	Hương		10/9/1978	Giáo viên	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3,26	V.07.03.09	ĐHSP	19/06/2009	x	Anh B	x	x
14	Nguyễn Thị	Chuyên		17/7/1974	Giáo viên	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	23/4/2012	x	Anh B	x	x
15	Hoàng Phương	Thảo		03/8/1981	Giáo viên	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tin	01/10/2002	Cao đẳng	Anh A2	x	x
16	Hoàng Thanh	Hoa		19/9/1985	Giáo viên	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	13/7/2012	x	Anh B	x	x
17	Trần Thị	Thảo		29/5/1986	Giáo viên	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	29/8/2014	x	Anh B	x	x
18	Lý Vân	Anh		02/01/1984	Giáo viên	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/8/2008	12/4/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	05/11/2009	x	Anh B	x	x
19	Phạm Thị Xuân	Oanh		25/9/1981	Giáo viên	TH Liên Ninh	01/8/2008	01/02/2009	12/4/2017	11n1th	2,86	V.07.03.09	CĐSP	05/7/2007	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
20	Phạm Bằng	Linh	15/12/1988		Giáo viên	TH Liên Ninh	01/01/2011	01/7/2011	12/4/2017	8n8th	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	29/7/2014	x	Anh B	x	x
21	Phạm Thị	Thu		17/10/1992	Giáo viên	TH Liên Ninh	01/09/2014	01/3/2015	12/4/2017	5n0th	2,26	V.07.03.09	CĐSP	11/6/2014	x	Anh B	x	x
22	Hoàng Minh	Lụa		31/5/1978	Giáo viên	TH Liên Ninh	01/01/2007	01/07/2007	12/4/2017	13n2th	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	23/4/2012	x	Anh B	x	x
23	Nguyễn Đình	Bảo	'08.08.1977		Giáo viên	TH Đại Áng	'01/08/2008	'01/08/2008	'12/04/2017	11n 5th	3.26	V.07.03.09	ĐHSP	'08/2001	x	Anh B2	x	x
24	Nguyễn Tá	Chiến	'28/10/1988		Giáo viên	TH Đại Áng	'01/01/2011	'01/07/2011	'12/04/2017	8n 7th	2.66	V.07.03.09	ĐHSP	'05/2014	x	Anh A2	x	x
25	Nguyễn Thị	Duyên		'17/07/1988	Giáo viên	TH Đại Áng	'01/01/2011	'01/01/2011	'12/04/2017	9n 1th	2.66	V.07.03.09	ĐHSP	'05/2013	x	Anh A2	x	x
26	Nguyễn Thị	Huyền		'03/09/1980	Giáo viên	TH Đại Áng	'01/08/2008	'01/08/2008	'12/04/2017	11n 5th	3.26	V.07.03.09	ĐHSP	'01/2009	x	Anh A2	x	x
27	Nguyễn Thị Mai	Hương		'29/11/1976	Giáo viên	TH Đại Áng	'01/08/2008	'01/08/2008	'12/04/2017	11n 5th	3.06	V.07.03.09	ĐHSP	'04/2012	x	Anh A2	x	x
28	Nguyễn Thị Thanh	Hương		'12/09/1982	Giáo viên	TH Đại Áng	'01/08/2008	'01/02/2009	'12/04/2017	10n 11th	2.86	V.07.03.09	ĐHSP	'12/2012	Đại học	Anh A2	x	x
29	Phạm Thúy	Linh		'13/02/1994	Giáo viên	TH Đại Áng	'01/09/2014	'01/03/2015	'12/04/2017	5n 5th	2.26	V.07.03.09	ĐHSP	'10/2017	x	Anh A2	x	x
30	Nguyễn Thị Thùy	Linh		'02/10/1982	Giáo viên	TH Đại Áng	'01/08/2008	'01/08/2008	'12/04/2017	11n 5th	3.06	V.07.03.09	ĐHSP	'06/2009	x	Anh A2	x	x
31	Phạm Thị	Phượng		'30/05/1988	Giáo viên	TH Đại Áng	'01/03/2009	'01/03/2009	'12/04/2017	10n 11th	2.86	V.07.03.09	ĐHSP	'07/2013	x	Anh A2	x	x
32	Nguyễn Thị Hồng	Thắm		'29/03/1979	Giáo viên	TH Đại Áng	'01/01/2007	'01/01/2007	'12/04/2017	12n 6th	3.06	V.07.03.09	ĐHSP	'06/2009	x	Anh A2	x	x
33	Nguyễn Thị Kim	Thoa		'15/07/1989	Giáo viên	TH Đại Áng	'01/01/2011	'01/07/2011	'12/04/2017	8n 7th	2.66	V.07.03.09	ĐHSP	'08/2014	x	Anh A2	x	x
34	Trần Thị Kim	Thu		16/02/1984	Giáo viên	TH Đại Áng	'01/08/2008	'01/08/2008	'12/04/2017	11n 5th	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	'04/2012	x	Anh A2	x	x
35	Nguyễn Thị	Hường		22/12/1977	Giáo viên	TH Tả Thanh Oai	01/8/2008	01/8/2008	12/04/2017	11n7th	3.26	V.07.03.09	ĐH	06/2009	x	Anh A2	x	x
36	Hoàng Thị Việt	Hạnh		18/10/1976	Giáo viên	TH Tả Thanh Oai	01/01/2007	01/7/2007	12/04/2017	12n8th	3.06	V.07.03.09	ĐH	06/2009	x	Anh C	x	Bằng khen của bộ
37	Nguyễn Thị	Hoàn		31/10/1977	Giáo viên	TH Tả Thanh Oai	01/8/2008	01/8/2008	12/04/2017	11n7th	3.26	V.07.03.09	ĐH	10/2003	x	Anh B	x	x
38	Nguyễn Thị	Xuyến		26/08/1987	Giáo viên	TH Tả Thanh Oai	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10n3th	2.86	V.07.03.09	ĐH	08/2014	x	Anh B	x	x
39	Đỗ Thị Thanh	Hằng		24/10/1980	Giáo viên	TH Tả Thanh Oai	01/01/2007	01/9/2007	12/04/2017	12n6th	3.06	V.07.03.09	ĐH	04/2012	x	Anh B	x	x
40	Nguyễn Thị	Thúy		05/11/1978	Giáo viên	TH Tả Thanh Oai	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10n3th	3.26	V.07.03.09	ĐH	08/2006	x	Anh B	x	x
41	Lưu Thị Thu	Hà		20/12/1983	Giáo viên	TH Tả Thanh Oai	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10n3th	2.86	V.07.03.09	ĐH	08/2014	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
42	Nguyễn Thị	Lai		07/10/1981	Giáo viên	TH Tả Thanh Oai	01/8/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n1th	2,86	V.07.03.09	ĐH	02/2011	Đại học	Anh C	x	x
43	Lã Thị	Huệ		14/12/1980	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11N7T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	23/04/2012	x	Anh A2	x	x
44	Tần Thị	Liu		14/03/1980	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/12/2009	01/06/2010	12/04/2017	9N9T	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	27/06/2008	x	Anh A2	x	x
45	Nguyễn Thị Kim	Phước		28/01/1975	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/01/2011	01/07/2011	12/04/2017	8N8T	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	02/04/2014	x	Anh A2	x	x
46	Hoàng Thị Kim	Huệ		15/12/1976	Giáo viên	TH Vạn Phúc	15/08/2008	15/08/2008	12/04/2017	11N7T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	23/04/2-12	x	Anh C	x	x
47	Nguyễn Thị	Liên		23/09/1978	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11N7T	3,06	V.07.03.09	CĐSP	26/08/2003	x	Anh A2	x	x
48	Nguyễn Thị	Cảnh		11/11/1980	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11N7T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	23/04/2012	x	Anh A2	x	x
49	Chử Thị Bích	Ngọc		14/01/1987	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10N3T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	23/06/2011	x	Anh A2	x	x
50	Đinh Thị Ngọc	Hương		09/01/1983	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11N7T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	14/01/2009	x	Anh A2	x	x
51	Đinh Văn	Đông	23/02/1986		Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/11/2011	01/07/2011	12/04/2017	8N8T	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	29/07/2014	x	Anh A2	x	x
52	Đoàn Thị	Hiền		27/10/1982	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11N7T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	10/07/2017	x	Anh A2	x	x
53	Phùng Thị Hồng	Vân		02/03/1988	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/11/2012	01/09/2013	12/04/2017	6N6T	2,46	V.07.03.09	ĐHSP	13/07/2012	x	Anh A2	x	x
54	Nguyễn Thị	Phương		19/12/1989	Giáo viên	TH Vạn Phúc	01/11/2011	01/05/2012	12/04/2017	7N10T	2,66	V.07.03.09	CĐSP	20/07/2011	x	Anh A2	x	x
55	Nguyễn Thị	Chung		20/10/1979	Giáo viên	TH Vĩnh Quỳnh	01/01/2007	01/7/2007	12/4/2017	2năm10 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	27/9/2008	x	Anh B	X	x
56	Nguyễn Thị	Nga		29/3/1990	Giáo viên	TH Vĩnh Quỳnh	01/01/2011	01/7/2011	12/4/2017	2năm10 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	29/8/2014	x	Anh B	X	x
57	Đỗ Thị Cẩm	Thúy		15/7/1994	Giáo viên	TH Vĩnh Quỳnh	01/8/2008	01/2/2009	12/4/2017	2năm10 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	13/7/2012	x	Anh B	X	x
58	Khúc Thanh	Thủy		28/01/1983	Phó Hiệu trưởng	TH Vĩnh Quỳnh	01/12/2009	01/12/2019	12/4/2017	2năm10 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	19/6/2009	x	Anh A2	X	x
59	Phạm Thị	Thủy		05/5/1993	Giáo viên	TH Vĩnh Quỳnh	04/9/2014	01/3/2015	12/4/2017	2năm10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	04/7/2017	x	Anh A2	X	x
60	Nguyễn Thị	Thuần		06/6/1981	Giáo viên	TH Vĩnh Quỳnh	01/8/2008	01/2/2009	12/4/2017	2năm10 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	11/9/2008	x	Anh B	X	x
61	Trương Thị Thanh	Nga		17/11/1983	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Điển	01/01/2007	01/7/2007	12/4/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	ThS.GDTH	10/07/2012	x	Cử nhân Anh	x	x
62	Nguyễn Thị	Hoàn		16/09/1980	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Điển	01/8/2008	01/02/2009	12/4/2017	11 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐHM	19/08/2002	Trung cấp	Pháp B2	x	x
63	Trần Thanh	Bình		30/10/1986	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Điển	01/12/2009	01/12/2009	12/4/2017	10 năm 3 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP	04/07/2008	x	Cử nhân Anh	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
64	Hoàng Thị Kim	Anh		11/10/1990	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Điển	01/11/2012	01/5/2013	12/4/2017	6 năm	2.46	V.07.03.09	ĐHSP	06/10/2015	x	Anh B	x	x
65	Nguyễn Lan	Phương		27/12/1993	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Điển	01/9/2014	01/3/2015	12/4/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	ĐHSP	02/10/2017	x	Anh B	x	x
66	Vũ Văn	Vinh	30/11/1978		Giáo viên	TH A thị trấn Văn Điển	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12 năm 8 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	08/2005	x	Anh B	x	x
67	Nguyễn Thị Huyền	Trang		19/10/1986	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Điển	01/01/2011	01/01/2011	12/04/2017	9 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	15/05/2013	x	Anh B	x	x
68	Trần Quốc	Trường	11/06/1983		Giáo viên	TH A thị trấn Văn Điển	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	17/08/2011	x	Anh B	x	x
69	Nguyễn Thị	Hằng		15/09/1988	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Điển	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5 năm	2.26	V.07.03.09	Đại học	10/2017	x	Anh B	x	x
70	Phạm Thị Thanh	Hoa		28/05/1976	Giáo viên	TH A thị trấn Văn Điển	01/01/2011	01/01/2011	12/04/2017	9 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	Đại học	08/2001	x	Pháp C	x	x
71	Vương Thị Bích	Ngọc		17/10/1978	Giáo viên	TH Hữu Hòa	01/08/ 2008	01/08/ 2008	12/04/2017	11n 7th.	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	19/06/2009	x	Anh A2	x	x
72	Nguyễn Minh	Tuấn	9/7/1975		Giáo viên	TH Hữu Hòa	01/08/ 2008	01/08/ 2008	12/04/2017	11n 7th.	3.26	V.07.03.09	ĐHSP	19/06/2009	x	Anh A2	x	x
73	Yên Văn	Thuận	2/9/1989		Giáo viên	TH Hữu Hòa	01/09/2014	01/ 03/ 2015	12/04/2017	4 n 11 th.	2.26	V.07.03.09	Thạc sĩ	10/10/2016	x	Anh B1	x	x
74	Nguyễn Bích	Hòa		7/7/1976	Giáo viên	TH Hữu Hòa	01/08/ 2008	01/08/ 2008	12/04/2017	11n 7th.	3.26	V.07.03.09	ĐHSP	19/06/2009	x	Anh A2	x	x
75	Ngô Thị	Thao		16/09/1983	Giáo viên	TH Hữu Hòa	01/08/ 2008	01/02/2009	12/04/2017	11n 1th.	2.86	V.07.03.09	Kỹ sư CNTT	06/12/2011	x	Anh A2	x	x
76	Nguyễn Thị	Hạnh		20/06/1989	Giáo viên	TH Hữu Hòa	01/11/ 2011	01/05/ 2012	12/04/2017	7 n 10 th.	2.66	V.07.03.09	ĐHSP	29/08/2014	x	Anh A2	x	x
77	Tô Lan	Phương		2/6/1986	Giáo viên	TH Hữu Hòa	01/11/ 2011	01/05/ 2012	12/04/2017	7 n 10 th.	2.66	V.07.03.09	ĐHSP	20/10/2016	x	Anh A2	x	x
78	Đặng Thị Thanh	Hòa		19/12/1981	Giáo viên	TH Hữu Hòa	01/08/ 2008	01/08/ 2008	12/04/2017	11n 7th.	3.26	V.07.03.09	ĐHSP	19/06/2009	x	Anh A2	x	x
79	Nguyễn Thị Song	Hà		20/06/1977	Phó Hiệu trưởng	TH Hữu Hòa	01/08/ 2008	01/08/2008	12/04/2017	11n 7th.	3.26	V.07.03.09	ĐHSP	19/06/2009	x	Anh A2	x	x
80	Đàm Thị Minh	Tuyền		14/09/1985	Giáo viên	TH Hữu Hòa	01/09/2014	01/ 03/ 2015	12/04/2017	4 n 11 th.	2.26	V.07.03.09	ĐHSP	23/06/2008	x	Anh B	x	x
81	Đặng Thu	Huyền		03/01/1988	Giáo viên	TH Hữu Hòa	01/09/2014	01/ 03/ 2015	12/04/2017	4 n 11 th.	2.26	V.07.03.09	ĐHSP	02/10/2017	x	Anh B	x	x
82	Cao Mỹ	Linh		12/09/1993	Giáo viên	TH Hữu Hòa	01/09/2014	01/ 03/ 2015	12/04/2017	4 n 11 th.	2.26	V.07.03.09	ĐHSP	02/10/2017	x	Anh A2	x	x
83	Cao Thu	Trang		30/09/1983	Giáo viên	TH Hữu Hòa	01/12/2019	01/06/2010	12/04/2017	8 n 9 th.	2.66	V.07.03.09	ĐHSP	29/08/2014	x	Anh A2	x	x
84	Triệu Đình	Dũng	21/06/1985		Giáo viên	TH Tân Triều	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n1t	2,86	V.07.03.09	ĐH	02/2010	x	Anh A2	x	x
85	Chu Thị	Đức		08/10/1984	Giáo viên	TH Tân Triều	01/01/2011	01/07/2011	12/04/2017	9n2t	2,66	V.07.03.09	ĐH	7/2012	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
86	Lại Thị	Hậu		11/11/1988	Giáo viên	TH Tân Triều	01/11/2012	01/05/2013	12/04/2017	8n4t	2,46	V.07.03.09	CĐ	01/2011	x	Anh A2	x	x
87	Nghiêm Thị	Huyền		15/06/1988	Giáo viên	TH Tân Triều	01/09/2014	01/03/2015	01/03/2015	5n6t	2,26	V.07.03.09	ĐH	10/2017	x	Anh A2	x	x
88	Nguyễn Thị Thanh	Hương		14/02/1977	Giáo viên	TH Tân Triều	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	13n2t	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/2002	x	ĐH	x	x
89	Hoàng Thị	Thu		10/03/1989	Giáo viên	TH Tân Triều	01/09/2014	01/09/2015	01/09/2015	4n6t	2,26	V.07.03.09	ĐH	6/2013	x	Anh A2	x	x
90	Lê Thị Hồng	Tuyết		29/12/1986	Giáo viên	TH Tân Triều	01/01/2011	01/01/2011	12/04/2017	9n2t	2,66	V.07.03.09	ĐH	04/2012	Đại học	Anh A2	x	x
91	Trương Quốc	Đạt	08/05/1987		Giáo viên	Tiểu học Thanh Liệt	01/01/2011	01/01/2011	12/04/2017	9 năm 2 tháng	2,66	V07.03.09	ĐHCNTT	12/2012	x	Anh B	x	x
92	Nguyễn Thị Thu	Hà		05/04/1975	Giáo viên	Tiểu học Thanh Liệt	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12 năm 8 tháng	3,06	V07.03.09	ĐHSP	06/2009	x	Anh B	x	x
93	Nguyễn Thị Thu	Hà		28/01/1983	Giáo viên	Tiểu học Thanh Liệt	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11 năm 1 tháng	2,86	V07.03.09	ĐHSP	12/2011	x	Anh B	X	x
94	Chử Minh	Hồng		08/03/1992	Giáo viên	Tiểu học Thanh Liệt	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	4 năm 12 tháng	2,26	V07.03.09	ĐHSP	10/2017	x	Anh B	X	x
95	Trần Thị Ngọc	Bích		31/07/1980	Giáo viên	Tiểu học Thanh Liệt	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11 năm 7 tháng	3,26	V07.03.09	CĐSP	07/2004	x	Anh B	X	x
96	Vũ Thị Bích	Hồng		07/09/1980	Giáo viên	Tiểu học Thanh Liệt	01/01/2011	01/01/2011	12/04/2017	9 năm 2 tháng	2,66	V07.03.09	ĐHSP	11/2011	x	Cử nhân NN	X	x
97	Phạm Thị	Lan		08/03/1980	Giáo viên	Tiểu học Thanh Liệt	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11 năm 1 tháng	2,86	V07.03.09	CĐSP	08/2002	x	Anh B	X	x
98	Phạm Thị Thúy	Anh		08/03/1972	Giáo viên	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/4/2017	11n7th	3,26	V.07.03.09	ĐHSP	19/06/2009	x	Anh B	X	x
99	Đặng Thị Kim	Cúc		18/09/1981	Giáo viên	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/4/2017	11n7th	3,26	V.07.03.09	ĐHSP	22/12/2004	x	Anh B	X	x
100	Trần Thị Ngọc	Diệp		16/03/1979	Giáo viên	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/4/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	22/12/2004	x	Anh B	X	x
101	Nguyễn Thị Trà	Giang		17/06/1976	Giáo viên	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/4/2017	11n7th	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	29/8/2014	x	Anh B	X	x
102	Lương Thị Thanh	Hằng		23/10/1983	Giáo viên	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/4/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	11/9/2008	x	Anh B	X	x
103	Phạm Thị Thu Hằng	Hằng		12/07/1983	Giáo viên	Tiểu học Đông Mỹ	01/01/2007	01/07/2007	12/4/2017	12n8th	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	18/3/2009	x	Anh A2	X	x
104	Nguyễn Thị	Hoa		04/04/1978	Giáo viên	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/4/2017	11n7th	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	08/8/2008	x	Anh B	X	x
105	Trần Thị Minh	Phương		27/07/1979	Giáo viên	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/02/2009	12/4/2017	11n1th	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	11/9/2008	Đại học	Anh B	X	x
106	Nguyễn Thị Minh	Thu		20/11/1977	Giáo viên	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/4/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	21/8/2001	x	Pháp C	X	x
107	Trần Thị	Thủy		12/10/1981	Giáo viên	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/4/2017	11n7th	3,26	V.07.03.09	ĐHSP	14/01/2009	x	Anh B	X	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
108	Lê Hồng	Trung	02/04/1981		Giáo viên	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/4/2017	11n7th	3,26	V.07.03.09	ĐHSP	03/02/2010	x	Anh A2	X	Bằng khen của CT UBND TP
109	Trần Thị	Xuyến		27/02/1976	Giáo viên	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/4/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	15/2/2002	x	Anh B	X	x
110	Nguyễn Thị Bích	Hường		11/02/1976	Giáo viên	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/4/2017	11n7th	3,46	V.07.03.09	ĐHSP	05/09/2006	x	Anh B1	X	x
111	Trần Thị	Tâm		11/10/1982	Giáo viên	Tiểu học Đông Mỹ	01/08/2008	01/08/2008	12/4/2017	11n7th	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	19/06/2009	x	Anh A2	X	x
112	Nguyễn Hương	Quỳnh		19/02/1980	Phó Hiệu trưởng	TH Ngọc Hồi	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n5th	3,26	V07.03.09	Đại học	20/07/2001	x	Anh B	X	Bằng khen TP
113	Đinh Thị Bích	Hằng		04/09/1980	Giáo viên	TH Ngọc Hồi	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10n1th	2,86	V07.03.09	Đại học	23/04/2012	x	Anh A2	X	x
114	Phạm Thị Lan	Anh		03/08/1980	Giáo viên	TH Ngọc Hồi	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	13n1th	3,06	V07.03.09	Đại học	16/09/2009	x	Anh A2	X	x
115	Đào Thị Huyền	Ngọc		30/09/1984	Giáo viên	TH Ngọc Hồi	01/11/2011	01/05/2012	12/04/2017	8n2th	2,66	V07.03.09	Đại học	02/10/2017	x	Anh A2	X	x
116	Đặng Thị Diệu	Thúy		03/05/1984	Giáo viên	TH Ngọc Hồi	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5n4th	2,26	V07.03.09	Cao đẳng	11/03/2015	x	Anh A2	X	x
117	Hoàng Thị Tuyết	Mai		29/10/1979	Giáo viên	TH Ngọc Hồi	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	8n2th	2,86	V07.03.09	Đại học	15/05/2013	x	Anh B	X	x
118	Trần Thị	Hảo		10/07/1979	Giáo viên	TH Ngọc Hồi	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	8n2th	2,86	V07.03.09	Đại học	29/08/2014	x	Anh C	X	x
119	Đặng Hải	Yến		13/10/1984	Giáo viên	TH Tam Hiệp	01/05/2011	01/11/2011	30/12/2015	8n04th	2,66	V07.03.09	ĐH	08/2012	x	Anh C	X	x
120	Nguyễn Thị	Quỳnh		03/06/1977	Giáo viên	TH Tam Hiệp	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n01th	2,86	V07.03.09	ĐH	04/2000	x	Pháp C	X	x
121	Trương Thúy	Ngân		04/09/1981	Giáo viên	Tiểu học Tứ Hiệp	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	ĐH SP	06/2009	x	Anh C	X	x
122	Nguyễn Thị Hoài	An		27/02/1980	Giáo viên	Tiểu học Tứ Hiệp	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	ĐH SP	09/2005	x	Anh C	X	x
123	Nguyễn Thị Thanh	Mai		03/10/1988	Giáo viên	Tiểu học Tứ Hiệp	01/01/2011	01/01/2011	12/04/2017	9n2th	2,86	V.07.03.09	ĐH SP	05/2014	x	Anh B	X	x
124	Ngô Thị	Thành		27/09/1976	Giáo viên	Tiểu học Tứ Hiệp	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n01th	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	02/2011	Đại học	Anh B	X	x
125	Nguyễn Thị	Ninh		26/12/1986	Giáo viên	Tiểu học Tứ Hiệp	01/11/2012	01/05/2013	12/04/2017	6n10th	2,46	V.07.03.09	ĐH SP	10/2017	x	Anh B	X	x
126	Đỗ Thị	Trang		20/11/1989	Giáo viên	Tiểu học Tứ Hiệp	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4th	2,46	V.07.03.09	CĐSP	06/2010	x	Anh B	X	x
127	Phan Thị Loan	Trang		24/11/1989	Giáo viên	Tiểu học Tứ Hiệp	01/11/2011	01/05/2012	12/04/2017	7n10th	2,66	V.07.03.09	TSSP	10/2018	x	Trung B1	X	x
128	Nguyễn Trung	Hiếu	27/07/1992		Giáo viên	Tiểu học Tứ Hiệp	01/11/2012	01/05/2013	12/04/2017	6n10th	2,46	V.07.03.09	ĐHSP	10/2017	x	Anh B	X	x
129	Nguyễn Thị Thùy	Liên		03/12/1991	Giáo viên	Tiểu học Tứ Hiệp	01/09/2014	01/09/2014	12/04/2017	5n6th	2,46	V.07.03.09	ĐH SP	10/2017	x	Anh A2	X	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
130	Trần Thị	Hà		15/06/1981	Giáo viên	TH B thị trấn Văn Điển	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10n3th	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	04/2012	x	Anh B	x	x
131	Lưu Thị	Chanh		19/11/1974	Giáo viên	TH B thị trấn Văn Điển	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	4/2012	x	Anh B	x	x
132	Nguyễn Thị Bích	Phượng		20/08/1977	Giáo viên	TH B thị trấn Văn Điển	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n1th	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	4/2012	x	Anh A2	x	Bằng khen TP
133	Nguyễn Thị Thu	Hà		14/03/1979	Giáo viên	TH B thị trấn Văn Điển	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	2,86	V.07.03.09	ĐHSP	10/2006	x	Anh A	x	x
134	Vũ	Tạo	20/01/1984		Giáo viên	TH B thị trấn Văn Điển	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	11/2009	x	Anh A2	x	Bằng khen TP
135	Nguyễn Thu	Hương		17/05/1980	Giáo viên	TH B thị trấn Văn Điển	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n1th	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/2003	x	Pháp C	x	x
136	Nguyễn Thúy	Hằng		01/10/1977	Giáo viên	TH B thị trấn Văn Điển	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10n3th	3,26	V.07.03.09	ĐH	08/2001	x	Pháp C	x	x
137	Nguyễn Thị Tuyết	Mai		24/12/1980	Giáo viên	TH Phạm Tu	01/06/2006	01/07/2007	14/04/2017	12năm 6tháng	3.06	V07.03.09	ĐHSP	6/2009	x	Anh B	x	x
138	Hà Thanh	Hương		27/04/1977	Giáo viên	TH Phạm Tu	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	10năm 3tháng	2.86	V07.03.09	ĐHSP	12/2004	x	Anh B	x	x
139	Phùng Thị Thanh	Mận		01/01/1982	Giáo viên	TH Phạm Tu	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	10năm 3tháng	2.86	V07.03.09	CĐ Tin học	9/2004	x	Anh A2	x	x
140	Huỳnh Phương	Bắc		10/12/1980	Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12N9th	3,06	V.07.03.09	Đại học	19/06/2009	x	Anh A2	x	x
141	Nguyễn Thị	Dung		09/01/1977	Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/12/2009	01/12/2009	12/04/2017	10N4th	3,06	V.07.03.09	Đại học	29/08/2014	x	Anh A2	x	x
142	Lê Thị	Huế		10/10/1978	Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11N8th	3,06	V.07.03.09	Đại học	23/04/2012	x	Anh A2	x	x
143	Trần Trung	Hiếu	12/09/1983		Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11N2th	2,86	V.07.03.09	Đại học	22/06/2011	Đại học	Anh A2	x	x
144	Giáp Thị Thu	Huyền		21/05/1987	Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/01/2011	01/07/2011	12/04/2017	8N9th	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng	10/04/2009	x	Anh A2	x	x
145	Vũ Thị	Phụng		20/09/1976	Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12N9th	3,06	V.07.03.09	Đại học	19/06/2009	x	Anh A2	x	x
146	Trần Thị	Thanh		30/03/1980	Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/08/2008	01/08/2018	12/04/2017	11N8th	3,06	V.07.03.09	Đại học	23/04/2012	x	Anh A2	x	x
147	Hoàng Thị	Yến		22/11/1982	Giáo viên	TH Vũ Lăng	01/01/2017	01/07/2017	12/04/2017	12N9th	3,06	V.07.03.09	Đại học	05/11/2009	x	Anh A2	x	x
148	Phạm Thị Lê	Minh		04/11/1974	Giáo viên	TH Yên Xá	01/08/2008	01/08/2008	12/04/2017	11n7th	2,86	V.07.03.09	Đại học	10/2011	x	Anh C	x	x
149	Đào Thị	Hằng		13/08/1976	Giáo viên	TH Yên Xá	01/11/2012	01/05/2013	12/04/2017	6n10th	2,46	V.07.03.09	Đại học	10/2017	x	Anh C	x	x
150	Nguyễn Thị	Ngọc		11/01/1979	Giáo viên	TH Yên Xá	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n4th	3,26	V.07.03.09	Đại học	11/2009	x	Anh B	x	x
151	Hoàng Thị Hồng	Ánh		19/10/1981	Giáo viên	TH Yên Xá	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12n8th	3,06	V.07.03.09	Đại học	11/2009	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên THCS hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
152	Nguyễn Thị Hồng	Loan		14/03/1977	Giáo viên	TH Yên Xá	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n1th	2,86	V.07.03.09	Đại học	12/2004	x	Anh C	x	x
153	Lê Thị	Tươi		20/03/1993	Giáo viên	TH Yên Xá	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5n0th	2,26	V.07.03.09	Đại học	10/2017	x	Anh B	x	x
154	Trần Thị Lan	Anh		02/02/1992	Giáo viên	TH Yên Xá	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5n0th	2,26	V.07.03.09	Đại học	05/2014	x	Anh A2	x	x
155	Phạm Thị	Hiền		14/04/1994	Giáo viên	TH Yên Xá	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5n0th	2,26	V.07.03.09	Đại học	10/2017	x	Anh B	x	x
156	Nguyễn Thị Thanh	Thương		02/07/1982	Giáo viên	TH Yên Xá	01/08/2008	01/02/2009	12/04/2017	11n1th	2,86	V.07.03.09	Kỹ sư CNTT	11/2012	x	Anh C	x	x
157	Trần Thị	Thu		12/05/1990	Giáo viên	TH Yên Xá	01/09/2014	01/03/2015	12/04/2017	5n0th	2,26	V.07.03.09	Đại học	12/2013	x	Anh A2	x	x
158	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		26/11/1991	Giáo viên	TH Ngô Sĩ Kiện	01/11/2012	01/11/2012	12/04/2017	7n3th	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	26/08/2014	x	Anh A2	x	x
159	Nguyễn Thị	Hiền		15/04/1984	Giáo viên	TH Ngô Sĩ Kiện	12/31/2009	31/12/2009	12/4/2017	10n1,5th	3.26	V.07.03.09	ĐHSP	19/06/2009	x	Anh B	x	x
160	Phạm Thị Anh	Tám		31/07/1976	Giáo viên	TH Ngô Sĩ Kiện	01/01/2007	01/07/2007	12/04/2017	12n7th	3.06	V.07.03.09	ĐHSP	23/04/2012	x	Anh A2	x	x
161	Vũ Thị	Huệ		8/21/1975	Giáo viên	TH Ngô Sĩ Kiện	8/1/2008	2/1/2009	12/04/2017	10n2th	2.86	V.07.03.09	ĐHSP	6/19/2009	x	Anh A2	x	x
162	Nguyễn Thị Thu	Hương		3/25/1993	Giáo viên	TH Ngô Sĩ Kiện	9/1/2014	3/1/2015	12/04/2017	5n7th	2,26	V.07.03.09	ĐHSP	10/20/2017	x	Anh B	x	x
163	Cao Thúy	Quỳnh		11/12/1975	Giáo viên	Dạy Trẻ Khuyết Tật	01/01/2007	01/7/2007	12/04/2017	12n 7th	3,06	V.07.03.09	ĐH	6/2009	x	Anh B	x	x
164	Nguyễn Thị Thanh	Phương		28/7/1975	Giáo viên	Dạy Trẻ Khuyết Tật	01/01/2007	01/7/2007	12/04/2017	12n 7th	3,06	V.07.03.09	ĐH	9/2005	x	Anh B	x	x
165	Trần Thị Kim	Thu		1/9/1974	Giáo viên	Dạy Trẻ Khuyết Tật	01/01/2007	01/7/2007	12/04/2017	12n 7th	3,06	V.07.03.09	ĐH	6/2009	x	Anh B	x	x
166	Nguyễn Thị Hồng	Khuyến		25/6/1972	Giáo viên	Dạy Trẻ Khuyết Tật	01/01/2007	01/7/2007	12/04/2017	12n 7th	3,06	V.07.03.09	ĐH	6/2009	x	Anh B	x	x

Danh sách này gồm có: 166 người.

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND HUYỆN BA VÌ CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Chu Thị	Hào		6/3/1976	TT	PTCS Hợp Nhất	15/08/1997	22/12/1998	28/03/2017	21 năm 2 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	C	x	x
2	Trần Thị Bích	Phương		27/06/1974	GV	PTCS Yên Sơn	28/08/1997	2/12/1998	28/03/2017	21 năm 2 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	17/10/2006	x	C	x	x
3	Đoàn Thị	Tác		17/03/1988	GV	PTCS Yên Sơn	1/11/2012	1/5/2013	28/03/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	4/8/2010	CĐ	B	x	x
4	Nguyễn Thanh	Lịch	1/10/1975		GV	PTCS Yên Sơn	3/10/1994	1/3/1996	28/03/2017	23 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	4/4/2006	x	B	x	x
5	Quách Thị Thanh	Huyền		03/9/1969	GV	TH Ba Trại A	25/8/1989	18/12/1992	28/3/2017	31N	4,06+9%VK	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	C	x	x
6	Lê Thị	Liệu		24/11/1969	GV	TH Ba Trại A	25/8/1989	12/12/1991	28/3/2017	31N	4,06+10%VK	V.07.03.09	CĐ	28/01/2008	x	C	x	x
7	Chu Thị	Hồi		18/01/1970	GV	TH Ba Trại A	30/08/1991	5/5/1993	28/3/2017	29N	4,06+8%VK	V.07.03.09	ĐH	04/04/2006	x	C	x	x
8	Phùng Thị	Lanh		01/9/1972	GV	TH Ba Trại A	03/10/1994	20/3/1996	28/3/2017	26N	4,06	V.07.03.09	ĐH	04/04/2006	x	C	x	x
9	Đặng Đức	Nhật	27/5/1980		GV	TH Ba Trại A	17/12/2009	17/12/2009	28/3/2017	14N	3,26	V.07.03.09	ĐH	23/4/2012	x	A2	x	x
10	Nguyễn Thị	Sáu		20/7/1979	GV	TH Ba Trại A	01/1/2012	01/1/2012	28/3/2017	14N	3.06	V.07.03.09	ĐH	17/10/2006	x	C	x	x
11	Đặng Thị Hải	Yến		4/11/1979	GV	TH Ba Trại A	10/10/2011	8/2/2012	28/3/2017	14N	3,06	V.07.03.09	ĐH	26/6/2002	x	C	x	x
12	Nguyễn Hồng	Hằng		02/12/1980	GV	TH Ba Trại A	12/9/2007	1/3/2008	28/3/2017	13N	3,06	V.07.03.09	ĐH	17/10/2006	x	C	x	x
13	Phùng Thị Thu	Hà		13/3/1981	GV	TH Ba Trại A	1/1/2005	1/7/2005	28/3/2017	15N	3,26	V.07.03.09	ĐH	11/3/2011	x	C	x	x
14	Phạm Thị	Thắng		21/02/1978	GV	TH Ba Trại A	17/12/2009	17/12/2009	28/3/2017	14N	3,06	V.07.03.09	CĐ	10/4/2000	x	C	x	x
15	Trần Thị	Hồng		25/01/1983	GV	TH Ba Trại A	12/9/2007	14/3/2008	28/3/2017	13N	3,06	V.07.03.09	ĐH	25/6/2007	x	C	x	x
16	Ngô Thị Minh	Huế		3/1/1979	GV	TH Ba Trại A	12/9/2007	14/3/2008	28/3/2017	14N	3,06	V.07.03.09	ĐH	23/04/2012	x	C	x	x
17	Quách Khánh	Năm		30/12/1967	GV	TH Ba Trại A	11/12/002	17/7/2003	28/3/2017	18N	3,46	V.07.03.09	CĐ	28/01/2008	x	C	x	x
18	Nguyễn Thị	Hậu		19/8/1987	GV	TH Ba Trại A	1/11/2010	1/5/2011	28/3/2017	9N	2,66	V.07.03.09	CĐ	4/8/2010	x	C	x	x
19	Bùi Thị Thu	Hiền		28/4/1984	GV	TH Ba Trại A	17/12/2009	17/12/2009	28/3/2017	13N	3,06	V.07.03.09	CĐ	20/7/2006	x	C	x	x
20	Phùng Thế	Anh	14/6/1980		GV	TH Ba Trại A	17/9/2014	17/9/2014	28/3/2017	14N	3,06	V.07.03.09	CĐ	20/8/2002	x	C	x	x
21	Nguyễn Thu	Hiền		15/4/1990	GV	TH Ba Trại A	23/10/2012	6/8/2013	28/3/2017	7N	2,46	V.07.03.09	ĐH	20/8/2016	x	C	x	x
22	Đặng Thị	Lan		23/02/1968	GV	TH Ba Trại A	24/1/1988	1/10/1989	28/3/2017	30N	4,06+8%VK	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	C	x	x
23	Nguyễn Văn	Hùng	12/08/1983		GV	TH Ba Trại A	1/1/2005	1/7/2005	28/3/2017	15N	3,26	V.07.03.09	ĐH	28/01/2019	x	C	x	x
24	Phùng Thị Ngọc	Lưu		27/09/1970	PHT	TH Ba Trại B	01/09/1990	18/12/1992	28/03/2017	28 năm 2 tháng	4,06 (9%VK)	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	A2	x	x
25	Phùng Thị	Huệ		25/03/1993	GV	TH Ba Trại B	01/10/2014	01/04/2015	28/03/2017	4 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	07/2017	x	B	x	x
26	Lê Thị Kim	Thu		27/02/1981	GV	TH Ba Trại B	12/09/2007	14/03/2008	28/03/2017	11 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	04/2012	x	A2	x	x
27	Đặng Thị Hồng	Thúy		08/08/1979	GV	TH Ba Trại B	01/10/2014	01/04/2015	28/03/2017	4 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	C	x	x
28	Nguyễn Thị	Vân		20/12/1989	GV	TH Ba Trại B	01/11/2012	01/05/2013	28/03/2018	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	A2	x	x
29	Lê Thu	Huệ		25/12/1990	GV	TH Ba Trại B	10/01/2016	01/07/2016	10/01/2016	3 năm 7 tháng	2,06	V.07.03.09	CĐ	07/2012	x	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
30	Nguyễn Thị	Khuyên		17/08/1977	GV	TH Ba Trại B	17/12/2009	17/12/2009	17/07/2018	10 năm 2 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	12/2004	x	B2	x	x
31	Đinh Thị	Minh		06/06/1969	GV	TH Ba Trại B	21/10/1992	21/04/1994	28/03/2017	25 năm 10 tháng	4,06 (8%)	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	C	x	x
32	Nguyễn Thị	Huệ		29/05/1981	GV	TH Ba Trại B	01/01/2005	01/07/2005	28/03/2017	14 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	04/2011	x	A2	x	x
33	Hoàng Thị	Anh		02/05/1976	GV	TH Ba Trại B	15/08/1997	02/12/1998	28/03/2017	21 năm 2 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	C	x	x
34	Đào Thị	Chính		27/09/1978	GV	TH Ba Trại B	01/12/2009	01/01/2010	28/03/2017	10 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	08/2000	x	A2	x	x
35	Giang Thị	Hằng		06/11/1991	GV	TH Ba Trại B	01/10/2014	01/04/2015	28/03/2017	4 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	03/2015	ĐH	A2	x	x
36	Trần Thị	Hạnh		19/10/1976	GV	TH Ba Trại B	07/11/2012	07/11/2012	28/03/2017	14 năm1 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	A2	x	x
37	Bạch Thị	Linh		29/07/1982	GV	TH Ba Trại B	12/09/2007	14/03/2008	28/03/2017	14 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	04/2012	x	C	x	x
38	Đặng Thị Hải	Yến		19/10/1989	GV	TH Ba Trại B	23/12/2011	07/11/2012	28/03/2017	7 năm 3 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	04/2011	x	A2	x	x
39	Nguyễn Thị	Thủy		20/05/1991	GV	TH Ba Trại B	01/10/2014	01/04/2015	28/03/2017	4 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	02/2018	x	C	x	x
40	Đặng Văn	Hải	20/01/1983		GV	TH Ba Trại B	29/12/2004	01/07/2005	28/03/2017	14 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	08/2012	x	B	x	x
41	Vương Thị	Nhung		08/11/1983	GV	TH Ba Trại B	29/12/2004	01/07/2005	28/03/2017	14 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	08/2012	x	B	x	x
42	Nguyễn Thị Hoài	Thu		11/08/1984	GV	TH Ba Trại B	07/11/2012	07/11/2012	28/03/2017	7 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	07/2005	x	A2	x	x
43	Lê Văn	Thưởng	16/08/1978		GV	TH Ba Trại B	01/01/2005	01/07/2005	28/03/2017	14 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	11/2009	x	B	x	x
44	Phùng Thị	Hảo		8/2/1989	GV	TH Ba Trại B	1/10/2014	1/4/2015	28/03/2017	4 năm 11 tháng	2.26	V.07.03.09	CĐ	3/2013	x	C	x	x
45	Phùng Thị	Hoa		30/6/1988	GV	TH Cẩm Lĩnh	01/12/2009	01/06/2010	28/3/2017	10 năm , 2t	2,66	V.07.03.09	CĐ	13/8/2009	x	Anh B	x	x
46	Phùng Văn	Nên	28/5/19991		GV	TH Cẩm Lĩnh	01/10/2014	01/4/2015	28/3/2017	5 năm, 4 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ	30/6/2014	x	Anh B	x	x
47	Hoàng Thị	Minh		02/11/1987	GV	TH Cẩm Lĩnh	14/10/2008	01/10/2014	28/3/2017	11 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	6/2008	x	Anh B	x	x
48	Phạm Thị	Hạnh		28/9/1982	GV	TH Cẩm Lĩnh	12/9/2007	07/6/2008	28/3/2017	12 năm 5 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	02/7/2004	x	Anh B	x	x
49	Trần Phi	Hiển		29/12/1976	GV	TH Cẩm Lĩnh	15/08/1997	02/12/1998	28/3/2017	22 năm, 6t	3,86	V.07.03.09	ĐH	01/10/2005	x	Anh B	x	x
50	Trương Thị	Phượng		24/02/1974	GV	TH Cẩm Lĩnh	30/01/1997	02/12/1998	28/3/2017	23 năm	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/5/2007	x	Anh B	x	x
51	Trương Thị Hồng	Vân		13/7/1975	GV	TH Cẩm Lĩnh	26/8/1996	26/02/1998	28/3/2017	23 năm 6 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	Anh B	x	x
52	Phùng Thị Phương	Lan		01/7/1976	GV	TH Cẩm Lĩnh	12/9/2007	14/03/2008	28/3/2017	12 năm 5 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	10/11/1997	x	Anh B	x	x
53	Thanh	Tâm		29/12/1973	GV	TH Cẩm Lĩnh	21/10/1992	21/04/1994	28/03/2017	27 năm , 4t	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	Anh C	x	x
54	Phùng Văn	Nam	22/12/1986		GV	TH Cẩm Lĩnh	01/09/2007	01/03/2008	28/03/2017	12 năm ,5t	2,86	V.07.03.09	ĐH	15/8/2014	x	Anh B	x	x
55	Phùng Thị	Lý		6/2/1991	GV	TH Cẩm Lĩnh	10/10/2011	10/04/2012	28/03/2017	8 năm, 4 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	26/10/2016	x	Anh C	x	x
56	Phùng Thị	Phương		12/8/1978	GV	TH Cẩm Lĩnh	1/12/2009	1/12/2009	28/03/2017	10 năm , 2 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	27/6/2001	x	Trung C	x	x
57	Thu	Phương		02/6/1989	GV	TH Cẩm Lĩnh	01/11/2012	1/5/2013	28/03/2017	7 năm, 3 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	28/3/2013	CĐ	Anh C	x	x
58	Lê Thị	Thìn		2/1/1989	GV	TH Cẩm Lĩnh	15/09/2014	15/09/2014	28/03/2017	5 năm,5 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	14/7/2011	x	Anh B	x	x
59	Nguyễn Văn	Xuân	29/07/1981		GV	TH Cẩm Lĩnh	10/09/2007	10/03/2008	28/03/2017	12 năm 5 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	28/01/2019	x	Anh B	x	x
60	Trần Thị Hồng	Nhung		1/11/1987	GV	TH Cam Thượng	1/11/2012	1/11/2012	1/11/2012	7,3	2,46	V.07.03.09	ĐH	1/3/2014	ĐH	Anh B	x	x
61	Quách Thị Minh	Thư		25/06/1991	GV	TH Cam Thượng	1/10/2014	1/4/2015	1/4/2015	4,9	2,26	V.07.03.09	ĐH	1/4/2018	x	Anh A2	x	x
62	Ngô Thị	Hiền		9/12/1984	GV	TH Cam Thượng	1/11/2006	1/5/2007	1/5/2007	12,8	3,06	V.07.03.09	ĐH	1/7/2011	x	Anh B	x	x
63	Nguyễn thị	Tuyết		14/11/1989	GV	TH Cam Thượng	1/11/2012	1/11/2012	1/11/2012	7..3	2,66	V.07.03.09	ĐH	1/2/2019	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
64	Nguyễn Thị	Hương		25/06/1972	HT	TH Châu Sơn	21/10/1992	27/02/1995	28/03/2017	2 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	A2	x	x
65	Tô Văn	Hùng	14/12/1971		HP	TH Châu Sơn	10/8/1991	5/5/1993	28/03/2017	2 năm 11 tháng	4,07	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	A2	x	x
66	Nguyễn Thị Mai	Hồng		26/06/1972	GV	TH Châu Sơn	29/08/1997	22/12/1999	28/03/2017	2 năm 11 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B	x	x
67	Lê Thị	Hợp		3/3/1970	GV	TH Châu Sơn	30/08/1990	18/12/1992	28/03/2017	2 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B	x	x
68	Lê Thị Bích	Hơi		24/02/1973	GV	TH Châu Sơn	27/01/1994	21/12/1995	28/03/2017	2 năm 11 tháng	4,07	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B	x	x
69	Phương Hạnh	Nguyên		7/4/1980	GV	TH Châu Sơn	25/11/2009	21/01/2010	28/03/2017	2 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	20/08/2002	x	B	x	x
70	Nguyễn Lệ	Hằng		12/1/1983	GV	TH Châu Sơn	12/9/2007	7/6/2008	28/03/2017	2 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	27/06/2005	x	B	x	x
71	Nguyễn Hữu	Nhiên	5/1/1988		GV	TH Châu Sơn	1/11/2012	1/5/2013	28/03/2017	2 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	19/06/2012	x	B	x	x
72	Nguyễn Thị Kim	Lan		13/09/1993	GV	TH Châu Sơn	17/09/2014	8/6/2015	28/03/2017	2 năm 11 tháng	2,06	V.07.03.09	CĐ	11/3/2015	x	B	x	x
73	Trần Thị	Đào		3/2/1990	GV	TH Châu Sơn	16/09/2014	8/4/2015	28/03/2017	2 năm 11 tháng	2,06	V.07.03.09	CĐ	3/7/2012	x	B	x	x
74	Nguyễn Thị Kim	Anh		21/01/1993	GV	TH Châu Sơn	17/09/2014	8/6/2015	28/03/2017	2 năm 11 tháng	2,06	V.07.03.09	CĐ	28/05/2014	x	B	x	x
75	Trần Thị Hải	Yến		26/12/1981	TT	TH Chu Minh	31/08/2003	12/8/2007	12/8/2007	12N 2T	3,06	V.07.03.09	ĐH	17/10/2006	x	B	x	x
76	Nguyễn Thị	Hà		5/8/1985	GV	TH Chu Minh	1/11/2006	1/5/2007	1/5/2007	12N9T	3,06	V.07.03.09	ĐH	8/8/2012	x	Anh A2	x	x
77	Nguyễn Thị Phi	Yến		5/12/1977	GV	TH Chu Minh	1/8/1998	12/8/2007	12/8/2007	12N 2T	3,06	V.07.03.09	ĐH	22/10/2003	x	B	x	x
78	Nguyễn Thị Thu	Hà		3/7/1975	GV	TH Chu Minh	15/8/1997	2/12/1998	28/03/2017	20N	3,86	V.07.03.09	ĐH	4/4/2016	x	Anh C	x	x
79	Phan Thị	Hòa		1/4/1976	GV	TH Chu Minh	12/9/2007	12/3/2008	28/03/2017	11N	3,06	V.07.03.09	ĐH	23/04/2012	x	Anh A2	x	x
80	Trần Thị	Thủy		9/5/1987	GV	TH Chu Minh	1/11/2012	1/5/2013	28/03/2017	6N	2,46	V.07.03.09	ĐH	25/07/2012	ĐH	Anh B	x	x
81	Chu Thị	Trang		28/12/1991	GV	TH Chu Minh	1/11/2012	1/5/2013	28/03/2017	6N	2,26	V.07.03.09	CĐ	3/7/2012	x	Anh A2	x	x
82	Lê Thị Minh	Thư		21/9/1980	GV	TH Chu Minh	1/10/2006	1/4/2007	1/4/2007	12N10T	3,06	V.07.03.09	ĐH	28/01/2019	x	B	x	x
83	Trần Thị	Huệ		22/02/1984	GV	TH Đồng Quang	23/10/2012	1/5/2013	28/3/2017	2 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	20/8/2008	CĐ	B	x	x
84	Trần Văn	Lễ	23/7/1974		GV	TH Đồng Quang	12/9/2007	14/3/2008	28/3/2017	2 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	22/10/2003	x	B	x	x
85	Võ Thị Minh	Hiền		26/9/1973	GV	TH Đồng Quang	27/1/1994	17/11/1995	28/3/2017	2 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	4/4/2006	x	B	x	x
86	Phương Thị Diệu	Phương		4/9/1973	GV	TH Đồng Thái	6/11/1992	1/4/1993	28/03/2017	27N	4,06-7%	V.07.03.09	CĐ	28/01/2008	x	Anh C	x	x
87	Nguyễn Thị Ngọc	Tú		18/01/1983	GV	TH Đồng Thái	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	12N	3,02	V.07.03.09	ĐH	23/04/2012	x	Anh A2	x	x
88	Lê Thị Ngân	Hiền		18/10/1986	GV	TH Đồng Thái	17/09/2014	1/10/2014	28/03/2017	5N	2,86	V.07.03.09	ĐH	21/12/2015	x	Anh A2	x	x
89	Phùng Thị Thu	Huyền		10/10/1984	GV	TH Đồng Thái	14/10/2008	17/09/2014	28/03/2017	11N	2,86	V.07.03.09	ĐH	23/04/2012	x	Anh C	x	x
90	Khương Thị	Hằng		23/07/1973	GV	TH Đồng Thái	1/9/1995	1/3/1996	28/03/2017	23N	4,06	V.07.03.09	CĐ	28/01/2008	x	Anh C	x	x
91	Chu Hồng	Hạnh		27/5/1976	GV	TH Đồng Thái	30/01/1997	15/08/1997	28/03/2017	21N	3,86	V.07.03.09	CĐ	28/01/2008	x	Anh C	x	x
92	Phạm Thị Minh	Thùy		6/11/1980	GV	TH Đồng Thái	1/11/2012	1/5/2013	28/03/2017	6N	2,46	V.07.03.09	CĐ	10/6/2002	CĐ	Anh B	x	x
93	Phan Thị	Bảy		17/06/1968	GV	TH Đồng Thái	4/11/1994	4/5/1996	28/03/2017	25N	4,06	V.07.03.09	CĐ	28/01/2008	x	Anh C	x	x
94	Phạm Thị	Hương		11/12/1967	GV	TH Đồng Thái	1/8/1988	1/8/1989	28/03/2017	29N	4,06-11%	V.07.03.09	CĐ	1/5/2017	x	Anh C	x	x
95	Lê Thị	Hường		9/11/1973	GV	TH Đồng Thái	30/01/1997	15/08/1997	28/03/2017	22N	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/5/2007	x	Anh A2	x	x
96	Nguyễn Ngọc	Thành		25/09/1972	GV	TH Đồng Thái	1/12/1993	1/12/1995	28/03/2017	23N	4,06-6%	V.07.03.09	CĐ	28/01/2008	x	Anh C	x	x
97	Lương Thị	Hậu		10/10/1967	GV	TH Đồng Thái	1/12/1988	1/8/1989	28/03/2017	29N	4,06-11%	V.07.03.09	CĐ	28/01/2008	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng; kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
98	Nguyễn Thị Thu	Phương		26/12/1976	GV	TH Đồng Thái	15/08/1997	2/12/1998	28/03/2017	21N	3,86	V.07.03.09	CĐ	28/01/2008	x	Anh C	x	x
99	Phương Thị	Liên		23/09/1975	GV	TH Đồng Thái	26/08/1996	26/02/1998	28/03/2017	21N	3,86	V.07.03.09	ĐH	17/10/2006	x	Anh C	x	x
100	Nguyễn Thị Kim	Oanh		14/12/1974	GV	TH Đồng Thái	1/9/1995	1/3/1996	28/03/2017	23N	4,06-5%	V.07.03.09	ĐH	17/10/2006	x	Anh B	x	x
101	Đỗ Hữu	Kết	9/3/1971		GV	TH Đồng Thái	6/11/1992	1/4/1993	28/03/2017	27N	4,06-7%	V.07.03.09	CĐ	28/01/2008	x	Anh B	x	x
102	Nguyễn Thị Mai	Quý		15/12/1965	PHT	TH Khánh Thượng	01/10/1987	01/10/1987	28/03/2017	33N	4.06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
103	Nguyễn Thị	Tươi		09/05/1967	TP	TH Khánh Thương	25/8/1989	18/12/1992	28/03/2017	28N	4,06 VK 9%	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
104	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		13/02/1973	TT	TH Khánh Thương	14/11/1994	04/05/1996	28/03/2017	24N	4.06 VK 5%	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	C	x	x
105	Hà Thị Thanh	Thuy		07/02/1971	GV	TH Khánh Thương	25/08/1989	18/12/1992	28/03/2017	28N	4,06 VK 9%	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	C	x	x
106	Nguyễn Thị Thu	Thủy		08/04/1976	GV	TH Khánh Thương	26/08/1996	26/02/1998	28/03/2017	22N	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/05/2007	x	B	x	x
107	Nguyễn Thị	Nga		01/10/1976	GV	TH Khánh Thương	26/08/1996	26/02/1998	28/03/2017	22N	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/05/2007	x	C	x	x
108	Nguyễn Thị	Mai		22/08/1978	GV	TH Khánh Thương	12/09/2007	14/03/2008	28/03/2017	12N	3.06	V.07.03.09	CĐ	01/12/1999	x	C	x	x
109	Đỗ Thị	Phương		25/10/1975	GV TA	TH Khánh Thương	01/12/2009	01/12/2009	28/03/2017	11N	3.06	V.07.03.09	CĐ	20/03/1997	x	B	x	x
110	Đào Thị	Lan		30/12/1989	GV	TH Khánh Thương	10/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	4	2.06	V.07.03.09	CĐ	02/08/2012	x	C	x	x
111	Phùng Thị	Huế		02/01/1993	GV	TH Khánh Thương	1/10/2014	1/04/2015	28/03/2017	5N	2,26	V.07.03.09	ĐH	23/8/2017	x	C	x	x
112	Bùi Thị Bích	Phương		17/12/1987	GV	TH Khánh Thương	25/09/2007	30/06/2008	28/03/2017	12N	2.86	V.07.03.09	ĐH	18/3/2013	x	B	x	x
113	Phùng Văn	Hải	23/3/1983		GV	TH Khánh Thương	01/09/2007	01/03/2008	28/03/2017	12N	3.06	V.07.03.09	ĐH	08/08/2012	x	B	x	x
114	Hoàng Thị Thu	Hương		18/11/1979	TT	TH Khánh Thương	12/9/2007	07/6/2008	28/3/2017	12N	3,06	V.07.03.09	CĐ	30/8/2001	x	Anh C	x	x
115	Phùng Thị Thúy	Thanh		17/07/1993	GV	TH Khánh Thương	1/10/2014	01/04/2015	28/3/2017	5N	2.26	V.07.03.09	ĐH	24/04/2018	x	C	x	x
116	Hoàng Văn	Linh	30/07/1987		GV	TH Khánh Thương	01/02/2013	01/02/2013	05/07/2016	7	2.46	V.07.03.09	ĐH	27/03/2013	x	B	x	x
117	Nguyễn Danh	Khang	24/10/1973		PHT	TH Minh Châu	11/12/2002	17/07/2003	28/03/2017	17N	3,46	V.07.03.09	ĐH	10/5/2007	x	Anh A2	x	x
118	Trần Thị	Hồng		17/07/1977	PHT	TH Minh Châu	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	12N	3,06	V.07.03.09	ĐH	23/04/2012	x	Anh B	x	x
119	Phương Thị	Trinh		23/05/1985	GV	TH Minh Châu	1/11/2012	1/11/2012	28/03/2017	8N	2,66	V.07.03.09	ĐH	19/02/2019	x	Anh B	x	x
120	Kiều Thị	Lan		12/1/1979	GV	TH Minh Châu	20/11/2009	20/05/2010	28/03/2017	10N	2,66	V.07.03.09	CĐ	4/1/2001	x	Trung C	x	x
121	Phạm Thị	Nguyệt		29/01/1989	GV	TH Minh Châu	1/11/2012	1/11/2012	28/03/2017	8N	2,46	V.07.03.09	CĐ	24/02/2011	x	Anh A2	x	x
122	Trần Thị	Oanh		13/06/1983	GV	TH Minh Châu	1/11/2012	1/11/2012	28/03/2017	8N	2,66	V.07.03.09	ĐH	23/04/2012	x	Anh B	x	x
123	Nguyễn Tài	Đảng	1/2/1976		GV	TH Minh Châu	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	12N	3,06	V.07.03.09	CĐ	1/2/1999	x	ANH C	x	x
124	Hoàng Thị	Lương		29/04/1985	GV	TH Minh Châu	1/11/2012	1/11/2012	28/03/2017	8N	2,46	V.07.03.09	ĐH	22/07/2010	ĐH	Anh A2	x	x
125	Nguyễn Thị	Thảo		3/2/1977	GV	TH Minh Châu	1/12/2009	1/12/2009	28/03/2017	11N	3,06	V.07.03.09	CĐ	15/02/2005	x	Anh B	x	x
126	Lê Thị Thúy	Vân		20/01/1975	GV	TH Minh Châu	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	12N	3,06	V.07.03.09	ĐH	23/04/2012	x	Anh B	x	x
127	Lê Thị Phương	Mai		2/1/1983	GV	TH Minh Châu	1/11/2012	1/11/2012	28/03/2017	8N	3,06	V.07.03.09	CĐ	15/07/2005	x	Anh B	x	x
128	Nguyễn Thị Hải	Yến		6/8/1976	GV	TH Minh Châu	12/9/2007	1/10/2008	28/03/2017	12N	3,06	V.07.03.09	CĐ	1/2/1999	x	Anh B	x	x
129	Nguyễn Thị Thu	Hằng		28/08/1976	GV	TH Minh Châu	8/1/2016	10/1/2016	10/1/2016	4N	3,06	V.07.03.09	CĐ	15/02/2005	x	Anh B	x	x
130	Nguyễn Thị	Dậu		20/01/1994	GV	TH Minh Châu	10/1/2016	1/7/2016	1/7/2016	4N	2,06	V.07.03.09	CĐ	6/2/2017	x	Anh A2	x	x
131	Đỗ Thị Thanh	Huyền		13/09/1993	GV	TH Minh Châu	1/10/2014	1/4/2015	28/03/2017	5N	2,26	V.07.03.09	ĐH	1/6/2018	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
132	Đặng Thị	Nhung		1/11/1992	GV	TH Minh Châu	1/10/2014	1/4/2015	28/03/2017	5N	2,26	V.07.03.09	CĐ	11/6/2014	x	Anh B	x	x
133	Vương Thị	Tuyết		20/05/1994	GV	TH Minh Châu	1/10/2014	1/4/2015	28/03/2017	5N	2,26	V.07.03.09	CĐ	6/2/2017	x	Anh A2	x	x
134	Nguyễn Thị	Nhung		29/03/1994	GV	TH Minh Châu	10/1/2106	1/7/2016	1/7/2016	4N	2,06	V.07.03.09	CĐ	9/6/2015	x	Anh B	x	x
135	Vũ Thị	Tích		29/08/1969	PHT	TH Minh Quang A	1/9/1990	18/12/1992	28/03/2017	28N	4,06 + 10%	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	A2	x	x
136	Dương Thị Thu	Hà		12/9/1984	PHT	TH Minh Quang A	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	12N	3,06	V.07.03.09	ĐH	20/07/2006	x	A2	x	x
137	Nguyễn Thị Kim	Anh		16/07/1986	GV	TH Minh Quang A	20/11/2009	20/05/2010	28/03/2017	10N	2,66	V.07.03.09	ĐH	10/6/2006	x	B	x	x
138	Đinh Văn	Trình	25/08/1983		GV	TH Minh Quang A	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	12N	3,06	V.07.03.09	ĐH	28/06/2006	x	B	x	x
139	Tạ Thị Thanh	Ngân		25/05/1982	GV	TH Minh Quang A	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	12N	3,06	V.07.03.09	CĐ	15/07/2005	x	A2	x	x
140	Phùng Thị	Hảo		4/11/1980	GV	TH Minh Quang A	1/12/2009	1/12/2009	28/03/2017	11N	3,06	V.07.03.09	ĐH	20/08/2002	x	A2	x	x
141	Phùng Thị	Hằng		29/11/1975	GV	TH Minh Quang A	3/10/1994	20/03/1996	28/03/2017	24N	4,06	V.07.03.09	ĐH	4/4/2006	x	A2	x	x
142	Chúc Thị	Liên		15/09/1983	GV	TH Minh Quang A	8/1/2016	21/04/2016	21/04/2016	4	3,06	V.07.03.09	CĐ	10/8/2004	x	A2	x	x
143	Phạm Đoãn	Tâm	5/8/1982		GV	TH Minh Quang A	1/1/2005	1/7/2005	28/03/2017	15N	3,26	V.07.03.09	ĐH	5/11/2009	x	Bậc 2	x	x
144	Nguyễn Thị	Xuân		10/6/1968	GV	TH Minh Quang A	25/08/1989	18/12/1992	28/03/2017	28N	4.06+9%	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B	x	x
145	Nguyễn Thị Thu	Thủy		12/10/1983	GV	TH Minh Quang B	10/1/2011	11/1/2011	28/3/2017	5N5T	3,06	V.07.03.09	CĐ	15/07/2005	x	A2	x	x
146	Trần Thị Minh	Chính		4/3/1976	TT	TH Phong Vân	15/8/1997	2/12/1998	28/3/2017	21N 4T	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B	x	x
147	Nguyễn Thị Hồng	Vân		1/8/1975	TT	TH Phong Vân	26/8/1996	26/2/1998	28/3/2017	22N	4,06	V.07.03.09	ĐH	4/4/2006	x	B	x	x
148	Đào Thị Tư	Hằng		29/01/1989	GV	TH Phong Vân	1/11/2012	1/5/2013	28/3/2017	6N 9T	2,46	V.07.03.09	CĐ	4/8/2010	CĐ	A2	x	x
149	Nguyễn Thị	Yến		17/12/1988	GV	TH Phong Vân	1/10/2014	1/4/2015	28/3/2017	5N 4T	2,26	V.07.03.09	ĐH	4/8/2010	x	B	x	x
150	Nguyễn Thị	Miền		20/12/1982	GV	TH Phong Vân	12/9/2007	7/6/2008	7/6/2008	12N 7T	3,06	V.07.03.09	CĐ	10/8/2004	x	C	x	x
151	Đỗ Thị Mỹ	Hạnh		19/3/1990	GV	TH Phong Vân	1/10/2012	1/10/2013	26/6/2018	6N 4T	2,46	V.07.03.09	ĐH	15/12/2017	x	B	x	x
152	Phùng Thị Thu	Thủy		19/5/1978	GV	TH Phong Vân	13/9/2007	2/5/2008	28/3/2217	12N5T	3,06	V.07.03.09	ĐH	28/01/2019	x	A2	x	x
153	Ngô Thanh	Hải		1/101985	GV	TH Phong Vân	1/10/2006	1/4/2007	28/3/2017	12N 9T	3,06	V.07.03.09	ĐH	8/8/2012	x	B	x	x
154	Ngô Thị Phương	Lan		5/1/1975	TT	TH Phong Vân	12/9/2007	7/7/2008	12/9/2007	12N 5T	3,06	V.07.03.09	CĐ	15/2/2005	x	C	x	x
155	Phùng Kim	Tính		16/9/1973	GV	TH Phong Vân	1/12/2009	1/12/2009	1/12/2009	10 N 2T	3,06	V.07.03.09	CĐ	1/7/1996	x	B2	x	x
156	Phan Thị	Long		29/09/1967	GV	TH Phú Châu	15/8/1988	1/12/1990	28/03/2017	30N6T	4,06	V.07.03.09	CĐ	1/2008	x	ANH B	x	x
157	Nguyễn Thị Minh	Hiền		23/05/1974	TT	TH Phú Châu	1/9/1993	1/7/1995	28/03/2017	26N1T	4,06	V.07.03.09	CĐ	1/2008	x	ANH B	x	x
158	Nguyễn Thị	Tình		30/01/1972	GV	TH Phú Châu	20/09/1994	20/03/1996	28/03/2017	25N4T	4,06	V.07.03.09	CĐ	1/2008	x	ANH B	x	x
159	Hoàng Thị Hoài	Thu		17/11/1976	GV	TH Phú Châu	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	12N6T	3,06	V.07.03.09	CĐ	2/1999	x	ANH B	x	x
160	Nguyễn Thị Mai	Hương		23/07/1967	TT	TH Phú Châu	1/8/1990	1/2/1992	28/03/2017	29N6T	4,06	V.07.03.09	CĐ	1/2008	x	ANH C	x	x
161	Nguyễn Thị Kim	Chính		3/2/1966	TT	TH Phú Châu	15/08/1986	1/12/1988	28/03/2017	32N6T	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	ANH B	x	x
162	Nguyễn Đức	Hoàn	30/9/1992		GV	TH Phú Châu	1/10/2014	1/4/2015	28/03/2017	5N6T	2,26	V.07.03.09	ĐH	6/2014	x	ANH B	x	x
163	Lê Thị Thu	Hà		21/05/1971	GV	TH Phú Châu	2/12/1998	1/2/1998	28/03/2017	21N6T	3,86	V.07.03.09	CĐ	1/2008	x	ANH B	x	x
164	Dương Thị Trung	Hiếu		19/05/1969	GV	TH Phú Châu	1/1/1991	5/5/1993	28/03/2017	28N6T	4,06	V.07.03.09	CĐ	1/2008	x	ANH B	x	x
165	Đinh Thị Thủy	Huyền		11/3/1971	GV	TH Phú Châu	1/10/1992	1/4/1993	28/03/2017	27N6T	4,06	V.07.03.09	CĐ	1/2008	x	ANH B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
166	Nguyễn Thị Hương	Sen		12/9/1984	GV	TH Phú Châu	20/11/2009	20/05/2010	28/03/2017	12N	2,66	V.07.03.09	ĐH	10/2008	x	Pháp B	x	x
167	Lê Thị Thu	Thủy		10/01/1970	GV	TH Phú Cường	30/08/1991	1/3/1993	28/03/2017	26N10T	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
168	Mai Thị Thanh	Bình		4/8/1976	TT	TH Phú Cường	12/9/2007	7/6/2008	28/03/2017	11N8T	3,26	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	C	x	x
169	Lê Phương	Đông	9/7/1975		TT	TH Phú Cường	12/9/2007	7/6/2008	28/03/2017	11N8T	3,06	V.07.03.09	ĐH	9/2012	x	B	x	x
170	Nguyễn Thị	Nhung		3/10/1979	GV	TH Phú Cường	12/9/2007	7/6/2008	28/03/2017	11N8T	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	B	x	x
171	Trần Quốc	Tuấn	1/9/1983		GV	TH Phú Cường	12/9/2007	7/6/2008	28/03/2017	11N8T	3,06	V.07.03.09	CĐ	6/2005	x	B	x	x
172	Vũ Thị	Trường		1/1/1968	TT	TH Phú Cường	25/08/1988	1/12/1990	28/03/2017	29N2T	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
173	Chu Thị	Loan		1/11/1988	TT	TH Phú Cường	1/1/2010	1/7/2010	28/03/2017	9N7T	2,66	V.07.03.09	ĐH	1/2019	x	B	x	x
174	Hà Thị	Thanh		02/03/1980	GV	TH Phú Đông	20/11/2009	24/06/2010	28/03/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	12/05/2005	x	B2	x	x
175	Chu Thị	Hương		02/09/1976	GV	TH Phú Đông	12/09/2007	07/06/2008	28/03/2017	11 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	10/11/1997	x	Anh- C	x	x
176	Nguyễn Thị	Hà		20/10/1978	GV	TH Phú Đông	01/12/2009	01/06/2010	28/03/2017	10 năm 1 tháng	3,26	V.07.03.09	CĐ	20/08/2002	x	Anh- C	x	x
177	Nguyễn Thanh	Huyền		26/11/1976	GV	TH Phú Đông	15/8/1997	02/12/1998	28/03/2017	22 năm 5 tháng	3.86	V.07.03.09	ĐH	17/10/2006	x	Anh- C	x	x
178	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		17/09/1991	GV	TH Phú Đông	01/11/2012	01/05/2013	28/03/2017	7 năm 3 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	26/06/2012	CĐ	Anh- C	x	x
179	Trần Thị	Hằng		24/04/1970	GV	TH Phú Đông	31/08/1991	05/05/1993	28/03/2017	28 năm 5 tháng	4,06+ VK 8%	V.07.03.09	ĐH	17/10/2006	x	Anh- C	x	x
180	Cao Thị Tuyết	Hương		28/05/1970	GV	TH Phú Đông	21/10/1992	21/04/1994	28/03/2017	27 năm 3 tháng	4,06+ VK 8%	V.07.03.09	ĐH	17/10/2006	x	Anh- C	x	x
181	Phùng Thị	Chà		08/01/1990	GV	TH Phú Đông	01/10/2014	01/09/2015	28/03/2017	5 năm 3 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	01/07/2013	x	Anh- C	x	x
182	Nguyễn Thị	Lương		23/03/1974	HT	TH Phú Phương	27/01/1994	21/12/1995	28/3/2017	24N2T	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	ANH C	x	x
183	Đỗ Thị Thúy	Quỳnh		16/10/1968	PHT	TH Phú Phương	30/08/1990	14/12/1993	28/3/2017	26N2T	4,06	V.07.03.09	ĐH	04/2012	x	ANH B	x	x
184	Nguyễn Thị Mai	Hoa		10/11/1969	GV	TH Phú Phương	14/08/1989	18/12/1992	28/3/2017	27N2T	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	ANH B	x	x
185	Phùng Thị Minh	Hoa		26/06/1970	GV	TH Phú Phương	30/08/1990	18/12/1992	28/3/2017	27N2T	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	ANH B	x	x
186	Nguyễn Thị Kim	Loan		29/08/1971	GV	TH Phú Phương	30/08/1991	1/12/1993	28/3/2017	27N1T	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	ANH B	x	x
187	Nguyễn Thị Minh	Châm		16/06/1970	GV	TH Phú Phương	27/1/1994	21/12/1995	28/3/2017	24N2T	4,06	V.07.03.09	CĐ	01/2008	x	ANH C	x	x
188	Nguyễn Thị	Chúc		1/10/1970	GV	TH Phú Phương	27/01/1994	21/12/1995	28/3/2017	24N2T	4,06	V.07.03.09	ĐH	05/2007	x	ANH C	x	x
189	Lê thị	Thoa		22/02/1983	GV	TH Phú Phương	6/12/2005	1/4/2007	28/3/2017	13N1T	3,06	V.07.03.09	CĐ	12/2005	x	ANH B	x	x
190	Phùng Thị	Nga		29/02/1988	GV	TH Phú Phương	1/12/2009	1/6/2010	28/3/2017	10N1T	2,66	V.07.03.09	CĐ	08/2009	x	ANH B	x	x
191	Phạm Thị Thanh	Xuân		7/8/1975	GV	TH Phú Phương	1/12/2009	1/12/2009	28/3/2017	11N1T	2,86	V.07.03.09	CĐ	9/1996	x	PHÁP B	x	x
192	Nguyễn Thị Hồng	Lý		26/11/1972	GV	TH Phú Phương	12/9/2007	14/03/2008	28/3/2017	11N11T	3,26	V.07.03.09	CĐ	11/1997	x	THVP B	x	x
193	Nguyễn Thị Huyền	Trang		5/2/1990	GV	TH Phú Phương	17/09/2014	20/11/2014	28/3/2017	5N3T	2,46	V.07.03.09	CĐ	7/2011	x	ANH B	x	x
194	Đỗ Thị vân	Oanh		7/1/1991	GV	TH Phú Phương	17/04/2019	1/1/2015	28/3/2017	5N1T	2,26	V.07.03.09	ĐH	6/2013	x	ANH C	x	x
195	Chu Thị	Phi		20/02/1988	GV	TH Phú Sơn	01/11/2012	01/11/2012	28/03/2017	7năm 4 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	04/08/2010	x	B	x	x
196	Hoàng Thị	Thủy		08/01/1980	GV	TH Phú Sơn	01/01/2005	01/07/2005	28/03/2017	14 năm 8 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	08/08/2012	x	C	x	x
197	Trần Văn	Trường	27/05/1981		GV	TH Phú Sơn	01/10/2006	01/04/2007	28/03/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/03/2011	x	B	x	x
198	Phương Thị Thanh	Tâm		28/11/1992	GV	TH Phú Sơn	17/09/2014	01/04/2015	28/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ	28/05/2014	x	C	x	x
199	Hà Thị Huyền	Trang		18/03/1986	GV	TH Phú Sơn	01/09/2007	01/03/2008	28/03/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH	22/06/2011	x	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
200	Chu Công	Toàn	12/01/1977		GV	TH Phú Sơn	01/11/2012	01/11/2012	28/03/2017	7năm 4 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	01/02/1999	x	C	x	x
201	Phùng Thị	Mai		20/11/1978	GV	TH Phú Sơn	25/11/2002	25/11/2002	28/03/2017	17 năm 4 tháng	3,46	V.07.03.09	CĐ	06/09/2010	x	Bậc 2	x	x
202	Lê Thị Huyền	Trang		09/09/1987	GV	TH Phú Sơn	01/12/2009	01/06/2010	24/04/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	24/05/2011	ĐH	B	x	x
203	Phan Thị	Hương		20/06/1977	TT	TH Sơn Đà	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	2 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	17/10/2006	x	A2	x	x
204	Nguyễn Thị	Hương		8/6/1983	TT	TH Sơn Đà	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	2 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	23/04/2012	x	A2	x	x
205	Ngô Thu	Hương		25/05/1983	GV	TH Sơn Đà	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	2 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	23/04/2012	x	A2	x	x
206	Nguyễn Thị	Lan		21/10/1986	GV	TH Sơn Đà	31/10/2013	1/11/2013	28/03/2017	2 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	28/07/2008	x	A2	x	x
207	Trương Thị	Hiệp		15/03/1990	GV	TH Sơn Đà	22/10/2012	1/5/2013	28/03/2017	2 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	2/10/2017	x	A2	x	x
208	Kiều Thị	Thìn		4/2/1988	GV	TH Sơn Đà	1/10/2011	1/4/2012	28/03/2017	2 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	10/7/2012	x	A2	x	x
209	Nguyễn Thị Thương	Loan		27/10/1988	GV	TH Sơn Đà	22/10/2012	1/5/2013	28/03/2017	2 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	16/05/2017	x	B	x	x
210	Trịnh Thị	Thơ		10/6/1983	GV	TH Sơn Đà	1/11/2006	1/5/2007	28/03/2017	2 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	24/01/2011	x	B2	x	x
211	Phan Thị Thanh	Thủy		12/02/1067	TP	TH Sơn Đà	28/09/1993	27/07/1995	28/03/2017	2 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B2	x	x
212	Phương Thị Thúy	Tâm		21/02/1972	GV	TH Tân Hồng	30/08/1991	05/05/1993	28/03/2017	28N-6T	4,06-8%	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B	x	x
213	Lê Thị	Hải		15/12/1973	GV	TH Tân Hồng	31/10/1992	21/04/1994	28/03/2017	27N-4T	4,06-8%	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B	x	x
214	Phương Thị	Hà		08/09/1975	GV	TH Tân Hồng	01/09/1996	26/02/1998	28/03/2017	23N-6T	4,06	V.07.03.09	ĐH	17/10/2006	x	B	x	x
215	Lê Thị Quỳnh	Huê		08/12/1975	GV	TH Tân Hồng	15/08/1997	02/12/1999	28/03/2017	22N-7T	3,86	V.07.03.09	ĐH	17/10/2006	x	B	x	x
216	Khổng Thị	Tuyết		02/11/1975	GV	TH Tân Hồng	15/08/1997	02/12/1999	28/03/2017	22N-7T	3,86	V.07.03.09	ĐH	17/10/2006	x	B	x	x
217	Tô Thị Minh	Chính		08/02/1976	GV	TH Tân Hồng	12/09/2007	14/03/2008	28/03/2017	12N-6T	3,06	V.07.03.09	CĐ	22/08/2007	x	B	x	x
218	Nguyễn Thị Hồng	Thu		27/11/1977	GV	TH Tân Hồng	12/09/2007	14/03/2008	28/03/2017	12N-6T	3,06	V.07.03.09	CĐ	15/02/2005	x	B	x	x
219	Nguyễn Thị	Hằng		21/01/1980	GV	TH Tân Hồng	12/09/2007	14/03/2008	28/03/2017	12N-6T	3,06	V.07.03.09	ĐH	27/06/2003	x	C	x	x
220	Lê Thị Bích	Huệ		17/05/1979	GV	TH Tân Hồng	01/12/2009	01/12/2009	28/03/2017	10N-3T	3,06	V.07.03.09	ĐH	27/09/2005	x	ĐH	x	x
221	Đặng Thị	Dung		29/10/1986	GV	TH Tân Hồng	01/12/2009	01/12/2009	28/03/2017	10N-3T	2,86	V.07.03.09	ĐH	23/04/2012	x	B	x	x
222	Trần Trung	Kiên	16/08/1990		GV	TH Tân Hồng	01/11/2012	01/05/2013	28/03/2017	7N-4T	2,26	V.07.03.09	ĐH	28/01/2015	ĐH	B	x	x
223	Trần Thị	Thuận		11/02/1987	GV	TH Tân Hồng	01/12/2009	01/06/2010	28/03/2017	10N -3T	2,66	V.07.03.09	CĐ	13/08/2009	x	B	x	x
224	Nguyễn Trung	Kiên	29/05/1980		GV	TH Tân Hồng	01/12/2009	01/01/2010	28/03/2017	10N-3T	3,06	V.07.03.09	ĐH	05/12/2010	x	B	x	x
225	Đặng Hồng	Phúc		22/04/1985	GV	TH Tân Hồng	10/01/2016	10/01/2016	10/01/2016	4N-1T	2,66	V.07.03.09	CĐ	28/07/2008	x	B	x	x
226	Phạm Thị	Hương		29/10/1970	HP	TH Tân Lĩnh	30/08/1990	18/12/1992	28/03/2017	28 năm 2 tháng	4,06+10%	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
227	Nguyễn Thị Thanh	Hương		16/06/1972	GV	TH Tân Lĩnh	10/8/1991	5/5/1993	28/03/2017	27 năm 9 thg	4,06+8%	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	A2	x	x
228	Phan T.Thanh	Tâm		17/08/1973	GV	TH Tân Lĩnh	27/01/1994	27/07/1995	28/03/2017	25 năm7 tháng	4,06+5%	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	B	x	x
229	Lê T.Thúy	Vinh		02/01/1969	GV	TH Tân Lĩnh	30/08/1991	5/5/1993	28/03/2017	27 năm 9 tháng	4,06+8%	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	A2	x	x
230	Nguyễn Văn	Tài	5/9/1975		GV	TH Tân Lĩnh	1/9/2000	1/3/2005	28/03/2017	19 năm11tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	01/2012	x	A2	x	x
231	Phan T.Thu	Hường		13/10/1972	GV	TH Tân Lĩnh	21/10/1992	21/04/1994	28/03/2017	26 năm10tháng	4,06+8%	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	C	x	x
232	Đinh Thị	Thái		4/11/1982	GV	TH Tân Lĩnh	29/12/2004	4/8/2005	28/03/2017	15 năm6 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	8/2012	x	B	x	x
233	Lê T. Lương	Sơn		7/6/1971	GV	TH Tân Lĩnh	30/08/1991	5/5/1993	28/03/2017	27 năm 9 tháng	4,06+8%	V.07.03.09	ĐH	4/2006	x	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
234	Nguyễn Thị	Thanh		17/12/1969	GV	TH Tân Lĩnh	8/25/1989	18/12/1992	28/03/2017	28 năm 2 tháng	4,06+9%	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	B	x	x
235	Ng. T. Kim	Quý		3/11/1970	GV	TH Tân Lĩnh	25/08/1989	18/12/1992	28/03/2017	28 năm 2 tháng	4,06+9%	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	A2	x	x
236	Phương Thị Thuý	Hằng		12/3/1976	GV	TH Tân Lĩnh	1/28/1997	22/12/1999	28/03/2017	21 năm 2 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	B	x	x
237	Ng Thị Hồng	Việt		19/1/1979	GV	TH Tân Lĩnh	12/29/2004	8/4/2005	28/03/2017	15 năm 6 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	8/2012	x	B	x	x
238	Nguyễn Thị	Nguyệt		24/4/1974	GV	TH Tân Lĩnh	29/9/1994	2/12/1995	28/03/2017	24 năm 2 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	11/2009	x	B	x	x
239	Ngô Thị Kim	Sâm		18/2/1974	PHT	TH Tây Đằng A	26/8/1996	26/02/1998	28/03/2017	21N, 10 T	4.06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh A2	x	x
240	Nguyễn Thị Thu	Nga		23/9/1968	PHT	TH Tây Đằng A	21/04/1994	21/04/1994	28/03/2017	24N,8T	4.06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	x	x
241	Nguyễn Thị	Hải		20/4/1971	GV	TH Tây Đằng A	30/8/1991	05/5/1993	28/03/2017	26N,7T	4.06	V.07.03.09	CĐ	2007	x	Anh B	x	x
242	Nguyễn Thị	Sâm		23/01/1976	GV	TH Tây Đằng A	01/12/2009	01/12/2009	28/03/2017	8N	3.06	V.07.03.09	ĐH	2006	x	Anh C	x	x
243	Nguyễn Thị	Đào		28/11/1972	GV	TH Tây Đằng A	30/8/1991	05/5/1993	28/03/2017	26N,7T	4.06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	x	x
244	Lê Thị	An		14/9/1973	GV	TH Tây Đằng A	26/08/1996	26/02/1998	28/03/2017	21N, 10T	3.86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	x	x
245	Nguyễn Thị Thu	Hà		16/6/1972	GV	TH Tây Đằng A	15/10/1992	15/10/1994	28/03/2017	25N, 2T	4.06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Anh B	x	x
246	Nguyễn Thị Thu	Hằng		12/01/1970	GV	TH Tây Đằng A	30/08/1991	05/05/1993	28/03/2017	26N,7T	4.06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	x	x
247	Phan Thị	Hương		05/7/1969	GV	TH Tây Đằng A	30/08/1991	01/04/1993	28/03/2017	26 N	4.06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	x	x
248	Đỗ Thị	Trang		07/12/1980	GV	TH Tây Đằng A	01/10/2014	01/10/2014	28/03/2017	5N, 2T	2.26	V.07.03.09	CĐ	7/2012	x	Anh A2	x	x
249	PhùngThị	Thanh		01/4/1972	GV	TH Tây Đằng A	14/11/1994	01/03/1996	28/03/2017	21N,9T	4.06	V.07.03.09	ĐH	5/2005	x	Anh B	x	x
250	Nguyễn Thị	Thu		07/11/1984	GV	TH Tây Đằng A	12/09/2007	14/03/2008	28/03/2017	11N,9T	2.86	V.07.03.09	ĐH	4/2012	x	Anh A2	x	x
251	Nguyễn Thị	Ninh		15/11/1983	GV	TH Tây Đằng A	12/09/2007	14/03/2008	28/03/2017	10N,9T	2,86	V.07.03.09	ĐH	6/2005	x	Anh B	x	x
252	Ngô Thị	Lương		15/10/1972	GV	TH Tây Đằng A	27/01/1994	27/07/1995	28/03/2017	24N,6T	4.06	V.07.03.09	ĐH	2005	x	Anh B	x	x
253	Khương Thị Thúy	Hồng		05/10/1982	GV	TH Tây Đằng A	12/09/2007	14/03/2008	28/03/2017	11N, 9T	3.26	V.07.03.09	ĐH	2006	x	Anh A2	x	x
254	Nguyễn Thị	Vân		06/07/1976	GV	TH Tây Đằng A	12/09/2007	14/03/2008	28/03/2017	11N, 9T	3.26	V.07.03.09	ĐH	2012	x	Anh B	x	x
255	Nguyễn Hồng	Thơm		18/3/1984	GV	TH Tây Đằng A	01/10/2006	01/04/2007	28/03/2017	11N, 2T	3.06	V.07.03.09	ĐH	8/2008	x	Anh A2	x	x
256	Lê Thị Mai	Nhung		12/02/1988	GV	TH Tây Đằng A	01/10/2014	01/10/2014	28/03/2017	5N,2T	2.66	V.07.03.09	ĐH	7/2010	x	Anh C	x	x
257	Nguyễn Văn	Lâm	14/08/1987		GV	TH Tây Đằng A	17/09/2014	17/09/2014	28/03/2017	5N,2T	2.66	V.07.03.09	ĐH	2014	x	Anh A2	x	x
258	Lê Thị Phương	Loan		22/04/1983	GV	TH Tây Đằng A	12/09/2007	12/09/2007	28/03/2018	12N,4T	3,06	V.07.03.09	ĐH	2012	x	Anh B	x	x
259	Đinh Thị Kim	Huệ		29/05/1981	GV	TH Tây Đằng A	01/12/2009	01/12/2009	28/03/2019	10 N , 2 T	3,06	V.07.03.09	ĐH	2006	x	Anh B2	x	x
260	Nguyễn Thị Huyền	Trang		10/04/1987	GV	TH Thái Hòa	01/01/2012	01/11/2012	28/03/2017	7 năm 3 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	5/2011	x	Anh B	x	x
261	Phùng Thị	Hoàn		18/8/1984	GV	TH Thái Hòa	01/11/2006	01/5/2007	28/03/2017	12 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	6/2011	x	Anh B	x	x
262	Nguyễn Minh	Hải		14/06/1990	GV	TH Thái Hòa	01/10/2014	01/04/2015	28/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	5/2015	x	Anh B	x	x
263	Chu Thị	Xuân		13/04/1979	GV	TH Thái Hòa	01/12/2009	01/12/2009	28/03/2017	10 năm 2 tháng	3,26	V.07.03.09	CĐ	6/2002	x	Anh B2	x	x
264	Chu Văn	Tục	18/08/1974		GV	TH Thái Hòa	18/08/1984	02/12/1998	28/03/2017	21 năm 2 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	x	x
265	Chu Thị Kim	Nhâm		25/04/1976	GV	TH Thái Hòa	15/08/1997	02/12/1998	28/03/2017	21 năm 2 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Anh B	x	x
266	Nguyễn Thị Hồng	Tuyên		18/06/1984	GV	TH Thái Hòa	01/12/2006	01/06/2010	28/03/2017	9 năm 8 tháng	3,86	V.07.03.09	CĐ	5/2008	CĐ	Anh B	x	x
267	Phùng Thị	Vinh		28/8/1978	GV	TH Thái Hòa	01/08/2008	01/11/2012	28/03/2017	7 năm 3 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	8/2000	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
268	Đào Thị Thanh	Thủy		28/05/1986	GV	TH Thái Hòa	01/09/2007	03/2008	28/03/2017	11 năm 4 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	7/2007	x	Anh B	x	x
269	Phùng Thị	Khôi		07/05/1971	GV	TH Thái Hòa	30/08/1991	05/09/1993	28/03/2017	28 năm 6 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Anh B	x	x
270	Trần Thị Thanh	Bằng		07/09/1971	GV	TH Thái Hòa	30/08/1991	05/09/1993	28/03/2017	28 năm 6 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Anh B	x	x
271	Chu Thị	Cúc		13/12/1972	GV	TH Thái Hòa	30/08/1991	05/09/1993	28/03/2017	28 năm 6 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Anh B	x	x
272	Mai Thị Ngọc	Linh		15/07/1973	GV	TH Thái Hòa	30/08/1991	05/09/1993	28/03/2017	28 năm 6 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Anh B	x	x
273	Phạm Văn	Cường	30/11/1981		GV	TH Thuần Mỹ	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	12	3,06	V.07.03.09	ĐH	4/2012	x	Anh A2	x	x
274	Nguyễn Thi	Hoàn		22/9/1978	GV	TH Thuần Mỹ	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	12	3,06	V.07.03.09	ĐH	7/2000	x	Anh A2	x	x
275	Vũ Thị	Hòa		4/6/1976	GV	TH Thuần Mỹ	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	12	3,26	V.07.03.09	CĐ	2/1999	x	Anh A2	x	x
276	Lê Thị Thanh	Thủy		15/12/1978	GV	TH Thuần Mỹ	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	12	3,26	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Anh A2	x	x
277	Phan Thị Thanh	Tâm		6/9/1989	GV	TH Thuần Mỹ	1/11/2012	1/11/2012	28/03/2017	8	2,46	V.07.03.09	ĐH	7/2012	x	Anh A2	x	x
278	Trịnh Thị	Hòa		22/3/1994	GV	TH Thuần Mỹ	10/1/2016	1/7/2016	28/03/2017	4	2,06	V.07.03.09	CĐ	7/2015	x	Anh A2	x	x
279	Nguyễn Thị Thu	Hằng		12/10/1982	GV	TH Thuần Mỹ	12/9/2007	14/3/2008	28/03/2017	12	2,86	V.07.03.09	ĐH	8/2012	x	B	x	x
280	Phạm Thị Hà	Giang		3/2/1977	GV	TH Thuần Mỹ	11/1/2012	11/1/2012	28/03/2017	8	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2016	x	Anh A2	x	x
281	Đỗ Thị Thu	Phương		1/12/1977	GV	TH Thuần Mỹ	1/10/2011	1/10/2011	28/03/2017	9	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh A2	x	x
282	Đào Thị	Lý		17/02/1973	GV	TH Thuần Mỹ	1/12/2009	1/12/2009	28/03/2017	11	3,06	V.07.03.09	CĐ	3/1997	x	Anh B2	x	x
283	Nguyễn Thị Thanh	Hảo		6/10/1974	PHT	TH Thụy An	27/01/1994	21/12/1995	28/03/2017	24N7T	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	Anh A2	x	x
284	Nguyễn Hải	Yến		27/08/1991	GV	TH Thụy An	1/10/2011	1/5/2013	28/03/2017	8N	2,46	V.07.03.09	ĐH	9/3/2015	ĐH	Anh A2	x	x
285	Hoàng Kim	Loan		25/09/1988	GV	TH Thụy An	1/10/2011	1/4/2012	28/03/2017	8N	2,66	V.07.03.09	CĐ	13/08/2009	x	Anh A2	x	x
286	Nguyễn Thị	Nghiệp		11/12/1967	GV	TH Thụy An	1/8/1988	1/12/1990	28/03/2017	30N	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	Anh B	x	x
287	Trương Thị Hồng	Vân		3/4/1975	GV	TH Thụy An	3/10/1994	21/12/1995	28/03/2017	24N	4,06	V.07.03.09	ĐH	2006	x	Anh B	x	x
288	Phùng Thị	Thủy		27/05/1972	GV	TH Thụy An	26/08/1996	26/02/1998	28/03/2017	22N	4,06	V.07.03.09	ĐH	6/1/1995	x	Anh B	x	x
289	Đỗ Thị	Lan		12/8/1985	GV	TH Thụy An	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	11N	3,06	V.07.03.09	ĐH	23/04/2012	x	Anh B	x	x
290	Trương Kim	Tuyến		21/08/1973	GV	TH Thụy An	21/10/1992	21/04/1994	28/03/2017	26N	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	Anh B	x	x
291	Nguyễn Thị Tú	Quyên		27/11/1968	GV	TH Thụy An	1/8/1988	1/12/1990	28/03/2017	30N	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	Anh B	x	x
292	Phùng Thị	Hải		30/01/1971	GV	TH Thụy An	21/10/1992	21/04/1994	28/03/2017	26N	4,06	V.07.03.09	ĐH	1/4/2006	x	Anh B	x	x
293	Lê Thị	Anh		12/9/1979	GV	TH Thụy An	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	13N	3,26	V.07.03.09	ĐH	23/04/2012	x	Anh B	x	x
294	Lê Thị Phương	Thảo		29/11/1973	GV	TH Thụy An	1/11/1994	1/11/1996	28/03/2017	22N	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	Anh B	x	x
295	Vũ Thị	Mai		3/3/1980	GV	TH Thụy An	1/10/2006	1/4/2007	28/3/2017	13N	3,06	V.07.03.09	ĐH	21/4/2011	x	Anh B	x	x
296	Đỗ Thị	Trang		26/1/1992	GV	TH Thụy An	8/1/2016	8/9/2016	28/3/2017	3N	2,06	V.07.03.09	CĐ	28/06/2013	x	B	x	x
297	Nguyễn Anh	Tuấn		22/01/1978	GV	TH Tiên Phong	12/9/2007	12/9/2008	28/3/2017	11N	3,06	V.07.03.09	ĐH	1/10/2003	x	Anh A2	x	x
298	Nguyễn Thị Thu	Hà	3/2/1972		GV	TH Tiên Phong	30/8/1991	5/5/1993	28/3/2017	27N	4,06	V.07.03.09	ĐH	2006	x	anh B	x	x
299	Nguyễn Thị	Xuyến	6/2/1974		GV	TH Tiên Phong	1/12/1993	27/7/1995	28/3/2017	25N	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	anh B	x	x
300	Khuất Thị	Mận	11/2/1972		GV	TH Tiên Phong	30/8/1991	5/5/1993	28/3/2017	27N	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	anh B	x	x
301	Cao Thị Hương	Giang	23/10/1975		GV	TH Tiên Phong	15/8/1997	2/12/1998	28/3/2017	21N	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
302	Phan Thị	Thanh	25/11/1984		GV	TH Tiên Phong	12/9/2007	7/6/2008	28/3/2017	11N	3,06	V.07.03.09	ĐH	08/2013	x	Anh C	x	x
303	Trần Viết	Tài		30/07/1977	GV	TH Tiên Phong	1/9/2007	1/3/2008	28/03/2017	11N	3,06	V.07.03.09	CĐ	09/1998	x	B	x	x
304	Đinh Bích	Diệp	14/06/1981		GV	TH Tiên Phong	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	11N	3,07	V.07.03.09	ĐH	8/2012	x	B	x	x
305	Nguyễn Thị Nam	Tiến		12/2/1971	GV	TH Tòng Bạt	30/8/1990	1/12/1992	28/03/2017	28	4,06	V.07.03.09	ĐH	5/2007	x	B	x	x
306	Đào Thị Thúy	Nga		28/6/1974	GV	TH Tòng Bạt	27/1/1994	27/7/1995	28/03/2017	25	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	C	x	x
307	Vũ Thị	Nhạn		21/9/1973	GV	TH Tòng Bạt	21/10/1992	21/4/1994	28/03/2017	26	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
308	Lương Thị Kim	Chung		28/10/1974	GV	TH Tòng Bạt	15/8/1997	2/12/1998	28/03/2017	22	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	B	x	x
309	Phạm Thị	Hiền		2/7/1976	GV	TH Tòng Bạt	15/8/1997	2/12/1998	28/03/2017	22	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
310	Dương Thị Thu	Yến		25/9/1978	GV	TH Tòng Bạt	22/10/2012	26/02/2013	28/03/2017	8	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	B	x	x
311	Phan Thị	Hiền		23/12/1978	GV	TH Tòng Bạt	26/11/2009	26/10/2010	28/03/2017	10	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	B	x	x
312	Phạm Văn	Đức	28/02/1982		GV	TH Tòng Bạt	1/1/2005	1/7/2005	28/03/2017	15	3,26	V.07.03.09	ĐH	9/2008	x	B	x	x
313	Phan Thị	Thơm		21/3/1976	GV	TH Tòng Bạt	1/12/2009	1/12/2009	28/03/2017	11	3,06	V.07.03.09	ĐH	5/2007	x	B	x	x
314	Nguyễn Thị Kim	Hiệp		19/3/1978	GV	TH Tòng Bạt	1/11/2012	1/11/2012	28/03/2017	8	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	B	x	x
315	Dương Thị	Toàn		1/1/1982	GV	TH Tòng Bạt	1/12/2009	1/6/2010	28/03/2017	10	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/2009	x	B	x	x
316	Nguyễn Thị	Oanh		9/1/1984	GV	TH Tòng Bạt	1/10/2006	1/4/2007	28/03/2017	13	3,06	V.07.03.09	ĐH	4/2011	x	B	x	x
317	Nguyễn Thị Thùy	Ninh		30/12/1993	GV	TH Tòng Bạt	1/10/2014	1/4/2015	28/03/2017	5	2,26	V.07.03.09	CĐ	6/2014	x	B	x	x
318	Lê Thị	Hồng		20/02/1973	HP	TH Tòng Bạt	21/10/1992	21/4/1994	28/03/2017	26	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
319	Trần Đăng	Tiến	14/01/1971		GV	TH Tòng Bạt	21/10/1992	21/4/1994	28/03/2017	26	4,06	V.07.03.09	ĐH	9/2008	x	B	x	x
320	Thiều Thị Phương	Oanh		27/12/1981	GV	TH Tòng Bạt	1/1/2005	1/1/2005	28/03/2017	15	3,26	V.07.03.09	ĐH	4/2011	x	B	x	x
321	Nguyễn Thị Thu	Hải		20/12/1978	GV	TH Tòng Bạt	12/9/2007	14/3/2008	28/03/2017	12	3,26	V.07.03.09	ĐH	4/2011	x	A2	x	x
322	Đoàn Thị	Thúy		11/11/1981	GV	TH Tòng Bạt	1/12/2009	1/1/2010	28/03/2017	10	2,86	V.07.03.09	CĐ	7/2004	x	B	x	x
323	Hoàng Thị Bích	Chuyên		6/2/1973	GV	TH TTNC Bồ	03/10/1994	20/03/1996	28/03/2017	25N	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	x	x
324	Nguyễn Thị	Châu		5/22/1973	GV	TH TTNC Bồ	18/11/1994	18/05/1996	28/03/2017	25N	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh A2	x	x
325	Đỗ thị Tuyết	Mai		8/7/1970	GV	TH TTNC Bồ	03/10/1994	03/01/1995	28/03/2017	25N	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh C	x	x
326	Đoàn Thị	Lan		8/10/1979	GV	TH TTNC Bồ	01/09/2001	01/03/2002	28/03/2017	18N 5T	3,46	V.07.03.09	ĐH	8/02/2012	x	Anh C	x	x
327	Hà Thúy	Xinh		12/6/1975	GV	TH TTNC Bồ	03/10/1994	20/03/1996	28/03/2017	26N	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	Anh B	x	x
328	Trần Thị Hồng	Giang		1/18/1979	GV	TH TTNC Bồ	10/1/2001	12/09/2007	28/03/2017	19N	3,06	V.07.03.09	CĐ	2000	x	Anh C	x	x
329	Ngô Thị Thanh	Thảo		2/6/1974	GV	TH TTNC Bồ	27/01/1994	21/12/1995	28/03/2017	26N	4,06	V.07.03.09	ĐH	04/2006	x	Anh B	x	x
330	Đinh Thị	Oanh		12/25/1990	GV	TH TTNC Bồ	01/11/2012	01/11/2012	28/03/2017	8N	2,46	V.07.03.09	CĐ	10/2011	CĐ	Anh B	x	x
331	Trần Văn	Tiến	8/22/1990		GV	TH TTNC Bồ	10/1/2014	01/04/2015	28/03/2017	5N	2,26	V.07.03.09	CĐ	2009	x	Anh C	x	x
332	Trần Thị	Thiết		26/6/1972	GV Anh	TH TTNC Bồ	01/09/1996	01/12/2009	28/03/2017	11N	3,06	V.07.03.09	CĐ	1996	x	PHÁP B	x	x
333	Trần Nguyên	Hùng	1/9/1982		GV	TH Văn Hoà	1/1/2005	1/7/2005	1/7/2005	15 năm	3,26	V.07.03.09	ĐH	2/2008	x	C	x	x
334	Mai Thị	Liên		18/11/1972	GV	TH Văn Hoà	30/08/1991	5/5/1993	5/5/1993	27 năm	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
335	Nguyễn Thị Hải	Yến		19/11/1985	GV	TH Văn Hoà	1/11/2012	1/5/2013	1/5/2013	7 năm	2,46	V.07.03.09	CĐ	39203	CĐ	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
336	Bùi Thị	Quyên		13/10/1984	GV	TH Văn Hoà	12/9/2007	14/03/2008	14/03/2008	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH	2/2012	x	A2	x	x
337	Nguyễn Thị	Thuận		24/09/1979	GV	TH Văn Hoà	1/11/2012	1/11/2012	1/11/2012	8 năm	3,06	V.07.03.09	CĐ	8/2001	x	A2	x	x
338	Lê Thị	Hoà		911/1979	GV	TH Văn Hoà	12/9/2007	14/03/2008	14/03/2008	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	6/2002	x	B	x	x
339	Nguyễn Thị	Thuý		2/2/1974	GV	TH Văn Hoà	12/9/2007	14/03/2008	14/03/2008	15 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	B	x	x
340	Nguyễn Thị Mỹ	Dung		25/03/1983	GV	TH Văn Hoà	1/12/2009	1/12/2009	1/12/2009	11 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	5/2010	x	ĐH	x	x
341	Nguyễn Thị Hồng	Hà		24/02/1974	GV	TH Văn Hoà	26/02/1998	26/02/1998	26/02/1998	22 năm	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	B	x	x
342	Đặng Thị Lan	Chinh		5/4/1989	GV	TH Văn Hoà	1/10/2014	1/4/2015	1/4/2015	5 năm	2,26	V.07.03.09	CĐ	7/2011	x	B	x	x
343	Bùi Thị Mai	Hương		28/06/1972	GV	TH Văn Hoà	21/04/1994	1/4/1993	1/4/1993	26 năm	4,06	V.07.03.09	ĐH	5/2007	x	B	x	x
344	Đỗ Hồng	Ninh		27/06/1983	GV	TH Văn Hoà	1/1/2005	1/7/2005	1/7/2005	15 năm	3,26	V.07.03.09	ĐH	1/2019	x	C	x	x
345	Nguyễn Thị	Lua		11/12/1990	GV	TH Văn Hoà	10/1/2016	1/7/2016	1/7/2016	4 năm	2,06	V.07.03.09	ĐH	6/2013	x	B	x	x
346	Nguyễn Thị Thanh	Hương		5/6/1973	GV	TH Văn Hoà	20/03/1996	20/03/1996	20/03/1996	24 năm	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
347	Nguyễn Thị Mai	Lan		3/12/1994	GV	TH Văn Hoà	15/09/2014	15/09/2014	15/09/2014	6 năm	2,26	V.07.03.09	ĐH	2/2019	x	C	x	x
348	Nguyễn Thị Xuân	Dung		28/02/1973	GV	TH Vạn Thắng	18/11/1994	18/05/1996	28/03/2017	23 N 9T	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Anh B	x	x
349	Nguyễn Thị	Điều		5/3/1976	GV	TH Vạn Thắng	9/12/2010	1/6/2011	28/03/2017	8 N 9 T	2,66	V.07.03.09	CĐ	10/2008	x	Anh C	x	x
350	Nguyễn Thị Bích	Hà		4/11/1980	GV	TH Vạn Thắng	1/11/2012	1/5/2013	28/03/2017	6N 9 T	2,46	V.07.03.09	ĐH	7/2007	ĐH	Anh B	x	x
351	Bùi Thị Thu	Hằng		3/7/1983	GV	TH Vạn Thắng	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	11N 11T	2,86	V.07.03.09	ĐH	6/2005	x	Anh B	x	x
352	Kiều Thúy	Hằng		12/11/1975	GV	TH Vạn Thắng	4/11/1994	4/5/1996	28/03/2017	23 N 9T	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Anh B	x	x
353	Nguyễn Thị	Khu		20/09/7987	GV	TH Vạn Thắng	5/9/2010	1/3/2011	28/03/2017	8 N 11 T	2,66	V.07.03.09	CĐ	8/2008	x	Anh B	x	x
354	Phùng Thị	Lan		8/5/1982	GV	TH Vạn Thắng	1/10/2014	1/10/2014	28/03/2017	5 N 4 T	3,06	V.07.03.09	ĐH	4/2012	x	Anh C	x	x
355	Lê Thị Bích	Liên		10/11/1979	GV	TH Vạn Thắng	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	11N 11T	3,06	V.07.03.09	CĐ	8/2010	x	Anh B	x	x
356	Nguyễn Thùy	Linh		2/9/1989	GV	TH Vạn Thắng	9/12/2010	1/6/2011	28/03/2017	8N 9 T	2,66	V.07.03.09	CĐ	4/2012	x	Anh B	x	x
357	Lê Đức	Lưu	2/11/1980		GV	TH Vạn Thắng	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	11 N 11 T	3,06	V.07.03.09	ĐH	4/2012	x	Anh B	x	x
358	Vương Thị	Minh		5/7/1987	GV	TH Vạn Thắng	7/10/2010	7/4/2011	28/03/2017	8 N 10 T	2,66	V.07.03.09	CĐ	8/2010	x	Anh A2	x	x
359	Hoàng Thị	Nụ		10/1/1989	GV	TH Vạn Thắng	1/11/2012	7/11/2012	28/03/2017	7N 3T	2,66	V.07.03.09	ĐH	2/2016	x	Anh B	x	x
360	Đặng Thị Ánh	Nguyệt		28/10/1976	GV	TH Vạn Thắng	10/10/2011	19/10/2012	28/03/2017	7N 4T	3,06	V.07.03.09	CĐ	11/1997	x	Anh B	x	x
361	Nguyễn Thị Thu	Phương		9/3/1985	GV	TH Vạn Thắng	1/9/2007	1/3/2008	28/03/2017	11N 11T	30,6	V.07.03.09	ĐH	8/2012	x	Anh C	x	x
362	Phùng Thị	Phượng		17/07/1980	GV	TH Vạn Thắng	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	11N 11 T	3,26	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Anh A2	x	x
363	Trần Thị	Tiên		12/11/1973	GV	TH Vạn Thắng	12/7/1997	1/1/1999	28/03/2017	21N 1T	3,86	V.07.03.09	ĐH	4/2012	x	Anh C	x	x
364	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết		24/10/1981	GV	TH Vạn Thắng	1/10/2014	1/4/2015	28/03/2017	4N 10T	2,26	V.07.03.09	CĐ	8/2004	x	Anh B	x	x
365	Đỗ Thị	Thúy		27/10/1976	GV	TH Vạn Thắng	25/11/2009	24/09/2010	28/03/2017	9 N 5 T	3,06	V.07.03.09	CĐ	10/2000	x	Anh B	x	x
366	Lê Thị Anh	Thương		20/11/1985	GV	TH Vạn Thắng	1/11/2012	7/11/2012	28/03/2017	7 N 3 T	2,46	V.07.03.09	ĐH	4/2012	x	Anh C	x	x
367	Nguyễn Thị Út	Trang		30/08/1986	GV	TH Vạn Thắng	1/10/2006	1/4/2007	28/03/2017	12 N 10 T	3,06	V.07.03.09	ĐH	8/2012	x	Anh B	x	x
368	Phạm Thị Lê	Vân		22/07/1977	GV	TH Vạn Thắng	17/09/2014	1/10/2014	28/03/2017	5N 4 T	3,06	V.07.03.09	CĐ	2/1999	x	Anh B	x	x
369	Phương Thị	Xuân		8/3/1976	GV	TH Vạn Thắng	8/1/2016	21/04/2016	21/04/2016	3N 10T	3,06	V.07.03.09	CĐ	10/1997	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
370	Nguyễn Thị Xuân	Mai		27/12/1970	PHT	TH Vật Lại	1/8/1990	18/12/1992	28/3/2017	27N 1T	4,06 +VK 9%	V.07.03.09	ĐH	1/10/2005	x	Anh A2	x	x
371	Phùng Thị Thu	Hà		02/07/1974	GV	TH Vật Lại	27/01/1994	27/07/1995	28/3/2017	24 N 6T	4,06 +VK6%	V.07.03.09	ĐH	1/10/2006	x	ANH B	x	x
372	Lê Thị Hồng	Huê		09/01/1981	GV	TH Vật Lại	1/1/2005	1/7/2005	28/3/2017	14 N 7T	3,26	V.07.03.09	ĐH	1/4/2011	x	ANH B	x	x
373	Phùng Thị	Lý		06/11/1979	GV	TH Vật Lại	12/9/2007	14/03/2008	28/3/2017	11N 10T	3,26	V.07.03.09	ĐH	1/10/2006	x	ANH B	x	x
374	Phùng Thị	Hoa		27/07/1970	GV	TH Vật Lại	30/08/1991	14/12/1993	28/3/2017	26 N 2T	4,06 +VK 8%	V.07.03.09	ĐH	1/10/2005	x	ANH B	x	x
375	Phùng Thị	Mai		13/02/1990	GV	TH Vật Lại	17/09/2014	1/10/2014	28/3/2017	5 N 4T	2,46	V.07.03.09	CĐ	1/7/2011	x	ANH B	x	x
376	Nguyễn Thị	Nguyên		03/10/1976	GV	TH Vật Lại	1/11/2012	1/11/2012	28/3/2017	7N,3T	3,06	V.07.03.09	CĐ	1/12/1999	x	ANH B	x	x
377	Nguyễn Thị	Lan		12/12/1984	GV	TH Vật Lại	12/9/2007	14/03/2008	28/3/2017	11N 10T	3,06	V.07.03.09	ĐH	1/4/2012	x	ANH B	x	x
378	Bùi Thị	Chung		20/10/1982	GV	TH Vật Lại	1/11/2012	1/11/2012	28/3/2017	7N,3T	3,06	V.07.03.09	CĐ	1/8/2004	x	ANH B	x	x
379	Hoàng Thị	Phương		05/02/1989	GV	TH Vật Lại	17/09/2014	1/10/2014	28/3/2017	5N 4T	2,46	V.07.03.09	CĐ	1/7/2011	x	ANH B	x	x
380	Nguyễn Thị Liên	Hương		02/09/1974	GV	TH Vật Lại	1/9/2007	14/03/2008	28/3/2017	11N 10T	3,06	V.07.03.09	CĐ	1998	x	ANH B	x	x
381	Chu Thúy	Vân		06/11/1983	GV	TH Vật Lại	1/11/2012	1/11/2012	28/3/2017	7N,3T	2,86	V.07.03.09	ĐH	1/11/2009	x	ANH B	x	x
382	Nguyễn Thị Thúy	Hoa		16/08/1982	GV	TH Vật Lại	1/12/2009	1/6/2010	28/3/2017	9 N 8T	2,66	V.07.03.09	CĐ	1/7/2007	x	ANH B	x	x
383	Nguyễn Thanh	Hải		25/11/1981	GV	TH Vật Lại	1/12/2009	1/12/2009	28/3/2017	10N 1T	3,06	V.07.03.09	ĐH	2007	x	ANH B	x	x
384	Nguyễn Thị	Hà		06/07/1974	GV	TH Vật Lại	26/08/1996	26/02/1998	28/3/2017	21N 11T	3,86	V.07.03.09	ĐH	1/10/2005	x	ANH B	x	x
385	Nguyễn Hồng	Phong	08/08/1984		GV	TH Vật Lại	1/11/2012	1/5/2013	28/3/2017	6N 8T	2,46	V.07.03.09	ĐH	1/3/2014	ĐH	ANH B	x	x
386	Đặng Thị Bích	Thuý		20/06/1971	GV	TH Vật Lại	30/08/1991	5/5/1993	28/3/2017	26 N 8T	4,06 +VK: 7%	V.07.03.09	ĐH	1/5/2007	x	ANH B	x	x
387	Chu Thị Minh	Hương		10/11/1990	GV	TH Vật Lại	1/11/2012	1/5/2013	28/3/2017	6N 8T	2,46	V.07.03.09	CĐ	1/7/2012	x	ANH B	x	x
388	Phùng Thị	Hằng		16/02/1987	GV	TH Vật Lại	1/11/2012	1/11/2012	28/3/2017	6N 2T	2,86	V.07.03.09	CĐ	1/7/2008	x	ANH B	x	x
389	Bùi Hương	Dịu		26/07/1988	GV	TH Vật Lại	10/11/2013	10/5/2014	28/3/2017	5 N 10T	2,26	V.07.03.09	ĐH	1/7/2012	x	ANH B	x	x
390	Cao Thị	Hiền		11/12/1974	GVTA	TH Vật Lại	1/9/2014	1/9/2014	28/3/2017	5N, 4T	3,06	V.07.03.09	CĐ	1/8/1998	x	PHÁP B	x	x
391	Phùng Thị	Lân		02/09/1980	GVTA	TH Vật Lại	17/12/2009	17/12/2009	28/3/2017	10N 1T	3,06	V.07.03.09	CĐ	1/1/2002	x	PHÁP B	x	x
392	Phùng Thị Thu	Huyền		24/06/1977	GV	TH Vật Lại	12/9/2007	14/03/2008	28/3/2017	11N 10T	3,06	V.07.03.09	ĐH	1/10/2006	x	ANH B	x	x
393	Phùng Thị Xuân	Mai		28/01/1969	GV	TH Vật Lại	15/08/1988	15/08/1988	28/03/2017	29N 7T	4,06 +VK 9%	V.07.03.09	ĐH	1/4/2006	x	ANH B	x	x
394	Hồ Thị	Trang		21/11/1984	GV	TH Vật Lại	10/9/2007	10/3/2008	28/3/2017	11N 10T	2,86	V.07.03.09	ĐH	1/1/2019	x	ANH B	x	x
395	Nguyễn Thị	Hoa		21/08/1991	GV	TH Vật Lại	10/1/2016	10/7/2016	10/7/2016	3N 6T	2,06	V.07.03.09	ĐH	1/6/2015	x	ANH B	x	x
396	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh		16/07/1991	GV	TH Vật Lại	10/1/2016	10/7/2016	10/7/2016	3N 6T	2,06	V.07.03.09	CĐ	1/5/2013	x	ANH B	x	x
397	Khuất Thị	Mai		22/09/1994	GV	TH Vật Lại	10/1/2016	10/7/2016	10/7/2016	3N 6T	2,06	V.07.03.09	CĐ	1/6/2015	x	ANH B	x	x
398	Lê Hồng	Nhung		27/06/1993	GV	TH Vật Lại	10/1/2016	10/7/2016	10/7/2016	3N 6T	2,06	V.07.03.09	CĐ	24/05/2016	x	ANH B	x	x
399	Phùng Thị	Phương		1/10/1993	GV	TH Vật Lại	10/1/2016	10/7/2016	10/7/2016	3N 6T	2,06	V.07.03.09	CĐ	1/5/2014	x	ANH B	x	x
400	Võ Xuân	Hải	17/09/1975		HT	TH Yên Bài A	3/10/1994	22/12/1997	28/03/2017	35 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	21/04/2011	x	ĐH Anh	x	x
401	Nguyễn Thị	Ngọc		22/02/1984	PHT	TH Yên Bài A	12/9/2007	14/3/2008	28/03/2017	35 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/6/2011	x	B	x	x
402	Nguyễn Thị	Nga		18/11/1976	GV	TH Yên Bài A	11/12/2002	21/06/2003	28/03/2017	35 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH	5/11/2009	x	A2	x	x
403	Nguyễn Thị	Tươi		25/01/1992	GV	TH Yên Bài A	1/10/2014	4/1/2015	28/03/2017	35 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ	12/2/2014	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
404	Bùi Thị	Định		27915	TT	TH Yên Bài A	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	35 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	25/06/2008	x	A2	x	x
405	Nguyễn Đỗ	Hùng	21/08/1986		GV	TH Yên Bài A	1/9/2007	31/07/2008	28/03/2017	35 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	22/09/2011	x	A2	x	x
406	Đinh Thị Thúy	Vân		20/01/1983	TP	TH Yên Bài A	20/11/2009	20/05/2010	28/03/2017	35 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	12/10/2006	x	B Pháp	x	x
407	Trần Thị	Vân		4/4/1970	GV	TH Yên Bài B	25/08/1989	5/12/1991	1/4/1993	26n10t	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B	x	x
408	Đinh Thị	Thủy		13/9/1968	GV	TH Yên Bài B	25/08/1989	18/12/1992	1/4/1993	26n10t	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B	x	x
409	Nguyễn Thị	Quyên		7/7/1972	GV	TH Yên Bài B	11/12/2002	17/7/2003	21/6/2003	16n6t	3,46	V.07.03.09	ĐH	17/10/2006	x	B	x	x
410	Phạm Thị	Hà		11/3/1978	GV	TH Yên Bài B	11/12/2002	17/7/2003	21/6/2003	16n6t	3,46	V.07.03.09	ĐH	17/10/2006	x	B	x	x
411	Nguyễn Thị	Lý		3/8/1991	GV	TH Cổ Đô	10/1/2016	1/7/2016	10/1/2016	4 năm 1 tháng	2,06	V.07.03.09	ĐH	10/6/2014	x	B	x	x
412	Nguyễn Thị Minh	Phương		9/10/1973	GV	TH Cổ Đô	4/11/1994	4/5/1996	28/03/2017	24 năm, 6 t	4,06+5%	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B	x	x
413	Chu Thị Thanh	Bình		4/4/1980	GV	TH Cổ Đô	1/12/2009	1/12/2009	28/03/2017	10 năm 2 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	14/01/2002	x	B2	x	x
414	Chu Thị Hồng	Thắm		18/01/1982	GV	TH Cổ Đô	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	12 năm 5 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	1/4/2012	x	A2	x	x
415	Mai Thị	Toan		16/06/1970	GV	TH Cổ Đô	12/9/2007	14/03/2008	28/03/2017	12 năm 5 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	1/10/2006	x	B	x	x
416	Nguyễn Thị	Thơ		12/10/1971	GV	TH Cổ Đô	27/01/1994	27/07/1995	28/03/2017	26 năm 1 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	1/11/2005	x	B	x	x
417	Mai	Bình		18/05/1983	GV	TH Cổ Đô	1/11/2012	1/11/2012	28/03/2017	7 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	1/8/2012	x	B	x	x
418	Nguyễn Thị Minh	Phương		23/03/1988	GV	TH Cổ Đô	1/11/2012	1/5/2013	28/03/2017	7 năm 3 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	26/06/2012	CĐ	A2	x	x
419	Nguyễn Thị Thu	Hà		23/05/1974	PHT	TH Tây Đằng B	27/01/1994	27/01/1994	27/01/1994	26N	4,06	V.07.03.09	ĐH	2006	x	B	x	x
420	Lê Thị Thu	Hà		28/04/1971	GV	TH Tây Đằng B	30/08/1991	30/08/1993	28/03/2017	28N6T	4,06	V.07.03.09	ĐH	2006	x	B	x	x
421	Bùi Thu	Thủy		20/07/1973	GV	TH Tây Đằng B	21/10/1992	14/12/1993	17/04/2017	26N2T	4,06	V.07.03.09	ĐH	2007	x	B	x	x
422	Lê Thị	Hà		21/08/1973	GV	TH Tây Đằng B	21/12/1992	21/12/1992	28/03/2017	27N2T	4,06	V.07.03.09	CĐ	2008	x	B	x	x
423	Đỗ Thị	Ngoan		12/7/1974	GV	TH Tây Đằng B	27/07/1995	27/07/1995	27/07/1995	24N7T	4,06	V.07.03.09	ĐH	2005	x	B	x	x
424	Nguyễn Thị	Khuyên		15/09/1982	GV	TH Tây Đằng B	12/09/2007	07/06/2008	04/07/2018	11N8T	3,06	V.07.03.09	ĐH	2006	x	B	x	x
425	Cao Thị	Thúy		24/09/1986	GV	TH Tây Đằng B	12/09/2007	07/06/2008	28/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	ĐH	2012	x	B	x	x
426	Nguyễn Thị Hương	Chăm		20/01/1982	GV	TH Tây Đằng B	08/09/2007	20/03/2008	28/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	ĐH	2012	x	B	x	x
427	Đỗ Thị	Nga		31/12/1983	GV	TH Tây Đằng B	20/11/2009	24/06/2010	24/06/2010	9N8T	2,66	V.07.03.09	ĐH	2011	x	B	x	x
428	Chu Lâm	Tới	28/05/1989		GV	TH Tây Đằng B	17/04/2014	08/06/2015	21/04/2017	4N8T	2,26	V.07.03.09	ĐH	2013	x	B	x	x
429	Lê Thị	Hằng		10/12/1994	GV	TH Tây Đằng B	08/01/2016	08/09/2016	08/09/2016	3N5T	2,06	V.07.03.09	CĐ	2017	x	B	x	x

Danh sách này có 429 người.

Biểu mẫu 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND HUYỆN THẠCH THẤT CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Kiều Thị Kim	Dung		07/12/1969	Hiệu trưởng	TH Bình Phú A	14/9/1989	01/7/1991	24/4/2017	28 năm 6 tháng	4,06+ 9% PCTNVK	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/10/2005	x	Tiếng Anh C	x	x
2	Vũ Hồng	Hạnh		14/5/1977	Giáo viên	TH Bình Phú A	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 9 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐSP Toán - tin	08/2000	CĐ	Tiếng Anh A2	x	x
3	Nguyễn Thị	Vĩnh		01/05/1972	Tổ trưởng tổ chuyên môn	TH Bình Phú A	10/8/1991	01/5/1993	24/4/2017	26 năm 9 tháng	4,06+ PCVK 8%	V.07.03.09	ĐH SP giáo dục tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh C	x	x
4	Nguyễn Thị Thúy	Khanh		13/07/1971	Giáo viên	TH Bình Phú A	01/8/1990	01/5/1993	24/4/2017	26 năm 9 tháng	4,06+ PCVK 7%	V.07.03.09	ĐH SP giáo dục tiểu học	05/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
5	Phùng Thanh	Huyền		28/10/1974	Tổ trưởng tổ chuyên môn	TH Bình Phú A	29/12/2000	31/7/2001	24/4/2017	18 năm 6 tháng	3,66	V.07.03.09	CĐ SP giáo dục tiểu học	06/2006	x	Tiếng Anh B	x	BKB
6	Nguyễn Thị	Nga		11/05/1976	Tổ phó tổ chuyên môn	TH Bình Phú A	1/9/2006	01/3/2007	24/4/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ SP giáo dục tiểu học	02/1999	x	Tiếng Anh C	x	x
7	Nguyễn Thị Mai	Trang		18/09/1984	Giáo viên	TH Bình Phú A	15/10/2012	15/04/2013	24/4/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH SP giáo dục tiểu học	06/2018	x	Tiếng Anh B	x	x
8	Phùng Thị	An		02/12/1986	Tổ trưởng tổ chuyên môn	TH Bình Phú A	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH SP giáo dục tiểu học	02/2014	x	Tiếng Anh B	x	x
9	Đỗ Hương	Giang		20/08/1995	Giáo viên	TH Bình Phú A	25/01/2016	25/10/2016	25/10/2016	3 năm 3 tháng	2,06	V.07.03.09	CĐ SP giáo dục tiểu học	6/2017	x	Tiếng Anh B	x	x
10	Hoàng Thị Hương	Trà		17/02/1988	Giáo viên	TH Bình Phú A	10/10/2011	10/04/2012	24/4/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH SP giáo dục tiểu học	02/2012	x	Tiếng Anh B	x	x
11	Nguyễn Hương	Thanh		29/12/1973	Giáo viên	TH Bình Phú B	07/11/1992	01/4/1993	24/4/2017	27 năm 10 tháng	4,06 + VK 7%	V.07.03.09	ĐH SP giáo dục tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
12	Xa Thị Hồng	Ngọc		03/02/1979	Giáo viên	TH Bình Phú B	01/9/2006	01/3/2007	24/4/2017	13 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH SP giáo dục tiểu học	21/4/2011	x	Tiếng Anh B	x	x
13	Nguyễn Thị Tâm	Thảo		16/9/1973	Giáo viên	TH Bình Phú B	08/11/1993	01/8/1995	24/4/2017	25 năm 6 tháng	4.06 + VK 5%	V.07.03.09	ĐH SP giáo dục tiểu học	04/4/2006	x	Tiếng Anh C	x	x
14	Nguyễn Thị Thanh	Xuân		29/6/1987	Giáo viên	TH Bình Phú B	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐ SP giáo dục tiểu học	23/9/2009	x	Tiếng Anh C	x	x
15	Lê Sơn	Hà	19/10/1975		Giáo viên	TH Chàng Sơn	01/9/1997	02/12/1998	24/4/2017	21N2T	3.86	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	5/2005	x	Tiếng Anh C	x	x
16	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		26/04/1989	Giáo viên	TH Chàng Sơn	15/10/2012	15/04/2013	24/4/2017	6N10T	2.46	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	02/2014	x	Tiếng Anh B	x	x
17	Nguyễn Thị	Hường		08/01/1993	Giáo viên	TH Chàng Sơn	25/01/2016	25/01/2017	24/4/2017	4N1T	2.06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	5/2014	x	Tiếng Anh B	x	x
18	Nguyễn Thị	Thêm		10/12/1977	GV TPT đội	TH Chàng Sơn	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11N11T	2.86	V.07.03.09	CĐSP Văn CTĐ	11/1999	x	Tiếng Anh C	x	x
19	Hoàng Thị Dung	Hạnh		16/06/1983	Giáo viên tin học	TH Chàng Sơn	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9N8T	2.66	V.07.03.09	ĐHSP Tin học	8/2009	ĐH	Tiếng Anh B	x	x
20	Nguyễn Thị	Liên		26/10/1988	GV Mĩ thuật	TH Chàng Sơn	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9N8T	2,66	V.07.03.09	CĐSP Mĩ thuật	8/2009	x	Tiếng Anh B	x	x
21	Phùng Thị Thanh	Tâm		16/04/1978	Giáo viên - TPT đội	TH Kim Quan	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP Văn CTĐ	20/11/1999	x	Tiếng Anh C	x	x
22	Đỗ Thị Tuyết	Nhung		26/09/1983	Giáo viên Tin học	TH Kim Quan	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	Đại học ngành tin học	24/01/2007	ĐH	Tiếng Anh A2	x	x
23	Đỗ Thị Thu	Hà		18/08/1986	Giáo viên nhạc	TH Kim Quan	02/10/2006	02/4/2007	24/4/2017	12 năm 10 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐHSP âm nhạc	21/04/2011	x	Tiếng Anh A2	x	x
24	Đào Thị Thu	Thủy		08/11/1986	Giáo viên mỹ thuật	TH Kim Quan	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐHSP mỹ thuật	08/08/2012	x	Tiếng Anh B	x	x
25	Cao Đức	Bảo	24/02/1975		Giáo viên văn hóa	TH Kim Quan	29/12/2000	31/7/2001	24/4/2017	19 năm 06 tháng	3.46	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	21/02/2014	x	Tiếng Anh B	x	x
26	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết		07/01/1974	Giáo viên văn hóa	TH Kim Quan	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	12 năm 05 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	20/02/2002	x	Tiếng Anh B	x	x
27	Nguyễn Hữu	Ninh	09/11/1993		Giáo viên thể dục	TH Kim Quan	25/01/2016	25/10/2016	25/01/2016	04 năm 01 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐH GDTC	30/06/2015	x	Tiếng Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
28	Vũ Thị	Lãi		16/12/1990	Giáo viên văn hóa	TH Kim Quan	15/10/2012	15/04/2013	24/4/2017	07 năm 04 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	20/07/2011	x	Tiếng Anh B	x	x
29	Kiều Thị	Tươi		15/09/1978	Giáo viên văn hóa	TH Kim Quan	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	12/1999	x	Tiếng Anh C	x	x
30	Lê Thị	Phượng		04/01/1992	Giáo viên văn hóa	TH Kim Quan	01/11/2013	01/5/2014	27/03/2017	5 năm 8 tháng	2.26	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	20/06/2013	x	Tiếng Anh A2	X	x
31	Lê Thị	Hương		09/02/1988	Giáo viên văn hóa	TH Kim Quan	07/10/2010	07/04/2011	11/4/2017	09 năm 4 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	25/08/2015	x	Tiếng Anh B	x	x
32	Kiều Thị Hồng	Huệ		26/6/1974	Tổ phó tổ chuyên môn	TH Đại Đồng	15/10/2012	15/4/2013	24/4/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	23/4/2012	x	Tiếng Anh A2	x	x
33	Vũ Thúy	Điệp		02/11/1979	Tổ trưởng tổ chuyên môn	TH Đại Đồng	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	12 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	30/8/2001	x	Tiếng Anh A2	x	x
34	Kiều Thị Thu	Hà		27/6/1984	Giáo viên tin học	TH Đại Đồng	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	10 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học CNTT	24/5/2011	ĐH	Tiếng Anh A2	x	x
35	Khuất Thị Minh	Nga		22/07/1974	Tổ trưởng tổ chuyên môn	TH Đại Đồng	31/01/1994	01/8/1995	24/4/2017	24 năm, 6 tháng	4,06 + VK 6%	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh A2	x	x
36	Nguyễn Thị	Thu		08/04/1974	Giáo viên	TH Đại Đồng	11/05/2000	05/4/2001	24/4/2017	19 năm,10 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh A2	x	x
37	Phí Thị Thu	Hương		27/10/1988	Giáo viên Âm nhạc	TH Đại Đồng	29/11/2010	01/6/2011	24/4/2017	9 năm 9tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP âm nhạc	28/1/2019	x	Tiếng Anh C	x	x
38	Vũ Duy	Đông	30/05/1983		Giáo viên tin học	TH Đại Đồng	04/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	10 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP tin học	20/4/2012	ĐH	TOFEL ITTP	x	x
39	Kiều Thị	Ngọc		29/11/1989	Giáo viên văn hóa	TH Đại Đồng	15/10/2012	15/4/2013	24/4/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ SP giáo dục tiểu học	3/7/2012	x	Tiếng Anh A2	x	x
40	Nguyễn Xuân	Sơn	30/08/1974		Phó Hiệu trưởng	TH Yên Bình B	16/09/1994	16/3/1996	24/4/2017	24 năm	4,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
41	Trần Lan	Anh		20/05/1971	Giáo viên văn hóa	TH Yên Bình B	31/08/1990	01/12/1991	24/4/2017	28 năm 9 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
42	Cấn Thị	Hà		11/02/1974	Giáo viên văn hóa	TH Yên Bình B	16/09/1994	01/01/1996	24/4/2017	24 năm 1 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
43	Nguyễn Thị Minh	Hòa		09/03/1977	Giáo viên văn hóa	TH Yên Bình B	01/9/1997	02/12/1998	24/4/2017	21 năm 10 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
44	Nguyễn Thị	Huyền		09/10/1973	Giáo viên văn hóa	TH Yên Bình B	01/11/1992	15/11/1993	24/4/2017	26 năm 9 tháng	4.06+ VK 8%	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
45	Quách Thị Hồng	Minh		10/02/1974	Giáo viên	TH Yên Bình B	16/09/1994	01/01/1996	24/4/2017	24 năm	4,06	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	6/2006	x	Tiếng Anh B	x	x
46	Nguyễn Trung	Nguyên	07/09/1974		Giáo viên	TH Yên Bình B	07/10/1995	07/04/1997	24/4/2017	22 năm 10 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	4/2006	x	Tiếng Anh B	x	x
47	Nguyễn Thị	Nhung		31/05/1971	Giáo viên	TH Yên Bình B	01/10/1991	01/10/1992	24/4/2017	27 năm 4 tháng	4.06+VK 9%	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
48	Vũ Thị Kim	Oanh		22/02/1974	Giáo viên	TH Yên Bình B	16/09/1994	16/3/1996	24/4/2017	24 năm	4,06	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
49	Đào Thị	Phương		27/02/1976	Giáo viên	TH Yên Bình B	01/9/1996	06/3/1998	24/4/2017	22 năm	3,86	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
50	Nguyễn Thị Kim	Tuyến		16/06/1972	Giáo viên	TH Yên Bình B	01/10/1991	01/10/1992	24/4/2017	27 năm 4 tháng	4,06+VK 9%	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	4/2006	x	Tiếng Anh B	x	x
51	Nguyễn Thu	Thủy		19/08/1987	Giáo viên mỹ thuật	TH Yên Bình B	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP mỹ thuật	8/2012	x	Tiếng Anh B	x	x
52	Hoàng Minh	Nhiêm	26/02/1985		Giáo viên Âm nhạc	TH Yên Bình B	20/09/2008	20/9/2008	24/4/2017	11 năm 5 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP âm nhạc	1/2019	x	Tiếng Anh B	x	x
53	Ngô Thị Như	Quỳnh		3/2/1991	Giáo viên tin học	TH Yên Bình B	25/01/2016	25/10/2016	24/4/2017	3 năm 5 tháng	2,06	V.07.03.09	CĐSP tin học	9/2012	CĐ	Chứng chỉ Toeic	x	x
54	Nguyễn Thị Thu	Hà		22/11/1975	GV văn hóa	TH Đồng Trúc	07/10/1995	7/4/1997	24/4/2017	22 năm10 tháng	4,06	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	03/06/2006	x	Tiếng Anh A2	x	x
55	Nguyễn Thị Thương	Huyền		17/11/1983	GV âm nhạc	TH Đồng Trúc	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 7 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP âm nhạc	31/07/2014	x	Tiếng Anh C	x	x
56	Đặng Thị Thu	Hường		26/05/1991	GV văn hóa	TH Đồng Trúc	01/11/2011	01/5/2012	24/4/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	03/06/2013	x	Tiếng Anh A2	x	x
57	Kiều Thị	Luyến		10/11/1987	GV văn hóa	TH Đồng Trúc	15/10/2012	15/4/2013	24/4/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	01/06/2018	x	Tiếng Anh A2	x	x
58	Triệu Thị Thanh	Nga		11/10/1990	GV văn hóa	TH Đồng Trúc	01/11/2011	01/5/2012	24/4/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	01/06/2018	x	Tiếng Anh A2	x	x
59	Vương Thị	Xoan		28/08/1976	GV văn hóa	TH Đồng Trúc	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	21/02/2014	x	Tiếng Anh A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiệu hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
60	Kiều Thúy	Nga		09/10/1991	GV văn hóa	TH Đồng Trúc	15/10/2012	15/4/2013	24/4/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	01/06/2018	x	Tiếng Anh A2	x	x
61	Nguyễn Thị	Hiền		01/02/1990	GV văn hóa	TH Đồng Trúc	15/10/2012	15/4/2013	24/4/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	01/06/2018	x	Tiếng Anh A2	x	x
62	Phi Văn	Huấn	23/05/1981		GV tin học	TH Đồng Trúc	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 7 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP tin học	26/11/2009	ĐH	Tiếng Anh B	x	x
63	Nguyễn Đăng	Định	07/09/1981		GV văn hóa	TH Đồng Trúc	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	28/02/2012	x	Tiếng Anh B	x	x
64	Bùi Thị	Dung		11/10/1990	GV thể dục	TH Đồng Trúc	25/01/2016	25/01/2016	25/01/2016	4 năm	2,26	V.07.03.09	ĐHSP GDTC	01/07/2013	x	Tiếng Anh B	x	x
65	Phùng Văn	Sùng	28/11/1982		Giáo viên Âm nhạc	TH Đồng Trúc	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 7 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP âm nhạc	08/08/2012	x	Tiếng Anh B	x	x
66	Nguyễn Thị	Thùy		12/2/1984	Giáo viên thể dục	TH Phùng Xá	1/09/2007	01/02/2008	24/4/2017	12 năm	2.86	V.07.03.09	ĐH SP thể dục thể thao	10/03/2009	x	Tiếng Anh B	x	x
67	Phùng Thị	Phượng		30/8/1983	Giáo viên âm nhạc	TH Phùng Xá	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	12 năm	2.86	V.07.03.09	CĐ SP âm nhạc	23/9/2006	x	Tiếng Anh B	x	x
68	Phan Thị	Oanh		08/02/1979	Giáo viên	TH Phùng Xá	1/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	12 năm	3.06	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	30/8/2001	x	Tiếng Anh C	x	x
69	Nguyễn Thị	Thu		6/1/1992	Giáo viên	TH Phùng Xá	26/9/2014	01/10/2015	12/4/2017	4 năm 4 tháng	2.26	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	28/6/2013	x	Tiếng Anh B	x	x
70	Phùng Thị	Thu		28/4/1992	Giáo viên	TH Phùng Xá	01/11/2013	01/5/2014	24/4/2017	7 năm 10 tháng	2.26	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	11/6/2014	x	Tiếng Anh B	x	x
71	Ngô Thị Ngân	Thoa		10/01/1983	Hiệu trưởng	TH Phùng Xá	4/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	12 năm 1 tháng	3.06	V.07.03.09	Thạc sĩ quản lý giáo dục	2/11/2018	x	Tiếng Anh B	x	x
72	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		08/02/1985	Giáo viên	TH Phùng Xá	30/12/2011	01/5/2012	24/4/2017	7 năm 9 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	23/8/2017	x	Tiếng Anh C	x	x
73	Đặng Thúy	Hằng		23/10/1972	Phó Hiệu trưởng	TH Hữu Bằng	11/1992	01/5/1994	24/4/2017	25 năm 9 tháng	4,06+ VK 7%	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
74	Bùi Kim	Hiền		16/03/1980	GVVH	TH Hữu Bằng	01/9/2004	01/3/2005	24/4/2017	14 năm 11tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	21/2/2014	x	Tiếng Anh B	x	x
75	Đặng Thị Hồng	Hạnh		22/12/1974	GVVH	TH Hữu Bằng	18/11/1994	18/5/1996	24/4/2017	23 năm 9 tháng	4,06	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	3/6/2016	x	Tiếng Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
76	Phan Thị	Dung		28/9/1992	GV- Tổ phó CM	TH Hữu Bằng	15/10/2012	15/04/2013	24/4/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	01/6/2018	x	Tiếng Anh B	x	x
77	Đỗ Thị	Liên		05/04/1988	GVTH	TH Hữu Bằng	15/10/2012	22/05/2013	24/4/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	03/07/2010	x	Tiếng Anh A2	x	x
78	Nguyễn Thùy	Linh		19/07/1992	GVVH	TH Hữu Bằng	15/10/2012	15/4/2013	01/4/2015	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	19/02/2019	x	Tiếng Anh A2	x	x
79	Kiều Thị	Hường		14/3/1981	GVVH	TH Hữu Bằng	04/9/2002	01/4/2003	24/4/2017	16năm 10tháng	3,46	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	21/02/2014	x	Tiếng Anh C	x	x
80	Giản Thị Bích	Hường		10/10/1976	GV- Tổ phó CM	TH Hữu Bằng	1/9/1998	24/3/1999	24/4/2017	20 năm 11 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	19.6.2009	x	Tiếng Anh B	x	x
81	Vũ Anh	Tú		25/12/1978	GV TPT	TH Hữu Bằng	11/09/2007	10/04/2008	24/4/2017	11 năm10 tháng	3,26	V.07.03.09	CĐ SP Văn - CTĐ	20/11/1999	x	Tiếng Anh C	x	x
82	Phan Thị	Thính		18/12/1971	GVVH	TH Hữu Bằng	07/11/1992	01/5/1994	24/4/2017	25 năm 9 tháng	4,06+ 7%	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh A2	x	x
83	Phí Thị	Thảo		4/4/1973	GVVH	TH Hữu Bằng	16/9/1994	16/3/1996	24/4/2017	23 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	17/11/2004	x	Tiếng Anh B	x	x
84	Đỗ Thị	Thủy		06/09/1975	GVVH	TH Hữu Bằng	28/08/1996	28/02/1998	24/4/2017	22 năm	3,86	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
85	Nguyễn Thị Kim	Thanh		22/07/1974	GVVH	TH Hữu Bằng	01/01/1994	01/8/1995	24/4/2017	25 năm	4,06+ VK6%	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	03/06/2006	x	Tiếng Anh B	x	x
86	Nguyễn Thị	Hiền		04/09/1994	GVVH	TH Hữu Bằng	01/01/1994	01/8/1995	24/4/2017	25 năm	4,06	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
87	Nguyễn Thị	Quý		8/5/1972	GVVHTH	TH Hương Ngải	7/11/1992	5/1994	24/4/2017	25 năm 10 tháng	4,06+7%T NVK	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	4/4/2006	x	Tiếng Anh bậc 3	x	x
88	Nguyễn Thị Hồng	Hà		01/3/1969	GVVHTH	TH Hương Ngải	5/9/1991	4/1993	24/7/2017	26 năm 2 tháng	4,06+8%T NVK	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
89	Nguyễn Thị	Hải		23/8/1970	GVVHTH	TH Hương Ngải	30/8/1989	12/12/1993	24/4/2017	26 năm 2 tháng	4,06+10% TNVK	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	4/4/2006	x	Tiếng Anh bậc 3	x	x
90	Vũ Thị	Hợp		25/10/1969	GVVHTH	TH Hương Ngải	1/9/1991	01/5/1993	24/4/2017	26 năm 2 tháng	4,06+8%T NVK	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh bậc 2	x	x
91	Vương Thị	Huệ		30/4/1969	GVVHTH	TH Hương Ngải	8/3/1990	30/3/1998	24/4/2017	21 năm 11 tháng	4,06+ VK 6%	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh bậc 2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
92	Nguyễn Thị Thu	Nga		24/5/1979	GV TATH	TH Hương Ngải	4/12/2009	02/11/2017	24/4/2017	10 năm 3 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP tiếng anh	30/8/2000	x	CĐ	x	x
93	Phí Thị Hồng	Oanh		02/6/1984	GV âm nhạc	TH Hương Ngải	4/12/2009	02/11/2010	24/4/2017	10 năm 3 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐHSP âm nhạc	16/7/2018	x	Tiếng Anh C	x	x
94	Nguyễn Hữu	Trường	17/12/1991		GV thể chất	TH Hương Ngải	25/01/2016	25/10/2016	24/4/2017	3 năm 4 tháng	2.06	V.07.03.09	ĐHTDTT khoa SP	12/6/2013	x	Tiếng Anh B	x	x
95	Ngô Thị Mỹ	Linh		02/9/1987	GV mỹ thuật	TH Hương Ngải	1/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH SP mỹ thuật	8/8/2012	x	Tiếng Anh B	x	x
96	Lê Thanh	Huyền		3/12/1978	GV âm nhạc	TH Hương Ngải	1/8/2008	01/8/2008	24/4/2017	11 năm 6 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH SP âm nhạc	16/7/2018	x	Tiếng Anh B	x	x
97	Lê Thị Thanh	Hương		18/11/1969	GV văn hóa	TH Bình Yên	01/9/1996	03/7/1998	24/4/2017	22 năm 8 tháng	3,86	V.07.03.09	CĐ SP tiểu học	4/2006	x	Tiếng Anh B	x	x
98	Nguyễn Thị	Tứ		10/10/1975	GV văn hóa	TH Bình Yên	06/9/1995	01/3/1997	24/4/2017	22 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH SP Tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh C	x	x
99	Cao Thị Bích	Thảo		29/7/1978	GV Tiếng Anh	TH Bình Yên	04/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH tiếng anh	1/2005	x	Tiếng Pháp C	x	x
100	Lê Thị	Thành		24/05/1976	GV văn hóa	TH Bình Yên	03/12/1996	03/7/1998	24/4/2017	22 năm 7 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH SP Tiểu học	11/2004	x	Tiếng Anh A2	x	x
101	Nguyễn Thị	Hoàn		18/11/1977	GV văn hóa	TH Bình Yên	1/9/1997	01/12/1998	24/4/2017	21 năm 10 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH SP Tiểu học	11/2004	x	Tiếng Anh C	x	x
102	Trần Thị	Thúy		11/10/1980	GV Âm nhạc	TH Bình Yên	1/9/2007	28/2/2008	24/4/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH SP âm nhạc	8/2012	x	Tiếng Anh C	x	x
103	Hoàng Thị	Sinh		28/11/1972	GV văn hóa	TH Bình Yên	07/11/1992	01/5/1994	24/4/2017	25 năm 9 tháng	4,06 +7%	V.07.03.09	ĐH SP Tiểu học	10/ 2005	x	Tiếng Anh C	x	x
104	Trần Thị	Thắm		25/06/1989	GV văn hóa	TH Bình Yên	1/11/2013	01/5/2014	11/4/2017	6 năm 3 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	4/2012	x	Tiếng Anh C	x	x
105	Đinh Thị Kim	Nguyệt		31/10/1979	GV văn hóa	TH Bình Yên	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	5/2002	x	Tiếng Anh C	x	x
106	Hoàng Văn	Thơm	25/02/1984		GV Mĩ thuật	TH Bình Yên	02/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/ 2012	x	Tiếng Anh B	x	x
107	Cán Văn	Thu	24/10/1963		GV văn hóa	TH Bình Yên	01/9/1986	01/5/1989	24/4/2017	31 năm 3 tháng	4,06 + 10%	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	6/2006	x	Tiếng Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
108	Nguyễn Thị	Ngọc		30/12/1975	GV văn hóa	TH Bình Yên	01/9/1996	02/1997	24/4/2017	23 năm	3,86	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	04/04/2006	x	Tiếng Anh C	x	x
109	Cấn Thị	Nhung		28/05/1989	GV văn hóa	TH Bình Yên	04/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	2015	x	Tiếng Anh B	x	x
110	Phùng Thị Ngọc	Ánh		14/10/1984	GV Tin học	TH Bình Yên	4/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH CNTT	11/2007	ĐH	Tiếng Anh C	x	x
111	Kiều Thị	Vỹ		12/10/1971	GV văn hóa	TH Bình Yên	07/11/1992	01/5/1994	24/4/2017	25 năm 9 tháng	4,06 +7%	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/ 2005	x	Tiếng Anh C	x	x
112	Ngô Văn	Tùng	26/6/1981		GV Mĩ thuật	TH Bình Yên	01/01/2005	01/7/2005	24/4/2017	15 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH SP mỹ thuật	10/2011	x	Tiếng Anh B	x	x
113	Ngô Thị Thuỳ	Linh		02/5/1986	GV Âm nhạc	TH Bình Yên	1/1/2016	01/7/2016	24/4/2017	4 năm 7 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH SP âm nhạc	21/7/2014	x	Tiếng Anh C	x	x
114	Đinh Thị	Hương		22/02/1979	GV văn hóa	TH Bình Yên	01/10/2003	01/4/2004	24/4/2017	15 năm 10 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	28/2/2012	x	Tiếng Anh A2	x	x
115	Nguyễn Thúy	Linh		26/02/1989	GV văn hóa	TH Bình Yên	15/10/2012	15/04/2013	24/4/2018	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	1/6/2018	x	Tiếng Anh B	x	x
116	Nguyễn Thị	Sinh		04/07/1984	GV Âm nhạc	TH Bình Yên	01/9/2007	01/7/2008	24/4/2017	11 năm 7 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH SP âm nhạc	28/1/2019	x	Tiếng Anh B	x	x
117	Nguyễn Thị	Nguyệt		17/08/1987	GV văn hóa	TH Bình Yên	25/01/2016	01/02/2016	24/4/2017	4 năm	2,26	V.07.03.09	CĐ SP tiểu học	3/2/2009	x	Tiếng Anh B	x	x
118	Phạm Hồng Ngân	Hà		27/08/1982	GV Thể dục	TH Bình Yên	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ GDTC	6/7/2005	x	Tiếng Anh C	x	x
119	Ngô Thị	Tình		12/06/1979	GV Thể dục	TH Bình Yên	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ GDTC	23/6/2000	x	Tiếng Anh C	x	x
120	Tăng Thị Thanh	Tuyền		22/09/1989	GV Thể dục	TH Bình Yên	01/12/2011	01/6/2012	24/4/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTC	10/7/2010	x	Tiếng Anh C	x	x
121	Nguyễn Khắc	Phong	31/1/1969		Hiệu trưởng	TH Phú Kim	14/9/1989	09/3/1991	24/4/2017	31 năm 5 tháng	4.06 (VK 10%)	V.07.03.09	ĐHSPGD tiểu học	4/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
122	Nguyễn Thị Thu	Hường		09/12/1985	Giáo viên	TH Phú Kim	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	10 năm, 3 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐSP CNTT	23/8/2007	ĐH	Tiếng Anh A2	x	x
123	Nguyễn Thị	Hằng		2/1/1977	GVTPT	TH Phú Kim	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	12 năm 6 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐSP Văn CTĐ	20/11/1999	x	Tiếng Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
124	Nguyễn Thị	Thu		24/09/1973	Giáo viên	TH Phú Kim	07/11/1992	01/6/1994	24/4/2017	28 năm	4,06+VK7 %	V.07.03.09	ĐHSPGD tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
125	Nguyễn Thị Vân	Anh		1/9/1990	Giáo viên	TH Phú Kim	17/9/2014	01/4/2015	24/4/2017	5 năm 4 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSPGD tiểu học	28/03/2012	x	Tiếng Anh A2	x	x
126	Đỗ Thị	Dung		16/10/1985	Giáo viên	TH Phú Kim	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	10 năm, 3 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSPGD tiểu học	21/02/2014	x	Tiếng Anh B2	x	x
127	Cấn Anh	Dưỡng	1/2/1982		Giáo viên	TH Phú Kim	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	10 năm, 3 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSPGD tiểu học	21/02/2014	x	Tiếng Anh B	x	x
128	Phí Tuấn	Anh	03/3/1989		Giáo viên Thể dục	TH Cần Kiệm	15/10/2012	15/04/2013	24/4/2017	6 năm 9 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP giáo dục thể chất	04/5/2016	x	Tiếng Anh B	x	x
129	Cấn Thị	Sang		26/08/1970	Giáo viên VH	TH Cần Kiệm	07/11/1992	01/5/1994	24/4/2017	24 năm 9 tháng	4.06+ VK 6%	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
130	Hoàng Thị	Hoa		15/7/1979	Giáo viên Âm nhạc	TH Cần Kiệm	01/01/2005	01/7/2005	24/4/2017	15 năm	3.26	V.07.03.09	ĐHSP âm nhạc	21/4/2011	x	Tiếng Anh B	x	x
131	Nguyễn Thị	Dưỡng		21/12/1976	Giáo viên VH	TH Cần Kiệm	29/12/2000	01/8/2001	24/4/2017	20 năm 9 tháng	3.46	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	03/6/2006	x	Tiếng Anh B	x	x
132	Cấn Thị	Nhung		14/4/1972	Giáo viên VH	TH Cần Kiệm	03/10/1995	03/4/1997	24/4/2017	12 năm 10 tháng	4,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	03/6/2006	x	Tiếng Anh B	x	x
133	Đặng Thị	Hà		01/10/1993	Giáo viên VH	TH Cần Kiệm	25/01/2016	25/10/2016	25/10/2016	3 năm 5 tháng	2.06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	28/5/2014	x	Tiếng Anh B	x	x
134	Phùng Thị	Hảo		26/7/1989	Giáo viên VH	TH Cần Kiệm	25/01/2016	01/02/2017	01/02/2017	3 năm 8 tháng	2.26	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	13/12/2011	x	Tiếng Anh bậc 2	x	x
135	Đặng Việt	Hùng	24/7/1980		Giáo viên VH	TH Cần Kiệm	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐ tin học ứng dụng	15/9/2009	CĐ	Tiếng Anh B	x	x
136	Nguyễn Thị	Chính		18/11/1989	Giáo viên VH	TH Cần Kiệm	25/01/2016	25/10/2016	25/10/2016	3 năm 5 tháng	2.06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	23/6/2017	x	Tiếng Anh C	x	x
137	Nguyễn Xuân	Trường	02/11/1972		Giáo viên VH	TH Cần Kiệm	15/10/1994	01/01/1996	24/4/2017	24 năm 10 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	21/4/2011	x	Tiếng Anh B	x	x
138	Vũ Minh	Vàng	20/10/1972		Hiệu trưởng	TH Tiến Xuân B	16/09/1994	01/01/1996	24/4/2017	24 năm 2 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
139	Nguyễn Thị	Huệ		18/07/1974	Phó hiệu trưởng	TH Tiến Xuân B	07/11/1993	05/5/1995	24/4/2017	26 năm 3 tháng	4,06 + 5% vượt khung	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	17/11/2004	x	Tiếng Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
140	Kiều Thị Hằng	Phúc		07/02/1976	Giáo viên	TH Tiến Xuân B	01/9/1996	06/3/1998	24/4/2017	22 năm	3,86	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	09/05/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
141	Nguyễn Thị Thùy	Chinh		31/7/1987	Giáo viên	TH Tiến Xuân B	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	21/12/2015	x	Tiếng Anh B	x	x
142	Khuất Thị	Hương		05/11/1979	GV văn hóa	TH Tiến Xuân B	01/10/2002	01/3/2003	24/4/2017	16 năm11 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/02/2011	x	Tiếng Anh B	x	x
143	Phùng Thị Thanh	Hải		27/09/1987	Giáo viên tin học	TH Tiến Xuân B	01/12/2010	01/6/2011	24/4/2017	8 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH tin học ứng dụng	25/04/2011	ĐH	Tiếng Anh B	x	x
144	Đinh Thị	Quý		10/10/1980	Giáo viên văn hóa	TH Tiến Xuân B	15/10/2012	15/4/2013	24/4/2017	7 năm	2,46	V.07.03.09	CĐ SP tiểu học	02/04/2012	x	Tiếng Anh B	x	x
145	Bùi Thị Như	Quỳnh		21/8/1989	Giáo viên văn hóa	TH Tiến Xuân B	10/09/2009	10/3/2010	24/4/2017	9 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	21/12/2015	x	Tiếng Anh B	x	x
146	Nguyễn Thị	Nghiên		03/03/1971	Giáo viên văn hóa	TH Tiến Xuân B	10/01/1996	10/7/1997	24/4/2017	22 năm 7 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	09/05/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
147	Chu Thị	Ngũ		14/7/1974	Giáo viên văn hóa	TH Tiến Xuân B	06/9/1995	06/3/1997	24/4/2017	22 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	CĐ SP tiểu học	3/6/2006	x	Tiếng Anh C	x	x
148	Cấn Hồng	Hà		10/11/1975	Giáo viên văn hóa	Th Lại Thượng	01/9/1996	26/02/1998	24/4/ 2017	23 năm 6 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh C	x	x
149	Cấn Xuân	Quyết	11/11/1978		Giáo viên tin học	TH Lại Thượng	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	10 năm,2 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học toán-tin học ứng dụng	30/08/2006	ĐH	Tiếng Anh C	x	x
150	Vương Hải	Long	15/04/1976		Giáo viên Thể dục	TH Lại Thượng	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	10 năm,2 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐSP GDTC	23/06/2000	x	Tiếng Anh C	x	x
151	Vương Thị	Huyền		11/8/1985	Giáo viên tiếng anh	TH Lại Thượng	1/11/2011	01/5/2012	24/4/2017	8 năm 3 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐSP tiếng anh	20/7/2006	x	Tiếng Pháp C	x	x
152	Nguyễn Thị	Hiệp		05/8/1980	GV giảng dạy MĨ Thuật	TH Lại Thượng	1/9/2007	28/2/2008	24/4/2017	13 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	16/7/2018	x	Tiếng Anh C	x	x
153	Chu Thị	Nguyệt		22/12/1969	Tổ trưởng tổ chuyên môn	TH Lại Thượng	15/08/1988	01/4/1990	24/4/2017	30 năm 06 tháng	4,06 +11%	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh C	x	x
154	Khương Thị Thanh	Vân		01/8/1973	Tổ phó tổ chuyên môn	TH Lại Thượng	07/11/1992	01/5/1994	24/4/2017	26 năm 09 tháng	4,06 + 8%	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh C	x	x
155	Chu Kỳ	Hiển	28/02/1969		Giáo viên tiểu học	TH Lại Thượng	1/9/1991	01/5/1993	24/4/2017	28 năm 05 tháng	4,06 + 5%	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	30/6/2006	x	Tiếng Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
156	Đặng Thị	Dứa		13/2/1986	Giáo viên tin học	TH Hạ Bằng	01/12/2010	01/6/2011	24/4/2017	8 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH khoa học máy tính	5/6/2011	ĐH	Tiếng Anh A2	x	x
157	Đào Thị Hồng	Gấm		20/02/1983	Giáo viên mĩ thuật	TH Hạ Bằng	01/9/2006	01/7/2007	24/4/2017	12 năm 5 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH SP mỹ thuật	8/8/2012	x	Tiếng Anh A2	x	x
158	Hoàng Thị	Khánh		20/7/1979	GV - TPT	TH Hạ Bằng	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	Cao đẳng Văn -CTĐ	30/8/2001	x	Tiếng Anh A2	x	x
159	Lê Thị Kim	Nhung		10/7/1975	Tổ trưởng tổ chuyên môn	TH Hạ Bằng	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	1/2/1999	x	Tiếng Anh A2	x	x
160	Bùi Thị Thu	Hương		15/02/1969	Giáo viên văn hóa	TH Hạ Bằng	03/12/1996	03/7/1998	24/4/2017	21 năm 7 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH SP Tiểu học	6/2005	x	Tiếng Anh C	x	x
161	Đặng Thị	Ba		21/6/1989	Giáo viên thể dục	TH Hạ Bằng	15/10/2012	15/04/2013	24/4/2017	6năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH SP GDTC	10/7/2012	x	Tiếng Anh A2	x	x
162	Phạm Thị Diệp	Thúy		10/12/1976	Giáo viên văn hóa	TH Hạ Bằng	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH SP Tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh A2	x	x
163	Nguyễn Thị	Muộn		13/12/1974	Giáo viên văn hóa	TH Hạ Bằng	1/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	10/11/1997	x	Tiếng Anh A2	x	x
164	Nguyễn Thị	Thơm		30/09/1980	Giáo viên văn hóa	TH Hạ Bằng	25/01/2016	01/02/2016	26/7/2016	3 năm 7 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	15/03/2016	x	Tiếng Anh A2	x	x
165	Phùng Thị	Thơm		24/11/1987	Giáo viên văn hóa	TH Hạ Bằng	1/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	28/2/2012	x	Tiếng Anh A2	x	x
166	Nguyễn Thị Hải	My		05/10/1990	Giáo viên văn hóa	TH Hạ Bằng	15/10/2012	15/04/2013	24/4/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	11/5/2018	x	Tiếng Anh C	x	x
167	Đỗ Thị Hồng	Chuyên		08/5/1985	Giáo viên thể dục	TH Hạ Bằng	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH SP GDTC	20/6/2008	x	Tiếng Anh A2	x	x
168	Vũ Thị	Chuyên		11/11/1983	Giáo viên Âm nhạc	TH Hạ Bằng	01/9/2006	01/3/2007	24/4/2017	12 năm 8 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	08/8/2012	x	Tiếng Anh A2	x	x
169	Phùng Thị Tâm	Tình		07/11/1974	Phó HT	TH Tiến Xuân A	16/09/1994	01/01/1996	24/4/2017	24 năm 02 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐHSPGD Tiểu học	17/11/2004	x	Tiếng Anh B	x	x
170	Vũ Thị	Bình		17/08/1969	GV văn hóa	TH Tiến Xuân A	01/01/1991	01/01/1992	24/4/2017	28 năm 1 tháng	4,06+9%VK	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
171	Nguyễn Thị Trường	Xuân		10/3/1975	GV văn hóa	TH Tiến Xuân A	16/9/1994	01/01/1996	24/4/2017	24 năm 02 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
172	Phùng Minh	Thủy		04/08/1976	GV văn hóa	TH Tiến Xuân A	25/10/1995	25/04/1997	24/4/2017	22 năm 09 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
173	Nguyễn Thị	Hường		10/8/1977	GV văn hóa	TH Tiến Xuân A	01/9/1997	02/12/1998	24/4/2017	21 năm 3 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	04/04/2006	x	Tiếng Anh B	x	x
174	Nguyễn Thị Thu	Hường		06/02/1978	GV Mỹ thuật	TH Tiến Xuân A	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	10 năm 02 tháng	3,26	V.07.03.09	CĐSP Mĩ thuật	28/10/2001	x	Tiếng Anh B	x	x
175	Đinh Thị	Sen		26/02/1981	GV văn hóa	TH Tiến Xuân A	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	5/11/2009	x	Tiếng Anh B	x	x
176	Nguyễn Thị	Hải		27/01/1986	GV Tin	TH Tiến Xuân A	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH Công nghệ thông tin	29/04/2009	ĐH	Tiếng Anh B	x	x
177	Từ Thị Hồng	Chang		21/10/1986	GV Tiếng Anh	TH Tiến Xuân A	01/12/2010	01/6/2011	24/4/2017	8 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH tiếng anh	8/2011	x	Tiếng Nga trình độ B	x	x
178	Nguyễn Thế	Điệp	21/08/1987		GV Thể chất	TH Tiến Xuân A	15/10/2012	15/04/2013	24/4/2017	6 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐSP giáo dục thể chất	02/2012	x	Tiếng Anh B	x	x
179	Đỗ Thị	Hằng		09/3/1983	GV Thể chất	TH Dị Nậu	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐSP giáo dục thể chất	28/07/2008	x	Tiếng Anh A2	x	x
180	Nguyễn Thị	Hương		26/2/1984	Giáo viên tiếng anh	TH Dị Nậu	01/11/2011	01/5/2012	24/4/2017	7 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	thạc sỹ tiếng anh	20/09/2013	TC	Tiếng Pháp B	x	x
181	Nguyễn Văn	Thủy		27/3/1984	Giáo viên Âm nhạc	TH Dị Nậu	01/9/2006	01/3/2007	24/4/2017	13 năm	3.06	V.07.03.09	ĐHSP âm nhạc	21/04/2011	x	Tiếng Anh A2	x	x
182	Cao Thị	Phương		12/11/1990	Giáo viên văn hóa	TH Dị Nậu	15/10/2012	15/04/2013	24/4/2017	7 năm	2.46	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	01/06/2018	TC	Tiếng Anh A2	x	x
183	Nguyễn Thị	Nga		15/5/1986	Giáo viên văn hóa	TH Dị Nậu	25/01/2016	25/10/2016	24/4/2017	3 năm 4 tháng	2.06	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	02/06/2017	x	Tiếng Anh A2	x	x
184	Nguyễn Thị	Hợi		18/11/1987	Giáo viên thể dục	TH Dị Nậu	01/10/2011	01/4/2012	17/4/2017	7 năm 11 tháng	2.66	V.07.03.09	Thạc SĩGDTC	26/12/2018	x	Tiếng Anh B1	x	x
185	Kiều Thị	Vui		06/02/1969	Hiệu trưởng	TH Cẩm Yên	01/9/1989	01/7/1991	24/4/2017	28N6T	4,06+ 10%	V.07.03.09	ĐHSP TH	10/2005	x	Tiếng Anh C	x	x
186	Chu Thị Doanh	Báo		18/7/1973	GVVH	TH Cẩm Yên	01/9/1997	02/12/1998	24/4/2017	23N5T	3,86	V.07.03.09	ĐHSP TH	2/2012	x	Tiếng Anh B	x	x
187	Phạm Thị	Nam		03/5/1976	GVVH	TH Cẩm Yên	01/9/1997	02/12/1998	24/4/2017	23N5T	3,86	V.07.03.09	CĐSP TH	6/2006	x	Tiếng Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
188	Khuất Thị	Phương		05/12/1972	GVVH	TH Cẩm Yên	07/11/1992	27/11/1994	24/4/2017	28N4T	4,06+ VK6%	V.07.03.09	ĐHSP TH	10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
189	Kiều Chí	Khoa	05/3/1971		GVVH	TH Cẩm Yên	14/10/1993	01/8/1995	24/4/2017	24N4T	4,06+ VK 6%	V.07.03.09	ĐHSP TH	5/2005	x	Tiếng Anh C	x	x
190	Nguyễn Thị Phương	Thêu		29/10/1983	GV âm nhạc	TH Cẩm Yên	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	10N2T	2,66	V.07.03.09	ĐHSP âm nhạc	8/2012	x	Tiếng Anh B	x	x
191	Nguyễn Thị Phương	Hoa		18/01/1988	GV mỹ thuật	TH Cẩm Yên	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	10N2T	2,66	V.07.03.09	CĐSP Mỹ thuật	7/2010	x	Tiếng Anh A2	x	x
192	Nguyễn Thị Thanh	Thủy		27/11/1984	GV Thể dục	TH Cẩm Yên	25/01/2016	01/02/2016	24/4/2017	4N1T	2,26	V.07.03.09	ĐHSP TDTT	6/2008	x	Tiếng Anh B	x	x
193	Chu Ngọc	Tú	28/10/1979		GV Tin học	TH Cẩm Yên	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	10N2T	2,66	V.07.03.09	CĐSP Toán - tin	8/2001	CĐ	Tiếng Anh C	x	x
194	Trần Thị Thu	Hương		22/4/1979	GV TPT	TH Cẩm Yên	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	12N5T	2,86	V.07.03.09	CĐ văn - CTĐ	11/1999	x	Tiếng Anh B	x	x
195	Đào Thị	Xuyến		06/06/1979	Giáo viên văn hóa	TH Thạch Xá	25/10/2000	10/8/2001	24/4/2017	19 năm 3 tháng	3.66	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	2/2014	x	Tiếng Anh A2	x	x
196	Nguyễn Thị	Vân		09/02/1989	Giáo viên thể dục	TH Thạch Xá	15/10/2012	15/4/2013	24/4/2017	6 năm 9 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐGDTC	4/8/2010	x	Tiếng Anh A2	x	x
197	Nguyễn Hải	Yến		24/08/1981	Giáo viên Âm nhạc	TH Thạch Xá	5/1/2005	5/7/2005	24/4/2017	14 năm 7 tháng	3.26	V.07.03.09	CĐ SP âm nhạc	10/2003	x	Tiếng Anh A2	x	x
198	Nguyễn Thị	Thiết		08/12/1980	Giáo viên tiếng anh	TH Thạch Xá	1/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 8 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP tiếng anh	14/1/2002	x	Tiếng Pháp B2	x	x
199	Nguyễn Thị	Huệ		06/12/1984	Giáo viên tin	TH Thạch Xá	1/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH SP CNTT	20/5/2008	ĐH	Tiếng Anh A2	x	x
200	Khương Thị	Hạnh		15/09/1986	Giáo viên mỹ thuật	TH Thạch Xá	1/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11 năm 10 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ SP họa nhạc	7/2007	x	Tiếng Anh A2	x	x
201	Nguyễn Thị	Nguyên		25/08/1975	P. hiệu trưởng	TH Thạch Xá	4/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11 năm 10 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	2/2014	x	Tiếng Anh A2	x	x
202	Nguyễn Thị Bích	Nguyệt		28/09/1988	Giáo viên văn hóa	TH Thạch Xá	15/10/2012	15/10/2013	24/4/2017	7 năm 4 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐ SP tiểu học	4/8/2010	x	Tiếng Anh A2	x	x
203	Vương Thị	Liên		07/10/1992	Giáo viên văn hóa	TH Thạch Xá	25/01/2016	01/02/2016	24/4/2017	3 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ SP tiểu học	24/5/2016	x	Tiếng Anh A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số ngạch chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
204	Đỗ Thị	Ngọc		01/11/1994	Giáo viên văn hóa	TH Thạch Xá	25/01/2016	25/10/2016	25/10/2016	3 năm 2 tháng	2.06	V.07.03.09	CĐ SP tiểu học	13/7/2015	x	Tiếng Anh A2	x	x
205	Nguyễn Thị	Nhung		11/9/1994	Giáo viên văn hóa	TH Thạch Xá	25/01/2016	21/10/2016	25/10/2016	3 năm 2 tháng	2.06	V.07.03.09	CĐ SP tiểu học	06/2/2017	x	Tiếng Anh A2	x	x
206	Đỗ Thị	Xuyến		20/10/1984	Giáo viên văn hóa	TH Thạch Xá	15/10/2012	22/5/2013	24/4/2017	7 năm 4 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	6/2018	x	Tiếng Anh A2	x	x
207	Lê Thị	Nhường		05/4/1978	GV văn hóa	TH Thạch Hòa	01/4/2007	01/12/2007	24/4/2017	13 n 2t	3,06	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	8/2011	x	Tiếng Anh B	x	x
208	Đỗ Trọng	Tuấn	25/4/1978		GV văn hóa	TH Thạch Hòa	01/9/2003	01/3/2004	24/4/2017	17n 2t	3,46	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	2/2012	x	Tiếng Anh B	x	x
209	Nguyễn Thị	Trinh		25/04/1973	GVVH	TH Yên Bình A	01/12/1992	15/11/1993	24/4/2017	02 năm 10 tháng	4,06 + VK 9%	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
210	Vũ Thị	Thơ		20/10/1972	GVVH	TH Yên Bình A	5/11/1993	5/5/1995	24/4/2017	24 năm 10 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	04/2006	x	Tiếng Anh B	x	x
211	Nguyễn Thị Mai	Nhung		09/10/1976	GVVH	TH Yên Bình A	29/11/1996	29/5/1998	24/4/2017	22 năm	3,86	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
212	Bùi Văn	Khoa	28/09/1968		GVVH	TH Yên Bình A	06/9/1996	06/3/1998	24/4/2017	12 năm	3,86	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	05/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
213	Bùi Thị Ngân	Hạnh		06/03/1986	GVVH	TH Yên Bình A	1/9/2006	01/3/2007	24/4/2017	23 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	08/2010	x	Tiếng Anh B	x	x
214	Nguyễn Trung	Nguyên	03/10/1981		GV Mĩ thuật	TH Yên Bình A	04/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	10 năm	3,06	V.07.03.09	CĐ SP tiểu học	12/2005	x	Tiếng Anh B	X	x
215	Nguyễn Thị Mai	Oanh		26/09/1990	GV Tin	TH Yên Bình A	25/01/2016	01/02/2016	01/02/2016	04 năm 01 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ SP tin học	10/2011	CĐ	Tiếng Anh B	x	x
216	Phí Thị	Xuân		21/3/1968	GV văn hóa	TH Minh Hà B	15/9/1989	03/10/1991	24/4/2017	28 năm 8 tháng	4.06 + 10%	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
217	Nguyễn Thị	Thái		25/3/1969	GV văn hóa	TH Minh Hà B	30/8/1989	03/8/1992	24/4/2017	27 năm 6 tháng	4.06 +9%	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	09/5/2005	x	Tiếng Anh B	x	x
218	Nguyễn Thị Như	Hoa		14/3/1971	GV văn hóa	TH Minh Hà B	04/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	11 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	05/9/2003	x	Tiếng Anh C	x	x
219	Vũ Thị	Hiền		03/4/1992	GV văn hóa	TH Minh Hà B	01/10/2014	01/4/2015	11/4/2017	4 năm 10 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	18/6/2014	x	Tiếng Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
220	Cấn Thị	Bích		29/8/1980	GV Tiếng Anh	TH Minh Hà B	04/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 8 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐHSP Tiếng Anh	16/6/2004	x	Tiếng Trung trình độ B	x	x
221	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền		26/10/1989	GV văn hóa	TH Minh Hà B	15/10/2012	15/4/2013	24/4/2017	6 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	01/6/2018	x	Trình độ C	x	x
222	Nguyễn Thị Thúy	Lương		18/4/1983	GV văn hóa	TH Minh Hà B	01/11/2011	01/5/2012	24/4/2017	7 năm 9 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	23/8/2017	x	Trình độ C	x	x
223	Đặng Thị Thu	Thủy		22/10/1986	GV Tin học	TH Minh Hà B	01/12/2009	01/6/2010	24/4/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐSP Công nghệ TT	03/7/2008	CĐ	Tiếng Anh A2	x	x
224	Nguyễn Thị	Liên		01/9/1986	GV văn hóa	TH Minh Hà B	15/10/2012	01/10/2013	24/4/2017	6 năm 4 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	01/6/2018	x	Tiếng Anh C	x	x
225	Nguyễn Thị Mai	Anh		26/7/1993	GV văn hóa	TH Minh Hà B	01/11/2013	01/5/2014	24/4/2017	5 năm 9 tháng	2.26	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	19/02/2019	x	Tiếng Anh C	x	x
226	Nguyễn Thị	Thúy		14/04/1985	Giáo viên tin	TH Tân Xã	29/11/2010	01/6/2011	01/6/2011	9 năm 3 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐSP tin học	7/2008	CĐ	Tiếng Anh B	x	x
227	Quách Thị	Thanh		31/12/1989	Giáo viên	TH Tân Xã	15/10/2012	22/05/2013	24/4/2017	8 năm 4 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	7/2011	x	Tiếng Anh A2	x	x
228	Ngô Thị	Trang		19/10/1989	Giáo viên	TH Tân Xã	15/10/2012	22/05/2013	24/4/2017	8 năm 4 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	3/2013	x	Tiếng Anh B	x	x
229	Nguyễn Thị	Tám		19/1/1983	Giáo viên	TH Tân Xã	01/01/2011	01/5/2012	24/4/2017	9 năm 1 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	6/2018	x	Tiếng Anh B	x	x
230	Nguyễn Việt	Tuấn	01/09/1986		Giáo viên TD	TH Tân Xã	15/10/2012	22/05/2013	24/4/2017	8 năm 4 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐ SP GDTC	1/2011	x	Tiếng Anh B	x	x
231	Chu Thị	Trang		29/07/1979	Giáo viên	TH Minh Hà A	01/9/2007	01/3/2008	24/4/2017	13 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/2005	x	Tiếng Anh A2	x	x
232	Nguyễn Thị	Yến		06/04/1985	Giáo viên mỹ thuật	TH Minh Hà A	02/10/2006	02/4/2007	24/4/2017	14 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	11/03/2011	x	Tiếng Anh A2	x	x
233	Đỗ Thị Bích	Liên		13/6/1972	Giáo Viên	TH Minh Hà A	19/9/1991	15/5/1993	24/4/2017	28 năm 5 tháng	4,06 + 8%	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	10/10/2005	x	Tiếng Anh A2	x	x
234	Nguyễn Thị	Nhung		28/11/1988	Giáo viên	TH Liên Quan	15/10/2012	15/04/2013	4/2013	7 năm	2,46	V.07.03.09	ĐH SP tiểu học	2/2014	x	Tiếng Anh A2	x	x
235	Nguyễn Thị	Thắm		13/3/1987	Giáo viên Thể dục	TH Liên Quan	15/10/2012	15/04/2013	4/2013	7 năm	2,46	V.07.03.09	ĐH SP GDTC	04/2018	x	Tiếng Anh C	x	x

Danh sách này có 235 người.

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND HUYỆN QUỐC OAI CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đã tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Kiều Nguyệt	Anh		2/17/1978	GV văn hoá	TH Cần Hữu	9/1/1999	01/03/2000	27/03/2017	20N5T	3,66	V.07.03.09	CĐ	10/01/2006	X	TA B	X	X
2	Sỹ Thị	Bình		7/25/1982	GV Mỹ thuật	TH Cần Hữu	10/2/2006	02/04/2007	27/03/2017	12N10T	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/03/2011	X	TA A2	X	X
3	Nguyễn Thị	Yến		2/10/1985	GV văn hoá	TH Cần Hữu	9/8/2007	01/03/2008	27/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	ĐH	08/08/2012	X	TA A2	X	X
4	Bùi Thị	Huyền		3/10/1983	GV âm nhạc	TH Cần Hữu	9/1/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N11T	3,06	V.07.03.09	ĐH	16/07/2018	X	TA B	X	X
5	Đỗ Thị	Minh		7/20/1978	GV Tiếng Anh	TH Cần Hữu	12/9/2009	01/06/2010	27/03/2017	9N8T	2,86	V.07.03.09	ĐH	18/09/2002	X	TP B	X	X
6	Bùi Thị	Thành		4/10/1986	GV Mỹ thuật	TH Cần Hữu	9/6/2007	01/03/2008	27/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	ĐH	08/08/2012	X	TA A2	X	X
7	Lê Thị	Thuỷ		9/3/1988	GV Tin học	TH Cần Hữu	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	10N8T	2,86	V.07.03.09	ĐH	28/03/2013	ĐH	TA A2	X	X
8	Nguyễn Thị	Tuyết		27/10/1979	GV âm nhạc	TH Cộng Hòa	01/01/2005	01/07/2005	27/03/2017	15N1T	3,27	V.07.03.09	ĐH	21/04/2011	X	TA B	X	X
9	Đắc Thị	Liên		14/10/1981	GV Mỹ thuật	TH Cộng Hòa	01/01/2005	01/07/2005	27/03/2017	15N1T	3,26	V.07.03.09	CĐ	02/11/2004	X	TA C	X	X
10	Nguyễn Thị Phương	Thảo		02/04/1976	GV Văn hóa	TH Cộng Hòa	01/09/2007	01/03/2008	27/3/2017	12N	2,86	V.07.03.09	CĐ	10/01/2006	X	TA C	X	X
11	Trần Thị	Hợi		09/02/1971	GV Văn hóa	TH Đồng Quang B	01/9/1991	01/4/1993	27/03/2017	29N6T	4,06	V.07.03.09	ĐH	01/2006	X	TA A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
12	Trần Thị Thanh	Loan		07/11/1987	GV Văn hóa	TH Đồng Quang B	15/9/2014	22/3/2015	27/03/2017	6N5T	2,26	V.07.03.09	CĐ	05/2014	X	TA B	X	X
13	Nguyễn Thị	Ngân		22/08/1989	GV Thể dục	TH Đồng Quang B	01/10/2011	01/04/2012	27/03/2017	9N4T	2,46	V.07.03.09	ĐH	14/7/2011	X	TA B	X	X
14	Phạm Thị Bích	Hậu		25/02/1973	HT	TH Đồng Xuân	29/9/1994	01/01/1996	27/3/2017	24N1T	4,06	V.07.03.09	ĐH	11/2004	X	TA A2	X	X
15	Kiều Thị	Huyền		20/5/1975	PHT	TH Đồng Xuân	01/12/1996	03/7/1998	27/3/2017	21N7T	4,06	V.07.03.09	ĐH	5/2005	X	TA A2		X
16	Nguyễn Thị Phương	Hiền		01/01/1976	GV Văn hóa	TH Đồng Xuân	03/12/1996	03/7/1998	27/3/2017	21N7T	4,06	V.07.03.09	CĐ	6/2006	X	TA A2		X
17	Nguyễn Thị Tuyết	Chất		16/01/1973	GV Văn hóa	TH Đồng Xuân	06/9/1995	06/3/1997	27/3/2017	22N11T	4,06	V.07.03.09	CĐ	6/2006	X	TA A2		X
18	Vương Thị	Ánh		06/8/1981	GV Mỹ thuật	TH Đồng Xuân	10/9/2007	10/3/2008	27/3/2017	11N11T	2,86	V.07.03.09	CĐ	12/2005	X	TA A2		X
19	Phùng Khắc	Thắng	23/04/1982		GV Văn hóa	TH Đông Yên	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	ĐH	20/07/2006	X	TA A2	X	X
20	Đỗ Duy	Dũng	08/04/1981		GV Thể dục	TH Đông Yên	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N5T	2.86	V.07.03.09	CĐ	20/08/2002	X	TA A2	X	X
21	Tạ Thị Bích	Thủy		17/07/1980	GV Văn hóa	TH Đông Yên	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	ĐH	21/04/2011	X	TA A2	X	X
22	Bùi Thế	Lam	17/04/1971		GV Văn hóa	TH Đông Yên	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	CĐ	01/02/1999	X	TA A2	X	X
23	Hoàng Thị	Hạnh		18/08/1983	GV Văn hóa	TH Đông Yên	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	CĐ	15/07/2005	X	TA A2	X	X
24	Nguyễn Thị	Đông		17/02/1980	GV Mỹ thuật	TH Đông Yên	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N5T	2.86	V.07.03.09	CĐ	20/07/2007	X	TA A2	X	X
25	Trần Thị Thu	Thủy		02/03/1976	GV Văn hóa	TH Đông Yên	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	CĐ	20/08/2002	X	TA A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
26	Nguyễn Kim	Ngân		02/01/1981	GV tin học	TH Đông Yên	10/02/2009	10/08/2009	27/03/2017	11N	2.66	V.07.03.09	ĐH	20/04/2012	X	TA A2	X	X
27	Lê Đình	Hoà	11/07/1993		GV Thể dục	TH Đông Yên	15/09/2014	15/3/2015	27/03/2017	5N5T	2.06	V.07.03.09	CĐ	30/06/2014	X	TA A2	X	X
28	Vũ Anh	Việt	27/04/1993		GV Thể dục	TH Đông Yên	15/09/2014	15/3/2015	27/03/2017	5N5T	2.06	V.07.03.09	CĐ	28/05/2014	X	TA A2	X	X
29	Nguyễn Thị	Hồng		20/10/1986	GV Thể dục	TH Đông Yên	01/10/2011	01/04/2012	27/03/2017	8N4T	2.46	V.07.03.09	CĐ	04/08/2010	X	TA A2	X	X
30	Nguyễn Phương	Anh		23/05/1984	GV âm nhạc	TH Đông Yên	02/10/2006	02/04/2007	27/03/2017	13N4T	2.86	V.07.03.09	ĐH	21/04/2011	X	TA A2	X	X
31	Nguyễn Thị	Loan		17/04/1973	GV	TH Đông Yên	01/09/1995	19/06/1996	27/03/2017	24N5T	4.06	V.07.03.09	CĐ	10/01/2006	X	TA A2	X	X
32	Nguyễn Thị	Nguyệt		07/03/1984	GV Mỹ thuật	TH Đông Yên	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	8N7T	2.66	V.07.03.09	ĐH	18/09/2008	X	TA A2	X	X
33	Đỗ Thị	Nhiều		24/01/1972	GV Văn hóa	TH Đông Yên	01/12/1993	01/12/1995	27/03/2017	26N2T	4.06	V.07.03.09	CĐ	10/01/2006	X	TA A2	X	X
34	Nguyễn Thị	Hương		03/05/ 1973	GV Văn hóa	TH Đông Yên	05/09/1994	01/01/1995	27/03/2017	25N5T	4,08	V.07.03.09	CĐ	10/01/ 2006	X	TA B	X	X
35	Nguyễn Thị	Bé		10/10/ 1989	GV văn hóa	TH Đông Yên	20/09/2010	20/03/2011	27/03/2017	9N5T	2,66	V.07.03.09	ĐH	06/08/ 2013	X	TA B	X	X
36	Đặng Thị	Thanh		04/10/ 1978	Tổ trưởng	TH Đông Yên	01/09/2007	07/08/2008	27/03/2017	12N5T	2.86	V.07.03.09	CĐ	30/08/ 2008	X	TA B	X	X
37	Đặng Thị Kim	Quế		07/01/ 1972	Tổ phó	TH Đông Yên	01/04/1993	15/06/1995	27/03/2017	26N10T	4.06	V.07.03.09	CĐ	10/01/ 2006	X	TA B	X	X
38	Trịnh Thị	Ánh		20/07/1975	Tổ trưởng	TH Đông Yên	01/09/2007	07/08/2008	27/03/2017	12N5T	2.86	V.07.03.09	CĐ	10/01/ 2006	X	TA B	X	X
39	Kiều Đình	Diện	10/11/1985		GV thể dục, TPT	TH Liệp Tuyết	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N	3,06	V.07.03.09	CĐ	07/2007	X	TA B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
40	Nguyễn Thị	Diên		28/09/1983	GV Mỹ thuật	TH Liệp Tuyết	02/10/2006	02/04/2007	27/03/2017	13N5T	3,06	V.07.03.09	ĐH	08/2012	X	TA A2	X	X
41	Đỗ Thị Thu	Hà		15/03/1976	GV văn hóa	TH Liệp Tuyết	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N	3,06	V.07.03.09	CĐ	11/1997	X	TA B	X	X
42	Nguyễn Thị	Xuân		05/02/1981	GV âm nhạc	TH Liệp Tuyết	01/01/2005	01/07/2005	27/03/2017	14N2T	3,26	V.07.03.09	ĐH	04/2011	X	TA B	X	X
43	Phùng Thị	Xuân		13/07/1978	GV Tin học	TH Liệp Tuyết	09/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9N9T	2,66	V.07.03.09	CĐ	11/1999	CĐ Toán - Tin	TA A2	X	X
44	Nguyễn Tuyết	Hoa		29/04/1993	GV văn hóa	TH Liệp Tuyết	01/01/2016	01/07/2016	08/11/2016	3N8T	2,06	V.07.03.09	CĐ	05/2014	X	TA A2	X	X
45	Lê Thị	Thuận		19/07/1988	GV văn hóa	TH Liệp Tuyết	11/11/2009	15/05/2010	01/8/2016	9N4T	2,66	V.07.03.09	ĐH	03/2017	X	TA B	X	X
46	Nguyễn Thị	Hằng		19/11/1980	GV tin học	TH Hòa Thạch B	09/12/2009	01/6/2010	27/03/2017	09N8T	2,66	V.07.03.09	ĐH	22/10/2002	ĐH	TA A2	X	X
47	Bùi Thị	Thoa		13/08/1978	GV văn hóa	TH Hòa Thạch B	01/9/2007	01/02/2008	27/03/2017	12N	3,06	V.07.03.09	CĐ	01/12/1999	X	TA B	X	X
48	Đỗ Thị	Nhung		24/8/1981	GV âm nhạc	TH Hòa Thạch B	01/01/2005	01/7/2005	27/03/2017	14N7T	3,26	V.07.03.09	ĐH	21/4/2011	X	TA B	X	X
49	Kiều Văn	Mạnh	17/12/1982		GV Mỹ thuật	TH Hòa Thạch B	01/9/2007	28/02/2008	27/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	CĐ	29/06/2005	X	TA B	X	X
50	Nguyễn Thị Thúy	Vân		06/11/1979	GV văn hóa	TH Hòa Thạch B	01/9/2007	01/3/2008	27/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	ĐH	30/08/2001	X	TA A2	X	X
51	Vũ Thị Hải	Yến		07/11/1974	GV văn hóa	TH Hòa Thạch B	03/12/1997	02/12/1998	27/03/2017	21N2T	3,86	V.07.03.09	CĐ	17/05/2006	X	TA B	X	X
52	Nguyễn Thị Thu	Hải		07/4/1974	GV Văn hóa	TH Nghĩa Hương	01/01/2001	01/7/2001	27/03/2017	19N1T	3,66	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	X	TA A2	X	X
53	Lý Thị	Hảo		27/10/1981	GV Mỹ thuật	TH Nghĩa Hương	02/10/2006	02/04/2007	27/03/2017	13N4T	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/03/2011	X	TA A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
54	Dương Thị	Thủy		17/07/1985	GV Thể dục	TH Nghĩa Hương	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	CĐ	26/07/2006	X	TA B	X	X
55	Nguyễn Hồng	Quý	29/12/1982		GV âm nhạc	TH Nghĩa Hương	01/9/2007	10/3/2008	27/03/2017	12N5T	2,86	V.07.03.09	ĐH	9/2010	X	TA B	X	X
56	Nguyễn Huy	Trung	26/04/1964		GV văn hóa	TH Nghĩa Hương	01/1986	01/1987	27/03/2017	34N	4,06	V.07.03.09	ĐH	11/2009	X	TA A2	X	X
57	Bùi Thị Hồng	Hảo		22/9/1987	GV Tin học	TH Nghĩa Hương	15/09/2014	15/03/2015	27/03/2017	5N5T	2,26	V.07.03.09	CĐ	15/08/2011	CĐ	TA A2	X	X
58	Nguyễn Thu	Thủy		13/2/1991	GV Thể dục	TH Nghĩa Hương	01/12/2013	01/6/2014	30/05/2017	6N2T	2,46	V.07.03.09	CĐ	03/7/2012	X	TA A2	X	X
59	Đỗ Thị	Tâm		21/11/1993	GV Văn hóa	TH Ngọc Liệp	01/10/2014	01/04/2015	27/03/2017	5N5T	2,26	V.07.03.09	ĐH	23/8/2017	X	TA A2	X	X
60	Nguyễn Doãn	Tuấn	21/04/1984		GV Thể dục	TH Ngọc Liệp	01/10/2011	01/04/2012	27/03/2017	8N5T	2,66	V.07.03.09	CĐ	12/2011	X	TA A2	X	X
61	Nguyễn Thị Thu	Huyền		09/11/1980	GV Văn hóa	TH Ngọc Liệp	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N6T	3,06	V.07.03.09	CĐ	08/2001	X	TA A2	X	X
62	Nguyễn Thị	Thao		07/09/1990	GV Văn hóa	TH Ngọc Liệp	01/11/2010	01/05/2011	27/03/2017	9N4T	2,66	V.07.03.09	CĐ	07/2013	X	TA A2	X	X
63	Lương Thị	Mai		10/05/1984	GV Văn hóa	TH Ngọc Liệp	01/10/2011	01/04/2012	27/03/2017	8N5T	2,66	V.07.03.09	ĐH	04/2014	X	TA A2	X	X
64	Nguyễn Thị Cẩm	Lệ		07/4/1989	GV Văn hóa	TH Ngọc Liệp	10/10/2011	10/4/2012	15/6/2018	8N5T	2,66	V.07.03.09	ĐH	07/2015	X	TA B	X	X
65	Nguyễn Thị	Thủy		19/9/1974	GV Văn hóa	TH Ngọc Liệp	01/02/1999	01/02/1999	27/3/2017	21N1T	3,86	V.07.03.09	ĐH	02/2014	X	TA B	X	X
66	Nguyễn Thị	Lý		13/02/1985	PHT	TH Ngọc Mỹ	01/09/2007	01/03/2008	27/3/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	ĐH	21/04/2011	X	TA A2	X	X
67	Bùi Thị	Hoa		09/01/1979	GV văn hóa	TH Ngọc Mỹ	01/01/2005	01/07/2005	27/3/2017	15N1T	3,26	V.07.03.09	ĐH	21/4/2011	X	TA A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
68	Trương Thị	Huyền		20/10/1976	GV văn hoá	TH Ngọc Mỹ	01/9/2007	01/03/2008	27/3/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	CĐ	23/08/2006	X	TA A2	X	X
69	Nguyễn Thị	Nguyệt		31/8/1979	GV Mỹ thuật	TH Ngọc Mỹ	01/01/2005	01/07/2005	27/3/2017	15N1T	3,26	V.07.03.09	ĐH	11/3/2011	X	TA A2	X	X
70	Đỗ Lai	Phúc	09/03/1978		GV Thể dục	TH Ngọc Mỹ	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	10N2T	2,66	V.07.03.09	CĐ	26/06/2001	X	TA B	X	X
71	Nguyễn Thị	Hường		22/11/1986	GV Tin học	TH Ngọc Mỹ	09/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	10N2T	2,86	V.07.03.09	ĐH	17/11/2010	ĐH	TA A2	X	X
72	Phùng Thị	Biên		09/05/1973	GVVH	TH Phú Cát	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	CĐ	12/1999	X	TA A2	X	X
73	Nguyễn Thị	Hạnh		07/10/1990	GVVH	TH Phú Cát	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5N9T	2,26	V.07.03.09	CĐ	12/2011	X	TA A2	X	X
74	Vũ Thị Ngọc	Anh		09/11/1988	GVVH	TH Phú Cát	15/9/2014	15/03/2015	27/03/2017	4N11T	2,26	V.07.03.09	ĐH	02/2019	X	TA B	X	X
75	Nguyễn Thanh	Tùng	04/11/1988		GVTD	TH Phú Cát	15/09/2014	15/03/2015	27/03/2017	4N11T	2,26	V.07.03.09	CĐ	12/2012	X	TA A2	X	X
76	Đỗ Thị Thu	Hằng		07/11/1994	GVVH	TH Phú Cát	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3N6T	2,06	V.07.03.09	CĐ	6/2015	X	TA A2	X	X
77	Vương Thị Thu	Hằng		25/08/1973	GVVH	TH Phú Cát	31/08/2007	01/03/2008	27/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/2004	X	TA A2	X	X
78	Dương Thị	Nhung		19/04/1983	GV âm nhạc	TH Phú Cát	02/10/2006	02/04/2007	27/03/2017	12N10T	3,06	V.07.03.09	ĐH	4/2011	X	TA B	X	X
79	Nguyễn Đình	Cường		14/06/1985	GVMT	TH Phú Cát	02/10/2006	02/04/2007	27/03/2017	12N10T	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2011	X	TA A2	X	X
80	Nguyễn Thị	Thủy		01/01/1976	GVVH	TH Phú Cát	01/9/2007	01/03/2008	27/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	CĐ	01/2003	X	TA B	X	X
81	Lê Thị	Tường		05/05/1984	GV âm nhạc	TH Phú Cát	01/9/2007	01/03/2008	27/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	ĐH	7/2018	X	TA B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
82	Nguyễn Thị Thu	Phương		04/10/1989	GV văn hóa	TH Phú Cát	15/10/2012	15/04/2013	24/4/2017	6N10T	2,46	V.07.03.09	CĐ	12/2011	X	TA B	X	X
83	Nguyễn Văn	Tiềm	05/07/1983		GV Tin	TH Phú Cát	09/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9N6T	2,86	V.07.03.09	ĐH	9/2005	ĐH	TA A2	X	X
84	Nguyễn Thị Thu	Hương		20/01/1979	GV Văn hóa	TH Sài Sơn A	01/09/2007	01/02/2008	27/03/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	CĐ	30/8/2000	X	TA A2	X	X
85	Đào Thị	Hảo		16/08/1984	GV Tin học	TH Sài Sơn A	09/12/2009	01/06/2010	27/3/2017	10N2T	2,66	V.07.03.09	ĐH	22/6/2012	Đại học	TA A2	X	X
86	Nguyễn Thị	Mai		16/11/1977	GV Văn hóa	TH Sài Sơn A	01/09/2007	01/02/2008	27/3/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	CĐ	05/9/2003	X	TA A2	X	X
87	Dương Thị Bảy	Quyên		20/7/1981	GV thể dục	TH Sài Sơn A	01/12/2009	01/10/2010	27/3/2017	10N2T	2,66	V.07.03.09	CĐ	20/08/2002	X	TA A2	X	X
88	Mai Thị Kiều	Oanh		29/6/1977	GV âm nhạc	TH Sài Sơn A	01/01/2005	01/07/2005	27/03/2017	15N1T	3,26	V.07.03.09	ĐH	08/08/2012	X	TA A2	X	X
89	Nguyễn Phương	Liên		05/10/1988	GV Văn hóa	TH Sài Sơn A	01/11/2011	01/05/2012	27/3/2017	8N3T	2,46	V.07.03.09	ĐH	21/05/2014	X	TA A2	X	X
90	Nguyễn Thị	Mai		22/10/1982	GV Văn hóa	TH Sài Sơn A	01/10/2011	01/04/2012	27/03/2017	8N4T	2,46	V.07.03.09	ĐH	25/10/2017	X	TA A2	X	X
91	Tạ Thị	Thêm		04/02/1976	GV Văn hóa	TH Sài Sơn A	01/09/2007	01/02/2008	27/3/2017	12N5T	2,86	V.07.03.09	CĐ	10/01/2006	X	TA A2	X	X
92	Nguyễn Thị Thu	Trang		17/08/1983	GV âm nhạc	TH Sài Sơn B	01/01/2005	01/07/2005	27/03/2017	14N7T	3,26	V.07.03.09	ĐH	21/04/2011	X	TA C	X	X
93	Nguyễn Thị	Quý		24/04/1983	GV thể dục	TH Sài Sơn B	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3N7T	2,06	V.07.03.09	ĐH	19/02/2019	X	TA C	X	X
94	Mai Thị	Hoa		20/01/1977	GV Văn hóa	TH Sài Sơn B	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	CĐ	01/12/1999	X	TA A2	X	X
95	Nguyễn Thị	Hương		30/11/1976	GV Văn hóa	TH Sài Sơn B	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	CĐ	01/02/1999	X	TA A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
96	Nguyễn Thị	Diệp		12/04/1990	GV VH, TT	TH Sài Sơn B	01/07/2014	01/01/2015	14/01/2016	5N7T	2.26	V.07.03.09	CĐ	28/07/2011	X	TA C	X	X
97	Ngô Thị	Hương		15/10/1990	GV Văn hóa	TH Sài Sơn B	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5N9T	2.26	V.07.03.09	CĐ	03/05/2013	X	TA A2	X	X
98	Nguyễn Thị	Oánh		26/03/1978	GV Văn hóa	TH Tân Phú	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	CĐ	8/2000	X	TA B	X	X
99	Nguyễn Thị	Hợp		11/09/1974	GV Văn hóa	TH Tân Phú	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	CĐ	9/2003	X	TA B	X	X
100	Nguyễn Thị	Ngoan		20/12/1979	GV Tiếng Anh	TH Tân Phú	09/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	10N2T	2,86	V.07.03.09	ĐH	4/2005	X	TP C	X	X
101	Nguyễn Thị	Hằng		02/03/1984	GV Thể dục	TH Tân Phú	01/9/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	ĐH	3/2013	X	TA B	X	X
102	Đôn Thị Hồng	Hạnh		05/10/1981	GV Tin học	TH Tân Phú	09/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	10N2T	2,66	V.07.03.09	CĐ	11/2002	CĐ	TA C	X	X
103	Bùi Thị	Huệ		12/12/1992	GV Văn hóa	TH Tân Phú	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	6N3T	2,46	V.07.03.09	CĐ	6/2013	X	TA B	X	X
104	Hoàng Thị	Hợp		14/05/1980	GV Văn hóa	TH Tân Phú	01/09/2004	01/09/2004	27/03/2017	15N5T	3,26	V.07.03.09	ĐH	11/2012	X	TA B	X	X
105	Đỗ Thị Kim	Anh		20/06/1974	Giáo viên thể dục	TH Tuyết Nghĩa	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N6T	3,06	V.07.03.09	CĐ	06/2000	X	TA A2	X	X
106	Lý Thị Xuân	Phương		04/01/1981	Giáo viên mỹ thuật	TH Tuyết Nghĩa	01/01/2005	01/07/2005	27/03/2017	15N2T	3,26	V.07.03.09	ĐH	3/2011	X	TA A2	X	X
107	Nguyễn Thị Minh	Hòa		10/02/1981	Giáo viên âm nhạc	TH Tuyết Nghĩa	01/01/2005	01/07/2005	27/03/2017	15N2T	3,26	V.07.03.09	ĐH	04/2011	X	TA A2	X	X
108	Nguyễn Thị	Tâm		08/05/1986	Giáo viên tin học	TH Tuyết Nghĩa	09/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	10N3T	2,66	V.07.03.09	ĐH	5/2015	ĐH	TA A2	X	X
109	Nguyễn Thị Hoài	Thương		08/03/1993	Giáo viên văn hóa	TH Tuyết Nghĩa	15/9/2014	19/03/2015	27/03/2017	5N6T	2,26	V.07.03.09	CĐ	7/2016	X	TA A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
110	Nguyễn Thu	Hằng		26/04/1992	Giáo viên thể dục	TH Tuyết Nghĩa	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2018	4N2T	2,06	V.07.03.09	ĐH	6/2014	X	TA A2	X	X
111	Phùng Thị	Hoa		10/12/1993	Giáo viên văn hóa	TH Tuyết Nghĩa	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2018	4N2T	2,06	V.07.03.09	CĐ	6/2015	X	TA A2	X	X
112	Hà Thị	Thủy		02/03/1981	Giáo viên văn hóa	TH Tuyết Nghĩa	20/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N6T	2,86	V.07.03.09	CĐ	7/2003	X	TA A2	X	X
113	Nguyễn Thị Thu	Hương		09/10/1983	Giáo viên văn hóa	TH Tuyết Nghĩa	01/09/2007	1/3/2008	27/03/2017	12N6T	3,06	V.07.03.09	CĐ	7/2006	X	TA A2	X	X
114	Nguyễn Thị	Vân		28/10/1984	Giáo viên văn hóa	TH Tuyết Nghĩa	15/09/2014	15/03/2015	27/03/2017	5N6T	2,26	V.07.03.09	ĐH	2/2014	X	TA A2	X	X
115	Bùi Thị	Loan		06/10/1988	GV Tin học	TH Thạch Thán	09/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	10N2T	2,66	V.07.03.09	ĐH	6/2009	ĐH	TA B	X	X
116	Hà Thị Thu	Hiền		10/09/1983	GV Thể dục	TH Thạch Thán	01/12/2009	01/01/2010	27/03/2017	13N	3,06	V.07.03.09	ĐH	09/11/2008	X	TA B	X	X
117	Trần Thị	Hường		14/12/1989	PHT	TH Thạch Thán	04/11/2011	01/05/2012	27/03/2017	8N3T	2,66	V.07.03.09	ĐH	20/06/2011	X	TA A2	X	X
118	Phạm Thị	Thanh		11/09/1979	GV âm nhạc	TH Thạch Thán	01/01/2005	01/07/2005	27/03/2017	15N1T	3,26	V.07.03.09	ĐH	21/04/2011	X	TA B	X	X
119	Nguyễn Thị	Sâm		15/06/1988	GV Văn hóa	TH Thạch Thán	15/10/2012	15/04/2013	27/03/2017	7N4T	2,46	V.07.03.09	ĐH	19/6/2015	X	TA B	X	X
120	Ta Duy	Tiến	09/06/1983		GVTD	TH Thị Trấn A	31/8/2007	01/03/2008	27/3/2017	11N11T	2,86	V.07.03.09	ĐH	26/11/2009	X	TA A2	X	X
121	Nguyễn Thị Minh	Hoàn		02/11/1983	GVVH	TH Thị Trấn A	01/9/2007	01/3/2008	27/3/2017	11N11T	2,86	V.07.03.09	ĐH	01/6/2012	X	TA A2	X	X
122	Nguyễn Thị Hải	Lý		15/11/1983	GVMT	TH Thị Trấn A	02/10/2006	02/04/2007	27/03/2017	12N10T	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/3/2011	X	TA A2	X	X
123	Nguyễn Việt	Hà		16/08/1983	GVMT	TH Thị Trấn A	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/03/2011	X	TA A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTDCS, GVDG, GVCNG, TFTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
124	Nguyễn Bá	Dũng	02/10/1974		GVVH	TH Thị Trấn A	15/10/2010	15/04/2011	27/03/2017	9N4T	2.66	V.07.03.09	ĐH	01/06/2018	X	TA A2	X	X
125	Nguyễn Đăng	Tâm	09/10/1988		GV thể dục	TH Yên Sơn	01/12/2012	01/12/2012	08/12/2016	7N2T	2.46	V.07.03.09	ĐH	09/07/2018	X	TA B	X	X
126	Nguyễn Thị	Lập		01/09/1973	GV Văn hóa	TH Yên Sơn	01/09/2007	01/03/2008	27/3/2017	12N	3.06	V.07.03.09	CĐ	20/02/2002	X	TA A2	X	X
127	Bùi Thị	Duyên		01/11/1981	GV Văn hóa	TH Phú Mãn	01/09/2007	01/02/2008	27/3/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	ĐH	05/11/2009	X	TA A2	X	X
128	Trần Thị	Hoan		10/10/1983	GV thể dục	TH Phú Mãn	01/09/2007	01/02/2008	27/3/2017	12N5T	2,86	V.07.03.09	ĐH	05/12/2010	X	TA A2	X	X
129	Đinh Thị	Thoa		1/22/1979	GV âm nhạc	TH Phú Mãn	01/01/2005	01/07/2005	27/3/2017	15N1T	3,26	V.07.03.09	ĐH	08/08/2012	X	TA A2	X	X
130	Lương Thị	Vương		16/08/1987	GV Tin học	TH Phú Mãn	09/12/2009	01/06/2010	27/3/2017	10N2T	2,66	V.07.03.09	ĐH	20/05/2013	ĐH	TA A2	X	X
131	Nguyễn Thu	Giang		25/09/1986	GV Thể dục	TH Hòa Thạch A	01/12/2009	01/06/2010	27/3/2017	10N3T	2.86	V.07.03.09	ĐH	14/07/2009	X	TA A2	X	X
132	Đỗ Thị	Nga		14/12/1977	GV Văn hóa	TH Hòa Thạch A	01/09/2007	01/02/2008	27/3/2017	12N4T	3.06	V.07.03.09	ĐH	05/11/2009	X	TA A2	X	X
133	Hoàng Hoài	Hương		14/10/1980	GV Văn hóa	TH Hòa Thạch A	01/11/2013	21/06/2014	27/3/2017	6N3T	2.46	V.07.03.09	CĐ	30/08/2001	X	TA A	X	X
134	Nguyễn Thúy	Hường		01/01/1980	GV tiếng anh	TH Hòa Thạch A	09/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	10N3T	2.86	V.07.03.09	ĐH	16/6/2004	X	TP B	X	X
135	Nguyễn Thị	Lý		07/05/1966	GV văn hóa	TH Hòa Thạch A	28/05/1990	01/9/1990	27/3/2017	29N10T	4.06	V.07.03.09	ĐH	5/11/2009	X	TA A2	X	X
136	Kiều Thị	Mai		27/03/1978	GV văn hóa	TH Hòa Thạch A	01/09/2007	01/02/2008	27/3/2017	12N4T	2.86	V.07.03.09	CĐ	20/11/1999	X	TA C	X	X
137	Trịnh Thị Kim	Chi		04/8/1989	GV Tin học	TH Hòa Thạch A	07/11/2012	07/11/2012	3/28/2017	7N3T	2,66	V.07.03.09	CĐ	04/8/2010	CĐ	TA B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
138	Đôn Thị Bảo	Ngọc		10/13/1984	GV thể dục	TH Phượng Cách	01/9/2007	01/03/2008	27/3/2017	12N6T	3,06	V.07.03.09	ĐH	07/10/2008	X	TA A2	X	X
139	Bùi Thị	Thuý		2/3/1975	GV Văn hóa	TH Phượng Cách	01/08/1995	01/02/1996	27/3/2017	24N4T	4,06 + VK 5%	V.07.03.09	ĐH	14/09/2010	X	TA A2	X	X
140	Nguyễn Thị	Hằng		6/26/1978	GV Văn hóa	TH Phượng Cách	01/07/2009	01/01/2010	27/3/2017	10N8T	2,86	V.07.03.09	CĐ	20/02/2002	X	TA A2	X	X
141	Nguyễn Thị	Phương		7/7/1987	GV Văn hóa	TH Phượng Cách	01/11/2013	01/11/2013	3/27/2017	6N3T	2,86	V.07.03.09	ĐH	21/02/2014	X	TA B	X	X
142	Bùi Thị Thu	Hiền		03/08/1978	GV thể dục	TH Đại Thành	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N6T	2.86	V.07.03.09	ĐH	09/2006	X	TA A2	X	X
143	Đặng Thị Thu	Hiền		06/06/1982	GV âm nhạc	TH Đại Thành	02/10/2006	02/09/2007	27/03/2017	13N4T	3,06	V.07.03.09	ĐH	04/2011	X	TA A2	X	X
144	Nguyễn Thị	Hạnh		22/09/1977	GV Văn hóa	TH Tân Hòa	01/11/2010	01/05/2011	27/03/2017	9N3T	3.06	V.07.03.09	CĐ	01/12/1999	X	TA A2	X	X
145	Nguyễn Thị	Hải		10/11/1976	PHT	TH Tân Hòa	01/09/2007	01/3/2008	27/03/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	ĐH	23/08/2017	TC	TA A2	X	X
146	Hoàng Thị	Huế		28/09/1993	GV Văn hóa	TH Tân Hòa	15/09/2014	15/03/2015	27/03/2017	5N5T	2,26	V.07.03.09	CĐ	01/07/2014	X	TA A2	X	X
147	Vũ Thị Á	Phương		20/10/1981	GV Văn hóa	TH Tân Hòa	01/09/2007	01/06/2008	27/03/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	ĐH	01/06/2012	X	TA A2	X	X
148	Nguyễn Thị	Huế		09/08/1992	GV, TP	TH Tân Hòa	25/12/2015	03/03/2016	01/01/2016	4N2T	2,46	V.07.03.09	CĐ	06/02/2017	X	TA A2	X	X
149	Nguyễn Thị	Lan		24/02/1972	GV Văn hóa	TH Tân Hòa	19/10/1993	01/4/1994	27/03/2017	26N4T	4.06+vk 6%	V.07.03.09	CĐ	10/01/2006	X	TA A2	X	X
150	Nguyễn Thị Phương	Thảo		09/10/1977	GVVH	TH Thị trấn B	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N	3,06	V.07.03.09	ĐH	20/10/2000	X	TA A2	X	X
151	Nguyễn Thị	Năm		21/5/1975	GVVH	TH Thị trấn B	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N	3,06	V.07.03.09	ĐH	01/06/2012	X	TA A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
152	Nguyễn Thị Lan	Phương		02/05/1991	GVVH	TH Thị trấn B	15/10/2012	15/04/2013	27/03/2017	6N11T	2,46	V.07.03.09	ĐH	13/06/2012	X	TA A2	X	X
153	Nguyễn Thị	Ánh		06/07/1979	GVAN	TH Thị trấn B	01/01/2005	01/07/2005	27/03/2017	15N1T	3,26	V.07.03.09	ĐH	21/04/2011	X	TA A2	X	X
154	Phạm Xuân	Thọ	09/01/1984		GV Tin học	TH Thị trấn B	09/12/2009	10/09/2010	27/03/2017	9N8T	2,66	V.07.03.09	ĐH	09/10/2008	ĐH	TA A2	X	X
155	Tào Thị	Hương		06/12/1988	GV tin học	TH Đồng Quang A	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3N7T	2.06	V. 07.03.09	CĐ	13/08/2009	CĐ	TA B	X	X
156	Hồ Thị Thúy	Hằng		20/04/1986	GV thể dục	TH Đồng Quang A	01/10/2011	01/11/2011	27/03/2017	8N4T	2.66	V. 07.03.09	CĐ	27/07/2008	X	TA B	X	X
157	Nguyễn Thị Thúy	Hằng		31/10/1982	Giáo viên Mỹ Thuật	TH Đồng Quang A	02/10/2006	02/04/2007	27/03/2017	12N10T	3,06	V. 07.03.09	ĐH	08/08/2012	X	TA B	X	X
158	Nguyễn Thị Lan	Êm		26/04/1986	Tổ trưởng, GV VH	TH Đồng Quang A	01/11/2010	01/05/2011	27/03/2017	8N9T	2,66	V.07.03.09	CĐ	28/07/2008	X	TA B	X	X
159	Phan Thị Thùy	Dương		26/09/1978	Giáo viên Mĩ thuật	TH Đồng Quang A	01/01/2005	01/07/2005	01/07/2017	15N8T	3,26	V.07.03.09	ĐH	01/03/2011	X	TA A2	X	X
160	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		28/11/1970	GV Văn hóa	TH Đồng Quang A	28/08/1993	28/08/1996	27/03/2017	22 N	3,86	V.07.03.09	ĐH	01/10/2005	X	TA C	X	X
161	Đỗ Thị	Hải		05/11/1993	GV Văn hóa	TH Đồng Quang A	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3N7T	2,26	V.07.03.10	CĐ	15/03/2016	X	TA B	X	X
162	Nguyễn Thị	Mai		17/02/1978	GV Văn hóa	TH Đồng Quang A	01/10/2011	01/04/2012	27/03/2017	7N10T	2,46	V.07.03.09	CĐ	26/07/2017	X	TA A2	X	X
163	Nguyễn Thị	Yến		30/11/1978	TP, GV văn hóa	TH Đồng Quang A	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	CĐ	30/08/2000	X	TA A2	X	X
164	Bùi Thị	Nết		20/07/1978	Giáo viên thể dục	TH Đồng Quang A	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	CĐ	23/06/2000	X	TA A2	X	X
165	Đồng Hải	Thịnh		16/12/1977	Giáo viên tiếng Anh	TH Đồng Quang A	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9N8T	3,06	V.07.03.09	CĐ	03/08/2000	X	TP B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đã tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
166	Bùi Thị Bích	Liên		10/08/1990	Giáo viên văn hóa	TH Đồng Quang A	15/09/2014	15/03/2015	27/03/2017	4N11T	2,26	V.07.03.09	CĐ	03/07/2012	X	TA B	X	X
167	Nguyễn Thị Thu	Hà		05/06/1991	GV văn hóa	TH Hòa Thạch A	01/01/2015	01/07/2016	27/3/2017	5N1T	2,06	V.07.03.09	CĐ	11/6/2014	X	TA A2	X	X
168	Nguyễn Thị	Hiền		15/09/1981	Giáo viên văn hóa	TH Tuyết Nghĩa	01/9/2007	01/03/2008	27/03/2017	12N6T	3,06	V.07.03.09	CĐ	20/8/2002	X	TA A2	X	X

Danh sách này gồm có: 168 người.

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND HUYỆN PHÚC THỌ CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Đỗ Kim	Thoan	04/06/1976		Giáo viên-Tổ phó Tổ 5	TH Liên Hiệp	01/9/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm	3.06	V.07.03.09	CĐ	11/1997	x	Anh C	x	x
2	Nguyễn Thị	Giáp		20/03/1973	Giáo viên-Tổ phó Tổ 2	TH Liên Hiệp	01/01/1993	01/01/1993	27/03/2017	27 năm, 01 tháng	4.06 VK 6%	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh C	x	x
3	Vương Thị	Lê		24/01/1972	Giáo viên	TH Liên Hiệp	01/11/1993	30/09/1995	27/03/2017	24 năm,5 tháng	4.06 VK 6%	V.07.03.09	ĐH	03/2006	x	Anh C	x	x
4	Lê Quang	Khải	06/06/1977		Giáo viên	TH Liên Hiệp	01/12/2009	01/01/2010	27/03/2017	10 năm, 01 tháng	3.06	V.07.03.09	CĐ	12/1999	x	Anh B	x	x
5	Hoàng Thị	Tảo		28/10/1970	Giáo viên	TH Liên Hiệp	05/9/1990	01/9/1991	27/03/2017	28 năm 5 tháng	4.06 VK 7%	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh C	x	x
6	Đỗ Thị	Nhàn		04/12/1985	Giáo viên	TH Liên Hiệp	01/11/2012	01/11/2012	27/03/2017	7 năm, 5 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐ	07/2008	x	Anh C	x	x
7	Đỗ Thị Thu	Hiền		22/10/1983	Giáo viên	TH Liên Hiệp	01/11/2012	01/11/2012	27/03/2017	7 năm , 5 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐ	07/2005	x	Anh C	x	x
8	Trần Thị	Nhung		18/09/1987	Giáo viên	TH Liên Hiệp	01/01/2016	01/07/2016	01/01/2016	3 năm 8 tháng	2.06	V.07.03.09	CĐ	03/2015	Trung cấp	Anh B	x	x
9	Đỗ Thị	Xuân		27/12/1980	Giáo viên	TH Liên Hiệp	01/9/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm	3.06	V.07.03.09	CĐ	08/2002	x	Anh C	x	x
10	Đỗ Thị	Giáp		10/03/1984	Giáo viên	TH Liên Hiệp	01/9/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm	3.06	V.07.03.09	ĐH	02/2012	x	Anh C	x	x
11	Nguyễn Văn	Pháp	02/02/1984		Giáo viên	TH Liên Hiệp	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 9 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	04/2009	Đại học	Anh C	x	x
12	Trần Quang	Khải	23/08/1978		Phó hiệu trưởng	TH Hiệp Thuận	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	08/2001	x	Pháp C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số hưởng	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
13	Kiều Thị	Liệu		09/11/1987	Giáo viên	TH Hiệp Thuận	01/11/2012	01/05/2013	27/03/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	08/2009	x	Anh C	x	x
14	Đỗ Thị Duy	Linh		10/06/1991	Giáo viên	TH Hiệp Thuận	15/10/2012	15/10/2012	27/03/2017	7 năm 4 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh B	x	x
15	Trần Thị	Thuý		28/06/1974	Giáo viên	TH Hiệp Thuận	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	02/1999	x	Anh C	x	x
16	Trần Thị	Ngâm		24/11/1972	Giáo viên	TH Hiệp Thuận	01/11/1993	30/05/1995	27/03/2017	26 năm 3 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	04/2006	x	Anh C	x	x
17	Đỗ Thị Tú	Oanh		25/05/1970	Giáo viên	TH Hiệp Thuận	01/09/1990	01/03/1992	27/03/2017	27 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh C	x	x
18	Trần Quang	Huân	10/08/1971		Giáo viên	TH Hiệp Thuận	01/09/1990	01/03/1992	27/03/2017	27 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh C	x	x
19	Nguyễn Thị	Hương		07/01/1986	Giáo viên	TH Hiệp Thuận	01/11/2010	01/05/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh C	x	x
20	Nguyễn Thị	Thái		03/08/1983	Giáo viên	TH Hiệp Thuận	25/12/2015	01/01/2016	01/01/2016	4 năm 1 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ	06/2014	x	Anh B	x	x
21	Lường Thị Kim	Thoa		22/05/1988	Giáo viên	TH Hiệp Thuận	15/09/2014	15/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ	02/2012	x	Anh C	x	x
22	Trần Thị	Hồng		24/11/1968	Giáo viên	TH Hiệp Thuận	01/09/1989	01/09/1991	27/03/2017	28 năm 5 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	x	x
23	Nguyễn Thị Hồng	Suốt		06/11/1987	Giáo viên	TH Hiệp Thuận	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	08/2009	Cao đẳng	Anh C	x	x
24	Nguyễn Thuý	Hoàn		31/07/1983	Giáo viên	TH Hiệp Thuận	01/12/2010	01/06/2011	27/03/2017	8 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	06/2008	x	Trung B	x	x
25	Nguyễn Thị	Đọn		20/5/1970	Giáo viên	TH Tam Hiệp	05/09/1990	01/09/1992	27/03/2017	27 năm 7 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh C	x	x
26	Nguyễn Thị	Hà		06/06/1981	Giáo viên	TH Tam Hiệp	15/09/2014	15/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	2/2019	x	Anh B	x	x
27	Hoàng Thị	Hạnh		06/02/1987	Giáo viên	TH Tam Hiệp	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	8/2012	x	Anh C	x	x
28	Trần Thị	Hiền		27/4/1974	Giáo viên	TH Tam Hiệp	15/08/1997	02/12/1998	27/03/2017	21 năm 10 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
29	Nguyễn Thị	Hoa		18/01/1974	Giáo viên	TH Tam Hiệp	01/11/1993	30/05/1995	27/03/2017	24 năm 9 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh C	x	x
30	Nguyễn Thị Thu	Hòa		07/10/1974	Giáo viên	TH Tam Hiệp	01/09/1993	01/05/1995	27/03/2017	24 năm 9 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh C	x	x
31	Đỗ Thị	Liễu		03/03/1972	Giáo viên	TH Tam Hiệp	03/11/1993	30/05/1995	27/03/2017	24 năm 9 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	4/2006	x	Anh C	x	x
32	Đỗ Thị Hồng	Nhung		09/11/1991	Giáo viên	TH Tam Hiệp	1/10/2011	01/04/2012	27/03/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh C	x	x
33	Trần Thị	Phượng		20/08/1975	Giáo viên	TH Tam Hiệp	15/08/1997	02/12/1998	27/03/2017	21 năm 10 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh C	x	x
34	Trần Thị Kim	Oanh		25/09/1973	Giáo viên	TH Tam Hiệp	01/09/1993	01/03/1995	27/03/2017	24 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh C	x	x
35	Nguyễn Văn	Thọ	30/11/1966		Giáo viên	TH Tam Hiệp	14/09/1990	14/03/1992	27/03/2017	27 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh C	x	x
36	Nguyễn Hòa	Thanh	05/03/1978		Giáo viên	TH Tam Hiệp	01/12/2009	01/01/2010	27/03/2017	10 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	11/1999	x	Anh C	x	x
37	Đỗ Thị	Thủy		07/10/1972	Giáo viên	TH Tam Hiệp	05/09/1991	01/05/1993	27/03/2017	26 năm 9 tháng	4,06	V.07.03.09	CĐ	6/2006	x	Anh C	x	x
38	Vương Quốc	Trọng	15/12/1972		Giáo viên	TH Tam Hiệp	23/03/1994	01/03/1995	27/03/2017	24 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh C	x	x
39	Đỗ Thúy	Vân		09/02/1987	Giáo viên	TH Tam Hiệp	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	8/2012	x	Anh C	x	x
40	Trần Thị	Yến		30/01/1973	Giáo viên	TH Tam Hiệp	31/01/1994	30/05/1995	27/03/2017	24 năm 9 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Tiếng Anh C	x	x
41	Đỗ Hoành	Đạt	06/03/1982		Giáo viên	TH Tam Hiệp	01/01/2005	01/07/2005	27/03/2017	14 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	3/2011	x	Anh C	x	x
42	Nguyễn Thị	Hạnh		15/ 11/ 1975	Tổ trưởng - Giáo viên	TH Ngọc Tảo	01/11/1996	08/04/ 1998	27/03/ 2017	21 năm 10 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/ 2005	x	Anh B	x	x
43	Nguyễn Thị	Hằng		15/071979	Giáo viên	TH Ngọc Tảo	01/12/2009	01/01/2010	27/03/2017	10 năm 2 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	08/ 2011	x	Anh B	x	x
44	Dương Thị	Thắm		08/11/1987	Giáo viên	TH Ngọc Tảo	01/11/2011	01/11/2011	27/03/2017	8 năm 3 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐ	08/ 2010	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
45	Trần Thị Thu	Hương		09/09/1979	Giáo viên	Trường TH Ngọc Tảo	01/12/2010	01/06/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	08/ 2002	x	Anh C	x	x
46	Nguyễn Văn	Vân	23/07/1986		Giáo viên	TH Ngọc Tảo	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	04/ 2011	x	Anh C	x	x
47	Cấn Ngọc	Việt	21/08/1983		Giáo viên	TH Ngọc Tảo	01/12/2009	01/01/2010	27/03/2017	10 năm 02 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	01/ 2019	x	Anh C	x	x
48	Đỗ Thị	Thủy		25/12/1993	Giáo viên	TH Ngọc Tảo	15/09/2014	15/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ	06/ 2014	x	Anh B	x	x
49	Trần Xuân	Đát	16/02/1979		Giáo viên	TH Ngọc Tảo	01/12/2009	01/01/2010	27/03/2017	11năm 2 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	08/ 2001	Cao đẳng	Anh B	x	x
50	Khuất Văn	Toàn	19/07/1976		Giáo viên	TH Ngọc Tảo	01/11/2010	01/12/2010	27/03/2017	9 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	12/ 1999	x	Anh C	x	x
51	Cấn Thị	Nhàn		13/05/1985	Giáo viên	TH Ngọc Tảo	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	08/2013	x	Anh C	x	x
52	Vũ Thị Lan	Hương		09/11/1985	Giáo viên	TH Ngọc Tảo	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	04/ 2011	x	Anh B	x	x
53	Hoàng Thị	Loan		16/06/1978	Giáo viên	TH Ngọc Tảo	01/12/2009	01/06//2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	08/ 2000	x	Pháp C	x	x
54	Dương Mạnh	Hiếu	01/03/1991		Giáo viên	TH Ngọc Tảo	15/09/2014	15/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	12/ 2013	x	Anh C	x	x
55	Đỗ Thị Thanh	Hương		05/04/1969	Giáo viên	TH Ngọc Tảo	01/09/1991	01/04/1993	27/03/2017	26 năm 10 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	04/ 2006	x	Anh C	x	x
56	Nguyễn Thị	Huyền		12/01/1981	Giáo viên	TH Phụng Thượng	01/9/2007	01/3/2008	27/3/2017	12năm	3,06	V.07.03.09	CĐ	8/2002	x	Anh C	x	x
57	Vũ Văn	Toàn	07/3/1987		Giáo viên	TH Phụng Thượng	01/12/2009	1/6/2010	27/3/2017	9năm 9tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	8/2009	x	Anh C	x	x
58	Dương Thị	Phương		09/11/1980	Giáo viên	TH Phụng Thượng	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	10năm 2tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Anh B	x	x
59	Kiều Thị	Hằng		15/6/1980	Giáo viên	TH Phụng Thượng	04/9/2007	05/5/2008	27/3/2017	11năm 10tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	4/2011	x	Anh B	x	x
60	Nguyễn Thị	Quyên		11/11/1991	Giáo viên	TH Phụng Thượng	15/10/2012	15/4/2013	27/3/2017	7năm 5tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	4/2016	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
61	Nguyễn Thị	Nga		06/5/1978	Giáo viên	TH Phụng Thượng	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	10 năm 2tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	11/1999	x	Pháp C	x	x
62	Nguyễn Đình	Quang	27/10/1976		Giáo viên	TH Phụng Thượng	24/8/1996	06/3/1998	27/3/2017	23năm	3,86	V.07.03.09	ĐH	4/2006	x	Anh B	x	x
63	Trần Thị	Nguyên		17/10/1982	Giáo viên	TH Phụng Thượng	01/11/2012	01/11/2012	27/3/2017	7năm 4tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	7/2004	x	Anh B	x	x
64	Hoàng Thị	Dung		13/7/1985	Giáo viên	TH Phụng Thượng	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9năm 9tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	9/2009	Cao đẳng	Anh B	x	x
65	Nguyễn Thị Kiều	Liên		13/5/1974	Giáo viên	TH Phụng Thượng	08/10/1996	08/4/1998	27/3/2017	21năm 11tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	4/2006	x	Anh B	x	x
66	Nguyễn Thị Thu	Hương		26/6/1983	Giáo viên	TH Phụng Thượng	04/9/2007	05/5/2008	27/3/2017	11năm 10tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	12/2005	x	Anh B	x	x
67	Nguyễn Thị Vân	Anh		12/12/1978	Phó Hiệu trưởng	TH Thị trấn Phúc Thọ	01/09/ 2006	01/03/ 2007	27/03/ 2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh A2	X	x
68	Đỗ Mạnh	Cường	14/01/1980		Tổ phó	TH Thị trấn Phúc Thọ	12/ 2009	01/12/ 2009	27/03/ 2017	10 năm 2 tháng	3,07	V.07.03.09	ĐH	11/2009	x	Anh A2	X	x
69	Hoàng Thị Thu	Hà		31/12/1991	Tổ phó	TH Thị trấn Phúc Thọ	01/10/2011	01/04/ 2012	27/03/ 2017	7năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh Bậc	X	x
70	Nguyễn Thị Hồng	Nga		04/03/1986	Giáo viên	TH Thị trấn Phúc Thọ	01/11/ 2010	04/07/ 2011	27/03/ 2017	8 năm 5 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	8/2009	x	Anh B	X	x
71	Nguyễn Thị	Hương		29/9/1991	Tổ phó	TH Thị trấn Phúc Thọ	01/11/2012	01/05/ 2013	27/03/ 2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	04/2018	x	Anh B	X	x
72	Hà Thị	Thuận		16/07/1969	Tổ trưởng	TH Thị trấn Phúc Thọ	05/09/1990	01/03/ 1992	27/03/ 2017	26 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	X	x
73	Trịnh Thị	Loan		27/08/1972	Giáo viên	TH Thị trấn Phúc Thọ	31/12/1993	31/01/ 1994	27/03/ 2017	24 năm 9 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Anh B	X	x
74	Dương Thị	Quyên		18/12/1979	Giáo viên	TH Thị trấn Phúc Thọ	01/01/2005	01/07/ 2005	27/03/ 2017	14 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	04/2011	x	Anh B	X	x
75	Khuất Thị	Hằng		11/03/1983	Giáo viên	TH Thị trấn Phúc Thọ	01/01/2005	01/07/ 2005	27/03/ 2017	14 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	03/2011	x	Anh B	X	x
76	Nguyễn Thị	Thúy		10/11/1985	Giáo viên	TH Thị trấn Phúc Thọ	10/10/2011	10/04/ 2012	27/03/ 2017	7 năm 10	2,46	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	Anh B	X	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
77	Trần Thị Út	Nga		06/06/1979	Giáo viên	TH Thị trấn Phúc Thọ	01/09/2010	01/03/ 2011	27/03/ 2017	8 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	Anh B	X	x
78	Đoàn Thanh	Huyền		15/5/1985	Giáo viên	TH Thị trấn Phúc Thọ	01/12/2009	01/10/ 2010	27/03/ 2017	9 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	07/2006	Cao đẳng	Anh B	X	x
79	Nguyễn Thị Minh	Quyên		03/3/1970	Giáo viên	TH Trạch Mỹ Lộc	5/9/1990	01/3/1992	27/3/2017	27 năm 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	x	x
80	Vũ Thị	Nương		25/4/1994	Giáo viên	TH Trạch Mỹ Lộc	10/9/2014	10/3/2015	17/4/2017	4 năm 11tháng	2.26	V.07.03.09	ĐH	02/2019.	x	Anh C	x	x
81	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa		15/2/1981	Giáo viên	TH Trạch Mỹ Lộc	01/10/2014	01/4/2015	28/3/2017	4 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	Anh B1	x	x
82	Nguyễn Thị	Hiền		06/12/1976	Giáo viên	TH Trạch Mỹ Lộc	15/08/1997	01/12/1998	27/3/2017	21 năm 2 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	x	x
83	Phùng Thị	Nga		02/11/1984	Giáo viên	TH Trạch Mỹ Lộc	01/9/2007	01/03/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	8/2012	x	Anh C	x	x
84	Khuất Thị Thanh	Hoa		07/2/1979	Giáo viên	TH Trạch Mỹ Lộc	01/9/2007	01/02/2008	27/3/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	CĐ	11/1999	x	Anh C	x	x
85	Nguyễn Thị Phương	Lý		24/10/1984	Giáo viên	TH Trạch Mỹ Lộc	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	10 năm 1 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	07/2011	x	Anh C	x	x
86	Nguyễn Thị	Lý		04/9/1978	Giáo viên	TH Trạch Mỹ Lộc	01/12/2009	01/06/2010	27/3/2017	8 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	9/1999	Cao đẳng	Anh B	x	x
87	Nguyễn Thị	Bích		13/2/1985	Giáo viên	TH Trạch Mỹ Lộc	01/09/2007	01/03/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	3/2011	x	Anh B	x	x
88	Hoàng Thị	Vân		30/8/1973	Giáo viên	TH Trạch Mỹ Lộc	21/10/1992	21/4/1994	27/3/2017	24 năm 10 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	x	x
89	Nguyễn Thanh	Nhạn		25/1/1980	Giáo viên	TH Trạch Mỹ Lộc	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	10 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	8/2002	x	Anh C	x	x
90	Trương Mai	Hương		14/2/1972	Giáo viên	TH Trạch Mỹ Lộc	06/11/1992	06/5/1994	27/3/2017	2 5 năm 9tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	x	x
91	Hoàng Thị Tuyết	Mai		13/6/1985	Giáo viên	TH Trạch Mỹ Lộc	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	10 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	12/2010	x	Anh B	x	x
92	Huỳnh Thị Thanh	Hoa		17/3/1972	Hiệu trưởng	TH Thọ Lộc	05/9/1991	5/3/1993	27/3/2017	26 năm 10 tháng	4.06 VK9%	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	X	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
93	Khuất Thị	Thu		19/4/1985	Giáo viên	TH Thọ Lộc	01/9/2007	1/3/2008	27/3/2017	11 năm 10 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	4/2011	x	Anh A2	X	x
94	Nguyễn Thị Lệ	Quyên		10/12/1981	Giáo viên	TH Thọ Lộc	01/1/2005	1/7/2005	27/3/2017	14 năm 10 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	3/2011	x	Anh A2	X	x
95	Nguyễn Thị	Hà		31/3/1983	Giáo viên	TH Thọ Lộc	01/10/2006	1/4/2007	27/3/2017	12 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	3/2011	x	Anh B	X	x
96	Nguyễn Thị	Loan		9/7/1991	Giáo viên	TH Thọ Lộc	1/11/2012	1/11/2012	11/4/2017	7 năm 02 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh B	X	x
97	Nguyễn Thị	Úy		6/11/1973	Giáo viên	TH Thọ Lộc	06/9/1995	05/5/1997	27/3/2017	22 năm 8 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	X	x
98	Trần Thị	Anh		23/10/1978	Giáo viên	TH Thọ Lộc	01/9/1999	1/3/2000	27/3/2017	19 năm 11 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐH	2012	x	Anh B	X	x
99	Bùi Thị Hồng	Liên		24/6/1976	Giáo viên	TH Thọ Lộc	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	11năm	3,06	V.07.03.09	CĐ	8/1996	x	Pháp B	X	x
100	Đào Thị Việt	Bắc		28/5/1979	Giáo viên	TH Thọ Lộc	01/9/2007	01/3/2008	27/3/2017	11 năm 10 tháng	3.06	V.07.03.09	CĐ	8/2000	x	Anh B	X	x
101	Nguyễn Thị	Huệ		10/11/1981	Giáo viên	TH Thọ Lộc	01/9/2007	29/2/2008	27/3/2017	11 năm 10 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	5/2007	x	Anh B	X	x
102	Nguyễn Thị	Tuyến		15/11/1978	Giáo viên	TH Thọ Lộc	01/01/2005	1/7/2005	27/3/2017	14 năm 6 tháng	3.26	V.07.03.09	ĐH	3/2011	x	Anh C	X	x
103	Đỗ Thị	Lý		04/4/1983	Giáo viên	TH Thọ Lộc	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	10 năm 1 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	11/2008	x	Anh A2	X	x
104	Nguyễn Thị Thu	Dung		05/5/1985	Giáo viên	TH Thọ Lộc	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm 7 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐ	07/2006	Cao đẳng	Anh A2	X	x
105	Chu Thị An	Hoa		21/8/1983	Giáo viên	TH Thọ Lộc	15/10/2012	22/5/2013	27/3/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	Anh B	X	x
106	Nguyễn Thị Phương	Liên		15/11/1993	Giáo viên	TH Thọ Lộc	15/9/2014	15/3/2015	27/3/2017	4 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	Anh B	X	x
107	Nguyễn Thị	Thùy		23/7/1990	Giáo viên	TH Thọ Lộc	15/9/2014	15/3/2015	27/3/2017	4 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	Anh B	X	x
108	Khuất Thị	Sơn		18/9/1971	Giáo viên	TH Tích Giang	30/11/1993	30/9/1995	27/3/2017	27 năm	4,06 VK 6%	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
109	Nguyễn Thị Kim	Dung		26/7/1979	Giáo viên	TH Tích Giang	01/01/2005	01/7/2005	27/3/2017	15 năm	3,26	V.07.03.09	ĐH	4/2011	x	Anh C	x	x
110	Hà Thị Kim	Cúc		25/01/1980	Giáo viên	TH Tích Giang	01/01/2005	01/7/2005	27/3/2017	15 năm	3,26	V.07.03.09	ĐH	3/2011	x	Anh B	x	x
111	Trương Thị Thu	Hà		09/3/1982	Giáo viên	TH Tích Giang	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	11 năm	2,66	V.07.03.09	ĐH	01/2006	Đại học	Anh C	x	x
112	Nguyễn Thị	Xuân		19/11/1985	Giáo viên	TH Tích Giang	01/9/2007	01/3/2008	27/3/2017	13 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	8/2012	x	Anh C	x	x
113	Phạm Thị Mai	Anh		29/8/1977	Giáo viên	TH Tích Giang	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	11 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	6/2002	x	Pháp B	x	x
114	Kiều Thị	Thu		28/10/1987	Giáo viên	TH Tích Giang	10/10/2011	01/11/2011	27/3/2017	10 năm	2,66	V.07.03.09	ĐH	2/2012	x	Anh C	x	x
115	Nguyễn Thị Thu	Thành		05/12/1987	Giáo viên	TH Tích Giang	01/11/2012	01/11/2012	27/3/2017	10 năm	2,66	V.07.03.09	ĐH	2/2012	x	Anh C	x	x
116	Nguyễn Thị Minh	Châm		04/12/1985	Giáo viên	TH Tích Giang	10/10/2011	10/7/2012	27/3/2017	9 năm	2,46	V.07.03.09	CĐ	02/2008	x	Anh C	x	x
117	Đoàn Công	Nghĩa	27/3/1978		Giáo viên	TH Tích Giang	10/10/2011	04/10/2012	27/3/2017	9 năm	2,46	V.07.03.09	ĐH	06/2000	x	Anh C	x	x
118	Nguyễn Thị Lan	Anh		05/07/1980	Phó hiệu trưởng	TH Sen Chiểu	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	10 năm 1 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh B	x	x
119	Nguyễn Thị	Thịnh		18/9/1972	Giáo viên	TH Sen Chiểu	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	10 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	03/1996	x	Pháp B	x	x
120	Đặng Thị	Dinh		10/3/1988	Giáo viên	TH Sen Chiểu	01/10/2011	01/4/2012	27/3/2017	7 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	08/2017	x	Anh A2	x	x
121	Kiều Thị Hoài	Thương		25/11/1993	Giáo viên	TH Sen Chiểu	15/09/2014	15/09/2014	27/3/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	01/2019	x	Anh C	x	x
122	Khuất Thị	Hiền		03/03/1982	Giáo viên	TH Sen Chiểu	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	10 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/2012	x	Anh B	x	x
123	Trịnh Phi	Hoàng	15/1/1990		Giáo viên	TH Sen Chiểu	15/09/2014	10/06/2015	27/3/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	07/2017	x	Anh B	x	x
124	Nguyễn Thị	Hồng		11/07/1977	Giáo viên	TH Sen Chiểu	01/09/2007	01/02/2008	27/03/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/2012	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
125	Nguyễn Thị Hồng	Chuyên		27/10/1983	Giáo viên	TH Sen Chiều	01/01/2005	01/07/2005	27/03/2017	14 năm 6 tháng	3.26	V.07.03.09	ĐH	03/2011	x	Anh A2	x	x
126	Đào Thị Thu	Hằng		01/12/1981	Giáo viên	TH Võng Xuyên A	10/10/2011	01/11/2011	27/03/2017	8 năm 03 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/2012	x	Pháp C	x	x
127	Phùng Tuấn	Anh	26/10/1979		Giáo viên	TH Võng Xuyên A	29/12/2000	01/07/2001	27/03/2017	18 năm 7 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh C	x	x
128	Phạm Thị	Thiện		21/11/1988	Giáo viên	TH Võng Xuyên A	01/11/2012	01/11/2012	27/03/2017	7 năm 3 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	Anh C	x	x
129	Nguyễn Thị	Oanh		29/10/1982	Giáo viên	TH Võng Xuyên A	01/12/2009	01/01/2010	27/03/2017	10 năm 01 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	08/2016	x	Pháp C	x	x
130	Bùi Thị	Lan		14/9/1986	Giáo viên	TH Võng Xuyên A	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm 01 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/2012	x	Anh C	x	x
131	Ngô Thị	Hạnh		02/11/1991	Giáo viên	TH Võng Xuyên A	01/11/2012	01/05/2013	27/03/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	04/2018	x	Anh C	x	x
132	Nguyễn Thị Minh	Phương		23/02/1979	Giáo viên	TH Võng Xuyên A	01/11/2012	01/11/2012	27/03/2017	7 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	05/2005	x	Anh C	x	x
133	Kiều Thị	Mai		13/06/1987	Giáo viên	TH Võng Xuyên A	10/10/2011	01/11/2011	27/03/2017	8 năm 03 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh C	x	x
134	Khuất Thị	Vân		02/12/1984	Giáo viên	TH Võng Xuyên A	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm 01 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	09/2005	x	Anh C	x	x
135	Nguyễn Thị	Thanh		24/8/1982	Giáo viên	TH Võng Xuyên B	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	8/2009	Đại học	Anh C	x	x
136	Nguyễn Thị	Hồng		21/02/1984	Tổ trưởng CM	TH Võng Xuyên B	01/11/2010	01/5/2011	27/3/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	Anh B	x	x
137	Đoàn Thị	Xuân		02/12/1990	Tổ trưởng CM	TH Võng Xuyên B	01/11/2012	01/11/2012	27/3/2017	7 năm 3 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐ	7/2011	x	Anh C	x	x
138	Nguyễn .T. Minh	Ngọc		22/01/1978	Giáo viên	TH Võng Xuyên B	01/11/2012	01/11/2012	27/3/2017	7 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	2/2012	x	Anh B	x	x
139	Nguyễn Thị	Ngân		18/4/1978	Giáo viên	TH Võng Xuyên B	01/01/2005	01/7/2005	27/3/2017	14 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	4/2011	x	Anh B	x	x
140	Khuất Thị Kim	Ngân		01/9/1974	Giáo viên	TH Võng Xuyên B	08/10/1996	08/8/1998	27/3/2017	21 năm 6 tháng	3.86	V.07.03.09	ĐH	5/2007	x	Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTDCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
141	Lê Thị Mai	Lan		25/10/1982	Tổ trưởng CM	TH Võng Xuyên B	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	10 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	2/2012	x	Anh C	x	x
142	Vũ Thị	Hường		12/6/1977	Giáo viên	TH Võng Xuyên B	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	10 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2003	x	Anh C	x	x
143	Nguyễn Thị	Hường		10/8/1990	Giáo viên	TH Võng Xuyên B	08/01/2016	10/01/2016	27/3/2017	4 năm 1 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	6/2013	x	Anh B	x	x
144	Khuất Thị Khánh	Hòa		03/01/1977	Giáo viên	TH Võng Xuyên B	01/11/2010	01/5/2011	27/3/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	02/2014	x	Anh B	x	x
145	Nguyễn Thị	Yến		30/3/1994	Giáo viên	TH Võng Xuyên B	15/9/2014	15/3/2015	27/3/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	Anh B	x	x
146	Đặng Thị Hồng	Linh		23/8/1992	Giáo viên	TH Võng Xuyên B	15/9/2014	15/3/2015	27/3/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ	6/2014	x	Anh B	x	x
147	Nguyễn Nho	Quân	18/09/1981		Giáo viên	TH Long Xuyên	01/12/2009	01/01/2010	27/03/2017	10 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	7/2004	x	Anh C	X	x
148	Ngô Thị	Ngọ		12/10/1990	Giáo viên	TH Long Xuyên	01/11/2010	01/05/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh B	X	x
149	Dương Thị Thanh	Thuỷ		26/07/1976	Giáo viên	TH Long Xuyên	04/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	06/1998	x	Anh C	X	x
150	Phan Thị	Minh		15/09/1983	Giáo viên	TH Long Xuyên	29/09/2012	10/01/2013	27/03/2017	7 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	07/2004	x	Anh A2	X	x
151	Nguyễn Thị Kim	Hường		20/10/1985	Giáo viên	TH Long Xuyên	29/10/2012	10/01/2013	27/03/2017	7 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	06/2006	x	AnhC	X	x
152	Đào Thị Thuý	Lan		02/11/1988	Giáo viên	TH Long Xuyên	01/11/2010	01/05/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	08/2009	x	Anh C	X	x
153	Đỗ Thị	Thịnh		02/05/1987	Giáo viên	TH Long Xuyên	01/112010	01/05/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	08/2010	x	Anh C	X	x
154	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		17/11/1974	Giáo viên	TH Long Xuyên	01/10/1997	02/12/1998	27/03/2017	22 năm 5 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	Anh B	X	x
155	Hà Thị Thu	Hương		25/10/1989	Giáo viên	TH Long Xuyên	01/11/2012	01/05/2013	27/03/2017	7 năm 7 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	3/2012	x	Anh A2	X	x
156	Hoàng Thị	Hà		20/10/1987	Giáo viên	TH Long Xuyên	09/12/2010	01/06/2011	27/03/2017	8 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	07/2009	x	Anh A2	X	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
157	Đặng Thị Thu	Hương		12/04/1979	Giáo viên	TH Long Xuyên	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	06/1999	x	Anh B	X	x
158	Dương Thị	Luận		07/01/1980	Giáo viên	TH Long Xuyên	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH	08/2001	x	Anh C	X	x
159	Nguyễn Thị	Hảo		03/11/1984	Giáo viên	TH Long Xuyên	31/08/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH	07/2007	x	Anh C	X	x
160	Kiều Thị Mai	Hương		29/06/1990	Giáo viên	TH Long Xuyên	1/11/2010	1/05/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh B	X	x
161	Bùi Thị	Phượng		28/07/1979	Giáo viên	TH Long Xuyên	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/1999	x	Anh C	X	x
162	Trương Thị Kim	Oanh		04/12/1980	Giáo viên	TH Long Xuyên	01/09/2007	30/06/2008	27/03/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	04/2011	x	Anh C	X	x
163	Nguyễn Duy	Tuấn	07/01/1979		Giáo viên	TH Long Xuyên	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	10 năm 2 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	07/2001	x	Pháp C	X	x
164	Nguyễn Thị	Mai		08/10/1979	Giáo viên	TH Long Xuyên	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	08/2000	x	Anh B	X	x
165	Dương Thị	Lan		23/08/1985	Giáo viên	TH Long Xuyên	01/01/2016	05/02/2016	27/03/2017	5 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH	08/2012	x	Anh A2	X	x
166	Nguyễn Thị	Đào		*28/9/1976*	Tổ trưởng-Giáo viên	TH Thượng Cốc	01/11/2012	10/01/2013	27/3/2017	07 năm 2 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	02/1999	x	Anh C	x	x
167	Kiều Thị	Hường		27/12/1988	Giáo viên	TH Thượng Cốc	01/11/2012	10/01/2013	27/3/2017	07 năm 2 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	9/2015	x	Anh C	x	x
168	Hoàng Thị Kim	Trang		24/12/1990	Giáo viên	TH Thượng Cốc	08/01/2016	08/01/2016	08/01/2016	04 năm 1 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	8/2013	x	Anh A2	x	x
169	Mai Thị Thuý	Hằng		22/8/1981	Giáo viên	TH Thượng Cốc	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	10 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Anh B	x	x
170	Kiều Thị	Liên		16/12/1981	Giáo viên	TH Thượng Cốc	01/12/2009	01/06/2010	27/3/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	10/2006	Cao đẳng	Anh C	x	x
171	Khuất Thị Bích	Hằng		12/11/1978	Tổ trưởng-Giáo viên	TH Thượng Cốc	01/11/2011	01/11/2011	27/3/2017	9 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/2012	x	Anh C	x	x
172	Nguyễn Thế	Trường	20/4/1978		Tổ trưởng-Giáo viên	TH Thượng Cốc	01/9/2000	01/03/2001	27/3/2017	20 năm 1 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐH	02/2011	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
173	Dương Thị Minh	Huệ		02/08/1979	Giáo viên	TH Vân Phúc	01/09/2007	01/03/2008	27/3/2017	12 năm 6 tháng	3.06	V.07.03.09	CĐ	8/2000	x	Anh C	x	x
174	Bùi Thị	Thủy		06/08/1983	Giáo viên	TH Vân Phúc	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	11 năm 0 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	8/2004	x	Anh C	x	x
175	Đinh Thị	Thủy		08/09/1985	Giáo viên	TH Vân Phúc	01/9/2014	01/09/2014	27/3/2017	5 năm 6 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	8/2007	x	Anh C	x	x
176	Hồ Thị	Hồng		02/01/1984	Giáo viên	TH Vân Phúc	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	11 năm 0 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	7/2006	x	Anh C	x	x
177	Bùi Thị Minh	Thái		03/01/1979	Giáo viên	TH Vân Phúc	07/9/2007	23/6/2008	27/3/2017	12 năm 6 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	10/2003	x	Anh C	x	x
178	Nguyễn Thị Hồng	Chung		03/7/1979	Giáo viên	TH Vân Nam	01/11/2012	10/1/2013	27/3/2017	6 năm 01 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	10/2003	x	Anh B	x	x
179	Đỗ Thị Bé	Hà		18/6/1979	Giáo viên	TH Vân Nam	01/9/2007	01/7/2008	27/3/2017	11 năm 7 tháng	3.06	V.07.03.09	CĐ	8/2001	x	Anh B	x	x
180	Cao Thị	Hiền		25/9/1975	Giáo viên	TH Vân Nam	25/10/1995	25/4/1997	27/3/2017	22 năm 10 tháng	4.06	V.07.03.09	CĐ	6/2006	x	Anh A2	x	x
181	Trần Thị	Vui		27/4/1980	Giáo viên	TH Vân Nam	01/01/2005	01/7/2005	27/3/2017	14 năm 8 tháng	3.26	V.07.03.09	ĐH	04/2011	x	Anh B	x	x
182	Đào Thị Lệ	Xuân		08/01/1982	Giáo viên	TH Vân Nam	01/9/2007	01/3/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	CĐ	7/2003	x	Anh B	x	x
183	Trần Thị	Giang		03/02/1978	Giáo viên	TH Hát Môn	01/11/2012	01/11/2012	27/03/2017	9 năm 3 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	7/2003	x	Anh C	x	x
184	Vũ Thị Kim	Oanh		10/09/1985	Giáo viên	TH Hát Môn	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm 5 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh C	x	x
185	Đinh Thị	Vinh		07/10/1983	Giáo viên	TH Hát Môn	01/01/2005	01/10/2005	27/03/2017	15 năm 1 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	3/2011	x	Anh B	x	x
186	Thế Thị	Nhung		08/01/1980	Giáo viên	TH Hát Môn	01/01/2005	01/10/2005	27/03/2017	15 năm 1 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	4/2011	x	Anh C	x	x
187	Lê Thị	Lài		10/06/1975	Giáo viên	TH Hát Môn	25/08/1994	15/02/1995	27/03/2017	25 năm 6 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh C	x	x
188	Hoàng Thị Lệ	Thủy		20/08/1991	Giáo viên	TH Thanh Đa	01/10/2011	01/04/2012	27/03/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTDCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
189	Nguyễn Thị Vân	Anh		20/12/1982	Giáo viên	TH Thanh Đa	05/01/2005	01/07/2005	27/03/2017	14 năm8 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	02/2011	x	Anh C	x	x
190	Đặng Thị	Bình		28/08/1980	Giáo viên	TH Thanh Đa	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm 0 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	02/2005	x	Anh C	x	x
191	Nguyễn Thị	Thắng		02/04/1987	Giáo viên-Tổ trưởng CM	TH Thanh Đa	01/11/2010	01/05/2011	27/03/2017	8 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh C	x	x
192	Nguyễn Thị Kim	Anh		16/11/1991	Giáo viên	TH Thanh Đa	01/11/2012	01/05/2013	27/03/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	07/2012	x	Anh C	x	x
193	Nguyễn Thị Thu	Trang		02/03/1984	Giáo viên	TH Thanh Đa	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm 0 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	04/2011	x	Anh C	x	x
194	Trịnh Thị Tố	Như		20/01/1986	Giáo viên	TH Thanh Đa	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm 0 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/2012	x	Anh C	x	x
195	Hoàng Thị Cẩm	Vân		08/08/1990	Giáo viên	TH Thanh Đa	01/11/2012	01/05/2013	27/03/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	07/2012	x	Anh C	x	x
196	Nguyễn Thị Thu	Hà		01/08/1977	Giáo viên	TH Thanh Đa	01/12/2009	01/01/2010	27/03/2017	10 năm 2 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	05/2018	x	Anh C	x	x
197	Đỗ Thị Ngọc	Thúy		15/10/1984	Giáo viên	TH Thanh Đa	15/10/2012	30/04/2013	27/03/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh B	x	x
198	Nguyễn Thị	Hòa		24/12/1992	Giáo viên	TH Thanh Đa	15/09/2014	15/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	08/2017	x	Anh C	x	x
199	Trịnh Thị Phương	Thu		20/11/1981	Giáo viên	TH Tam Thuấn	01/9/2007	01/3/2008	27/3/2017	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH	01/2009	x	Anh B	x	x
200	Nguyễn Thị	Thủy		06/6/1975	Giáo viên	TH Tam Thuấn	27/3/1995	27/9/1996	27/3/2017	23 năm 5 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	04/2006	x	Anh B	x	x
201	Nguyễn Thị Thuý	Hằng		03/01/1987	Giáo viên	TH Tam Thuấn	15/9/2014	15/3/2015	27/3/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ	7/2009	x	Anh C	x	x
202	Nguyễn Thị	Nga		05/8/1985	Giáo viên	TH Tam Thuấn	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	6/2010	Đại học	Anh C	x	x
203	Nguyễn Thị Thu	Hiền		20/4/1979	Giáo viên	TH Tam Thuấn	01/12/2010	01/01/2010	27/3/2017	10 năm 2 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	8/2003	x	Trung B	x	x
204	Đỗ Thị	Chuyên		28/6/1980	Giáo viên	TH Tam Thuấn	10/10/2011	10/10/2011	27/3/2017	8 năm 5 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	5/2007	x	Tiếng Anh B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
205	Nguyễn Lương	Sơn	15/9/1978		Giáo viên	TH Tam Thuấn	01/9/1997	01/9/2002	27/3/2017	17 năm 6 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH	12/2011	x	Anh C	x	x
206	Nguyễn Thị Kim	Huế		23/02/1977	Giáo viên	TH Phúc Hòa	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/2012	x	Anh C	x	x
207	Lê Thanh	Phương		23/1/1982	Giáo viên	TH Phúc Hòa	01/10/2006	01/04/2007	27/03/2017	12 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	04/2011	x	Anh C	x	x
208	Nguyễn Thị Kim	Anh		14/10/1984	Giáo viên	TH Phúc Hòa	01/12/2009	01/01/2010	27/03/2017	10 năm 02 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	07/2005	x	Anh C	x	x
209	Hà Thị	Nhung		04/12/1979	Giáo viên	TH Phúc Hòa	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2003	x	Anh B	x	x
210	Khuất Thị	Lựu		26/4/1980	Giáo viên	TH Phúc Hòa	01/12/2009	01/01/2010	27/03/2017	10 năm 02 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	08/2002	Cao đẳng	Anh B	x	x
211	Nguyễn Minh	Châu		13/12/1979	Giáo viên	TH Phúc Hòa	01/12/2009	01/01/2010	27/03/2017	10 năm 02 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	08/2000	x	Pháp C	x	x
212	Vũ Thị Lan	Anh		30/4/1984	Giáo viên	TH Phúc Hòa	01/9/2007	01/06/2008	27/03/2017	12 năm 09 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/2012	x	Anh Bậc 3	x	x
213	Hoàng Thị	Năng		22/11/1985	Giáo viên	TH Phúc Hòa	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	09 năm 09 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	06/2008	x	Anh B	x	x
214	Hoàng Thị Quỳnh	Nga		16/12/1988	Giáo viên	TH Phúc Hòa	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	09 năm 09 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	08/2009	x	Anh B	x	x
215	Kiều Thị Kim	Hoa		12/6/1979	Giáo viên	TH Phúc Hòa	01/11/2010	01/05/2011	27/03/2017	08 năm 10 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh C	x	x
216	Nguyễn Thị	Toan		23/9/1990	Giáo viên	TH Phúc Hòa	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	05 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ	07/2012	x	Anh B	x	x
217	Nguyễn Hoài	Thương		19/6/1994	Giáo viên	TH Phúc Hòa	15/09/2014	15/09/2014	27/03/2017	05 năm 05 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	Anh B	x	x
218	Nguyễn Thị	Quyên		09/06/1990	Giáo viên	TH Phương Độ	09/09/2014	09/09/2014	27/03/2017	5 năm 4tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh C	x	x
219	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		04/12/1984	Giáo viên	TH Phương Độ	01/12/2006	01/06/2007	27/03/2017	12 năm 8 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	8/2012	x	Anh C	x	x
220	Khuất Thị	Nga		30/05/1977	Giáo viên	TH Phương Độ	01/12/2009	01/01/2010	27/03/2017	10 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	08/2000	Cao đẳng	Anh C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
221	Kiều Thị	Mai		02/12/1978	Giáo viên	TH Cẩm Đình	01/12/2009	01/01/2010	27/03/2017	10 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	08/2000	Cao đẳng	Anh C	x	x
222	Nguyễn Thị Thanh	Thúy		23/02/1981	Giáo viên	TH Cẩm Đình	04/9/2007	05/05/2008	27/03/2017	12 năm, 5 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	08/2002	x	Anh C	x	x
223	Phan Thị Thanh	Hương		21/03/1980	Giáo viên - Tổ trưởng tổ 1,2	TH Cẩm Đình	10/10/2011	10/04/2012	27/03/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	Anh C	x	x
224	Khuất Thanh	Mai		10/031993	giáo viên	TH Cẩm Đình	15/09/2014	15/03/2015	27/03/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ	06/2014	x	Anh C	x	x
225	Vũ	Thắng	28/6/1986		giáo viên	TH Cẩm Đình	01/12/2009	01/01/2010	27/03/2017	10 năm 1 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	08/2012	x	Anh C	x	x
226	Bùi Mạnh	Tú	04/8/1977		Phó hiệu trưởng	TH Vân Hà	01/9/2007	01/3/2008	27/3/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/2012	x	Anh bậc 3	x	x
227	Trần Đình	Lộc	18/8/1979		Giáo viên	TH Vân Hà	01/01/2005	01/07/2005	27/3/2017	14 năm 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	04/2011	x	Anh C	x	x
228	Đặng Thị Hải	Yến		20/4/1979	Giáo viên	TH Vân Hà	01/12/2009	01/01/2010	27/3/2017	10 năm 01 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	9/2000	Cao đẳng	Anh C	x	x
229	Hoàng Thị	Thắm		22/11/1993	TTCM	TH Vân Hà	15/9/2014	15/3/2015	27/3/2017	04 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	Anh C	x	x
230	Đỗ Thị Thu	Hiền		09/01/1979	Giáo viên	TH Hai Bà Trưng	01/10/2006	01/04/2007	27/03/2017	12 năm 10 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	8/2012	x	Anh B	x	x
231	Hoàng Thị	Nụ		22/09/1981	Giáo viên	TH Hai Bà Trưng	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm 8 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐ	8/2002	x	Pháp C	x	x
232	Nguyễn Thị	Thảo		15/07/1984	Giáo viên	TH Hai Bà Trưng	01/10/2006	01/04/2007	27/03/2017	12 năm 10 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	03/2011	x	Anh C	x	x
233	Nguyễn Thị	Lịch		27/10/1971	Giáo viên	TH Hai Bà Trưng	30/09/1991	01/04/1993	27/03/2017	26 năm 10 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	Anh C	x	x
234	Ngô Thị	Tình		05/11/1990	Giáo viên	TH Hai Bà Trưng	01/11/2012	01/05/2013	27/03/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	7/2012	x	Anh B	x	x
235	Dương Thị	Hà		23/03/1991	Giáo viên	TH Hai Bà Trưng	01/11/2012	01/05/2013	27/03/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	06/2015	x	Anh B	x	x

Danh sách này gồm có: 235 người.

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC HUYỆN ĐAN PHƯỢNG CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về hành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
1	Nguyễn Thị Ngọc	Liên		30/01/1983	Giáo viên âm nhạc	TH Thị trấn Phùng	02/10/2006	02/04/2007	11/4/2017	12 năm 10 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP âm nhạc	19/6/2006	X	B	X	X
2	Ngô Thị Hồng	Hạnh		12/12/1978	GV cơ bản	TH Thị trấn Phùng	18/11/2009	18/5/2010	11/4/2017	9 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP GDTH	22/10/2003	X	B	X	X
3	Bùi Thị Thu	Huyền		16/11/1979	GV Tiếng Anh	TH Thị trấn Phùng	18/11/2009	18/5/2010	11/4/2017	9 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP Tiếng Anh	12/5/2005	X	C	X	X
4	Nguyễn Thị Thu	Hương		11/9/1978	GV cơ bản	TH Thị trấn Phùng	31/8/2007	01/3/2008	11/4/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ ngành SP GDTH	30/8/2000	X	C	X	X
5	Hoàng Thị Kim	Quy		22/10/1978	GV cơ bản	TH Thị trấn Phùng	31/8/2007	01/3/2008	11/4/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ ngành SP GDTH	14/01/2009	X	B	X	X
6	Lê Thị Vân	Anh		09/8/1989	GV tin học	TH Thị trấn Phùng	01/11/2012	01/5/2013	11/4/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH ngành CNTT	08/5/2013	ĐH	B	X	X
7	Bùi Hương	Giang		27/10/1994	GV cơ bản	TH Thị trấn Phùng	01/01/2016	01/7/2016	01/7/2016	3 năm 7 tháng	2,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP TH	09/6/2015	X	B	X	X
8	Nguyễn Thị	Tươi		03/05/1984	GV cơ bản	TH Đan Phượng	06/09/2007	01/03/2008	11/4/2017	11 năm 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH ngành GDTH	19/6/2006	X	B		X
9	Lưu Thị Mai	Linh		06/03/1991	GV cơ bản	TH Đan Phượng	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm 7 tháng	2,06	V.07.03.09	ĐH ngành SP GDTH	22/10/2003	X	B		X
10	Nguyễn Thị Minh	Hiền		17/04/1992	GV cơ bản	TH Đan Phượng	01/01/2016	01/01/2016	02/03/2016	4 năm 8 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH ngành SP GDTH	30/8/2000	X	C		X
11	Chu Thị Bích	Phượng		11/8/1988	GV cơ bản	TH Đan Phượng	18/11/2009	6/8/2010	11/4/2017	9 năm 9 tháng	2,27	V.07.03.09	ĐH ngành SP GDTH	14/01/2009	X	B		X
12	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa		25/15/1991	GV tin học	TH Đan Phượng	01/11/2012	01/5/2013	11/4/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ ngành CNTT	13/6/2012	CĐ Tin	B		X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về hành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
13	Đỗ Đức	Tuân		06/05/1986	GV thể dục	TH Đan Phượng	01/10/2011	10/4/2012	11/4/2017	7 năm 10 tháng	2,47	V.07.03.09	ĐH ngành GDTC	02/06/2011	X	A2		X
14	Bùi Thị	Lợi		16/10/1979	Giáo viên Tiếng Anh	TH Song Phượng	18/11/2009	18/5/2010	11/4/2017	9 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiếng Anh	30/8/2001	X	Tiếng Pháp B	X	X
15	Tạ Thị	Thắng		09/11/1975	P. Hiệu trưởng	TH Đồng Tháp	31/08/2007	28/04/2008	11/04/2017	11 năm 10 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ-SPTH	05/09/2002	X	A2	X	X
16	Quách Duy	Trường	13/08/1978		Giáo viên	TH Đồng Tháp	01/11/2012	01/11/2012	11/04/2017	7 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ- SP Toán Tin	30/8/2000	X	C	X	X
17	Nguyễn Văn	Hưng	07/03/1979		Giáo viên - TPT	TH Đồng Tháp	31/08/2007	28/04/2008	11/04/2017	11 năm 10 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH-SPTDTT	03/10/2005	X	B	X	X
18	Nguyễn Thị	Hường		07/09/1978	Giáo viên	TH Đồng Tháp	18/11/2009	06/08/2010	11/04/2017	10 năm 3 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ - SPNN	20/11/1999	X	Tiếng Pháp trình độ B	X	X
19	Lưu Diệu	Thúy		08/12/1975	GV cơ bản	TH Phương Định A	31/08/2007	01/03/2008	11/04/2017	14 năm 1 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	22/10/2003	X	A2	X	X
20	Nguyễn Thị	Thúy		09/07/1984	GV âm nhạc	TH Phương Định A	02/10/2006	02/04/2007	11/04/2017	13 năm 4 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP GDTH	20/07/2006	X	A2	X	X
21	Nguyễn Thị	Nhung		24/10/1989	GV cơ bản	TH Phương Định A	10/10/2011	10/04/2012	11/04/2017	8 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	23/08/2017	X	A2	X	X
22	Trần Thị Thu	Trang		14/06/1990	GV cơ bản	TH Phương Định A	01/11/2012	01/05/2013	11/04/2017	7 năm 3 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	23/08/2017	X	A2	X	X
23	Nguyễn Thị	Hương		13/12/1991	GV cơ bản	TH Phương Định A	10/10/2011	10/04/2012	11/04/2017	8 năm 4 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	25/08/2015	X	A2	X	X
24	Bùi Thị	Thúy		26/12/1993	GV cơ bản	TH Phương Định A	22/9/2014	01/04/2015	11/04/2017	5 năm 5 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	23/08/2017	X	A2	X	X
25	Lê Thị Bình	An		30/01/1980	Phó HT	TH Phương Định B	18/11/2009	18/05/2010	11/04/2017	9 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	06/2002	X	A2	X	X
26	Tạ Thị Kim	Oanh		18/05/1977	Giáo viên	TH Phương Định B	31/08/2007	01/03/2008	11/04/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	09/2003	X	A2	X	X
27	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		31/07/1984	Giáo viên	TH Phương Định B	31/08/2008	01/07/2008	11/04/2017	11 năm 8 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐSP Thể dục	01/2006	X	A2	X	X
28	Nguyễn Thị	Mây		03/11/1991	Giáo viên	TH Phương Định B	15/09/2014	15/03/2015	11/04/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	02/2017	X	A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về hành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTBG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
29	Nguyễn Thị Tuyết	Hạnh		20/06/1975	Giáo viên	TH Phương Đình B	31/08/2007	01/03/2008	11/04/2017	12 năm	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	06/1999	X	A2	X	X
30	Nguyễn Thị	Lâm		29/09/1987	Giáo viên	TH Phương Đình B	07/10/2010	07/04/2011	11/04/2017	8 năm 10 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2009	X	A2	X	X
31	Lê Thị Hồng	Vân		29/03/1985	Giáo viên	TH Phương Đình B	10/10/2011	10/04/2012	11/04/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	08/2017	X	A2	X	X
32	Trần Thị	Hường		28/09/1992	Giáo viên	TH Phương Đình B	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	4 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	06/2014	X	A2	X	X
33	Nguyễn Văn	Khoa	13/11/1972		Giáo viên	TH Phương Đình B	18/11/2009	18/05/2010	11/04/2017	9 năm 9 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP tiếng Anh	04/2001	X	A2	X	X
34	Nguyễn Thị	Thủy		15/08/1988	Giáo viên	TH Phương Đình B	15/09/2011	15/03/2012	06/06/2016	7 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	03/2012	X	A2	X	X
35	Nguyễn Thị Yến	Oanh		11/11/1982	Giáo viên	TH Phương Đình B	02/10/2006	02/04/2007	11/04/2017	12 năm 10 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	06/2004	X	A2	X	X
36	Bùi Thị Thanh	Huyền		29/07/1983	Giáo viên	TH Phương Đình B	01/10/2011	01/08/2012	11/04/2017	7 năm 6 tháng		V.07.03.09	CĐSP Tin học	07/2005	Cao đẳng	B	X	X
37	Nguyễn Thị	Gái		26/01/1992	Giáo viên	TH Phương Đình B	01/11/2013	01/05/2014	11/04/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	08/2017	X	A2	X	X
38	Nguyễn Thị	Thiết		15/07/1990	Giáo viên	TH Thọ Xuân	10/10/2011	29/05/2012	11/04/2017	7 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐSP	07/2011	X	C	X	X
39	Trần Thị	Thơ		28/10/1992	Giáo viên	TH Thọ Xuân	01/11/2013	01/05/2014	11/04/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐSP	07/2013	X	C	X	X
40	Nguyễn Thị Hằng	Nga		29/09/1979	Giáo viên	TH Thọ Xuân	07/09/2007	23/06/2008	11/04/2017	11 năm 8 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP	08/2001	X	C	X	X
41	Dương Thị Thu	Hiền		07/12/1980	Giáo viên	TH Thọ Xuân	10/10/2011	10/04/2012	11/04/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP	10/2015	X	B	X	X
42	Nguyễn Thị	Hương		13/12/1989	Giáo viên	TH Thọ Xuân	07/10/2010	01/04/2011	11/04/2017	8 năm 10 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	08/2015	X	C	X	X
43	Phạm Thị	Hạnh		14/07/1985	Giáo viên	TH Thọ Xuân	02/10/2006	04/06/2007	11/04/2017	12 năm 8 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP	07/2006	X	B	X	X
44	Nguyễn Thị	Hiền		24/07/1979	Giáo viên	TH Thọ Xuân	31/08/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP	08/2001	X	C	X	X
45	Nguyễn Thị	Thùy		25/03/1991	Giáo viên	TH Thọ Xuân	10/10/2011	10/04/2012	11/04/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP	08/2015	X	A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về hành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
46	Nguyễn Thị Phương	Thủy		09/10/1989	Giáo viên	TH Thọ Xuân	01/10/2011	01/04/2012	11/04/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐSP	08/2010	X	B	X	X
47	Nguyễn Thị	Hà		06/09/1986	Giáo viên	TH Thọ Xuân	07/10/2010	07/04/2011	11/04/2017	8 năm 10 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	01/2015	X	C	X	X
48	Nguyễn Văn	Chất	11/11/1985		Giáo viên	TH Thọ Xuân	01/11/2013	01/05/2014	11/04/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐSP	09/2008	CĐ	C	X	X
49	Bùi Thị Tuyết	Mai		19/11/1987	Giáo viên	TH Thọ Xuân	18/11/2009	18/05/2010	11/04/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐSP	06/2008	X	C	X	X
50	Nguyễn Thị Hà	Giang		05/02/1984	Giáo viên	TH Thọ Xuân	31/08/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP	06/2007	X	C	X	X
51	Nguyễn Thị Minh	Thu		05/07/1981	Giáo viên	TH Thọ Xuân	31/08/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP	10/2006	X	A2	X	X
52	Hoàng Thị	Hằng		29/12/1980	Giáo viên	TH Thọ An	02/10/2006	02/8/2007	11/4/2017	12 năm 6 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	16/7/2018	X	B	X	X
53	Nguyễn Thị	Hương		15/6/1974	Tổ trưởng	TH Thọ An	31/8/2007	01/3/2008	11/4/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP TH	05/9/2003	X	B	X	X
54	Trần Thị Hương	Loan		07/01/1976	Giáo viên	TH Thọ An	31/8/2007	01/3/2008	11/4/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/6/2004	X	B	X	X
55	Nguyễn Thị Hương	Liên		22/9/1978	Giáo viên	TH Thọ An	18/11/2009	18/5/2010	11/4/2017	9 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiếng Anh	04/01/2001	X	C	X	X
56	Nguyễn Thị	Hướng		09/6/1991	Giáo viên	TH Thọ An	01/11/2013	01/5/2014	11/4/2017	5 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	16/5/2013	X	B	X	X
57	Đào Thị Ánh	Tuyết		18/01/1988	Giáo viên	TH Thọ An	01/11/2013	01/5/2014	11/4/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	23/8/2017	X	B	X	X
58	Hoàng Thị Minh	Phượng		22/02/1993	Giáo viên	TH Thọ An	01/11/2013	01/5/2014	11/4/2017	5 năm 9 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	23/8/2017	X	B	X	X
59	Trần Thị	Thủy		28/7/1976	Giáo viên	TH Thọ An	25/9/2000	01/4/2001	11/4/2017	18 năm 10 tháng	3,66	V.07.03.09	CĐSP TH	10/9/2006	X	B	X	X
60	Nguyễn Hữu	Thìn	02/3/1976		Tổ phó	TH Thọ An	01/9/2003	01/9/2003	11/4/2017	16 năm 5 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/10/2014	X	B	X	X
61	Trần Thị	Lan		15/11/1976	Tổ phó	TH Thọ An	31/8/2007	01/3/2008	11/4/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	22/10/2003	X	B	X	X
62	Nguyễn Thị Thu	Hà		24/8/1997	Tổ phó	TH Thọ An	31/8/2007	01/3/2008	11/4/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	14/01/2009	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về hành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
63	Nguyễn Thị	Thanh		25/8/1978	Giáo viên	TH Thọ An	31/8/2007	01/3/2008	11/4/2017	11 năm 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSP GDTC	23/6/2000	X	B	X	X
64	Đào Văn	Duân	06/01/1976		Giáo viên	TH Thọ An	18/11/2009	18/5/2010	11/4/2017	9 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHNN Tiếng Anh	17/5/2007	X	C	X	X
65	Đỗ Thị Thanh	Thủy		11/11/1991	Giáo viên	TH Thọ An	10/10/2011	10/4/2012	11/4/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	25/8/2015	X	B	X	X
66	Trần Thị	Lê		17/8/1990	Giáo viên	TH Thọ An	01/11/2012	01/5/2013	27/3/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐSP GDTH	18/6/2012	X	B	X	X
67	Nguyễn Thị Lan	Anh		20/9/1989	Giáo viên	TH Thọ An	01/11/2012	01/5/2013	11/4/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	25/8/2015	X	B	X	X
68	Hoàng Thị	Diễm		19/01/1992	Giáo viên	TH Thọ An	01/10/2014	01/4/2015	11/4/2017	4 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐSP GDTH	28/6/2013	X	B	X	X
69	Nguyễn Thị Lan	Anh		01/11/1984	Giáo viên	TH Trung Châu A	18/11/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm 8 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	25/08/2015	X	B	X	X
70	Trần Thị	Diện		14/07/1989	Giáo viên	TH Trung Châu A	07/09/2009	15/12/2010	11/04/2017	9 năm 02 tháng	2,66	V.07.03.09	Đại học	23/08/2017	X	B	X	X
71	Tạ Thị Thu	Huyền		26/10/1978	Giáo viên	TH Trung Châu A	31/08/2007	28/04/2008	11/04/2017	9 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	Cao đẳng	30/08/2000	X	B	X	X
72	Tạ Thị	Kiều		26/11/1990	Giáo viên	TH Trung Châu A	10/10/2011	10/04/2012	11/04/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	Đại học	23/08/2017	X	A2	X	X
73	Phạm Thị	Luyến		03/09/1984	Giáo viên	TH Trung Châu A	18/11/2009	18/05/2010	11/04/2017	9 năm 9 tháng	2.66	V.07.03.09	Cao đẳng	20/07/2006	X	A2	X	X
74	Lê Thị	Thêu		03/08/1973	Phó Hiệu trưởng	TH Trung Châu A	18/11/2009	18/05/2010	11/04/2017	9 năm 9 tháng	3,06	V.07.03.09	Đại học	25/08/2015	X	B	X	X
75	Tạ Thị	Thủy		30/04/1982	Giáo viên	TH Trung Châu A	18/11/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng	20/07/2006	X	B	X	X
76	Nguyễn Thị	Quý		17/07/1985	Giáo viên	TH Trung Châu A	31/08/2007	28/04/2008	11/04/2017	11 năm 10 tháng	2,86	V.07.03.09	Cao đẳng	20/07/2007	X	B	X	X
77	Nguyễn Văn	Bình	01/01/1979		GV/TPT	TH Trung Châu B	02/10/2006	02/04/2007	11/4/ 2017	(12 năm 10 tháng)	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Âm Nhạc	16/7/2018	X	B	X	X
78	Nông Thị	Điểm		08/05/1983	GV	TH Trung Châu B	10/10/2011	10/4/ 2012	11/04/ 2017	(7 năm 10 tháng)	2,46	V.07.03.09	ĐHSP TH	23/6/2017	X	B	X	X
79	Nguyễn Thị	Huệ		25/11/1986	GV	TH Trung Châu B	07/10/2010	07/04/2011	11/04/ 2017	(8 năm 10 tháng)	2,66	V.07.03.09	CĐSP TH	28/ 7/ 2008	X	C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về hành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
80	Trịnh Thị	Loan		01/06/1989	GV	TH Trung Châu B	10/10/2011	10/4/ 2012	11/04/ 2017	(7 năm 10 tháng)	2,46	V.07.03.09	ĐHSP	25/8/2015	X	B	X	X
81	Nguyễn Thị	Nhung		22/08/1992	GV	TH Trung Châu B	01/10/2014	01/04/2015	11/04/ 2017	(4 năm 10 tháng)	2,26	V.07.03.09	ĐHSP TH	18 /06/ 2014	X	C	X	X
82	Đỗ Tiến	Thành	01,02/1989		GV	TH Trung Châu B	10/10/1011	01/04/2012	11/04 /2017	(7 năm 10 tháng)	2,66	V.07.03.09	ĐHSP GDTC	01/06/2015	X	C	X	X
83	Nguyễn Minh	Sơn	09/08/1975		Phó Hiệu trưởng	TH Hồng Hà	31/08/2007	01/03/2008	11/4/2017	(11 năm, 11 tháng)	3.06	V.07.03.09	Đại học, Giáo dục Tiểu học	14/01/2009	X	Tiếng Anh C	X	X
84	Nguyễn Thị	Hường		01/09/1986	Giáo viên	TH Hồng Hà	13/09/2007	13/05/2008	11/4/2017	(11 năm, 09 tháng)	3.06	V.07.03.09	Đại học, Giáo dục Nghệ thuật	05/12/2010	X	Tiếng Anh A2	X	X
85	Nguyễn Thị	Hằng		17/05/1985	Giáo viên	TH Hồng Hà	18/11/2009	06/08/2010	11/4/2017	(09 năm, 06 tháng)	2.66	V.07.03.09	Đại học, Giáo dục Tiểu học	25/08/2015	X	B	X	X
86	Nguyễn Thị	Duyên		04/12/1988	Giáo viên	TH Hồng Hà	07/10/2010	07/04/2011	11/4/2017	(08 năm, 10 tháng)	2.66	V.07.03.09	Đại học, Giáo dục Tiểu học	31/12/2013	X	Tiếng Anh A2	X	X
87	Nguyễn Thị	Hảo		21/08/1980	Giáo viên	TH Hồng Hà	31/08/2007	01/03/2008	11/4/2017	(11 năm, 11 tháng)	2.86	V.07.03.09	Đại học, Giáo dục Tiểu học	05/11/2009	X	Tiếng Anh A2	X	X
88	Phạm Thị Hồng	Hạnh		16/07/1976	Giáo viên	TH Hồng Hà	31/08/2007	01/03/2008	11/4/2017	(11 năm, 11 tháng)	3.06	V.07.03.09	Đại học, Giáo dục Tiểu học	10/06/2004	X	Tiếng Anh C	X	X
89	Trần Thị	Hoa		25/11/1984	Giáo viên	TH Hồng Hà	31/08/2007	01/03/2008	11/4/2017	(11 năm, 11 tháng)	2.66	V.07.03.09	Đại học, Giáo dục Tiểu học	25/08/2015	X	Tiếng Anh A2	X	X
90	Nguyễn Thị Thu	Vân		30/10/1983	Giáo viên	TH Hồng Hà	01/10/2011	01/04/2012	11/4/2017	07 năm, 10 tháng)	2.46	V.07.03.09	Cao Đẳng, Giáo dục Tiểu học	15/07/2005	X	Tiếng Anh A2	X	X
91	Lê Hương	Lan		22/10/1979	Giáo viên	TH Hồng Hà	18/11/2009	18/05/2010	11/4/2017	(09 năm)	3.06	V.07.03.09	Đại học, Chuyên ngành	15/07/2005	X	Tiếng Anh B	X	X
92	Đỗ Thị	Mai		03/04/1986	Giáo viên	TH Hồng Hà	18/11/2009	06/08/2010	11/4/2017	(09 năm, 06 tháng)	2.66	V.07.03.09	Đại học, Giáo dục Tiểu học	31/12/2013	X	Tiếng Anh A2	X	X
93	Đỗ Thị Lan	Phương		11/04/1976	Giáo viên	TH Hồng Hà	07/10/2010	07/04/2011	11/4/2017	(08 năm, 10 tháng)	2.66	V.07.03.09	Cao Đẳng, Giáo dục Tiểu học	10/11/1997	X	Tiếng Anh A1	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về hành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
94	Ngô Thuý	Hoa		28/07/1982	Giáo viên	TH Hồng Hà	18/11/2009	18/05/2010	11/4/2017	(09 năm, 09 tháng)	2,66	V.07.03.09	Đại học, Chuyên ngành	27/06/2005	X	Tiếng Pháp A2	X	X
95	Nguyễn Thị	Tiến		27/11/1986	Giáo viên	TH Hồng Hà	18/11/2009	06/08/2010	11/4/2017	(09 năm, 06 tháng)	2.66	V.07.03.09	Đại học, Giáo dục Tiểu học	23/08/2017	X	Tiếng Anh A2	X	X
96	Đinh Hữu	Thìn	09/02/1976		Giáo viên	TH Hồng Hà	18/11/2009	06/08/2010	11/4/2017	(09 năm, 06 tháng)	2.66	V.07.03.09	Đại học, Giáo dục Tiểu học	01/03/2011	X	Tiếng Anh C	X	X
97	Nguyễn Thị	Loan		10/10/1989	Giáo viên	TH Hồng Hà	10/10/2011	10/04/2012	11/4/2017	(07 năm, 10 tháng)	2.46	V.07.03.09	Đại học, Giáo dục Tiểu học	23/08/2017	X	Tiếng Anh A2	X	X
98	Nguyễn Thị	Hảo		16/08/1984	Giáo viên	TH Hồng Hà	31/08/2007	27/07/2008	11/4/2017	(11 năm, 05 tháng)	2.86	V.07.03.09	Cao Đẳng, Giáo dục Thể chất	26/07/2006	X	Tiếng Anh C	X	X
99	Tạ Thị	Bình		10/10/1979	Giáo viên	TH Hồng Hà	18/11/2009	06/08/2010	11/4/2017	(09 năm, 06 tháng)	3.06	V.07.03.09	Cao Đẳng, Giáo dục Thể chất	20/08/2002	X	Tiếng Anh A2	X	X
100	Lê Thị	Huệ		26/01/1986	Giáo viên	TH Hồng Hà	10/10/2010	10/04/2012	11/4/2017	(07 năm, 10 tháng)	2.46	V.07.03.09	Cao Đẳng, Giáo dục Tiểu học	15/04/2011	X	Tiếng Anh A2	X	X
101	Nguyễn Thị	Thu		21/10/1991	Giáo viên	TH Hồng Hà	01/11/2012	12/08/2013	11/4/2017	(06 năm, 06 tháng)	2.46	V.07.03.09	Đại học, Giáo dục Tiểu học	19/02/2019	X	Tiếng Anh A2	X	X
102	Nguyễn Thị	Hà		25/6/1989	Giáo viên	TH Hồng Hà	01/11/2012	12/08/2013	11/4/2017	(06 năm, 06 tháng)	2.46	V.07.03.09	Đại học, Giáo dục Tiểu học	19/02/2019	X	Tiếng Anh A2	X	X
103	Nguyễn Thị	Bích		27/11/1990	Giáo viên	TH Hồng Hà	01/11/2012	12/08/2013	11/4/2017	(06 năm, 06 tháng)	2.46	V.07.03.09	Đại học, Giáo dục Tiểu học	01/06/2018	X	Tiếng Anh A2	X	X
104	Lê Thị Thanh	Dung		24/12/1978	Giáo viên TH hạng IV	TH Liên Hồng	18/11/2009	15/05/2010	11/04/2017	10 năm 4 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH Anh văn	11/11/2005	X	B2	X	X
105	Nguyễn Thị	Lan		02/07/1991	Giáo viên TH hạng IV	TH Liên Hồng	10/10/2011	10/04/2012	11/04/2017	8 năm 5 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH SPTH	25/08/2015	X	T Anh CEFR-A2	X	X
106	Nguyễn Thị	Vóc		07/08/1980	Giáo viên TH hạng IV	TH Liên Hồng	31/08/2007	28/04/2008	11/04/2017	12 năm 6 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH SPTH	10/10/2005	X	T Anh CEFR-A3	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về hành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
107	Bùi Thị Kim	Tuyến		09/07/1975	Giáo viên Văn hóa	TH Liên Hà	31/08/2007	01/07/2008	11/4/2017	11 năm 7 tháng	3,06	V.07.03.09	Thạc sĩ GDTH	17/3/2009	X	Tiếng Anh A2, Tiếng Nga C		X
108	Nguyễn Thị Lan	Anh		15/03/1974	Giáo viên Văn hóa	TH Liên Hà	01/12/2009	01/11/2012	11/4/2017	9 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	01/6/1999	X	Tiếng Anh A2		X
109	Bùi Thị Phương	Dung		18/07/1977	Giáo viên Văn hóa	TH Liên Hà	18/11/2009	18/05/2010	11/4/2017	9 năm 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	25/8/2015	X	Tiếng Anh A2		X
110	Nguyễn Thị	Hạnh		16/11/1983	Giáo viên Văn hóa	TH Liên Hà	31/08/2007	28/04/2008	11/4/2017	11 năm 10 tháng	3,06	V.07.03.09	Thạc sĩ GDTH		X	Tiếng Anh B1		X
111	Mai	Hương		25/03/1984	Giáo viên Âm nhạc	TH Liên Hà	02/10/2006	02/08/2007	11/4/2017	12 năm 6 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	21/4/2011	X	Tiếng Anh B		X
112	Vũ Thị	Hiệp		17/3/1986	Giáo viên Văn hóa	TH Liên Hà	01/12/2009	01/11/2012	11/4/2017	7 năm 3 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	25/8/2015	X	Tiếng Anh A2		X
113	Nguyễn Thị Kim	Tuyến		17/08/1985	Giáo viên Văn hóa	TH Liên Hà	10/10/2011	10/4/2012	11/4/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	25/8/2015	X	Tiếng Anh A2		X
114	Đặng Thị Vân	Hà		07/11/1999 0	Giáo viên Thể dục	TH Liên Hà	10/10/2011	10/4/2012	11/4/2017	7 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP GDTC	29/7/2014	X	Tiếng Anh A2		X
115	Nguyễn Thị	Loan		29/12/1990	Giáo viên Văn hóa	TH Liên Hà	01/11/2012	01/5/2013	11/4/2017	6 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	19/6/2015	X	Tiếng Anh A2		X
116	Nguyễn Thị	Oanh		19/08/1985	Giáo viên cơ bản	TH Liên Trung	18/11/2009	18/05/2010	11/04/2017	9 năm 10 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP Giáo dục Tiểu học	06/2008	X	C	X	X
117	Trần Thị	Tuyết		26/07/1979	Giáo viên cơ bản	TH Liên Trung	18/11/2009	18/05/2010	11/04/2017	9 năm 10 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP Giáo dục tiểu học	05/2009	X	A2	X	X
118	Quách Thị Hồng	Hà		04/01/1975	Giáo viên cơ bản	TH Liên Trung	07/10/2010	07/04/2011	11/04/2017	8 năm 11 tháng	3,26	V.07.03.09	Cử nhân Giáo dục tiểu học	08/2015	X	A2	X	X
119	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		16/09/1987	Giáo viên cơ bản	TH Liên Trung	07/10/2010	07/04/2011	11/04/2017	8 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP Giáo dục tiểu học	08/2015	X	B	X	X
120	Nguyễn Thị	Nhung		28/11/1987	Giáo viên cơ bản	TH Liên Trung	10/10/2011	10/04/2012	11/04/2017	7 năm 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSP Giáo dục tiểu học	06/2010	X	C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về hành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
121	Vũ Thị	Anh		23/12/1989	Giáo viên cơ bản	TH Liên Trung	10/10/2011	10/04/2012	11/04/2017	7 năm 11 tháng	2,46	V.07.03.09	Cử nhân Giáo dục tiểu học	08/2015	X	C	X	X
122	Nguyễn Thị	Nga		21/10/1985	GV tin học	TH Liên Trung	01/11/2012	01/11/2013	11/04/2017	6 năm 04 tháng	2,46	V.07.03.09	Kỹ sư Công nghệ thông tin	12/2015	Đại học	B	X	X
123	Hoàng Thị	Huế		28/11/1992	Giáo viên cơ bản	TH Liên Trung	01/11/2012	01/05/2013	11/04/2017	6 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSP Giáo dục tiểu học	08/2017	X	B	X	X
124	Nguyễn Thị Thanh	Hà		20/08/1991	Giáo viên thể dục	TH Liên Trung	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	Cử nhân Giáo dục thể chất	06/2014	X	B	X	BK của TW Đoàn
125	Nguyễn Thị Thanh	Dung		20/11/1975	P. hiệu trưởng	TH Thượng Mỗ	31/08/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH SPGDTH	08/2015	X	C	X	X
126	Nguyễn Thị Thu	Thủy		24/9/1980	GV. Tiếng anh	TH Thượng Mỗ	18/11/2009	18/05/2010	11/04/2017	9 năm 9 tháng	3.26	V.07.03.09	CĐ SPTA	08/2001	X	B Pháp	X	X
127	Đỗ Tuấn	Anh	18/06/1987		Giáo viên	TH Thượng Mỗ	10/10/2011	10/04/2012	11/04/2017	7 năm 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH SPTDTT	05/2011	X	C	X	X
128	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên		27/09/1983	Giáo viên	TH Thượng Mỗ	31/08/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm 11 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐ SPTH	07/2005	X	B1	X	X
129	Lưu Thị Kim	Tuyến		10/09/1985	Giáo viên	TH Thượng Mỗ	18/11/2009	18/05/2010	11/04/2017	9 năm 9 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH SPGDTH	06/2008	X	B1	X	X
130	Hoàng Thị	Hà		28/10/1991	Giáo viên	TH Thượng Mỗ	31/10/2013	01/05/2014	11/04/2017	5 năm 9 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐ SP Tin	06/2013	Cao đẳng	B	X	X
131	Nguyễn Thị	Dung		25/07/1983	Giáo viên	TH Thượng Mỗ	02/10/2006	04/06/2007	11/04/2017	12 năm 8 tháng	3.06	V.07.03.09	Cử nhân SPAN	07/2018	X	B	X	X
132	Nguyễn Thị	Xuân		15/03/1986	Giáo viên	TH Thượng Mỗ	07/10/2010	07/04/2011	11/04/2017	8 năm 10 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH SPGDTH	08/2015	X	A2	X	X
133	Nguyễn Viết	Đại	25/06/1974		Hiệu trưởng	TH Tô Hiến Thành	31/8/2007	01/03/2008	11/4/2017	(11 năm 11 tháng)	3,06	V.07.03.09	Đại học Giáo dục tiểu học	22/10/2003	X	B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về hành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
134	Uông Thị	Vân		06/03/1979	P. Hiệu trưởng	TH Tô Hiến Thành	31/8/2007	01/03/2008	11/4/2017	(11 năm 11 tháng)	3,06	V.07.03.09	Đại học Giáo dục tiểu học	25/08/2015	X	B	X	X
135	Mai Thanh	Phương		17/02/1990	GVTH	TH Tô Hiến Thành	10/10/2011	10/04/2012	11/4/2017	(7 năm 10 tháng)	2,66	V.07.03.09	Đại học Giáo dục tiểu học	25/08/2015	X	B	X	X
136	Bùi Đình	Đạo	20/5/1987		GV thể dục	TH Tô Hiến Thành	10/10/2011	10/04/2012	11/4/2017	(7 năm 10 tháng)	2,66	V.07.03.09	Cao đẳng sư phạm Giáo dục thể chất	04/08/2010	X	C	X	X
137	Đinh Hồng	Nhung		23/5/1984	GV âm nhạc	TH Tô Hiến Thành	01/9/2007	01/03/2008	11/4/2017	(11 năm 11 tháng)	2,86	V.07.03.09	CĐ sư phạm họa nhạc	20/07/2007	X	B	X	X
138	Nguyễn Thị Thu	Hương		05/06/1993	GVTH Tổ phó	TH Tô Hiến Thành	01/10/2014	01/04/2015	11/4/2017	(4 năm 10 tháng)	2,26	V.07.03.09	Cao đẳng Giáo dục tiểu học	28/06/2014	X	B	X	X
139	Đinh Thị	Hương		23/9/1979	GVTH	TH Tô Hiến Thành	31/8/2007	01/03/2008	11/4/2017	(11 năm 11 tháng)	2,86	V.07.03.09	Đại học Giáo dục tiểu học	14/01/2019	X	B	X	X
140	Bùi Mai	Phương		13/10/1983	GV tiếng Anh	TH Tô Hiến Thành	18/11/2009	18/05/2010	11/4/2017	(9 năm 9 tháng)	2,66	V.07.03.09	Đại học tiếng anh	24/06/2008	X	B	X	X
141	Nguyễn Xuân	Hào	06/02/1991		GV thể dục	TH Tô Hiến Thành	01/11/2012	01/05/2013	27/03/2017	(6 năm 9 tháng)	2,46	V.07.03.09	Cao đẳng sư phạm Giáo dục thể chất	03/07/2012	X	C	X	X
142	Bùi Thị	Dung		29/6/1985	GV Tin học	TH Tô Hiến Thành	01/12/2009	01/06/2010	11/4/2017	(9 năm 8 tháng)	2,66	V.07.03.09	ĐH Tin học ứng dụng	21/09/2009	Đại học	B	X	X
143	Lê Thị	Dụ		28/12/1988	GVTH	TH Tô Hiến Thành	10/10/2011	10/04/2012	11/4/2017	(7 năm 10 tháng)	2,46	V.07.03.09	Đại học Giáo dục tiểu học	25/08/2015	X	B	X	X
144	Nguyễn Bá	Điệp	22/12/1983		Giáo viên	TH Tân Hội A	01/9/2007	01/3/2008	01/3/2008	12 năm	2,86	V.07.03.09	ĐH	20/04/2012	X	B1	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về hành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
145	Nguyễn Thị Hồng	Vân		06/02/1986	Giáo viên	TH Tân Hội A	18/11/2009	01/6/2010	01/6/2010	9 năm 9 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	20/04/2012	X	A2	X	X
146	Nguyễn Thúy	Hương		06/01/1991	Giáo viên	TH Tân Hội A	01/11/2013	01/5/2014	01/5/2014	5 năm 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	21/06/2013	X	B	X	X
147	Nguyễn Thị Mai	Liên		28/11/1988	Giáo viên	TH Tân Hội A	01/11/2013	01/11/2014	01/11/2014	5 năm 3 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	28/03/2013	ĐH	A2	X	X
148	Nguyễn Thị Bích	Liên		18/12/1993	Giáo viên	TH Tân Hội A	01/10/2014	01/4/2015	01/4/2015	4 năm 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	16/11/2016	X	A2	X	X
149	Bùi Ngân	Hà		13/08/1992	Giáo viên	TH Tân Hội B	01/11/2013	01/05/2014	01/05/2014	5 năm 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSPTH	20/06/2013	X	Chứng chỉ Anh C	X	X
150	Nguyễn Thị	Lan		01/08/1992	Giáo viên	TH Tân Hội B	01/10/2014	01/04/2015	01/04/2015	4 năm 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSPTH	18/06/2014	X	chứng chỉ Anh B	X	X
151	Thế Thị	Ninh		23/05/1976	Phó Hiệu trưởng	TH Tân Lập	31/08/2007	28/04/2008	11/04/2017	12 năm 6 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/2003	X	A2	X	X
152	Thế Thị	Lương		02/02/1984	Giáo viên	TH Tân Lập	31/08/2007	28/04/2008	11/04/2017	12 năm 6 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	6/2006	X	B2	X	X
153	Dương Thị	Thủy		02/11/1980	Giáo viên	TH Tân Lập	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12 năm 5 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/2006	X	A2	X	X
154	Nguyễn Thị	Hồng		15/6/1981	Giáo viên	TH Tân Lập	31/08/2007	28/04/2008	11/04/2017	12 năm 6 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/2006	X	A2	X	X
155	Bùi Thị Hồng	Thúy		02/02/1981	Giáo viên	TH Tân Lập	31/08/2007	28/04/2008	11/04/2017	12 năm 6 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	11/2008	X	A2	X	X
156	Nguyễn Thị	Hà		21/9/1978	Giáo viên	TH Tân Lập	18/11/2009	01/06/2010	11/04/2017	10 năm 3 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP NN	5/2003	X	C	X	X
157	Nguyễn Thị Phương	Ngân		15/7/1978	Giáo viên	TH Tân Lập	31/08/2007	28/04/2008	11/04/2017	12 năm 6 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	5/2007	X	C	X	X
158	Bùi Thị Bích	Hằng		30/01/1977	Giáo viên	TH Tân Lập	31/08/2007	28/04/2008	11/04/2017	12 năm 6 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	8/2015	X	A2	X	X
159	Nguyễn Thị Thu	Hiền		06/9/1980	Giáo viên	TH Tân Lập	31/08/2007	28/04/2008	11/04/2017	12 năm 6 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	6/2003	X	A2	X	X
160	Phạm Thị	Hậu		27/01/1974	Giáo viên	TH Tân Lập	18/11/2009	06/08/2010	11/04/2017	12 năm 6 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	9/2003	X	B	X	X
161	Đỗ Thúy	Hằng		27/3/1993	Giáo viên	TH Tân Lập	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	5 năm 4 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	08/2017	X	B	X	X

Danh sách này gồm có: 161 người.

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND HUYỆN HOÀI ĐỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Nguyễn Thị	Phương		03/02/1981	Tổ phó	TH An Khánh A	06/9/2007	21/5/2008	17/4/2017	12n6t	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	B	x	x
2	Như Thị	Hiền		14/06/1991	Giáo viên	TH An Khánh A	06/11/2013	01/7/2014	17/4/2017	5n10t	2,26	V.07.03.09	ĐH	7/2014	x	C	x	x
3	Nguyễn Thị	Thơm		21/07/1993	Giáo viên	TH An Khánh A	21/7/1993	06/11/2013	23/6/2014	5n10t	2,26	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	C	x	x
4	Ngô Thị	Nga		10/10/1977	Giáo viên	TH An Khánh A	10/10/1977	01/10/2011	01/4/2012	7n10t	2,66	V.07.03.09	ĐH	01/2009	x	Bậc 2	x	x
5	Nguyễn Thị	Điệp		9/3/1985	Giáo viên	TH An Khánh A	09/3/1985	01/12/2009	01/6/2010	11n03t	2,86	V.07.03.09	ĐH	12/2011	ĐH	B	x	x
6	Chu Thị	Nhung		24/8/1976	Tổ trưởng	TH An Khánh A	01/9/2007	01/3/2008	17/4/2017	12n	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/2002	x	C	x	x
7	Bùi Thị	Liên		20/10/1979	Giáo viên	TH An Khánh A	30/11/2009	21/12/2009	17/4/2017	13n09t	3,06	V.07.03.09	ĐH	01/2011	x	Trung B	x	x
8	Nguyễn Thị	Hương		15/04/1978	Giáo viên	TH An Khánh A	01/9/2007	01/3/2008	17/4/2017	12n	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
9	Hoàng Thị Mai	Phương		3/1/1981	Giáo viên	TH An Khánh A	01/9/2007	01/3/2008	17/4/2017	12n	3,06	V.07.03.09	ĐH	8/2002	x	C	x	x
10	Nguyễn Thị	Thu		26/9/1974	Tổ phó	TH An Khánh A	15/8/1997	02/12/1998	17/4/2017	21n02t	3,86	V.07.03.09	ĐH	4/2006	x	C	x	x
11	Lý Thị	Liên		13/4/1977	Tổ phó	TH An Khánh A	15/10/2012	15/4/2013	17/4/2017	06n10t	2,46	V.07.03.09	CĐ	8/2001	x	C	x	x
12	Phó Thị	Hậu		11/2/1995	Giáo viên	TH An Khánh A	21/12/2015	09/11/2016	01/7/2016	03n08t	2,06	V.07.03.09	CĐ	6/2017	x	B	x	x
13	Nguyễn Thị	Yến		`02/12/1973	Tổ trưởng	TH An Khánh B	`30/10/1993	`16/04/1995	`17/04/2017	24n10t	4,06	V.07.03.09	ĐH	`10/10/2005	x	B	x	x
14	Dương Minh	Trang		`03/04/1971	Tổ trưởng	TH An Khánh B	`15/08/1997	`02/12/1998	`17/04/2017	21n3t	3,86	V.07.03.09	ĐH	`10/10/2005	x	B	x	x
15	Phạm Anh	Minh		`02/10/1984	Tổ trưởng	TH An Khánh B	`01/12/2009	`01/06/2010	`17/04/2017	9n8t	2,86	V.07.03.09	ĐH	`15/09/2006	ĐH	A2	x	x
16	Nguyễn Thị	Hà		`03/11/1975	Tổ phó	TH An Khánh B	`01/09/2007	`01/03/2008	`17/04/2017	11n10t	3,06	V.07.03.09	ĐH	`22/10/2003	x	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
17	Nguyễn Thị	Hòa		`26/02/1978	Tổ phó	TH An Khánh B	`01/09/2007	`01/03/2008	`17/04/2017	11n10t	3,06	V.07.03.09	CĐ	`01/12/1999	x	B	x	x
18	Nguyễn Thị	Nguyệt		`06/01/1981	Giáo viên	TH An Khánh B	`01/10/2011	`01/04/2012	`17/04/2017	7n11t	2,66	V.07.03.09	ĐH	`17/10/2006	x	B	x	x
19	Nguyễn Thị Lan	Phương		`22/12/1976	Giáo viên	TH An Khánh B	`01/09/2007	`01/03/2008	`17/04/2017	11n10t	3,06	V.07.03.09	ĐH	`14/01/2009	x	B	x	x
20	Nguyễn Thị Thu	Hà		`09/07/1976	Giáo viên	TH An Khánh B	`01/09/2007	`01/03/2008	`17/04/2017	11n10t	2,86	V.07.03.09	CĐ	10/11/1997	x	B	x	x
21	Đào Thị	Yến		`27/09/1977	Giáo viên	TH An Khánh B	`07/10/2010	`07/04/2011	`17/04/2017	8n11t	2,66	V.07.03.09	CĐ	`01/12/1999	x	B	x	x
22	Đỗ Thị Thu	Hương		`16/08/1975	Giáo viên	TH An Khánh B	`01/12/2009	`01/06/2010	`17/04/2017	9n9t	3.06	V.07.03.09	CĐ	`01/07/1996	x	Trung B	x	x
23	Lê Thị	Nguyệt		16/3/1979	Giáo viên	TH An Thượng A	9/10/2003	1/4/2003	17/4/2017	16n11t	3,26	V.07.03.09	ĐH	28/1/2019	x	C	x	x
24	Ng. Thị Thu	Hương		27/10/1989	Giáo viên	TH An Thượng A	01/10/2011	01/04/2012	17/4/2017	7n11t	2,46	V.07.03.09	ĐH	28/3/2012	x	B	x	x
25	Nguyễn Thị	Hà		12/12/1988	Tổ phó	TH An Thượng A	01/11/2011	01/05/2012	17/4/2017	7n10t	2,46	V.07.03.09	ĐH	04/08/2010	x	Trung B	x	x
26	Ng. Thị	Khuyên		09/04/1993	Giáo viên	TH An Thượng A	01/1/2016	01/07/2016	01/7/2016	3n8t	2,06	V.07.03.09	CĐ	15/3/2016	x	B	x	x
27	Ng. Xuân	Bách	12/12/1979		Tổ trưởng	TH An Thượng A	06/09/2007	01/03/2008	17/4/2017	12n0t	2,86	V.07.03.09	ĐH	26/2/2019	x	A2	x	x
28	N. Thị	Liên		13/8/1985	Tổ phó	TH An Thượng A	6/11/2003	6/5/2014	17/4/2017	6n9t	2,46	V.07.03.09	CĐ	11/3/2015	x	B	x	x
29	Ng. Thị	Siêm		14/4/1977	Giáo viên	TH An Thượng A	1/9/2007	1/3/2008	17/4/2017	12n0t	3,06	V.07.03.09	ĐH	17/11/2004	x	C	x	x
30	Hoàng Thị	Phượng		10/10/1993	Giáo viên	TH An Thượng A	10/9/2014	10/3/2015	23/3/2017	4n11t	2,26	V.07.03.09	ĐH	28/6/2014	x	A2	x	x
31	Nguyễn Thị	Tuyết		20/4/1987	Giáo viên	TH An Thượng B	01/10/2011	1/4/2012	17/4/2017	7n10t	2,46	V.07.03.09	ĐH	13/8/2009	x	B	x	x
32	Nguyễn Thị	Hòa		16/9/1992	Giáo viên	TH An Thượng B	6/11/2013	6/5/2014	17/4/2017	5n9t	2,26	V.07.03.09	ĐH	23/8/2017	x	B	x	x
33	Nguyễn Thị Thu	Hằng		06/6/1993	Giáo viên	TH An Thượng B	1/1/2016	1/7/2016	1/1/2016	3n7t	2,06	V.07.03.09	ĐH	4/7/2017	x	ITP	x	x
34	Nguyễn Thị	Thúy		08/3/1989	Giáo viên	TH An Thượng B	10/9/2014	10/3/2015	17/4/2017	4n11t	2,26	V.07.03.09	CĐ	11/3/2015	x	B	x	x
35	Bùi Thị	Hải		22/7/1984	Giáo viên	TH An Thượng B	10/9/2014	1/10/2015	1/10/2015	3n8t	2,26	V.07.03.09	ĐH	19/02/2019	x	Bậc 2	x	x
36	Nguyễn Thị	Huyền		21/3/1978	Giáo viên	TH Cát Quế A	7/10/2010	7/4/2011	17/4/2017	8n9t	3,06	V.07.03.09	ĐH	8/2017	x	A2	x	x
37	Nguyễn Thị	Hương		20/3/1977	Giáo viên	TH Cát Quế A	7/10/2010	7/4/2011	17/4/2017	8n9t	2,66	V.07.03.09	ĐH	8/2015	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
38	Nguyễn Thị	Hương		20/10/1993	Giáo viên	TH Cát Quế A	6/11/2013	6/5/2014	17/4/2017	5n8t	2,26	V.07.03.09	ĐH	8/2017	x	A2	x	x
39	Nguyễn Thị	Hường		26/1/1989	Giáo viên	TH Cát Quế A	1/1/2011	1/7/2011	17/4/2017	8n6t	2,66	V.07.03.09	ĐH	2/2012	x	Pháp C	x	x
40	Lương Thị	Lan		25/8/1989	Giáo viên	TH Cát Quế A	7/10/2010	7/4/2011	17/4/2017	8n9t	2,66	V.07.03.09	ĐH	8/2015	x	A2	x	x
41	Vương Thị Thanh	Lan		10/10/1977	Tổ phó	TH Cát Quế A	1/9/2007	1/3/2008	17/4/2017	11n10t	3,06	V.07.03.09	ĐH	7/1999	x	ĐH	x	x
42	Tạ Thị Hiền	Lương		29/11/1973	Giáo viên	TH Cát Quế A	1/9/2007	1/3/2008	17/4/2017	11n10t	3,06	V.07.03.09	ĐH	2/2002	x	A2	x	x
43	Đức Thị Thanh	Nguyệt		1/10/1976	Giáo viên	TH Cát Quế A	1/12/2009	1/12/2009	17/4/2017	10n1t	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/2005	x	Pháp C	x	x
44	Nguyễn Thị Thanh	Xuân		25/6/1989	Giáo viên	TH Cát Quế A	6/11/2013	1/11/2013	17/4/2017	6n2t	2,66	V.07.03.09	ĐH	8/2017	x	A2	x	x
45	Đào Danh	Lý	7/3/1980		Giáo viên	TH Cát Quế A	1/12/2009	1/6/2010	17/4/2017	9n7t	3,06	V.07.03.09	CĐ	6/2001	x	A2	x	x
46	Nguyễn Thu	Hà		18/03/1984	PHT	TH Cát Quế B	01/9/2007	01/3/2008	17/4/2017	11n11t	3,06	V.07.03.09	ĐH	7/2012	x	A2	x	x
47	Nguyễn Thị	Thảo		01/10/1989	Giáo viên	TH Cát Quế B	21/10/2011	01/4/2011	17/4/2017	8n10t	2,66	V.07.03.09	ĐH	7/2015	x	A2	x	x
48	Nguyễn Thúy	Hằng		28/03/1983	Giáo viên	TH Cát Quế B	01/9/2007	01/3/2008	17/4/2017	11n11t	3,06	V.07.03.09	ĐH	3/2011	x	A2	x	x
49	Ngô Thị Kim	Ngân		04/03/1983	Tổ trưởng	TH Cát Quế B	01/9/2007	01/3/2008	17/4/2017	11n11t	2,86	V.07.03.09	ĐH	6/2007	x	A2	x	x
50	Nguyễn Thị	Năm		20/02/1984	Tổ trưởng	TH Cát Quế B	01/9/2007	01/3/2008	17/4/2017	11n11t	3,06	V.07.03.09	CĐ	7/2007	x	A2	x	x
51	Nguyễn Thị	Thủy		27/09/1976	Giáo viên	TH Cát Quế B	01/9/2007	01/3/2008	17/4/2017	11n11t	2,86	V.07.03.09	CĐ	7/1999	x	A2	x	x
52	Trần Văn	Hải	10/5/1981		Giáo viên	TH Cát Quế B	01/9/2007	01/3/2008	17/4/2017	11n11t	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/2012	x	A2	x	x
53	Hoàng Thị	Nguyệt		12/05/1978	Giáo viên	TH Cát Quế B	01/9/1995	01/3/1997	17/4/2017	22n11t	4,06	V.07.03.09	ĐH	5/2006	x	A2	x	x
54	Phi Thị	Thu		05/08/1981	Giáo viên	TH Cát Quế B	12/01/2009	06/01/2010	17/4/2017	10n01t	2,66	V.07.03.09	ĐH	5/2007	ĐH	A2	x	x
55	Trần Thị	Thúy		06/4/1993	Tổ trưởng	TH Cát Quế B	10/9/2014	03/6/2015	17/4/2017	4n8t	2,26	V.07.03.09	CĐ	3/2015	x	B	x	x
56	Vương Thị	Hoa		27/5/1975	Giáo viên	TH Đắc Sở	01/09/07	01/03/08	17/4/2017	12n6t	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/2009	x	A2	x	x
57	Bá Thị	Tam		28/03/1978	Giáo viên	TH Đắc Sở	01/09/07	01/03/08	17/4/2017	12n6t	2,86	V.07.03.09	CĐ	08/2000	x	B	x	x
58	Nguyễn Thị	Phương		21/01/1988	Giáo viên	TH Đắc Sở	30/11/09	01/06/10	17/4/2017	10n3t	2,66	V.07.03.09	CĐ	08/2009	CĐ	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
59	Nguyễn Thị	Phương		14/04/1971	Giáo viên	TH Đắc Sở	01/09/07	01/03/08	17/4/2017	12n6t	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/2002	x	B	x	x
60	Trần Thị	Huê		18/08/1976	Giáo viên	TH Đắc Sở	01/09/07	01/03/08	17/4/2017	12n6t	2,86	V.07.03.09	ĐH	02/2002	x	A2	x	x
61	Trịnh Thị	Hồng		02/11/1981	Tổ phó	TH Di Trạch	15/9/2003	01/4/2004	01/4/2016	3n11t	3,46	V.07.03.09	ĐH	08/8/2012	x	A2	x	x
62	Cao Thị Bích	Hạnh		22/01/1984	Giáo viên	TH Di Trạch	06/9/2007	01/3/2008	01/4/2016	3n11t	2,86	V.07.03.09	CĐ	20/7/2007	x	A2	x	x
63	Đàm Hải	Yến		14/9/1986	Giáo viên	TH Di Trạch	01/4/2011	01/4/2012	17/4/2017	7n10t	2,46	V.07.03.09	ĐH	19/7/2010	x	A2	x	x
64	Nguyễn Thị Minh	Huế		20/5/1990	Giáo viên	TH Di Trạch	01/4/2011	01/4/2012	17/4/2017	7n10t	2,46	V.07.03.09	ĐH	29/7/2014	x	A2	x	x
65	Nguyễn Minh	Ngọc		01/11/1993	Giáo viên	TH Di Trạch	01/1/2016	01/7/2016	01/7/2016	3n7t	2,06	V.07.03.09	ĐH	23/8/2017	x	A2	x	x
66	Ng Thụy Trang	Nhung		01/8/1971	Giáo viên	TH Đông La	05/05/1995	5/5/1993	17/4/2017	25n9t	4,06	V.07.03.09	ĐH	4/4/2006	x	B	x	x
67	Nguyễn Thị	Thảo		31/5/1983	Giáo viên	TH Đông La	1/9/2007	01/3/2008	17/4/2017	11n11t	3,06	V.07.03.09	ĐH	29/3/2010	x	A2	x	x
68	Lê Thị	Chung		21/01/1985	TPT	TH Đông La	02/10/2006	02/4/2007	17/4/2017	10n10t	3,06	V.07.03.09	CĐ	20/7/2006	x	A2	x	x
69	Trịnh Thị Kim	Thoa		13/9/1984	Giáo viên	TH Đông La	01/12/2009	01/6/2010	17/4/2017	9n8t	2,66	V.07.03.09	ĐH	25/4/2008	ĐH	B	x	x
70	Nguyễn Văn	Giang	20/8/1975		Giáo viên	TH Đông La	30/11/2009	17/5/2010	17/4/2017	9n9t	2,86	V.07.03.09	CĐ	30/8/2000	CĐ	A2	x	x
71	Khổng Thị Việt	Hà		02/5/1976	Tổ phó	TH Đông La	01/12/2009	01/6/2010	17/4/2017	9n8t	2,66	V.07.03.09	CĐ	16/4/1997	x	Trung B	x	x
72	Lê Thị	Uyên		09/7/1991	Giáo viên	TH Đông La	01/10/2011	01/4/2012	17/4/2017	7n10t	2,46	V.07.03.09	ĐH	25/8/2015	x	A2	x	x
73	Vũ Thị	Trang		28/02/1991	Giáo viên	TH Đông La	01/10/2011	01/4/2012	17/4/2017	7n10t	2,46	V.07.03.09	ĐH	25/8/2015	x	B	x	x
74	Dương Thanh	Bình		09/03/1983	Tổ phó	TH Đông La	01/10/2011	01/4/2012	17/4/2017	7n10t	2,46	V.07.03.09	ĐH	15/8/2015	x	A2	x	x
75	Nguyễn Thị	Hồng		28/5/1991	Giáo viên	TH Đông La	06/11/2013	06/5/2014	17/4/2017	5n9t	2,26	V.07.03.09	CĐ	01/7/2013	x	B	x	x
76	Lê Thị Thu	Dung		28/12/1990	Giáo viên	TH Đông La	01/10/2011	01/4/2012	17/4/2017	5n9t	2,66	V.07.03.09	CĐ	20/7/2011	x	A2	x	x
77	Nguyễn Thị Thu	Thủy		11/6/1991	Giáo viên	TH Đông La	06/11/2013	06/5/2014	17/4/2017	5n9t	2,26	V.07.03.09	CĐ	02/6/2017	x	A2	x	x
78	Đỗ Thị Thanh	Hương		25/11/1992	Giáo viên	TH Đông La	10/9/2014	10/9/2014	17/4/2017	5n9t	2,46	V.07.03.09	CĐ	11/6/2014	x	B	x	x
79	Nguyễn Thị	Ngân		17/9/1986	Giáo viên	TH Đông La	25/11/2009	24/9/2010	17/4/2017	9n5t	2,66	V.07.03.09	ĐHSP	16/7/2018	x	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
80	Nguyễn Thị Thu	Hương		18/10/1992	Giáo viên	TH Đông La	15/10/2012	15/4/2013	17/4/2017	6n10t	2,26	V.07.03.09	ĐH	23/8/2017	x	C	x	x
81	Nguyễn Thị Bích	Hồng		15/12/1987	TPT	TH Đức Giang	01/11/2010	01/05/2011	17/04/2017	10n1t	2,66	V.07.03.09	ĐH	13/07/2012	x	A2	x	x
82	Nguyễn Thị	Hương		22/06/1988	Giáo viên	TH Đức Giang	01/10/2011	01/04/2012	17/04/2017	9n	2,66	V.07.03.09	CĐ	14/07/2009	x	B	x	x
83	Nguyễn Thị	Thúy		01/03/1974	Giáo viên	TH Đức Giang	01/09/2007	01/03/2008	17/04/2017	12n3t	3.06	V.07.03.09	ĐH	10/6/2007	x	CĐ	x	x
84	Phạm Thị	Thương		02/01/1992	Tổ phó	TH Đức Giang	06/11/2013	06/05/2014	17/04/2017	6n1t	2,26	V.07.03.09	CĐ	20/6/2013	x	B	x	x
85	Nguyễn Thị	Thoa		11/02/1987	Giáo viên	TH Đức Giang	07/10/2010	07/04/2011	17/04/2017	9n2t	2,66	V.07.03.09	CĐ	01/06/2009	x	B	x	x
86	Nguyễn Thị	Dung		08/03/1992	Giáo viên	TH Đức Thượng	06/11/2013	06/05/2014	17/04/2017	6n	2.26	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	C	x	x
87	Nguyễn Ngọc	Tú		12/02/1978	Giáo viên	TH Đức Thượng	01/10/2011	01/10/2011	17/04/2017	9n	3.06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	C	x	x
88	Nguyễn Thị Thanh	Hà		18/10/1974	Giáo viên	TH Đức Thượng	01/09/2007	01/03/2008	17/04/2017	12n	2.86	V.07.03.09	ĐH	08/1996	x	C	x	x
89	Cảnh Thị	Bình		11/02/1982	Tổ phó	TH Đức Thượng	01/09/2007	01/03/2008	17/04/2017	12n	3.06	V.07.03.09	ĐH	07/2006	x	C	x	x
90	Đặng Thị Khánh	Vân		22/02/1987	Giáo viên	TH Đức Thượng	01/11/2012	01/09/2013	17/04/2017	7n	2.46	V.07.03.09	ĐH	08/2015	x	C	x	x
91	Nguyễn Phi	Sơn	06/06/1986		Tổ phó	TH Đức Thượng	01/09/2007	01/03/2008	17/04/2017	12n	3.06	V.07.03.09	CĐ	07/2007	x	C	x	x
92	Nguyễn Thị	Thảo		16/03/1981	PHT	TH Đức Thượng	01/09/2007	01/03/2008	17/04/2017	12n	3.06	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	C	x	x
93	Nguyễn Thị Bích	Thủy		10/09/1981	Tổ trưởng	TH Đức Thượng	01/09/2007	01/03/2008	17/04/2017	12n	3.06	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	C	x	x
94	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		07/12/1989	TPT	TH Đức Thượng	01/12/2010	01/06/2011	17/04/2017	9n	2.66	V.07.03.09	ĐH	08/2010	SP Toán-	C	x	x
95	Trịnh Thị Kim	Cúc		25/11/1991	Giáo viên	TH Đức Thượng	06/11/2013	06/05/2014	17/04/2017	6n	2.26	V.07.03.09	ĐH	11/2016	x	C	x	x
96	Nguyễn Thị	Thắm		07/12/1993	Giáo viên	TH Đức Thượng	10/09/2014	10/03/2015	17/04/2017	5n	2.26	V.07.03.09	ĐH	11/2016	x	C	x	x
97	Nguyễn Thị Hường	Ly		08/07/1993	Giáo viên	TH Đức Thượng	10/09/2014	10/03/2015	17/04/2017	5n	2.26	V.07.03.09	ĐH	06/2014	x	C	x	x
98	Bùi Thị Thu	Hà		14/02/1991	Giáo viên	TH Đức Thượng	01/11/2013	01/05/2014	17/04/2017	6n	2.26	V.07.03.09	ĐH	06/2013	x	C	x	x
99	Giang Thị	Tường		13/07/1992	Giáo viên	TH Đức Thượng	10/09/2014	10/03/2015	17/04/2017	5n	2.26	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	C	x	x
100	Nguyễn Thị	Hòa		03/03/1983	Giáo viên	TH Đức Thượng	01/10/2011	01/04/2012	17/04/2017	8n	2.46	V.07.03.09	CĐ	07/2004	x	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
101	Nguyễn Thị	Thi		11/08/1990	Giáo viên	TH Đức Thượng	10/10/2011	10/04/2012	11/04/2017	8n	2.46	V.07.03.09	ĐH	08/2015	x	C	x	x
102	Nguyễn Thị Thu	Hằng		15/031978	Tổ trưởng	TH Đức Thượng	01/12/2009	01/12/2009	17/04/2017	11n	3.06	V.07.03.09	ĐH	11/2005	x	Pháp C	x	x
103	Bùi Thị	Việt		07/11/1993	Giáo viên	TH Đức Thượng	10/09/2014	10/03/2015	17/04/2017	5n	2.26	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	C	x	x
104	Bùi Thị	Ngọc		07/09/1993	Giáo viên	TH Đức Thượng	01/01/2016	01/07/2016	17/04/2016	4n	2.06	V.07.03.09	ĐH	6/2014	x	C	x	x
105	Nguyễn Thị Mai	Anh		13/07/1985	Giáo viên	TH Đức Thượng	01/01/2016	01/07/2016	17/04/2016	4n	2.06	V.07.03.09	ĐH	02/2019	x	C	x	x
106	Nguyễn Thị Thu	Nga		26/07/1989	Giáo viên	TH Dương Liễu A	21/10/2011	17/07/2012	17/4/2017	8n5t	2,46	V.07.03.09	ĐH	19/6/2015	x	B	x	x
107	Nguyễn Thị Huyền	Nga		23/07/1979	Giáo viên	TH Dương Liễu A	06/09/2007	21/05/2008	17/4/2017	12n6t	3,06	V.07.03.09	ĐH	14/01/2009	x	A2	x	x
108	Kiến Thị	Thành		27/10/1985	Giáo viên	TH Dương Liễu A	06/09/2007	21/05/2008	17/4/2017	12n6t	2,86	V.07.03.09	ĐH	11/03/2011	x	A2	x	x
109	Nguyễn Thị Vân	Ngọc		16/02/1983	Giáo viên	TH Dương Liễu A	06/09/2007	21/05/2008	17/4/2017	12n6t	2,86	V.07.03.09	ĐH	08/08/2012	x	B	x	x
110	Nguyễn Thị	Hương		11/11/1990	Giáo viên	TH Dương Liễu A	31/12/2011	01/01/2012	17/4/2017	8n2t	2,66	V.07.03.09	ĐH	21/03/2017	x	B	x	x
111	Trung Thị	Long		19/01/1977	Giáo viên	TH Dương Liễu A	06/09/2007	21/05/2008	17/4/2017	12n6t	2,86	V.07.03.09	ĐH	05/11/2009	x	B	x	x
112	Cao Thị	Lập		17/10/1981	Tổ trưởng	TH Dương Liễu A	06/09/2007	21/05/2008	17/4/2017	11n4t	3,06	V.07.03.09	ĐH	01/7/2003	x	B	x	x
113	Phi Thị	Uyên		25/05/1989	Giáo viên	TH Dương Liễu A	08/11/2012	08/11/2012	17/4/2017	6n2t	2,66	V.07.03.09	ĐH	25/08/2015	x	B	x	x
114	Nguyễn Thị	Ngọc		12/2/1979	Giáo viên	TH Dương Liễu B	01/10/2011	01/10/2011	01/10/2011	8n4t	3,06	V.07.03.09	CĐ	2002	x	A2	x	x
115	Phí Thị	Hương		18/10/1989	Giáo viên	TH Dương Liễu B	01/11/2012	01/11/2012	01/11/2012	7n3t	2,46	V.07.03.09	ĐH	2015	x	A2	x	x
116	Huy Thị	Lộc		07/12/1984	Giáo viên	TH Dương Liễu B	01/12/2009	01/6/2010	01/6/2010	9n8t	2,66	V.07.03.09	ĐH	2010	ĐH	A2	x	x
117	Nguyễn Thị Xuân	Yến		07/05/1986	Giáo viên	TH Dương Liễu B	01/10/2011	01/04/2012	01/04/2012	7n10t	2,46	V.07.03.09	ĐH	2016	x	A2	x	x
118	Đỗ Thị	Thủy		27/1/1993	Giáo viên	TH Kim Chung A	6/11/2013	6/5/2014	17/4/2017	6n2t	2,26	V.07.03.09	ĐH	8/2017	x	C	x	x
119	Doãn Thị Hà	Xuân		14/11/1977	Giáo viên	TH Kim Chung A	1/9/2007	1/3/2008	17/4/2017	12n4t	3,06	V.07.03.09	ĐH	8/2015	x	C	x	x
120	Phan Thị	Phượng		27/4/1977	Giáo viên	TH Kim Chung A	1/9/2007	1/3/2008	17/4/2017	12n4t	2,86	V.07.03.09	ĐH	7/2000	x	C	x	x
121	Cao Thị	Tích		30/10/1986	Giáo viên	TH Kim Chung A	6/11/2013	6/5/2014	17/4/2017	6n3t	2,26	V.07.03.09	ĐH	6/2013	x	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
122	Nguyễn Thu	Cúc		18/12/1984	Giáo viên	TH Kim Chung A	1/10/2012	1/4/2014	17/4/2017	7n3t	2,26	V.07.03.09	ĐH	10/2010	x	Pháp C	x	x
123	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh		20/10/1988	TPT	TH Kim Chung A	10/9/2014	10/3/2015	23/1/2015	5n4t	2,86	V.07.03.09	ĐH	7/2012	x	C	x	x
124	Nguyễn Thị Hương	Thảo		14/09/1977	Giáo viên	TH Kim Chung B	10/2001	12/2009	17/04/2017	10n2t	3,06	V.07.03.09	ĐH	07/2011	x	Pháp C	x	x
125	Nguyễn Thị Thu	Hường		29/07/1983	Giáo viên	TH Kim Chung B	09/2005	12/2009	17/04/2017	10n2t	3,06	V.07.03.09	ĐH	12/2008	CĐ	A2	x	x
126	Trần Thị Hồng	Giang		28/03/1989	Giáo viên	TH La Phù	01/11/2010	01/05/2011	17/04/2017	8n9t	2.46	V.07.03.09	ĐH	25/8/2015	x	B	x	x
127	Nguyễn Thị	Hà		25/06/1987	Giáo viên	TH La Phù	19/09/2014	10/03/2015	17/04/2017	5n11t	2.26	V.07.03.09	ĐH	01/12/2016	x	A2	x	x
128	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		16/04/1982	Giáo viên	TH La Phù	06/09/2007	01/03/2008	17/04/2017	11n11t	3.06	V.07.03.09	ĐH	08/08/2012	x	A2	x	x
129	Tạ Duy	Trinh	08/01/1982		Giáo viên	TH La Phù	01/10/2011	01/4/2012	17/04/2017	7n10t	2.46	V.07.03.09	CĐ	01/7/2003	x	A2	x	x
130	Nguyễn Văn	Long	22/02/1992		Giáo viên	TH La Phù	10/09/2014	03/6/2015	17/04/2017	4n11t	2.26	V.07.03.09	ĐH	12/06/2013	x	A2	x	x
131	Nguyễn Thị Thu	Hương		04/03/1980	Tổ phó	TH La Phù	25/12/2002	25/6/2003	17/04/2017	16n8t	3.46	V.07.03.09	ĐH	12/03/2008	x	B2	x	x
132	Đỗ Thị	Viền		12/8/1979	Giáo viên	TH La Phù	1/1/2010	1/7/2010	17/4/2017	10n01t	2.66	V.07.03.09	CĐ	14/1/2004	x	Trung B	x	x
133	Nguyễn Thị	Kim		28/6/1973	Giáo viên	TH Lại Yên	01/9/2007	1/3/2008	17/4/2017	11n11	3,06	V.07.03.09	ĐH	15/7/1999	x	ITP	x	x
134	Vũ Thị	Lan		24/2/1989	TPT	TH Lại Yên	1/10/2011	1/4/2012	17/4/2017	7n10	2,46	V.07.03.09	ĐH	16/11/2016	x	B	x	x
135	Lý Thị	Hải		11/12/1981	Giáo viên	TH Lại Yên	1/12/2009	1/6/2010	17/4/2017	9n6	2,66	V.07.03.09	ĐH	10/8/2009	ĐH	C	x	x
136	Nguyễn Thị	Lan		11/2/1986	Giáo viên	TH Lại Yên	1/10/2011	1/10/2011	17/4/2017	8n4	2,86	V.07.03.09	ĐH	1/6/2012	x	B	x	x
137	Phạm Thị	Loan		21/12/1990	Giáo viên	TH Lại Yên	1/10/2011	1/4/2012	17/4/2017	7n10	2,46	V.07.03.09	ĐH	16/11/2016	x	B	x	x
138	Nguyễn Thị	Hồng		15/11/1975	Giáo viên	TH Lại Yên	1/12/2009	1/12/2009	17/4/2017	10n2	3,06	V.07.03.09	ĐH	27/9/2005	x	Pháp C	x	x
139	Đào Bích	Hồng		14/03/1992	Giáo viên	TH Lại Yên	6/11/2013	6/5/2014	17/4/2017	5n9	2,46	V.07.03.09	ĐH	23/8/2017	x	C	x	x
140	Nguyễn Thị	Tuyến		31/12/1991	Giáo viên	TH Lại Yên	1/10/2012	1/4/2013	17/4/2017	6n10	2,46	V.07.03.09	ĐH	26/2/2016	x	C	x	x
141	Vương Thị Phương	Thu		9/8/1992	Giáo viên	TH Lại Yên	10/9/2014	10/3/2015	17/4/2017	4n11	2,26	V.07.03.09	ĐH	4/7/2017	x	B	x	x
142	Nguyễn Thị	Xoan		01/6/1976	PHT	TH Minh Khai	01/9/2007	01/3/2008	17/4/2017	12n	3,06	V.07.03.09	ĐH	14/01/2009	x	Bậc 2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
143	Đỗ Thị	Trang		08/6/1988	Tổ trưởng	TH Minh Khai	18/11/2009	18/5/2010	17/4/2017	9n9t	2,86	V.07.03.09	ĐH	09/8/2016	x	A2	x	x
144	Hoàng Kim	Lam	20-11-1985		Tổ trưởng	TH Minh Khai	01/12/2009	01/06/2010	17/4/2017	9n9t	2,66	V.07.03.09	CĐ	15/9/2008	CĐ	A2	x	x
145	Trần Thị	Hường		26/5/1975	Giáo viên	TH Minh Khai	07/10/2010	07/4/2011	17/4/2017	8n11t	2,86	V.07.03.09	CĐ	30/8/2000	x	A2	x	x
146	Thiên Thị	Bích		17/7/1985	Tổ phó	TH Minh Khai	01/12/2009	01/06/2010	17/4/2017	9n9t	2,86	V.07.03.09	ĐH	07/10/2008	x	A2	x	x
147	Trần Thanh	Hải	13/09/1983		Giáo viên	TH Minh Khai	01/09/2007	01/3/2008	17/4/2017	12n	2,86	V.07.03.09	CĐ	20/7/2006	x	A2	x	x
148	Lê Thị	Thúy		15/8/1989	Giáo viên	TH Minh Khai	01/10/2011	01/4/2012	17/4/2017	7n11t	2,46	V.07.03.09	ĐH	25/8/2015	x	A2	x	x
149	Nguyễn Huy	Thao	20/01/1977		Giáo viên	TH Sơn Đồng	01/09/2007	01/03/2008	17/04/2017	11n11t	2.86	V.07.03.09	ĐH	11/2012	x	B	x	x
150	Nguyễn Khánh Thị	Trang		27/07/1994	Giáo viên	TH Sơn Đồng	10/09/2014	10/03/2015	17/04/2017	4n11t	2.26	V.07.03.09	ĐH	10/2017	x	A2	x	x
151	Trần Thị	Thu		20/09/1975	Giáo viên	TH Sơn Đồng	01/09/2007	01/03/2008	17/04/2017	11n11t	3.06	V.07.03.09	CĐ	03/2001	x	C	x	x
152	Trần Thị	Loan		13/10/1978	Giáo viên	TH Sơn Đồng	01/12/2009	01/12/2009	17/04/2017	10n2t	3.06	V.07.03.09	CĐ	10/2006	CĐ	A2	x	x
153	Doãn Thị	Thu		04/07/1985	Giáo viên	TH Sơn Đồng	01/10/2011	01/03/2012	17/04/2017	7n11t	2.86	V.07.03.09	CĐ	07/2007	x	A2	x	x
154	Khổng Thị	Yến		13/10/1990	Tổ phó	TH Sơn Đồng	06/11/2013	06/05/2014	17/04/2017	5n9t	2.46	V.07.03.09	ĐH	13/7/2012	x	A2	x	x
155	Nguyễn Thị	Lý		30/3/1986	Tổ phó	TH Song Phương	01/10/2011	01/4/2012	17/4/2016	3n10t	2,46	V.07.03.09	ĐH	6/2017	x	C	x	x
156	Hoàng Phú Vui	Đức	16/10/1985		TPT	TH Song Phương	01/7/2007	01/3/2008	17/4/2016	3n10t	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2011	x	C	x	x
157	Vương Thị	Hải		31/12/1988	Giáo viên	TH Song Phương	01/01/2016	01/7/2016	01/7/2016	3n7t	2,06	V.07.03.09	ĐH	4/2018	x	C	x	x
158	Nguyễn Thị	Bích		10/4/1986	Giáo viên	TH Song Phương	07/11/2013	06/5/2014	17/4/2016	3n10t	2,46	V.07.03.09	CĐ	7/2009	x	C	x	x
159	Kiều Thị	Nhài		10/5/1990	Giáo viên	TH Song Phương	01/10/2011	01/4/2012	17/4/2016	3n10t	2,46	V.07.03.09	ĐH	6/2017	x	C	x	x
160	Nguyễn Thị	Tâm		11/1/1991	Giáo viên	TH Song Phương	07/11/2013	06/5/2014	17/4/2016	3n10t	2,46	V.07.03.09	ĐH	6/2013	x	C	x	x
161	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		13/02/1980	TPT	TH thị trấn Trạm Trôi	31/08/2007	01/02/2008	17/04/2017	12n	3.06	V.07.03.09	ĐH	15/12/2010	x	C	x	x
162	Duy Thị	Hải		24/11/1991	Giáo viên	TH thị trấn Trạm Trôi	01/10/2011	01/04/2012	17/04/2017	7n10t	2.66	V.07.03.09	ĐH	14/07/2011	x	C	x	x
163	Nguyễn Thị Quế	Lan		10/01/1975	Giáo viên	TH thị trấn Trạm Trôi	01/09/2007	01/03/2008	17/04/2017	11n11t	3.06	V.07.03.09	CĐ	10/11/1997	x	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTDCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
164	Phạm Thị Bích	Liên		04/04/1980	Tổ phó	TH thị trấn Trạm Trôi	01/09/2007	01/03/2008	17/04/2017	11n11t	3.06	V.07.03.09	ĐH	30/8/2000	x	A2	x	x
165	Nguyễn Thị Thùy	Linh		03/06/1984	Giáo viên	TH thị trấn Trạm Trôi	01/09/2007	01/03/2008	17/04/2017	11n11t	2.86	V.07.03.09	ĐH	19/06/2006	x	C	x	x
166	Nguyễn Thị	Lợi		29/01/1981	Giáo viên	TH thị trấn Trạm Trôi	10/09/2014	10/03/2015	17/04/2017	4n11t	2.26	V.07.03.09	ĐH	19/02/2019	x	B	x	x
167	Nguyễn Thị	Thúy		22/06/1990	Giáo viên	TH thị trấn Trạm Trôi	01/11/2011	01/05/2012	12/04/2017	7n9t	2.46	V.07.03.09	ĐH	25/10/2017	x	B	x	x
168	Lê Thị Minh	Sinh		26/08/1977	Giáo viên	TH Tiền Yên	01/9/2007	01/3/2008	17/4/2017	11n11t	3,26	V.07.03.09	ĐH	11/2009	x	C	x	x
169	Nguyễn Thị	Thanh		26/02/1986	Giáo viên	TH Tiền Yên	01/9/2007	01/3/2008	17/4/2017	11n11t	2,86	V.07.03.09	ĐH	11/2012	x	C	x	x
170	Nguyễn Thị	Xuyến		20/6/ 1974	Giáo viên	TH Tiền Yên	01/9/2007	01/3/2008	17/4/2017	11n11t	2,86	V.07.03.09	CĐ	12/1999	x	C	x	x
171	Nguyễn Thế	Hồng	20/9/ 1985		Giáo viên	TH Tiền Yên	01/9/2007	01/3/2008	17/4/2017	11n11t	2,86	V.07.03.09	CĐ	7/2007	x	C	x	x
172	Nguyễn Thị	Loan		01/01/1986	Giáo viên	TH Tiền Yên	01/12/2009	18/5/2010	17/4/2017	9n9t	2,86	V.07.03.09	ĐH	27/7/2008	x	C	x	x
173	Đức Thị	Hường		30/10/1974	Giáo viên	TH Tiền Yên	01/12/2009	01/6/2010	17/4/2017	9n8t	2,66	V.07.03.09	CĐ	12/1997	x	Trung	x	x
174	Đăng Thị	Loan		25/05/1985	Giáo viên	TH Tiền Yên	01/12/2009	01/6/2010	17/4/2017	9n8t	2,66	V.07.03.09	ĐH	10/2009	ĐH	C	x	x
175	Nguyễn Thị Việt	Hồng		15/11/1982	Giáo viên	TH Tiền Yên	05/01/2005	01/7/2005	17/4/2017	14n7t	3,26	V.07.03.09	ĐH	8/2012	x	C	x	x
176	Tạ Thị	Vui		28/12/1986	PHT	TH Vân Canh	01/09/2007	01/03/2008	17/04/2017	12n5t	2.86	V.07.03.09	CĐ	07/2007	x	A2	x	x
177	Phạm Thị	Nga		08/03/1989	Giáo viên	TH Vân Canh	01/10/2011	01/04/2012	17/04/2017	8n4t	2.66	V.07.03.09	ĐH	7/2011	x	A2	x	x
178	Lã Thị	Thanh		28/12/1990	Tổ phó	TH Vân Canh	01/10/2011	01/04/2012	17/04/2017	8n4t	2.66	V.07.03.09	ĐH	8/2015	x	A2	x	x
179	Bùi Thị	Hương		01/01/1990	Giáo viên	TH Vân Canh	10/09/2014	10/03/2015	17/04/2017	5n5t	2.26	V.07.03.09	CĐ	02/2012	x	A2	x	x
180	Nghiêm Thị	Nhẫn		28/10/1986	Giáo viên	TH Vân Canh	06/11/2013	06/05/2014	17/04/2017	6n1t	2.46	V.07.03.09	ĐH	08/2017	x	A2	x	x
181	Nguyễn Lan	Anh		21/11/1991	Giáo viên	TH Vân Canh	15/09/2014	15/03/2015	17/04/2017	4n11t	2.26	V.07.03.09	ĐH	04/2017	x	B	x	x
182	Nguyễn Thị Hồng	Điệp		14/7/1979	Tổ trưởng	TH Vân Côn	01/9/2007	1/3/2008	17/4/2017	11n11t	3,06	V.07.03.09	CĐ	6/2002	x	B	x	x
183	Hà Thị Thanh	Huyền		22/12/1988	Tổ trưởng	TH Vân Côn	01/10/2011	01/4/2012	17/4/2017	7n11t	2,66	V.07.03.09	ĐH	13/8/2009	x	A2	x	x
184	Hà Thị Thu	Hảo		19/5/1991	Giáo viên	TH Vân Côn	06/11/2013	6/5/2014	17/4/2017	5n9t	2,26	V.07.03.09	ĐH	01/7/2013	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
185	Nguyễn Thị Thanh	Hương		09/11/1975	Giáo viên	TH Vân Côn	21/10/2011	01/3/2011	17/4/2017	8n11t	2,66	V.07.03.09	CĐ	01/2/1999	x	B	x	x
186	Nguyễn Thị	Lan		28/2/1987	Giáo viên	TH Vân Côn	01/10/2011	01/4/2012	17/4/2017	7n11t	2,46	V.07.03.09	CĐ	13/8/2009	x	C	x	x
187	Nguyễn Thị	Dự		10/11/1991	Giáo viên	TH Vân Côn	10/9/2014	10/03/2015	17/4/2017	4n11t	2,26	V.07.03.09	CĐ	25/6/2014	x	C	x	x
188	Nguyễn Thị	Dung		28/6/1992	Giáo viên	TH Vân Côn	10/9/2014	10/09/2014	17/4/2017	5n5t	2,26	V.07.03.09	ĐH	11/5/2018	x	C	x	x
189	Nguyễn Thị	Hương		26/01/1993	Giáo viên	TH Vân Côn	21/12/2015	01/11/2016	24/2/2017	3n2t	2,06	V.07.03.09	CĐ	24/5/2016	x	B	x	x
190	Nguyễn Thị	Mùi		25/10/1991	Tổ trưởng	TH Vân Côn	10/9/2014	10/3/2015	17/4/2017	4n11t	2,26	V.07.03.09	ĐH	5/2013	x	C	x	x
191	Nguyễn Thị	Thúy		20/10/1991	Tổ phó	TH Vân Côn	01/10/2011	01/4/2012	17/4/2017	7n11t	2,46	V.07.03.09	ĐH	23/8/2017	x	C	x	x
192	Đỗ Thị	Sâm		10/2/1980	Tổ phó	TH Vân Côn	09/2007	01/3/2008	17/4/2017	11n11t	2,86	V.07.03.09	CĐ	28/8/2002	x	C	x	x
193	Nguyễn Thị	Chinh		20/10/1992	Giáo viên	TH Yên Sở	10/9/2014	10/3/2015	17/4/2017	4n11t	2,26	V.07.03.09	CĐ	3/2014	x	A2	x	x
194	Nguyễn Thị Thu	Cúc		13/12/1977	Giáo viên	TH Yên Sở	1/12/2009	1/12/2009	17/4/2017	10n3t	3,06	V.07.03.09	CĐ	5/1999	CĐ	A2	x	x
195	Nguyễn Thị Minh	Hồng		9/5/1978	Giáo viên	TH Yên Sở	1/9/2007	1/3/2008	17/4/2017	11n11t	2,86	V.07.03.09	ĐH	8/2017	x	A2	x	x
196	Nguyễn Thị Thanh	Hương		20/11/1994	Giáo viên	TH Yên Sở	01/01/2016	1/7/2016	1/7/2016	3n7t	2,06	V.07.03.09	CĐ	5/2016	x	A2	x	x
197	Nguyễn Thị	Hường		6/1/1981	Giáo viên	TH Yên Sở	1/9/2007	1/3/2008	17/4/2017	11n11t	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	A2	x	x
198	Nguyễn Thu	Nga		8/6/1989	Giáo viên	TH Yên Sở	1/11/2013	1/5/2014	17/4/2017	5n9t	2,26	V.07.03.09	ĐH	7/2012	ĐH	A2	x	x
199	Trần Thị Thanh	Nhàn		29/9/1988	Giáo viên	TH Yên Sở	10/9/2014	10/3/2015	17/4/2017	4n11t	2,26	V.07.03.09	ĐH	2/2019	x	A2	x	x
200	Phí Thị	Thảo		1/2/1990	Giáo viên	TH Yên Sở	6/11/2013	6/5/2014	17/4/2017	5n9t	2,26	V.07.03.09	CĐ	7/2012	x	A2	x	x
201	Trần Thị Hải	Yến		04/12/1992	Giáo viên	TH Yên Sở	6/11/2013	6/5/2014	17/4/2017	5n9t	2,26	V.07.03.09	ĐH	2/2019	x	A2	x	x

Danh sách này gồm có: 201 người.

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND HUYỆN CHƯƠNG MỸ CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
1	Phạm Thị Hương	Lan		21/9/1977	GV Tiếng Anh	TH Bê Tông	01/01/2010	01/01/2010	11/04/2017	10N	3,06	V.03.07.09	ĐHSP Tiếng anh	11/2001	X	Pháp C	X	X
2	Nguyễn Thị	Thắm		25/5/1984	GV Tin	TH Bê Tông	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	10N	2,66	V.03.07.09	ĐH CNTT	09/2009	ĐH	Anh C	X	X
3	Đỗ Thị	Xuyến		28/9/1978	GV Văn hóa	TH Bê Tông	01/9/2007	01/3/2008	11/04/2017	12N	2,86	V.03.07.09	CĐSP Tiểu học	08/2001	X	Anh A2	X	X
4	Nguyễn Thị	Thúy		24/02/1977	GV Văn hóa	TH Bê Tông	10/9/2007	10/3/2008	27/3/2017	12N	3,26	V.03.07.09	ĐHSP Tiểu học	10/2003	X	Anh C	X	X
5	Đinh Thị	Thúy		15/8/1972	GV Văn hóa	TH Bê Tông	01/12/2009	01/6/2010	11/04/2017	10N	2,66	V.03.07.09	CĐSP Tiểu học	02/1999	X	Anh B	X	X
6	Tạ Thị	Nguyệt		08/9/1985	GV Văn hóa	TH Bê Tông	01/9/2007	01/3/2008	11/04/2017	12N	2,86	V.03.07.09	CĐSP Tiểu học	07/2006	X	Anh B	X	X
7	Lê Thị Ánh	Hồng		04/8/1981	GV Văn hóa	TH Bê Tông	10/9/2007	10/3/2008	11/04/2017	12N	2,86	V.03.07.09	CĐSP Tiểu học	08/2010	X	Anh A2	X	X
8	Nguyễn Thị	Nhung		10/9/1990	GV Thể dục	TH Bê Tông	01/10/2014	01/4/2015	27/3/2017	5N	2,26	V.03.07.09	CĐSP Tiểu học	07/2011	X	Anh A2	X	X
9	Nguyễn Thị	Hòa		02/01/1978	GV Văn hóa	TH Bê Tông	01/10/2014	01/10/2014	11/4/2007	6N	3,06	V.03.07.09	CĐSP Tiểu học	08/2001	X	Anh A2	X	X
10	Nguyễn Thúy	Hà		12/02/1977	GV Thể dục	TH Bê Tông	01/11/2011	01/11/2011	11/4/2017	9N	2,66	V.03.07.09	CĐSP TDTT	09/1998	X	Anh B	X	X
11	Trần Thị Mai	Hương		23/12/1976	GV Văn hóa	TH Bê Tông	01/10/2014	01/10/2014	11/04/2017	6N	3,06	V.03.07.09	CĐSP Tiểu học	02/1999	X	Anh C	X	X
12	Bùi Thị	Yến		25/08/1972	GV Văn hóa	TH TT Chúc Sơn A	16/11/1994	16/05/1996	11/04/2017	24N	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	05/2005	X	Anh A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
13	Bùi Thị Bích	Thảo		02/05/1976	GV Văn hóa	TH TT Chúc Sơn A	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N	2,86	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	12/1999	X	Anh B	X	X
14	Đương Thị	Nga		02/02/1979	GV Âm nhạc	TH TT Chúc Sơn A	01/01/2005	01/07/2005	11/04/2017	15N	3,26	V.07.03.09	CĐSP Âm nhạc	10/2003	X	Anh B	X	X
15	Đặng Thị	Xuyến		20/09/1982	GV Tiếng Anh	TH TT Chúc Sơn A	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	10N	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Tiếng anh	10/2006	X	Pháp C	X	X
16	Nguyễn Thị	Lộc		22/02/1984	GV Văn hóa	TH TT Chúc Sơn A	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	12N	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	07/2006	X	Anh A2	X	X
17	Bùi Thị Phương	Linh		26/10/1984	GV Tin	TH TT Chúc Sơn A	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	10N	2,66	V.07.03.09	ĐH Tin học	01/2007	ĐH	Anh A2	X	X
18	Đào Hồng	Sơn	19/10/1970		GV Mỹ Thuật	TH TT Chúc Sơn A	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N	2,86	V.07.03.09	CĐSP Mỹ thuật	10/2001	X	Anh B	X	X
19	Nguyễn Thị	Hằng		28/04/1977	GV Văn hóa	TH TT Chúc Sơn A	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	08/2002	X	Anh B	X	X
20	Nguyễn Kim	Lâm	9/9/1991		GV Thể dục	TH TT Chúc Sơn B	01/10/2014	01/10/2014	11/4/2017	5N5T	2,46	V.07.03.09	ĐHSP TDTT	07/2013	X	Anh B	X	X
21	Trịnh Thị	Mai		27/9/1968	GV Văn hóa	TH TT Chúc Sơn B	01/5/1992	5/01/1992	11/4/2017	27N9T	4,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/2005	X	Anh A2	X	X
22	Nguyễn Thị	Chanh		19/4/1987	GV Tin	TH TT Chúc Sơn B	01/01/2010	7/01/2010	11/4/2017	10N2T	2,66	V.07.03.09	ĐH Tin học	12/2011	ĐH Tin	Anh A2	X	X
23	Bùi Thị Lệ	Hằng		2/4/1974	GV Tiếng Anh	TH TT Chúc Sơn B	01/01/2010	01/01/2010	11/4/2017	10N2T	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiếng anh	03/1997	X	Pháp C	X	X
24	Hồ Thị	Thu		20/9/1975	GV Tiếng Anh	TH TT Chúc Sơn B	01/01/2010	01/01/2010	11/4/2017	10N2T	3,06	V.07.03.09	ĐH Tiếng anh	10/2000	X	Pháp C	X	X
25	Tạ Thị	Hương		14/9/1987	GV Văn hóa	TH TT Chúc Sơn B	11/01/2011	05/01/2012	04/12/2017	7N9T	2,66	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	06/2009	X	Anh B	X	X
26	Nguyễn Hữu	Anh	20/02/1978		GV Mỹ Thuật	TH Đại Yên	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	6N8T	3,06	V.07.03.09	CĐSP Mỹ thuật	12/2005	X	Anh A2	X	X
27	Lâm Thị Thanh	Huyền		29/01/1988	GV Văn hóa	TH Đại Yên	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	4n11t	2,26	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	04/2010	X	Anh B	X	X
28	Đào Thị Thanh	Hương		18/04/1982	GV Văn hóa	TH Đại Yên	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	9N5T	2,86	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2004	X	Anh A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
29	Tô Thị	Hằng		09/04/ 1977	GV Tin	TH Đại Yên	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	9N3T	2,66	V.07.03.09	CĐ Tin học	06/2002	CĐ	Anh C	X	X
30	Nguyễn Thị Long	An		12/06/ 1991	GV Thể dục	TH Đồng Phương Yên	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	4N9T	2,26	V.07.03.09	ĐHSP TDTT	07/2013	X	Anh A2	X	X
31	Dương Thị Phương	Anh		25/06/ 1990	GV Âm nhạc	TH Đồng Phương Yên	01/10/2014	01/10/2015	01/10/2015	4N3T	2,26	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	06/2013	X	Anh A2	X	X
32	Bùi Thị Kim	Duyên		08/10/ 1977	GV Văn hóa	TH Đồng Phương Yên	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11N10T	2,86	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	02/1999	X	Anh A2	X	X
33	Kiều Thị Thu	Hiền		25/12/ 1981	GV Âm nhạc	TH Đồng Phương Yên	01/01/2005	01/07/2005	11/04/2017	14N6T	3,26	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	04/2011	X	Anh A2	X	X
34	Lê Duy	Hùng	19/09/1991		GV Tin	TH Đồng Phương Yên	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	4N9T	2,26	V.07.03.09	CĐSP Toán - Tin	07/2012	CĐ	Anh B	X	X
35	Lưu Thị	Huyền		03/08/ 1983	GV Mỹ Thuật	TH Đồng Phương Yên	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11N10T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ Thuật	08/2012	X	Anh A2	X	X
36	Lý Thị	Lam		03/09/ 1985	GV Mỹ Thuật	TH Đồng Phương Yên	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11N10T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ Thuật	08/2012	X	Anh A2	X	X
37	Bùi Thị	Luận		08/06/ 1991	GV Văn hóa	TH Đồng Phương Yên	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	4N9T	2,26	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	07/2013	X	Anh A2	X	X
38	Bùi Thị Ngọc	Oanh		02/04/ 1991	GV Văn hóa	TH Đồng Phương Yên	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3N6T	2,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	06/2013	X	Anh A2	X	X
39	Nguyễn Thị	Phượng		11/09/ 1976	GV Văn hóa	TH Đồng Phương Yên	01/10/2011	01/11/2011	11/04/2017	8N2T	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2002	X	Anh B	X	X
40	Nguyễn Thị Hải	Hà		30/03/1985	GV Tin	TH Đồng Sơn	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	9N7T	2,66	V.07.03.09	ĐH CNTT	4/2009	X	Anh A2	X	X
41	Nghiêm Thị	Huyền		11/11/1985	GV Thể dục	TH Đồng Sơn	01/12/2011	01/06/2012	11/04/2017	7N8T	2,46	V.07.03.09	ĐH GDTC	6/2011	X	Anh A2	X	X
42	Trần Thị	Thủy		06/10/1985	GV Tiếng Anh	TH Đồng Sơn	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	9N7T	2,66	V.07.03.09	ĐH Tiếng anh	02/2008	X	Pháp B	X	X
43	Vũ Thị Thu	Hải		16/04/1978	GV Tiếng Anh	TH Đồng Lạc	1/1/2010	1/1/2010	11/4/2017	10N2T	3,06	V.07.03.09	CĐ Tiếng Anh	3/2000	X	Pháp C	X	X
44	Nguyễn Thị	Phương		15/07/1988	GV Tin	TH Đồng Lạc	01/12/2010	01/6/2011	11/4/2017	8N8T	2,66	V.07.03.09	CĐ tin học	09/2009	CĐ	Anh B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
45	Đặng Thị Kim	Thu		27/08/1989	GV Văn hóa	TH Đồng Lạc	01/9/2010	01/3/2011	1/11/2016	8N11T	2,66	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	01/2016	X	Anh B	X	X
46	Nguyễn Thị Hoài	Thu		10/09/1977	GV Văn hóa	TH Đồng Phú	01/10/2014	01/10/2014	11/04/2017	5N5T	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	12/1999	X	Anh A2	X	X
47	Nguyễn Khà	Thanh	12/08/1979		GV Tin	TH Đồng Phú	01/01/2010	01/01/2010	11/04/2017	10N1T	3,06	V.07.03.09	CĐSP Toán Tin	08/2001	CĐ	Anh A2	X	X
48	Đỗ Thị Thanh	Nga		15/10/1986	GV Mỹ Thuật	TH Đồng Phú	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N1T	2,46	V.07.03.09	CĐSP Mỹ thuật	08/2009	X	Anh C	X	X
49	Nguyễn Thị Vân	Anh		15/10/1987	GV Mỹ Thuật	TH Hòa Chính	21/9/2007	25/3/2008	17/4/2017	11N11T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP MT	01/2019	X	Anh B	X	X
50	Nguyễn Thị	Hà		08/6/1978	GV Tin	TH Hòa Chính	01/01/2010	01/01/2010	11/04/2017	10N1T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Toán-Tin	08/2000	ĐH	Anh A2	X	X
51	Lê Thị	Hảo		08/05/1976	GV Văn hóa	TH Hòa Chính	26/09/2007	16/04/2008	11/04/2017	11N10T	2,86	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2002	X	Anh B	X	X
52	Vũ Thị	Hiền		28/8/1990	GV Thể dục	TH Hòa Chính	01/10/2014	01/10/2014	11/04/2017	5N4T	2,26	V.07.03.09	CĐSP GDTC	07/2012	X	Anh C	X	X
53	Trần Thị Thu	Hiền		12/12/1992	GV Văn hóa	TH Hòa Chính	01/10/2014	01/10/2014	11/04/2017	5N4T	2,26	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	06/2014	X	Anh C	X	X
54	Lê Thị	Thư		08/7/1985	GV Thể dục	TH Hòa Chính	01/12/2009	01/6/2010	11/4/2017	9N8T	2,66	V.07.03.09	ĐHSP GDTC	07/2006	X	Anh A2	X	X
55	Kim Thị	Vinh		18/4/1993	GV Văn hóa	TH Hòa Chính	01/10/2014	01/04/2015	11/4/2017	4N10T	2,26	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	05/2014	X	Anh A2	X	X
56	Nguyễn Thị	Nga		04/08/1974	GV Văn hóa	TH Hoàng Diệu	02/12/1995	09/05/1997	11/04/2017	22n 8t	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh B	X	X
57	Lê Tất	Hải	20/07/1972		GV Văn hóa	TH Hoàng Diệu	08/09/2007	20/03/2008	11/04/2007	11n 10t	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh C	X	X
58	Lưu Thị Tuyết	Mai		07/04/1979	GV Tiếng Anh	TH Hoàng Diệu	01/01/2010	01/01/2010	11/04/2017	12n	3,06	V.07.03.09	ĐH Tiếng anh SP	06/2004	X	Pháp C	X	X
59	Lê Thị	Thương		23/08/1993	GV Văn hóa	TH Hoàng Diệu	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3n 6t	2,06	V.07.03.09	CĐSP GDTH	05/2014	X	Anh A2	X	X
60	Nguyễn Duy	Điền		23/08/1991	GV Thể dục	TH Hoàng Diệu	01/12/2011	01/06/2012	11/04/2017	7n 6t	2,46	V.07.03.09	ĐHSP GDTC	07/2018	X	Anh A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
61	Phạm Thị	Hòa		14/12/1980	GV Mỹ thuật	TH Hoàng Diệu	01/09/2005	14/04/2008	11/04/2017	12n 9t	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	08/2012	X	Anh B	X	X
62	Lê Thị Thanh	Hải		03/11/1984	GV Mỹ thuật	TH Hoàng Diệu	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11n 6t	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	01/2019	X	Anh B	X	X
63	Trần Thị Thu	Hằng		11/2/1979	Phó Hiệu trưởng	TH Hoàng Văn Thụ	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	7 N 10T	2,86	V.07.03.09	CĐ Tiếng Anh	8/2000	X	Pháp C	X	X
64	Phùng Đình	Long	04/01/1978		GV Mỹ thuật	TH Hoàng Văn Thụ	01/09/2007	01/3/2008	11/04/2017	12 NI0 T	3,06	V.07.03.09	CĐSP Hội họa	06/2000	X	Anh A2	X	X
65	Đỗ Thị	Thanh		01/6/1981	GV Văn hóa	TH Hoàng Văn Thụ	12/09/2007	14/03/2008	11/04/2017	12 N	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	06/2004	X	Anh B	X	X
66	Trần lệ	Thương		28/07/1981	GV Mỹ thuật	TH Hoàng Văn Thụ	01/9/2009	01/3/2008	11/04/2017	12n 10t	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	08/2012	X	Anh B	X	X
67	Cao Thị	Vòng		29/11/1988	GV Văn hóa	TH Hoàng Văn Thụ	01/10/2011	01/4/2012	11/04/2017	7 N	2,46	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2010	X	Anh A2	X	X
68	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết		26/03/1988	GV Âm nhạc	TH Hoàng Văn Thụ	01/4/2014	01/4/2014	11/04/2017	5N 4T	2,46	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	07/2018	X	Anh C	X	X
69	Đặng Thị Lệ	Quyên		20/11/1976	GV Văn hóa	TH Hồng Phong	15/8/1997	01/02/1999	11/4/1017	22 n	3,86	V.07.03.09	ĐHSP GDTiểu học	10/2005	X	Anh B	X	X
70	Trịnh Viết	Hải	19/06/1976		GV Văn hóa	TH Hồng Phong	01/9/2007	01/3/2008	11/4/2017	13n 11t	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTiểu học	06/2012	X	Anh B	X	X
71	Kim Thị	Thủy		17/11/1986	GV Tin	TH Hồng Phong	01/12/2011	01/6/2012	11/4/2017	7n 8t	2,46	V.07.03.09	ĐH Tin học	04/2012	ĐH	Anh C	X	X
72	Tạ Thị	Vui		17/07/1994	GV Văn hóa	TH Hồng Phong	01/01/2016	01/7/2016	01/1/2016	3n 7t	2,06	V.07.03.09	CĐSP GDTiểu học	07/2015	X	Anh B	X	X
73	Phùng Thị	Hiền		18/02/1991	GV Mỹ thuật	TH Hồng Phong	01/01/2016	01/7/2016	01/7/2016	3n 7t	2,06	V.07.03.09	CĐSP Mỹ thuật	07/2012	X	Anh A2	X	X
74	Cao Đình	Công	06/08/1977		GV Văn hóa	TH Hồng Phong	07/9/2007	23/6/2008	11/4/2017	12n 8t	3,06	V.07.03.09	CĐSP GDTH	08/2002	X	Anh B	X	X
75	Nguyễn Thị Kim	Xuyến		15/02/1984	GV Tin	TH Hợp Đồng	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	10n 7t	2,66	V.07.03.09	CĐ CNTT	08/2007	CĐ	Anh B	X	X
76	Nguyễn Duy	Tân	25/08/1974		GV Văn hóa	TH Hợp Đồng	01/09/2007	01/09/2007	11/04/2017	13n 5t	3,06	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	08/2002	X	Anh A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
77	Nguyễn Thị	Đào		17/11/1980	GV Văn hóa	TH Hợp Đồng	15/09/2014	15/09/2014	11/04/2017	6n 5t	2,46	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	07/2003	X	Anh B	X	X
78	Đặng Thị	Lan		21/10/1976	GV Văn hóa	TH Hợp Đồng	15/08/1997	01/12/1998	11/04/2017	22n 2t	3,86	V.07.03.09	ĐHSP tiểu học	10/2005	X	Anh B	X	X
79	Nguyễn Thị	Yến		26/04/1985	GV Văn hóa	TH Hợp Đồng	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12n 11t	2,86	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	08/2007	X	Anh A2	X	X
80	Nguyễn Thị	Hạnh		25/03/1987	GV Văn hóa	TH Hợp Đồng	01/11/2011	01/05/2012	11/04/2017	8n 9t	2,46	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	08/2010	X	Anh B	X	X
81	Lê Thị Tuấn	Hiếu		16/02/1989	GV Tin	TH Hữu Văn	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	5N 4T	2,26	V.07.03.09	ĐH tin học	06/2012	ĐH	Anh C	X	X
82	Đỗ Thị Hồng	Nhung		23/12/1986	GV Văn hóa	TH Hữu Văn	01/04/2007	01/10/2007	11/04/2017	12N 4T	3,06	V.07.03.09	CĐP GDTH	02/2012	X	Anh B	X	X
83	Tô Thị	Yến		28/10/1983	GV Mỹ thuật	TH Hữu Văn	27/09/2006	23/11/2007	11/04/2017	13N 6T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	03/2011	X	Anh A2	X	X
84	Vũ Thị	Oanh		26/04/1975	GV Văn hóa	TH Hữu Văn	26/08/1996	01/03/1998	11/04/2017	22N	3,86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh A2	X	X
85	Cao Xuân	Mai	03/04/1984		GV Mỹ thuật	TH Hữu Văn	01/09/2007	28/02/2008	11/04/2017	11N 11T	2,86	V.07.03.09	CĐSP Mỹ thuật	07/2007	X	Anh A2	X	X
86	Nguyễn Trọng	Động	02/12/1985		GV Âm nhạc	TH Hữu Văn	29/07/2011	01/02/2012	11/04/2017	8N	2,66	V.07.03.09	ĐH âm nhạc	04/2011	X	Anh A2	X	X
87	Lê Thị Lan	Anh		02/11/1979	GV Tiếng Anh	TH Hữu Văn	01/01/2010	01/01/2010	11/04/2017	14N	3,06	V.07.03.09	ĐHNN	06/2002	X	Pháp C	X	X
88	Phùng Thị	Hạnh		31/05/1994	GV Văn hóa	TH Hữu Văn	01/01/2016	01/07/2016	11/04/2017	4N2T	2,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	07/2015	X	Anh A2	X	X
89	Đặng Thị	Hồng		19/08/1975	GV Văn hóa	TH Lam Điền	16/11/1994	16/05/1996	11/04/2017	23N8T	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh B	X	X
90	Đặng Thị	Hoa		03/12/1978	GV Văn hóa	TH Lam Điền	01/10/2014	01/10/2014	11/04/2017	5N9T	2,46	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	12/1999	X	Anh A2	X	X
91	Nguyễn Thị	Thu		22/6/1975	GV Văn hóa	TH Lam Điền	01/09/1996	01/03/1998	11/04/2017	21N10T	3,86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh C	X	X
92	Dương Thị	Thuận		02/01/1974	GV Văn hóa	TH Lam Điền	31/01/1994	01/07/1995	11/04/2017	24N6T	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
93	Hoàng Xuân	Trường	14/11/1976		GV Tiếng Anh	TH Lam Điền	30/12/2009	30/12/2009	11/04/2017	10N1T	3,06	V.07.03.09	CĐSP Anh Văn	08/1997	X	Pháp C	X	X
94	Đặng Thị	Phương		10/8/1980	GV Thể dục	TH Lam Điền	01/12/2009	30/12/2009	11/04/2017	10N1T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTC	10/2013	X	Anh C	X	X
95	Lê Thị	Duyên		24/06/1975	GV Văn hóa	TH Lam Điền	26/09/2007	24/12/2008	11/04/2017	10N1T	2,86	V.07.03.09	CĐSP GDTH	08/2002	X	Anh C	X	X
96	Nguyễn Thị	Hường		14/01/1974	GV Văn hóa	TH Lam Điền	01/09/2007	01/3/2008	11/04/2017	12N11T	3,06	V.07.03.09	CĐSP GDTH	08/2002	X	Anh C	X	X
97	Vũ Thị	Hậu		02/06/1975	GV Văn hóa	TH Lam Điền	01/09/2007	28/02/2008	11/04/2017	12N11T	3,06	V.07.03.09	CĐSP GDTH	08/2002	X	Anh C	X	X
98	Hoàng Thị Dung	Anh		1/23/1987	GV Tin	TH Lương Mỹ A	01/01/2010	01/07/2010	11/4/2017	9n 07t	2,66	V.07.03.09	CĐ CNTT	02/2009	CĐ	Anh A2	X	X
99	Đỗ Thuỳ	Dung		06/01/1986	GV Tiếng Anh	TH Lương Mỹ A	01/7/2010	01/07/2010	11/4/2017	9n 07t	2,66	V.07.03.09	ĐH Tiếng Anh	06/2010	X	Trung C	X	X
100	Lê Thị	Dung		26/7/1985	GV Âm nhạc	TH Lương Mỹ A	01/9/2007	01/3/2008	11/4/2017	11n 11t	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	04/2012	X	Anh A2	X	X
101	Đỗ Thị Mỹ	Hà		22/01/1986	GV Văn hóa	TH Lương Mỹ A	01/12/2009	01/6/2010	11/4/2017	9n 08t	2,66	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2007	X	Anh A2	X	X
102	Cao Thị	Hoa		9/7/1976	GV Mỹ thuật	TH Lương Mỹ A	10/9/2007	10/03/2008	11/4/2017	11n 11t	3,06	V.07.03.09	CĐSP Hội hoạ	06/2000	X	Anh A2	X	X
103	Phạm Thị	Trang		10/15/1989	GV Thể dục	TH Lương Mỹ A	01/12/2011	01/6/2012	11/4/2017	8n 08t	2,46	V.07.03.09	ĐHSP GDTC	07/2011	X	Anh A2	X	X
104	Hoàng Thị	Tuyết		10/11/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Mỹ Lương	01/9/ 1996	01/9/ 1996	11/4/ 2017	23n 5t	3,86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh A2	X	X
105	Nguyễn Thị	Tư		09/02/1984	GV Văn hóa	TH Mỹ Lương	13/9/ 2007	13/5/ 2008	11/4/ 2017	12n 5t	2,86	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	07/2007	X	Anh A2	X	X
106	Nguyễn Thị	Thuần		08/5/1992	GV Tin	TH Mỹ Lương	25/9/ 2014	20/5/ 2015	11/4/ 2017	5n 5t	2,26	V.07.03.09	CĐ CNTT	08/2013	CĐ	Anh A2	X	X
107	Trần Thị Kim	Liên		09/7/1985	GV Âm nhạc	TH Mỹ Lương	13/9/ 2007	13/5/ 2008	11/4/ 2017	12n 5t	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	10/2014	X	Anh C	X	X
108	Lê Văn	Thông	07/7/1979		GV Mỹ thuật	TH Mỹ Lương	30/12/2004	10/10/2005	11/4/ 2017	15n 2t	3,26	V.07.03.09	CĐSP Mỹ thuật	09/2002	X	Anh B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
109	Kiều Thị Minh	Hoa		19/02/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Nam Phương Tiến A	31/01/1994	01/07/1995	11/04/2017	26	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh B	X	X
110	Phùng Xuân	Lượng	16/07/1976		GV Tin	TH Nam Phương Tiến A	01/01/2010	01/01/2010	11/04/2017	10	3,06	V.07.03.09	CĐSP Toán tin	11/1999	CĐ	Anh B	X	X
111	Phùng Thị	Thúy		27/10/1979	GV Tiếng Anh	TH Nam Phương Tiến A	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	10	2,66	V.07.03.09	ĐH Tiếng Anh	04/2005	X	Pháp C	X	X
112	Trần Thị	Hoa		16/12/1973	GV Văn hóa	TH Nam Phương Tiến A	01/09/1997	01/12/1998	11/04/2017	23	3,86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh B	X	X
113	Nguyễn Thị	Hồng		28/11/1985	GV Mỹ thuật	TH Nam Phương Tiến A	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	13	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	08/2012	X	Anh B	X	X
114	Vũ Thị	Hồng		10/06/1985	GV Âm nhạc	TH Nam Phương Tiến A	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	13	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	06/2007	X	Anh B	X	X
115	Nguyễn Thị Thanh	Hải		23/05/1968	GV Văn hóa	TH Nam Phương Tiến A	16/11/1996	16/05/1996	11/04/2017	24	4,06	V.07.03.09	ĐH GDTH	10/2005	X	Anh B	X	X
116	Phùng Thị	Bình		16/07/1987	GV Tin	TH Nam Phương Tiến B	01/01/2010	01/07/2010	11/4/2017	9N7T	2,66	V.07.03.09	CĐSP Tin học	08/2009	CĐ	Anh A2	X	X
117	Nguyễn Thế	Trung	06/05/1987		GV Âm nhạc	TH Ngọc Hòa	02/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9n 8t	2,66	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	07/2014	X	Anh B	X	X
118	Bùi Bích	Phương		29/10/1993	GV Văn hóa	TH Ngọc Hòa	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	4n 2t	2,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	07/2017	X	Anh B	X	X
119	Phạm Thị	Hân		02/09/1989	GV Tin	TH Ngọc Hòa	01/12/2011	01/06/2012	11/04/2017	7n 9t	2,46	V.07.03.09	ĐHSP Tin học	03/2013	ĐH	Anh A2	X	X
120	Nguyễn Thị	Nga		26/10/1986	GV Thể dục	TH Ngọc Hòa	01/12/2011	01/06/2012	11/04/2017	7n 9t	2,46	V.07.03.09	ĐHSP GDTC	07/2009	X	Anh A2	X	X
121	Nguyễn Thị	Thuận		15/03/1992	GV Văn hóa	TH Ngọc Hòa	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	4n 2t	2,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	05/2016	X	Anh A2	X	X
122	Nguyễn Thị	Hà		27/03/1971	GV Văn hóa	TH Ngọc Hòa	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12n tròn	2,86	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	05/1999	X	Anh C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
123	Trần Thị Thu	Hương		20/9/1983	GV Mỹ Thuật	TH Phú Nam An	01/9/2007	01/3/2008	11/4/2017	11N11T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ Thuật	06/2006	X	Anh A2	X	X
124	Lê Thị	Thủy		05/7/1985	GV Tin	TH Phú Nam An	01/1/2010	01/7/2010	11/4/2017	9N7T	2,66	V.07.03.09	CĐSP CNTT	11/2008	CĐ	Anh B	X	X
125	Nguyễn Thị Kim	Dung		15/11/1988	GV Âm nhạc	TH Phú Nghĩa	01/12/2010	11/6/2011	11/4/2017	8N8T	2,66	V07.03.09	CĐSP Âm nhạc	08/2009	X	Anh B	X	X
126	Vũ Thị	Uyên		16/02/1986	GV Mỹ Thuật	TH Phú Nghĩa	02/10/2006	02/4/2007	11/4/2017	12N10T	3,06	V07.03.09	ĐHSP Mỹ Thuật	03/2011	X	Anh C	X	X
127	Trần Thị	Hà		26/05/1976	GV Tiếng Anh	TH Phú Nghĩa	01/01/2010	01/01/2010	11/4/2017	10N01T	3,06	V07.03.09	ĐH Tiếng Anh	01/2005	X	Pháp C	X	X
128	Nguyễn Thị Tuyết	Mai		31/12/1991	GV Văn hóa	TH Phú Nghĩa	01/10/2014	01/4/2015	11/04/2017	4N10T	2,26	V07.03.09	CĐSP Tiểu học	07/2012	X	Anh B	X	X
129	Đỗ Thị	Hương		15/11/1992	GV Văn hóa	TH Phú Nghĩa	01/10/2014	01/4/2015	11/04/2017	4N10T	2,26	V07.03.09	CĐSP Tiểu học	06/2013	X	Anh B	X	X
130	Nguyễn Thị	Lộc		28/8/1981	GV Văn hóa	TH Phú Nghĩa	01/9/2007	01/3/2008	11/04/2017	11N10T	2,86	V07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2004	X	Anh B	X	X
131	Lê Thị	Như		28/12/1985	GV Mỹ Thuật	TH Phú Nghĩa	01/9/2007	01/3/2008	11/04/2017	11N10T	2,86	V07.03.09	ĐHSP Mỹ Thuật	08/2012	X	Anh A2	X	X
132	Dương Thị Vân	Khánh		30/05/1979	GV Văn hóa	TH Phú Nghĩa	11/8/2007	01/03/2008	11/04/2017	11N10T	3,06	V07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2001	X	Anh A2	X	X
133	Hà Thị	Tiến		25/09/1978	GV Văn hóa	TH Phú Nghĩa	15/10/2012	15/04/2013	11/04/2017	6N9T	3,06	V07.03.09	CĐSP Tiểu học	12/1999	X	Anh C	X	X
134	Hoàng Thị	Thúy		19/02/1983	GV Tin	TH Phú Nghĩa	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	9N6T	2,66	V07.03.09	CĐ Tin học	03/2007	CĐ	Anh B	X	X
135	Tống Quang	Cường	21/02/1987		GV Văn hóa	TH Phú Nghĩa	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N5T	2,66	V07.03.09	ĐHSP GDTH	08/2018	X	Anh B	X	X
136	Bùi Thị Thanh	Xuân		25/11/1973	GV Văn hóa	TH Phụng Châu	01/09/2007	01/03/2008	11/4/2017	12N5T	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2002	X	Anh B	X	X
137	Nguyễn Thị	Hòa		11/8/1983	GV Âm nhạc	TH Phụng Châu	01/09/2007	1/03/2008	11/4/2017	12N5T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	08/2012	X	Anh C	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
138	Trịnh Thị	Thanh		25/03/1984	GV Mỹ Thuật	TH Phụng Châu	01/09/2007	01/03/2008	11/4/2017	12N5T	2,86	V.07.03.09	CĐSP Mỹ thuật	07/2007	X	Anh C	X	X
139	Nguyễn Thị	Hoa		07/10/1984	GV Tin	TH Phụng Châu	01/01/2010	01/07/2010	11/4/2017	10N1T	2,66	V.07.03.09	CĐ CNTT	10/2008	CĐ	Anh C	X	X
140	Vũ Thị	Hòa		20/09/1982	GV Tiếng Anh	TH Phụng Châu	01/01/2010	01/07/2010	11/4/2017	10N1T	2,66	V.07.03.09	ĐH Tiếng Anh	01/2007	X	Trung C	X	X
141	Lê Thị	Nhung		10/06/1986	GV Tin	TH Phụng Châu	01/01/2010	01/07/2010	11/4/2017	10N1T	2,66	V.07.03.09	ĐH Tin học UD	03/2011	ĐH	Anh C	X	X
142	Nguyễn Thị	Văn		20/04/1980	GV Tiếng Anh	TH Phụng Châu	01/01/2010	01/07/2010	11/4/2017	10N1T	2,66	V.07.03.09	ĐHSP Tiếng anh	03/2007	X	Trung C	X	X
143	Nguyễn Thị Lan	Anh		16/01/1984	GV Văn hóa	TH Phụng Châu	19/11/2009	01/06/2010	11/4/2017	10N3T	2,66	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	07/2008	X	Anh C	X	X
144	Nguyễn Thị	Sen		10/07/1990	GV Văn hóa	TH Phụng Châu	15/10/2012	15/10/2013	11/4/2017	7N4T	2,46	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	07/2011	X	Anh C	X	X
145	Nguyễn Thị	Lành		20/02/1988	GV Văn hóa	TH Phụng Châu	01/12/2011	01/06/2012	11/4/2017	8N2T	2,46	V.07.03.09	ĐHSP TDTT	05/2016	X	Anh C	X	X
146	Trịnh Thị	Trang		25/3/1991	GV Văn hóa	TH Phụng Châu	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N1T	2,26	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	07/2015	X	Anh B	X	X
147	Phùng Thị	Nga		09/10/1991	GV Văn hóa	TH Phụng Châu	01/12/2013	01/06/2014	30/05/2017	6N2T	2,26	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	06/2013	X	Anh B	X	X
148	Nguyễn Thị	Oanh		16/4/1972	GV Văn hóa	TH Quảng Bị	1/11/1992	1/11/1992	11/4/2017	27N3T	4,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	05/2005	X	Anh A2	X	X
149	Trịnh Thị	Thu		7/8/1981	GV Văn hóa	TH Quảng Bị	1/9/2007	1/3/2008	11/4/2017	12N6T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	06/2012	X	Anh A2	X	X
150	Đỗ Thị	Mười		20/11/1972	GV Văn hóa	TH Quảng Bị	5/3/1992	1/4/1993	11/4/2017	28N	4,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	05/2005	X	Anh A2	X	X
151	Dư Thị	Xuân		07/2/1991	GV Văn hóa	TH Quảng Bị	1/10/2014	1/4/2015	11/4/2017	5N5T	2,26	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	06/2014	X	Anh A2	X	X
152	Cao Thị	Hà		16/5/1991	GV Tin	TH Quảng Bị	1/10/2014	1/10/2014	11/4/2017	5N5T	2,26	V.07.03.09	ĐH CNTT	03/2018	ĐH	Anh A2	X	X
153	Tống Thị	Yến		15/7/1988	GV Mỹ Thuật	TH Quảng Bị	1/10/2014	1/4/2015	11/4/2017	5N5T	2,26	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ Thuật	07/2012	X	Anh A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
154	Tạ Viết	Sang	19/12/1972		GV Văn hóa	TH Quảng Bị	01/9/1996	01/3/1998	11/4/2017	23N6T	3,86	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/2005	X	Anh A2	X	X
155	Nguyễn Thị	Sìu		15/5/1975	GV tiếng anh	TH Quảng Bị	01/01/2010	01/07/2010	11/4/2017	10N2T	2,66	V.07.03.09	ĐH Ngoại Ngữ	01/2000	X	Trung B	X	X
156	Nguyễn Ngọc	Ánh		18/11/1974	GV Văn hóa	TH Tân Tiến	16/11/1994	16/05/1996	11/4/2017	24N6T	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	04/2006	X	Anh B	X	X
157	Nguyễn Thị Mỹ	Bình		20/12/1973	GV Văn hóa	TH Tân Tiến	08/12/1993	01/07/1994	11/04/2017	26N2T	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh B	X	X
158	Trần Thị Minh	Châu		29/11/1974	GV Văn hóa	TH Tân Tiến	1/10/2014	1/10/2014	11/04/2017	5N4T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh C	X	X
159	Nguyễn Thị Kim	Dung		28/7/1967	GV Văn hóa	TH Tân Tiến	1/9/2007	1/3/2008	11/04/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2002	X	Anh B	X	X
160	Nguyễn Thị	Dung		15/12/1979	GV Mỹ Thuật	TH Tân Tiến	1/9/2007	1/3/2008	11/04/2017	11N11T	2,86	V.07.03.09	CĐSP Mỹ thuật	10/2001	X	Anh B	X	X
161	Nguyễn Thị	Đào		07/01/1990	GV Văn hóa	TH Tân Tiến	1/1/2016	1/7/2016	01/07/2016	3N7T	2,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	06/2012	X	Anh B	X	X
162	Ngô Thị Thu	Hiền		12/09/1975	GV Văn hóa	TH Tân Tiến	15/8/1997	2/12/1998	11/4/2017	22N6T	3,86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	04/2006	X	Anh B	X	X
163	Vương Thị Thu	Hoài		7/10/1972	GV Văn hóa	TH Tân Tiến	08/12/1993	01/07/1994	11/04/2017	26N10T	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	04/2006	X	Anh B	X	X
164	Nguyễn Thị	Loan		22/6/1977	GV Văn hóa	TH Tân Tiến	1/11/2007	1/5/2008	11/4/2007	11N9T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	11/2014	X	Anh B	X	X
165	Trịnh Thị	Mai		28/10/1975	GV Văn hóa	TH Tân Tiến	16/11/1994	16/5/1996	11/4/2017	24N6T	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh B	X	X
166	Phùng Thị Trà	My		29/5/1991	GV Âm nhạc	TH Tân Tiến	1/10/2014	1/04/2015	11/04/2017	4N10T	2,26	V.07.03.09	CĐSP Âm nhạc	6/2012	X	Anh B	X	X
167	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		13/09/1978	GV Tiếng Anh	TH Tân Tiến	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	10N1T	2,66	V.07.03.09	CĐSP Tiếng Anh	01/2001	X	Pháp C	X	X
168	Võ Thị Kim	Thủy		22/1/1969	GV Văn hóa	TH Tân Tiến	24/12/1990	01/4/1992	11/04/2017	27N10T	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh B	X	X
169	Lê Hồng	Phượng		12/08/1969	GV Văn hóa	TH Thanh Bình	22/04/1993	01/03/1994	11/04/2017	25N10T	4,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/2005	X	Anh B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
170	Lê Thị Thu	Hường		19/08/1971	GV Văn hóa	TH Thanh Bình	08/12/1993	01/08/1994	11/04/2017	25N7T	4,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/2007	X	Anh B	X	X
171	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		01/06/1975	GV Văn hóa	TH Thanh Bình	16/11/1994	16/05/1996	11/04/2017	23N09T	4,06	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	10/2005	X	Anh B	X	X
172	Lê Thị	Ngoan		03/03/1990	GV Tin	TH Thanh Bình	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	5N5T	2,26	V.07.03.09	ĐH CNTT	12/2012	ĐH	Anh B	X	X
173	Nguyễn Thị	Hồng		19/04/1987	GV Văn hóa	TH Thanh Bình	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	5N5T	2,26	V.07.03.09	ĐHSP Tiểu học	06/2018	X	Anh B	X	X
174	Nguyễn Văn	Bình	25/01/1978		GV Tin	TH Thượng Vực	01/01/2010	01/01/2010	11/04/2017	10N1T	3,26	V.07.03.09	CĐSP Toán tin	11/1999	CĐ	Anh A2	X	X
175	Phạm Thị	Dung		04/03/1985	GV Mỹ Thuật	TH Thượng Vực	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11N11T	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ Thuật	08/2012	X	Anh A2	X	X
176	Phan Thị Thu	Hiền		18/07/1985	GV Âm nhạc	TH Thượng Vực	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11N11T	2,86	V.07.03.09	CĐSP Âm nhạc	05/2007	X	Anh A2	X	X
177	Đặng Thị Ngọc	Chang		22/09/1984	GV Tiếng Anh	TH Thượng Vực	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	9N7T	2,66	V.07.03.09	ĐH Tiếng Anh	07/2011	X	Pháp A2	X	X
178	Lê Thị	Thảo		12/07/1971	GV Văn hóa	TH Thủy Xuân Tiên	01/02/1993	01/08/1994	11/04/2017	25N	4.06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	11/2009	X	Anh B	X	X
179	Nguyễn Thị	Loan		08/12/1968	GV Văn hóa	TH Thủy Xuân Tiên	30/10/1990	01/03/1992	11/04/2017	28N	4.06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh A2	X	X
180	Vũ Toàn	Trung	18/03/1989		GV Thể dục	TH Thủy Xuân Tiên	01/12/2011	01/06/2012	11/04/2017	8N	2.46	V.07.03.09	ĐH GDTC	06/2015	X	Anh A2	X	X
181	Đinh Quang	Danh	17/08/1985		GV Tin	TH Thủy Xuân Tiên	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	10N	2.66	V.07.03.09	ĐH CNTT	07/2010	ĐH	Anh A2	X	X
182	Nguyễn Thị	Nga		14/06/1976	GV Văn hóa	TH Thủy Xuân Tiên	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	03/2010	X	Anh B	X	X
183	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		22/07/1973	GV Văn hóa	TH Thủy Xuân Tiên	01/12/2009	01/12/2009	11/04/2017	10N	3.06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2002	X	Anh B	X	X
184	Nguyễn Thị	Tú		01/09/1975	GV Văn hóa	TH Thủy Xuân Tiên	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N	3.06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	02/1999	X	Anh B	X	X
185	Trần Thị	Nga		29.06.1972	Phó Hiệu trưởng	TH Thụy Hương	08/12/1993	01/08/1994	11.4.2017	27n	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
186	Đặng Văn	Thường	24.06.1970		GV Văn hóa	TH Thụy Hương	22/04/1993	01/10/1994	11.4.2017	27n 10t	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh A2	X	X
187	Nguyễn Thị	Lý		16.02.1982	GV Thể dục	TH Thụy Hương	25/01/2016	25/10/2016	25.10.2016	4n 1t	2,06	V.07.03.09	ĐH Huấn luyện TT	06/2009	X	Anh C	X	X
188	Lê Thị	Thủy		26.02.1980	GV Văn hóa	TH Thụy Hương	01/09/2007	01/03/2008	11.4.2017	12n 6t	2,86	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2000	X	Anh B	X	X
189	Nguyễn Thị	Thanh		26.11.1979	GV Văn hóa	TH Thụy Hương	01/10/2014	01/10/2014	11.4.2017	5n 4t	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2001	X	Anh A2	X	X
190	Dương Thị	Huyền		06.09.1973	GV Văn hóa	TH Thụy Hương	01/09/1996	01/03/1998	11.4.2017	23n 7t	3,86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh A2	X	X
191	Nguyễn Thị	Oanh		14/09/1981	GV Văn hóa	TH Tiên Phương	15/09/2014	15/09/2014	11/04/2017	5N5T	3,06	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	08/2002	X	Anh B	X	X
192	Nguyễn Thị	Trang		14/02/1980	GV Văn hóa	TH Tiên Phương	01/09/2007	01/03/2008	27/3/2017	12N	2,86	V.07.03.09	CĐSP tiểu học	08/2002	X	Anh A2	X	X
193	Nguyễn Thị	Nhung		09/06/1986	GV Mỹ thuật	TH Tiên Phương	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N	3,06	V.07.03.09	ĐHSP MT	10/2012	X	Anh A2	X	X
194	Hoàng Thị	Thu		05/04/1983	GV Âm nhạc	TH Tiên Phương	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N	2,86	V.07.03.09	ĐHSP AN	06/2014	X	Anh C	X	X
195	Nguyễn Thị	Thương		04/05/1988	GV Thể dục	TH Tiên Phương	01/12/2011	01/06/2012	11/04/2017	7N9T	2,46	V.07.03.09	ĐHSP GDTC	06/2011	X	Anh C	X	X
196	Nguyễn Thị	Thuỷ		11/04/1985	GV Tiếng Anh	TH Tiên Phương	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	9N8T	2,66	V.07.03.09	ĐH Tiếng anh	01/2010	X	Pháp C	X	X
197	Lê Văn	Trang		12/02/1990	GV Âm nhạc	TH Tiên Phương	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	4N10T	2,26	V.07.03.09	ThS Âm nhạc	09/2014	X	Anh C	X	X
198	Nguyễn Kim	Oanh		12/11/1990	GV Âm nhạc	TH Tiên Phương	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3N7T	2,06	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	07/2012	X	Anh A2	X	X
199	Phạm Thị Minh	Hải		15/09/1990	GV Tin	TH Tiên Phương	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3N7T	2,06	V.07.03.09	KS CNTT	12/2014	ĐH	Anh A2	X	X
200	Tống Quang	Tân	10/05/1989		GV Tin	TH Tiên Phương	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	4N10T	2,26	V.07.03.09	ĐH Tin học	06/2013	ĐH Tin học	Anh B1 (02/2017)	X	X
201	Nguyễn Thị Thùy	Dung		27/11/1994	GV Văn hóa	TH Tiên Phương	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3N7T	2,06	V.07.03.09	CĐSP GDTH	07/2015	X	Anh A2	X	X
202	Đinh Thị Ngọc	Thanh		29/05/1982	GV Tin	TH Tốt Động	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	4n 10t	2,26	V.07.03.09	ĐH CNTT	05/2008	ĐH	Anh B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
203	Trịnh Thị	Hòa		13/12/1976	GV Văn hóa	TH Tốt Động	01/11/1998	01/5/1999	11/04/2017	20n 8 t	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	04/2011	X	Anh B	X	X
204	Nguyễn Thị Thanh	Đông		16/10/1977	GV Âm nhạc	TH Tốt Động	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11n 11t	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	07/2018	X	Anh A2	X	X
205	Hạ Thị	Hảo		10/04/1989	GV Văn hóa	TH Tốt Động	15/10/2010	15/4/2011	11/04/2017	9n 6t	2,66	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	08/2015	X	Anh B	X	X
206	Nguyễn Thị	Hiền		12/09/1979	GV Âm nhạc	TH Tốt Động	30/12/2004	01/07/2005	11/04/2017	19n 7t	3,26	V.07.03.09	CĐSP Âm nhạc	09/2002	X	Anh B	X	X
207	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		06/11/1987	GV Mỹ thuật	TH Trần Phú A	01/09/2007	01/03/2008	11/4/2017	11n 11t	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	08/2012	X	Anh A2	X	X
208	Nguyễn Thị	Hương		20/11/1990	GV Văn hóa	TH Trần Phú A	10/1/2014	10/1/2014	11/4/2017	5n 8t	2,26	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	07/2015	X	Anh B	X	X
209	Nguyễn Thành	Thuần		26/07/1987	GV Tin	TH Trần Phú A	1/1/2010	1/1/2010	11/4/2017	10n	2,86	V.07.03.09	Kỹ sư CNTT	05/2016	ĐH	Anh A2	X	X
210	Lê Văn	Anh		08/03/1984	GV Âm nhạc	TH Trần Phú A	11/1/2007	5/1/2008	11/4/2017	11n 9t	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	08/2012	X	Anh A2	X	X
211	Nguyễn Thị	Hằng		10/04/1985	GV Thể dục	TH Trần Phú A	10/1/2014	4/1/2015	11/4/2017	4n 10t	2,26	V.07.03.09	ĐHSP TDTT	07/2010	X	Anh B1 (10/2012)	X	X
212	Đinh Thị	Hồng		05/01/1989	GV Tin	TH Trần Phú A	01/01/2016	01/07/2016	18/8/2016	3n 07t	2,06	V.07.03.09	CĐ tin học	09/2010	CĐ	Anh A2	X	X
213	Phạm Thị	Loan		06/07/1979	GV Văn hóa	TH Trần Phú B	07/09/2007	01/03/2008	11/4/2017	13n 7t	2,86	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2001	X	Anh A2	X	X
214	Nguyễn Hữu	Thành	19/09/1976		GV Tiếng Anh	TH Trần Phú B	01/01/2010	01/07/2010	11/4/2017	10n 1t	2,66	V.07.03.09	CĐSP Tiếng Anh	03/1997	ĐH	Trung	X	X
215	Đàm Thị	Huệ		22/07/1979	GV Âm nhạc	TH Trần Phú B	01/01/2005	01/07/2005	11/4/2017	15n 1t	3,26	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	04/2011	X	Anh B	X	X
216	Bạch Thị	Hiền		05/06/1991	GV Thể dục	TH Trần Phú B	01/12/2011	01/06/2012	11/4/2017	8n 2t	2,46	V.07.03.09	ĐHSP GDTC	07/2018	X	Anh A2	X	X
217	Nguyễn Trần Phương	Nhung		30/12/1983	GV Tin	TH Trần Phú B	01/01/2010	01/07/2010	11/4/2017	10n 1t	2,66	V.07.03.09	ĐHSP CNTT	05/2008	ĐH	Anh B	X	X
218	Nguyễn Thị Minh	Xuân		15/08/1984	GV Tin	TH Trần Phú B	01/01/2010	01/07/2010	11/4/2017	10n 1t	2,66	V.07.03.09	ĐHSP THUD	11/2009	ĐH	Anh A2	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
219	Nguyễn Thị	Hằng		7/13/1978	GV Mỹ thuật	TH Trần Phú B	01/9/2007	01/04/2008	11/04/2017	13n 1t	2,86	V.07.03.09	CĐSP Hội họa	06/2000	X	Anh B	X	X
220	Tô Thị	Nga		20/06/1980	GV Tin	TH Trung Hòa	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	9n 7t	2,66	V.07.03.09	CĐ Tin học	06/2002	CĐ	Anh A2	X	X
221	Nguyễn Thị	Thủy		04/10/1982	GV Mỹ thuật	TH Trung Hòa	30/12/2004	01/07/2005	11/04/2017	14n 7t	3,26	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	08/2012	X	Anh A2	X	X
222	Nguyễn Thu	Trang		03/06/1977	GV Văn hóa	TH Trung Hòa	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11n 11t	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	02/1999	X	Anh A2	X	X
223	Nguyễn Thị	Thoa		05/10/1984	GV Âm nhạc	TH Trung Hòa	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11n 11t	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	04/2011	X	Anh A2	X	X
224	Nguyễn Thị	Hòa		26/09/1992	GV Thể dục	TH Trung Hòa	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	4n 10t	2,26	V.07.03.09	ĐHSP GDTC	01/2015	X	Anh A2	X	X
225	Nguyễn Thị	Minh		06/04/1993	GV Văn hóa	TH Trung Hòa	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	4n 10t	2,26	V.07.03.09	CĐSP GDTH	08/2014	X	Anh A2	X	X
226	Khương Thị Bích	Phượng		24/10/1983	GV Âm nhạc	TH Trung Hòa	30/12/2004	01/07/2005	11/04/2017	14n 7t	3,26	V.07.03.09	CĐSP Âm nhạc	11/2004	X	Anh A2	X	X
227	Nguyễn Thị	Thúy		04/02/1972	GV Văn hóa	TH Trung Hòa	01/10/1991	01/03/1993	11/04/2017	26n 11t	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	11/2004	X	Anh B	X	X
228	Đào Thị	Khuyên		28/02/1984	GV Mỹ thuật	TH Trung Hòa	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11n 11t	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	08/2012	X	Anh A2	X	X
229	Tống Thị Thu	Hoài		07/10/1985	GV Thể dục	TH Trung Hòa	01/12/2011	01/06/2012	11/04/2017	7n 8t	2,46	V.07.03.09	ĐHSP GDTC	04/2010	X	Anh A2	X	X
230	Hoàng Thị	Hường		11/11/1975	GV Văn hóa	TH Trung Hòa	01/09/1996	01/03/1998	11/04/2017	21n 11t	3,86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh A2	X	X
231	Phùng Thị Oanh	Hà		06/06/1974	GV Văn hóa	TH Trung Hòa	01/10/2014	01/10/2014	11/04/2017	6n 4t	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2002	X	Anh B	X	X
232	Mai Thị Thanh	Hiền		12/08/1976	GV Văn hóa	TH Trung Hòa	01/10/2014	01/10/2014	11/04/2017	6n 4t	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	11/1997	X	Anh B	X	X
233	Nguyễn Thu	Hằng		06/3/1978	GV Văn hóa	TH Trường Yên	01/9/2007	01/03/2008	11/4/2017	12n	3.06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	8/ 2002	X	Anh B	X	X
234	Đặng Thanh	Nga		19/8/1978	GV Tin	TH Trường Yên	01/01/2010	01/01/2010	11/4/2017	10n	3.06	V.07.03.09	CĐSP Toán -Tin	08/2000	CĐ	Anh B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
235	Nguyễn Thị	Hiệp		20/7/1975	GV Văn hóa	TH Trường Yên	15/8/1997	02/12/1998	11/4/2017	22n	3.86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh B	X	X
236	Lưu Thị Thu	Vân		12/12/1979	GV Văn hóa	TH Trường Yên	01/9/2007	01/03/2008	11/4/2017	12n	3.06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2000	X	Anh B	X	X
237	Lê Thị Thanh	Huyền		28/7/1984	GV Văn hóa	TH Trường Yên	01/9/2007	01/03/2008	11/4/2017	12n	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	03/2011	X	Anh B	X	X
238	Lê Thị	Hiếu		20/7/1975	GV Văn hóa	TH Trường Yên	01/9/1996	3/1998	11/4/2017	22n	4.06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	04/2006	X	Anh B	X	X
239	Nguyễn Hải	Đường		09/7/1976	GV Văn hóa	TH Trường Yên	10/9/2007	10/3/2008	11/4/2017	12n	3.06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2003	X	Anh B	X	X
240	Nguyễn Thị	Hằng		24/12/1984	GV Văn hóa	TH Trường Yên	01/9/2007	01/3/2008	11/4/2017	12n	3.06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	07/2005	X	Anh A2	X	X
241	Lê Thị	Hoa		08/08/1984	GV Văn hóa	TH Trường Yên	07/9/2007	06/3/2008	11/4/2017	12n	2.86	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	07/2006	X	Anh A2	X	X
242	Hoàng Thị	Tuyến		15/05/1992	GV Văn hóa	TH Trường Yên	01/10/2014	01/04/2015	11/4/2017	5n	2.26	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	06/2013	X	Anh B	X	X
243	Nguyễn Thị	Bình		15/9/1980	GV Âm nhạc	TH Trường Yên	01/09/2007	01/03/2008	11/4/2017	12n	3.06	V.07.03.09	CĐSP Âm nhạc	09/2002	X	Anh B	X	X
244	Lưu Thị	Ca		20/02/1975	GV Văn hóa	TH Trường Yên	01/9/1996	01/03/1998	11/4/2017	22n	3.86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh C	X	X
245	Đặng Thị	Tươi		12/3/1990	GV Văn hóa	TH Trường Yên	01/10/2014	01/04/2015	11/4/2017	5n	2.26	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	05/2014	X	Anh B	X	X
246	Hà Thị Kim	Ngân		08/01/1975	GV Văn hóa	TH Trường Yên	01/09/2007	01/03/2008	11/4/2017	12n	2.86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	06/2014	X	Anh B	X	X
247	Nguyễn Thị	Huyền		21/10/1977	GV Văn hóa	TH Trường Yên	01/9/2007	01/3/2008	11/4/2017	12n	3.06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2002	X	Anh C	X	X
248	Phạm Quang	Thăng	13/12/1975		GV Tiếng Anh	TH Văn Võ	01/01/2010	01/01/2010	11/4/2017	9n 4t	3,06	V.07.03.09	ĐH Tiếng anh SP	01/2000	X	Pháp C	X	X
249	Cao Thị Bích	Hạnh		30/01/1986	GV Mỹ thuật	TH Văn Võ	01/9/2007	01/03/2008	11/4/2017	11n 11t	2,86	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	08/2012	X	Anh A2	X	X
250	Nguyễn Văn	Giang	26/02/1990		GV Văn hóa	TH Văn Võ	5/10/2012	5/4/2013	1/1/2016	7n 3t	2.46	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	03/2016	X	Anh B	X	X

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, ĐK về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐ, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
251	Tạ Thị Lan	Hương		06/09/1986	GV Văn hóa	TH Văn Võ	1/9/2007	1/3/2008	11/4/2017	11n 11t	2,86	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	06/2012	X	Anh A2	X	X
252	Đào Thị	Hướng		20/06/1980	GV Thể dục	TH Văn Võ	01/10/2014	01/10/2014	11/4/2017	5n 4t	3,06	V.07.03.09	CĐSP GDTC	08/2002	X	Anh B	X	X
253	Nguyễn Thị Lan	Anh		23/11/1986	GV Văn hóa	TH Xuân Mai A	01/10/2014	01/10/2015	01/10/2015	4N5T	2,26	V.07.03.09	CĐSPTH	08/2009	X	Anh B	X	X
254	Đỗ Thị	Hoan		15/08/1981	GV Văn hóa	TH Xuân Mai A	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11N11T	3,06	V.07.03.09	CĐSPTH	08/2002	X	Anh B	X	X
255	Trần Thị	Vân		24/09/1987	GV Thể dục	TH Xuân Mai A	01/12/2011	01/6/2012	11/04/2017	12N8T	2,46	V.07.03.09	ĐHSP TDTT	10/2016	X	Anh B	X	X
256	Hoàng Thùy	Dung		25/08/1994	GV Văn hóa	TH Xuân Mai A	01/01/2016	01/07/2016	01/01/2016	3N 7 T	2,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	06/2015	X	Anh A2	X	X
257	Trần Thị Thanh	Hương		18/08/1978	GV Tiếng Anh	TH Xuân Mai A	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N8T	3,06	V.07.03.09	ĐH Tiếng Anh SP	05/2005	X	Pháp C	X	X
258	Tạ Thị	Thảo		24/07/1980	GV Mỹ thuật	TH Xuân Mai A	01/01/2005	01/07/2005	11/04/2017	14N 7T	3,26	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	03/2011	X	Anh A2	X	X
259	Nguyễn Thị Thu	Vân		21/07/1984	GV Tin	TH Xuân Mai A	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	9N7T	2,66	V.07.03.09	Kỹ sư CNTT	07/2010	ĐH	Anh A2	X	X
260	Bùi Thị	Hảo		10/05/1980	GV Văn hóa	TH Xuân Mai A	07/09/2007	01/03/2008	30/01/2019	11N11T	3,06	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2002	X	Anh B	X	X
261	Ngô Thị	Phượng		29/10/1972	GV Văn hóa	TH Xuân Mai A	22/4/1993	01/9/1994	11/4/2017	26n 5t	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	04/2006	X	Anh B	X	X
262	Nguyễn Thị	Thúy		20/8/1968	GV Văn hóa	TH Xuân Mai A	01/12/1993	01/6/1995	11/4/2017	25n8 t	4,06	V.07.03.09	ĐHSP GDTH	10/2005	X	Anh B	X	X
263	Trần Thị Phương	Khang		08/11/1988	GV Văn hóa	TH Xuân Mai B	01/11/2012	01/5/2013	11/4/2017	7n	2,46	V.07.03.09	CĐSP Tiểu học	08/2010	X	Anh A2	X	X
264	Đào Thu	Ba		10/8/1986	GV Tin	TH Xuân Mai B	01/01/2010	01/07/2010	11/4/2017	10n	2,66	V.07.03.09	ĐH Tin học	10/2018	ĐH	Anh B	X	X
265	Nguyễn Thị	Đức		26/3/1987	GV Thể dục	TH Xuân Mai B	01/11/2011	01/11/2011	11/4/2017	9n	2,66	V.07.03.09	CĐSP GDTC	08/2010	X	Anh B	X	X
266	Trần Thị	Vụ		20/01/1979	GV Âm nhạc	TH Xuân Mai B	01/8/2001	01/3/2002	11/4/2017	18n	3,46	V.07.03.09	ĐH Âm nhạc	03/2013	X	Anh B	X	X
267	Ng. Thị Ngọc	Ánh		06/11/1981	GV Tiếng Anh	TH Xuân Mai B	01/01/2010	01/7/2010	11/4/2017	10n	2,66	V.07.03.09	ĐH tiếng Anh	06/2005	X	Pháp C	X	X
268	Nguyễn Thị Kim	Chi		16/02/1982	GV Mỹ thuật	TH Xuân Mai B	01/9/2007	01/3/2008	11/4/2017	12n	2,86	V.07.03.09	CĐSP Mỹ thuật	03/2009	X	Anh B	X	X

Danh sách này gồm có: 268 người.

Biểu mẫu 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND HUYỆN THANH OAI CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	Khuất Thị	Giang		08/05/1981	GV	TH Bích Hòa	01/01/2005	01/07/2005	11/04/2017	14N 8T	3,26	V.07.03.09	ĐH- ÂN	08/2012	x	Anh B	x	x
2	Nguyễn Diệu	Hằng		20/02/1975	GV	TH Bích Hòa	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	10/2005	x	Anh B	x	x
3	Nguyễn Thị	Hòa		25/08/1978	GV	TH Bích Hòa	03/10/2014	03/10/2014	11/04/2017	5N 4T	3,06	V.07.03.09	CĐ-GDTH	08/2000	x	Anh B	x	x
4	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		26/11/1975	GV	TH Bích Hòa	01/01/2010	01/01/2010	11/04/2017	10N 2T	3,06	V.07.03.09	CĐ-Anh	12/1998	x	Pháp C	x	x
5	Lưu Thị	Liên		31/05/1976	GV	TH Bích Hòa	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N 0T	3,46	V.07.03.09	CĐ-Thể dục	06/1997	x	Anh B	x	x
6	Nguyễn Thị	Ngọc		22/12/1986	GV	TH Bích Hòa	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTH	02/2012	x	Anh A2	x	x
7	Nguyễn Hồng	Nhung		07/01/1975	GV	TH Bích Hòa	03/10/2014	03/10/2014	11/04/2017	5N 4T	3,46	V.07.03.09	CĐ-GDTH	05/1999	x	Anh B	x	x
8	Nguyễn Thị	Toàn		09/09/1979	GV	TH Bích Hòa	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	2,66	V.07.03.09	CĐ-Thể dục	08/2002	x	Anh B	x	x
9	Nguyễn Thị	Tươi		01/04/1976	GV	TH Bích Hòa	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	10/2006	x	Anh B	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
10	Quản Thị Hồng	Thái		17/03/1979	PHT	TH Bình Minh B	11/12/2009	11/12/2009	11/04/2017	10N 2T	3,06	V.07.03.09	ĐH- Anh	02/2004	x	Pháp C	x	x
11	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		17/12/1981	GV	TH Bình Minh B	11/12/2009	11/12/2009	11/04/2017	10N 2T	3,26	V.07.03.09	ĐH-Anh	06/2009	x	Pháp B	x	x
12	Quách Thị Quỳnh	Loan		27/01/1980	GV	TH Bình Minh B	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N 0T	3,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	02/2012	x	Anh A2	x	x
13	Nguyễn Thị	Phương		04/05/1980	GV	TH Bình Minh B	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N 0T	3,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	04/2011	x	Anh B	x	x
14	Lê Thị Ngọc	Tú		03/01/1979	GV	TH Bình Minh B	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N 0T	3,26	V.07.03.09	ĐH-thể dục	09/2006	x	Anh A2	x	x
15	Tạ Thị	Vân		13/01/1978	GV	TH Bình Minh B	01/09/2007	01/03/2008	10/04/2018	12N 0T	3,06	V.07.03.09	ĐHSP Ngữ Văn	11/2004	x	Anh B	x	x
16	Vũ Thị	Oanh		16/07/1973	GV	TH Cao Dương	04/10/1993	01/04/1995	11/04/2017	24N 11T	4,06 VK 6%	V.07.03.09	ĐH-SPGDTH	05/2007	x	Anh B	x	x
17	Nguyễn Thị Kim	Vân		20/09/1973	Tổ phó CM	TH Cao Dương	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N 0T	3,46	V.07.03.09	CĐ- TH	02/2005	x	Anh B	x	x
18	Vũ Thị	Thắng		08/05/1978	Tổ trưởng CM	TH Cao Dương	03/10/2014	03/10/2014	11/04/2017	5N 4T	3,26	V.07.03.09	CĐ- TH	12/1999	x	Anh B	x	x
19	Hoàng Thị	Trang		26/10/1983	TPT đội	TH Cao Dương	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTC	04/2018	x	Anh B	x	x
20	Mai Thị Kim	Oanh		23/07/1988	GV	TH Cao Dương	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	2,86	V.07.03.09	ĐH-GDTC	06/2015	x	Anh A2	x	x
21	Nguyễn Thị Anh	Đào		12/06/1976	PHT	TH Cao Viên I	15/10/2012	15/10/2012	11/04/2017	7N 4T	2,46	V.07.03.09	ĐH-GD TH	04/2014	x	Anh C	x	x
22	Nguyễn Trung	Đoàn	26/10/1982		GV	TH Cao Viên I	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	2,66	V.07.03.09	ĐH-SP âm nhạc	04/2015	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
23	Bùi Thị Thanh	Mai		05/05/1983	GV	TH Cao Viên I	01/01/2010	01/07/2010	11/04/2017	9N 8T	2,66	V.07.03.09	ĐH - Tin học	12/2011	ĐH	Anh C	x	x
24	Nguyễn Thị Minh	Thu		21/03/1982	GV	TH Cao Viên I	01/12/2009	08/06/2010	11/04/2017	9N 8T	2,86	V.07.03.09	ĐH-Tiếng Anh SP	05/2005	x	Pháp B	x	x
25	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền		15/09/1985	GV	TH Cao Viên I	15/10/2010	01/04/2011	11/04/2017	8N 11T	2,66	V.07.03.09	CĐ- SP thể dục - sinh	08/2007	x	Anh B	x	x
26	Nguyễn Thị	Gấm		07/02/1976	GV	TH Cao Viên I	01/12/2010	01/12/2010	11/04/2017	9N 3T	3,26	V.07.03.09	CĐ-TH	11/1997	x	Anh B	x	x
27	Vũ Thị	Quyên		18/06/1990	GV	TH Cao Viên II	01/11/2010	01/05/2011	11/04/2017	8N 10T	2,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	08/2014	x	Anh A2	x	x
28	Lê Thị	Hường		23/04/1983	GV	TH Cao Viên II	01/01/2005	01/07/2005	11/04/2017	14N 8T	3,26	V.07.03.09	ĐH- SPÂN	08/2012	x	Anh B	x	x
29	Nguyễn Thị	Vinh		16/01/1982	GV	TH Cao Viên II	01/12/2009	01/12/2009	11/04/2017	10N 3T	3,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	11/2009	x	Anh A2	x	x
30	Đào Thị Phương	Thúy		29/04/1979	GV	TH Cao Viên II	01/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N 0T	3,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	11/2009	x	Anh A2	x	x
31	Phạm Thị Thu	Hiền		09/08/1976	Tổ Tường CM	TH Cao Viên II	01/10/2007	01/04/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	CĐ - TH	11/1997	x	Anh A2	x	x
32	Lưu Thanh	Hương		30/08/1985	GV	TH Cao Viên II	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	2,86	V.07.03.09	CĐThể dục-Sinh	07/2007	x	Anh A2	x	x
33	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		21/11/1977	GV	TH Cao Viên II	01/12/2009	01/12/2009	11/04/2017	10N 3T	3,26	V.07.03.09	ĐH - Tiếng Anh	11/2002	x	Pháp C	x	x
34	Hà Thị	Trang		21/07/1979	GV	TH Cao Viên II	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,06	V.07.03.09	CĐ-TH	08/2001	x	Anh A2	x	x
35	Nguyễn Thị	Hà		19/03/1973	GV	TH Cao Viên II	01/09/1999	01/03/2000	11/04/2017	20N 0T	3,66	V.07.03.09	ĐH-GDTH	04/2011	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
36	Trần Thị	Mai		07/05/1990	GV	TH Cao Viên II	15/09/2014	15/09/2014	11/04/2017	5N 5T	2,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	07/2015	x	Anh A2	x	x
37	Lê Văn	Duyến	21/06/1974		GV	TH Cự Khê	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2018	9N 9T	2,66	V.07.03.09	ĐH- SP Toán	10/2005	ĐH	Anh A2	x	x
38	Đặng Thúy	Hằng		21/04/1977	Tổ trưởng CM	TH Cự Khê	03/10/2014	03/10/2014	11/04/2017	5N 4T	3,26	V.07.03.09	ĐH- SP GDTH	10/2003	x	Anh B	x	x
39	Nguyễn Thị	Hòa		16/07/1976	GV	TH Cự Khê	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	3,26	V.07.03.09	ĐH- SP GDTH	05/2005	x	Anh B	x	x
40	Lê Thị	Hợp		25/12/1977	GV	TH Cự Khê	01/11/2013	01/11/2013	11/04/2017	6N 4T	3,26	V.07.03.09	ĐH-SP GDTH	11/2004	x	Anh B	x	x
41	Trương Thị Mai	Hương		03/03/1980	GV	TH Cự Khê	01/01/2005	01/07/2005	11/04/2017	14N 8T	3,26	V.07.03.09	ĐH-SP âm nhạc	08/2012	x	Anh A2	x	x
42	Đào Tuyết	Ninh		02/08/1977	GV	TH Cự Khê	01/11/2012	01/11/2012	11/04/2017	7N 4T	3,26	V.07.03.09	CĐ-TH	02/1999	x	Anh B	x	x
43	Lê Thị Thu	Trà		10/10/1976	GV	TH Cự Khê	01/12/2009	01/12/2009	11/04/2017	10N 3T	3,26	V.07.03.09	ĐH-Tiếng Anh	09/2001	x	Pháp B	x	x
44	Chu Thị Liên	Thùy		02/03/1979	GV	TH Cự Khê	05/01/2005	05/07/2005	11/04/2017	14N 7T	3,26	V.07.03.09	ĐH-SP âm nhạc	08/2012	x	Anh B	x	x
45	Nguyễn Thị Hồng	Thắm		11/09/1974	PHT	TH Dân Hòa	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	ĐH- GDTH	11/2009	x	Anh A2	x	x
46	Nguyễn Thị Hương	Trà		20/10/1989	GV	TH Dân Hòa	01/10/2011	01/04/2012	11/04/2017	7N 11T	2,46	V.07.03.09	CĐ- GDTC	10/2010	x	Anh B	x	x
47	Nguyễn Thị Thanh	Loan		08/04/1983	GV	TH Dân Hòa	01/09/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	2,66	V.07.03.09	ĐH-CNTT	11/2006	ĐH	Anh C	x	x
48	Đỗ Thị	Hà		12/12/1976	GV	TH Dân Hòa	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	CĐ-GDTH	12/1999	x	Anh C	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
49	Phan Thị	Hương		21/03/1977	Tổ trưởng CM	TH Dân Hòa	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	ĐH- GDTH	11/2009	x	Anh A2	x	x
50	Nguyễn Thị Kim	Hoa		10/10/1978	GV	TH Dân Hòa	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N 0T	3,26	V.07.03.09	CĐ-GDTH	08/2000	x	Anh B	x	x
51	Nguyễn Thị	Huyền		09/10/1974	GV	TH Dân Hòa	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N 0T	3,46	V.07.03.09	ĐH-SP GDTH	10/2005	x	Anh A2	x	x
52	Nguyễn Thùy	Dung		08/05/1989	GV	TH Dân Hòa	03/10/2014	03/10/2014	11/04/2017	5N 4T	2,66	V.07.03.09	CĐ-GDTH	06/2013	x	Anh B	x	x
53	Nguyễn Thị Kim	Thoa		28/07/1974	GV	TH Dân Hòa	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N 0T	3,26	V.07.03.09	CĐ-GDTH	01/2003	x	Anh B	x	x
54	Phạm Thị	Tình		03/08/1976	GV	TH Dân Hòa	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	07/2015	x	Anh A2	x	x
55	Phạm Minh	Huấn	05/10/1979		GV	TH Đỗ Động	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	3,06	V.07.03.09	CĐ-GDTC	08/2002	x	Anh B	x	x
56	Vũ Thị	Hằng		22/01/1976	GV	TH Đỗ Động	01/12/2009	01/12/2009	11/04/2017	10N 3T	3,26	V.07.03.09	CĐ-TH	01/2003	x	Anh bậc 2	x	x
57	Nguyễn Thị Thanh	Loan		30/12/1987	GV	TH Hồng Dương	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	2,66	V.07.03.09	CĐ- MT	04/2010	x	Anh A2	x	x
58	Lê Thị Minh	Trang		17/10/1986	GV	TH Hồng Dương	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	2,66	V.07.03.09	ĐH-GDTC	07/2014	x	Anh A2	x	x
59	Nghiêm Thị	Nhung		10/06/1980	GV	TH Hồng Dương	01/12/2009	01/12/2009	10/04/2018	10N 3T	3,26	V.07.03.09	ĐH-Tiếng Anh	07/2003	x	Pháp B	x	x
60	Nguyễn Thị Phương	Anh		05/10/1984	GV	TH Hồng Dương	01/06/2010	01/06/2010	27/03/2018	9N 9T	2,66	V.07.03.09	ĐH-Toán tin ứng dụng	09/2009	ĐH	Anh C	x	x
61	Nguyễn Thị Hồng	Hoa		17/11/1978	GV	TH Hồng Dương	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	ĐH- GDTH	11/2009	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
62	Nguyễn Thị	Huệ		13/01/1980	GV	TH Hồng Dương	07/09/2007	06/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	CĐ- GDTH	08/2002	x	Anh A2	x	x
63	Nguyễn Thu	Phương		11/02/1986	GV	TH Hồng Dương	10/09/2007	10/03/2008	01/04/2017	11N 11T	2,86	V.07.03.09	ĐH- GDTH	09/2011	x	Anh A2	x	x
64	Nguyễn Thị Hồng	Nga		02/09/1973	HT	TH Kim An	29/08/1997	02/12/1998	11/04/2017	21N 2T	3,86	V.07.03.09	ĐH- SP GDTH	10/2005	x	Anh A2	x	x
65	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		18/02/1978	GV	TH Kim An	01/12/2009	01/12/2009	11/04/2017	10N 3T	3,26	V.07.03.09	ĐH-Tiếng Anh	09/2005	x	Pháp B	x	x
66	Nguyễn Thị	Ngọc		15/10/1980	GV	TH Kim An	01/01/2005	01/07/2005	11/04/2017	14N 8T	3,26	V.07.03.09	ĐH-SP âm nhạc	04/2011	x	Anh A2	x	x
67	Phạm Thị	Minh		05/09/1989	GV TPT đội	TH Kim An	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N 2T	2,46	V.07.03.09	CĐ- SPGDTC	08/2010	x	Anh C	x	x
68	Nguyễn Thị	Hương		16/12/1975	GV	TH Kim Thư	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	3,26	V.07.03.09	CĐ- GD thể chất	09/1998	x	Anh B	x	x
69	Phạm Thị Kim	Tuyến		06/08/1976	PHT	TH Liên Châu	01/12/2009	08/06/2010	11/04/2017	9N 8T	3,06	V.07.03.09	ĐH-Tiếng Anh	08/2001	x	Pháp C	x	x
70	Trần Văn	Duy	20/07/1982		GV	TH Liên Châu	02/10/2006	01/05/2007	11/04/2017	12N 10T	3,06	V.07.03.09	ĐH- AN	04/2011	x	Anh A2	x	x
71	Nguyễn Thị	Loan		01/11/1992	GV	TH Liên Châu	03/10/2014	03/04/2015	11/04/2017	4N 10T	2,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	02/2017	x	Anh B	x	x
72	Nguyễn Mạnh	Việt	28/06/1990		GV	TH Liên Châu	03/10/2014	03/10/2014	11/04/2017	5N 4T	2,66	V.07.03.09	ĐH- GDTH	02/2016	x	Anh A2	x	x
73	Phạm Thị	Huệ		02/05/1982	GV	TH Liên Châu	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,06	V.07.03.09	CĐ- SPTH	07/2006	x	Anh B	x	x
74	Nguyễn Thị	Lan		04/08/1982	GV	TH Liên Châu	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N 0T	3,26	V.07.03.09	CĐ- SPTH	07/2005	x	Anh B	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
75	Nguyễn Xuân	Phương	17/11/1976		Tổ trưởng CM	TH Mỹ Hưng	07/09/2007	06/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,06	V.07.03.09	CĐ- GDTH	11/1997	x	Anh A2	x	x
76	Lê Thị Hồng	Minh		19/08/1973	GV	TH Mỹ Hưng	01/10/2007	01/04/2008	11/04/2017	11N 11T	3,46	V.07.03.09	CĐ- GDTH	11/1997	x	Anh B	x	x
77	Nguyễn Phương	Huyền		20/02/1993	GV	TH Mỹ Hưng	31/12/2015	04/07/2016	19/10/2016	3N 7T	2,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	07/2017	x	Anh B	x	x
78	Lưu Quỳnh	Thơ		05/11/1990	GV	TH Mỹ Hưng	01/10/2011	01/04/2012	11/04/2017	7N 11T	2,66	V.07.03.09	CĐ- GDTH	07/2011	x	Anh B	x	x
79	Lê Tiến	Tuyến	29/04/1974		Tổ trưởng CM	TH Mỹ Hưng	07/09/2007	06/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	CĐ- GDTH	11/1997	x	Anh A2	x	x
80	Phạm Thị Thu	Hoài		03/06/1985	GV	TH Mỹ Hưng	22/09/2006	01/04/2007	11/04/2017	12N 11T	3,06	V.07.03.09	ĐH- Âm nhạc	08/2012	x	Anh B	x	x
81	Trần Thị Thanh	Chí		23/02/1986	GV	TH Mỹ Hưng	01/10/2008	01/04/2009	11/04/2017	10N 11T	2,86	V.07.03.09	ĐH- Mỹ thuật	04/2012	x	Anh B	x	x
82	Tào Thị	Hằng		19/02/1983	GV	TH Mỹ Hưng	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,06	V.07.03.09	CĐ- SPTH	07/2007	x	Anh B	x	x
83	Nguyễn Thị	Thúy		21/12/1978	GV	TH Mỹ Hưng	03/10/2014	03/10/2014	11/04/2017	5N 4T	3,06	V.07.03.09	CĐ- GDTH	08/2000	x	Anh B	x	x
84	Nguyễn Thúy	Lan		22/03/1969	GV	TH Mỹ Hưng	01/10/1990	20/04/1993	11/04/2017	26N 10T	4,06 VK 9%	V.07.03.09	ĐH-SP GDTH	04/2008	x	Anh B	x	x
85	Nguyễn Thị Hải	Thiên		13/05/1980	Tổ trưởng CM	TH Phương Trung I	15/10/2012	15/10/2012	11/04/2017	7N 4T	3,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	02/2012	x	Anh A2	x	x
86	Phạm Thị	Lan		08/05/1973	GV	TH Phương Trung I	01/11/2012	01/11/2012	11/04/2017	7N 4T	3,46	V.07.03.09	CĐ- TH	01/2003	x	Anh A2	x	x
87	Trần Thị Song	Thương		15/01/1975	GV	TH Phương Trung I	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	3,06	V.07.03.09	CĐ- GD thể chất	09/1998	x	Anh B	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CDSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
88	Hoàng Thị	Huyền		10/03/1989	GV	TH Phương Trung I	01/10/2011	01/04/2012	11/04/2017	7N 11T	2,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	07/2015	x	Anh A2	x	x
89	Lê Văn	Mạnh	01/08/1975		GV	TH Phương Trung I	07/10/2010	07/04/2011	11/04/2017	8N 10T	3,06	V.07.03.09	ĐH-SP GDTH	10/2006	x	Anh A2	x	x
90	Nguyễn Thị Thu	Hà		03/04/1983	GV	TH Phương Trung I	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,06	V.07.03.09	ĐH-SP Mỹ thuật	01/2019	x	Anh A2	x	x
91	Lê Thị	Thảo		26/08/1976	GV	TH Phương Trung II	07/09/2007	06/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	CĐ-SPTH	11/1997	x	Anh A2	x	x
92	Phạm Thị	Hương		06/12/1993	GV	TH Phương Trung II	03/10/2014	03/10/2014	11/04/2017	5N 4T	2,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	07/2015	x	Anh A2	x	x
93	Nguyễn Bích	Ngọc		27/07/1992	GV	TH Phương Trung II	03/10/2014	03/10/2014	11/04/2017	5N 4T	2,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	07/2015	x	Anh A2	x	x
94	Phạm Thị	Nhàn		20/10/1976	GV	TH Tam Hưng	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	3,06	V.07.03.09	CĐ-TH	11/1997	x	Anh B	x	x
95	Bùi Thị	Vương		10/06/1973	GV	TH Tam Hưng	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	ĐH-SP GDTH	10/2006	x	Anh B	x	x
96	Phan Thúy	Liễu		05/03/1981	GV	TH Tam Hưng	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	11/2009	x	Anh B	x	x
97	Lưu Thị	Nhung		04/10/1975	GV	TH Tam Hưng	01/12/2009	01/12/2009	10/04/2018	10N 3T	3,46	V.07.03.09	ĐH-Tiếng Anh	09/2005	TC	Pháp B	x	x
98	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		20/08/1991	GV	TH Tam Hưng	03/10/2014	03/10/2014	11/04/2017	5N 4T	2,46	V.07.03.09	CĐ-GDTH	06/2013	x	Anh B	x	x
99	Thái Thị Kim	Ngân		28/10/1989	GV TPT đội	TH Tam Hưng	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N 2T	2,46	V.07.03.09	CĐ-SPAN	07/2010	x	Anh B	x	x
100	Lê Văn	Ngọc	20/03/1987		GV	TH Tam Hưng	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N 2T	2,46	V.07.03.09	CĐ-SPMT	08/2011	x	Anh C	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
101	Phạm Hồng	Nhung		08/09/1988	GV	TH Tam Hưng	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N 2T	2,46	V.07.03.09	ĐH-Tiếng Anh	03/2013	x	Pháp B	x	x
102	Nguyễn Thị	Hoàn		01/05/1988	GV	TH Tam Hưng	01/01/2016	04/07/2016	04/07/2016	3N 7T	2,06	V.07.03.09	CĐ-SP GDTC	08/2010	x	Anh A2	x	x
103	Nguyễn Thị Thu	Trang		23/03/1993	GV	TH Tam Hưng	01/01/2016	04/07/2016	04/07/2016	3N 7T	2,06	V.07.03.09	ĐH-GDTC	06/2015	x	Anh B	x	x
104	Phạm Thị	Liên		20/11/1993	GV	TH Tam Hưng	03/10/2014	06/10/2015	06/10/2015	4N 4T	2,26	V.07.03.09	CĐ-SP GDTH	04/2018	x	Anh A2	x	x
105	Nguyễn Thị Mỹ	Trang		22/05/1979	Tổ trưởng CM	TH Tân Ước	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	11/2009	x	Anh A2	x	x
106	Nghiêm Thị Hạnh	Luyến		28/02/1979	GV	TH Tân Ước	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,46	V.07.03.09	ĐH GDTH	11/2009	x	Anh A2	x	x
107	Nguyễn Thị Thu	Thủy		03/11/1980	Tổ phó CM	TH Tân Ước	01/10/2007	01/04/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	ĐH GDTH	03/2010	x	Anh A2	x	x
108	Hoàng Thị	Hiền		04/12/1977	Tổ phó CM	TH Tân Ước	01/10/2011	01/11/2011	11/04/2017	8N 4T	3,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	11/2009	x	Anh A2	x	x
109	Nguyễn Thị	Nhiên		11/01/1977	GV	TH Tân Ước	03/10/2014	03/10/2014	11/04/2017	5N 4T	3,26	V.07.03.09	CĐ-TH	02/1999	x	Anh A2	x	x
110	Nguyễn Trọng	Cường	23/07/1973		GV	TH Tân Ước	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	3,06	V.07.03.09	CĐ-TH	12/1999	x	Anh A2	x	x
111	Nguyễn Thị	Vui		11/09/1989	GV	TH Tân Ước	01/11/2012	01/11/2012	11/04/2017	7N 4T	2,66	V.07.03.09	CĐ SPTH	08/2010	x	Anh A2	x	x
112	Phạm Ánh	Ngọc		25/05/1985	GV	TH Tân Ước	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,06	V.07.03.09	ĐH SPÂN	08/2012	x	Anh C	x	x
113	Lê Quốc	Bảo	31/12/1978		PHT	TH Thanh Cao	01/09/2007	01/02/2008	11/04/2017	12N 1T	3,26	V.07.03.09	ĐH- GDTH	02/2012	x	Anh A2	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
114	Phạm Thị Thanh	Huyền		04/09/1976	GV	TH Thanh Cao	01/12/2009	01/12/2009	11/04/2017	10N 3T	3,26	V.07.03.09	ĐH-Tiếng Anh	08/2005	x	Pháp C	x	x
115	Nguyễn Thị Tâm	Hiền		01/06/1973	GV	TH Thanh Cao	03/10/2014	03/10/2014	11/04/2017	5N 4T	3,26	V.07.03.09	CĐ-TH	01/2003	x	Anh A2	x	x
116	Nguyễn Thị	Thu		28/02/1982	GV	TH Thanh Cao	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	3,26	V.07.03.09	CĐ-Toán Tin	07/2003	ĐH	Anh C	x	x
117	Nguyễn Thị	Hồng		24/03/1975	GV	TH Thanh Cao	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	3,26	V.07.03.09	CĐ-TD thể thao	06/1997	x	Anh C	x	x
118	Lê Hoàng	Huy	23/06/1983		PHT	TH Thanh Mai	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,06	V.07.03.09	ĐH-GDTH	02/2012	x	Anh B2	x	x
119	Nguyễn Thị	Hường		02/03/1981	Tổ phó CM	TH Thanh Mai	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	ĐH- GDTH	02/2012	x	Anh C	x	x
120	Nguyễn Thị Hải	Hà		10/05/1983	GV	TH Thanh Mai	01/01/2005	01/07/2005	11/04/2017	14N 8T	3,26	V.07.03.09	ĐH-SP Âm Nhạc	06/2011	x	Anh A2	x	x
121	Nguyễn Thị	Quyên		08/05/1986	GV	TH Thanh Mai	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	2,66	V.07.03.09	ĐH-GDTC	04/2010	x	Anh B	x	x
122	Nguyễn Thị Hiền	Hòa		22/01/1988	GV	TH Thanh Mai	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	2,66	V.07.03.09	ĐHSP Mỹ thuật	07/2012	x	Anh C	x	x
123	Kiều Thị	Lan		12/04/1979	GV	TH Thanh Mai	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	2,66	V.07.03.09	ĐH- CNTT	12/2008	ĐH	Anh B	x	x
124	Nguyễn Ngọc	Bích		10/05/1986	GV	TH Thanh Mai	01/12/2009	08/06/2010	11/04/2017	9N 8T	2,66	V.07.03.09	CĐ- Tiếng Anh	07/2008	x	Trung B	x	x
125	Lê Thị	Vân		27/08/1990	GV	TH Thanh Mai	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N 2T	2,46	V.07.03.09	CĐ- GDTC	07/2011	x	Anh B	x	x
126	Phạm Thị	Khang		18/05/1977	Tổ phó CM	TH Thanh Mai	01/12/2010	01/06/2011	11/04/2017	8N 9T	3,46	V.07.03.09	CĐ- TH	01/2013	x	Anh B	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
127	Đặng Thị	Tuyết		23/10/1975	GV	TH Thanh Mai	30/12/2004	01/07/2005	11/04/2017	14N 8T	3,26	V.07.03.09	ĐHSP Âm nhạc	10/2017	x	Anh B	x	x
128	Nguyễn Thị Thúy	Vui		07/07/1973	GV	TH Thanh Mai	01/10/2007	01/04/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	ĐH- GDTH	02/2012	x	Anh B	x	x
129	Nguyễn Thị	Duyên		06/08/1980	GV	TH Thanh Mai	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	2,86	V.07.03.09	ĐH- GDTH	07/2015	x	Anh B	x	x
130	Nguyễn Thu	Hương		02/02/1983	GV	TH Thanh Mai	01/12/2010	01/06/2011	11/04/2017	8N 9T	2,66	V.07.03.09	ĐH- GDTH	07/2015	x	Anh B	x	x
131	Nguyễn Thị	Thúy		01/07/1987	GV	TH Thanh Mai	01/10/2011	01/04/2012	11/04/2017	7N 11T	2,46	V.07.03.09	CĐ-SP TH	08/2010	x	Anh B	x	x
132	Nguyễn Thị	Tươi		01/07/1988	GV	TH Thanh Mai	01/10/2014	01/10/2014	11/04/2017	5N 5T	2,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	06/2015	x	Anh C	x	x
133	Phạm Thị	Duyên		25/07/1981	GV	TH Thanh Thủy	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	ĐH-SP GDTH	10/2006	x	Anh A2	x	x
134	Kiều Thu	Hằng		26/03/1976	GV	TH Thanh Thủy	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	3,26	V.07.03.09	CĐ- TH	11/1997	x	Anh B	x	x
135	Kiều Thị Thanh	Thủy		22/10/1979	GV	TH Thanh Thủy	01/12/2010	01/06/2011	11/04/2017	8N 9T	3,26	V.07.03.09	ĐH- GDTH	02/2012	x	Anh A2	x	x
136	Lưu Thị	Chiến		28/12/1972	GV	TH Thanh Thủy	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	ĐH- GDTH	02/2012	x	Anh A2	x	x
137	Nguyễn Thị	Liên		16/12/1974	GV	TH Thanh Thủy	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	CĐ -TH	11/1997	x	Anh B	x	x
138	Kiều Thị	Tuyết		09/09/1973	GV	TH Thanh Thủy	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,46	V.07.03.09	CĐ -TH	11/1997	x	Anh B	x	x
139	Nguyễn Thị	Chi		20/08/1978	GV	TH Thanh Thủy	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,06	V.07.03.09	CĐ -TH	08/2000	x	Anh B	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
140	Nguyễn Thị Thu	Trà		02/05/1978	GV	TH Thanh Thủy	03/10/2014	06/04/2015	11/04/2017	4N 10T	2,26	V.07.03.09	ĐH-GDTH	02/2012	x	Anh B	x	x
141	La Thị Thủy	Dương		07/08/1991	GV	TH Thanh Thủy	03/10/2014	06/04/2015	11/04/2017	4N 10T	2,26	V.07.03.09	CĐ-SPGDTH	02/2014	x	Anh A2	x	x
142	Lê Thị	Hòa		28/10/1977	GV	TH Thanh Thủy	01/12/2009	01/12/2009	11/04/2017	10N 3T	3,26	V.07.03.09	ĐH -Anh	10/2008	x	Pháp B	x	x
143	Nguyễn Thị	Bích		29/04/1989	GV	TH Thanh Thủy	01/01/2016	04/07/2016	04/07/2016	3N 7T	2,06	V.07.03.09	ĐH SP Mỹ thuật	07/2014	x	Anh B	x	x
144	Nguyễn Thị	Hòa		06/07/1982	GV	TH Thanh Văn	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	12N 0T	3,26	V.07.03.09	CĐ- GD Thể chất	07/2004	x	Anh B	x	x
145	Lê Kim	Thúy		29/05/1985	GV	TH Thanh Văn	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2018	9N 9T	2,86	V.07.03.09	CĐSP Văn +TPT	10/2008	x	Anh C	x	x
146	Lê Thị	Lăng		22/08/1975	GV	TH Thanh Văn	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,26	V.07.03.09	ĐH- SP GDTH	10/2005	x	Anh B	x	x
147	Trương Thị Thanh	Hiền		08/03/1972	GV	TH Thanh Văn	03/10/2014	03/10/2014	11/04/2017	5N 4T	3,26	V.07.03.09	CĐ-TH	01/2003	x	Anh C	x	x
148	Nguyễn Thị	Huế		26/07/1990	GV TPT đội	TH Thanh Văn	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N 2T	2,46	V.07.03.09	ĐH SP Âm nhạc	09/2018	TC	Anh C	x	x
149	Nguyễn Thị	Ngân		21/12/1980	GV	TH thị trấn Kim Bài	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11N 11T	3,46	V.07.03.09	ĐH-GDTH	03/2010	TC	Anh C	x	x
150	Phạm Thị	Phương		30/06/1975	GV	TH thị trấn Kim Bài	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9N 9T	2,86	V.07.03.09	ĐH- GDTH	02/2012	x	Anh A2	x	x
151	Lê Thị	Lương		17/08/1987	GV TPT đội	TH thị trấn Kim Bài	01/01/2016	04/07/2016	04/07/2016	3N 7T	2,06	V.07.03.09	CĐ-SP Âm nhạc	07/2009	x	Anh B	x	x
152	Tạ Quang	Trung	24/09/1990		GV	TH thị trấn Kim Bài	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N 2T	2,46	V.07.03.09	CĐ- GD thể chất	07/2011	x	Anh B	x	x

TT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG, GVCNG, TPTĐG cấp trường trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng CĐSP chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
153	Nguyễn Xuân	Cường	20/11/1983		GV	TH Xuân Dương	15/09/2011	15/03/2012	11/04/2017	7N 11T	2,46	V.07.03.09	ĐH- GDTC	03/2017	x	Anh C	x	x
154	Phạm Thị	Ánh		25/02/1992	GV	TH Xuân Dương	03/10/2014	03/10/2014	11/04/2017	5N 4T	2,46	V.07.03.09	ĐH- GDTH	07/2015	x	Anh A2	x	x
155	Lê Thị	Phương		22/11/1995	GV TPT đội	TH Xuân Dương	01/01/2016	04/07/2016	04/07/2016	3N 7T	2,06	V.07.03.09	CĐ- GDTH	06/2017	x	Anh C	x	x
156	Nguyễn Thị	Vân		26/08/1993	Tổ phó CM	TH Xuân Dương	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3N 8T	2,06	V.07.03.09	ĐH- GDTH	06/2015	x	Anh C	x	x
157	Nguyễn Viết	Đông	09/10/1987		GV	TH Xuân Dương	01/01/2016	01/01/2016	01/01/2016	4N 2T	2,46	V.07.03.09	ĐH-SP mỹ thuật	07/2012	x	Anh A2	x	x
158	Hoàng Thị Kim	Oanh		25/11/1971	Tổ trưởng CM	TH Xuân Dương	01/03/2000	01/03/2000	11/04/2017	20N 0T	3,86	V.07.03.09	ĐH- GDTH	11/2009	x	Anh C	x	x

Danh sách này có 158 người.

Biểu số 2.2-TH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND HUYỆN ỨNG HÒA CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*22*
1	Nguyễn Thị	Quế		14/12/1986	GV	TH Viên An	25/11/2009	01/6/2010	27/03/17	9 năm,8 tháng	2,66	V07.03.09	CĐ	06/2009	x	A2	x	x
2	Nguyễn Thị	Ánh		,19/12/1988	GV	TH Viên An	25/11/2009	01/6/2010	27/03/17	9 năm, 8 tháng	2,66	V07.03.09	ĐH	07/2015	x	B	x	x
3	Đặng Thanh	Huyền	,01/01/1984		GV	TH Viên An	07/09/2007	01/3/2008	27/03/17	11 năm, 11 tháng	2,86	V07.03.09	CĐ	07/2007	x	B	x	x
4	Phạm Thị	Viền		,15/05/1979	GV	TH Viên An	25/11/2009	01/6/2010	27/03/17	9 năm, 8 tháng	3,06	V07.03.09	CĐ	06/2000	x	A2	x	x
5	Phạm Anh	Hùng	17/07/ 1977		GV	TH Viên An	25/11/2009	01/6/2010	27/03/17	9 năm, 8 tháng	2,86	V07.03.09	ĐH	07/2009	x	B	x	x
6	Đỗ Thị	Dần		,30/01/1986	TPT	TH Viên An	25/11/2009	01/6/2010	27/03/17	9 năm, 8 tháng	2,86	V07.03.09	ĐH	10/2017	x	A2	x	x
7	Trần Ngọc	Hiền	,01/10/1980		GV	TH Viên An	25/11/2009	01/6/2010	27/03/17	9 năm, 8 tháng	2,66	V07.03.09	ĐH	10/2017	x	A2	x	x
8	Nguyễn Thị Bích	Thảo		,29/03/1975	GV	TH Viên An	10/09/2007	01/3/2008	27/03/17	11 năm, 11 tháng	3,06	V07.03.09	CĐ	02/1999	x	A2	x	x
9	Nguyễn Văn	Thiện	,09/12/1985		GV	TH Viên An	25/11/2009	01/6/2010	27/03/17	9 năm, 8 tháng	2,66	V07.03.09	ĐH	07/2010	Đại học	B	x	x
10	Bùi Thảo	Hạnh		,30/10/1983	GV	TH Viên An	30/12/2009	01/01/2010	27/03/17	10 năm, 1 tháng	3,06	V07.03.09	CĐ	07/2004	x	B2	x	x
11	Bùi Thị	Chênh		,06/08/1978	GV	TH Viên An	01/9/2004	01/3/2005	27/03/17	14 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/2013	x	A2	x	x
12	Đỗ Thị Thu	Hường		,05/06 /1988	GV	TH Viên An	18/10/2012	18/04/2013	27/03/17	6 năm, 10 tháng	2,26	V07.03.09	CĐ	03/2010	x	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*22*
13	Kim Tuấn	Hải	15/02/1984		GV	TH Viên Nội	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	03/2011	Đại học	C	x	x
14	Nguyễn Thị Hương	Lan		15/11/1987	TPT	TH Viên Nội	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	10/2017	x	B	x	x
15	Nguyễn Thị	Thủy		20/01/1990	GV	TH Viên Nội	01/10/2011	01/04/2012	27/03/2017	7 năm, 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	07/2015	x	A2	x	x
16	Bùi Thị	Hà		01/01/1990	GV	TH Viên Nội	18/10/2012	14/04/2013	27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	06/2012	x	B	x	x
17	Trương Thị	Nhung		15/10/1992	GV	TH Viên Nội	01/11/2013	01/05/2014	27/03/2017	5 năm, 9 tháng	2.26	V.07.03.09	CĐ	06/2013	x	C	x	x
18	Đỗ Năng	Anh	25/11/1977		GV	TH Cao Thành	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	T . Pháp C	11/1999	x	CĐ	x	x
19	Nguyễn Thị	Hường		13/10/1976	GV	TH Cao Thành	06/09/1996	06/03/1998	27/03/2017	21 năm, 11 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	C	x	x
20	Lê Thị	Ninh		09/02/1981	TP	TH Cao Thành	10/9/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	09/2011	x	A2	x	x
21	Nguyễn Thị	Hường		15/08/1985	GV	TH Cao Thành	01/10/2014	01/04/2015	27/03/2017	4 năm, 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	1/2019	x	B	x	x
22	Ngô Thị	Lệ		10/1/1981	GV	TH Cao Thành	10/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	10/2017	x	B	x	x
23	Nguyễn Thị	Hương		11/06/1979	GV	TH Cao Thành	10/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	11/2009	x	A2	x	x
24	Mai Thị	Biên		07/02/1975	GV	TH Cao Thành	01/08/2008	01/02/2009	01/07/2016	11 năm, 0 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	12/2014	x	C	x	x
25	Nguyễn Thị Bích	Nhân		28/12/1992	GV	TH Cao Thành	01/01/2016	01/07/2016	01/07/2016	3 năm, 7 tháng	2,06	V.07.03.09	ĐH	6/2014	x	C	x	x
26	Trần Thị Minh	Thương		05/03/1988	GV	TH Cao Thành	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	3/2013	Đại học	C	x	x
27	Đỗ Thị	Chuyên		17/07/1977	GV	TH Cao Thành	01/01/1998	02/12/1998	27/03/2017	21 năm, 2 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	A2	x	x
28	Nguyễn Thị	Huyền		17/09/1977	GV	TH Hoa Sơn	10/9/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	09/2011	x	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
29	Nguyễn Thị Thuý	Hằng		08/11/1978	GV	TH Hoa Sơn	10/9/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	04/2014	x	B	x	x
30	Nguyễn Tân	Xuân		04/12/1977	GV	TH Hoa Sơn	10/9/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	06/2012	x	C	x	x
31	Lê Thị Thu	Hường		18/8/1977	GV	TH Hoa Sơn	10/9/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	09/2011	x	C	x	x
32	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		16/04/1985	GV	TH Hoa Sơn	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	04/2010	x	C	x	x
33	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		16/6/1975	GV	TH Hoa Sơn	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	12/2000	x	C	x	x
34	Đỗ Thị	Duyên		23/01/1968	GV-TP	TH Trường Thịnh	01/01/1991	01/10/1991	27/03/2017	28 năm, 4 tháng	4,06	V.07.03.09	CĐ	02/2002	x	B	x	x
35	Mai Phương	Lan		13/07/1977	GV-TP	TH Trường Thịnh	01/12/2009	01/06/2010	'27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	09/2011	x	A2	x	x
36	Nguyễn Thị	Loan		10/08/1986	GV	TH Trường Thịnh	01/12/2009	01/06/2010	'27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	05/2011	Kỹ sư	A2	x	x
37	Vũ Thu	Hoài		23/10/1992	GV	TH Trường Thịnh	18/10/2012	18/04/2013	'27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	07/2015	x	C	x	x
38	Đỗ Thị	Hoài		16/11/1988	GV	TH Trường Thịnh	01/11/2010	01/05/2011	'27/03/2017	8 năm, 9 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	10/2017	x	C	x	x
39	Nguyễn Thị Phước	Hà		06/03/1987	GV	TH Trường Thịnh	18/10/2012	18/04/2013	'27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	07/2012	x	C	x	x
40	Nguyễn Xuân	Sang		31/10/1978	GV	TH Trường Thịnh	01/12/2009	01/06/2010	'27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	01/2001	x	B2	x	x
41	Nguyễn Thị	Phương		13/12/1987	GV	TH Quảng Phú Cầu	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	08/2009	x	A2	x	x
42	Lê Thị	Yến		21/09/1979	GV	TH Quảng Phú Cầu	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	07/2015	x	A2	x	x
43	Nguyễn Thị	Nga		01/05/1977	GV	TH Quảng Phú Cầu	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	09/2011	x	A2	x	x
44	Dư Thị Thanh	Thủy		28/02/1975	GV	TH Quảng Phú Cầu	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	10/2000	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
45	Phạm Thị	Hà		25/9/1989	TPT	TH Liên Bạt	18/10/2012	18/4/2013	27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	07/2012	x	A2	x	x
46	Vũ Thị Thu	Hoài		03/08/ 1987	GV	TH Liên Bạt	18/10/2012	18/4/2013	27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐ	07/2008	x	A2	x	x
47	Nguyễn Thị Thúy	Dinh		21/11/1976	GV	TH Liên Bạt	15/8/ 1997	15/02/1999	27/03/2017	21 năm, 0 tháng	3.66	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	A2	x	x
48	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		17/8/1989	GV	TH Liên Bạt	18/10/2012	01/4/2013	27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	06/2012	x	C	x	x
49	Ngô Xuân	Hòa	23/8/1988		GV	TH Liên Bạt	18/10/2012	01/4/2013	27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2.46	V.07.03.09	CĐ	08/2010	x	B	x	x
50	Nghiêm Xuân	Trung	03/6/1990		GV	TH Thị trấn Vân Đình	18/10/2012	18/4/2013	27/3/2017	6 năm, 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	12/2015	x	A2	x	x
51	Trần Thị Thùy	Dương		04/5/1977	GV	TH Thị trấn Vân Đình	10/9/2007	10/5/2008	27/3/2017	11 năm, 9 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	C	x	x
52	Đặng Minh	Thúy		03/11/1977	GV	TH Thị trấn Vân Đình	10/9/207	10/03/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	06/2012	x	C	x	x
53	Dương Thị	Liên		02/03/1979	GV	TH Thị trấn Vân Đình	10/9/2007	10/03/2008	27/3/2017	10 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	9/2011	x	C	x	x
54	Phạm Thị Bích	Loan		24/08/1977	GV	TH Sơn Công	10/09/2007	10/03/ 2008	27/03/2017	#VALUE!	2.86	V.07.03.09	ĐH	09/2011	x	C	x	x
55	Lê Mạnh	Cường	12/06/1984		GV	TH Sơn Công	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	10/2013	x	C	x	x
56	Nguyễn Thị Vân	Kiều		16/01/1972	GV	TH Sơn Công	15/08/2002	15/08/2002	27/03/2017	17 năm, 6 tháng	3.66	V.03.07.09	CĐ	11/2007	x	C	x	x
57	Mai Xuân	Thiệp	20/09/1980		GV	TH Sơn Công	26/11/2003	01/06/2004	27/03/2017	15 năm, 8 tháng	3.26	V.07.03.09	ĐH	07/2015	x	C	x	x
58	Vũ Thị Ngân	Hà		07/11/1983	GV	TH Sơn Công	01/12/ 2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐ	10/2006	Cao đẳng	B	x	x
59	Nguyễn Thị	Dung		02/02/1987	GV	TH Sơn Công	01/12/2011	01/06/2012	27/03/2017	7 năm, 8 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	04/2010	x	C	x	x
60	Nguyễn Thị Huyền	Trang		24/05/1985	GV	TH Sơn Công	10/09/2007	10/03/ 2008	27/03/2017	#VALUE!	2.86	V.07.03.09	ĐH	10/2017	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
61	Phạm Thị	Bình		12/06/1985	GV	TH Đồng Tiến	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V07.03.09	ĐH	09/2009	Kỹ sư	C	x	x
62	Nguyễn Thị	Vượng		26/10/1980	GV	TH Đồng Tiến	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V07.03.09	CĐ	07/2015	x	C	x	x
63	Nguyễn Thị	Huệ		20/06/1971	GV	TH Đồng Tiến	01/11/1992	01/11/1994	27/03/2017	25 năm, 3 tháng	4,06	V07.03.09	ĐH	04/2006	x	C	x	x
64	Mai Hữu	Thỏa	25/11/1991		GV	TH Đồng Tiến	18/10/2012	04/2013	27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V07.03.09	CĐ	06/2013	x	C	x	x
65	Nguyễn Thị	Hạnh		12/07/1982	GV	TH Vạn Thái	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	12/2007	x	B1	x	x
66	Nguyễn Văn	Quý	27/01/1983		GV	TH Vạn Thái	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	11/2008	x	C	x	x
67	Quách Thị	Khuê		30/06/1977	GV	TH Vạn Thái	01/09/1997	02/12/1998	27/03/2017	21 năm, 2 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	04/2014	x	C	x	x
68	Chu Thi Huyền	Trang		30/7/1986	GV	TH Hòa Xá	01-12-2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2.66	v.07.03.09	ĐH	05/2011	Đại học	B	x	x
69	Lê Thị Hải	Yến		13/05/1989	GV	TH Hòa Xá	18/10/2012	18/4/2013	27/3/2017	6 năm, 10 tháng	2.46	v.07.03.09	CĐ	11/2010	x	B	x	x
70	Lê Thị	Hà		20/02/1983	GV	TH Hòa Xá	29-9-2006	01/4/2007	27/3/2017	12 năm, 10 tháng	3.06	v.07.03.09	ĐH	04/2011	x	B	x	x
71	Đỗ Quang	Tuấn	16/12/1973		GV	TH Hòa Xá	10-11-2002	10/5/2003	27/3/2017	16 năm, 9 tháng	3.46	v.07.03.09	ĐH	05/2007	x	B	x	x
72	Trần Trung	Trực	06/05/1972		GV	TH Hòa Xá	10-9-2007	10/3/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	2.86	v.07.03.09	ĐH	06/2004	x	B	x	x
73	Phùng Thị	Hằng		17/04/1981	GV	TH Hòa Xá	10-9-2007	10/3/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	2.86	v.07.03.09	ĐH	09/2011	x	B	x	x
74	Ngô Thanh	Thìn		09/12/1976	GV	TH Hòa Xá	10-9-2007	10/3/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	2.86	v.07.03.09	CĐ	10/2000	x		x	Bằng khen TĐHN 2013
75	Nguyễn Thị	Oanh		05/01/1975	Hiệu phó	TH Hòa Nam	15/8/1997	15/02/1999	27/3/2017	21 năm, 0 tháng	3,86	V.03.07.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
76	Trần Thị Thu	Hương		09/8/1988	GV	TH Hòa Nam	18/10/2012	18/4/2013	27/3/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.03.07.09	CĐ	6/2009	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
77	Đỗ Thị Thanh	Xuân		20/8/1978	GV	TH Hòa Nam	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.03.07.09	CĐ	08/2002	x	C	x	x
78	Mai Thị	Minh		02/9/1985	GV	TH Hòa Nam	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.03.07.09	ĐH	11/2010	Đại học	A2	x	x
79	Cao Thị	Mến		14/12/1974	GV	TH Hòa Nam	15/8/1997	15/02/1999	27/3/2017	21 năm, 0 tháng	3,86	V.03.07.09	ĐH	10/2005	x	A1	x	x
80	Trần Thị	Hạnh		05/5/1979	GV	TH Hòa Nam	10/9/2007	01/3/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.03.07.09	ĐH	8/2014	x	A2	x	x
81	Phạm Thị	Hằng		21/11/1986	GV	TH Hòa Nam	18/10/2012	18/4/2013	27/3/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.03.07.09	ĐH	9/2010	x	B	x	x
82	Nguyễn Thị Lan	Anh		11/11/1981	GV	TH Hòa Phú	10/09/2007	10/03/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	04/2015	x	C	x	x
83	Nguyễn Thị	Hoa		05/10/1984	GV	TH Hòa Phú	01/12/2009	01/06/2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	04/2008	Đại học	C	x	x
84	Vũ Thị Thanh	Huệ		03/09/1978	GV	TH Hòa Phú	10/09/2007	10/03/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	08/2000	x	C	x	x
85	Ngô Thị	Thúy		06/03/1986	GV	TH Hòa Phú	10/09/2007	10/03/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	07/2007	x	C	x	x
86	Hoàng Thị Thu	Hương		19/10/1975	GV	TH Hòa Phú	10/09/2007	10/03/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	10/2000	x	C	x	x
87	Phạm Thị Hữu	Thủy		09/03/1978	GV	TH Hòa Phú	10/09/2007	10/3/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	03/2010	x	C	x	x
88	Bùi Thị	Hình		15/10/1985	GV	TH Hòa Phú	01/12/2009	01/06/2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	10/2006	Cao đẳng	C	x	x
89	Lê Thị	Thanh		20/08/1974	GV	TH Hòa Phú	10/09/2007	10/3/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	10/2000	x	C	x	x
90	Nguyễn Thị	Vóc		08/08/1975	HT	TH Lưu Hoàng	15/8/1997	15/02/1999	27/3/2017	21 năm, 0 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
91	Nguyễn Mạnh	Trường	08/10/1976		PHT	TH Lưu Hoàng	10/9/2007	10/3/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	07/2015	x	B	x	x
92	Kiều Quang	Phúc	27/5/1975		CTCĐ	TH Lưu Hoàng	7/9/2007	01/3/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	3.06	V.07.03.09	CĐ	9/1998	x	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
93	Đào Thị Hồng	Thúy		27/8/1974	GV	TH Lưu Hoàng	01/11/1993	01/7/1995	27/3/2017	24 năm, 7 tháng	4.06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
94	Nguyễn Thị	Mai		10/9/1985	GV	TH Lưu Hoàng	10/9/2007	10/3/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐ	8/2012	x	C	x	x
95	Lê Thị	Hòa		20/5/1982	GV	TH Lưu Hoàng	1/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	01/2019	x	B	x	x
96	Trịnh Văn	Dũng	01/9/1979		TT	TH Lưu Hoàng	1/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	07/2015	x	B	x	x
97	Nguyễn Thị Minh	Đoan		20/9/1987	GV	TH Lưu Hoàng	1/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	12/2011	x	C	x	x
98	Nguyễn Thị	Toán		03/04/1971	PHT	TH Hồng Quang	10/09/2007	20/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	07/2015	x	A2	x	x
99	Nguyễn Thị	Hải		22/07/1976	GV	TH Hồng Quang	15/08/1997	15/02/1999	27/03/2017	21 năm, 0 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
100	Đỗ Như	Thảo		14/04/1992	TPT	TH Hồng Quang	18/10/2012	18/04/2013	27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	04/2017	x	C	x	x
101	Vương Thị	Hoa		01/08/1988	GV	TH Hồng Quang	01/10/2014	01/04/2015	27/03/2017	4 năm, 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	06/2011	Đại học	A2	x	x
102	Nguyễn Thị Thanh	Quyên		17/11/1978	GV	TH Hồng Quang	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	01/2002	x	B	x	x
103	Nguyễn Văn	Khôi	16/10/1991		GV	TH Hồng Quang	18/10/2012	18/04/2013	27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	07/2012	x	C	x	x
104	Nguyễn Thế	Hùng	29/10/1992		GV	TH Hồng Quang	01/01/2016	01/07/2016	01/01/2016	3 năm, 7 tháng	2,06	V.07.03.09	ĐH	04/2017	Cao đẳng	B	x	x
105	Nguyễn Thị Vân	Anh		16/12/1976	PHT	TH Đội Bình	15/8/1997	15/02/1999	27/3/2017	21 năm, 0 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
106	Đỗ Thị Kim	Vân		03/11/1975	GV	TH Đội Bình	01/01/1995	01/01/1996	27/3/2017	24 năm, 1 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
107	Bùi Thị	Hường		17/01/1983	GV	TH Đội Bình	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	04/2017	x	B	x	x
108	Vũ Thị Kim	Đường		3/1/1973	GV	TH Phương Tú	01/10/1997	02/12/1998	27/03/2017	21 năm, 2 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	3/2010	TC	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*22*
109	Trần Thị	Bé		12/2/1987	GV	TH Phương Tú	15/10/2012	15/04/2013	27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	08/2010	x	A2	x	x
110	Nguyễn Thành	Đồng	26/4/1981		GV	TH Phương Tú	05/10/2012	05/04/2013	27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	3/2016	x	B	x	x
111	Nguyễn Thị	Hiền		30/11/1990	GV	TH Phương Tú	18/10/2012	24/03/2014	27/03/2017	5 năm, 11 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	12/2011	x	A2	x	x
112	Lê Thị	Thắm		20/8/1971	GV	TH Phương Tú	10/9/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	8/2012	x	B	x	x
113	Nguyễn Thị	Tới		01/5/1974	GV	TH Phương Tú	10/9/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	8/2012	x	B	x	x
114	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm		30/11/1982	GV	TH Phương Tú	05/01/2005	05/07/2005	27/03/2017	14 năm, 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	03/2011	TC	B	x	x
115	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		02/09/1987	GV	TH Phương Tú	10/9/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	8/2012	TC	B	x	x
116	Hoàng Thị	Dịu		10/11/1978	GV	TH Phương Tú	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/2006	TC	B	x	x
117	Đỗ Thu	Hường		25/02/1987	GV	TH Phương Tú	10/9/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	8/2012	TC	B	x	x
118	Nguyễn Thị	Nhung		02/10/1978	PHT	TH Trung Tú	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	09/2011	x	B	x	x
119	Vương Thị	Mỵ		05/06/1987	GV	TH Trung Tú	1/12/2009	1/6/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	06/2009	x	B	x	x
120	Nguyễn Thị	Thảo		21/04/1987	GV	TH Trung Tú	01/12/2009	1/6/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	04/2010	x	B	x	x
121	Dư Thị	Tiền		18/07/1979	GV	TH Trung Tú	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/2006	x	B	x	x
122	Nguyễn Thị	Thiện		07/01/1976	GV	TH Trung Tú	01/09/2007	01/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	02/2002	x	C	x	x
123	Nguyễn Thị	Bích		12/03/1986	GV	TH Đồng Tân	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	10/2017	x	C	x	x
124	Đào Thị	Hanh		28/7/1974	GV	TH Đồng Tân	10/9/2007	10/3/2007	27/3/2017	12 năm, 11 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐ	09/2003	x	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
125	Phạm Quỳnh	Trang		18/10/1987	TPTĐ	TH Đồng Tân	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐ	06/2008	x	B	x	x
126	Nguyễn Thị	Lệ		08/11/1982	GV-TT	TH Hòa Lâm	10/09/2007	20/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	6/2005	x	A2	x	x
127	Lê Thị	Thảo		01/9/1978	GV	TH Hòa Lâm	10/09/2007	20/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	09/2011	x	A2	x	x
128	Chu Thị	Tươi		24/7/1977	GV	TH Hòa Lâm	10/09/2007	20/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	9/2011	x	A2	x	x
129	Nguyễn Thị	Xuyến		22/5/1986	GV-TP	TH Hòa Lâm	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	5/2011	Cao đẳng	C	x	x
130	Nguyễn Thị	Va		17/3/1978	GV	TH Hòa Lâm	01/09/2004	01/09/2005	27/03/2017	14 năm, 5 tháng	3.26	V.07.03.09	ĐH	9/2011	x	A2	x	x
131	Trần Khánh	Huyền		02/11/1988	TPT Đội	TH Hòa Lâm	18/10/2012	18/04/2013	27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	12/2013	x	C	x	x
132	Hoàng Văn	Hải	08/10/1990		GV	TH Hòa Lâm	15/02/2012	15/08/2012	07/06/2016	7 năm, 6 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	8/2015	x	C	x	x
133	Lưu Thị Ngọc	Thu		28/8/1972	GV	TH Hòa Lâm	10/09/2007	20/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2.86	V.07.03.09	CĐ	02/2005	x	B	x	x
134	Lê Thị	Lành		23/9/1984	GV	TH Hòa Lâm	15/09/2011	01/04/2012	07/8/2017	7 năm, 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	12/2017	x	B	x	x
135	Vũ Thị	Thơm		15/11/1979	PHT	TH Trầm Lộng	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/2017	x	A2	x	x
136	Đoàn Thị	Minh		17/07/1987	GV	TH Trầm Lộng	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	3/2013	Đại học	B	x	x
137	Nguyễn Thị	Giang		10/10/1982	CTCĐ	TH Kim Đường	01/12/2009	01/6/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	12/2006	Đại học	A2	x	x
138	Nguyễn Thị Thanh	Tú		09/10/1979	Tổ phó	TH Kim Đường	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	09/2011	x	A2	x	x
139	Vũ Thị Hải	Yến		23/02/1985	Tổ phó	TH Kim Đường	10/9/2007	10/3/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	06/2012	x	A2	x	x
140	Nguyễn Văn	Hiệp		20/08/1986	GV	TH Kim Đường	18/10/2012	18/4/2013	27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	01/2019	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
141	Dương Thanh	Tú		23/08/1988	TPT Đội	TH Kim Đường	18/10/2012	18/04/2013	27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2.46	V.07.03.09	ĐH	07/2011	x	A2	x	x
142	Phạm Thị Thu	Thủy		13/07/1984	GV	TH Kim Đường	10/9/2007	10/3/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	08/2012	x	A2	x	x
143	Phạm Thị Thu	Trang		27/09/1991	GV	TH Kim Đường	10/4/2011	04/4/2012	27/03/2017	7 năm, 10 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	02/2016	x	A2	x	x
144	Lê Thị Minh	Diễn		02/02/1988	GV	TH Kim Đường	01/12/2009	01/6/2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	04/2014	x	A2	x	x
145	Ngô Thị Thanh	Hải		22/09/1976	GV	TH Minh Đức	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	08/1997	x	B	x	x
146	Cao Thị	Tâm		23/11/1989	GV	TH Minh Đức	04/10/2011	04/04/2012	27/03/2017	7 năm, 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	02/2016	x	C	x	x
147	Nguyễn Thị	Thủy		12/09/1976	GV	TH Minh Đức	05/01/2005	05/07/2005	27/03/2017	14 năm, 7 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2017	x	C	x	x
148	Đặng Thị	Út		01/01/1982	GV	TH Minh Đức	08/9/2007	01/3/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.10	ĐH	08/2013	x	C	x	x
149	Nguyễn Thị	Thủy		02/07/1989	GV	TH Đại Hùng	01/01/2011	01/07/2011	27/03/2017	8 năm, 7 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	12/2017	x	C	x	x
150	Dư Thị Ánh	Tuyết		10/11/1986	GV	TH Đại Hùng	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	11/2007	Đại học	C	x	x
151	Vũ Thị	Cúc		02/05/1987	GV	TH Đại Hùng	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	6/2007	x	C	x	x
152	Phùng Thị	Thúy		29/06/1978	GV	TH Đại Cường	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	08/2000	x	Tiếng Pháp C	x	x
153	Phạm Thị	Hương		04/12/1976	GV	TH Đại Cường	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	02/1999	x	C	x	x
154	Nguyễn Thị	Liên		19/10/1987	GV	TH Đại Cường	01/04/2008	01/10/2008	27/03/2017	11 năm, 4 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	08/2015	x	C	x	x
155	Đoàn Thị	Huế		01/06/1987	GV	TH Đại Cường	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	05/2011	Kỹ sư	C	x	x
156	Nguyễn Thị Bích	Thơm		03/06/1975	GV	TH Đại Cường	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	09/2002	x	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22
157	Phùng Thanh	Hân		15/11/1977	GV	TH Đại Cường	10/09/2007	10/3/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	02/2002	x	C	x	x
158	Vũ Xuân	Chung	15/11/1986		GV	TH Đông Lỗ	1/12/2009	01/6 /2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2,86	V.03.07.09	ĐH	07/2012	x	B	x	x
159	Đỗ Thị Thanh	Hiên		13/11/1988	GV	TH Đông Lỗ	1/12/2009	01/6 /2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.03.07.09	ĐH	02/2017	x	B	x	x
160	Nguyễn Thị Minh	Hòa		12/07/1976	GV	TH Đông Lỗ	1/12/2009	01/6 /2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.03.07.09	CĐ	04/2001	x	B	x	x
161	Nguyễn Thị Thanh	Hà		29281	GV	TH Đông Lỗ	05/01/2005	05/7/2005	27/3/2017	14 năm, 7 tháng	3,26	V.03.07.09	ĐH	08/2012	x	B	x	x
162	Đoàn Thị	Ngọc		25/7/1990	GV	TH Đông Lỗ	3/10/2014	09/9/2015	27/3/2017	4 năm, 5 tháng	2,66	V.03.07.09	CĐ	06/2013	x	B	x	x
163	Lê Thị	Loan		20/12/1990	GV	TH Đông Lỗ	18/10/2012	18/4 /2013	27/3/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.03.07.09	CĐ	07/2012	x	B	x	x
164	Ngô Thị Hồng	Phương		28/10/1979	GV	TH Đông Lỗ	10/9/2007	10/03/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V03.07.09	CĐ	08/2000	x	B	x	x
165	Chu Văn	Tuyến	25/1/1989		GV	TH Đông Lỗ	18/10/2012	18/4 /2013	27/3/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.03.07.09	ĐH	02/2017	x	C	x	x
166	Nguyễn Đức	Thịnh	26/11/1992		GV	TH Đông Lỗ	24/10/2012	24/4/2013	27/3/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.03.07.09	ĐH	07/2016	x	C	x	x
167	Nguyễn Thị	Tuy		4/11/1984	GV	TH Đông Lỗ	18/10/2012	18/4 /2013	27/3/2017	6 năm, 10 tháng	2,86	V.03.07.09	ĐH	02/2017	x	B	x	x
168	Dương Thị Kiều	Oanh		30/5/1976	GV	TH Đông Lỗ	10/9/2007	10/03/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.03.07.09	CĐ	11/1997	x	C	x	x
169	Nguyễn Thị	Sáu		21/1/1987	GV	TH Đông Lỗ	1/12/2009	01/6 /2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.03.07.09	ĐH	11/2010	Đại học	C	x	x
170	Trần Thị Hồng	Bền		5/10/1984	GV	TH Tảo Dương Văn	01/12/2009	01/06/2010	27/3/2017	9 năm, 8 tháng	2.66	V.07.03.09	CĐ	07/2006	Đại học	C	x	x
171	Lương Thị Thu	Hương		14/7/1974	GV	TH Tảo Dương Văn	10/9/2007	10/3/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	2.86	V.07.03.10	CĐ	10/2000	x	B	x	x
172	Nguyễn Thị Kim	Oanh		05/11/1978	PHT	TH Tảo Dương Văn	10/9/2007	10/3/2008	27/3/2017	11 năm, 11 tháng	3.06	V.07.03.10	CĐ	04/2001	x	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*22*
173	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn		15/10/1985	GV	TH Tảo Dương Văn	10/9/2007	10/3/2008	27/3/2017	10 năm, 11 tháng	2.86	V.07.03.10	ĐH	08/2012	x	A2	x	x
174	Trần Thị	Thủy		10/3/1976	GV	TH Tảo Dương Văn	10/9/2007	10/3/2008	27/3/2017	9 năm, 11 tháng	2.86	V.07.03.10	ĐH	06/2012	x	B	x	x
175	Nguyễn Thị	Nga		06/03/1985'	GV	TH Tân Phương	01/10/2006	01/04/2007	27/03/2017	12 năm, 10 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	6/2006	x	A2	x	x
176	Trần Thị Lan	Phương		01/09/1981	GV	TH Tân Phương	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	02/2004	Cao đẳng	B	x	x
177	Nguyễn Thị	Xuân		23/04/1979	GV	TH Tân Phương	10/09/2007	10/03/2008	27/03/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	7/2003	x	B	x	x
178	Trần Thị	Quyên		08/02/1981	GV	TH Tân Phương	10/09/2007	10/05/2008	27/03/2017	11 năm, 9 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	8/2003	x	B	x	x
179	Nguyễn Thị	Nguyên		03/07/1978	GV	TH Tân Phương	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	11/1999	x	Trung C	x	x
180	Đỗ Thị	Huế		26/11/1988	GV	TH Tân Phương	18/10/2012	18/04/2013	27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	8/2010	x	B	x	x
181	Dương Mạnh	Hùng	05/04/1988		GV	TH Tân Phương	18/10/2012	18/04/2013	27/03/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	6/2012	x	A2	x	x
182	Ngô Thị	Hà		15/11/1987	GV	TH Tân Phương	01/12/2009	01/06/2010	27/03/2017	9 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	1/2019	x	C	x	x

Danh sách này gồm có: 182 người.

Biểu số 2.1-MN

DANH SÁCH VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN THUỘC UBND HUYỆN MỸ ĐỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên MN hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Nguyễn Thị Thu	Hương		24/6/1986	Tổ phó -GV	TH An Mỹ	08/9/2007	20/3/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	01/2019	x	B	x	x
2	Nguyễn Thị	Hương		18/7/1986	Giáo viên	TH An Mỹ	27/9/2006	01/4/2007	11/4/2017	12 năm, 10 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2017	x	A2	x	x
3	Nguyễn Anh	Tuấn		01/7/1984	Giáo viên	TH An Mỹ	07/9/2007	01/3/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	6/2007	x	A2	x	x
4	Đặng Mỹ	Hiền		27/9/1975	Giáo viên	TH An Mỹ	28/8/1996	28/2/1998	11/4/2017	22 năm, 0 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	04/4/2006	x	A2	x	x
5	Dương Thị Tố	Loan		10/08/1978	Giáo viên	TH An Phú	11/08/2007	06/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	08/2016	x	C	x	x
6	Hoàng Thị	Nga		02/07/1985	Giáo viên	TH An Phú	11/08/2007	06/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	20/11/20009	x	A2	x	x
7	Lê Duy	Chuyển	04/09/1976		Giáo viên	TH An Phú	01/08/2002	01/02/2003	11/04/2017	17 năm, 0 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH	10/11/2009	x	B	x	x
8	Trần Đức	Thụy	11/02/1984		Giáo viên	TH An Phú	11/08/2007	06/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	14/04/2015	x	A2	x	x
9	Phạm Hải	Hoàn	20/09/1985		Giáo viên	TH An Phú	11/08/2007	06/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	01/10/2012	x	A2	x	x
10	Nguyễn Thị	Tình		28/02/1987	Giáo viên	TH An Phú	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	28/01/2019	x	A2	x	x
11	Nguyễn Hồng	Thanh		20/08/1979	Giáo viên	TH An Phú	15/10/2012	15/10/2012	11/04/2017	7 năm, 4 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	2001	x	B	x	x
12	Đoàn Thị Tú	Tâm		23/07/1975	Giáo viên	TH An Phú	01/09/1998	24/03/1999	30/12/2016	20 năm, 11 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	2012	x	B	x	x
13	Nguyễn Tiến	Bình	27/06/1976		Giáo viên	TH An Phú	01/09/2005	01/03/2006	11/04/2017	13 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	2014	x	A2	x	x
14	Lê Thị Vân	Thùy		01/09/1976	Giáo viên	TH An Phú	01/09/1997	01/11/1999	11/04/2017	20 năm, 3 tháng	3,86	V.07.03.09	CĐ	2005	x	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đã tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên MN hạng III	
15	Vũ Văn	Thắng	30/08/1966		Giáo viên	TH An Phú	28/11/2002	31/05/2003	11/04/2017	16 năm, 8 tháng	3,46	V.07.03.09	CĐ	2005	x	A2	x	x
16	Lê Thị Minh	Đường		01/11/1971	Giáo viên	TH An Tiến	20/02/1995	20/2/1995	11/4/2017	25 năm, 0 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
17	Lê Thị	Hà		07/02/1971	Giáo viên	TH An Tiến	28/10/1992	20/4/1994	11/4/2017	25 năm, 10 tháng	4,06	V.07.03.09	CĐ SPTH	01/2006	x	B	x	x
18	Nguyễn Thị Hồng	Tươi		17/10/1976	Giáo viên	TH An Tiến	07/9/2007	23/6/2008	11/4/2017	11 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/2003	x	B	x	x
19	Vũ Thị Minh	Hường		15/5/1981	Giáo viên	TH An Tiến	07/9/2007	23/6/2008	11/4/2017	11 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	8/2006	x	B	x	x
20	Lê Tiến	Mạnh	15/11/1986		Giáo viên Tin học	TH An Tiến	02/12/2009	24/9/2010	11/4/2017	9 năm, 5 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	3/2013	ĐH	B	x	x
21	Nguyễn Thị	Minh		11/3/1990	Giáo viên	TH An Tiến	01/10/2014	01/4/2015	11/4/2017	4 năm, 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	5/2016	x	B	x	x
22	Kim Ngọc	Thảo	18/10/1975		Phó hiệu trưởng	TH Bột Xuyên	01/10/1994	01/04/1996	11/04/2017	23 năm, 10 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	A2	x	x
23	Nguyễn Thị	Hương		31/07/1974	Phó hiệu trưởng	TH Bột Xuyên	10/11/2002	31/05/2003	11/04/2017	16 năm, 8 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH	04/04/2006	x	A2	x	x
24	Trần Thị Thúy	Tiềm		17/06/1984	Giáo viên	TH Bột Xuyên	10/09/2007	10/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	28/01/2019	x	B	x	x
25	Nguyễn Thị Lệ	Mỹ		15/06/1968	Giáo viên	TH Bột Xuyên	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	01/12/1999	x	B	x	x
26	Nguyễn Thị	Hằng		22/01/1978	Giáo viên	TH Bột Xuyên	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	26/08/2016	x	A2	x	x
27	Đặng Thị	Oanh		08/05/1976	Giáo viên	TH Bột Xuyên	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	A2	x	x
28	Phạm Thị	Thùy		24/08/1985	Giáo viên	TH Bột Xuyên	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	26/08/2016	x	B	x	x
29	Nguyễn Bá	Huyên	28/02/1983		Giáo viên	TH Bột Xuyên	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	10/08/2009	ĐH	A2	x	x
30	Hoàng Thị	Tình		20/01/1973	Giáo viên	TH Bột Xuyên	01/11/1992	01/05/1994	11/04/2017	25 năm, 9 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	04/04/2006	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên MN hạng III	
31	Nguyễn Thị	Hằng		27/02/1985	Giáo viên	TH Bột Xuyên	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	26/07/2006	x	B	x	x
32	Vũ Thị Thu	Hà		07/07/1988	Giáo viên	TH Bột Xuyên	15/10/2012	15/04/2013	11/04/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	13/07/2012	x	B	x	x
33	Lê Thị	Thủy		17/03/1982	Giáo viên	TH Bột Xuyên	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	01/07/2003	x	B	x	x
34	Trần Thị	Luyến		24/03/1987	Giáo viên T.A	TH Bột Xuyên	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	26/01/2010	x	Pháp C	x	x
35	Trần Thị	Vui		03/09/1991	Giáo viên	TH Bột Xuyên	01/10/2014	01/04/2015	11/04/2017	4 năm, 10 tháng	2,26	V.07.03.09	CĐ	03/06/2013	x	B	x	x
36	Nguyễn Thị	Nương		11/04/1979	Giáo viên	TH Đại Hưng	07/09/2007	01/03/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	11/2009	x	A2	x	x
37	Nguyễn Thị	Cẩm		01/03/1978	Giáo viên	TH Đại Hưng	07/9/2007	06/03/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	08/2016	x	A2	x	x
38	Bùi Thị	Hà		02/11/1974	Giáo viên	TH Đại Hưng	25/09/1993	01/03/1995	11/4/2017	24 năm, 11 tháng		V.07.03.09	ĐH	04/2011	x	A2	x	x
39	Nguyễn Thị	Huế		30/10/1984	Giáo viên Tin học	TH Đại Hưng	01/12/2009	01/06/2010	11/4/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	07/2008	ĐH	B	x	x
40	Phạm Thị	Thành		15/10/1984	Giáo viên	TH Đại Hưng	30/12/2004	01/072005	11/4/2017	14 năm, 5 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	08/2012	x	A2	x	x
41	Nguyễn Viết	Diễn	29/11/1978		Giáo viên T.A	TH Đại Hưng	01/12/2009	01/06/2010	11/4/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	5/2016	x	Pháp C	x	x
42	Nguyễn Thị	Lan		14/4/1969	Giáo viên	TH Đại Nghĩa	2/12/95	31/6/1998	1/6/2018	21 năm 6 tháng	3.86	V.07.03.09	ĐH	2006	x	C	x	x
43	Nguyễn Thị	Hương		01/6/1987	Giáo viên	TH Đại Nghĩa	2/12/2009	24/9/2010	1/6/2018	9 năm, 5 tháng	2.66	V.07.03.09	ĐH	28/01/2019	x	B	x	x
44	Hoàng Văn	Thắng	02/2/1976		Giáo viên	TH Đốc Tín	11/05/2000	01/11/2000	11/04/2017	19 năm, 3 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	A2	x	x
45	Đỗ Thị Thanh	Hải		13/10/1983	Giáo viên	TH Đốc Tín	07/09/2007	23/06/2008	11/04/2017	11 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	8/2016	x	A2	x	x
46	Phạm Thị	Bình		05/09/1973	Giáo viên	TH Đồng Tâm	01/12/1992	01/05/1994	11/04/2017	25 năm, 9 tháng	4,06+8%	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên MN hạng III	
47	Phạm Thị Thủy	Dương		06/07/1984	Giáo viên	TH Đồng Tâm	07/09/2007	01/07/2008	11/04/2017	11 năm, 7 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	27/02/2014	x	A2	x	x
48	Nguyễn Bảo	Hường		16/11/1972	Giáo viên	TH Đồng Tâm	07/09/2008	06/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	A2	x	x
49	Dương Thị	Hậu		01/11/1977	Giáo viên	TH Đồng Tâm	07/09/2007	06/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	11/10/1999	x	A2	x	x
50	Phùng Văn	Long	22/12/1987		Giáo viên	TH Đồng Tâm	07/09/2007	06/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	27/02/2014	x	B	x	x
51	Mai Thị	Nhung		13/06/1988	Giáo viên	TH Đồng Tâm	25/09/2014	20/05/2015	11/04/2017	4 năm, 9 tháng	2,06	V.07.03.09	ĐH	26/08/2016	x	B	x	x
52	Bùi Văn	Mạnh	11/08/1989		Giáo viên	TH Đồng Tâm	03/09/2013		11/04/2017	120 năm, 1 tháng	2,06	V.07.03.09	ĐH	26/06/2013	x	B	x	x
53	Trần Thị	Thủy		12/10/1986	Giáo viên	TH Đồng Tâm	30/08/2009	01/03/2010	11/04/2017	9 năm, 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	26/02/2013	x	B	x	x
54	Bùi Văn	Tuấn	18/07/1988		Giáo viên	TH Hợp Tiến B	04/11/2011	01/5/2012	11/4/2017	7 năm, 9 tháng	2,46	V 07.03.09	ĐH	24/7/2015	x	B1	x	x
55	Bùi Đình	Lượng	28/4/1977		Giáo viên	TH Hợp Tiến B	01/9/2006	01/03/2007	11/4/2017	12 năm, 11 tháng	3,06	V 07.03.09	ĐH	02/4/2015	x	C	x	x
56	Nguyễn Thị	Tuyết		28/11/1978	Giáo viên	TH Hợp Tiến B	01/9/2007	01/03/2007	11/4/2017	12 năm, 11 tháng	3,06	V 07.03.09	ĐH	20/1/2006	x	C	X	x
57	Nguyễn Thị	Huế		20/10/1991	Giáo viên	TH Hợp Tiến B	15/10/2012	15/4/2013	11/4/2017	6 năm, 10 tháng	2.46	V 07.03.09	ĐH	26/8/2016	x	A2	x	x
58	Trần Thị	Bình		17/9/1989	Giáo viên	TH Hợp Tiến B	01/12/2013	01/6/2014	11/4/2017	5 năm, 8 tháng	2.26	V 07.03.09	ĐH	14/6/2012	x	A2	x	x
59	Đặng Thị	Ngàn		11/11/1980	Giáo viên	TH Hợp Tiến B	01/01/2002	01/4/2002	11/4/2017	17 năm, 10 tháng	3,66	V 07.03.09	ĐH	10/02/2011	x	A2	x	x
60	Trần Văn	Hiên	06/08/1970		Tổ phó -GV	TH Hồng Sơn	11/05/2000	11/11/2000	11/04/2017	19 năm, 3 tháng	3,66	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	A2	x	x
61	Trần Văn	Khiết	20/12/1972		Giáo viên	TH Hồng Sơn	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	15/02/2005	x	A2	x	x
62	Bùi Thị	Thủy		21/06/1976	Giáo viên	TH Hồng Sơn	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	26/8/2016	x	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên MN hạng III	
63	Đặng Thị	Loan		02/03/1978	Tổ phó -GV	TH Hồng Sơn	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	26/8/2016	x	C	x	x
64	Nguyễn Thị	Đoàn		10/10/1983	Giáo viên	TH Hồng Sơn	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	25/06/2007	x	C	x	x
65	Lê Thị Hồng	Phương		01/04/1980	Giáo viên	TH Hồng Sơn	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	20/8/2002	x	C	x	x
66	Nguyễn Ngọc	Tuyên	21/01/1984		Giáo viên	TH Hồng Sơn	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	02/10/2017	x	C	x	x
67	Nguyễn Hữu	Tiệp	21/06/1985		Giáo viên	TH Hồng Sơn	15/09/2014	15/03/2015	11/04/2017	4 năm, 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	1/2019	x	C	x	x
68	Vương Thị	Nga		30/06/1976	Giáo viên T.A	TH Hồng Sơn	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	5/2018	x	Pháp B	x	x
69	Lê Việt	Đức	07/09/1986		Giáo viên	TH Hợp Thanh A	01/12/2009	01/06/2010	11/4/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V07.03.09	CĐ	09/12/2008	x	B	x	x
70	Lê Thị Thanh	Thủy		25/05/1984	Giáo viên	TH Hợp Thanh A	27/9/2006	1/4/2007	11/4/2017	12 năm, 10 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	2/10/2017	x	A2	x	x
71	Trần Thị	Nhung		04/08/1987	Giáo viên	TH Hợp Thanh A	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V07.03.09	CĐ	28/07/2008	x	C	x	x
72	Nguyễn Tiến	Nhật	20/9/1976		Tổ trưởng - CTCĐ	TH Hợp Thanh B	7/9/2007	7/3/2008	7/9/2007	11 năm, 11 tháng	3,06	V070309	CĐ	20/8/2002	x	B	x	x
73	Lê Văn	Phương	24/8/1991		Giáo viên	TH Hợp Thanh B	1/1/2016	1/7/2016	1/7/2016	3 năm, 7 tháng	2,06	V070309	ĐH	23/5/2014	x	B	x	x
74	Vũ Thị	Thư		28/11/1987	Giáo viên	TH Hợp Thanh B	2/12/2009	1/6/2010	2/12/2009	9 năm, 8 tháng	2,46	V070309	CĐ	22/6/2009	x	C	x	x
75	Nguyễn Thị	Lĩnh		03/09/ 1973	Giáo viên	TH Hương Sơn A	22/11/1996	15/02/1999	11/04/2017	21 năm, 0 tháng	3,86	V.07.03.09	CĐ	10/01/2006	x	C	x	x
76	Lê Thị	Lai		05/02/1967	Giáo viên	TH Hương Sơn A	25/11/1989	01/04/1992	11/04/2017	27 năm, 10 tháng	4,06 vượt khung 9%	V.07.03.09	CĐ	10/01/2007	x	C	x	x
77	Nguyễn Thị	Sinh		28/08/ 1977	Giáo viên	TH Hương Sơn A	01/01/2005	01/07/2005	11/04/2017	14 năm, 7 tháng	3,26	V.07.03.09	CĐ	10/01/2008	x	C	x	x
78	Trần Thị	Hoa		16/06/1974	Giáo viên	TH Hương Sơn A	16/11/1994	15/08/1996	11/04/2017	23 năm, 6 tháng	4,06	v.07.03.09	ĐH	04/03/2015	x	C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên MN hạng III	
79	Lại Thị Thanh	Ngân		02/07/ 1987	Giáo viên Tin học	TH Hương Sơn A	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	28/03/2013	ĐH	A2	x	x
80	Nguyễn Thị Hà	Giang		13/04/ 1986	Giáo viên	TH Hương Sơn A	01/01/2016	04/07/2016	.04/07/2016	3 năm, 7 tháng	2,06	V.07.03.09	CĐ	10/08/2009	x	C	x	x
81	Bùi Phương	Thảo		17/10/1988	Giáo viên	TH Hương Sơn B	01/10/2011	01/04/2012	11/04/2017	7 năm, 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	20/06/2011	ĐH	B1	x	x
82	Phạm Thị	Loan		01/08/1988	Giáo viên	TH Hương Sơn B	01/10/2011	01/04/2012	11/04/2017	7 năm, 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	20/06/2011	ĐH	B	x	x
83	Đồng Thị Kim	Thu		12/03/1974	Giáo viên T.A	TH Hương Sơn B	02/12/2009	02/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	20/03/1997	x	Pháp C	x	x
84	Đặng Kim	Tuyến		08/08/1977	Tổ trưởng-GV	TH Hương Sơn C	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B	x	x
85	Lê Thị Hồng	Phượng		04/02/1989	Giáo viên Tin học	TH Hương Sơn C	15/10/2012	15/04/2013	11/04/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	04/08/2010	CĐ	A2	x	x
86	Vương Thị	Hạnh		02/12/1987	Tổ phó -GV	TH Hương Sơn C	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	28/01/2019	x	B	x	x
87	Đặng Thị	Liên		06/08/1972	Giáo viên	TH Lê Thanh B	01/10/1996	10/1997	04/2017	22 năm, 4 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	05/11/2009	x	C	x	x
88	Lê Văn	Tâm	27/10/1976		Giáo viên	TH Lê Thanh B	27/09/2007	03/2008	04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	23/06/2008	x	C	x	x
89	Bạch Thị	Hằng		26/05/1976	Giáo viên	TH Lê Thanh B	07/09/2007	03/2008	04/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	26/08/2016	x	A2	x	x
90	Phạm Thị	Hằng		01/04/1987	Giáo viên	TH Lê Thanh B	15/03/2015	03/2015	04/2017	4 năm, 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	28/01/2019	x	C	x	x
91	Đặng Thị Hồng	Hạnh		02/08/1977	Giáo viên Tin học	TH Lê Thanh B	02/12/2009	06/2010	04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	20/12/1999	CĐ	C	x	x
92	Trần Thị	Loan		02/11/1976	Giáo viên T.A	TH Lê Thanh B	01/12/2009	06/2010	04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	17/08/2011	x	Pháp B1	x	x
93	Nguyễn Thành	Trung	21/10/1982		Giáo viên Tin học	TH Mỹ Thành	01/12/2009	01/6/2010	11/4/2017	9 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/2012	ĐH	C	x	x
94	Nguyễn Thị Thu	Hoài		27913	Giáo viên	TH Mỹ Thành	2/12/1996	15/8/1997	11/4/2017	22 năm, 6 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B, A2,C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CBNN giáo viên MN hạng III	
95	Đinh Thị Thu	Oanh		16/8/1974	Giáo viên	TH Mỹ Thành	1/3/1993	1/3/1995	11/4/2017	24 năm, 11 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B,A2	x	x
96	Đào Thị Lan	Hương		28041	Giáo viên	TH Mỹ Thành	7/9/2007	23/6/2008	11/04/2017	11 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	C	x	x
97	Nguyễn Thị	Nguyệt		14/11/1988	Giáo viên	TH Mỹ Thành	01/12/2009	01/6/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	7/2014	x	C	x	x
98	Đào Kim	Quý		27002	Giáo viên	TH Mỹ Thành	7/9/2007	23/6/2007	11/04/2017	12 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
99	Lê Thị	Bích		28339	Giáo viên	TH Mỹ Thành	7/9/2007	23/6/2008	11/04/2017	11 năm, 8 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
100	Nguyễn Thị	Thư		28/8/1988	Giáo viên	TH Mỹ Thành	01/9/2008	01/03/2009	11/4/2017	10 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	8/2014	x	B,C	x	x
101	Kim	Dung		15/09/1985	Giáo viên	TH Phù Lưu Tế	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	06/2015	x	A2	x	x
102	Dự Thị	Yến		15/08/1982	Giáo viên	TH Phù Lưu Tế	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	08/2016	x	B	x	x
103	Nguyễn Thị Kim	Tân		06/12/1983	Giáo viên	TH Phù Lưu Tế	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	06/2006	x	B	x	x
104	Nguyễn Thị Thúy	Hồng		10/01/1986	Giáo viên	TH Phù Lưu Tế	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	08/2012	x	C	x	x
105	Phạm Kim	Thu		08/10/1977	Giáo viên	TH Phù Lưu Tế	07/09/2007	06/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2.86	V.07.03.09	ĐH	10/2003	x	A2	x	x
106	Nguyễn Thị Kim	Chi		09/02/1972	Giáo viên	TH Phù Lưu Tế	26/09/1991	30/06/1993	11/04/2017	26 năm, 7 tháng	4,06	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	A2	x	x
107	Đỗ Thị Ngọc	Lan		07/01/1986	Giáo viên	TH Phù Lưu Tế	25/08/2006	01/04/2007	11/04/2017	12 năm, 10 tháng	3.06	V.07.03.09	ĐH	08/2012	x	C	x	x
108	Nguyễn Duy	Thịnh	07/10/1981		Giáo viên	TH Phù Lưu Tế	01/01/2016	01/07/2016	08/09/2016	3 năm, 7 tháng	2,06	V.07.03.09	ĐH	04/2010	x	A2	x	x
109	Nguyễn Thị	Thảo		27/07/1987	Giáo viên T.A	TH Phù Lưu Tế	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	08/2011	x	Pháp C	x	x
110	Nguyễn Thị	Quỳnh		17/12/1987	Giáo viên	TH Phù Lưu Tế	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	09/2011	ĐH	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên MN hạng III	
111	Vũ Đức	Mây	'15/08/1976		Phó hiệu trưởng	TH Phúc Lâm	07/09/2005	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	A2	x	x
112	Cao Thị Bích	Thủy		'25/11/1974	Phó hiệu trưởng	TH Phúc Lâm	16/11/1994	01/03/1996	11/04/2017	23 năm, 11 tháng	4,06	V.07.03.09	CĐ	10/01/2006	x	A2	x	x
113	Cao Thị Thanh	Thủy		'05/05/1972	Giáo viên	TH Phúc Lâm	10/11/2002	01/06/2003	11/04/2017	16 năm, 8 tháng	3,46	V.07.03.09	CĐ	10/01/2006	x	B	x	x
114	Nguyễn Thị	Hiện		'01/10/1972	Giáo viên	TH Phúc Lâm	10/11/2002	01/06/2003	11/04/2017	16 năm, 8 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B	x	x
115	Nguyễn Thị	Chung		'14/09/1977	Giáo viên	TH Phúc Lâm	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	10/01/2006	x	A2	x	x
116	Hồ Thị	Bằng		'03/10/1977	Giáo viên	TH Phúc Lâm	10/11/2002	01/06/2003	11/04/2017	16 năm, 8 tháng	3,46	V.07.03.09	CĐ	10/01/2006	x	B	x	x
117	Ngô Thị	Gấm		'10/02/1983	Giáo viên Tin học	TH Phúc Lâm	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	20/07/2006	CĐ	B	x	x
118	Nguyễn Thị Thu	Hương		'15/11/1978	Giáo viên T.A	TH Phúc Lâm	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	17/02/2004	x	Pháp C	x	x
119	Lê Thị Thu	Hương		'02/12/1987	Giáo viên	TH Phúc Lâm	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	29/04/2010	x	B	x	x
120	Nguyễn Công	Tâm	'10/02/1979		Giáo viên	TH Phúc Lâm	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	20/08/2002	x	B	x	x
121	Nguyễn Thị	Hương		'20/09/1974	Giáo viên	TH Phúc Lâm	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	10/01/2006	x	B	x	x
122	Lê Thị Minh	Tâm		'18/10/1971	Giáo viên	TH Phúc Lâm	26/09/1991	01/05/1992	11/04/2017	27 năm, 9 tháng	4,06 VK8%	V.07.03.09	CĐ	10/01/2006	x	B	x	x
123	Nguyễn Thị Hồng	Sinh		'02/05/1979	Giáo viên	TH Phúc Lâm	30/12/2004	30/06/2005	11/04/2017	14 năm, 7 tháng	3,26	V.07.03.09	CĐ	19/08/2003	x	B	x	x
124	Nguyễn Thị Vân	Anh		'20/09/1970	Giáo viên	TH Phúc Lâm	10/11/1989	10/11/1989	11/04/2017	30 năm, 3 tháng	4,06 VK 9%	V.07.03.09	CĐ	10/01/2006	x	B	x	x
125	Lê Đức	Thụ	'25/05/1979		Giáo viên	TH Phúc Lâm	30/12/2004	30/06/2005	11/04/2017	14 năm, 7 tháng	3,26	V.07.03.09	ĐH	02/10/2007	x	B	x	x
126	Lê Thị Thu	Hằng		'20/01/1977	Giáo viên	TH Phúc Lâm	07/09/2007	23/06/2008	11/04/2017	11 năm, 8 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên MN hạng III	
127	Nguyễn Mạnh	Quyết	10/06/1976		Giáo viên	TH Tế Tiêu	16/12/2002	15/07/2003	11/04/2017	16 năm, 7 tháng	3,46	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B	x	x
128	Nguyễn Thị Thanh	Tân		30/05/1979	Giáo viên	TH Tế Tiêu	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	30/8/2000	x	B	x	x
129	Nguyễn Thị Hải	Yến		29/04/1987	Giáo viên	TH Tế Tiêu	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	31/10/2014	x	B	x	x
130	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		09/11/1987	Giáo viên	TH Tế Tiêu	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	25/12/2011	x	B	x	x
131	Nguyễn Thị Hoài	Thu		24/08/1988	Giáo viên	TH Tế Tiêu	01/12/2010	01/06/2011	11/04/2017	8 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	02/10/2017	x	B	x	x
132	Đinh Thanh	Phương		6/6/1977	Tổ trưởng-GV	TH Tuy Lai A	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	8/2016	x	B1	x	x
133	Đào Thị	Xiêm		18/10/1979	Tổ phó -GV	TH Tuy Lai A	01/08/2002	01/02/2003	11/04/2017	17 năm, 0 tháng	3,46	V.07.03.09	CĐ	5/2010	x	B	x	x
134	Nguyễn Thị	Hường		31/5/1974	Giáo viên	TH Tuy Lai A	15/08/1997	01/07/1999	11/04/2017	20 năm, 7 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	4/2006	x	B	x	x
135	Nguyễn Văn	Khoa	01/07/1977		Giáo viên	TH Tuy Lai A	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	8/2000	CĐ	B	x	x
136	Nguyễn Hữu	Hanh	9/7/1977		Giáo viên	TH Tuy Lai A	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/2005	x	B	x	x
137	Nguyễn Thị Kim	Ba		03/9/1977	Giáo viên	TH Tuy Lai A	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐSPTH	8/2000	x	A2	x	x
138	Bùi Thị	Phương		8/11/1987	Giáo viên	TH Tuy Lai A	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSPMT	8/2012	x	A2	x	x
139	Phùng Thị	Thu		10/10/1985	Giáo viên	TH Tuy Lai A	01/10/2010	01/04/2011	11/04/2017	8 năm, 10 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHSPTH	7/2015	x	A2	x	x
140	Nguyễn Thị	Phấn		01/11/1987	Giáo viên	TH Tuy Lai A	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSPAN	10/2017	x	B	x	x
141	Nguyễn Thị	Thắm		01/01/1967	Tổ phó -GV	TH Tuy Lai A	29/12/1986	01/01/1989	11/04/2017	31 năm, 1 tháng	4,466	V.07.03.09	ĐHSPTH	10/2005	x	A2	x	x
142	Nguyễn Thị	Tuyết		14/09/1982	Giáo viên	TH Tuy Lai A	01/01/2011	01/7/2011	11/04/2017	8 năm, 7 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐHSPAN	10/2017	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên MN hạng III	
143	Bùi Văn	Hải	01/10/1986		Giáo viên	TH Tuy Lai A	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHSP TD	07/2007	x	B	x	x
144	Nguyễn Thị	Huế		5/6/1976	Giáo viên	TH Tuy Lai B	1/9/1997	1/12/1997	11/4/2017	22 năm, 2 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐHTH	1/7/2014	x	A2	x	x
145	Dương Thị	Dung		14/8/1977	Giáo viên	TH Tuy Lai B	7/9/2007	1/3/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHTH	22/10/3003	x	A2	x	x
146	Nguyễn Thị Hồng	Thủy		10/11/1977	Giáo viên	TH Tuy Lai B	7/9/2007	1/7/2008	11/4/2017	11 năm, 7 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHTH	26/8/2016	x	A2	x	x
147	Mai Thị	Phượng		13/10/1991	Giáo viên	TH Tuy Lai B	4/11/2011	1/5/2012	11/4/2017	7 năm 7 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐHTH	29/8/2014	x	A2	x	x
148	Đinh Hồng	Phong	26/12/1982		Giáo viên	TH Tuy Lai B	7/9/2007	1/3/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐHTD	29/7/2014	x	A2	x	x
149	Nguyễn Thị	Tâm		4/1/1982	Giáo viên	TH Tuy Lai B	1/12/2009	1/6/2010	11/4/2017	9 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐMT	15/11/2016	x	A2	x	x
150	Nguyễn Văn	Chức	09/6/1974		Phó hiệu trưởng	TH Thượng Lâm	28/08/1996	01/03/1998	11/4/2017	21 năm, 11 tháng	3,86	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	B	x	x
151	Nguyễn Thị Thanh	Nga		14/5/1985	Giáo viên	TH Thượng Lâm	27/9/2006	01/4/2007	11/4/2017	12 năm, 10 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	8/8/2012	x	A2	x	x
152	Nguyễn Văn	Đông	29/8/1980		Giáo viên	TH Thượng Lâm	07/09/2007	01/03/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	14/7/2004	x	B	x	x
153	Bạch Thị	Luân		10/8/1976	Giáo viên	TH Thượng Lâm	07/09/2007	01/3/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	04/04/2006	x	B	x	x
154	Đặng Thị	Thêu		13/5/1977	Giáo viên	TH Thượng Lâm	07/9/2007	01/3/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	01/02/1999	x	B	x	x
155	Lê Thị	Hằng		02/01/1981	Giáo viên	TH Thượng Lâm	01/9/2008	01/3/2009	11/4/2017	10 năm, 11 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	24/7/2015	x	B	x	x
156	Bùi Thị	Nhài		18/02/1990	Giáo viên	TH Thượng Lâm	18/10/2012	18/10/2013	27/3/2017	6 năm, 4 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	08/3/2013	x	B	x	x
157	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		18/8/1984	Giáo viên	TH Thượng Lâm	25/9/2014	20/5/2015	11/4/2017	4 năm, 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	28/01/2019	x	B	x	x
158	Nguyễn Chí	Thanh	18/08/1975		GVVH-TPTĐ	TH Vạn Kim	29/08/1997	12/06/1999	11/04/2017	20 năm, 8 tháng	3,86	V.07. 03.09	ĐH	06/10/2008	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên MN hạng III	
159	Đinh Thị	Hoa		15/10/1987	Giáo viên Tin học	TH Vạn Kim	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	24/05/2011	ĐH	A2	x	x
160	Ứng Thị	Thủy		12/02/1988	Giáo viên	TH Vạn Kim	01/10/2010	01/04/2011	11/04/2017	8 năm, 10 tháng	2,66	V.07. 03.9	ĐH	19/06/2017	x	B	x	x
161	Đỗ Thị	Phương		02/09/1985	Giáo viên	TH Vạn Kim	01/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	10/07/2017	x	A2	x	x
162	Nguyễn Thị	Hồng		07/01/1971	Giáo viên	TH Xuy Xá	07/09/2007	23/06/2008	11/04/2017	11 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	26/08/2016	x	A2	x	x
163	Nguyễn Thị	Nam		20/03/1975	Giáo viên	TH Xuy Xá	07/09/2007	23/06/2008	11/04/2017	11 năm, 8 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	26/08/2016	x	A2	x	x
164	Đỗ Thị	Huyền		29/09/1976	Giáo viên	TH Xuy Xá	07/09/2007	23/06/2008	11/04/2017	11 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	26/08/2016	x	A2	x	x
165	Trần Thị	Loan		19/10/1985	Giáo viên	TH Xuy Xá	27/09/2006	23/11/2007	11/04/2017	12 năm, 3 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	27/02/2014	x	A2	x	x
166	Nguyễn Cao	Cường	23/03/1982		Giáo viên	TH Xuy Xá	01/02/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	15/01/2009	x	B	x	x
167	Nguyễn Thị	Huệ		16/02/1986	Giáo viên	TH Phùng xá	07/09/2007	01/03/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	08/08/2012	x	A2	x	x
168	Đỗ Thị	Hiên		1/10/1980	Giáo viên	TH Phùng Xá	01/01/2005	01/07/2005	11/4/2017	14 năm, 7 tháng	3.06	V.07.03.09	CĐ	18/09/2002	x	A2	x	x
169	Nguyễn Thị	Chính		27/12/1975	Giáo viên	TH Phùng Xá	29/12/2000	01/7/2001	11/4/2017	18 năm, 7 tháng	3,66	V.07.03.09	CĐ	10/01/2006	x	A2	x	x
170	Nguyễn Thị	Huệ		09/01/1973	Giáo viên	TH Phùng Xá	07/09/2007	01/03/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	05/09/2003	x	A2	x	x
171	Nguyễn Quang	Bình	03/12/1970		Giáo viên	TH Phùng Xá	07/09/2007	01/03/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	05/09/2003	x	A2	x	x
172	Nguyễn Thị	Phương		01/09/1974	Giáo viên	TH Phùng Xá	07/09/2007	01/03/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐSP	10/09/1998	x	A2	x	x
173	Nguyễn Thị	Hiền		28/09/1978	Giáo viên	TH Phùng Xá	07/09/2007	01/03/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	26/08/2016	x	A2	x	x
174	Hoàng Thị	Ngoan		14/09/1987	Giáo viên T.A	TH Phùng Xá	01/12/2009	01/06/2010	11/4/2017	9 năm, 8 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	28/07/2008	x	Pháp C	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên MN hạng III	
175	Hoàng Thị	Quyên		30/11/1979	Giáo viên T.A	TH Phùng Xá	01/12/2009	01/06/2010	11/4/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	30/8/2001	x	Pháp C	x	x
176	Nguyễn Thị Bích	Vân		18/06/1985	Giáo viên Tin học	TH Phùng Xá	01/12/2009	01/06/2010	11/4/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	20/07/2008	ĐH	A2	x	x
177	Nguyễn Thị Ngọc	Lệ		26/03/1986	Giáo viên	TH Phùng Xá	10/10/2011	10/04/2012	11/4/2017	7 năm, 10 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	26/08/2016	x	A2	x	x
178	Bạch Thị	Hường		20/07/1987	Giáo viên	TH Phùng Xá	04/11/2011	01/05/2012	11/4/2017	7 năm, 9 tháng	2,46	V.07.03.09	ĐH	11/07/2017	x	A2	x	x
179	Nguyễn Thị Hương	Tháo		10/09/1983	Giáo viên	TH Phùng Xá	01/12/2006	01/04/2007	11/4/2017	12 năm, 10 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	02/01/2015	x	A2	x	x
180	Lê Thị	Hồng		02/04/1978	Giáo viên	TH Lê Thanh A	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	26/08/2016	x	A2	x	x
181	Nguyễn Thị	Huyên		14/10/1977	Giáo viên	TH Lê Thanh A	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	26/08/2016	x	A2	x	x
182	Mai Lan	Anh		01/04/1984	Giáo viên	TH Lê Thanh A	31/10/2005	14/05/2006	11/04/2017	13 năm, 9 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	27/02/2014	x	A2	x	x
183	Phạm Gia	Thực	10/07/1983		Giáo viên	TH Lê Thanh A	31/10/2005	15/05/2006	11/04/2017	13 năm, 9 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	27/02/2014	x	A2	x	x
184	Phạm Trọng	Hải	25/07/1986		Giáo viên	TH Lê Thanh A	01/12/2010	01/06/2011	11/04/2017	8 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	28/01/2019	x	B	x	x
185	Nguyễn Thị	Nga		07/04/1989	Giáo viên	TH Lê Thanh A	18/10/2012	18/04/2013	11/04/2017	6 năm, 10 tháng	2,46	V.07.03.09	CĐ	20/7/2011	x	A2	x	x
186	Phạm Thị	Hương		11/08/1979	Giáo viên T.A	TH Lê Thanh A	02/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	17/05/2007	TC	Pháp C	x	x
187	Nguyễn Thị	Hoa		14/08/1983	Giáo viên	TH Lê Thanh A	02/12/2009	01/06/2010	11/04/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	20/07/2006	CĐ	A2	x	x
188	Phạm Thị	Hồng		24/10/1990	Giáo viên	TH Lê Thanh A	15/09/2014	15/03/2015	11/04/2017	4 năm, 11 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	16/05/2013	x	B	x	x
189	Đỗ Thị Thúy	Hậu		11/06/1979	Giáo viên	TH Hùng Tiến	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	CĐ	30/08/2000	x	C	x	x
190	Đinh Thị	Hường		20/09/1977	Giáo viên	TH Hùng Tiến	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/10/2005	x	A2	x	x

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ/ chức danh công tác	Tên trường	Thời điểm được tuyển dụng (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm chính thức vào viên chức (ngày/ tháng/ năm)	Thời điểm được bổ nhiệm vào hạng đang giữ (ngày/ tháng/ năm)	Thời gian giữ hạng (số năm số tháng, kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích trong quá trình công tác (CSTĐCS, GVDG cấp huyện trở lên)
			Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Thời điểm được cấp bằng chuyên ngành phù hợp (tháng/ năm)	Đủ tiêu chuẩn, ĐK về trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên MN hạng III	
191	Nguyễn Thị	Hằng		23/10/1985	Giáo viên	TH Hùng Tiến	07/09/2007	01/03/2008	11/04/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	27/02/2014	x	B	x	x
192	Nguyễn Văn	Hịu	12/02/1989		Giáo viên	TH Hợp Tiến A	15/02/2012	15/02/2013	18/10/2016	7 năm, 0 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	8/2015	x	B	x	x
193	Nguyễn Thị	Hà		06/06/1976	Giáo viên	TH Hợp Tiến A	06/3/2007	06/3/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	CĐ	20/10/2000	x	A2	x	x
194	Nguyễn Hải	Yến		18/07/1979	Giáo viên	TH Hợp Tiến A	06/3/2007	06/3/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	6/2015	x	A2	x	x
195	Đỗ Thị Thanh	Xuân		30/08/1979	Giáo viên	TH Hợp Tiến A	06/3/2007	06/3/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	3,06	V.07.03.09	ĐH	05/11/2009	x	A2	x	x
196	Nguyễn Thế	Nam	16/08/1975		Giáo viên	TH Hợp Tiến A	06/3/2007	06/3/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	10/6/2004	x	A2	x	x
197	Nguyễn Ngọc	Minh	10/09/1986		Giáo viên	TH Hợp Tiến A	06/3/2007	06/3/2008	11/4/2017	11 năm, 11 tháng	2,86	V.07.03.09	ĐH	20/4/2012	x	A2	x	x
198	Phạm Thị	Hiền		25/6/1993	Giáo viên	TH Hợp Tiến A	01/4/2014	01/4/2015	11/4/2017	4 năm, 10 tháng	2,26	V.07.03.09	ĐH	30/6/2014	x	B	x	x
199	Hoàng T Thu	Hương		19/03/1988	Giáo viên	TH Hợp Tiến A	01/6/2009	01/6/2010	11/4/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	CĐ	31/7/2009	x	A2	x	x
200	Hà Thị	Ánh		19/07/1987	Giáo viên Tin học	TH Hợp Tiến A	01/6/2009	01/6/2010	11/4/2017	9 năm, 8 tháng	2,66	V.07.03.09	ĐH	3/2013	ĐH	C	x	x

Danh sách này gồm có: 200 người.